

Truyện ngắn KHÁNH TRƯỜNG

Tập 2

Truyện ngắn KHÁNH TRƯỜNG

Tập 2



NHÂN ẢNH 2016

Truyện ngắn KHÁNH TRƯỜNG

Tập 2

Nhà xuất bản: Nhân Ảnh

Trình bày bìa: Khánh Trường

Phục hồi & sửa bản in: Lê Hân & Tạ Quốc Quang

Kỹ thuật: Tạ Quốc Quang

Copyright © Nhân Ảnh & Khánh Trường

ISBN: 978-1537054346

MỤC LỤC

Phòng Số 3164	9
Cuốn Nhật Ký	29
Đụ Má Nó, Cuộc Đời	59
Tình Yêu	89
Đôi Mắt	107
Biển Cỏ Trong Rừng Tràm	123
Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng	155
Dưới Sâu, Biển	179
Những Bàn Tay Đẹp	199
Cũng Chẳng Có Gì Quan Trọng	217
Trái Bóng	241
Đêm Ngày Một Cối	267
Những Tờ Bạc	285
Thảm Cỏ Nát Trong Khu Vườn Hoang	303
Vết Roi Đầu Tiên	325

PHỤ LỤC

Đỗ Lê Anh Đào: Nói chuyện với nhà văn / họa sĩ Khánh Trường	353
Phùng Nguyễn: Một chặng đường Hợp Lưu	369
Lê Quỳnh Mai: Tác giả, với chúng ta họa sĩ/ nhà văn Khánh Trường	395

(Xem tiếp trang sau)

MỤC LỤC

(tiếp theo)

Triển lãm hội họa - Art exhibition:	433
PHỤC SINH - Resurrection (1996)	435
Đặng Phú Phong: Khánh Trường và... Phục sinh	451
 ĐÁO BỈ NGẠN - Crossing to the other shore (2002)	455
Deepa Bharath: His need to paint is stronger than any stroke	497
Phan Tấn Hải: Tranh Khánh Trường - Nét Vẽ Chân Phương Thiền Ý	511
Hồ Huân Cao: Khánh Trường, “Đáo Bỉ Ngạn” hay, một trường hợp rũ sạch, thăng hoa kỳ diệu qua màu sắc?	519
Đinh Cường: Khánh Trường, Sức Mạnh Của Im Lặng	525
 CÔI TỊNH - (Pureland) 2015	531
Nguyễn Giác: Họa Sĩ Khánh Trường 2015 - Nét Vẽ Đất Tinh Khiết	535

PHÒNG SỐ 3164

Từ cửa sổ trên tầng thứ ba mươi của cao ốc nhìn xuống, đại lộ phía dưới như một mô hình với ngồn ngang xe cộ trông giống loại đồ chơi bằng nhựa, hoặc kim loại thường thấy trong các Toy store, trôi chậm chạp, lặng lẽ. Cửa sổ giát kính dày, căn phòng ở quá cao, nên mọi tiếng động ồn ào của đường phố hoàn toàn bị cách ly. Căn phòng im ắng đến nghe rõ tiếng rì rào rất nhỏ của chiếc tủ lạnh.

Gần trọn buổi sáng, Trúc đứng cạnh cửa sổ, nhìn xuống. Nếu từ chỗ đứng này, mở rộng khuôn kính và lao ra... Trong mấy giây ngắn ngủi rơi từ bậu cửa đến mặt đất, thân thể Trúc sẽ thế nào? Nhẹ tênh? Và điều gì sẽ xảy ra trong não bộ nàng? Kinh hoàng, hối hận? Cả ngày hôm nay, hết ra lại vào, hết nằm lại ngồi, hết nhìn trần trời xuống chiều sâu hun hút của lòng đường, lại vật vờ vùi mặt vào gối. Nàng hiểu, nếu đủ cam đảm thực hiện điều đang nghĩ, thì mọi vấn đề sẽ chỉ là con số không. Sẽ chấm hết. Nhưng làm sao để có được cái

can đảm đó? Trúc thờ dài. Xem thế, từ ý nghĩ đến quyết định, con đường đâu phải giản dị, ngắn cụt.

Nhưng mà, phải chọn lựa thôi, không thể khác hơn được.

Trúc thu hết can đảm, cố gắng đưa tay kéo cửa kính, bàn tay run bần. Gió ào ào cuốn vào, mang theo hơi lạnh buốt giá, tóc Trúc bay rối về phía sau. Nàng nhắm nghiền mắt, run rẩy chạm tay vào thành cửa, run rẩy leo lên, và nghiêng rặng phóng ra.

Phóng ra. Thân thể Trúc, đúng như dự đoán, nhẹ hẫng. Gió thổi vù vù chung quanh, hai tai ù nhức, người lạnh tê. Nàng rơi, rơi... như một chiếc lá, nhẹ nhàng, phơi phới. Khác với tưởng tượng, đầu óc Trúc trở nên minh mẫn lạ thường, nàng bình tĩnh chờ đợi phút thân thể va chạm với mặt đất. Chắc chắn sẽ không kịp cảm nhận được gì hết, chỉ một phần mùi của giấy, nẩy lên, lăn vài vòng, hay có thể sẽ nằm im ngay tại chỗ, và như thế, chấm hết.

Nhưng lạ quá, sao nàng vẫn rơi, rơi, rơi mãi, mặt đất lẽ ra đã đón nàng rồi chứ. Trúc ngạc nhiên mở bừng mắt.

Ngạc nhiên hơn nữa, Trúc không rơi, trái lại, nàng đang bay, bay lên, bay lên, càng lúc càng cao, vượt quá chiều cao của tòa cao ốc từ lâu. Bây giờ, lòng đường không còn như một mô hình, lòng đường đã là một sợi chỉ nhỏ nhập nhòa, hư ảo. Nàng tiếp tục bay, cao, cao, cao mãi, nhập vào giải mây trắng, và thân thể nàng cũng hình như đang tan loãng, thành mây. Trúc hoang mang tột độ, sự việc hoàn toàn xảy ra ngoài dự kiến, như một giấc mơ.

Nhưng nàng đâu có mơ!

Mọi chuyện đã được sắp xếp từ ba bữa nay, ý định đã được nuôi dưỡng, cân nhắc, suy tính cặn kẽ. Tiền nhà tháng này nàng đã thanh toán, kèm theo miếng giấy nhỏ báo tin sẽ trả phòng vào cuối tháng; những tấm bill điện, nước, bảo hiểm, nợ trả góp, tất cả đã được nàng ký mail cẩn thận. Và thư cho những người thân, cho Toàn cũng đã được nàng bỏ vào phong bì, xếp ngay ngắn trên mặt bàn trang điểm. Trước khi trèo lên bậc cửa sổ, Trúc còn đủ bình tĩnh quay đầu nhìn lại lần cuối căn phòng, xấp thư vẫn nằm nguyên vị trí, Trúc còn đọc được tên của Toàn trên bao thư do chính tay nàng nắn nót, bằng loại viết ni thường dùng. Tính nàng vẫn thế, cái gì cũng cần phải minh bạch, rõ ràng. Nàng không muốn mang tiếng, dù, sẽ chẳng bao giờ, sau khi chết đi, nàng còn có cơ hội nghe thiên hạ bàn tán về mình.

Ta mơ chẳng? Trúc tự hỏi một lần nữa, nàng thử ngắt mạnh vào bắp tay, ta còn biết đau mà!

Bây giờ, thân thể Trúc nằm ngang trên một giải mây, cảnh thổ bên dưới đã hoàn toàn bị xóa mất, cảm giác lạnh lẽo cũng không còn, đầu óc Trúc dần dần trắng, sạch ra, nàng cảm thấy tâm hồn lâng lâng nhẹ nhàng, mọi vướng bận, khổ não suốt bao nhiêu ngày qua dường như đã lùi thật xa vào vùng nhập nhòa ký ức. Một niềm vui không rõ hình thù đang ngự trị trong đầu, Trúc chợt cười lớn, tiếng cười xuyên qua lớp mây trắng nõn, nổi trôi bèo bọt, vang âm lòng lộng.

Trúc tiếp tục bay...

Đã quen với vị thế hiện tại, bây giờ Trúc hoàn toàn chủ động, nàng có thể bay cao, bay ngang, hay hạ thấp như chim tùy ý. Tuyệt diệu hơn nữa, Trúc không cần phải sử dụng

đến hai tay để điều khiển thân thể. Ý nghĩ chỉ thoáng qua trong đầu, là diễn biến sẽ xảy ra tức thì. Khi phát hiện được điều này, Trúc vô cùng thích thú, nàng nhớ đến những cuốn chuyện thần thoại đã đọc thuở nhỏ, mình bây giờ hình như cũng là một nhân vật của thần thoại, có đủ mọi quyền năng siêu việt.

Nhưng ngoài khả năng bay được như chim, mình còn làm được những gì khác hơn?

Nếu mình có thể kéo ngược thời gian nhỉ?

Bao nhiêu năm lưu lạc, không có điều kiện trở lại quê xưa. Người mẹ thuở thiếu thời đã chết. Ngôi mộ trên ngọn đồi cát ven biển dãi dầu bao mưa nắng. Thư đưa em trai: “Mẹ sụt lở từ mấy năm nay, em muốn xây lại nhưng không có tiền, nếu chị dư dả hãy giúp em. Nhiều hôm đi thăm mẹ, nhìn nắm đất lè tè sắp ngang bằng mặt đất, em xót ruột quá”. Thùng quà nàng gởi về, bán ra có đủ để làm lại mộ cho mẹ? “Em nhớ chụp và gởi cho chị một tấm hình”. Nhưng đã bốn tháng rồi vẫn chưa nhận được thư đưa em trai. Mình tệ thật, lẽ ra nên gởi thêm. Và hình ảnh ngôi nhà nhỏ trong khu vườn rộng rợp bóng mát. Hàng rào dây bụt bao quanh. Cây ngô đồng to bằng hai vòng tay ôm cao vút đầu ngõ. Cái giếng đá sâu thăm thẳm, thành giếng phủ đầy rêu xanh. Cây dạ lý hương bên ngoài cửa sổ phòng ngủ thơm ngát giấc khuya. Ngoài hành lang, đôi chim hoàng anh suốt ngày riu rít trong chiếc lồng tre. Từ hành lang nhìn ra, vuông sân, lối đi trải sỏi trắng ngà, những bụi cúc nở hoa vàng ối hai bên vào những ngày cận tết. Góc tường bên trái, cây ổi cơm với nhánh cành tron láng dẻo dai. Những buổi trưa, không gian đầy ngập

tiếng ve râm ran, Trúc thường trèo lên chạng ba một nhánh lớn, ngồi vắt vẻo, vói tay hái những trái ổi xanh chỉ to hơn ngón chân cái một chút, nhai nhóp nhép, nheo mắt nhìn bãi cát vàng chói lọi dưới ánh nắng. Mặt biển xanh thẫm, mòm núi nhô ra từ bờ vịnh, màu đá nâu đen thấp thoáng giữa màu cỏ tranh vàng cháy. Một con đường chạy quanh co từ bờ vịnh lên đến đỉnh, chỗ có dãy nhà với mái tôn sáng chói của một đơn vị địa phương quân trấn đóng.

Ước gì được trở về lại ngôi nhà xưa.

Ý nghĩ chỉ mới lướt qua trong đầu, Trúc đã thấy thân thể mình bỗng như hụt hẫng, rồi nằng từ từ hạ thấp, hạ thấp. Và, ô kìa, loáng thoáng phía dưới, sau hàng rào dâm bụt xanh thẫm, là ngôi nhà nhỏ của nàng, ngôi nhà thiếu thời.

Trúc sung sướng bay nhanh tới, nằng lướt qua ngọn cây ngô đồng, sà xuống lối đi trải sỏi, những luống hoa cúc vẫn như ngày nào, nở rộ bao nhiêu đóa, vàng ối. Trúc đặt nhẹ đôi bàn chân trên mặt sỏi, chạy nhanh về phía hành lang, nơi mẹ nằng đang dang rộng hai tay, chờ.

Trúc sà vào lòng mẹ, những giọt nước mắt không thể cầm giữ cứ tuôn trào, những giọt nước mắt sung sướng. Bao nhiêu năm nay, chưa bao giờ Trúc được khóc một cách thỏa thuê như bây giờ. Bao nhiêu năm nay, một thân, một mình, nổi trôi lưu lạc xứ lạ quê người, nằng đã sống như thú hoang, phải tự chống chọi với môi trường khắc nghiệt, những bão giông, mưa nắng thất thường; những núi đồi ghềnh thác cheo leo... Bao nhiêu năm nay... Trúc ôm thật chặt vòng hông của mẹ, nằng thì thảo trong xúc động,

“Mẹ, mẹ ơi.”

“Ừ, mẹ đây, con của mẹ.”

Trúc ngược lên, nhìn sâu vào đôi mắt mẹ, đôi mắt vẫn tinh anh như ngày nào. Hình ảnh người mẹ của hai mươi năm trước, thuở Trúc mới lên ba, đang hiện diện trước mặt, và nàng có cảm tưởng cũng nhỏ lại, như xưa. Duy có điều, những suy nghĩ trong đầu nàng thì đã khác, đã là của một người từng bước qua tuổi trưởng thành từ lâu. Trúc nói,

“Thoáng chốc đã mười năm. Bao nhiêu dâu bể, mẹ nhỉ?”

Mẹ đưa tay chùi vệt nước mắt lăn dài trên má Trúc, cúi hôn lên vàng trán phẳng của nàng, giọng mẹ thoang thoang như gió,

“Hình như con không được vui. Chuyện gì đã đến với con?”

“Không, mẹ, con được gặp lại mẹ là hạnh phúc lắm rồi. Con đang rất vui mà mẹ.”

“Đừng giấu mẹ. Áo không mặc qua khỏi đầu đầu con. Bóng tối đầy ngập trong mắt con. Điều gì, nói mẹ nghe đi?”

“Mẹ ơi!”

“Nói đi con...”

Trúc vùi mặt vào ngực mẹ, lồng ngực thơm hương sữa từng nuôi nàng lớn khôn. Trúc lại ứa nước mắt,

“Mẹ ơi! Con khổ quá.”

Mẹ vuốt tóc Trúc, dỗ,

“Nào, hãy kể mẹ nghe.”

Kể mẹ nghe, kể mẹ nghe. Nhưng biết kể thế nào? Làm sao bày tỏ đủ với mẹ những đau đớn khôn cùng này?

Toàn ôn tồn: “Em hãy bình tĩnh nghe anh nói. Chuyện đâu còn có đó, em đừng làm rối lên như thế chẳng giải quyết được gì hết. Nửa năm yêu nhau, đã rất nhiều lần anh muốn thú thật với em, tất cả. Nhưng anh sợ. Anh sợ sẽ mất em. Anh yêu em, anh không muốn, hoàn toàn không muốn tình cảnh trái ngang này xảy đến cho chúng ta. Bây giờ, chuyện đã xảy ra, em phải giúp anh giải quyết.”

“Giải quyết? Cách nào? Anh đã lừa dối em. Tại sao anh không nói rõ sự thật trước khi đến với em? Bất cứ một người đàn ông có lương tri nào cũng hiểu rằng, hành động như thế, như anh đã với em, là trái với đạo lý làm người, là tàn nhẫn, là không thể chấp nhận. Chị ấy, cũng như em, là đàn bà, đàn bà với tất cả mọi thua yếu. Anh không thể nhẫn tâm biến bọn em thành những món đồ chơi, những món ăn cần phải đổi cho khỏi nhàm khẩu vị, những đôi giày đã vệt gót cần phải thay, những cái cà vạt đã lỗi thời cần phải ném vào sọt rác. Lỡ dở hết. Anh đã phá hoại đời em, anh đã chà đạp lên tấm lòng thủy chung của chị ấy. Anh là một người đàn ông tham lam, ích kỷ. Anh chỉ muốn làm đầy anh, anh chỉ muốn thỏa mãn cái thân xác đàn ông của anh. Anh quên một điều, làm người, cần phải có một tấm lòng, và một trái tim.”

“Trúc, đừng nặng lời với anh, em hiểu mà, anh yêu em!”

“Yêu, yêu, yêu. Bây giờ thì em hiểu hết. Phải, em hiểu mà. Yêu. Anh sử dụng tiếng yêu như một con vẹt, như một thói quen. Anh là một con đực, khi nhìn thấy con cái thì nước dãi ứa ra, rồi lập tức: Yêu. Anh là một thằng đàn ông nghiện xìke, khi nhìn thấy kim tiêm, ống chích là gan ruột còn cào, tay chân lẩy bẩy, rồi cuống quýt: yêu. Ngày xưa, khi đến với

chị ấy, anh cũng đã từng nói như thế, phải không? Và anh đã nói như thế với bao nhiêu người nữa, trước em? Anh không ngượng miệng sao?”

“Anh yêu em, thật mà. Anh không biết phải giải thích cách nào để em cảm thông. Trời ơi, anh khổ quá!”

“Anh khổ bằng em không? Sống ở đây, em bơ vơ, em cô đơn, em cần một điểm tựa. Em đã trao phó tất cả cho anh, bởi em tin anh. Tin rằng, anh là cây cao bóng cả em có thể bám vào mà đơm hoa kết trái, mà ngoi ra ánh sáng mặt trời. Bao nhiêu mơ ước, giờ đây bỗng chốc tan tành. Với anh, mọi chuyện rồi sẽ trở lại bình thường. Một hai tháng nữa, chị ấy qua, anh lại trở về, với chị ấy, với các con anh, gia đình sum họp. Còn em, em là ai? Một món ăn lạ, một bóng mát, một quán trọ dọc đường thiên lý. Khi trở lại mái ấm, những kỷ niệm, những bất ngờ đã gặp sẽ làm đời sống trở nên phong phú hơn. Hương xa mà. Hừ! Khổ, khổ, anh khổ thật ư? Anh khổ bằng em chứ? Em sẽ thế nào, mai đây? Nói đi, anh nói đi, tại sao anh im lặng? Em nói đúng quá phải không? Anh tàn nhẫn vô cùng. Anh không có trái tim, không có trái tim.”

“Trúc.”

“Đủ rồi, mọi chuyện đen trắng đã phân minh. Cũng tại em. Tại em quá dễ tin. Em là con nai con thỏ trước móng vuốt tinh khôn nhanh nhẹn của con cọp dữ; em là con nhái bén trước miệng lưỡi độc địa của loài rắn hổ mang; em là con sâu đo trước mỏ nhọn của con gà trống; em là mẩu tàn thuốc anh di nát dưới gót giày.”

“Trúc, mình còn có thể giải quyết được mà, em hãy bình

tĩnh, em đừng nói nhiều, đa ngôn đa quá. Trước đây em đâu có thế. Em hiền lành dễ thương lắm mà.”

“Em phải bình tĩnh, em phải nhẫn nhục, em phải chịu đựng, em phải hy sinh. Hừ! Con ếch phải nằm yên cho anh lột da? Con chó phải phủ phục cho anh trấn nước? Con chim đừng đập cánh vẫy vùng khi cái bẫy anh giương đã sập?”

“Nhưng anh sẽ giải quyết.”

“Anh sẽ ly dị với chị ấy, để lấy em? Hay anh sẽ cùng một lúc sống chung với hai người, vợ lớn vợ bé, trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng? Ô hô! Chúng ta đang sống vào thế kỷ thứ mười tám phải không? Và anh có thể dễ dàng cắt đứt mọi ràng buộc như vậy sao? Và em sẽ bằng lòng toa rập với anh để thực hiện cái ý đồ nhơ nhớp đó sao?”

“Mẹ ơi, người ta có thể sống lại sau khi đã chết không hở mẹ?”

“Con đang đau khổ lắm phải không? Chuyện gì? Tình yêu? Ở tuổi con, mẹ chắc không có chuyện gì lớn hơn chuyện tình yêu. Nhưng mà con ơi, yêu đương là một lạc thú, nhưng khổ đau, hiểu theo một cách nào đó, cũng là một kinh nghiệm quý báu. Điều mẹ vừa nói hẳn con đã từng nghe, cũng chẳng mới mẻ gì. Tuy nhiên, chính những cái cũ kỹ đó lại có một giá trị bất biến, càng sống lâu càng thấy rõ. Mọi chuyện rồi sẽ qua đi. Khổ đau sẽ giúp con trưởng thành, cuộc đời trước mặt con còn dài, con sẽ quên. Tin mẹ đi, con sẽ quên.”

“Con không quên được, không bao giờ con quên được. Con... Con... yêu anh ấy.”

“Dĩ nhiên. Không yêu thì đâu có khổ. Nhưng chuyện

gì đã xảy ra? Giận hờn? Ghen tương, đổ vỡ? Mà thôi, mẹ cũng không cần biết, chuyện trai gái thì cũng lòng vòng quanh chừng ấy. Đến một tuổi nào đó, con sẽ thấy tình yêu không phải là chuyện ghê gớm nhất khiến con người phải tan tác, bại hoại vì nó. Cuộc đời còn dài, vết thương này chắc chắn sẽ kéo da non. Con gái của mẹ, hãy can đảm lên, hãy vượt qua, hãy chiến đấu và chiến thắng. Không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào, ai cũng biết điều đó, nhưng mỗi kinh nghiệm đã trải qua, sẽ giúp con nhận chân được giá trị thực sự của đời sống, con sẽ vững vàng hơn. Nào, hãy ngẩng lên, nhìn thẳng phía trước, và bắt đầu lại. Nghe lời mẹ đi, con gái của mẹ.”

“Nhưng, mẹ ơi, con... con... đã... có thai. Giọt máu này sẽ thế nào? Một người đàn bà có con mà không chồng, một đứa bé không cha. Tội nhục lắm mẹ ơi. Con yếu đuối, con không đứng vững được đâu. Mẹ, con khổ quá. ”

“Tôi nghiệp con tôi. Làm sao để đến nông nổi này? Gã kia là ai?”

Gã kia là ai? Gã từ đâu đến? Tại sao gã mang lại cho Trúc bao nhiêu lạc thú, gã giúp nàng khám phá ra thế giới rực rỡ muôn màu của tình yêu, gã dạy cho nàng biết, rằng con người sinh ra, ngoài những nhu cầu bình thường đói ăn khát uống, còn có một nhu cầu khác, một nhu cầu lớn lao, đó là tình yêu giữa gái trai, là nhịp đập bàng hoàng của trái tim, là ngất ngây tê điếng của thịt da cảm xúc, là kim đâm vô thịt thì đau, là trên đỉnh cao tuyệt thú của khoái lạc, những mầm sống khác sẽ tượng hình, sẽ sinh nở, sẽ o oe chào đời. Rồi bỗng nhiên gã đẩy nàng ra tiền trường, đối diện với thảm

kịch, phơi trần trước đôi mắt kinh ngạc nàng cái phần sù sì thô nhám của thực tại.

Phía xa, sau khu rừng mênh mông xanh ngắt một màu ngọc bích, là dãy núi chập chùng trắng xóa. Chiều đang xuống. Bầu trời thấp, nặng hơi nước. Gió luồn qua khung kính mở hé, lạnh buốt. Toàn choàng cánh tay qua vai Trúc, đầu cúi thấp. Chàng thăm thì:

“Em lạnh?”

“Không, em không lạnh.”

Toàn nghiêng đầu, cọ cọ đỉnh mũi vào má nàng,

“Tuyệt, phải không em?”

“Cái gì tuyệt?”

“Đời sống quanh ta, tình yêu của chúng ta.”

Bóng tối trong phòng nhá nhem. Hơi thở Toàn phả ấm trên gáy nàng. Chàng tiếp tục, giọng nhẹ, thoang thoang như vọng về từ một cõi xa nào,

“Anh hạnh phúc quá!”

“Em cũng thế!”

“Ngày mai chúng ta lại sẽ trở về. Anh không muốn chút nào. Cứ nghĩ đến những công việc nhàm chán, đơn điệu mỗi ngày, anh thấy nản quá.”

“Cuộc sống mà anh. Không làm việc, lấy gì sống? Chúng ta còn tương lai, còn con cái. Anh à, em muốn hợp thức hóa chuyện chúng mình.”

“Ý kiến tuyệt vời, nhưng hãy gượng đã em. Chúng ta chưa có một đời sống vật chất vững chãi.”

“Xứ sở này đâu phải như ở quê nhà. Anh có việc làm, em

cũng thế, lo gì.”

“Vấn đề không giản dị như em nghĩ đâu. Cái thời một túp lều tranh hai trái tim vàng đã thuộc về dĩ vãng. Tình yêu chỉ có thể tồn tại khi được đặt trên cơ sở vật chất ổn định. Chúng ta không nên quá lãng mạn để quay lưng với thực tế đó. Anh muốn từ bây giờ, bắt đầu tích lũy để có một vốn liếng kha khá, rồi về Cali, mở một cái business gì đó, mình làm chủ chính mình, chùng đó, lấy nhau đâu có muộn.”

“Nhưng em sợ.”

“Sợ gì? Tương lai hoàn toàn tùy thuộc ở quyết định của chúng ta, trừ phi...”

“Trừ phi?”

Toàn cười, kéo đầu nàng vào sát ngực:

“Em bỏ anh!”

“Bộ anh tưởng người ta có thể thay thế một người như thay một cái áo sao? ”

“Biết đâu, nhỏ.”

“Em yêu anh, em chỉ mong được làm vợ anh.”

“Chắc?”

“Vâng, chắc.”

Toàn bế bổng nàng trên hai cánh tay săn cứng, rồi chỗ đứng.

Chàng đặt nàng lên mặt nệm, cuồng nhiệt cúi xuống. Trúc vòng hai cánh tay trên lưng Toàn. Chiếc áo khoác lại rơi xuống mặt nệm. Hơi ấm từ tấm thân trần của Toàn phủ kín người Trúc. Một lần nữa, một lần nữa. Lần thứ bao nhiêu? Suốt tuần nay, cả hai ngập chìm trong hoan lạc, ngoài giờ ăn và những buổi chiều họ ra khỏi phòng dạo chơi vài

vòng, nhìn ngắm thiên nhiên hùng vĩ và hít thở khí trời trong lành, số thời gian còn lại cả hai quấn quýt bên nhau, trong nhau, trên chiếc giường rộng, mê đắm. Một tuần trôi qua thật nhanh. Có đêm Trúc chợt thức giấc, nàng hấp háy đôi mắt nhìn quanh quẩn, vểnh tai lắng nghe từng tiếng động êm đềm của đêm tối. Tiếng máy điều hòa chạy rì rào, tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Đêm tĩnh mịch, bầu trời bên ngoài khung cửa sổ hun hút sâu, ánh sáng từ những ngọn đèn chung quanh khu khách sạn thấp sáng những đỉnh thông trắng bạc màu tuyết đứng trơ vơ bất động.

Hạnh phúc. Trúc hoàn toàn hạnh phúc.

Một tuần với Toàn, đã biến Trúc thành đàn bà, đã cho Trúc biết bao nhiêu khám phá mới lạ về mình, về thân xác mình. Trúc nghĩ đến một ngày không xa, khi đã là vợ chàng, những đứa con sẽ ra đời... Và một mái ấm, và tình yêu, và trách nhiệm, và... và... Trúc cảm thấy nhịp đập của trái tim dồn dập hơn. Trúc thật không ngờ. Với một nhan sắc chẳng lấy gì đáng hãnh diện, Trúc vẫn yên trí cuộc đời nàng sẽ tuần tuốt trôi xuôi trong nhàm chán buồn tẻ. Vậy mà, chàng đã đến, chàng đã vực nàng lên, chàng đã trao cho Trúc bao nhiêu trân quý của cuộc đời. Trúc mỉm cười quay qua. Bên cạnh, Toàn đang chìm trong giấc ngủ, hơi thở đều, đôi mắt khép bình yên, chàng nằm nghiêng, một bàn tay úp trên phần ngực trần của nàng, thỉnh thoảng, trong vô thức, bàn tay xoa nhẹ nhẹ gò vú căng, mò mẫm vân vê đầu vú săn nhọn.

Thuở mới bước vào tuổi dậy thì, và nhiều năm sau này, qua phim ảnh, sách vở, Trúc vẫn thường hình dung, tưởng tượng cái cảm giác chắc hẳn vô cùng tuyệt thú giữa quan hệ

xác thịt trai gái. Nhưng tưởng tượng, dù có phong phú đến bao nhiêu, vẫn chỉ là tưởng tượng. Bạn bè thường giễu, Trúc là một chị nhà quê thuộc thể kỷ thứ mười chín, mãi khư khư ôm lấy cái “tiết trinh nghìn vàng” đã từ lâu nằm trong bảo tàng viện, bỏ phí bao nhiêu lạc thú thanh xuân. Sự thật, có người nữ nào không ước mơ sở hữu một mối tình, không thèm khát khám phá những bí mật lạ lùng của thân xác? Nhưng bản chất Trúc vốn nhút nhát, hơn nữa, mặc cảm về nhan sắc đã khiến Trúc co lại, đóng kín mọi cánh cửa, bọc chung quanh mình một lớp vỏ dày băng giá. Bọn đàn ông thì đa số đều thiếu kiên trì, và lại, đời sống ở đây chuyển động quá nhanh, họ không dư giả thì giờ để tận công vào một bức tường băng? Cho đến khi nàng gặp Toàn.

Kiên nhẫn, từ tốn, lịch duyệt, chàng buộc Trúc phải mở mắt ra, phải nhìn thấy chàng. Như vết dầu trên trang giấy trắng, ngày một ngày hai, Toàn đã chiếm ngự hoàn toàn từ trái tim đến khối óc Trúc, và bây giờ, là thân xác nàng. Trúc giao phó, trọn vẹn, không kịp so đo tính toán lỗ lời.

Trúc ngây ngất ghì cứng tấm lưng chắc khỏe của Toàn, lôi chàng ra khỏi giấc ngủ. Toàn mở mắt, chưa tỉnh hẳn, nhưng cũng nở ngay được một nụ cười,

“Em không ngủ sao?”

“Em vừa thức.”

“Mấy giờ rồi?”

Trúc nhìn đồng hồ trên tường,

“Hai giờ kém mười.”

“Ngủ đi em.”

“Em tỉnh rồi”

“Ngủ đi. Ngày mai khởi hành sớm. Nếu chạy không nghỉ, phải khuya mai chúng ta mới về đến nhà, mệt lắm đấy.”

“Em biết. Anh đừng lo. Em thức khuya quen rồi. Hồi còn làm ca ba, có đêm nào em ngủ đâu?”

Nàng xòe bàn tay xoa trên ngực Toàn, nàng nhòm người cẩn nhẹ vành tai chàng, nàng thì thảo, nhỏ, rất nhỏ,

“Anh ơi... em yêu anh.”

Toàn mỉm cười xoay ngang, dúm mái tóc vào nách nàng. Trúc oằn người đẩy dựa, nàng có cảm tưởng mỗi lỗ chân lông trên thân thể đều như nở ra, triệu triệu mạch máu li ti chương cứng, rần rật. Trúc bật kêu, “Anh... Anh... nhột em... nhột em... mà...”

Toàn không trả lời, như một kỵ sĩ lão luyện, từng bước, chàng khơi động bản năng nàng, làm nó lồng lên, bất kham. Ngọn lửa cuồng nhiệt lại được hai người thổi lên, thêm một lần nữa. Rồi Trúc chìm dần vào giấc ngủ. Đầu nàng gối trên cánh tay chàng, an tâm.

“Mẹ ơi. Anh ấy đã có vợ, vợ anh ấy sắp qua. Mẹ, con phải làm sao? Con khổ quá. Con yêu anh ấy.”

“Gã giải quyết cách nào? Trở về với vợ?”

“Anh ấy bảo rất khổ tâm. Anh ấy bảo anh ấy yêu con. Anh ấy bảo mười hai năm xa cách, anh ấy đâu phải thánh thần để có thể kiên trì chờ đợi? Anh ấy bảo lỗi làm không phải do anh ấy, hoàn cảnh và định mệnh đã sắp xếp, hai đứa chỉ là nạn nhân. Anh ấy bảo hãy giúp anh ấy giải quyết vấn đề. Con không biết phải làm sao.”

“Gã đã có con?”

“Vâng,”

“Chẳng thể giải quyết làm sao cả. Hỏi mẹ, nhưng mẹ hiểu con đã có cách của con. Không kẻ nào giải quyết nổi vấn đề của bản thân mình ngoài chính mình, dù kẻ đó là mẹ, phải không? Mẹ không trách con, đàn bà chúng ta vốn nhẹ lòng, tuổi con còn trẻ, lại bơ vơ một thân một bóng, làm sao chống chọi với bao nhiêu cám dỗ của cuộc đời. Nhưng con đã hỏi, thì mẹ trả lời, còn chuyện nghe hay không, là chuyện của con, thẩm quyền duy nhất của mẹ bây giờ là khuyên con hãy quên đi, cách tốt nhất, quên đi, cố quên đi. Chúng ta khi sinh ra làm đàn bà, là đã mặc nhiên chấp nhận nhiều thua lỗ. Hãy nghĩ đến đứa bé. Rồi con sẽ thấy, không có thứ tình yêu nào bao la hơn tình mẹ, đứa bé trong bụng sẽ là nguồn vui lớn của con sau này. Mẹ con chúng ta không thể có nhau. Con hãy tự lo liệu, nhưng nhớ lời mẹ dặn, tuyệt đối đừng vọng động. Hãy bình tĩnh, hãy ngẩng cao đầu, kinh nghiệm nào cũng trả giá đáng cay, càng đáng cay kinh nghiệm càng quý báu, rồi ra mọi chuyện sẽ được thời gian xóa quên. Thôi, con đi đi, hãy trở lại với cuộc đời, mẹ rất tiếc không thể cùng đi với con. ”

Trúc nghĩ đến căn phòng độc thân lạnh lẽo có khung cửa sổ mở xuống lòng đường, nơi nàng đã lao ra. Trúc nghĩ đến xưởng may rì rào tiếng kim chạy trên mặt vải, nơi nàng mỗi ngày tám tiếng ngồi chôn chân. Trúc nghĩ đến chuyến bus hai bạn đi, về. Lòng thang máy xuống lên hệt hẫng. Những bữa cơm một mình, nhạt nhẽo. Mặt giường lạnh tê mỗi đêm chột thức. Và Trúc nghĩ đến khu khách sạn Toàn đã đưa nàng tới, căn phòng nhỏ xinh xắn, vòng tay chàng ấm áp, cảm giác

khoái lạc chàng đã tạo ra. Dù biết sẽ đau khổ cùng cực, Trúc vẫn muốn thử đến đó một lần nữa, nằng thềm nhìn lại căn phòng kỷ niệm, nằng thềm được nằm trên chiếc giường nồng nàn hơi ấm và mùi vị đàn ông của chàng. Nhưng liệu Trúc có đủ can đảm để chịu đựng? Tôi căm thù anh, tôi ghê tởm anh. Không, làm sao có thể căm thù, ghê tởm được chàng? Mình yêu chàng mà, mình nhớ chàng cuồng điên mà. Chàng nói đúng, buộc chàng phải thủy chung với một hình bóng đã chia lìa mười mấy năm, vời vợi nửa vòng trái đất, là việc làm quá sức một người bình thường. Nhưng vợ chàng sắp qua. Vấn đề đã khác. Nàng phải làm sao? Em phải làm sao đây, anh Toàn?

“Mẹ ơi... Con không muốn xa mẹ. Con chỉ còn có mẹ. Con cô đơn, cách gì con có thể đi tiếp một mình... Mẹ ơi... đừng bỏ con.”

“Không được đâu, con của mẹ.”

Trúc ôm chặt mẹ, nàng khóc òa. Tiếng khóc tuôn trào, tiếng khóc uất nghẹn đau thương, tiếng khóc làm toàn thân Trúc rung lên, rũ rượi. Mẹ gỡ tay Trúc ra,

“Can đảm lên, can đảm lên, con.”

Mẹ lùi lại, lùi lại. Trúc lao theo. Nhưng mẹ đã như một sợi khói, tan nhanh không để lại dấu tích. Trúc cuống cuống gào lớn,

“Mẹ ơi.”

Trúc tuyệt vọng. Nàng muốn bay lên, nhưng bây giờ thì ý chí không còn điều khiển được hành động. Ngược lại, dù cố gắng cưỡng chống, thân thể Trúc cũng bắt đầu rơi. Trúc rơi, càng lúc càng nhanh, vun vút, vực sâu đen ngòm hun hút

cứ mở ra, mở ra. Tốc độ rơi và nỗi hoảng sợ làm đầu Trúc muốn vỡ tung. Nàng lại gào to, uất nghẹn,

“Mẹ ơi.”

Cuối cùng người đàn bà đã phải dùng chìa khóa riêng để vào phòng Trúc. Căn phòng hình như vẫn còn nguyên mọi đồ vật. Chiếc giường nhỏ chần nệm phẳng phiu, chứng tỏ đã nhiều ngày không có người ngả lưng. Một cánh cửa tủ mở hé, bên trong, những bộ quần áo treo ngay ngắn trên dây móc. Bàn trang điểm chai lọ son phấn sắp xếp thứ tự ngăn nắp, trên góc bàn, đê dưới chiếc lược nhựa là xấp thư dày. Người đàn bà nhìn dòng chữ ngoài phong bì trên cùng, bà cố đánh vần thứ ngôn ngữ xa lạ: T. O. A. N. Lá thư không có địa chỉ người nhận. Người đàn bà suy nghĩ, lạ nhỉ, cô ấy báo tin sẽ trả nhà cuối tháng, hôm nay đã là ngày thứ ba của tháng mới, sao không có dấu hiệu gì chứng tỏ cô ấy đã rời nơi này? Tại sao bà đã gọi biết bao nhiêu lần vẫn không ai trả lời? Ống nghe điện thoại nằm bình yên trên cần gác máy, bên cạnh, chiếc ví mở ngỏ, người đàn bà nhìn thấy vài tấm business card, credit card, và hình chụp một người đàn ông tuổi trung niên ép sát sau làn nhựa trong, người đàn ông có nụ cười rất tươi. Cô ấy đã đi đâu? Đây là lần thứ tư người đàn bà đích thân tới tận nơi. Bà phải nhận lại nhà để báo cáo với landlord, vào phòng không được sự cho phép của gia chủ, dĩ nhiên trái luật, nhưng không còn cách nào khác. Người đàn bà bước đến cạnh cửa sổ, khung cửa từ bao giờ đã được mở rộng, gió mang hơi lạnh vào ngập trong phòng. Người đàn bà hơi nghiêng người nhìn xuống lòng đường - lòng đường

như một mô hình - bà ta chợt thấy một tấm khăn quàng màu đỏ rực bị vướng vào gờ cửa sổ của tầng dưới, bay phấp phất trong gió. Tấm khăn quàng Trúc thường quấn quanh cổ mỗi lần người đàn bà tình cờ gặp nàng đầu đó. Lạ nhỉ! Người đàn bà lại lẩm bẩm, cô ấy đã rời đây chưa?

Nhưng dù sao thì hợp đồng giữa hai người cũng đã mãn. Trên nguyên tắc, căn phòng hiện đang ở trong tình trạng không người ở, chờ cho thuê. Ngày mai, bà sẽ gọi thợ đến dọn dẹp, sửa sang, quét sơn, thay thảm. Chồng thư và chiếc ví này sẽ giao cho cảnh sát, nhiệm vụ tìm kiếm người mất tích là của họ. Người đàn bà tự nhủ, dù không mấy yên tâm.

Bà ta rời khỏi căn phòng sau khi đã khép kín khung kính. Cửa lớn cũng được khóa lại, im ỉm. Cánh cửa bên ngoài có gắn bốn con số bằng đồng đã xỉn màu: 3164. Cánh cửa nhìn ra dãy hành lang âm u với những ngọn đèn vàng cách khoảng lạnh lẽo, hun hút sâu.

CUỐN NHẬT KÝ

Người đàn ông xem đồng hồ, năm giờ thiếu mười lăm. Bình thường, giờ này bà ấy đang trên đường về nhà. Người đàn ông nói,

“Anh về, mai gặp.”

Thiếu nữ chồm người qua mặt giường, vói cầm ly nước cam trên mặt bàn đêm, uống. Trả chiếc ly về vị trí cũ, thiếu nữ ngả người nằm xuống, hỏi mát,

“Đi, về đúng boong giờ giấc, gương mẫu nhỉ?”

Người đàn ông không trả lời, ngồi dậy mặc quần áo. Ông vỗ vỗ bàn tay trên chiếc mông tròn, đầy đặn của thiếu nữ,

“Anh về, cung.”

Thiếu nữ bỗng ngóc đầu dậy,

“Cuốn nhật ký của em đâu?”

Người đàn ông giật mình. Bỏ mẹ, cuốn nhật ký. Mình bỏ đâu nhỉ? Nhưng vội cười ngay,

“Anh để ở văn phòng.”

“Trả lại cho em đi.”

“Để vậy sao? Phải chuộc chứ.”

“Chuộc? OK. Anh muốn cái gì nào?”

Người đàn ông cúi xuống, vờn ngón tay quanh vành môi đã nhạt màu son của thiếu nữ,

“Thứ bảy tuần này có cái hộp ở New York, đi với anh.”

“Không sợ các đồng chí của anh biết à?”

Người đàn ông ngửa mặt cười hả hả,

“Anh theo chúng bên gót chưa kịp đây.”

“Góm, các ông thật...”

“Chuyện nhỏ thôi mà.”

Thiếu nữ vuốt bàn tay dọc thân thể, hai gò vú vươn cao dưới lớp chăn mỏng như hai đụn cát, chảy thoải thoải xuống phần hạ thể nhấp nhô,

“Chuyện nhỏ? Mỗi năm hội viên, cảm tình viên đóng vào quỹ bao nhiêu? Công tác phí của các anh bao nhiêu? Chi thu chắc mình bạch lắm nhỉ?”

“Em khéo lo. Trên xứ sở này người ta còn mang cả tôn giáo ra để làm business.”

“Biết rồi, hướng hồ ba cái đảng phái lẻ tẻ, phải không? Nhưng thôi, nhỏ hay lớn cũng chuyện của các anh, không liên quan đến em.”

“Thứ bảy tuần sau, đi với anh nhé?”

“OK, thứ bảy tuần sau. Đây, nhớ mang trả em cuốn nhật ký.”

“Trả chứ, giữ thuốc nổ bên mình làm gì, tan xác như chơi.”

Người đàn ông rời khỏi phòng. Thiếu nữ nhìn theo, khi

cánh cửa đóng lại sau lưng ông ta, thiếu nữ xoay nghiêng kéo chăn phủ kín cổ. Nàng thấy đói, nhưng lười, và, mệt bỏ cha, phải ngủ một giấc, tám giờ dậy gọi rủ con Ph. đi ăn, và nêu hứng, đến vũ trường. Hình như ở Y có cặp ca sĩ X vừa từ Úc qua. Lâu lắm chưa đi vũ trường.

Người đàn ông lên freeway, giờ này xa lộ hơi kẹt, nhưng vẫn còn hơn đi đường trong. Chiếc xe lướt êm, cửa kiếng quay một nửa, gió mát lạnh. Người đàn ông đặt tay lên nút bấm, định đóng kín song nghĩ thế nào lại thôi. Bỏ mẹ thật, nếu thiếu nữ không hỏi, người đàn ông quên bấm. Cuốn nhật ký của cô ấy mình bỏ đâu nhỉ? Người đàn ông nhớ đã không mang về nhà. Trong cốp xe? Ở văn phòng? Mình đăng trí thật. Nhờ ai nhật được, còn ra thể thống gì!

Người đàn ông về đến nhà khi đồng hồ chỉ năm giờ rưỡi.
Đứa con trai chạy ra đón bố,

“Ba về.”

Người đàn ông đưa tay xoa tóc con,

“Mẹ về chưa?”

“Chưa ba.”

“Chị Thủy đâu?”

“Chị Thủy đi với bạn rồi ba.”

“Chị có nói đi đâu không?”

“Chỉ nói đến dự sinh nhật chị Phượng.”

Người đàn ông vào nhà, lên lầu. Vừa thay xong quần áo thì vợ ông về đến nơi. Người đàn ông nghe loáng thoáng tiếng thằng nhỏ, rồi tiếng hỏi của vợ,

“Ba đâu?”

“Ba trên lầu.”

“Ba về lâu chưa?”

“Dạ mới về.”

Tiếng chân ngoài hành lang. Người đàn ông nằm dài ra giường, khép mắt. Tiếng chân dừng lại trước cửa phòng,

“Anh ở trông hả?”

“Anh đây.”

Người đàn bà đẩy cửa bước vào. Người đàn ông hé mắt nhìn vợ, cổ nở một nụ cười tươi,

“Có kẹt xe lắm không?”

“Hơi kẹt chỗ 57 vào 22, chỗ ấy anh biết rồi, đang mở thêm line”

Người đàn bà ngồi xuống mép giường, vén mảng tóc đã lốm đốm bạc phủ lòa xòa trên trán chồng, giọng cân cần,

“Anh cơm nước gì chưa? ”

“Chưa, anh vừa về.”

Người đàn bà đứng dậy đến kéo cánh cửa tủ chọn một chiếc áo khoác, cởi bộ quần áo đang mặc, thay. Bà vén mái tóc ra ngoài cổ áo, giữ giữ, chồm người ghé sát mặt vào chiếc gương lớn trên bàn trang điểm, đưa tay chùi vết chì đen đã nhòe chỗ cơ mắt dưới, rồi vừa bước ra vừa nói,

“Em đi làm cơm.”

Người đàn ông xoay người vào tường,

“Ừ. Anh nghỉ một chút, hơi mệt.”

Người đàn bà xuống bếp, mở tủ lạnh lấy thực phẩm bày lên kệ.

Ngày sắp tắt. Mùa đông, đêm đến thật nhanh. Người đàn bà bật khóa điện. Ánh sáng trong nhà làm bóng tối bên ngoài

sẫm hơn. Qua khung kính phía trên bồn rửa chén, người đàn bà nhìn thấy lò mờ đỉnh thông nhọn vượt lên cao, trơ trọi, bên kia bức tường gạch, chia cắt vườn nhà và phần đất của khu chợ Target.

Suốt thời gian mẹ làm com, thằng nhỏ loay hoay với những hình nhân bằng nhựa, những chiếc xe đua. Tiếng động cơ rè rè phát ra từ các món đồ chơi. Thỉnh thoảng thằng nhỏ bật cười khanh khách, tiếng cười trong như thủy tinh.

Đồng hồ treo tường chỉ bảy giờ kém năm. Người đàn bà đặt nồi com lên bàn, sắp chén đĩa, bày thức ăn. Xong, bà quay về hướng thằng nhỏ,

“Con mời ba xuống ăn com.”

Thằng nhỏ chạy lên lầu, đập cửa phòng,

“Ba, xuống ăn com.”

Không có tiếng trả lời. Thằng nhỏ đẩy cửa lách vào, đến cạnh giật giật cánh tay bố.

Người đàn ông choàng tỉnh, vặn mình vài cái, ngồi dậy. Ông cảm thấy quá mệt mỏi. Tuổi tác ông không còn đủ trẻ để tham dự liên tục trò chơi tình dục. Nhưng thiếu nữ như ma túy, ngày nào không đến với cô ta, ông cảm thấy bút rút, đứng ngồi không yên, mà đến, thì không thể không động lòng. Để rồi, khi cuộc vui tàn, trở về nhà, ngả lưng xuống mặt nệm, ông có cảm tưởng từng lóng xương, từng sợi gân chùng, rã, nhất là phía bên trong cái đầu, lỏng bông, vật vờ một nỗi chán chường. Thằng nhỏ lặp lại,

“Ba, xuống ăn com.”

Người đàn ông vươn vai, ngáp dài,

“Ừ, ba xuống ngay.”

Người đàn bà xới cơm ra chén. Người đàn ông đi xuống, vào phòng tắm rửa mặt. Trở ra, uể oải ngồi vào bàn ăn, vừa cầm đũa vừa hỏi vợ,

“Con Thủy bao giờ về?”

“Nó bảo khoảng mười một giờ.”

“Con gái đi chơi đêm không tốt đâu.”

“Sáng nay nó có xin phép em.”

Người đàn ông gấp miếng sườn kho bỏ vào chén thẳng nhỏ:

“Con ăn cái này, được chứ?”

“Cứng không ba?”

“Không cứng lắm đâu. Ăn thử xem.”

Thằng bé dứt miếng sườn vào miệng. Hai cánh môi nhỏ chuyển động khó khăn, có vẻ đang đánh vật với miếng sườn. Quen với những thực phẩm mềm ở trường thằng bé dị ứng với các loại thức ăn cứng.

Người đàn bà nhìn con cười âu yếm,

“Thôi nhả ra đi, con ăn trứng đúc nhé?”

Người đàn bà tiếp thức ăn cho thằng nhỏ, rồi quay về phía chồng, lo lắng,

“Anh có vẻ xanh, mệt lắm à?”

“Ừ, mệt thật, công việc bù đầu.”

“Vụ bầu bán kéo dài cả tháng rồi vẫn chưa xong ư?”

“Thế mới bức, chuyện trọng đại mà cứ rề rà như bà già đi chợ. Mỗi đứa một ý, cãi nhau còn hơn mổ bò, rồi tinh rồi mù chả ra làm sao. Lấy anh lon bia.”

Người đàn bà đứng dậy lại tủ lạnh lấy lon Coors đặt trước mặt người đàn ông. Bà vừa ngồi xuống vừa nhún vai,

“Các anh mỗi người bớt đi một chút cái tôi của mình thì việc gì lại không xong.”

“Được như em nói, đã khá. Này, anh thấy con Thủy độ rày đi chơi hơi nhiều đấy nhé.”

“Anh yên tâm, nó vẫn ngoan và học tốt lắm. Con gái đến tuổi đó cũng phải để cho nó tự do giao du một chút. Vả, ở xứ mình nào cấm cản nó được. Hư nên phần lớn do nó.”

“Em nói thế mà nghe xuôi à? Giáo dục gia đình bao giờ cũng đóng vai trò quyết định. Anh bù đầu với công việc, em phải để ý đến nó nhiều hơn mới phải. Con gái lớn anh nói không tiện. Em là mẹ, dễ gần gũi hơn.”

“Được rồi, để em lo.”

Người đàn bà bỗng liếc nhanh người đàn ông, ngập ngừng,

“Anh... Anh có nhớ thứ bảy tuần sau là ngày gì không?”

Người đàn ông dừng ăn, nhìn vợ vẻ dò hỏi.

“Tuần sau, kỷ niệm ngày lấy nhau của bọn mình. Em... Em... muốn tổ chức một bữa cơm thân mật mời bạn bè đến chơi cho vui. Lâu quá chẳng tiệc tùng gì cũng buồn.”

Người đàn ông hơi nhú má,

“Bày vẽ, giả cả lụ khụ cả nút rồi. No cơm rượu mỡ người ta cười cho.”

Người đàn bà cúi xuống, im lặng. Bỗng bà ta ngẩng lên, nét mặt trở nên nghiêm trang, quả quyết,

“Em nhất định tổ chức. Anh không bằng lòng em cũng làm.”

Người đàn ông có vẻ ngạc nhiên. Bao nhiêu năm sống chung, người đàn bà ít khi cãi lời ông. Mấy năm nay, từ ngày

ông say mê với những hoạt động, bỏ sở, một tay người đàn bà lo toan cho cả gia đình, cái tiệm nail của bà là nguồn kinh tế quyết định. Tuy nhiên chẳng phải vì thế quyền hạn của người đàn ông bị lu mờ, trái lại, người đàn bà hãnh diện vì chồng. Ở đây, trong cộng đồng người Việt lưu vong, không ai không biết đến ông, một nhân sĩ, một người dám ăn dám nói, một chính khách đấu tranh không mệt mỏi cho sự tồn vong của đất nước. Nhưng sao bỗng nhiên hôm nay người đàn bà lại dõ dưng không nghe lời? Người đàn ông định to tiếng trấn áp. Ông dừng đưa nhìn vợ. Người đàn bà tránh ánh mắt của chồng, lặng lẽ gấp thêm thức ăn cho thằng nhỏ. Hai quai hàm bà bạnh ra. Linh tính cho người đàn ông biết nếu to tiếng, chưa chắc người đàn bà đã chịu nhường. Ông thờ dài nâng chén cơm, buông xuôi,

“Thôi được, tùy em.”

Khuôn mặt người đàn bà thoáng hả hê. Giọng trở lại bình thường,

“Anh nhớ mời đủ bạn bè, Nhất là những anh em chí cốt của anh.”

“Được rồi, ngày mai nhắc anh gọi điện thoại.”

“Phải cho trang trọng một chút anh à. Sao mình không in thiệp mời? Em hỏi nhà in rồi, chỉ hai mươi bốn đồng năm trăm cái. Vừa rẻ lại vừa sang.”

“Lạ nhỉ. Ai dạy em bày vẽ lắm thế?”

Người đàn bà cười, múc chén canh khổ qua đặt trước mặt chồng, giọng nhẹ,

“Anh ăn cái này đi, cho mát. Đã không làm thì thôi, làm, không tươm tất coi sao được, nhất là bè bạn của anh toàn

những người có uy tín địa vị, em không muốn họ coi thường chúng mình.”

Người đàn ông im lặng, ông ăn nốt chén cơm rồi đứng dậy, cầm lon bia lại sofa, đốt thuốc, bật TV xem tin tức. Đài số 7 đang chiếu lại cảnh bức tường Bá Linh vừa được phá sập, dân Đông Đức tràn qua như thác lũ. Người đàn ông chép miệng,

“Thấy người ta thay đổi, sốt ruột quá. Việt Nam, không làm áp lực mạnh, biết đến bao giờ.”

Ông rút một hơi thuốc, nhấp một ngụm bia, lâu bầu tiếp, “Tình hình thế giới biến đổi từng giờ từng ngày. Vậy mà chỉ mỗi chuyện bầu bán vài ba tháng, kéo dài cả tháng vẫn không xong. Chó thật.”

Hút xong điếu thuốc, người đàn ông lên lầu.

Khi người đàn bà rửa sắp xong đồng chén đĩa nồi niêu thì người đàn ông đi xuống, quần áo thơm mát. Ông bước ra cửa,

“Anh đến nhà anh Trần. ”

Người đàn bà dừng tay. Tiếng động cơ xe hơi nổ nhẹ phía garage, hai vệt đèn sáng lóa quét ngang khung kính. Chiếc xe bò chậm ra cổng, mất hút vào bóng đêm. Người đàn bà mím môi cố nén cơn ghen đang trào lên chặn ngang ngực. Lại đàn đúm nhậu nhẹt. Bà tự hỏi, mình còn sức để chịu đựng không? Còn đóng kịch được đến bao giờ? Người đàn bà đã quá quen với cảnh sống chồng vợ bao nhiêu năm nay. Bà sợ thay đổi, bà không muốn thay đổi. Con cái đã lớn, cơ ngơi nhà cửa đã thơm mát, không lẽ hắt đổ tất cả? Nhưng sức chịu đựng của con người đâu phải vô giới hạn? Người đàn

bà nghĩ, dù công khai vấn đề, vẫn không hy vọng tình trạng sẽ khá hơn, nhưng đầu sao, thực hiện được cái kế hoạch đã nhen nhúm trong đầu từ mấy bữa nay, chắc hẳn lòng bà cũng nhẹ đi phần nào.

Rửa xong mớ chén bát, người đàn bà nói với thằng nhỏ, “Con đi tắm rồi mở TV xem, đợi chị Thủy về hay ngủ tùy ý. Mẹ hơi mệt, đi nằm một chút.”

Thằng bé nói,

“Mẹ cho con lên phòng mẹ xem TV nhé. Ở dưới này một mình chán thấy mò.”

“Không được, hôm nay mẹ mệt, để mẹ nghỉ. Chóng ngoan, mẹ cưng.”

Thằng bé phụng phịu không vui, nhưng cũng đến góc phòng, loay hoay tiếp với những món đồ chơi.

Người đàn bà lên lầu. Bà ngả người ra mặt nệm, hai mắt mở trừng ngược nhìn trần nhà. Những ý nghĩ buồn tủi, tức giận, đau xót chạy loạn trong đầu. Bà vùng dậy, đến góc phòng, lật mép thăm lòi cuốn nhật ký của thiếu nữ ra, cuốn nhật ký, tuần trước, khi đến kiểm chồng ở hội đoàn, người đàn bà tình cờ nhìn thấy trong ngăn kéo bàn làm việc. Bà lật tìm trang có nếp gấp, một cảm giác kinh tởm, lợm giọng trào lên, nhưng người đàn bà cũng cố gắng đọc tiếp.

Ngày... Tháng...

Thật kinh khủng, anh ấy đã xấp xỉ năm mươi mà sức lực không kém trai tơ bao nhiêu. Suốt buổi sáng hôm nay anh ấy đã làm tình với mình những ba lần. Ba lần, cộng thêm với những lần trước, trong tám tháng để xem, bao nhiêu lần nhỉ?

Hai trăm lẻ tám lần, (Mình có thói quen hơi bệnh hoạn, ăn nằm với ai cũng không quên tính số) Hình như trong ngần ấy lần chăn gối, rất ít khi mình thất vọng.

Nói chung, anh ấy là một mẫu đàn ông hiếm có.

Về kinh nghiệm tình dục, mình đâu phải nai tơ, bao nhiêu người đã qua trong đời, kể từ năm mười sáu với người dượng ghẻ, mình chưa từng gặp ai dẻo dai, bền bỉ và tuyệt vời như anh ấy. Thuở dậy thì thịt da còn rất nhạy cảm, nhưng hình như lạc thú khoái lạc cũng chưa tuyệt thú như bây giờ, có lẽ người dượng ghẻ không đủ kinh nghiệm như anh ấy, cũng có thể do mặc cảm tội lỗi, mình đã không dám buông thả hoàn toàn, cũng có lẽ tuổi tác mình thuở đó, so với người dượng ghẻ, quá chênh lệch.

Ngày đó mình yêu say đắm tên bạn cùng lớp, xấp xỉ tuổi mình, nhưng “thằng bé” hoàn toàn không biết gì chuyện xác thịt. Bản chất vốn nhút nhát, lại con nhà nề nếp, chưa bao giờ giao du với bọn hạ lưu, cho nên tuy đã mười bảy, “thằng bé” vẫn chỉ là một đứa con nít. Với “thằng bé”, nguyên chuyện nắm tay nhau đã ghê gớm lắm rồi, nói gì đến trò trăng gió lả lơi. Ngược lại, thể xác mình lại đòi hỏi quá sớm. Đã bao nhiêu lần mình mở đường, tạo điều kiện cho “thằng bé” hành động. Vô ích! Càng bức tức “thằng bé” bao nhiêu, thêm muốn càng gia tăng bấy nhiêu, đến độ điên cuồng, mù quáng. Cho nên, việc thất thân với người dượng ghẻ, âu cũng chuyện tất nhiên. Thuở đó, ngoài ông ta, mình nào tiếp xúc được với ai?

Môi trường sống chung quanh không như bây giờ. Suốt ngày ru rú trong nhà, quay quắt với những đòi hỏi, mình như

con chó cái đến mùa rượng đực, mắt môi người ngợm toát ra mùi vị khát tình, đã khiến ông ta không thể không xốn xang. Từ xốn xang đến ý nghĩ bấy bạ là một đoạn đường gần. Từ ý nghĩ bấy bạ biến thành hành động phạm tội cũng lại là một khoảng cách không xa xôi gì lắm, nhất là đối tượng của tội lỗi có tình mời gọi.

Mười bảy tuổi, mình nghiêm nhiên trở thành đàn bà. Kể ra suốt một năm buông tuồng như thế, mẹ mình không biết và mình chẳng mang thai, cũng lạ. Nếu đem cái nền đức lý Không Mạnh ra phê phán, thì chuyện xảy ra giữa mình và ông ta là một hàng động loạn luân, nhưng mình bất chấp, mình đâu phải hạng đàn bà con gái chính chuyên. Mình nào cần cái chính chuyên gò bó trói buộc đó? Có những người sinh ra để làm thánh nhân, yêu thương con người, cứu nhân độ thế, sống mẫu mực thiện hảo, thì cũng phải có những người khác quan niệm sống và hành động của họ trái ngược hẳn với hạng người trên, như thế cuộc đời mới đa dạng phong phú chứ, và như thế loại thánh nhân kia mới có cơ hội để loài người suy tôn thờ phụng chứ. Nếu buộc phải chọn lựa làm một thánh nhân hay một quỷ sứ, mình chọn loại thứ hai, thích thú hơn nhiều. Mình cho rằng cái làm cho con người khôn khổ nhất, chẳng bao giờ ăn ngon ngủ yên là lúc nào cũng chống đỡ với chính bản thân. Kẻ thù từ ngoài, dễ xử trí, kẻ thù bên trong mới thật đáng ngại. Việc gì phải khổ sở thế nhỉ.

Ngày... Tháng...

Anh ấy về rồi, mình nằm nường thêm cả giờ đồng hồ vẫn

chưa lại sức. Sau cơn hoan lạc, trần truồng cuốn mình trong chăn, hồi tưởng lại chuyện vừa xảy ra, dư vị còn đọng trên thân xác cũng làm mình thích thú không kém lúc chuyện ấy đang xảy ra.

Mình nghiệm thấy, đàn ông, không chừa một ai, khi say đắm với tình dục, họ như những con hổ đói, không biết bao nhiêu cho đủ. Nhưng đối với bọn trẻ, sức lực tuy sung mãn, mình vẫn có cảm tưởng chúng thiếu thiếu một cái gì, lúc nào cũng hùng hục, cố làm đầy thân xác của chúng, chẳng thèm quan tâm đến đối tượng. Bọn đứng tuổi như anh ấy lại khác. Họ có nhiều kinh nghiệm hơn, từ tốn và kiên nhẫn hơn. Họ sẵn sàng chiều chuộng, thỏa mãn mọi đòi hỏi của đối tượng. Đường như đối với họ, khoái lạc được tác động bởi tâm lý nhiều hơn thân xác, nó không chỉ kết tụ từ cảm giác cọ xát giữa hai bộ phận sinh dục. Đối với đàn bà, hành động nâng niu, vuốt ve, thủ thuật, khẩu thuật... trước khi thực sự lâm trận là yếu tố quyết định, đánh giá cái bản lĩnh của một người đàn ông.

Ngày... Tháng...

Hôm nay mình hỏi đùa anh ấy có dám bỏ vợ lấy mình không. Anh chàng có vẻ lúng túng, trả lời lấp liếm, nào con cái đã lớn, vợ tuy không hợp đấy nhưng dù sao cũng đã ăn ở với nhau bao nhiêu năm. Anh ấy còn nói, hiện đang là thành viên quan trọng của một hội đoàn chính trị, nếu đời tư nhiều tai tiếng không tốt sẽ ảnh hưởng đến công cuộc chung. Mình nghe, buồn cười. Mình hỏi anh ấy, anh có biết anh là ai không? Tại sao vướng vào những chuyện lẩn thẩn đó?

Hãy lương thiện với mình, hãy tự vấn, anh có tin tưởng vào việc đang làm không? Anh có thật sự nghĩ đến đất nước, quê hương không?

Anh ấy tự thú, bảo rằng đời sống ở đây quá nhàm chán, mọi người phải tìm cho mình một thú vui, một lẽ sống. Anh không có khả năng làm kinh tế, cũng không có khả năng đi sâu vào các lãnh vực khác như khoa học, văn chương, nghệ thuật... Vậy chính trị, dù là thứ chính trị viễn mơ, không tưởng vẫn giúp anh an tâm, vẫn cho anh ảo tưởng dù sao mình vẫn chưa là một thứ bỏ đi, bị gạt ngoài lề xã hội, một xác thịt thuần túy chỉ lo thỏa mãn mọi nhu cầu vật lý phàm phu.

Mình nói, thì anh hãy cứ làm một người vô danh tiểu tốt có hơn không, việc gì phải đánh lừa bản thân, đánh lừa kẻ khác, để rồi lúc nào cũng nom nớp sợ người ta lật tẩy. Sống trong tâm trạng hoang mang đó, anh không thấy khổ sở sao?

Anh ấy hỏi, giữa vô vị và khổ sở, nên chọn cái nào? Mình im lặng. Kể ra, anh ấy không phải không có lý. Phải, thà có cái để khổ sở, lo âu còn hơn trơ lì, nhợt nhạt vật vờ sống chẳng ra sống, chết không được chết. Mình hỏi, thế những bè bạn của anh, những đồng chí của anh, họ nhiệt tình chứ? Anh ấy nhún vai, thằng nào ngoài miệng không nhiệt tình? Làm như nếu cần phải chết cho lý tưởng chúng sẽ lặn xả tình nguyện hàng loạt. Thực chất, thằng nào cũng lo vinh thân phì gia, tối sâm banh sáng sữa bò, cuối tuần phòng trà vũ trường hay quanh mấy bàn mạt chược, hoặc cùng đào nhí tìm động hoa vàng mê toi cụp lác. Công bằng mà nói, cũng

có một vài thằng có lý tưởng thật, thiết tha thật, khổ nổi hầu hết những thằng này đều có một cái đầu bằng đất sét. Cực đoan, thiếu cận, hủ lậu, ngu dốt, cuồng tín, sân si.

Mình băn khoăn tự hỏi, tại sao cho đến bây giờ, không thiếu người vẫn còn tin, còn nhìn anh ấy, và những “đồng chí” của anh ấy như những ngọn đuốc soi đường? Hay chính họ, những người đó, còn hiểu rõ vấn đề không thua gì ai? Chẳng qua, như anh ấy, họ phải có một cái gì đó để bám vào, dù không tin tưởng mấy may. “Cái gì đó ” giúp họ yên tâm hơn, đỡ bị lương tâm cắn vọt hơn. Nếu không, hóa ra cứu cánh của đời sống lưu vong chỉ xoay quanh trục áo com, nhà cửa, xe cộ, trang phục, vợ đẹp, con khôn thôi sao?

Rốt cuộc, mình nhận thấy tất cả đều là những hình nhân đồng dạng đáng thương!

Ngày... Tháng...

Con Bích hỏi mình anh ấy có “tới” không. Chữ “tới” của con nhỏ phải được hiểu, anh ấy có “phục vụ” đúng “tiêu chuẩn” không. Vô duyên. Đàn bà con gái ngồi riêng với nhau vẫn hay hỏi những chuyện phòng the động trời, lại còn dùng thứ ngôn ngữ trần trụi nghe mà ghê!

Sự thật, có ghê chẳng? Có ghê không nhỉ? Mình trả lời con nhỏ, anh ấy tuyệt vời. Nó hỏi, tuyệt vời ra sao, kể nghe. Mình hỏi lại, ra sao ấy à? Muốn thử không? Nó nói, may mắn cho mượn? Mình nói, dám chứ, ở đời muôn sự của chung, anh ấy cũng đâu phải của riêng, tao, tao cũng mượn tạm của người khác đó thôi. Con nhỏ cười vang vậy may mắn cho mượn đi, tao trông thằng chả tuy lớn tuổi thật nhưng bảnh ra phết,

chắc không đến nỗi nào nhi? Mình nói, không đến nỗi, tất nhiên, mà mà được anh ấy phục vụ thì nhớ đời, nhiều màn ly kỳ rùng rợn lắm. Nó nói, mà nói nghe ham, nhưng có cho mượn thật không? Mình nói, thật chứ, vấn đề là tài năng của mà. Tao bật đèn xanh rồi đó, nhào dzô đi con. Nó nói, được rồi, tao làm tới cho mà coi.

Mình kể lại cho anh ấy nghe. Anh ấy nạt đùa, em vớ vẩn, rảnh quá rồi bày chuyện vớ vẩn bậy bạ, nhưng nhìn vào mắt anh ấy mình biết anh chàng đang sướng mê. Bọn đàn ông mà, mình đi guốc trong bụng họ, anh nào không thích của lạ, nhất là của lạ tình nguyện vô điều kiện. Mình nói em nói thật, em cho mượn thật. Anh chàng ôm mình cười cười thôi em ơi, cho anh xin, anh chỉ yêu em anh chỉ thích mỗi mình em. Chẳng biết anh ấy nói dối hay nói thật? Dù dối hay thật mình vẫn thích nghe. Mình ôm siết anh ấy, cảm thấy rạo rực quá, mình nói yêu em đi. Anh ấy vùi mặt vào ngực mình, những sợi râu cứng cọ trên da khiến từng lỗ chân lông nở bung. Vẫn những hành động cũ, vẫn sự cuồng nhiệt mạnh mẽ. Mình hỏi anh ấy, với vợ, anh có hăng hái thế này không? Anh ấy nhún vai, vợ như cơm nguội, thỉnh thoảng buộc phải trả bài thì cũng qua quýt cho xong, làm gì hăng hái nổi. Mình nói, vậy nếu anh lấy em, một thời gian em cũng trở thành cơm nguội, tui nhĩ. Anh ấy nói, em khác chứ, em sôi nổi hào hứng từng phút từng giây, chán thế nào được, anh chỉ e mỗi gối chồn chân không theo kịp, em chán, em tìm của lạ.

Ngày... Tháng...

Anh ấy hút xong điếu thuốc, xoay nghiêng gác một chân

lên bụng mình, bàn tay tinh nghịch vân vê, sờ soạng, khắp thân thể mình. Nghịch chán, anh ấy chồm dậy, chống tay ngóc đầu nhìn mình đăm đăm, giọng anh bỗng tha thiết, em à, ngày nào cũng gặp em, sao anh vẫn thấy chưa đủ. Mình hỏi, anh còn muốn gì nữa? Anh ấy nói, anh muốn sống hẳn với em. Mình nói, còn chị ấy, còn con cái, còn uy tín tiếng tăm của anh. Bỏ hết ư? Sao hôm trước anh nói không thể được? Anh ấy thở dài, thế mới kết. Cuộc sống thật nhàm chán, ngày nào cũng chùng đó chuyện, cũng đi ra đi vào, cũng đóng kịch diễn tuồng, cũng phải gượng ra vẻ đứng đắn đàng hoàng, và cái cực hình lớn nhất là cứ vẫn phải tỏ ra yêu thương bà ấy, cho nó phải đạo, cho nó êm ấm mọi bề, riết rồi mình tự tổn chính mình, giả dối gian trá chẳng ra làm sao. Em biết không, nhiều khi nằm trên bụng bà ấy, anh đã phải vận dụng hết khả năng tưởng tượng nghĩ đến em, nghĩ đến những giây phút như thế này, mới làm xong bốn phận nời. Anh không biết tình trạng đó còn kéo dài được bao lâu nữa, anh mệt mỏi quá. Lạc thú dĩ nhiên chẳng còn, cũng được đi, cái nguy hiểm là anh bắt đầu cảm thấy sợ, anh đâm ghét cay ghét đắng bà ấy, anh e một ngày nào cái ghét biến thành lòng căm thù. Ước gì mình được tuyệt đối tự do em nhỉ. Bây giờ anh mới thấy bọn Mèo vậy mà hay. Còn yêu thương, còn sống với nhau, hết, chia tay, mỗi người một ngả, nhẹ nhõm biết bao nhiêu. Người Đông phương mình thật lắm rắc rối. Luân lý, trách nhiệm, đạo đức, bốn phận. Vô hình chung con người tự lấy dây trời gô hết tay chân, chẳng nhúc nhích cục cựa gì được. Mình nói, nhưng có bao giờ anh nghĩ, lấy em, sống đời với em anh sẽ phải đương đầu với bao nhiêu rắc rối

khác không? Nói thật với anh, em thuộc loại đàn bà hư. Em biết điều đó, em hiểu em hơn ai hết mà. Em sinh ra để làm tình nhân chứ không phải để làm vợ. Thôi anh ơi, bỏ qua ý định sống với em đi, em khuyên thật đó. Mình còn quan hệ với nhau ngày nào, hãy hưởng thụ ngày ấy. Đòi hỏi thêm, ích gì. Đừng tham lam quá anh à. Nếu anh ý thức được vị trí của em trong đời sống anh, mọi việc sẽ trôi chảy nhẹ nhàng, và cái nhìn của anh đối với chị ấy cũng sẽ không đến nỗi như bây giờ. Em là đàn bà, tuy hư hỏng nhưng dù sao cũng là một con người, cũng chưa mất hết nhân tính. Em thông cảm anh, nhưng em cũng nhận thấy anh đã bắt công với chị ấy.

Mình biết anh ấy chỉ bốc đồng vậy thôi. Mình kinh nghiệm quá mà. Đàn ông, khi mè nheo ăn nằm với tình nhân, anh nào cũng hùng hổ đòi bỏ vợ bỏ con. Có thể trong lúc này anh ấy rất thành thật, nhưng sự thành thật tồn tại trong đầu anh ấy bao lâu? Bước ra khỏi căn phòng này, ngồi trước tay lái, trên đường về nhà, sự thành thật sẽ teo dần, và sẽ hoàn toàn triệt tiêu đối diện với cơ ngơi nhà cửa, con cái, công ăn việc làm. Dĩ nhiên ngoại trừ một số anh quá u mê say đắm, lại gặp phải loại tình nhân cao tay, thì miễn bàn. Mình nào phải hạng đàn bà đó. Chiếm giữ anh ấy làm của riêng để làm gì nhỉ?

Nhưng ngộ nhờ anh ấy yêu mình thật, muốn sống với mình thật, muốn bỏ vợ bỏ con thật? Xem ra, mình cũng nghĩ nhiều về anh ấy đấy chứ. Mình sắp ba mươi, ở Việt Nam, tuổi này có thể đưa vào viện bảo tàng, chẳng ma nào dám đụng đến. Hoàn cảnh ở đây có khác, chưa đến nỗi ế, tuy nhiên dẫu sao rồi cũng phải có chồng có con. Một vài năm nữa, già

thật, sẽ thế nào đây? Mình có nên cướp chồng của người ta không? Xét trên khía cạnh đạo đức, dĩ nhiên sai trái, song nếu nhìn vấn đề một cách khách quan, đời sống lứa đôi chỉ tồn tại và hạnh phúc khi hai người trong cuộc còn nhìn nhau bằng con mắt yêu thương, một khi đã coi nhau như kẻ thù, tốt nhất nên trả tự do cho nhau.

Tóm lại, nếu anh ấy muốn thế thật, mình sẽ tính thế nào đây?

Mình sẽ tính thế nào đây? Người đàn bà buông cuốn nhật ký xuống mặt nệm. Con uất ức tiếp tục tăng trưởng. Bà vùi mặt vào gối, hai hàm răng cắn chặt, những giọt nước mắt trào ra. Người đàn bà khóc nghẹn. Cho đến khi bà nghe tiếng mở cửa. Vợ vã vùng dậy, người đàn bà lau nhanh hai hàng nước mắt, mang cuốn nhật ký giấu lại chỗ cũ.

Dãy bàn dài chiếm từ đầu đến cuối chiều dọc căn phòng. Trên bàn ê hề thức ăn, ly chén muống nĩa, rượu mạnh cho phái nam, nước ngọt cho các bà.

Khách hầu hết đã ăn xong, họ đứng, ngồi thành từng nhóm, rải rác từ ngoài cửa vào đến phòng ăn. Tiếng nói cười từ tốn, tiếng nhạc thoang thoảng, ánh đèn mát dịu, những dây hoa giấy giăng ngang dọc trên trần cùng với những quả bóng xanh đỏ. Không khí tuy vui nhưng không sôi sảng, ảm ỉ như các buổi party của giới trẻ. Lý do cũng dễ hiểu, hầu hết những nhân vật hiện diện ngày hôm nay đều thuộc thành phần thượng lưu của cộng đồng. Họ là bác sĩ, kỹ sư, doanh gia, luật gia, chính trị gia, nhân sĩ, nhà văn, nhà báo...

Các bà tụ lại chỗ bộ sofa, uống nước, dùng bánh ngọt và trao đổi nhẹ nhàng về thời trang, nhà cửa, xe pháo cùng chuyện làm ăn buôn bán.

Khác với các bà, bên cạnh chậu cúc đại đóa đặt trên chiếc đôn sứ cao ngang tầm ngực, một nhóm các ông đang bàn cãi sôi nổi về tình hình thời sự trong mấy tuần qua. Tất cả đều dồn ánh mắt về phía người đàn ông có chiếc trán hói, phơ phất những ngọn tóc thưa, cao to dềnh dàng, đi đứng lạch bạch khó khăn vì chiếc bụng quá lớn. Đôi mắt nhỏ, sắc như dao đảo nhanh ngang dọc tựa mắt loài chồn. Góc cằm bên trái, một cái nốt màu xám sẫm làm khuôn mặt như lệch đi, thiếu cân đối. Khác với dáng vẻ lạch bạch nặng nề, giọng nói ông ta nhanh và lớn, lúc nào cũng có vẻ muốn trấn áp người khác. Khi nói, hai bàn tay ông ta không ngừng hoạt động, hoặc ném ra phía trước, hoặc chặt xuống không khí, hoặc đưa lên cao, hoặc chỉ thẳng vào mặt người đối diện. Hai bàn tay nung núc mỡ, đầu ngón bẻ ra với những chiếc móng dày cấu bẩn. Hai bàn tay hoàn toàn không xứng hợp với công việc báo chí rất cao quý ông ta đang theo đuổi. Ngoài tài ứng đáp nhậm lệ trong mọi cuộc đối thoại, ông còn là một cao thủ ở các bàn nhậu, dường như ông không bao giờ biết say, càng uống càng tỉnh, càng uống càng nói năng hoạt bát. Uống, với ông ta là nhu cầu, mỗi ngày trung bình ông rót vào bao tử khoảng một chai cở nhác, bất kể thời tiết nắng mưa nóng lạnh. Thiếu rượu, ông như kẻ mất hồn, lơ đãng, mỗi mệ, chân tay chẳng buồn cử động. Khác với đa số những người nghiện rượu, ông ta có một sức khỏe sung mãn, chưa bao giờ người ta thấy ông ốm đau bệnh tật. Điều này giải thích

được nếu ta biết, ngoài khả năng rượu chè, các hàng quán ở đây đều rất nể mặt đức ăn của ông. Nhìn ông ăn, người ta có cảm tưởng hình như trên cõi đời này không còn lạc thú nào lớn hơn. Ông ăn nhanh, miếng trước chưa trôi qua cổ họng miếng sau đã được đưa vào mồm. Khi ăn, ông không bao giờ rời mắt khỏi mặt bàn, ai hỏi, chỉ ậm ự cho qua chuyện, miệng không ngớt chuyển động, mồ hôi tươm ra nhễ nhại. Ông ăn nhanh, đã đành, lại còn ăn mạnh. Một mình, ông có thể tiêu thụ thoải mái hai phần bíp-tết, mỗi phần không dưới nửa ký lô. Tuy ăn nhiều, tiền trả khá sòng phẳng, nhưng các chủ tiệm vẫn rất ngại tiếp ông, bởi lẽ, cũng như uống, ăn với ông ta là một cái đạo. Phở gà ư? Bánh phở phải mềm mà không được nhão, gà phải dai, thịt phải tươi, nước lèo phải ngọt, rau thơm phải xanh, đầy đủ hành trần, ngò gai, tương đen tương đỏ, ớt thơm thơm không già không non và nhất định phải cay. Cơm sườn ư? Lát sườn phải bẻ thế, chung quanh phần thịt phải viền mỏng một lớp mỡ, thịt nướng vừa đủ chín nhưng phải hơi cháy cạnh... Nói chung, bất cứ món ăn nào, với ông, cũng phải đúng tiêu chuẩn, và “xứng đáng đồng tiền bát gạo” như ông thường phê, nếu không, ông chửi tắt bếp, chửi chẳng nể nang, chửi vuốt mặt không kíp, có khi còn đưa lên báo để cả nước cùng biết, cho chừa cái tật “làm ăn thiếu lương thiện, lừa dối khách hàng”. Ông ta hiện là đương kim chủ nhiệm một tờ báo có khuynh hướng chính trị cực hữu, từng có nhiều bài quan điểm nẩy lửa đánh trí mạng vào một đồng nghiệp, theo ông, lập trường không được minh bạch. Bây giờ, ông ta đang ném ra những lời đánh thép vào người đối diện, một luật sư,

“Theo anh, chính sách cởi trói văn nghệ ở Việt Nam là một thực tế rất nên lạc quan ấy à? Tôi thấy anh còn ngây thơ về chính trị, nhất là ngây thơ với bọn Cộng Sản. Rồi anh xem, tất cả chỉ là trò lừa bịp tráo trở. Sẽ có nhiều con cá xỘ lưới. Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm ngày xưa là một thí dụ cụ thể. Anh không nhớ sao? Vả lại, cứ cho rằng quả có một nền văn chương phản kháng đang khởi động trong nước đi, nhưng anh phải hiểu, những tên nhà văn nhà báo này thực chất là những đảng viên Cộng Sản, những tên đã được chế độ nuôi dưỡng, đào tạo. Nếu chúng có phản kháng, cũng chỉ nhằm mục đích kiện toàn chế độ, làm cho cái nền chuyên chính vô sản của chúng tốt đẹp hơn lên. Theo tôi, đã là Cộng Sản thì dù xấu, dù đẹp, vẫn cứ là Cộng Sản. Chúng ta chống là chống chủ nghĩa Cộng Sản, chống sự cai trị của Cộng Sản. Bất cứ cái gì xuất xứ từ thằng Cộng Sản, chúng ta đều có bốn phen phải tiêu diệt. Chúng ta tha phương cầu thực há không phải vì bọn khốn nạn đó sao? Ngày nào còn một thằng Cộng Sản, ngày đó tôi còn chiến đấu. Phải bằm chúng nó nát ngấu như tương, tôi mới hả dạ.”

Vị chủ báo chấm dứt câu nói hùng hồn bằng một nhát tay chặt xuống không khí, làm như trước mặt ông là một thằng Cộng Sản, và bàn tay như nhát mã tấu. Qua thái độ, cử chỉ của ông, mọi người không thể không liên tưởng đến hình ảnh một đao phủ thủ với lưỡi kiếm trên tay, lưỡi kiếm vung lên, đầu tử tội lìa khỏi cổ, lặn long lóc vào thùng mạt cưa.

Ông luật sư tựa tay lên chiếc đôn sứ. Bộ veston màu xám sẫm, somi trắng, cà vạt xanh đậm lồm đồm chấm trắng làm tăng thêm đáng vẻ chững chạc, đạo mạo của một người quen

đối diện với đám đông. Ông luật sư cất giọng từ tốn trả lời ông chủ báo,

“Tôi nghĩ, khi một nhà văn - chẳng cứ gì nhà văn, một người bình thường vô danh tiểu tốt nào đó - khao khát cái đẹp, cái toàn thiện toàn mỹ, đem hết tấm lòng ra để đấu tranh cho bình đẳng, ấm no và hạnh phúc, thì người đó đã vượt lên trên mọi chính kiến chủ nghĩa. Bởi chính kiến chủ nghĩa chỉ có tính cách giai đoạn, nó phải chuyển hóa và bắt buộc sẽ chuyển hóa. Anh nên công tâm nhận rằng, cái ý thức phản kháng họ đã gieo mầm trong quần chúng, không phải rất đáng sợ sao? Nếu cân nhắc giữa lợi và hại, chúng ta còn thấy rõ đáp số, hướng hồ khôn ngoan như Cộng Sản. Họ chẳng đại gì vạch áo cho người xem lưng, họ cũng chẳng đại gì chơi dao hai lưỡi. Cho nên, tôi nghĩ, lập luận như anh e có phần quá khích, và thiếu luận cứ.”

Ông chủ báo nhún vai, bất ngờ vươn tay với lấy một lát chả giò trên bàn ăn bỏ nhanh vào miệng, nhai say sưa rồi chiêu một hớp rượu lớn. Ông ta trợn mắt - chẳng hiểu vì thức ăn chưa kịp trôi qua cổ họng làm nghẹt thực quản hay do thói quen - nhìn vị luật sư, hai bàn tay nâng ngang ngực, xòe ra,

“Đối với thằng Cộng Sản, không quá khích cứ coi như từ chết đến chết. Kinh nghiệm lịch sử mà.”

Ông luật sư lắc đầu,

“Lịch sử của một quốc gia bây giờ không như vài ba mươi năm trước đâu anh ơi. Tất cả đều là những mắt xích trong sợi xích dài. Tình hình Đông Âu đó. Có cưỡng chống, đi ngược lại được không?”

“Anh đừng đem trình độ dân trí của dân Đông Âu mà so

sánh với Việt Nam hay các quốc gia Á châu.”

“Tôi hiểu những điều anh nói, nhưng như tôi đã trình bày, thời đại bây giờ khác xưa nhiều lắm rồi. Ngày nay, một quốc gia không thể đứng một mình mà có thể tự tồn được nữa. Những quy luật về kinh tế, chính trị không cho phép anh chọn thể đứng cô đơn. Cho nên, vấn đề bây giờ không phải chuyện Quốc hay Cộng, tả hay hữu nữa. Vấn đề là nếu họ chịu đi theo cái tiến trình lịch sử của nhân loại, thì sống, ngược lại, chết. Chỉ thế thôi. Tôi tin, dù ngoan cố cách nào, Cộng Sản Việt Nam cũng phải nhìn thấy điều đó chứ.”

Một vị khách khác, mày râu nhẵn nhụi, này giờ lặng lẽ đứng nghe, bỗng vọt miệng hỏi ông luật sư, giọng sôi nổi,

“VẬY theo anh, chẳng lẽ chúng ta cứ ngồi ngửa mặt chờ sung rụng, không làm gì để giúp cho cái mà anh gọi là tiến trình lịch sử nhân loại chuyển động sao?”

“Làm chứ. Nhưng bạo lực và cuồng tín không còn hợp thời nữa. Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo. Bài học của sáu trăm năm trước bây giờ xem ra vẫn còn áp dụng được.”

Vị chủ báo khoát tay, to tiếng,

“Tôi hiểu ý anh rồi, nghĩa là phải thỏa hiệp với thằng Cộng Sản, phải tiếp tay giúp chúng nó xây dựng lại đất nước. Khi dân giàu nước mạnh thì Cộng Sản tự triệt tiêu...”

Ông ta ngửa mặt lên trần, cười mai mỉa,

“Ô hô, anh đang ăn phải bả của bọn lừng khừng rồi, tinh thần anh có vẻ chao đảo rồi.”

Ông luật sư nhún vai, cũng mai mỉa không kém,

“Các anh có một thói quen thật quái gở, hễ cứ không

đồng quan điểm là lập tức các anh đẩy người ta về phía bên kia. Rốt cuộc, ai cũng có thể trở thành Cộng Sản. Như vậy, tôi e rằng các anh đã vô tình làm lợi cho Cộng Sản, đã khiến hàng ngũ chúng ta teo tóp đi một cách thật đáng đau buồn. Kẻ hoang mang sẽ mịt mù trong điều phải lẽ trái, người kiên định sẽ chán nản buông trôi, bọn nhi nhô trở cờ đón gió sẽ tha hồ múa may quay cuồng.”

Một người tuổi trung niên, da dẻ hồng hào, mặt mày phơn phớt, chứng tỏ ông ta đã và đang có một đời sống vật chất tốt, và chắc chắn ít âu lo, vừa rời một nhóm nhỏ phía góc phòng đối diện bước qua. Trên tay ông ta ly rượu vui quá nửa. Trung niên giọng hào hứng,

“Quý vị đang bàn cãi vấn đề gì coi sôi nổi vậy?”

Vị khách mày râu nhẵn nhụi cười,

“Ồ, chuyện Đông Âu với Việt Nam đó mà.”

Trung niên đưa ly rượu lên môi nhấp một ngụm, nhìn khấp lượt các vị đang vây quanh, mắt hấp háy,

“Ồ,Ồ, Chuyện Việt Nam ấy à, có gì phải bàn cãi cho thêm phí lời. Bọn ngoan cố đó thì không thể dùng lý lẽ mà phân định đúng sai được nữa. Song song với bạo lực, chúng ta cứ để cho chúng chết đói nhăn răng, cô lập kinh tế, cắt tiết mọi nguồn tài trợ, đánh cho tan tác cái bọn ham lợi, giao thương với chúng, kẻ cả dân ngu khu đen tiếp sức cầm hơi cho chúng qua con đường gỏi hàng, gỏi quà, thuốc men, tiền bạc, du lịch du liễu... Một khi dân nó đói quá, ắt sẽ nổi dậy, đến lúc đó chỉ có trời cản. Trong trò chơi chính trị, đôi khi chúng ta không thể dùng cái lòng nhân đạo có tính cách cá nhân để giải quyết. Dĩ nhiên, tôi cũng có bà con ruột thịt ở quê nhà chứ, không giúp đỡ gì được cho

họ, tôi cũng đau lòng lắm chứ. Nhưng nếu mỗi người chúng ta hy sinh một chút, biết dẹp cái tình cảm riêng tư mà nghĩ đến quốc gia đất nước, thì mới mong thực hiện được việc lớn, và cái việc lớn của chúng ta bây giờ là làm thế nào cho thắng Cộng Sản càng đồ nhanh càng tốt, càng đồ nhanh thì dân càng bớt khổ. Phương tiện biện minh cho cứu cánh. Chỉ giản dị có thế.”

Vị chủ báo tán đồng quan điểm của trung niên, “Đúng quá, anh nói đúng quá. Trong chính trị, không thể để cho cái tình cảm nhân đạo chung chung chi phối, nhất là với thắng Cộng Sản, phải quyết liệt, phải một mất một còn, không ảm ố được.”

Vị luật sư nhìn trung niên, rồi nhìn vị chủ báo,

“Xin lỗi các anh, chúng ta ở ngoài này, hưởng thụ vật chất no đủ thừa mứa, làm thế nào cảm thông nổi với cái cơ cực không cùng của người dân trong nước. Cho nên tôi e rằng thái độ của các anh hơi quá khích. Vả lại, các anh cũng thừa hiểu, chủ nghĩa Cộng Sản chỉ có thể tồn tại khi nào còn bất công, còn nghèo đói. Tôi đã từng bị kẹt lại nhiều năm trong nước, và đã từng đi học tập, tôi biết, khi cái đói đã đi đến chỗ cùng cực thì ý thức phản kháng tự động triệt tiêu. Con người ta lúc bấy giờ chỉ có một ước mơ duy nhất, làm sao để có cái ăn, mọi chuyện khác, quê hương, đất nước, tự do, độc lập, kể cả gia đình cha mẹ vợ con, tất cả chỉ là một mớ danh từ vừa trừu tượng, vừa hết sức xa xôi. Các anh đã làm khi cho rằng, người dân đói quá sẽ đứng lên làm cách mạng, sẽ nổi dậy đập tan gông xiềng. Ô, Ô... Tôi e rằng các anh thiếu kinh nghiệm thực tế. Một điều nữa tôi phải xin lỗi

các anh, chúng ta đang ở đây, giữa pháo đài tự do an toàn này, tiếp tục mua nhà, tiếp tục tậu xe, tiếp tục tích lũy tiền vào ngân hàng, tiếp tục uống cô nhắc, tiếp tục ăn cao lương, để có sức ngoạc mồm chống Cộng, thì có vẻ hơi hèn, và các anh phủ nhận cái khí phách hiên ngang bất khuất của những người cầm bút phản kháng ở quê nhà, họ đã và đang ngồi viết với một cái bụng rỗng còn cào vì đói, với một tảng đá nặng nghìn cân của bạo lực trên đầu, thì có vẻ bất nhân.”

Vị chủ báo chặt tay vào không khí, định phản công cái ý kiến xem ra rất chao đảo của ông luật sư thì có tiếng vỗ tay yêu cầu im lặng của bà chủ nhà.

Tất cả quay về phía bà ta.

Người đàn bà đứng chỗ đầu dãy bàn dài, bên cạnh, một chồng bao thư dày cộm, loại bao thư khổ lớn, bà vừa khệ nệ ôm xuống. Khuôn mặt bà ta trông già hơn tuổi dưới ánh đèn. Người đàn bà nhìn một lượt khắp phòng rồi chậm rãi cất tiếng,

“Thưa các anh chị, các bạn. Trước tiên tôi thành thật cảm ơn các bạn, các anh chị đã đến chia vui với chúng tôi nhân dịp kỷ niệm hai mươi bốn năm vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau. Sau đây, tôi xin gửi đến các bạn, các anh chị, nhất là những đồng chí của ông nhà tôi, một món quà, mong các bạn, các anh chị nhận cho.”

Người đàn bà dừng lại, liếc nhanh người đàn ông, tia mắt bà bắt gặp tia nhìn ngạc nhiên của chồng. Lại nhỉ, bà ấy làm trò gì đây? Người đàn ông nhìn chồng bao thư dày cộm. Bà ấy định tặng cái gì cho quan khách? Sao ông không biết trước? Người đàn bà cúi xuống một giây như để lấy thêm

sức, rồi ngẩng lên, giọng chậm và trầm,

“Chúng tôi ăn ở với nhau hai mươi bốn năm, ngày nay, con cái cũng đã trưởng thành, con gái đầu của chúng tôi đã có chồng, có con, nói một cách khác, chúng tôi đã lên đến chức bà, chức ông. Suốt hai mươi bốn năm, kể từ ngày tôi về làm vợ ông nhà tôi, bao giờ, lúc nào, tôi cũng xem ông ấy như một tấm gương sáng. Mấy năm gần đây, ông nhà tôi tham gia vào những hoạt động chính trị của các anh, không có thì giờ để lo cho gia đình. Tôi đã thay anh ấy cáng đáng, dù nhiều lúc khá mệt mỏi, nhưng tôi vẫn vui. Tôi nghĩ mình là đàn bà, chân yếu tay mềm, chữ nghĩa tài cán không bao nhiêu, có được một người chồng như ông ấy, biết hy sinh đời sống cá nhân để lo việc lớn, quả rất đáng hãnh diện. Sau này, đất nước, nếu nhờ các anh mà được tự do no ấm, thì dù ông nhà tôi chẳng quyền cao chức trọng, nhưng chắc chắn con cháu sẽ không đến nỗi phải xấu hổ khi trở lại quê hương. Niềm an ủi đó đã giúp tôi thêm nghị lực để vượt qua mọi khó khăn. Nhưng... nhưng...”

Người đàn bà cúi xuống, hai vai bà chột rung lên. Đường như có một sức nặng nào đó đang đè trên vai người đàn bà. Căn phòng trở nên im lặng nặng nề. Người đàn bà cố nén cơn xúc động, tiếp tục nói,

“Nhưng... Nhưng... Tôi thật tình đau buồn khi khám phá ra rằng, niềm hãnh diện của tôi, sự hy sinh của tôi, lòng kính trọng của tôi, đối với ông ấy, giờ đây, đã hoàn toàn sụp đổ.”

Người đàn bà lòn tay xuống dưới, lôi ra tập nhật ký của thiếu nữ, vắt lên bàn,

“Đây là tập nhật ký của tình nhân ông ấy, tôi tình cờ nhặt

được. Tôi đã photocopy làm nhiều bản, kính tặng các bạn, quý vị, những đồng chí của ông nhà tôi để quý vị đọc, và soi lại nhân cách của mình. Ở đây, tôi xin được mở một đầu ngoặc, trong số quý vị hiện đang có mặt, không thiếu những vị tôi đã và đang hết sức kính trọng, bởi tôi hiểu những vị này thực sự là những hạt nhân tốt, những điểm sáng của lương tâm, tôi thành thật xin lỗi, mong được rộng lòng tha thứ. Trở lại vấn đề, bất hạnh cho tôi, mà cũng may mắn cho tôi, qua tập nhật ký quý vị sắp được đọc, tôi đã có cơ hội nhìn ra chân tướng của một số quý vị, của ông nhà tôi, những người đang đại diện cho cả một thể hệ lưu vong, những chiến sĩ can trường cuối cùng trên tuyến đầu chống lại bạo lực hà khắc tại quê hương. Giờ này, tôi không còn biết nói gì hơn, chỉ mong quý vị, cũng như nhà tôi, xin hãy thôi đi, đừng nói, đừng bàn, đừng làm việc lớn nữa. Đủ rồi. Xin hãy làm những việc nho nhỏ, như kiếm tiền nuôi vợ nuôi con, như tất cả những người bình thường khác. Quý vị đừng đánh lừa quý vị, đừng đánh lừa mọi người. Thái độ đó thật quá sức bất lương và tàn nhẫn. Tôi bây giờ như gái ngồi phải cọc. Con cái đã lớn, tôi không thể bỏ anh ấy, tôi không thể tung hê tất cả cái cơ ngơi đã tạo dựng bởi mồ hôi nước mắt mười lăm năm, nhưng xin thú thật, tôi cũng không còn đủ sức lực và niềm tin cũng như lòng tự hào hãnh diện để có thể xưng chải như xưa, cho nên...”

Người đàn bà quay về phía người đàn ông,

“Bây giờ, em sống mà như đã chết. Mất đi một người thân, tuy có đau khổ đấy, nhưng rồi sẽ nguôi ngoai. Mất đi một niềm tin đã được vun bồi ấp ủ mấy mươi năm, ấn tượng

đĩ nhiên sẽ còn tồn tại mãi mãi, khó lòng tẩy xóa. Em xin anh, như đã từng xin một số các vị đang có mặt trong phòng này, là hãy thôi, hãy đừng làm việc lớn nữa, hãy giúp em làm những việc nhỏ, thiết thực hơn và phù hợp với khả năng của anh hơn, đó là từ bây giờ, tiếp em, lo cho gia đình, cho các con, giúp chúng ăn học đến nơi đến chốn, tạo cho chúng một cái nhìn, một niềm tin trong sáng hơn đối với chúng ta. Tâm hồn bọn trẻ như tờ giấy trắng, những điều chúng ghi nhận thuở thiếu niên, sẽ như dấu ấn mãi mãi khắc ghi trong suốt cuộc đời, chúng ta không có quyền làm thui chột, hoen ố tâm hồn chúng. Anh, em chẳng còn đủ trẻ để chia tay và làm lại. Vậy, nếu có chết, chúng ta chỉ nên chết một cách thật êm đềm, nhân danh tương lai của các con. Em tự nguyện lui vào bóng tối, em tự nguyện làm thứ bóng mờ sau lưng anh, và em hứa, sẽ quên hết, cố gắng để quên hết, em chỉ nhắc lại, xin anh, em xin anh, đừng làm việc lớn nữa, đừng bao giờ làm việc lớn nữa. Anh làm mất niềm tin của em, cái đó chỉ có tác động trong một phạm vi nhỏ, nhưng làm mất niềm tin của bao nhiêu người khác, những người như em, ngày trước, như em, hai mươi năm nay, như các con, như thế hệ của các con, cái thế hệ chỉ còn liên hệ với quê hương qua cái gạch nối rất mong manh là chúng ta. là một hành động tàn nhẫn, vô nhân tính.”

Giọng nói của người đàn bà càng lúc càng trở nên vấp vấp, cuối cùng, bà ta gục xuống, những giọt nước mắt lăn dài hai bên khóe, người đàn bà nghẹn ngào,

“Việc nhỏ... Hãy làm những việc nhỏ... Em... em... xin anh.”

ĐU MÁ NÓ, CUỘC ĐỜI

Quán còn lại ba thằng.

Đồng hồ trên tường chỉ mười một giờ hai mươi lăm phút.

Thằng lớn nhất - trạc mười chín, ria mép lún phún, tóc cắt cao lồm chồm như bờm ngựa, da đen tái - xoay mặt về phía quầy hỏi lớn:

“Mấy giờ đóng cửa, ông chủ?”

Ông chủ - tròn ủng và thấp lùn đùn, có khuôn mặt hồng hào nằm trên chiếc cổ nung núc nhiều ngấn - đang cẩn thận kiểm lại chồng hóa đơn, ngẩng lên, giọng Việt Nam lơ lớ,

“Mười hai giờ kém hai mươi. Ấy, các chú cứ tự nhiên. Trễ chút linh lược mà.”

“Good! Đúng giờ, bọn này châu.” Thằng lớn nhất nói.

Ông chủ vui vẻ,

“Không có sao mà.”

Thằng nhỏ nhất - trạc mười bảy - rót nốt phần bia còn lại trong chai vào ly, nâng lên,

“Cạn đi, làm cái mới.”

Thằng lớn vừa - trạc tuổi thằng lớn nhất - nhưng mày râu nhẵn nhụi lại trắng trẻo nên trông trẻ hơn, cũng rót đầy ly cùng với thằng nhỏ nhất.

Thằng lớn nhất vẫn ngồi yên. Hắn rút một điều thuốc - Dunhill hộp vuông - gài lên môi, vói tay lấy cái quẹt giấy. Quẹt. Ngọn lửa xanh xòe bung, hắn kê đầu điều thuốc vào ngọn lửa bập bập, rồi chồm người về phía trước, chu miệng thổi khói vào cái chai không. Màu khói xám đục quàng trong lòng chai. Hắn lặp lại động tác đến lần thứ tư. Chán, đẩy cái chai ra xa, quay mặt nhìn qua khung kính lớn.

Ngoài đường đã vắng tanh vắng ngắt, sương mù như khói, càng lúc càng dày, ánh sáng trong khu parking vàng đục hiu hắt.

Vào những năm đầu của cuộc cách mạng Xã hội Chủ nghĩa tại miền Nam, con hẻm dẫn vào nhà hắn cũng được soi sáng bằng những ngọn đèn đường vàng đục hiu hắt như thế. Nhưng sau đó không lâu, càng lúc cuộc sống càng trở nên khó khăn, tệ nạn xã hội bộc phát, bóng tối là một đồng lõa tốt của mọi mưu toan bất chính, dần dà, không biết từ lúc nào, bóng đèn bị ném đá vỡ hoặc bị đánh cắp. Nhà nước năm bảy bận cho thay và tổ dân phố bao nhiêu lần họp hành, cắt đặt đội dân phòng tuần tra canh bắt lũ phá hoại. Hoài công. Những chiếc bóng đèn vẫn bị ném đá, vỡ, hoặc tan biến vào hư vô. Rốt cục, pháp chế nghiêm ngặt của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đành chào thua. Những đêm cúp điện,

ánh sáng đèn dầu trong các căn nhà dọc hai bên không đủ sức chiếu rọi ra ngoài, con hẻm hoàn toàn bị bóng tối đen đặc phủ trùm. Mùa đông, thằng lớn nhất không thể rời khỏi nhà khi ngày đã tắt, bởi gần như mấy tháng ròng, ngõ hẻm biến thành một con lạch nhỏ lầy lội sinh bùn bốc mùi hôi lưu cữu, không quen thuộc và sơ sẩy, người ta dễ dàng lọt vào các vũng bùn sâu có khi đến ống chân. Trong những tháng như thế, thằng lớn nhất buồn nhão người. Thứ nhất, hắn không thể cùng đám bạn trong xóm tụ tập u mọi, đá lon, đánh giặc giả, sinh lực thiếu niên bị giam nhốt bằng những trận mưa lút thướt, không có điều kiện phát tiết, khiến thằng nhỏ bút rút không yên. Thứ hai, và cũng là điều đáng sợ nhất, phải ru rú trong nhà để chứng kiến cảnh mẹ hắn gấu ó với bà ngoại. Ngày lại ngày, dầm mình trong bầu khí đầy độc tố, tâm hồn hắn dần dà trở nên hôn ám. Gần như không sót ngày nào, xung đột giữa hai mẹ con không xảy ra. Hắn còn quá nhỏ để hiểu rõ nguyên nhân, nhưng qua thái độ, qua đối đáp, và qua những than van, đay nghiến, qua tiếng khóc uất nghẹn của hai người đàn bà, hắn cũng lờ mờ đoán ra nghề nghiệp mẹ hắn đang làm, một nghề nghiệp chắc hắn lắm tội孽.

“Nếu thằng chồng mày nó biết được mày đã dơ dáy đại hình như bây giờ, đã bôi tro trát trấu vào gia phả tổ tông, làm sao nó chịu đựng nổi?”

“Đồ hết mọi tội lỗi lên đầu người khác, chuyện đó ai cũng làm được, dễ quá mà. Nhưng con nhớ nhuốc tăn mạt, vì ai? Thời buổi này, mẹ cũng thấy chứ, kiếm được miếng ăn nuôi thân đã là chuyện thiên nan vạn khổ, đằng này một mình con phải lo cho cả gia đình, và hàng tháng phải com

nắm cơm gói lặn lội thăm nuôi. Con không làm thế ai nuôi mấy đứa nhỏ, ai nuôi mẹ, ai nuôi anh?”

“À... Mày kể công với tao đấy phỏng? Mày nuôi tao một ngày hai bữa cơm để có dịp rửa sả tao đấy phỏng?”

“Con không kể công với ai hết, con cũng không đổ tội cho ai hết, nhưng ít ra mẹ phải nhìn thấy điều phải lẽ trái chứ!”

“Điều phải lẽ trái? Mày còn dám dạy tao điều phải lẽ trái kia à? Tao nào có ăn đeo ăn bám mày đâu? Từ sáng đến khuya, mày đi biệt, nhà này ai lo? Cơm nước giặt giũ ai gánh? Ba đứa nhỏ ai chăn? Tao đi ở đợ cho người ta cũng còn có thêm chút tiền lặn lưng, ở đợ cho mày, tao được cái gì? Chỉ tổ xấu mày xấu mặt với bà con chòm xóm, với họ hàng làng nước. Bỉ cực biết chừng nào.”

“Còn con, con không nhục nhã, không ê chề, không muốn cắn lưỡi chết đi cho xong nợ sao?”

“Chết đi. Mày chết cha mày đi cho đỡ gai mắt.”

“Con chết, để mẹ dẫn ba đứa nhỏ xách bị gậy ra đường ấy à? Thời buổi này chẳng ai dư giả giàu có bố thí đâu. Có mà đói nhần răng.”

“Ôi ông ơi là ông ơi. Ông sống khôn thác thiêng về mà nhìn con gái ông nó rửa sả đay nghiến tôi kia. Khốn nạn chưa. Ôi ông ơi là ông ơi.”

“Mẹ khề mồm đi một chút có được không? Làm gì ầm ĩ lên thế?”

“Mày sợ người ta biết à? Bộ người ta đui hết à? Thứ con cái bất hiếu bất mục như mày mà còn biết sợ à? Tao xé lòn sinh ra mày, tao nuôi mày khôn lớn nên người nên ngọm, để

bây giờ mày trả hiếu cho tao như vậy đấy à?”

“Con chẳng sợ vạ gì ai hết, không dấu được ai chuyện gì hết, nhưng con lạy mẹ, hãy để con yên, tui cực lắm rồi, chẳng cần phải đánh trống khua chuông làm gì nữa. Mẹ nghĩ kỹ đi, nếu con không bán trôn thì lấy cút mà đút vô mồm à? Mẹ chửi con, nhưng để sống cho đến ngày hôm nay, năm nhân mạng trong nhà này có phải ăn phải mặc không? Mẹ trả lời con đi.”

“Ôi trời cao đất dày, có mắt mà nhìn xuống coi con tôi nó kẻ công kẻ tội tôi kia.”

Tiếng tru tréo của ngoại, tiếng khóc tức tưởi của mẹ, ngôi nhà u ám lù mù ánh sáng, những bữa cơm nguội lạnh, ngoại giận không đụng đũa, mẹ đắp chăn nằm thu lu một góc. Thằng lớn nhất đã lớn lên, đã dần dần hiểu rõ mọi chuyện, đã vừa khinh mẹ, vừa thương mẹ.

Năm mười bốn tuổi, mẹ gởi hấn cho một người đàn ông từng trao đổi xác thịt với mẹ xuống tàu, vượt biên. Thằng lớn nhất lờ mờ hiểu, ngoài hai phần ba số vàng mẹ phải đóng, suốt ba tháng trời chuẩn bị cho chuyến đi, mẹ phải kiêm nhiệm thêm trách vụ làm chỗ “xả xú bấp” cho người đàn ông, thằng tài công, thằng phụ lái và một lô một lốc bọn đưa đường dẫn lối. Trách vụ này, dĩ nhiên phải được hiểu ngầm: bù đắp vào phần ba số vàng còn lại. Buổi tối tiễn hấn ra đi, mẹ vuốt tóc hấn, hai mắt đỏ hoe,

“Con qua được xứ người, rán chịu khó ăn học cho nên người. Hai em và gia đình đặt hết hy vọng vào con. Ba nữa, ngày nào ba về, chắc cũng được an ủi nhiều.”

Thằng lớn nhất chột nhãn mặt, hai ngọn đèn sáng lóa dội

xuyên qua khung kính chói chang. Chiếc sport bò vào chỗ đậu, trực diện với bàn nhậu của ba thằng. Hai ngọn đèn còn sáng hồi lâu, như thách thức, trước khi từ trên xe một cặp trai gái bước xuống, vào quán. Thằng con trai cao to dềnh dàng, chiếc áo da đen khoác ngoài, chiếc quần rộng lòng thùng, hạt thủy tinh chõ trái tai sáng lấp lánh, điều thuốc ngậm hờ trên môi. Đưa con gái tóc đỏ cách, phần trên chĩa ra phía trước cứng còng như lông nhím, hai bên mai vén gọn qua vành tai, tém ra phía sau vuốt thành đuôi chuột, phơi chiếc ót trắng ngần. Thằng con trai hất hàm hỏi trông,

“Còn mở cửa?”

Ông chủ ngẩng lên,

“Sắp đóng dòi, cô cậu thông cảm.”

Thằng con trai shit nhỏ, kéo đưa con gái ra cửa. Chiếc xe nổ máy, de lui, quay đầu phóng ra đường, chìm nhanh trong sương.

Thằng lớn nhất cũng shit. Hắn lại đốt thuốc, lại thổi khói vào miệng chai, lại nhìn đám khói đục quàng trong lòng chai. Bọn nhô bên này giống nhau một cách lạ lùng, từ mặt mũi đến trang phục tóc tai. Đó là những nhân dạng được đúc ra từ một cái khuôn. Nhiều buổi sáng cuối tuần, thằng lớn nhất ngồi đông dài với bạn bè trong khu Phước Lộc Thọ, nhìn lũ gái trai rước đèn, hẳn có cảm tưởng tất cả đều là anh em cùng một gia đình. Ở Việt nam, học sử, hẳn đã biết chuyện Lạc Long Quân Âu Cơ. Hắn nghĩ, chưa bao giờ huyền thoại trăm trứng trăm con kia được biểu thị một cách mạnh mẽ rõ nét như bây giờ, ít nhất, về mặt ngoại hình. Thằng lớn nhất nhìn hai thằng bạn, hẳn bỗng bật cười. Chính hắn, bè bạn hắn

cũng nào có thoát ra ngoài cái khuôn mẫu này đâu? Thậm chí, hẳn biết, nếu vì lý do nào đó không đủ điều kiện để làm giống mọi đứa khác, bọn hẳn sẽ khó lòng ăn ngon ngủ yên. Đứa con gái lớn của ân nhân hẳn chẳng đã từng suýt bỏ nhà ra đi ngày nào, chỉ vì bà mẹ nhất định không cho con nhỏ nhuộm vàng mái tóc như cô em bạn dì thường đến chơi nhà đó sao? Nghĩ đến con nhỏ, thằng lớn nhất bỗng nhớ lại đoạn đời đã qua, tuy chẳng xa xôi gì, chỉ mới ba năm, nhưng so với những đời thay đã đến với hẳn, thì khoảng thời gian ngắn cụt này quả là một đoạn đường dài thăm thẳm.

Từ trại tị nạn đến Mỹ, trong hai năm đầu hẳn ở chung với ân nhân, một đồng hương. Mỗi tháng hẳn chỉ được phát mười đồng tiêu vật. Tiền trợ cấp xã hội, theo sự chiết tính rất hữu lý của ân nhân, đã chi dụng hết sạch vào mọi nhu cầu nhiều khô linh kinh: Gạo nước, ga điện, nhà cửa, kể cả quần áo (dù thứ quần áo của các cửa hàng Good Will). Có khi ân nhân còn phải bù lỗ.

Hai năm, hẳn sống cô đơn buồn tẻ. Vợ chồng ân nhân đi làm từ sáng đến tối, các cô chiêu cậu ấm thì có vẻ kỳ thị ra mặt, không thèm đếm xỉa tới hẳn. Mà dẫu có đếm xỉa cũng đành chào thua. Tiếng mẹ đẻ các cô cậu bù trót, chẳng lẽ nói với nhau bằng tay? Tồn sức lao động cho cả đôi bên. Thôi thì mặc mẹ thằng nhà quê. Phần hẳn, càng tốt! Đỡ tui thân. Ở trường, hẳn theo đuổi việc học quá khó khăn, dù đã học sục hai lớp, hẳn vẫn không thể nào bắt kịp chương trình do trở ngại ngôn ngữ.

Hai năm, đến khi hẳn đủ khôn để phát hiện ra tấm lòng trời biển của ân nhân, lại ngán ngẩm chuyện học hành, bèn

dứt áo ra đi, giã từ bộ sofa ngoài phòng khách, nơi hấn ngủ mỗi đêm, và giã từ luôn trường lớp cùng niềm hy vọng của người đàn bà sinh thành ra hấn, đang mòn mỏi ở quê nhà.

Một đàn anh tình cờ quen biết đưa hấn về tổ quỹ của anh ta. Căn chung cư một phòng nằm giữa đám lán giềng tứ chiếng giang hồ đủ mọi quốc tịch màu da: Mễ, Mỹ đen, Phi, Thái, Miên, Lào... Tường, thảm, bồn tắm, bếp núc, ra nệm, tất cả đều cũ mèm, bẩn và bừa bộn một cách rất điển hình nhợc tiểu.

Tổ quỹ là nơi cư ngụ của bốn hảo hán. Hàng tháng chia nhau tiền nhà, thức ăn thì tên nào có tiền cứ mua về chất trong tủ lạnh, hết, mua tiếp, không còn tiền mua, mạnh tay nào tay nấy tự lo, ăn chực, ăn chờ, ăn bóng, ăn hôi, bằng cách nào mặc xác. Tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa, tuy đàn anh không trực tiếp quản lý số tiền trợ cấp nhỏ nhoi của hấn, nhưng với năm nhu cầu chỉ biết tiêu thụ mà quên sản xuất, thì ba trăm bạc - dù là dollars Mỹ hấn hỏi - cũng nhanh chóng biến vèo vào hàng quán, hút sách, bia rượu.

Xem ra, cuộc sống hấn càng thê thảm. Bù lại, hấn tự do hơn, đỡ tủi cực hơn, và bản năng có cơ hội phát triển dễ dàng hơn. Mấy năm sống cạnh đàn anh, hấn học được nhiều chuyện, kể cả chuyện trai gái dục lạc. Thịnh thoảng hấn cũng xin đi làm, nhưng không nơi nào bám trụ được quá ba tháng, hoặc bị lay off, hoặc tự động lay off.

Cũng nơi này, hấn quen biết thêm nhiều bạn mới, đủ tuổi tác thành phần, trong số đó có thằng lớn vừa và thằng nhỏ nhất.

Cũng nơi này, hấn bắt bớ với con Liên Ngựa, con bé nhỏ

hơn hẳn hai tuổi, nhưng trông già dặn từng trải hơn bọn cùng trang lứa dễ chừng đến nửa con giáp.

Liên Ngựa vượt biên cùng bà chị năm mười một. Ghe gặp cướp biển. Bà chị bị bọn hải tặc bắt đi, biệt vô tin tức từ ấy. Con bé ở đảo một năm, sau đó được bảo trợ qua tiểu bang Connecticut. Năm mười bốn, trong một party, con bé bị phục rượu có pha thuốc kích thích say mềm. Ba thằng con trai, vừa đen vừa trắng thay phiên nhau hiếp. Sau khi thỏa mãn, bọn con trai hăm dọa buộc con bé phải kín miệng, ọ ọ, chúng sẽ cắt cổ. Dĩ nhiên con bé chẳng dám hé răng. Từ hôm đó, con bé nghiêm nhiên biến thành đồ chơi của bọn tiểu yêu, không phải chỉ ba thằng, mà của bất cứ đứa nào quen biết với chúng. Nhưng rồi nghề dạy nghề! Dần dà con bé khôn ra, lì ra, không còn sợ tụi nhô con cắt cổ nữa. Ngược lại, con bé làm chủ được tình thế, nghĩa là có thể ngủ với mọi thằng, miễn phải có điều kiện trao đổi.

Khi con bé mu về Cali, chỉ trong một thời gian ngắn, cái tên Liên trần trụi không biết từ lúc nào được gắn thêm chữ Ngựa. Liên Ngựa danh chấn giang hồ trong làng chơi. Liên Ngựa hành đủ mọi nghề mà bọn đàn bà, chỉ riêng bọn đàn bà, mới có thể hành: Chiêu đãi viên trong các Night Club, nơi hội đủ điều kiện để Liên Ngựa phát huy tối đa kinh nghiệm xương máu của mình, làm cho túi tiền các đấng hùng anh nhẹ đi nhanh chóng; Vũ công sexy một trăm phần trăm; Thợ đấm bóp kiêm thợ chơi đôi lúc. Sự đời thường khi thật khó hiểu. Phóng đảng giang hồ đầy đủ lễ bộ vành ngoài vành trong như thế, lại có thêm tí nhan sắc trời cho, mộng đời vú về vạm vỡ ngồn ngộn, Liên Ngựa có thiếu gì đàn ông

con trai tốt mã đông bạc theo châu, thế mà chẳng hiểu tại sao thằng lớn nhất, cái thằng nhà quê mặt mày đen đui táo bón kinh niên, lại lọt vào mắt xanh con nhỏ. Những tháng hần bị lay off (hay tự động lay off), Liên Ngựa là người bảo trợ chí tình nhất. Dĩ nhiên con bé phải cày thêm job, đêm thường về khuya hơn, có khi mất biệt hai ba ngày, lúc mò về, kèm theo xấp tiền bẽ bộn là giấc ngủ như chết từ sáng đến tối, từ tối tới sáng, không nhúc nhích cục cựa. Những lúc như thế, thằng lớn nhất nhớ đến mẹ, nhớ đến những tờ bạc mẹ nhét vội vàng vào xú chiêng, vào lưng quần sau khi một gã đàn ông nào đó xong việc trả công. Và hần cảm thấy vừa nhục nhã vừa thương mẹ, thương Liên Ngựa quặn xót ruột gan.

Tiếng ghê xê dịch trên nền nhà. Ông chủ rời chỗ ngồi ra cửa lật tấm bảng mặt có chữ Closed ra phía ngoài, rồi trở lại vị trí cũ, cúi xuống chiếc máy tính và chồng hóa đơn.

Căn phòng rộng rơi vào yên tĩnh một lúc lâu, chỉ nghe tiếng lách cách rẹt rẹt của chiếc máy tính.

Thằng lớn vừa đã uống cạn phần bia của mình, cũng châm thuốc hút, hần không thổi khói vào miệng chai như thằng lớn nhất, nhưng nhả thành từng vòng, vòng này chui qua vòng kia một cách rất tài tình.

Thằng nhỏ nhất phá tan bầu khí yên tĩnh,

“Tối nay bọn bay ngủ đâu?”

“Đụ mẹ, hỏi lằng xẹt. Nhà thằng nào thằng đó về chứ ngủ đâu.” Thằng lớn nhất trả lời.

“Về nhà tao đi. Tao còn tí bồi, phi chơi.” Thằng nhỏ nhất rủ.

Thằng lớn vừa nhún vai,

“Đụ mẹ, ông già bà già mày táo bón bỏ cha.”

“Yên trí. Tao vào trước, mở cửa sổ bọn mày leo vào sau. Sáng ông già bà già đi làm, tha hồ các bố muốn ngủ đến mấy giờ cũng được.”

“Con em mày nó không biết mách lẻo chắc? Đụ mẹ, bọn con gái chúa thầy lay.”

“Con nhỏ sợ tao hơn sợ cạp. Đụ mẹ, lạng quạng tao đình tất thờ.”

Thằng lớn vừa ngáp dài,

“Quán sắp đóng cửa rồi, tan hàng cố gắng hay về nhà mày thì tính gấp cho tao nhờ. Đụ mẹ buồn ngủ quá xá rồi.”

Thằng lớn nhất nhìn thằng lớn vừa,

“Ngủ nghê gì giờ này. Đụ mẹ, uống chưa tới chỉ chán bỏ cha. Trả tiền đi, tìm quán khác nhậu tiếp, rồi tính.”

Thằng nhỏ nhất hỏi,

“Hôm nay thứ mấy?”

“Thứ ba.” Thằng lớn vừa trả lời.

“Thứ ba làm chó gì có quán nào mở cửa khuya? Vả lại, sau mười hai giờ ai bán rượu cho mà uống.”

Thằng lớn nhất nói:

“Con bò. Thiếu gì quán mở cửa over night. Muốn uống, vào liquor khuan rồi mang vô quán không được à? Mày có hóa đơn của liquor, chủ quán đâu chịu trách nhiệm. Đụ mẹ, ở Mỹ bao nhiêu năm cũng chẳng rửa sạch được phen dính đầy hai gót chân. Ngủ mày, đóng thùng trả về Năm Căn, Cái Nước là ăn chắc.”

Con bò hơi quê, lẳng lặng đứng lên, lại quây tính tiền. Ông chủ thối lại mấy mươi cent lẻ, nhìn cả bọn, cười,

“Cảm ơn nghe mấy cậu.”

Thằng lớn nhất ra trước, hai thằng nôi đuôi theo sau. Khi đi ngang qua chỗ ông chủ, thằng lớn vừa nói;

“Good night.”

Khí hậu bên ngoài gây lạnh. Gió chạy rào rào, cuốn mấy tờ flyer bay là là sát mặt đất. Văng xe, khu parking trở nên rộng mênh mông. Sương mù quánh đặc. Cây xăng đầu ngã tư lung linh ánh điện nhạt nhòa. Hộp đèn bảng hiệu có chữ Exxon trên đầu cây cột sắt vượt lên cao, quay chậm một cách kiên trì.

Cả bọn lên xe. Chiếc xe phóng ra khỏi parking, nhập vào lòng đường. Chiếc xe định lao qua ngã tư đèn đỏ, nhưng kịp dừng lại. Tiếng bánh rít trên mặt đường vang động cả khu phố.

Thằng nhỏ nhất kêu lên,

“Đụ mẹ, coi chừng cảnh sát. Chúng mà vô được bây giờ là đi đái cả lũ.”

Thằng lớn nhất ra lệnh,

“Rẽ vào cái liquor phía trước, nhanh lên, sắp hết giờ đến nơi.”

“Mấy giờ rồi?” Thằng nhỏ nhất hỏi.

“Mười hai giờ kém năm.” Thằng lớn nhất nói.

Giờ này, theo lệ thường, Liên Ngựa sắp về đến tổ quí, nhưng hôm nay con nhỏ có mồi làm ăn xa, để cũng đến ngày mốt mới mãn hợp đồng, thằng lớn nhất rất ngại về đó lúc chưa thật sự say, một mình. Mấy đàn anh hoặc còn la cà đầu đó, hoặc đang cùng đám trai gái tứ chiếng bày trò say sưa, hút sách, trong tiếng nhạc new wave âm ỉ, và dĩ nhiên, không

thể thiếu món mần tinh tập thể vô cùng náo nhiệt, nhể nhại, dâm dăng, thú vật. Những cặp vú tung nẩy lắc lư, những đôi hông nhấp nhòom xoay lắc, những cái giống trương cứng trơn nhờn, những chiếc háng dạng rộng xoắn xuýt lông lá đen ngòm ẩm ướt, những cặp giò quéo vào nhau, trên dưới, thấp cao, xuôi ngược, tiếng thở hổn hển, tiếng cười rinh rích, ền ẹt, hềnh hếch, tiếng môi lưỡi hút nhau chùn chụt, tiếng rên rỉ dờ dẩn, tiếng hú hét man rợ, những lời tán thán tục tĩu. Thăng lớn nhất ngại, một phần vì không thấy hứng để tham dự, hấn sợ gặp lại cái cảm giác nhòem tởm sau khi cơn hoan lạc qua đi, nhìn chung quanh những cây thịt nằm ngòì ngổn ngang, gối lên nhau, gác qua nhau, rúc vào nhau. Mùi mồ hôi, mùi rượu, mùi khói cần sa, mùi tinh khí trộn lẫn quánh đặc trong gian phòng chật oi nồng muốn ói. Những lúc như thế, hấn lại nhớ đến mẹ, và hấn khổ sở. Một phần khác, gần gũi hơn, hấn không muốn đắm chìm trong dục lạc khi Liên Ngựa đang phải làm ăn xa. Hấn cảm thấy có lỗi với con bé, dù sao, chút lửa nhỏ nhoi của lương tri vẫn còn thấp thoáng đâu đó trong tâm hồn hấn. Sống với nhau, dù là tình nghĩa giang hồ, cũng phải công bằng thì mới đúng đạo làm người.

* * *

Đồng hồ chỉ ba giờ sáu phút khi cả bọn về đến nhà thằng nhỏ nhất. Khu chung cư vắng lặng. Parking đã đầy xe. Thằng lớn vừa tuy say mềm nhưng cũng cố gắng vòng ra đường, tìm chỗ lè trống, đậu.

Hai thằng còn lại nằm ngả nghiêng phía nệm sau, há hốc

mồm khò khè ngáy. Thằng lớn vừa bước xuống. Hắn đứng tựa người vào thành xe, vạch quần đái vung ra mặt đường, xong đưa bàn tay vỗ vỗ trán, lầu bầu chửi thề, quay người dí mũi vào cửa kiếng, hét lớn,

“Đụ mẹ, dậy, tới nơi rồi.”

Thằng nhỏ nhất mở mắt, nhìn quanh, rồi vỗ đùi thằng lớn nhất,

“Xuống mày.”

Thằng lớn nhất mặt mày dờ dẩn. Suốt buổi tối lượng rượu hắn đổ vào bao tử coi mồi gấp đôi hai thằng kia. Hắn ngóc đầu lên, nhưng lại nằm vật ra, rên rĩ,

“Đụ mẹ... tao... mệt... quá... Bọn mày vào đi... tao ngủ đây...”

“Đừng giỡn nhột, nếu mày không muốn biến thành cây nước đá thì làm ơn bước ra cho tao nhờ.”

Thằng nhỏ nhất vừa nói vừa mở cửa chui ra trước, hắn vói tay nắm vật áo thằng lớn nhất lôi mạnh. Thằng lớn nhất chửi thề lèng èng nhưng cũng phải ra theo.

Cả ba lão đảo trở vào khu chung cư. Đến trước căn nhà của thằng nhỏ nhất cả ba dừng lại. Thằng nhỏ nhất đưa ngón tay lên môi ra dấu im lặng. Hắn khoát tay ra lệnh cho hai thằng kia đứng nép vào góc tường, rồi tra khóa vào ổ, mở cửa. Hắn thò đầu vào trong, nghe ngóng trước khi bước hẳn vào. Một lát trở ra, đến cạnh hai thằng kia thì thào:

“Cả nhà ngủ say. Theo tao lẹ lên.”

Ba thằng vừa vào đến phòng là lẫn đùng ngay ra thăm. Dự tính phi vài khói cho tươi cuộc đời chưa đưa nào kịp thực hiện đã đồng loạt chết giấc.

Bên ngoài khung kính cửa sổ, sân cỏ trước nhà mù mịt màu sương trắng đục. Đêm đang nghiêng về sáng, vắng đầu đó, tiếng động cơ xe hơi thỉnh thoảng dội âm trong bầu khí hoàn toàn tĩnh lặng.

Thằng lớn nhất cảm thấy hai bọng đái căng cứng. Hấn bước ra sân, chỗ lu nước dưới gốc cây vú sữa, vạch quần, nhưng rặn mãi nước không ra khỏi vòi. Cảm giác tức căng càng lúc càng tăng. Hấn trở vào, leo lên giường, kéo tấm chăn đắp kín đầu. Mưa bỗng đổ xối trên mái tôn, tiếng mưa đập rào rào. Trong góc khuất, phía sau tấm ri đô bằng vải hoa cáu bần, có tiếng cười rinh rích của mẹ, tiếng thở hổn hển của một người đàn ông, tiếng cọt kẹt đều nhịp rồi nhanh gấp của chiếc giường long mộng. Bên cạnh, bà ngoại thỉnh thoảng trở mình, hấn nghe rõ tiếng thở dài. Thằng lớn nhất vẫn bị cơn buồn đái hành hạ, hấn trần trờ không cách nào ngủ được. Lại bước xuống giường, ra sân, lần này hấn lười biếng không muốn tới chỗ lu nước, vả, trời đang mưa, hấn vạch quần đứng ngay trước mái hiên, vẫn không có tí nước nào són ra. Bọng đái căng cứng.

Gã đàn ông vén tấm ri đô bước ra ngoài, chiếc áo chưa cài cúc để lộ khuôn ngực lép kẹp phơi xương sườn, chiếc quần đùi rộng lưng thùng dài gần đến gối. Gã đàn ông một tay ôm chiếc quần tây, một tay vuốt tóc, gã quay nghiêng nhỏ toẹt một bãi nước miếng chỗ góc nhà, lom khom đi vào buồng tắm. Một lát, mẹ hấn theo sau. Tiếng chiếc ca nhôm chạm vào thành lu, tiếng nước xối róc rách, tiếng trao đổi rì rầm, tiếng cười khúc khích.

Hắn rùng mình sắp đái. Lại chạy vội ra hiên, vạch quần.

Chiếc quần đã tuột xuống sâu, thẳng lớn nhất nhóm người cho Liên Ngựa kéo ra. Bây giờ cả hai trần truồng như nhộng, hắn ngóc đầu vui tóc vào nách con nhỏ. Liên Ngựa vừa cười sằng sặc vừa lấp bắp:

“Nhột... nhột... cha nội...”

Con nhỏ vùng lên, lật hắn nằm ngửa ra, ngồi ngay trên ngực hắn. Hai bắp đùi phốp pháp mát rượi, hạ thể no tròn rậm mượt, đôi vú căng cứng rung rung, hắn đưa hai bàn tay nâng đôi vú, xoa nắn, mơn trớn, con nhỏ nhún nhảy tiếp tục cười. Hắn cong người, đẩy con nhỏ nhích xuống:

“Vô đi cưng.”

Liên Ngựa giẫy giụa:

“Khoan đã cha nội. Người ta chưa hứng.”

“Làm sao hứng?”

“Còn vờ vặt, Cha nội.”

Hắn lòn một bàn tay vào giữa háng con nhỏ, táy máy, những đầu ngón tay ướt nhót, con nhỏ thôi cười, sượng cứng người khoái trá.

Gã đàn ông bước ra khỏi phòng tắm, áo đã cài cúc, quần đã mặc. Gã đàn ông móc bóp đếm, đưa xấp bạc cho mẹ hắn rồi kéo khuôn mặt mẹ lại gần, hôn lên môi, giọng nhỏ,

“Tuần sau, anh tới.”

Mẹ gật đầu,

“Tuần sau thứ mấy?”

“Như hôm nay.”

“Được, em chờ.”

“Thôi anh về.”

“Vâng, anh về.”

Gã đàn ông bước ra cửa, khuất vào con hẻm tối. Mẹ nhét xấp bạc vào lưng quần, nhìn về phía hẻm. Đôi mắt mở hé hé, hẻm thấy tất cả nhưng cố gắng thờ đều, như ngủ. Bên cạnh, bà ngoại nằm xoay lưng, mặt hướng vào vách, ngoại cũng giả vờ nằm im, như ngủ, hẻm biết thế. Chỉ có hai đứa em hẻm là thực sự mê man. Mẹ bước đến chỗ bàn thờ Quan Thế Âm, vói tay rút một cây nhang, thọc đầu nhang vào bóng đèn bánh ú, đốt, lùi ra một bước, vái ba vái, cắm nhang vào chiếc lư sành, rồi móc xấp bạc đếm lại cẩn thận trước khi vuốt thẳng kẹp vào giữa cuốn kinh Địa Tạng đặt lên bàn thờ, đúng vị trí cũ, chỗ phía sau chân đèn bên tay trái.

Gã đàn ông, xấp bạc, cuốn kinh. Bà ngoại thường day nghiêng,

“Mày làm ơn mang những đồng tiền dơ bẩn của mày cất chỗ khác. Phật trời đâu có canh giữ cái thứ của cái bất lương đó.”

“Con chẳng ăn cắp ăn cướp của ai. Cũng đổ mồ hôi sôi máu mắt mới có được. Phật Trời không hẹp lòng như mẹ đâu.”

“Mày lại rửa sả tao đấy phỏng?”

“Thôi, mẹ im đi cho con nhờ.”

Bàn tay dưới háng con nhỏ chột khựng lại, sinh lực trong người bỗng tan loãng, hẻm rút bàn tay ra, hắt con nhỏ xuống thảm, thờ dài.

“Ê, đang hứng, làm cái gì thế?” Con nhỏ có vẻ ngạc nhiên.

“Thôi, gượng đã.” Hấn nói.

“Đồ mát đây.”

Con nhỏ càu nhàu, lật người nằm sấp, vòng hông nhỏ cao, chiếc lưng cong vòng, mái tóc xõa trên chiếc cổ trắng,

“Anh kỳ quá à. Lần nào cũng thế, có bệnh không?”

“Bệnh gì?”

“Ai biết. Cứ sấp mê toi đến nơi là xụi lơ. Chịu riết kiểu này, e khùng.”

“Thỉnh thoảng thôi mà, mọi lần, ngon lành chứ?”

“Sao hôm nay không ngon? Chắc xả hết với con khôn nạn nào rồi chứ gì?”

“Bây, nhỏ. Gượng một tí có được không?”

“Không gượng.”

“Đã bảo gượng.”

Con nhỏ chẳng chịu hưu chiến, trở ngược gối đầu lên đùi hấn, trở ngón nghề, nhất định buộc hấn trương cứng.

Bọng đái căng ứ, hấn đứng hoài dưới gốc cây vú sữa cổ rạn. Tàn cây rậm lá ào xào tiếng gió, mặt sân loang loáng những vũng nước đọng, mưa quất vào mặt buốt rát, hấn rùng mình liên tiếp, cảm thấy khí lạnh luồn dưới da, hấn chạy vội vào nhà, suýt trượt ngã chỗ bậc thềm. Lại leo lên giường, lại kéo chăn phủ kín đầu, nhưng tấm chăn quá ngắn, hai bàn chân thò ra ngoài, buốt cóng. Hấn co người, hai tay thọc vào giữa háng cố nằm yên giữ hơi ấm.

Tiếng gõ cửa thật nhẹ. Hấn kéo tấm chăn xuống khỏi mắt

hé nhìn. Mẹ vén vôi tâm ri đô bước ra. Ngọn đèn bánh ú trên bàn thờ tỏa một thứ ánh sáng tù mù bần tiện, nhưng cũng đủ để hần nhìn thấy thằng thanh niên mặt mày non choẹt, nhỏ hơn mẹ dễ chừng chục tuổi. Thằng thanh niên rút khăn vò vò mái tóc ướt nước mưa nhăn nhó,

“Trời ạ, đường vào động thiên thai gian nan còn hơn đường vào Ba Thục. Hai ống quần anh te tua rồi em ơi.”

Bỗng hần dừng tay nhìn mẹ đăm đăm, rồi nhe răng cười nham nhở,

“Nhưng mà chẳng sao chẳng sao. Thương em mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội... ơ... ơ... Mấy đèo cũng qua. Hi... hi...”

Và choàng tay ôm mẹ.

“Suyt, nhỏ cái mồm giùm một chút ranh con.”

Mẹ vừa đẩy thằng ranh con ra vừa liếc về phía giường hần.

“Ai?” Ranh con hỏi.

“Con tui, mẹ tui!”

“Không phải chồng chứ? Anh tuổi trẻ tài cao, chẳng muốn chết đâm chết chém lãng xẹt đâu nghe.”

“Nỏ mồm vừa vừa chứ. Này, vào đây, có ai thấy không?” Mẹ hỏi.

“Không, tối thui tối mò, lại mưa nữa, ma nào dám ra đường giờ này.” Ranh con trả lời.

“Theo tui.”

“Nhà cửa gì giống như nhà mồ. Lạnh teo cả chim.”

“Đã teo sao còn mò đến đây?”

“Hi... hi... Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương,

thằng khốn nạn nó chẳng chịu nằm yên, cứ nhất định đòi dựng cờ cứu nước. Hi... hi...”

“Này, đã bảo nhỏ cái mồm nghe không?”

Mẹ vừa nói vừa nắm tay ranh con dẫn vào giường... Lại tiếng thở hổn hển, tiếng cọt kẹt đều nhịp. Mưa rào rào trên mái tôn. Ngọn đèn leo lét đỏ cạch. Mẹ càu nhàu loáng thoáng tiếng được tiếng mất,

“Uống rượu phải không?”

“Ừ hử.”

“Lần sau uống rượu tui không đi đó nghe, dai như quỷ ai chịu cho thấu.”

Thằng ranh con cười ri ri,

“Càng lâu càng mê toi em ơi.”

“Thôi đi, nhanh lên, tui mệt lắm rồi.”

“Đừng làm anh mất hứng. Hai tờ nhìn thẳng chứ tiền chùa sao em.”

“Này, không phải có tiền rồi muốn hành hạ con người ta cách nào cũng được đâu nghe.”

Tiếng cọt kẹt tiếp tục dai dẳng. Mẹ lầu bầu, thằng ranh con cười cọt nham nhở, bà ngoại lại trở mình thở dài. Cuối cùng tấm ri đô cũng lay động, thằng thanh niên bước ra, trần truồng, dương vật thông thọt. Hắn quay vô chỗ giường mẹ chửi thề,

“Đụ mẹ, biết em làm ăn dâm dẳng kiểu này, anh thà ở nhà chơi với chị năm cho đỡ tốn kém.”

Thằng lớn nhất bỗng kéo giật tóc con nhỏ.

“Ồi! Đau em.” Con nhỏ hét lớn.

Hắn ngồi bật dậy, nghiêng răng,

“Đụ má nó.”

“Anh điên à?” Con nhỏ ngạc nhiên.

“Câm họng. Đụ má nó.”

Hắn vung tay, đôi mắt tóe lửa nhìn trừng trừng con nhỏ, như muốn ăn tươi nuốt sống.

Con nhỏ ngớ ra, im lặng nhìn hắn. Nhưng khi thấy những giọt nước mắt lăn dài xuống má thẳng lớn nhất, con nhỏ bỗng rôi rít,

“Bình tĩnh, bình tĩnh anh. Em hiểu rồi, hiểu rồi.”

Con nhỏ ôm đầu hắn, vuốt ve,

“Quên đi anh. Đụ má nó, cuộc đời mà anh.”

Đụ má nó, cuộc đời. Chị con nhỏ quần áo rách bươm, trần truồng quần quai kêu gào đứt hơi, hai thẳng hai bên kéo hai chân chị dạng rộng đè nghiêng xuống sàn tàu, một thẳng hùng hục phía trên, phơi tám lưng đen đuôi đuôi nhể nhại mồ hôi. Tiếng cười man rợ, tiếng hò hét cổ võ, chiếc thuyền chòng chành nhô lên hụp xuống, mặt biển lao chao, đường chân trời cong vòng trời sục nghiêng ngả, những đôi mắt trắng dã khiếp hãi, những khuôn mặt nhăn nhúm nhọt nhọt, lưỡi búa nện xuống đỉnh đầu anh Th., người yêu của chị, khi anh vùng lên, lao vào đám súc vật. Lưỡi búa chẻ ngọt, lún sâu, óc não trắng nhờ phọt ra. Anh Th. ngã ngửa người, giẫy đành đạch, một thẳng cúi xuống nắm chân anh lôi ra thành tàu, đập xuống biển, bọt nước văng tung tóe, anh Th. chìm lìm, mất tăm, máu loang đỏ dập dềnh theo sóng. Tiếng thét khiếp hãi của một người đàn bà. Bọn súc vật quay lại, một thẳng tiến đến, nhìn người đàn bà cười sảng sặc, hắn xô một

tràng léo nhéo rồi vươn tay chực vỗ tới, người đàn bà co rúm lại, đứa bé trong lòng chị khóc ré. Tên cướp giằng đứa bé ra khỏi tay người đàn bà, hấn nắm hai chân đứa bé nhấc lên cao, tiếp tục cười, bất ngờ quay một vòng, quật đứa bé vào thành tàu, cái đầu va vào gỗ cứng, một tiếng bụp khô khốc, tiếng khóc ré chợt đứt ngang, đứa bé chết không kịp giãy. Người đàn bà trợn trừng mắt bất động vài giây trước khi ngã vật ra, bất tỉnh.

Đụ má nó, cuộc đời. Con nhỏ say mềm người, chẳng còn biết gì ngoài mơ hình ảnh lộn xộn đen trắng nhập nhòa trôi lên tuột xuống, cho đến khi tỉnh dậy, nhìn xuống thân thể trần truồng của mình, phần hạ thể đau buốt rát bỏng, máu me nhầy nhụa. Con nhỏ rên rỉ quằn quại. Tiếng nhạc ngoài phòng khách bập bùng, tiếng cười nói lao xao. Thăng Jh. ngồi bên mép giường, một tay đặt trên bụng con nhỏ, khuôn mặt đen nhánh, hai môi thâm xị dày trực. Hấn hất hàm,

“Đau?”

Con nhỏ muốn trả lời nhưng tiếng nói nghèn nghẹn trong cổ họng, biến thành tiếng rên. Thăng Jh. đứng lên, hấn vỗ vỗ bàn tay trên vai con nhỏ, trước khi xoay lưng bước ra, hấn nhìn trừng vào mắt con nhỏ,

“Tao biết, nhưng mày sẽ quen. Điều mày cần nhớ, hãy ngậm cầm cái mồm, lòi thôi, bọn tao cắt cổ, nghe không?”

Hấn móc túi lấy con dao, chĩa về phía chiếc ly thủy tinh trên bàn ngủ, bấm. Lưỡi dao như một ánh chớp xẹt ra, chiếc ly vỡ bung, miếng văng loảng xoảng tung tóe, “Da thịt mày đâu có cứng bằng cái ly, phải không?” Thăng Jh. cười khèn khẹt đóng sập cánh cửa.

Con nhỏ im thin thít, nhắm mắt. Hai bên khóe, những giọt lệ trào ra. Con nhỏ khóc, không biết vì đau hay vì sợ.

Đu má nó, cuộc đời. Khuôn mặt anh già bì bì nung núc mỡ, mái tóc lốm đốm bạc, đôi mắt ti hí, chiếc miệng rộng phì phò hơi rượu nực nồng. Anh già thọc bàn tay trong váy con nhỏ, mần mò xoa bóp,

“Em đẹp quá. Đêm nay đi với anh nghe? Anh sẽ cho em tiền, muốn bao nhiêu cũng được, đi với anh nghe?” Ngón tay anh già thọc sâu, con nhỏ giãy lên,

“Thôi bố ơi, tay bố đầu nhót tùm lum, con nhiễm trùng không tiền đi bác sĩ bố ơi.”

Anh già cười hô hô, mặt mày ghệt ra dờ dẫm,

“Anh làm thầy đầu có làm thợ, tay anh sạch sẽ thơm tho, tối ngày đếm tiền nên mềm mại nhuyễn như. Cho anh sờ tí mà.”

Bàn tay tiếp tục thọc sâu. Con nhỏ trần người chịu trận. Anh già chủ garage, anh già hợp đồng với bọn phụ tá pháp lý chuyên estimate tai nạn xe cộ, một vốn bốn lời. Anh già bọn bạc, anh già chi đẹp, anh già vung tiền qua cửa sổ. Con nhỏ nhũ thâm thôi thí mạng cùi vài giờ cũng chẳng chết ai. Con nhỏ nghĩ đến cái bóp dày cộm của anh già,

“Bố ơi, cho con ly nữa nghe?”

“Ừ, em cứ tự nhiên.”

Anh già nhổm người móc bóp. Con nhỏ cầm tờ giấy hai mươi đồng định đứng dậy đi lấy nước, anh già nắm tay con nhỏ kéo lại,

“Em cất đi, anh cho riêng em, cứ ngồi đây với anh, tối nay anh bao đủ. Mà này, đừng gọi anh bằng bố nữa, nghe

không thông.”

“Thế gọi bằng gì bây giờ?”

“Bằng anh. Anh xấu máu, tóc bạc sớm chứ coi kỹ cũng còn ngon lắm em ơi.”

“Thôi đi bố. Ông già con e còn nhỏ hơn bố ít nhất vài niên. Thôi bố ơi. Tha cho con để đức bố ơi.”

“Tình yêu đâu cần tuổi tác. Anh... anh yêu cung mà. Cho anh hôn một cái.”

Anh già chồm qua kéo khuôn mặt con nhỏ vào sát, hôn cuống cuống chụp giựt. Mùi rượu trộn với hơi thở phì phò nực nồng. Đèn trong bar mù mù nhưng con nhỏ cũng nhìn thấy những tia máu đỏ trong đôi mắt đục lờ dâm dăng của anh già, đôi mắt của một con chó đực rượng cái. Con nhỏ bấu chặt hai bàn tay xuống nệm ghế, ngậm chặt răng nín thở và cố gắng để đừng ới.

Đụ má nó, cuộc đời. Mảnh vải cuối cùng trên thân thể con nhỏ rơi xuống, đèn màu quay đảo nhấp nháy, tiếng nhạc chuyển nhanh dồn dập, tiếng vỗ tay rào rào, tiếng hú hét man rợ, những tờ bạc vất lên sàn gỗ bóng, ngọn đèn sáng lóa dội thẳng vào chỗ nung núc đen ngòm khép mở, gã xướng ngôn viên gào rú trong micro,

“Oh... Oh... Beautiful... Beautiful... Thần vệ nữ Á châu, sức nóng của mặt trời Đông phương huyền bí... Oh... Oh...”

Con nhỏ nhìn xuống những cái miệng há hốc, những con mắt rực cháy dục vọng, cổ lắc thật nhanh hai gò mông, cổ giật nảy thật mạnh phần hạ thể, và cổ tạo một nụ cười, thật tươi, thật ướt. Những tờ bạc tiếp tục vất lên sàn gỗ. Con nhỏ quỳ xuống, dạng rộng háng, lét nhanh bằng hai đầu gối về

phía mép sàn gỗ, hai tay đưa lên cao, uốn éo lắc lư như loài rắn chuông, ngả người về phía sau, ép hai vai xuống mặt sàn, hai trái vú vươn lên nhún nhảy, phần hạ thể nhô cao. Một thằng đàn ông chồm người lên mặt sàn gỗ, hấn đặt tờ giấy bạc đã được vuốt thẳng, gấp đôi theo chiều dọc lên sống mũi, ngửa mặt dí sát vào háng con nhỏ. Con nhỏ lắc nảy thêm một hồi trước khi điều khiển những cơ thịt mở ra, kẹp gọn tờ giấy bạc. Tiếng hú hét, tiếng vỗ tay tán thưởng màn tuyệt kỹ công phu nổ âm ỉ.

Đụ má nó, cuộc đời. Thằng lớn nhất lắc lắc đầu xua đuổi những hình ảnh đứt rời chạy loạn trong não bộ, những hình ảnh hấn đã kể cho Liên Ngựa nghe, những hình ảnh Liên Ngựa cũng đã kể cho hấn nghe, những hình ảnh, chỉ trong vòng ba năm, đã chất chồng ngồn ngộn, quá đủ để tạo nên cái ê chề tủi cực của cả một kiếp người. Hấn lại vọt miệng chửi thề,

“Đụ má nó.”

Con nhỏ thở hắt ra, cúi xuống, siết chặt đầu thằng lớn nhất vào lòng, tiếp tục vỗ về,

“Quên đi anh, đụ má nó, quên đi anh.”

Nước mắt thằng lớn nhất ầm trên ngực Liên Ngựa, thấm vào má nhom nhóp khiến nổi tủi cực trong lòng hấn gia tăng cường độ. Thằng lớn nhất lại vọt miệng chửi thề.

Không thể nín lâu hơn nữa, nhưng sao vẫn chẳng xả được ra ngoài? Bọng đái sắp nổ tung. Mưa nhẹ hạt, miếng sân con loang loáng nước, Thằng lớn nhất phóng nhanh về phía cây vú sữa.

Lần này hấn đái được.

Nhưng, thằng lớn nhất giật mình bừng tỉnh, đứng quằn quắn ướt. Hấn sắp đái dầm. Thằng lớn nhất cảm thấy đầu nặng như đeo thêm một khối đá, chóng mặt quay cuồng, hai bên màng tang giật giật nhức nhối, miệng khô đắng. Khát nước.

Hấn lồm cồm bò dậy, cố lấy thăng bằng đứng lên, mở cửa mò mẫm ra ngoài tìm restroom. Hấn chống tay vào tường, thở dốc, mặc cho nước từ trong thân thể vọt ra, vung vãi khắp bồn cầu. Con buồn ói trào lên tận cổ, hấn cố ói, nhưng kinh nghiệm bao nhiêu lần cho hấn biết, sẽ không thể nào ói được nếu không móc họng. Thọc sâu một ngón tay vào cuống cổ, hấn gập người lại. Chất men chua lè trộn lẫn với thức ăn tuôn ra thốc tháo, bụng hấn co thắt đau quặn, hấn tiếp tục ói, cho đến khi chỉ còn ụa ra nước miếng trong, rồi chất nhớt xanh lè, dẻo quẹo và đắng ngắt. Hấn gục đầu vào tường, mệt lả. Hai chân run bắn.

Con buồn ói vẫn tiếp tục còn cào, nhưng hấn biết chẳng còn gì để cho ra. Hấn nhấn khóa nước dội cầu. Quay qua bồn rửa mặt bụm tay hứng từng vốc nước vừa súc miệng vừa uống. Đứng nghỉ thêm một lát rồi cố gắng lần mò trở về phòng.

Hấn lão đảo lê tới chiếc giường kê trong góc. Trên giường, lò mờ bóng một người nào đó đang thở đều, say ngủ. Hấn đoán có lẽ một trong hai thằng, thằng lớn vừa hoặc thằng nhỏ nhất. Hấn thả người xuống mặt nệm,

“Xích vô cho tao nằm với.”

Vừa nói hấn vừa đẩy người say ngủ vào trong. Chợt cái đồng trống đang nằm vùng dậy,

“Ai đó?”

Tiếng hỏi thảng thốt. Thăng lớn nhất dù say như vẫn phát hiện giọng của một đứa con gái. Hấn biết mình vào lộn phòng nên vội vã ngồi bật lên.

“Ai?”

Đứa con gái lại hỏi. Lần này tiếng hỏi khá lớn. Thăng lớn nhất trong lúc hốt hoảng đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng, hấn chồm tới cuống cuồng bụm miệng đứa con gái,

“Đừng la... Tôi... Tôi...”

Đứa con gái vùng thoát ra khỏi hai cánh tay của thăng lớn nhất, lăn nhanh vào góc giường, miệng hét chói lói,

“Help me! Help me...”

Có tiếng cửa mở bên phòng kế cạnh. Đèn ngoài hành lang bật sáng. Tiếng chân chạy thành thịch. Đứa con gái tiếp tục hét,

“Cứu... Cứu... Cứu con... Ba ơi... Anh hai ơi...”

Thăng lớn nhất nhảy xuống khỏi giường, lắp bắp,

“Tôi đây mà... Đừng...”

Đứa con gái vẫn hét, càng lúc càng lớn hơn. Hấn bước thụt lùi ra cửa. Nhưng cửa ở phía nào? Sự hốt hoảng cùng cơn say làm đầu óc hấn mù đi. Hấn cuống cuồng vấp vấp những lời vô nghĩa, và cảm thấy hai chân mềm nhũn, vẫn chưa định được hướng cửa. Bỗng một vật cứng bổ xuống đầu hấn, từ phía sau. Hấn thấy trước mặt tóe đom đóm, rồi lão đảo ngả vật ra thăm.

* * *

Thưa hai bác.

Con biết đã có lỗi nặng với hai bác, và cả Ph. nữa. Nhưng hai bác hiểu cho con. Sự việc xảy ra hoàn toàn ngoài ý muốn của con. Chẳng qua, vì say quá nên con đã vào lầm phòng Ph.. Con xin thề con đã nói thật. Nếu hai bác thông cảm và tha thứ, xin hai bác hãy bãi nại cho con, bằng không chắc con chết! Hai bác đã là những người lớn tuổi, hẳn biết rõ cái tình thương của cha mẹ đối với con cái to lớn như thế nào. Nếu con có bề gì, mẹ con ở Việt nam e khó sống. Không phải con muốn đem cha mẹ ra để kêu gọi lòng vị tha của hai bác, nhưng quả thật mẹ con đã phải khổ nhục lắm mới lo được cho con vượt biên. Bà hy vọng ra đến xứ người, con sẽ có cơ hội ăn học nên người. Thứ nhất, lo cho bản thân, thứ hai, giúp đỡ gia đình, nhất là cho hai đứa em trai của con. Tuổi bà đã lớn, không biết còn gắng gượng đến bao giờ. Bà con thì đã bỏ đi mất biệt sau ngày cải tạo về. Con bây giờ là niềm hy vọng duy nhất của gia đình. Từ hôm vào nằm trong này, con đã suy nghĩ nhiều, đã thấy rằng suốt năm năm kể từ ngày đến xứ người, con đã dần dà trở thành hư hỏng, bê tha. Không phải con không muốn làm người tốt, nhưng con bơ vơ quá, con chẳng có một điểm tựa nào để bám víu, để an ủi trong những lúc yếu lòng, vì thế, ngày qua ngày, không cưỡng được, con cứ rơi sâu thêm vào bại hoại. Bây giờ con hối hận lắm. Con muốn có cơ hội chuộc lại lỗi lầm. Hai bác hãy giúp con. Con xin thề sẽ cố gắng nên người nếu được hai bác rộng lòng tha thứ.

Một lần nữa, con lạy hai bác bãi nại cho con.

Đứa con đáng thương của hai bác.

* * *

Đầu bò thân mến

Mày cho tao tiếp tục được gọi mày bằng cái biệt danh âu yếm này. Tao biết mày rất giận tao. Hắn mày nghĩ rằng tao là thằng khốn nạn, không tôn trọng nghĩa khí giang hồ. Trời ơi, nếu có cách gì để chứng minh sự oan ức này, dù đau đớn cách mấy tao cũng làm. Tao mong mày hiểu những điều tao vừa nói là những lời xuất phát tận đáy lòng tao. Làm đĩ chín phương, cũng phải chứa một phương để lấy chồng chứ, phải không? Đã là dân chơi, lẽ nào tao không biết điều đó? Cho nên, mày hãy giúp tao, chuyển thư kèm theo cho ba má mày, và năn nỉ hai bác bãi nại cho tao. Bằng không, đời tao xem như đã tàn. Nếu mày còn xem tao là bạn, tao nghĩ mày không nỡ lòng nào nhìn tao rơi vào cảnh tù tội. Tao tin mày đủ sáng suốt để nhận ra sự thành thật của tao.

Bạn mày

....

* * *

Chẳng có ai cảm thông và chịu hiểu nỗi oan ức của thằng lớn nhất.

Hắn ra tòa, lãnh một bản án rất nặng - bản án nhằm mục đích làm gương cho những băng đảng Á châu đang lộng hành tại tiểu bang - về tội đột nhập gia cư, mưu toan cướp của và hiếp dâm, như đơn khởi tố của gia đình thằng nhỏ nhất.

Khi nghe tuyên đọc bản án, thằng lớn nhất gục đầu khóc

nghe.

Người cảnh sát dẫn độ hắn ra ngoài. Trước khi bước qua ngưỡng cửa bên hông tòa án, hắn chợt quay nhìn lui, mắt hắn bỗng chói chang một tia lửa rừng rực hận thù, tia lửa phủ lên hàng ghế đầu, nơi cha mẹ, anh em của thằng nhỏ nhất đang lục tục đứng dậy ra về. Tia lửa chói chang quá, đã không cho hắn thấy, cũng chỉ cách sau vài hàng ghế kế tiếp, là khuôn mặt đầm đìa nước mắt của con Liên Ngựa, đang trân trối nhìn hắn.

TÌNH YÊU

Năm mười sáu tuổi, tôi được dạy bài học vỡ lòng về tình yêu.

Vào thời đó chỗ quê tôi chưa có trường trung học đệ nhị cấp, xong đệ tứ, muốn tiếp tục con đường khoa bảng, phải khăn gói ra tỉnh. Vốn xuất thân từ thành phần nông dân cốt cán, bao nhiêu đời chân lấm tay bùn, một chữ bẻ làm đôi cũng không có mà làm thuốc, nên cha tôi suốt đời chỉ nuôi một ước mơ duy nhất: Trong số tám anh em tôi, phải có đứa ăn học đến nơi đến chốn, hầu làm rạng rỡ tổ tông. Tôi là con út, và vì út nên được ưu tiên nhận lãnh trọng trách này. Vô hình chung tôi đã gánh trên vai những chín niềm khát vọng. Của cha mẹ tôi cộng với bảy ông anh bà chị.

Do chỗ quen biết giới thiệu, lên tỉnh tôi ở trọ nhà một ông cảnh sát. Ông này làm việc ngoài cầu Hiền lương, mỗi tháng chỉ về thăm vợ một lần. Đường từ Đà Nẵng ra Bến Hải

không xa xôi gì, nhưng quốc lộ số một từ thời Pháp thuộc đến bây giờ chưa một lần tu bổ, nhiều đoạn lở lói chỉ còn tro sỏi đá, ngổn ngang ổ gà. Đèo Hải Vân cũng chưa mở rộng thành hai chiều, đến chân đèo, hành khách cả hai bên đều phải chờ trung bình từ hai đến bốn giờ mới qua được đèo. Đã thế phương tiện di chuyển lại cở lổ, những chiếc xe hàng bung cửa bật mui, máy móc cộc cạch, chạy ì ì ạch như một bà già yếu gân lỏng cốt. Và có thể ăn vạ giữa đồng không mông quạnh bất cứ lúc nào. Với tình trạng đó, mỗi tháng về thăm nhà một lần, tôi nghĩ, là một cố gắng vượt bậc của ông cảnh sát.

Ngôi nhà nằm trong khu vườn không rộng lắm, chung quanh bao bọc một hàng rào dây bụi cao vượt đầu, rậm lá, vì thế có vẻ ly cách với xóm xóm. Nhà có hai phòng ngủ. Một phòng của vợ chồng ông cảnh sát, phòng còn lại cho tôi thuê. Bà vợ tuổi khoảng hai mươi tám, mập mạp, da dễ trắng phau mũm mĩm như con gái đương thì, mắt một mí sắc lẹm, chân mày lười mác rậm đen. Hai vợ chồng chưa có con, nên khi tôi vào trọ bà vợ rất vui, ông chồng cũng hân hoan không kém. Mỗi lần sắp sửa lên đường ra địa đầu giới tuyến, ông cảnh sát bao giờ cũng vỗ vai tôi, dặn dò thân thiện: Chú thay anh giúp đỡ chị khi cần. Nhà có con trai đàn ông, anh cũng yên tâm đôi phần.

Ngoài thì giờ đến trường, suốt ngày tôi loay quanh trong phòng. Tính tôi nhút nhát, không quen giao tế, vả, có ra ngoài cũng chả biết nói chuyện với ai. Bà vợ ông cảnh sát thì lúc nào cũng đắm chìm trong thế giới của những cuốn tiểu thuyết tình cảm ướt át. Bà ta gần như không rời khỏi

chiếc võng mắc ngang hai cây cột ngoài chái hiên, ngoài trừ những lúc phải ra ngoài chợ búa, trả và thuê sách mới, nấu nướng hai bữa ăn, hay khi ánh mặt trời đã xuống, không còn đủ ánh sáng để bà tiếp tục theo dõi những bước thăng trầm của các nhân vật trong truyện.

Một buổi chiều, từ trường về, tôi xăm xăm mở cổng bước vào sân. Khi đi ngang qua chỗ bà chủ nhà nằm, tôi hơi khựng lại, và có cảm giác hai tai đỏ ửng, nóng bừng. Trên chiếc võng đong đưa nhẹ nhẹ, bà cảnh sát nằm ngửa, một chân chõ xuống đất, một chân duỗi dài theo chiều cong của chiếc võng, ống quần mỹ a rộng tuột lên cao, phơi lộ bắp đùi trắng phau. Từ chỗ đứng - phía trên đầu bà ta, nhìn xuống - thấy rõ mồn một khuôn ngực lớn, căng bung nút áo bà ba, đang phập phồng theo nhịp thở. Bà cảnh sát mở to đôi mắt, nhìn đờ đẫn về phía cuối khu vườn, đôi mắt như đắm chìm vào một cõi nào khác. Trên bụng, cuốn tiểu thuyết lật úp phô tẩm bìa lòe loẹt màu sắc, cuốn truyện này, qua cái nhan vừa đọc thoáng, tôi có nghe đồn thuộc loại đắm ướt dục tình. Chuyện xoay quanh một nhân vật có cái vốn quý ngoại khổ và dị hình như... chớ, với bữa bồi trời cho đó, nhân vật này tha hồ làm mưa làm gió, gây ra bao cảnh đoạn trường. Nghe tiếng động, bà ta giật mình quay ngang. Thấy tôi, bà mỉm cười,

“Em học về?”

“Dạ.”

“Mấy giờ rồi hí?”

“Dạ, em tan học năm giờ, về đến đây chắc cũng gần sáu giờ rồi.”

“Trời độ ni lâu tới quá há, Em coi, nắng còn gắt ghê

nơi.”

Chợt bà ta nhìn xuống phần đùi phơi lộ trắng nõn của mình, đôi mắt rất nhanh lướt về phía tôi. Khi bắt gặp vẻ lúng túng của tôi, bà mỉm cười. Làm như vô tình, tôi đoán thế, bà ta co chân cao hơn, ống quần tuột thêm một đoạn nữa.

“Nóng nực quá.”

Để tăng thêm hiệu năng cho lời tán thán, bà ta thả phào đưa tay mở nhanh thêm một cúc áo. Khuôn ngực phơi hằn ra ngoài, chiếc nịt vú bằng vải lưới che ồm ờ hai núm vú hồng hồng. Tôi chóng mặt, ú ớ,

“Dạ nóng thiệt...”

Dù thật tình, trời đã chiều, chái hiên lại rợp bóng mát, gió hiu hiu vờn trên da mặt.

Khi tôi dọm bước định vào nhà thì ba ta gọi ngược,

“Hoàn à,”

“Dạ.”

“Lại đây chị biểu.”

Giọng bà ta có vẻ không được bình thường, như một tiếng rên. Không phải, đó là tiếng mè o gào đục trên mái nhà vào những đêm khuya tôi thường nghe.

Tôi luống cuống bước đến cạnh chiếc võng. Trong ngực, trái tim muốn biến thành con ngựa bất kham, lồng lộn những nhịp đập bấn loạn.

“Lại đây, lại gần chị.”

Tôi nhích thêm một bước.

Hai gò vú bà ta ưỡn cao. Tôi đâm lo, nếu bà ta cứ oằn oại thế kia thêm vài lần nữa, e chiếc nịt vú sẽ đứt tung.

Bà cảnh sát chợt nhòe dậy thật nhanh, và thật bất ngờ,

đang rộng hai cánh tay vỗ lấy tôi, ôm siết,

“Nằm đây với chị.”

Tôi lão đảo ngã sấp trên thân thể bà ta. Mặt úp ngay khoảng trũng của hai gò vú lớn. Mùi da thịt ngai ngái, mềm mềm, mát lạnh. Hình như tất cả lỗ chân lông trên người tôi đều nở ra, và nhám như da gà. Tôi không biết mình phải làm gì, cũng không biết mình đang nghĩ gì. Toàn thân nóng bừng, tê liệt, đầu óc mụ mẫm, rối loạn. Bà cảnh sát, như một con báo say mồi, ngấu nghiến vò vập. Hai bàn tay bà luồn trong áo tôi, cuống quít trên lưng, trên hông. Thời đó, đa số quần tây chưa có dây kéo, chỉ cài bằng nút, bà chủ nhà phải loay hoay hơi lâu, mới cởi được mấy nút quần. Tôi tê điếng, sợ cứng. Bà chủ nhà đẩy tôi bật ngửa ra nền xi măng.

Như thế, bài học tình ái đầu tiên tôi được khai tâm ngay chỗ chiếc võng, dưới mái hiên, giữa ban ngày ban mặt, do một người đàn bà hơn tôi đúng một con giáp.

Từ hôm đó, tôi và bà chủ nhà chìm đắm trong hoan lạc. Sức lực trai trẻ bên cạnh sinh lực ngồn ngộn của một người đàn bà khỏe mạnh, nhàn cư, lại xa chồng, thật không có kết hợp nào toàn bích hơn. Chúng tôi quần quít, vò vập lấy nhau không rời, quên ăn bỏ ngủ, ở bất cứ nơi nào có thể được: trong phòng bà ta, phòng tôi, ngoài chái hiên, trên nắp chiếc lu sành đựng nước mưa cạnh chái bếp, có khi trong tay bà chủ nhà đôi đũa xới cơm còn bốc khói hơi hổi, và ngạt nồng trong mũi tôi mùi cá kho cháy khét.

Sự thái quá tất nhiên mang đến hậu quả tai hại.

Ba tháng ngập chìm trong cuộc chơi xác thịt, đến ngày nghỉ hè, tôi về quê, cả gia đình đều ngạc nhiên khi thấy tôi

chỉ còn da bọc xương, xanh mướt, sờ sờ như xác thằn lằn trôi sông. Tôi nghiệp hai đấng sinh thành và đám anh chị của tôi, họ cứ tưởng cậu quý tử lo học hành, lại xa nhà không ai chăm sóc cái ăn cái uống đầy đủ mới ra nông nổi. Tôi nào dám hé răng, chỉ nường theo ước đoán của mọi người mà ừ hử, dù rằng thâm tâm vô cùng áy náy. Chín niêm mơ ước đổ dồn vào tôi coi bộ sớm muộn gì cũng sẽ trở thành chín niêm thất vọng. Quả thế, một năm ở tỉnh, việc học hành của tôi không chút khả quan, từ một anh học trò quê mùa chất phác, rất nhanh, tôi trở thành tay chơi lão luyện trong lãnh vực gồi chẵn. Luật bù trừ của tạo hóa bao giờ cũng tròn trịa: Kinh nghiệm xác thịt phong phú bao nhiêu thì chữ nghĩa đèn sách càng khánh kiệt bấy nhiêu. Cái đầu tôi sắp biến thành đất sét.

Nhưng sự nguy hiểm của mối tình đầu tiên không nằm ở chỗ suy kiệt sức lực, chỉ cần ba tháng hè tịnh dưỡng tôi đã lấy lại phong độ. Khổ thân tôi. Lỡ biết cái khoái lạc lạ lùng của xác thịt quá sớm, nên ăn quen nhìn không quen. Khoe khỏe được chút đỉnh, thân xác tôi lại bắt đầu thêm khát, đòi hỏi. Không lúc nào trong đầu tôi không tràn ngập hình ảnh bà cảnh sát, không lúc nào những trận mây mưa mê đắm dữ dội không mòn một hiển hiện. Tôi khổ sở vô cùng, mong ngày mong đêm cho kỳ nghỉ hè chóng qua, để trở ra tỉnh.

Rồi kỳ hè cũng qua.

Đêm trước ngày lên đường, tôi không sao chợp mắt, nghĩ đến phút được gặp lại cố nhân, khắp người tôi nổi gai ngứa ngáy. Tôi nằm đợi trời sáng với ngổn ngang bao nhiêu tưởng tượng mê toi. Gà vừa gáy rạng đông, tôi đã vùng dậy sửa

soạn lên đường.

Không may cho tôi, chẳng hiểu ông cảnh sát thấy việc hàng tháng đi, về quá cực nhọc, hay tại bà cảnh sát sau ngày xa tôi, đêm nằm vắt tay lên trán, nghĩ đến bốn chữ tiết hạnh khả phong, thấy lương tâm cắn nhéo đau điếng, bèn tỉnh ngộ tung cánh chim tìm về tổ ấm, nhất định rời xa chốn bùn nhơ, để cho nền luân lý đạo đức hơn bốn nghìn năm con rồng cháu tiên bớt phần điêu hiu lau lách. Cả hai vợ chồng đã lên đường ra biên trấn, không thềm để lại một câu từ giả.

Căn nhà dĩ nhiên đã cho người khác thuê.

Tôi thất vọng tưởng bệnh.

Nhưng dần dà rồi cũng nguôi ngoai. Dù sao, chín niềm mơ ước ở quê nhà vẫn còn là ánh lửa sáng của lương tri. Khi tịnh tâm ngồi suy nghĩ thiệt hơn, tôi nhận thấy cách giải quyết của bà cảnh sát xét ra tuy có tàn nhẫn (dĩ nhiên, với tôi) nhưng cũng hợp thiên đạo.

Cuộc sống tôi từ đó khá hơn, chỉ một điều, ấn tượng bà cảnh sát đã tạo ra về quan hệ giữa trai gái quá sâu đậm, cho nên dù sau này tôi cũng có thêm một vài mối tình khác, nhưng khổ thay, quan niệm của tôi về tình yêu vẫn xoay quanh chuyện gổi chẵn. Đến với bất cứ người nữ nào, trước tiên, tôi xét họ qua thước đo thân xác: Có hấp dẫn không? Có lẳng lơ không? Có dễ dàng tiến tới chuyện đó không? Nói chung, những mối tình của tôi - nếu có thể gọi là những mối tình - tiếp theo, đều hoàn toàn dựa trên cơ sở xác thịt. Tôi thật không thể hiểu nổi bọn bạn bè cùng lứa, sao chúng có thể lẳng mạn, cải lương đến độ ngô nghê buồn cười. Hẹn hò, đưa đón, thư đi tin lại, tặng thơ tặng nhạc, chép lưu bút

lắm ca lắm cảm. Trời ạ! Thế thì ăn được giải gì? Trông chúng cuồng lên vì những chuyện linh kinh này, tôi không thể cảm thấy rút ruột.

* * *

Khi đơn vị tôi vào được thành phố thì cao điểm của trận chiến đã tương đối lắng dịu, dấu vết trận thư hùng ác liệt vẫn còn nóng hổi khắp nơi. Những con đường ngập ngựa rác, cây cảnh đổ gãy, những bức tường sụp long lở vôi vữa, những cột kèo cháy đen trơ vơ giữa đồng gạch ngói nát vụn. Thành phố thiêm thiếp như chết. Ngoài đường lộ, thỉnh thoảng một chiếc GMC phóng qua, tiếng động cơ gào rú hung hãn. Trên không, những chiếc trực thăng lòng vòng săn mồi, lâu lâu một tràng đại liên nổ giòn dã, những viên đạn lửa rơi nghiêng xuống đất kéo thành những đường lửa dài ngoằng. Không một bóng người. Không một dấu hiệu nào chứng tỏ, nơi đây, chỉ mười ngày trước, là khu phố tấp nập người buôn kẻ bán, xe cộ ngược xuôi từ tỉnh mơ đến nửa khuya. Dân chúng đã bỗng bể nhau chạy ra ngoại ô, hay vượt qua đèo Hải Vân, tràn vào Đà Nẵng. Thành phố hoàn toàn bỏ ngõ, mặc tình cho bọn lính trắng tung hoành. Địch cũng đã rút đi từ hai hôm trước, chỉ còn một ít lực lượng nhỏ, lẻ tẻ đầu đó, mắt liên lạc với đơn vị chính, còn chống cự yếu ớt, và dễ dàng bị hạ.

Chúng tôi được lệnh án binh bất động, chờ đơn vị bộ binh cơ hữu đến, bàn giao nhiệm vụ tái lập sinh hoạt bình thường cho thành phố.

Phân bố xong nhiệm vụ cho hai tiểu đội dưới quyền, tôi dẫn ban chỉ huy trung đội vào một căn nhà gạch kiểu cổ, nằm sâu trong con hẻm nhỏ. Căn nhà đã sập một bên mái, cây cột lớn lên nước nâu sẫm ngã chổng chơ trên miếng sân xi măng, chính cây cột ngã làm cho chái hiên lệch hẳn về một bên, đè bung hai cánh cửa bằng gỗ lớn, mở toang hoác lối vào nhà. Tôi bước qua ngưỡng cửa. Bên trong đồ đạc ngổn ngang, gạch ngói từ nóc nhà đổ xuống vung vãi khắp cùng. An, thẳng tà lợt của tôi, nói,

“Mình qua căn kế ông thầy. Em nghi ngôi nhà này sập sập, không khéo thầy trò mình bị chôn sống trong này thì lãng xẹt.”

Thu gỡ chiếc máy truyền tin ra khỏi vai, đặt xuống góc nhà,

“Đụ mẹ, miệng mồm như củ cặc, sập thế chó nào được.”

“Bộ tao nói không đúng sao. Đụ mẹ, mày cứ nhìn cái nhà mà xem. Chỉ cần một cái ẩy vai là đủ sập.”

Tôi giảng hòa:

“Thôi, không ồn ào nữa. Coi vậy chứ không dễ sập đâu. Thăng An kiểm cái gì ăn đi. Tao đói muốn run rồi đây.”

An tìm đầu được cây chổi, hấn lửa hết vôi gạch vung vãi trên mặt tấm phản gỗ kê giữa nhà xuống đất, rồi dùng đôi tất dơ lau lại cẩn thận. Xong, hấn nói,

“Chỗ này ngủ coi bộ “êm” nghe ông thầy.”

Tôi ngồi xuống, cởi đôi bốt-đờ-sô ra khỏi chân. Gần ba ngày bị giam cầm, giờ hai bàn chân được giải phóng, tôi cảm thấy nhẹ hần người. Vừa ngả lưng xuống mặt phản, tôi bỗng

nghe ri ri từ góc nhà, chỗ mái ngói đổ sập, tiếng rên của ai đó, hay của một sinh vật nào đó, phát ra. Tôi bật người dậy, vớ vội cây súng,

“Coi chừng, chỗ kia có người.”

An và Thu cũng chụp nhanh vũ khí. Tôi ra lệnh,

“Thằng An đến coi xem.”

An thận trọng tiến lại chỗ phát ra tiếng rên, mũi súng lăm lăm, ngón tay trở trên lẫy cò. Hắn khom người nhìn, rồi nói lớn,

“Ông thầy ơi, một người bị tường đè.”

Tôi đến cạnh An. Dưới đồng gạch ngổn ngang, nửa thân thể của một thiếu nữ lộ ra. Chiếc áo cánh màu trắng loang lổ máu, trộn lẫn vôi vữa, nhóp nhép, mái tóc dài bê bết bụi, khuôn mặt thiếu nữ tái ngắt, hai mắt nhắm nghiền, tiếng rên phát ra yếu ớt từ đôi môi nứt nẻ.

“Thằng Thu báo cáo với đích thân, xin ngay y tá xuống đây.” Tôi ra lệnh.

Mười phút sau, thiếu nữ được moi ra từ đồng gạch vụn.

Thiếu nữ trạc trên dưới hai mươi, khuôn mặt dù đã hốc hác xám ngoắc, nhưng dựa vào cấu trúc của sống mũi cao, chiếc miệng cân đối, chiếc cằm tròn, đầy... tôi đoán có lẽ nhan sắc trên trung bình. Thiếu nữ tuy chưa rơi vào trạng thái hôn mê hẳn, song chắc chắn không còn cảm nhận được gì. Tình trạng này, nếu chúng tôi không phát hiện kịp, chỉ một đêm nữa thôi, có lẽ thiếu nữ này sẽ rời bỏ cõi nhân sinh.

Nhờ tờ khai gia đình hôm sau An tìm thấy trong học tử, tôi biết gia đình này gồm sáu người. Hai vợ chồng gia chủ, đã lớn tuổi, bốn người con. Hai trai, một đứa mười sáu, một

đứa mười lăm. Hai gái, một người mười chín, một đứa mười ba. Tôi đoán, người mười chín, tên Trầm. Nguyễn thị Giáng Trầm, là cô gái kia.

Trước khi rời khỏi thành phố, tiếp tục cuộc hành quân, tôi cẩn thận ghi địa chỉ ngôi nhà. Định bụng có dịp sẽ gửi thư hỏi thăm tin tức và tình trạng của Trầm. Tôi nghĩ, với ống chân dập nát đã mưng mủ đó, thiếu nữ sẽ nhiều phần *trở về trên đôi nạng gỗ*.

Nhưng cuộc sống của một thằng lính thuộc đơn vị tổng trừ bị, ngoài tháng ngày lặn lội hết rừng này qua núi nọ, khi về đến hậu cứ là sa ngay vào những cuộc rong chơi bạt mạng. Cứ thế, không còn thì giờ ngoái nhìn dĩ vãng, nên cái địa chỉ của thiếu nữ ngày nào tuy thỉnh thoảng tôi có nhìn thấy trong sổ tay, rốt cuộc cũng chỉ là một địa chỉ như hàng chục địa chỉ khác, của ai đó, không đủ hấp lực khiến tôi ngồi xuống, viết đôi ba dòng thăm hỏi.

Hai năm sau, mặt trận Hạ Lào cướp mất của tôi mất nửa lá phổi, tôi giải ngũ, trở về quê rồi thi vào Cao Đẳng Mỹ Thuật, và đậu.

Đã một lần tôi đốt cháy niềm mơ ước của gia đình, hậu quả do mối tình xác thịt đầu đời gây ra. Trầy trật lắm mới lấy được cái tú tài bán, biết không thể học thêm, tôi đăng lính. Cha tôi rầu rĩ bỏ ăn bỏ ngủ, mẹ tôi khóc hết nước mắt, các anh chị tôi thở vắn than dài. Thằng con út, cái khát vọng làm rạng rỡ tổ tông, cảm bằng đi đứt. Bây giờ, nghe tôi trở lại đường học hành, tất cả đều mừng, đến khi biết tôi chọn hội họa làm hướng tiến thân, cả nhà lại thất vọng. Trên cõi đời này, có hàng trăm hàng nghìn ngành nghề nên danh nên

phận, sao không chọn, chọn chi cái nghề tàn mạt rách nát. Một lần nữa, đưa con hư hỏng lại đi chệch đường. Đành chịu. Dòng họ nhà ta không có mả khoa bảng. Cha tôi thờ dài đắng cay.

Tôi ra Huế, thành phố cổ kính bao nhiêu lần chịu đựng tai ương chiến cuộc. Thành phố có người thiếu nữ bị chôn vùi dưới lớp gạch ngói. Thành phố tôi sẽ trú ngụ ít nhất bốn năm nếu việc học hành suông sẻ.

Sau khi ổn định nơi ăn chốn ở, và rảnh rỗi chờ nhập khóa, tôi tìm lại ngôi nhà ngày trước.

Con hẻm không thay đổi nhiều. Những mái tôn mới thay cho những mái ngói đồ sập, lòng hẻm rộng hơn, có lẽ do được dọn dẹp sạch sẽ. Cuối hẻm, ngôi nhà vẫn còn đó, chái hiên ngả lệch đã được chống lên, bằng cây cột nâu bóng ngày nào đồ giữa sân, phần mái ngói chỗ thiếu nữ bị vùi được thay thế bằng mấy tấm tôn mới. Ngôi nhà chưa sửa sang gì nhiều, nó như dấu ấn rõ nét nhất cho thời điểm nhiều nhưng đã qua.

Tôi băng qua miếng sân xi măng, tiến lên bậc thềm. Đang ngờ ngác chưa biết hỏi ai thì từ góc vườn, một người đàn bà đứng tuổi chậm chạp tiến về phía tôi, người đàn bà cặp hông chiếc rổ đựng đầy rau dền đỏ,

“Cậu tìm ai rửa.”

Giọng Huế nặng, đục.

“Thưa bác, cháu muốn hỏi thăm cô Trầm”. Tôi trả lời.

“Con Trầm hỉ. Cậu bạn hẩn hỉ?”

Tôi định giải thích lý do tới đây, nhưng nghĩ sẽ quá dài dòng nên gật đầu liau,

“Dạ. Con là bạn của cô ấy.”

Người đàn bà ngập ngừng muốn hỏi thêm nhưng không hiểu sao lại thôi. Bà hướng mặt về phía bếp, gọi lớn,

“Trầm ơi. Có người kiếm mi tề.”

Có tiếng lộc cộc từ cửa hông ngôi nhà, rồi người thiếu nữ hiện ra. Đúng như dự đoán ngày nào: Thiếu nữ đã cụt mất một chân.

Trầm tiến về phía tôi, thân thể mỏng như một tờ giấy chao đảo trên đôi nạng gỗ. Hai năm đã trôi qua, dù ngày trước tôi chỉ nhìn thoáng Trầm trong tư thế mê man, hốc hác vì thương tích, nhưng bây giờ tôi vẫn nhận ra ngay. Trầm không đẹp như tôi nghĩ. Đó là một nhan sắc trung bình, chỉ có đôi mắt. Đôi mắt sâu hun hút, phảng phất một cái gì thật khó giải thích, một cái gì làm cho người đối diện cảm thấy xốn xang, một cái gì không hẳn sự buồn bã, nó lớn hơn sự buồn bã nhưng chưa trở thành niềm tuyệt vọng. Tôi không thể tìm ra từ nào thích hợp để diễn tả đôi mắt này.

Trầm đến trước mặt tôi,

“Xin lỗi, ông tìm tôi?”

“Vâng... À, chuyện có hơi dài dòng, xin phép cô cho tôi được vào nhà. Không phiền cô chứ?”

“Dạ thưa, không có chi. Mời ông.”

Tôi ngồi xuống chiếc ghế gỗ có hai chỗ tựa tay uốn cong thành hình đầu rồng, lên nước bóng loáng. Chiếc ghế có vẻ lạc lõng, không xứng hợp với những đồ vật cũ kỹ bày biện chung quanh. Chiếc ghế, như một dấu tích mờ nhạt, cố gắng chứng minh ở thời điểm nào đó trong dĩ vãng, gia đình này đã từng thuộc vào một giai cấp khá giả. Cô gái chấp đôi nạng

gỗ dựng dọc cạnh bàn, từ tốn ngồi xuống chiếc ghế đối diện, vói tay nhấc cái ấm sành trong chiếc giỏ làm bằng vỏ trái dừa khô, rót trà ra tách, đẩy về phía tôi,

“Mời ông.”

“Cảm ơn cô.”

Tôi hơi nghiêng người nhìn chái bếp, mảng tường sụp chỉ còn một nửa, nửa kia lấp vá lại bằng ván thùng, tôn cũ, trông nham nhở dị dạng.”

“Sao cô không xây lại cái vách kia?”

Trầm nhìn theo hướng nhìn của tôi, rồi nhìn tôi, dò hỏi. Trong đôi mắt sâu thoáng vẻ ngạc nhiên. Tôi vội vã giải thích,

“Tôi đã từng ở trong nhà cô hai ngày. Chỗ kia, cô bị thương.”

Đôi mắt Trầm sáng lên,

“À, té ra ông...”

Tôi cười:

“Vâng.”

Kể từ hôm đó, tôi dần dần trở thành người thân của gia đình Trầm, gần như cuối tuần nào tôi cũng đến với Trầm. Qua tiếp xúc, qua trò chuyện, tôi nhận thấy bên trong tấm thân mỏng manh gầy yếu kia ẩn chứa một nghị lực phi thường, một tâm hồn ấm áp chất thơ. Trầm đọc sách nhiều, suy nghĩ thấu đáo mọi chuyện, yêu thiên nhiên, yêu tiếng chim hót sớm mai, yêu giọt sương long lánh đầu ngày, yêu tiếng rao hàng vơi vơi trên sông những đêm khuya khoắt, yêu hồi chuông thu không mỗi chiều lờ lững... Nhưng đồng thời cũng ý thức rõ ràng vị trí của mình trong dòng biến động, tôi

là ai, tôi đang thế nào, tôi phải sống ra sao. Trầm phân chia rành rọt hai phần đối kháng không khoan nhượng vốn là hai nhân tố tạo nên sự đa dạng phong phú của cuộc đời: chất thơ mộng và thực tế sần sùi của cuộc sống. Do đó, Trầm坦然 chấp nhận tất cả mọi bất hạnh, không than oán. Nàng là mẫu người điển hình nhất đã thu tóm trọn vẹn bản sắc tương chừng như mâu thuẫn của phong thổ nơi nàng sinh ra: sông núi hữu tình, lãng tửm đền đài u mặc, lòng người sâu lắng, nhưng bên dưới bề mặt êm ả đó, bao giờ cũng sục sôi bao nhiêu khát vọng thực tế bỏng cháy.

Và cũng chính qua người con gái này, quan niệm của tôi về tình yêu bắt đầu thay đổi. Nói rõ ràng hơn, tôi đã bị Trầm chinh phục lúc nào không hay. Ban đầu, là tình thương đối với một thiếu nữ bất hạnh, dần dà, là niềm ngưỡng mộ đối với một tâm hồn phong phú, bao dung và can đảm. Cho đến một lúc trong tôi đầy ắp hình ảnh Trầm. Không phải thứ hình ảnh ngồn ngộn thịt da hùng hực của bà cảnh sát, của những mối tình sau đó, mà là cái hình ảnh rất thánh thiện, rất trong trắng, cái hình ảnh không chút vẩn đục phàm phu. Tôi hiểu, tôi yêu Trầm. Tôi còn hiểu thêm, Trầm cũng thế, cũng yêu tôi. Nhưng cả hai đều cố nén nhem chuyện này. Trầm, dĩ nhiên biết rõ thân phận mình, chỗ đứng mình, sự khác biệt giữa ước mơ và thực tế gai góc. Còn tôi, thằng đàn ông đã lẫn lộn rạc ròi trong chốn tình trường, đã mặt chai mày nám, cứ sao tôi vẫn không dám tỏ lộ lòng mình?

Tôi chưa kịp tìm ra căn nguyên lý do thì biến cố tháng ba một chín bảy lăm như con nước lũ, tràn vào thành phố. Một lần nữa, cố đô lại hứng chịu thêm bao nhiêu tai ương mới.

Buổi tối, trước khi chạy vào Đà Nẵng, tôi ghé nhà Trầm. Nàng đón tôi với vẻ chịu đựng cam phận. Khi tôi nói thành phố sắp bị chiếm, hãy theo tôi trốn thoát. Nàng buồn bã lắc đầu,

“Anh đi đi. Nơi ni không phải chỗ chôn nhau cắn rốn của anh, anh đi là phải, còn Trầm, bứt Trầm ra khỏi chỗ ni, Trầm biết sống ra răng? Hơn nữa Trầm còn ba mẹ già. Đâu thể chỉ lo cho bản thân mình thôi.”

“Thì Trầm khuyên hai bác cùng đi.”

“Không khi mô. Chỗ ni còn mồ mả tổ tiên. Ba mẹ đã già, có chết cũng chỉ chịu chết chỗ ni. Trầm biết chắc như rứa.”

“Nghe nói người ta sẽ chia đôi đất nước từ đèo Hải Vân. Chẳng lẽ chúng ta không còn gặp được nhau?”

“Đành thôi. Trầm cũng buồn lắm.”

Tôi cầm tay Trầm. Bàn tay xương, xanh mướt, run run trong tay tôi. Tôi cố nén xúc động. Có nên thổ lộ lòng mình không? Tôi tự hỏi. Trong hoàn cảnh này, điều đó xem ra không còn cần thiết nữa, chỉ gây thêm cho nhau đau buồn. Tôi mong tình hình không đến nỗi quá tồi tệ để may ra chúng tôi còn có cơ hội gặp lại nhau.

Nhưng cơ hội mong ước đó không bao giờ đến.

Cuối tháng ba, Đà Nẵng thất thủ, rồi Quy Nhơn, Nha Trang... rồi ba mươi tháng Tư, Sài Gòn. Tôi cuống cuống vượt thoát trước bước chân vũ bão của quân đội Bắc Việt, để cuối cùng, lênh đênh lưu lạc xứ người.

Định mệnh đã đẩy tôi về một hướng không định trước.

Qua Mỹ, tôi lấy vợ, có con. Mười bốn năm thoáng chốc

đã qua. Giờ đây mái tóc xanh ngày nào bắt đầu lấm tấm nhiều sợi bạc. Tuổi trẻ, những năm chinh chiến, mỗi tình đầu vẫn đục, đôi mắt u uẩn của Trầm, những nỗi trôi trên xứ người, tất cả tuôn tuột trôi đi, trôi đi... Nhiều lúc tôi có cảm tưởng mình như một giọt nước nhỏ, sắp tan nhòa trong đại dương bao la cuộc sống. Hình ảnh Trầm trong ngôi nhà cổ với mái hiên đỏ sập, với những tấm tôn chấp vá thế chỗ màu ngói âm dương nâu sẫm, tiếng nạng gỗ gõ lộc cộc khoan nhặt trên nền đất cũng theo tháng năm nhạt nhòa hư huyền.

Nhưng hình ảnh đó bỗng nhiên trở lại với tôi một cách thật bất ngờ. Cách đây không lâu, tình cờ gặp được một người bạn cũ cùng học ở Cao Đẳng Mỹ Thuật vừa từ đảo qua. Trong câu chuyện, người bạn chợt nhắc đến Trầm, và hỏi tôi còn nhớ nàng? Cả một đoạn đời dĩ vãng trong khoảnh khắc ùn ùn dấy lên. Tôi mời người bạn về nhà. Đêm đó, ngày ngật giữa men rượu, tôi đã lặng yên lắng nghe người bạn kể về cuộc sống của anh, trong suốt mười năm lao đao cơ cực. Những trại tù ma thiêng nước độc, những khốn đốn áo cơm, những ly tan mất mát. Cuối cùng, người bạn cho tôi biết cái điều tôi cần biết nhất, về Trầm. Ba mẹ Trầm đã chết, một đứa em trai đi nghĩa vụ quân sự biệt mù tin tức, hai đứa khác có vợ, có chồng. Riêng Trầm, vẫn ở thế, trong ngôi nhà cũ, ngôi nhà chưa có cơ hội sửa sang lại, và chắc sẽ không bao giờ được sửa sang lại. Nàng sinh sống bằng nghề bán thuốc lá lẻ. Người bạn kể, nhiều đêm đạp xích lô về khuya, ngang qua đầu con hẻm dẫn vào nhà nàng, anh thấy phía sau chiếc tủ kính nhỏ đặt trên một bàn gỗ tạp với đủ loại nhãn thuốc dán đầy mặt kính, là hình ảnh Trầm ngồi ủ rũ bất động,

dưới ánh sáng leo lét của ngọn đèn bánh ú đặt trên mặt bàn.

Sau đó tôi nhiều lần viết thư cho Trầm nhưng vẫn không có hồi âm. Có thể tên đường và địa chỉ đã thay đổi, cũng có thể Trầm nhận được thư nhưng không trả lời. Tôi biết rõ trạng huống nội tâm của Trầm. Cho đến ngày nay, tôi nghĩ, hẳn vẫn như xưa: Cam phận chịu đựng một cách can đảm và bền bỉ.

Bây giờ thỉnh thoảng ngồi trong xe chờ đợi vợ tôi đài các bước ra từ một shopping, nàng sáng rỡ như một mặt trời, tôi không khỏi bồi ngùi nhớ Trầm, nhớ hình ảnh người bạn đã vẽ ra: phía sau tủ thuốc lá, giữa đêm hôm khuya khoắt, Trầm ngồi ủ rũ bất động, ánh sáng của ngọn đèn dầu động vũng trên khuôn mặt nàng, khuôn mặt khuất chìm trong bóng tối, thứ bóng tối dày đặc đang phủ chụp trên quê hương, một quê hương cũng tận nguyên thảm thiết như bản thân nàng.

ĐÔI MẮT

Đứa bé chạy chập chững về phía mỏm đá nhô ra bờ vực.
Thiếu nữ gọi,

“Anny, trở lại đây với cô...”

Nhưng đứa bé vẫn tiếp tục chạy. Thiếu nữ rời băng ghé gồ đuổi theo. Bỗng vấp phải một rễ cây, ngã chúi. Thiếu nữ gượng đứng dậy, lại ngã chúi. Cô ta kêu “ôi” thảng thốt, hai tay ôm vội chỗ mắt cá chân. Đứa bé tưởng thiếu nữ đùa, nó cười sáng sặc, cô chạy nhanh hơn. Thiếu nữ hốt hoảng,

“Anny... Anny... lại đây... Anny...”

Đứa bé sắp ra tới đầu mỏm đá. Tôi giật mình vắt cây cọ và chiếc palette xuống cỏ, phóng nhanh về phía đứa bé, vừa lúc nó khom người định chui qua khung rào sắt an toàn. Vực sâu ở phía bên kia, vách đá lồi lõm thẳng đứng không nhìn thấy chân.

Tôi bế đứa bé đến bên thiếu nữ. Nàng đã gượng dậy được,

nhưng khuôn mặt tái xanh, vẻ vừa đau vừa sợ hãi. Tôi hỏi,

“Cô có sao không?”

“Bong gân, có lẽ bong gân... Anny, con làm cô đứng tim...”

Và cuồng cuồng dang tay ôm đứa bé, vò đầu, bóp nắn tay chân, làm như thể vừa tìm thấy lại sau nhiều ngày biệt tích. Tôi đứng bên cạnh, thừa thãi, ngơ ngáo, không biết tiến thối thế nào. Một lúc, chợt nhớ ra, nàng quay qua tôi, cười,

“Cảm ơn anh, nếu không có anh...”

Thiếu nữ bỏ dở câu, có lẽ sợ gỡ miệng. Tôi nói,

“Cái chân của cô... Để tôi đến trạm cấp cứu gọi y tá.”

“Cảm ơn anh, tôi nghĩ không đến nỗi nào.”

“Cô đi được chứ?”

Thiếu nữ thử bước tới, lại kêu “ôi”, lảo đảo suýt ngã. Tôi lắc đầu,

“Bong gân thật rồi. Cô ngồi chờ một chút...”

Không đợi thiếu nữ trả lời, tôi chạy vội về phía trạm cấp cứu. Năm phút sau tôi trở lại với một y tá. Anh ta tỏ ra nhanh nhẹn và thiện nghệ, vừa dùng dầu nóng bóp nắn chỗ mắt cá chân thiếu nữ vừa đùa trấn an,

“Easy, easy... Chỉ một phút nữa cô có thể tranh giải điền kinh.”

Gã y tá bỗng giật mạnh tay, một tiếng “cụp” nho nhỏ. Thiếu nữ nhòm người, miệng méo xệch.

“Are you OK?”

Thiếu nữ thở ra một hơi dài như vừa trút được gánh nặng, khẽ gật đầu.

“Tôi đã nói mà. Easy.”

Gã y tá cười, vỗ vỗ tay lên bàn chân thiếu nữ. Tôi nhìn thấy những giọt mồ hôi đượm ướt khắp vầng trán phẳng của cô, một mảng tóc đen nhánh phủ lòa xoa chạm chân mày. Khuôn mặt tuy còn xanh tái nhưng vẫn không che nổi đôi má ửng hồng mịn mượt. Gã y tá nói,

“Nào, thử bước tới... Đây, hết đau rồi chứ?”

Thiếu nữ ngược nhìn gã,

“Vâng. Cảm ơn ông.”

Gã nghiêng đầu đáp lễ rồi vui vẻ xách chiếc túi trắng có vẽ chữ thập đỏ đứng lên, đưa tay vẫy chào, đi ngược trở lại trạm cấp cứu.

Tôi xoa đầu đứa bé, hỏi thiếu nữ,

“Cháu mấy tuổi rồi?”

“Dạ hai tuổi. Nghịch kinh khủng anh ơi.”

“Con trai mà.”

Đứa bé cố nhoài khỏi tay thiếu nữ, xuống cò. Nàng trừng mắt,

“Không đi nữa. Một tí nữa rớt xuống vực, biết không?”

Tôi nói,

“Cháu không chịu ngồi yên đâu. Cô nên đưa cháu xuống bãi vừa an toàn vừa có chỗ cho cháu tha hồ chạy nhảy. Nhân tiện tôi mời cô ly nước.”

“Anh đang vẽ...”

“Nắng nhạt rồi, tôi đã định dẹp.”

Tôi thu dọn giá, cọ sơn cùng khung bố nham nhở những mảng màu dờ dang mang ra xe. Xong trở lại cùng thiếu nữ đi dọc theo con đường nhỏ lát đá dẫn quanh co xuống bãi. Nắng phai, biển sẫm màu hơn, chỗ tiếp giáp giữa trời và

nước đường như bị xóa mờ, chỉ còn mơ hồ một đường ranh hư ảo. Gió lớn, hơi muối ngập trong không khí. Trên giải đá cách bờ biển không xa, những con hải âu đậu thành từng nhóm, thỉnh thoảng một vài con bay lên, chao nghiêng đôi cánh rộng là là sát mặt nước, vài con khác đáp trên bãi cát, chạy dọc theo chân sóng. Tôi đưa thiếu nữ vào một restaurant nhỏ. Chúng tôi ngồi ngoài sân, dưới chiếc dù hai màu xanh đỏ vui mắt. Đứa bé vụt khỏi tay nàng, lăng quăng chạy đuổi theo những con hải âu. Tiếng cười trong như thủy tinh reo vang từng chập.

Thiếu nữ ban đầu có vẻ khép kín, nhưng một cách khéo léo dần dà tôi tạo được bầu không khí khá tự nhiên, nàng trở nên vui vẻ hoạt bát. Khi chai bia đầu tiên vừa cạn, tôi đã nắm được khái quát lý lịch thiếu nữ. Nàng có một cái tên thật trữ tình: Ý Trâm, chưa lập gia đình, đang theo học tại một đại học trong vùng, đến Mỹ vừa tròn bốn năm do bảo lãnh của vợ chồng người anh ruột. Đứa bé là con đầu lòng của hai người.

Tôi nói với nàng tôi sống ở Mỹ đã nhiều năm, nhưng mới chuyển về làm việc tại thành phố này, chưa quen biết ai, cuối tuần không biết đi đâu, đành mang đồ nghề ra đây vẽ vờn lãng nhăng giải sầu.

“Anh là họa sĩ?” Nàng hỏi.

“Vâng, nhưng trước đây cơ, hồi còn ở Việt nam. Ra khỏi nước mới thấy tài cán mình chẳng tới đâu. Bây giờ vẽ chỉ để mua vui.”

“Nghệ thuật trước tiên là để mua vui”.

“Tôi không nghĩ như thế. Nếu người làm nghệ thuật

không xem đó như một sứ mệnh, không sống chết vì nó, thì khó lòng sinh nở ra cái gì mới lạ. Nghệ sĩ cũng giống như sản phụ, không mang nặng đẻ đau, làm sao có được tác phẩm?”

Nàng cười,

“Anh hạ giá nghệ sĩ đấy nhé. Người đàn bà nào cũng có thể làm sản phụ, nhưng không phải ai cũng có thể trở thành nghệ sĩ.”

Tôi gật đầu,

“Dĩ nhiên năng khiếu bẩm sinh là điều kiện đầu tiên ắt có. Tuy nhiên chưa đủ. Hạt mầm nằm trong đất sẽ chẳng thể vươn thành chồi non nếu không hội đủ những yếu tố cần thiết: Đất đai, khí hậu, phân bón, và nhất là tự thân của hạt mầm có đủ không sự sung mãn để khắc phục môi trường.”

“Khó nhỉ.”

“Không khó mà cũng chẳng dễ. Định mệnh cả. Có những người sinh ra để làm vợ, làm mẹ, làm cha hoặc làm giàu, cũng có những người sinh ra chỉ để sống với những điều xem chừng hết sức vô bổ: văn chương, thi ca, hội họa, âm nhạc... Vì thế, xét cho cùng, nghệ sĩ chẳng lớn hơn mà cũng chẳng nhỏ hơn bất cứ người bình thường nào. Hẳn có mặt để làm công việc đó, và làm, giản dị vậy thôi, vấn đề tôi muốn nói là nỗ lực của mỗi cá nhân đối với công việc của mình. Người thợ sửa xe muốn làm giàu, tất nhiên hẳn phải trau dồi tay nghề cho đến nơi đến chốn. Một nghệ sĩ muốn có tác phẩm lớn, hẳn cũng phải cuu mang đẻ sinh nở chứ. Giữa anh thợ sửa xe và chàng nghệ sĩ, đã chắc gì ai lớn hơn ai, ai khổ nhọc hơn ai?”

“Riêng anh thì thế nào?”

“Hình như tôi cũng có một chút năng khiếu, nhưng quyết tâm để đi đến tận cùng con đường mình chọn thì không. Thà thà mà nói, tôi quá ít tham vọng trong lãnh vực này. Vì nhận ra điều đó nên tôi chọn con đường khác. Bây giờ, như đã nói, vể, chỉ nhằm mục đích mua vui.”

Trâm đưa tay xoắn lọn tóc lòa xòa trước ngực. Nàng nhìn tôi, đôi mắt to sâu long lanh vẻ đùa cợt,

“Biết đâu cái ‘cho vui’ của anh ngày sau sẽ trở thành bảo vật...”

Tôi lắc đầu,

“Trong nghệ thuật, không có rủi may, hoặc có chăng nữa cũng chỉ giai đoạn. Do thị hiếu, do những tung hô của phe nhóm, bẻ phái... Quần chúng một hai thế hệ có thể làm, nhưng nhiều thế hệ thì không. Thời gian sẽ đãi lọc. Cát với vàng làm sao chẳng khác nhau? Tôi may mắn còn đủ khách quan để biết cái giới hạn nhỏ bé của mình.”

Đứa bé vẫn chạy đuổi theo những con hải âu, cách chỗ chúng tôi ngồi khá xa. Thiếu nữ đứng lên, nói xin lỗi rồi đuổi theo đứa bé. Tôi nhìn những giọt nắng cuối cùng rơi vãi yếu ớt trên miếng sân ximăng, nghĩ đến căn phòng nhỏ bừa bộn quần áo chần mền trong khu chung cư, nghĩ đến buổi tối dài dằng dặc thao thức không thể chợp mắt, bỗng nhiên lòng dạ nôn nao, muốn bỏ hết công việc ở thành phố này, trở về. Mặc, ra sao thì ra. Tôi nhủ thầm. Tuy nhiên tôi cũng biết rất rõ, ý nghĩ liều lĩnh đó sẽ không tồn tại lâu, và nhất là không đủ mạnh để trở thành quyết định. Những điều tôi vừa nói với thiếu nữ là một sự thật, xuất phát từ kinh nghiệm bản thân. Đúng, tôi không có sự quyết tâm, tôi không đủ can đảm hy

sinh tất cả để sống chết với ước muốn của mình. Buổi ban đầu, khi chọn hội họa như một cứu cánh cho cuộc đời, tôi vẫn tưởng sẽ đi hết con đường. Nhưng mỗi ngày nhiệt tâm mỗi mòn mỏi. Chung quanh tôi còn bao nhiêu quyền rũ mảnh liệt hơn, và không cách nào tôi cưỡng chống lại nổi. Nhiều lúc ngồi trước khung bố, với cọ sơn, palette trên tay, tôi băn khoăn tự hỏi: Những cái này rồi sẽ đưa ta đến đâu? Cuộc sống vẫn chảy xuôi trong một dòng chảy dừng dừng, con người vẫn tiếp tục lao về phía trước, họ mưu cầu hạnh phúc và bằng những nỗ lực rất thực tế, họ đã tìm thấy hạnh phúc. Có thực sự cần thiết phải có những tác phẩm nghệ thuật? Hình như câu trả lời là không! Khi chọn lối đi khác, tôi đã vin vào câu trả lời này để trấn an sự xao động của tâm hồn. Và như thế, đã trên mười năm. Trên mười năm, gần như tôi quên hẳn có lúc mình cũng từng sống chết với màu sắc. Nếu công việc không đưa đẩy tôi đến thành phố này, nếu không có những tháng ngày dằng dặc thiếu vắng bạn bè, người thân làm tôi chết ngộp trong buồn chán, thì có lẽ sẽ chẳng bao giờ tôi nhớ đến cọ sơn, khung bố.

Hai cô cháu đã trở về. Thiếu nữ cúi xuống cột lại dây giày cho đứa bé, xong nàng ngẩng lên,

“Chiều rồi, xin phép anh...”

Khi đưa hai cô cháu ra xe, tôi nói nếu nàng cho phép tôi mong sẽ có lúc gặp lại.

Chúng tôi trao đổi số điện thoại cho nhau.

Trên đường về, tôi ôn lại những điều đã trao đổi cùng thiếu nữ và không thể không bật cười. Chỉ mới gặp nhau lần đầu, đã ba hoa linh tinh những vấn đề nặng ký. Văn chương,

nghệ thuật! Sao tôi không nói với nàng về nắng, về gió, về mặt biển thăm xanh, về những con hải âu chao lượn nhẹ nhàng, về đôi mắt của nàng. Phải, đôi mắt của nàng.

Tôi mê những đôi mắt đẹp. Cái khiến tôi rung động nhất, ở một người nữ, là đôi mắt. Và có lẽ lực đẩy mạnh nhất đã khiến tôi chọn học hội họa cũng bắt nguồn từ đôi mắt. Thuở đó tôi yêu Oanh, cô bé học dưới tôi hai lớp. Oanh không đẹp, hơi gầy, nhưng tia nhìn của nàng luôn luôn làm tôi sững người chết lặng mỗi khi đối diện. Tia nhìn đăm đăm, mượt như nhung. Tôi có cảm tưởng dưới tia nhìn đó, người ta thật không dễ dàng gì buộc trái tim đừng rung động. Mỗi tình đầu ngây vụng, nhưng đó là mỗi tình “lớn” nhất trong đời tôi. Ba năm yêu nhau, chưa một lần trao hôn, chưa một lần dám cầm bàn tay nhau, cũng chưa một lần mặt nhìn mặt, nói với nhau một tiếng “yêu”. Chỉ có những lá thư đầm thắm, chùng mực trao đổi qua trung gian một người bạn nhỏ. Khi tôi bắt đầu “vọc sơn”, đề tài đầu tiên tôi tìm cách thể hiện lên mặt bố là đôi mắt của Oanh. Đôi mắt to đen với tia nhìn đăm đăm. Gần nửa tháng hì hục khổ nhọc, cuối cùng tôi đã có được cái cảm giác mê mẩn tuyệt thú trước tác phẩm vừa hoàn tất. Tôi ngồi hàng giờ, có khi cả nửa ngày nhìn không chán màu xanh thăm đen, hun hút, trải khắp mặt bố. Ở đó chập chờn như hư như thực khuôn mặt nàng, vóc dáng nàng. Và nổi rõ giữa bối cảnh rất mờ khói sương đó là đôi mắt. Đôi mắt to, sâu, long lanh hai đóm sáng dọi thẳng về phía trước, xoáy vào trái tim kẻ đối diện. Có thể bức tranh đầu tiên đã rất non dại về mặt kỹ thuật, có thể nó không linh động như tôi tưởng, có thể bởi chủ quan, tình cảm của tôi dành cho Oanh quá say

đắm, đã khiến tôi... hào phóng quá đáng với tác phẩm của mình. Nhưng có cần chi. Nghệ thuật, trước tiên là thỏa mãn được chính người sáng tạo. Tôi thỏa mãn. Như vậy đã đủ. Cho đến bây giờ, bao nhiêu năm tháng đã trôi qua, cảm giác ngây ngất xưa kia trước bức vẽ đầu tay, vẫn còn nguyên mỗi lần nhớ lại. Thế mới biết, tình yêu đã làm cho cuộc đời trở nên tươi đẹp hơn, lòng người trở nên rộng rãi hơn.

Hôm nay, đôi mắt của Oanh. Đôi mắt trong tranh thuở nào, tôi vừa tình cờ gặp lại ở một người con gái khác.

Đôi mắt! Nó đã ám ảnh tôi suốt nhiều ngày kể từ buổi gặp gỡ đầu tiên.

Một tuần sau tôi gọi điện thoại cho thiếu nữ.

Bằng vào kinh nghiệm và lịch duyệt, tôi không mấy khó khăn khi thực hiện ý muốn của mình. Ý muốn của tôi? Đó là hai tháng sau, chúng tôi trở thành người yêu của nhau.

Tình yêu đến, ban đầu những tưởng “cho vui”, như những lần mang giá vẽ ra bờ biển, vẽ, cũng chỉ để “cho vui”. Nhưng dần dà không biết từ bao giờ, tôi nhận thấy sự hiện diện của nàng trong đời sống tôi mỗi lúc một cần thiết hơn. Tôi lại muốn vẽ nàng, đúng hơn, vẽ đôi mắt của nàng. Tôi nghĩ, với kinh nghiệm nghề nghiệp khá vững vàng, với lòng đắm say như buổi ban đầu xa xưa ấy, tôi tin tác phẩm sẽ không tệ. Tôi quyết định thực hiện ý muốn đó.

Cuối tháng Năm, tôi nói với Trâm,

“Tuần sau em nghỉ hè, rảnh rỗi. Anh có thể xin nghỉ mười ngày, chúng ta đi chơi xa, nhé?”

Trâm nói,

“Chẳng biết anh chị có cho không.”

“Này, cô bé, lớn rồi, cái gì cũng anh chị quyết định hộ là làm sao?”

Trâm cười ngọt ngào,

“Quen rồi anh ơi.”

“Bỏ đi cái thói quen “bị trị” kia bắt đầu từ hôm nay, nghe chưa?”

Nàng có vẻ giận,

“Anh cũng bỏ đi cái giọng “chỉ huy quân phiệt” kia. Em không bằng lòng đâu.”

Tôi ôm nàng trong vòng tay, cúi hôn lên đôi mắt đắm đắm của nàng,

“Anh xin lỗi... Nhưng em hứa đi, hứa sẽ đi chơi xa với anh vài ngày. Anh muốn chúng ta là của riêng nhau vài ngày. Anh muốn vẽ em, vẽ đôi mắt của em. Hứa đi.”

Nàng hứa.

Chúng tôi lên đường vào đầu tuần sau đó. Trong xe, ngoài áo quần, vật dụng tùy thân còn có thêm đầy đủ sơn cọ. Chưa bao giờ, kể từ buổi đầu tiên vẽ đôi mắt Oanh, tôi có được sự nôn nóng say mê như bây giờ. Tình yêu, vẫn tình yêu, mãi mãi, muôn đời, là động cơ lớn nhất, có khả năng chi phối tất cả mọi hành động, suy nghĩ của con người.

Gần tám tiếng đồng hồ vừa đi vừa nghỉ, tôi đưa nàng đến nơi muốn đến. Chúng tôi chọn một khách sạn nằm trên ngọn đồi cao. Từ cửa sổ nhìn xuống, thành phố với những con đường thẳng tắp, ngang dọc vuông vức như những ô vuông trên bàn cờ, với chập chùng những tòa nhà cao tầng sáng lóa hàng vạn khuôn kính, với những hàng cây xanh, những khu công viên mênh mông. Và xa, rất xa, ngút tầm nhìn, trùng

điệp những cánh rừng bạt ngàn. Bên trái, cũng mênh mông không kém, mặt hồ đục mù trong làn sương mỏng, thoáng ẩn thoáng hiện những cánh buồm trắng, những chiếc du thuyền. Đẹp. Cái đẹp được kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên hùng vĩ và văn minh đô thị tiên tiến.

Dù rất nôn nóng, tôi vẫn chưa thực hiện ngay ý định. Ba ngày đầu tiên tôi đưa Trâm đi thăm hầu hết những nơi đáng thăm nhất của thành phố du lịch này. Picnic trong rừng. Uống rượu và nhảy trên du thuyền. Câu cá dọc bờ hồ. Dạo chơi trong khu shopping mênh mông. Nghe nhạc ở đại thánh phòng của thành phố. Tôi cũng dẫn Trâm vào viện bảo tàng, nơi những vĩ nhân của nghệ thuật tạo hình nhân loại chen vai thích cánh đứng cạnh nhau. Một phần, tôi muốn bồi dưỡng cho Trâm ít kiến thức về hội họa, một phần nữa, tạo thêm cảm hứng cho công việc tôi sắp thực hiện. Khi đứng trước một bức tranh khỏa thân, Trâm nói,

“Đẹp quá anh nhỉ.”

“Của một trong ba vị khổng lồ thời Phục Hưng đấy, không đẹp sao được.”

“Ai vậy anh?”

“Raphael.”

“Em nghe nói ông họa sĩ này vừa trẻ, vừa đẹp trai, lại vừa rất giàu phải không anh?”

“Phải. Và lại vừa rất đào hoa.”

“Không đào hoa sao được, *tài sắc mười phân vẹn mười*, thêm tiền rừng bạc bể... Thượng đế đôi khi cũng bất công, sao lại ưu đãi ông ấy nhiều thế.”

“Chẳng bất công đâu. Ông ấy chết trẻ, lúc tài năng đang

nở rộ.”

“Uổng nhỉ.”

“Uổng cho ông ấy hay cho nhân loại?”

“Cả hai.”

Tôi bỗng hỏi:

“Em sợ chết chứ?”

Và không đợi nàng trả lời, tôi tiếp,

“Anh thì sợ lắm. Bởi vậy, nếu cho anh cái tài năng của ông ấy, anh cũng không ham. Thượng đế hào phóng nhưng... tiểu tâm, lại chúa ghen tị. Cứ nhận bừa mọi cái ông ấy cho rồi có lúc trắng mắt ra, bởi chẳng bao giờ ông ấy cho khơi vô điều kiện cả. Không *đoạn trường* toi tả cũng đến *bạc mệnh* chết non.”

“Yên trí, anh không đẹp trai và cũng chẳng giàu có như ông ấy, nên chắc là sống dai, sông dài, sống nhì nhằng phải biết.”

Tôi cười lớn, quàng tay qua vai nàng, kéo nhẹ đầu nàng vào ngực, hôn lên mái tóc óng mượt thoang thoang mùi nước hoa dịu nhẹ, cảm thấy lòng ngòm ngợp một cảm giác yêu đương bông bột.

Chúng tôi sống những ngày thật thần tiên, đắm chìm trong một thứ hạnh phúc ngọt ngào đến tê dại hồn phách. Ban ngày thăm thú các nơi, ban đêm quần quít bên nhau, trong nhau, khám phá đến tận cùng mọi ngõ ngách của thịt da cảm xúc. Không phải lần đầu biết yêu, cũng không phải lần đầu hưởng thụ hương vị ái ân, nhưng giữa chúng tôi đã hình như có một sợi chỉ hòa hợp vô hình nào đó, mỗi ngày mỗi thêm siết chặt chung quanh. Tuổi thanh xuân tưởng

chùng đã thiếp ngủ bao năm, bỗng vùng thức sung mãn. Tôi trẻ lại như tuổi đôi mươi. Tôi phơi phới hồn nhiên như những năm đầu đời ấm áp tự tin. Tình yêu. Vẫn tình yêu, cái lực đẩy kỳ diệu lạ lùng!

Ngày thứ tư tôi bắt tay vào việc vẽ Ý Trâm. Mọi kỹ thuật đã nắm vững, tôi không còn phải vật lộn với sắc màu một cách khó nhọc. Và lần này bức tranh cũng không nhuốm cái không khí huyễn hoặc liêu trai như tác phẩm đầu tiên, mà ngồn ngộn giữa chốn mềm ngồn ngang là thân thể nàng, khỏe thân, trắng hồng tươi khỏe, với khuôn mặt có vành môi trên hơi vênh lên một vẻ đắm say hài mãn, và đôi mắt, vẫn đôi mắt, long lanh hai tia sáng rực ngời đắm đắm nồng nàn.

Khi tôi nói với Ý Trâm công việc đã hoàn tất, cái ước muốn bỏng cháy của tôi trong nhiều tháng nay vừa được thực hiện viên mãn, nàng đến đứng trước bức tranh, nhìn không chớp mắt mặt bố bây giờ đã biến thành một thế giới rất riêng, mà trong đó, hình ảnh nàng đã được tôi thể hiện với rất nhiều say đắm. Nàng ngả đầu vào ngực tôi, khuôn mặt rực sáng,

“Cảm ơn anh, bức tranh đẹp quá. Em hy vọng nó sẽ tồn tại, ít nhất là với chúng ta, suốt đời.”

“Dĩ nhiên rồi, cô bé.”

“Còn một năm nữa em ra trường, chúng ta sẽ lấy nhau. Minh sẽ treo bức tranh trong phòng ngủ, anh nhé?”

Và nàng vít đầu tôi xuống, hôn đắm say.

Chúng tôi lại yêu nhau.

Chưa bao giờ tôi thấy nàng nồng nhiệt như thế.

Cũng chưa bao giờ tôi cảm thấy yêu nàng đến thế...

* * *

Chị Ph.

Trong một lá thư gần đây gửi cho tôi, chị viết:

Mỗi lần đọc xong một truyện ngắn của T., tôi cảm thấy mệt, rất mệt. T. ơi, cuộc sống nào phải chỉ có thảm kịch, sao T. cứ bắt người đọc đối diện mãi với những tang thương, mất mát, khổ đau, giết tróc, lừa đảo...? Sao T. cứ đẩy nhân vật của mình đến tận cùng sự xấu, sự ác, sự đê tiện? Để làm gì? Đành rằng văn chương phản ánh đời sống, nhưng phản ánh cách nào để người đọc, qua văn chương, cảm thấy cái chân thiện mỹ mà học hỏi, mà noi theo. Nói một cách giản dị hơn, sứ mệnh của văn chương là làm sao cho cuộc đời trở nên đẹp đẽ, tâm hồn con người trở thành thanh cao hướng thượng. Cuộc sống này, bầu trời xanh này, khi tôi còn nhìn thấy thì không thể nào mà không hạnh phúc. Câu văn của ai nhỉ? Tôi rất tiếc đã không nhớ của ai. Duy tấm lòng và niềm tin yêu cuộc đời bằng bạc trong chỉ chùng ấy chữ thì rõ ràng đã khiến chúng ta lạc quan biết bao nhiêu. Có thể T. đang cười khẩy, cho rằng tôi đã già nua, đầu óc đã chai cứng, không chấp nhận được cái mới, cứ quẩn quanh mãi trong quan niệm văn dĩ tải đạo. Vâng, tôi già. Nhưng đã sao? Nếu sự “già nua” của tôi làm cho cuộc đời trở nên tươi sáng hơn, con người tin tưởng nhau hơn, thì có chi tôi không tiếp tục “già” như thế nhỉ? Tóm lại, T. thử thay đổi cách viết có được không? Hãy thử viết, một câu chuyện thơ mộng, thật thơ mộng. Tôi tin rằng không những tôi mà có lẽ hầu hết độc giả đều chờ mong điều đó.

Chị Ph.

Một câu chuyện thơ mộng, thật thơ mộng. Tôi đã nghe lời chị. Đã viết. Thơ mộng hay không còn tùy người đọc phán xét, duy có điều tôi biết chắc, nó không *tang thương, mát mát, khổ đau, tàn bạo* như chị đã nhận xét, về tất cả những điều tôi từng viết ra. Đây là câu chuyện thật, rất thật. Nó là một mảng đời sống tôi.

Nhưng chị Ph. ơi, chính vì nó thật, thật quá, nên làm sao “thơ mộng” cho được?

Bởi chị hiểu hơn ai hết, tôi đến làm việc ở thành phố này là do nhu cầu cơm áo của chúng tôi. Chúng tôi? Một đơn vị gia đình gồm hai vợ chồng và ba đứa con thông minh kháu khỉnh. Chị cũng hiểu hơn ai hết, tôi yêu Oanh, yêu con, yêu cái mái ấm kia dường nào. Trước khi gặp Ý Trâm, tôi chỉ mong công việc tiến triển tốt đẹp, để tôi thu xếp move cả gia đình về đây. Vợ chồng chúng tôi đã đi qua quá nửa đời người, nên chuyện thành bại chẳng phải là điều ghê gớm, duy các cháu còn nhỏ dại, chúng cần một cơ ngơi vững chãi. Tôi chịu xa gia đình trên hai ngàn dặm đường, chị biết, cũng chỉ vì một lý do duy nhất: Tương lai của các cháu.

Nhưng bây giờ thì vấn đề đã khác. Tôi phải giải quyết làm sao?

Này, chị Ph., hãy bày tôi đi, bày tôi viết cách nào cho câu chuyện của tôi cứ “thơ mộng” như ý chị và độc giả mong muốn? Bởi vì nếu tôi tiếp tục để hai nhân vật đắm chìm trong hạnh phúc, và sang năm, nàng ra trường, chúng tôi sẽ lấy nhau, một mái ấm, một tình yêu nồng nàn, những đứa con ngoan... Lạy Chúa, đẹp để biết bao nhiêu, có hậu biết

bao nhiêu, trong sáng biết bao nhiêu... Nhưng như thế là rõ ràng tôi tự dối mình, dối vợ, dối con và dối ngay cả nàng. Tôi không thành thực. Mà một nhà văn, khi đã gian trá, dù sự gian trá nhân danh bất cứ “lý tưởng” nào chẳng nữa, chắc chắn chữ nghĩa của hắn khó lòng thuyết phục được ai. Trước khi chọn nghề văn, tôi đã thề với lòng mãi mãi sẽ nhìn ngay, nhìn thẳng, viết điều mình thấy, mình nghĩ chứ không bao giờ bẻ cong ngòi bút để viết cho vừa lòng mọi người, cho phải đạo. Viết để tẩy rửa một số lỗi lầm, mặc cảm nào đó. Viết để tung hô bản thân mình, bố mẹ vợ con mình, phe phái bè nhóm mình. Hoặc tệ hại hơn nữa, viết như một thủ đoạn đê tiện nhất, nhằm vấy bùn lên nhân cách và lòng tin của kẻ khác để đạt đến những mục đích tối tăm! Trò hạ đẳng kia làm cho chữ nghĩa trở nên sa đọa. Lời nói bay đi, theo gió, nhưng chữ nghĩa sẽ còn đó, mãi mãi. Ngoài tài năng, can đảm và chính trực là hai điều không thể không có ở một nhà văn. Bao lâu tôi còn giữ nổi lời thề đó, tôi còn viết. Bằng không, tôi sẽ chọn con đường khác. Trên xứ sở này văn chương vốn đã chẳng thể tạo thành cơm áo. Cũng không ai buộc tôi phải dối trá.

Cho nên, câu chuyện của tôi chưa có đoạn kết. Tôi mong ngày mong đêm cái đoạn kết hoặc chị, hoặc những độc giả của tôi sẽ cho. Tôi cũng hy vọng cái đoạn kết đó “có hậu”, để tôi được dịp sung sướng tin rằng: *Cuộc sống này, bầu trời xanh này, khi tôi còn nhìn thấy thì không thể nào mà không hạnh phúc.* Hãy giúp tôi, chị Ph.

Chờ thư chị.

BIẾN CỐ TRONG RỪNG TRÀM

Bữa tiệc đang ở giai đoạn sôi nổi khi tôi đến. Mọi người đã ngà ngà say. Gia chủ đứng dậy, rời chỗ ngồi ra cửa đón tôi.

“Trễ vậy?”

“Bạn quá, phải giải quyết cho xong một số công việc. Xin lỗi.”

Tôi đưa chai rượu cho Huân, hắn cầm lấy nói cảm ơn và chỉ tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu dãy bàn dài, bên cạnh một trung niên có mái tóc dài lốm đốm bạc. Trung niên quay qua nhìn tôi, cười.

“Nhớ không?”

“Hình như tôi có gặp anh...”

“Hình như gì, hôm đám cưới con gái anh D., quên rồi à?”

“Ồ... Ồ... Anh Hưng, phải không?”

Trung niên giữ nguyên nụ cười trên môi, đưa tay vỗ vai

tôi,

“Tốt, uống nhé.”

Ông ta đẩy chiếc ly không về phía tôi, với tay cầm chai rượu, rót.

Màu rượu nâu óng phản chiếu ánh đèn sáng lóng lánh. Trung niên cầm hai chiếc ly, một của ông ta, một đưa cho tôi,

“Nào, cùng cái coi.”

Tôi nhấp một ngụm, đặt chiếc ly xuống bàn. Mùi rượu nồng cay chạy qua cổ họng. Tôi hơi rùng mình. Bao giờ cũng vậy, ly rượu đầu luôn luôn khiến tôi rùng mình. Trung niên nói,

“Làm đi.”

Và chỉ những đĩa thức ăn bẻ bộn trên bàn.

Tôi nói cảm ơn và cầm đĩa. Tự nhủ phải dần bụng cần thận mới mong theo kịp mấy tay này. Xem chừng người nào cũng thuộc hàng cao thủ. Tựu lượng tôi tuy không tệ lắm nhưng so với người đàn ông ngồi cạnh chắc không thấm vào đâu. Tôi đã từng chứng kiến khả năng hũ chìm của ông ta bữa đám cưới con gái anh D., suốt bốn tiếng đồng hồ uống không ngừng, hai chai rượu mạnh hình như chỉ một mình ông tiêu thụ, vậy mà tan tiệc còn năng nỗ mời chúng tôi ra quán làm tiếp.

Khi đã cảm thấy no, tôi buông đĩa ngả người dựa lưng vào thành ghế, lướt mắt quan sát một vòng thực khách. Ngoài ông Hưng, tôi chỉ quen mặt vài người nữa, đa số dân business quần quanh trong vùng. Tất cả đều có vẻ tròn trịa, đom dáng nhưng nhòn nhọt, vô vị, không gây nổi một ấn tượng

nào. Duy thiếu phụ đối diện, xeo xéo phía tay trái của tôi, ngay từ lúc mới ngồi xuống ghế, tôi đã có ngay cảm tưởng từng quen, hay ít nhất cũng từng gặp mặt ở một nơi nào đó.

Nơi nào?

Tại Mỹ? Chắc chắn không. Trại tị nạn? Để xem. Cũng không nốt. Vậy chỉ có thể ở Việt nam. Tôi sống trên đất nước này đã ngót chín năm. Chín năm, thời gian đủ dài để xóa nhòa mọi hệ lụy cũ. Họ hàng, bè bạn, những kẻ thân sơ... mỗi ngày mỗi trở nên mờ nhạt. Thậm chí đôi người tôi còn quên cả tên tuổi, nhân diện. Giả dụ tình cờ gặp lại với hình ảnh cũ, chưa chắc tôi đã nhận ra, huống hồ tháng năm đã chất chồng trên mỗi phận số - từ thể xác đến tâm hồn - những đổi thay không ngờ.

Thiếu phụ tình cờ quay mặt về hướng tôi, tia nhìn hơi sững lại vài ba giây rồi vội vàng lảng ra phía khác. Thế này thì nhất định chúng tôi đã từng gặp nhau, vẻ lúng túng của thiếu phụ dứt khoát không phải phản ứng của bản năng nữ tính khi bắt gặp một đôi mắt đàn ông soi mói. Mà là phản ứng của một người đang cố thu nhỏ lại, để chìm lẫn vào đám đông, mong đừng ai nhìn thấy. Nhưng tại sao phải thế? Nếu quả thật chúng tôi từng biết nhau, và thiếu phụ đã nhận ra tôi, thì thái độ của cô ta nếu không vồn vã, chí ít cũng bình thường chứ. Thiếu phụ là ai? Gặp nhau trong trường hợp nào? ở đâu? Những câu hỏi rơi chìm vào vùng tối tăm của ký ức, không âm vang hồi đáp.

Khi tôi uống đến ly thứ ba, một thực khách bỗng xô ghế đứng dậy, đưa tay vuốt tóc, hắng giọng. Anh ta có vẻ đã thấm rượu, giọng nói nhão nhoẹt dính bết tiếng nọ vào tiếng kia,

“Hừm... Hừm... Ai cũng đã no say cả.... Mà gia chủ vẫn chưa chịu tiết lộ lý do buổi *quần hùng* hôm nay... Yêu cầu anh Huân cho chúng tôi xin vài lời... vàng ngọc...”

Mọi người lao nhao hưởng ứng.

Huân đứng lên. Hắn đảo mắt nhìn khắp lượt thực khách, mỉm cười nhỏ nhẹ,

“Lâu lắm mới được một buổi họp mặt đông đủ thế này... Vì sinh kế, anh em đã không có cơ hội gặp nhau thường xuyên, buổi tiệc chỉ là cái cớ để chúng ta tụ lại. Giản dị vậy thôi. Tuy nhiên nếu các bạn muốn có lý do, thì cứ xem như hôm nay tôi mời các bạn cùng với gia đình tôi tổng tiến một năm cũ sắp qua, vì như các bạn đã biết, chẳng còn bao lâu nữa năm mới sẽ đến.”

Huân nâng ly rượu của mình lên, tiếp,

“Nào, mời các bạn cạn cho.”

Tiếng vỗ tay. Tiếng ly tách chạm đụng lanh canh. Tiếng cười nói ồn ào...

Khi Huân ngồi xuống, bắt cần để cùi chỏ đặt vào chai rượu. Người đàn ông ngồi cạnh vội vàng chụp lấy. Nhưng lại thêm một vụng về khác, bàn tay người đàn ông quơ ngang, vướng vào sợi dây của chiếc lò điện. Chiếc lò đồ nghiêng suýt rơi vào lòng thiếu phụ, miếng sắt đặt trên lò văng ra. Vòng “tungsteng” đỏ lừ bén ngay vào tờ “nấpkin”, bùng cháy... Căn phòng đã mù mịt khói thuốc, cộng thêm đám khói từ miếng giấy lau miệng tỏa ra, khiến chiếc hộp báo động trên trần nhà ré lên từng chuỗi âm thanh dồn dập chói tai.

Thiếu phụ hoảng hốt đứng bật dậy, cô ta vừa hét lớn vừa lui nhanh về phía cuối căn phòng. Hai bàn tay chấp lại

trước ngực vái lia lịa, khuôn mặt trắng nhợt, đôi mắt trợn trừng khiếp đảm. Phản ứng của thiếu phụ rõ ràng bất thường. Chiếc lò chỉ suýt rơi vào lòng, ngọn lửa nhỏ hoàn toàn không phương hại đến cô ta. Tiếng còi báo động tuy có làm nhiều người giật mình, nhưng chưa đến nỗi biến thành sự khiếp hãi thế kia.

Gia chủ vội vàng đứng dậy tiến về phía thiếu phụ,
“Chị có sao không?”

Thiếu phụ vẫn tiếp tục hét, hai bàn tay chắp trước ngực vái nhanh hơn. Bỗng cô ta quỳ xuống, mặt mọp sát mặt thảm, từ đôi môi đỏ son thoát ra tiếng rên lầy bầy

“Trời ơi... Trời ơi... Cái đầu... Cái đầu...”

Mọi người càng kinh ngạc. Huân đứng sững lúng lúng không biết phải hành xử thế nào.

Riêng tôi, tôi hiểu.

Phản ứng của thiếu phụ như một lực đẩy bất ngờ, mở tung cánh cửa ký ức. Cô ta thay đổi nhiều quá, tôi không nhận ra ngay cũng phải. Mười năm trước thiếu phụ chỉ là một cô gái vừa bước vào tuổi dậy thì, nhút nhát và hơi què què, nhưng bây giờ, từ cách trang điểm, quần áo đến phong thái đều toát ra một vẻ sang cả quý phái rất mệnh phụ. Hai hình ảnh, hai ấn tượng, dù tôi có một trí nhớ xuất chúng cũng không thể nào tìm ra sợi dây liên hệ. Mười năm, câu chuyện tưởng đã chìm hẳn vào lãng quên... Điều không ngờ nhất là sự hiện diện của thiếu phụ ngày hôm nay, tại đây. Tôi vẫn nghĩ, kể từ biến cố kinh hoàng kia, sẽ chẳng bao giờ nữa, tôi còn nhìn thấy cô ta. Vậy mà... Cuộc sống quả thật có quá nhiều điều không thể lường đoán. Và cái câu quả đất tròn

tuy đã cũ, đã mòn, đã trở thành khuôn sáo, kỳ diệu thay lại thường vẫn đúng...

* * *

Rừng rậm, những thân tràm chi chít đan vào nhau, lá sà thấp sát mặt nước. Chiếc “taxi” trôi chậm giữa lòng kinh đục ngầu phù sa. Đang buổi trưa nhưng ánh nắng không xuyên nổi qua những tầng lá ken dày. Mọi người trên xuồng có cảm tưởng như trời sắp chạng vạng. Tôi hỏi người chèo xuồng,

“Còn bao lâu nữa ra đến bãi, chú Tư?”

“Mấy giờ rồi?” Người đàn ông hỏi lại.

“Hai giờ.” Tôi trả lời.

“Khoảng tám giờ tối.”

“Xa vậy à?”

“Cặp mé sông thì mau hơn, nhưng nguy hiểm, tội tuân giang phát hiện liền. Mà tới sớm làm gì, cũng phải núp trong rừng chờ trời tối mới dám ra bãi. Thà vòng vo trong này, chắc ăn. Vừa khỏi mất công chờ đợi, vừa đỡ lo.”

Thiếu nữ ngồi cạnh tôi từ lúc bước xuống “taxi”, chưa mở miệng nói một câu. Cô ta ngồi, hai tay bám chặt hai bên thành xuồng, mắt nhìn chăm chú phía trước, vẻ lo âu làm thần sắc cô xanh tái. Trên xuồng, ngoài chú Tư, tôi, thiếu nữ, còn có thêm ba người nữa, toàn đàn ông. Một người tuổi khoảng bốn mươi, anh ta tự giới thiệu là sĩ quan chế độ cũ, vừa được tha về ba tháng trước. Đây là chuyến vượt biên đầu tiên của anh. *Nói thiệt với mấy bạn, nếu không thoát chắc tôi tự tử. Loại... phản động như tôi mà bị bắt lại thì có mà mút*

chỉ... Không kham nổi nữa đâu. Anh ta than thở. Hai người kể là anh em ruột, tuổi tác tuy chênh lệch nhưng từ nhân dạng đến giọng nói rất giống nhau. Hai tay này hình như dân chợ trời, ngôn ngữ rất giọng giang hồ. Nhất là cậu em, nói nhiều, đã đành, còn tỏ ra rất hào hứng, làm như đây là một cuộc picnic. Hắn ngồi vắt vẻo ở đầu xuồng, mắt đảo quanh ngang dọc, luôn miệng hát hò, có lúc cao hứng vói tay níu nhánh tràm oằn ngang trên đầu, giật mạnh, làm lũ chim bị động vỗ cánh bay lên rào rào. Cả một góc rừng đang thiêm thiếp bỗng choàng tỉnh huyền ảo. Mọi người hốt hoảng xanh mặt. Anh chàng sĩ quan trừng mắt,

“No côm ầm cật vừa vừa chứ, bộ muốn chết à?”

Người hùng trẻ tuổi đốp chát lại ngay,

“Làm gì dữ vậy cha?”

“Dữ cái gì. Cậu đi trốn hay đi chơi, hả?”

“Chỗ xó xỉnh này bọn tuần giang còn khuya mới dám mò vô.”

Và để chứng minh nhận xét của mình là đúng, hắn quay mặt về phía người chèo xuồng, tiếp,

“Phải không chú Tư?”

“Kể mấy chả không dám thiệt, nhưng *cẩn tắc vô áy náy*. cậu Hai. Nói như anh đây đúng đó, mình đi trốn chứ đâu có đi chơi.”

Người hùng trẻ tuổi lướt mắt qua từng khuôn mặt hiện diện. Xem chừng không có ai đồng minh! Hắn cụt hứng lâu bầu văng tục rồi lại dáo dác nhìn chung quanh, vẻ bứt rứt không yên. Tôi thông cảm với người hùng. Hắn xấp xỉ tuổi tôi, còn trẻ, sinh lực dồi dào, nhưng hắn khác tôi ở chỗ đã lăn

lộn trong cuộc đời, quá quen với những tình huống gay cấn, giờ bắt hẩn *ngậm hột thị* triền miên bảy tám tiếng đồng hồ thế kia, miệng mồm tay chân ngứa ngáy chịu sao nổi!

Chiếc xuồng lướt êm, quanh co trong khu rừng mênh mông bạt ngàn. Tôi thăm phục người dẫn đường. Không hiểu bằng cách nào ông ta nhận ra phương hướng. Trước mặt, sau lưng, bên trái, bên phải... rừng tiếp rừng, chỗ nào cũng giống chỗ nào, trùng điệp một màu xanh thăm thẳm.

Trời dần dần sụp tối. Chúng tôi không còn nhìn thấy gì ngoài những ánh lân tinh phát ra từ mái chèo của chú Tư khuấy động mặt nước. Thời gian trôi qua chậm chạp. Người hùng trẻ tuổi hình như đã thấm mệt, không còn léo nhéo hát hò. Thiếu nữ vẫn giữ nguyên thế ngồi, như từ lúc mới bước xuống. Gã sĩ quan cũng im lặng. Người đàn ông “chợ trời” có lẽ đang ngon giấc, hẩn dựa ngửa vào thành xuồng, đầu ngoẹo qua một bên, tiếng thở từ miệng hẩn phát ra khò khè và đều nhịp. Tôi vươn vai ngồi thẳng lưng định hỏi chú Tư đã sắp đến chưa thì cũng vừa lúc ông ta lên tiếng,

“Tôi rồi đó. Mình neo xuồng trong này, chừng nào ngoài kia chớp đèn báo hiệu, tui đưa bà con ra.”

Ngoài kia, theo hướng tay chỉ của chú Tư, tôi không nhìn thấy gì ngoài bóng tối đen đặc. Những cũng đoán biết, cách chúng tôi không xa là sông cái, vì gió từ hướng đó thổi vào mát lạnh, và sóng nhỏ vỗ vào mạn xuồng lép lép.

Tôi đưa tay xem đồng hồ. Hai cây kim dạ quang chỉ bảy giờ mười phút. Nếu theo đúng phương án, chúng tôi phải đợi thêm hai tiếng đồng hồ nữa mới được bốc lên “cá mẹ”.

Chín giờ, rồi chín rưỡi, mười giờ... Người hùng trẻ tuổi

và ông anh “chợ trời” không ngớt lần bầu văng tục. Gã sĩ quan nhấp nhòm không yên, hấn luôn miệng hỏi chú Tư những câu tôi nghĩ ông ta không đủ thâm quyền trả lời, tựu trung những câu hỏi xoay quanh tình trạng thực hư tốt xấu của “con cá mẹ” đã hoặc sẽ neo đậu đó ngoài khúc sông kia. Thiếu nữ vẫn ngậm miệng, trời tối, tôi không thể nhìn thấy mặt cô ta, tuy nhiên tôi biết chắc, thiếu nữ đang hết sức lo âu.

Cuối cùng, điều mọi người chờ đợi rồi cũng đến.

Rất xa, trong màu đêm dày đặc, một ánh đèn pin nháy lên ba lần. Hai lần đầu nhanh, nghỉ một quãng ngắn, lại nháy. Tín hiệu đúng như giao ước. Chú Tư vừa khởi động tay chèo vừa cảnh giác,

“Bà con cẩn thận khi leo lên thuyền, đừng gây tiếng động lớn, nghe không?”

Chiếc xuồng rời chỗ nấp, lướt chậm về phía “cá mẹ”. Chỉ vài mươi thước chúng tôi đã ra đến chỗ nối với dòng sông. Tuy đêm tối nhưng nhờ ánh sao, tôi cũng lờ mờ nhìn thấy, chung quanh, nhấp nhô nhiều “taxi” của các đồng hành chui ra từ những con lạch nhỏ. Đã có vài chiếc cập được vào thành “cá mẹ”.

Khi xuồng chúng tôi sắp đến mục tiêu thì như có một hiệu lệnh nào đó, dọc bờ sông những ngọn đèn pha bỗng đồng loạt bật sáng, chiếu thẳng vào con tàu nhỏ ngụy trang dưới dạng tàu đánh cá đang neo giữa dòng, cùng lúc với tiếng súng nổ dồn. Một nỗi sợ hãi chạy nhanh qua đầu, luôn xuống từng mạch máu. Tôi kêu thầm, *Thua... Thua rồi!...* Chiếc “taxi” chòng chành. Chú Tư hét,

“Tất cả bình tĩnh, lật xuồng bây giờ. Để yên tôi đưa vào bờ, đằng nào cũng thua. Thà ở tù hơn chết chìm.”

Viên sĩ quan chồm lên, không biết từ bao giờ, hắn đang cầm trong tay quả lựu đạn đã mở kíp,

“Chú Tư. Quay lại đi. Tôi thà chết chứ không để bọn chúng bắt đầu.”

Chú Tư hoảng hốt,

“Trời đất, đừng giỡn chớ. Thoát làm sao được, anh không thấy công an dày đặc thế kia à?”

“Theo lệnh tôi. Chú cãi, tôi cho nổ lựu đạn chết hết.”

“Ê, đừng liều mạng cha nội.” Người hùng trẻ tuổi hét lớn.

“Câm mồm. Đụ mẹ, lạng quạng bỏ mẹ mày nghe chưa?”

Thấy gã sĩ quan hung hăng quá, người hùng trẻ tuổi im thin thít. Thiếu nữ bật khóc, miệng không ngớt kêu trời. Tôi cũng chết điếng trong sợ hãi. Tôi xuống giọng năn nỉ gã sĩ quan,

“Anh nghĩ kỹ đi, thà bị tù còn có ngày về, họ bao vây thế kia, làm thế nào thoát được...”

“Không. Chú Tư, chèo đi.” Gã sĩ quan cương quyết.

Trên bờ, tiếng súng vẫn dòn dã. Tôi biết họ chỉ bắn thị uy chứ không nhắm vào mục tiêu nào. Cách an toàn nhất bây giờ là đầu hàng. Đúng, chú Tư nói chí phải, ở tù còn có ngày về, chống cự lại mười phần chết chín là cái chắc.

Từ bờ bên phải, hai chiếc “ca nô” rẽ nước phóng ra. Tiếng loa phóng thanh oang oang lan tỏa khắp mặt sông,

“Tất cả cầm sào tại chỗ. Ai di chuyển sẽ bị bắn hạ tức khắc.”

“Cắm con cặc vào mồm chúng mày... Chú Tư, chèo đi...”

Gã sĩ quan gào lên điên cuồng. Hắn đưa cao tay, dứ dứ trái lựu đạn về phía hai chiếc “ca nô”. Tôi kêu thảm, thẳng cha sợ quá hóa liều, chết theo hần thể này thật hết sức oan uổng. Tôi muốn lên tiếng tiếp tục năn nỉ nhưng biết sẽ vô ích. Đành nhắm mắt phó thác cho số mệnh.

Chiếc xuồng bỗng chao nghiêng dữ dội. Tôi giật mình. Chú Tư thừa cơ gã sĩ quan lơ đãng, đã nhanh như sóc nhảy tòm xuống nước. Ông ta mất tăm giữa dòng nước lấp lánh ánh bạc phản chiếu từ những ngọn đèn pha đang quét ngang dọc. Gã sĩ quan văng tục, nhìn khắp lượt chúng tôi,

“Có ai biết chèo không?”

Tất cả đều lắc đầu. Gã lại văng tục, đứng dậy bước vội ra sau mũi xuồng. Một tay vẫn cầm quả lựu đạn, một tay nạy mái chèo. Người đàn ông “chợ trời” la hoảng,

“Không được đâu anh ơi, chết cả lũ bây giờ.”

“Mặc mẹ các anh. Muốn sống bơi vào đi.”

Gã “chợ trời” nhìn dòng sông rộng, quay qua cậu em,

“Mày nhắm bơi nổi tới bờ không?”

Người hùng gật đầu. Cả hai lưỡng lự vài giây rồi cùng phóng xuống nước.

Trên xuồng chỉ còn lại ba người. Tôi không biết bơi, thiếu nữ có lẽ cũng vậy. Chiếc xuồng quay mũi, trở ngược đầu có thoát xa vùng bố ráp. Tiếng loa phóng thanh gào lên,

“Dừng lại, bắn bỏ bây giờ... Dừng lại...”

Gã sĩ quan cố nhanh tay chèo. Tiếng súng quay hướng về phía chúng tôi. Đạn rít trên đầu, đạn rơi lồm bồm chung

quanh. Tôi nằm mộp, úp mặt xuống sàn xuống, tôi sợ đến không còn cử động nổi chân tay. Thiếu nữ có lẽ cũng thế, tôi không nghe thấy tiếng khóc của nàng. Hay cô ta trúng đạn rồi? Hai chiếc “ca nô” đuổi theo, mỗi lúc một gần, tiếng động cơ phành phạch, tiếng loa phóng thanh tiếp tục gào to đầy đe dọa. Tôi ngóc đầu nhìn. Gã sĩ quan ngoái cổ lại, quai hàm bạnh ra, gã nghiêng răng,

“Đụ mẹ, tao thí mạng cùi...”

Anh ta vung tay, quả lựu đạn vọt lên không. Một cột nước bùng cao cùng với tiếng nổ đinh tai. Quả lựu đạn tuy không trúng hai chiếc “ca nô” nhưng cũng khiến chúng sợ. Tôi lại ngóc đầu nhìn. Chúng rẽ ngang, chậm lại, giữ một khoảng cách khá xa với xuống của chúng tôi.

Tôi vẫn không tin ở phép lạ, tuy nhiên sự việc tiếp theo phải giải thích cách nào đây nếu không dùng đến hai chữ “phép lạ”? Hai chiếc “ca nô” đuổi cảm chừng một đoạn ngắn rồi bỗng quay đầu trở lui. Gã sĩ quan bây giờ rảnh cả hai tay, hấn nỗ lực chèo, cố thật nhanh. Chiếc xuống lao băng băng trên dòng sông. Khi cách chỗ “cá mẹ” khá xa, ngoài tầm sáng của những ngọn đèn pha, gã sĩ quan cho xuống rẽ vào bờ. Hấn vớ vội chiếc túi xách nhảy xuống bãi sinh, nói với chúng tôi, trước khi mất hút vào bóng đêm,

“Lên đi. Không nên tụ lại thành nhóm chúng dễ phát hiện. Tôi tách, hai người rán lo cho nhau.”

Tôi bò đến gần thiếu nữ, hỏi,

“Cô bị thương?”

Cô ta lắc đầu nhưng không trả lời. Trong bóng tối mù mờ, tôi như nhìn rõ sự hoảng loạn trên khuôn mặt cô. Dù cơn

sợ vẫn còn nguyên cường độ, tôi cũng cố trấn an thiếu nữ,
“Thoát rồi. Chúng ta lên bờ tìm đường về...”

Phải một lúc khá lâu thiếu nữ mới hồi tỉnh, cô ta lập cập theo tôi bước ra khỏi xuống. Nước sinh lạnh cóng ngập đến bắp vế. Chúng tôi mò mẫm trong đêm, giữa trùng điệp cây rừng, cứ trước mặt bước tới, cố cho thật xa, thật sâu vào bên trong, không kịp suy nghĩ, cũng không biết xác định phương hướng. Cho đến khi khuất hẳn tiếng súng, tôi hiểu chúng tôi đã thoát khỏi vòng vây. Lòng cảm thấy nhẹ hẫng. Nhưng dần dần một nỗi sợ khác tràn đến, nỗi sợ này cũng lớn không kém nỗi sợ bị bắt, đó là làm thế nào để trở lại thị trấn? Vừa rồi phải mất hơn tám tiếng đồng hồ mới đến được đây. Bây giờ, muốn quay lui, trước tiên phải biết phương hướng và có xuống. Mà đâu có chẳng nữa cũng làm sao sử dụng? Từ nhỏ sống ở thành phố, bơi tôi còn chưa biết nói gì đến chuyện chèo chông! Thiếu nữ níu cánh tay tôi, bước thấp bước cao khó nhọc. Nàng tiếp tục khóc nghẹn từng cơn, và luôn miệng hỏi tôi phải làm cách nào để ra khỏi chỗ này. Tôi nói,

“Mình kiếm chỗ nào khô ráo nghỉ tạm, đợi trời sáng men ra bãi. Tôi nghĩ cứ đi dọc theo bờ sông thế nào cũng đến chỗ có người ở.”

Bóng đêm bao phủ quánh đặc, chúng tôi không nhìn thấy gì ngoài những ánh lân tinh phát ra từ lá mục. Tiếng côn trùng ếch nhái râm ran. Nước sinh lững bồng trơn trượt. Thiếu nữ bám chặt vào vai tôi, bước chân lết bết, nghiêng ngả. Phải mất gần nửa tiếng mò mẫm trong bóng tối tôi mới tìm ra một gò đất tương đối khô ráo. Tôi nói với thiếu nữ,

“Mình ngồi đây nghỉ, đợi trời sáng mới tính được.”

Và diu thiếu nữ ngồi xuống. Nàng úp mặt vào hai bàn tay, tiếp tục khóc. Tiếng khóc nghèn nghẹn dai dẳng của cô ta làm ruột gan tôi cồn cào. Tôi cảm thấy vừa tội nghiệp vừa bức mình,

“Này, thôi đi chứ, khóc mãi cũng chẳng giải quyết được gì...”

Khuya. Hơi lạnh của rừng bắt đầu thấm. Thiếu nữ run bần bật. Tôi cũng vậy, hai hàm răng lập cập, đầu những ngón tay, ngón chân tê cóng. Trong hoàn cảnh này cả hai chẳng còn đầu óc đâu để nghĩ đến chuyện giữ gìn, chúng tôi cuộn chặt vào nhau, người nọ cố tìm ở người kia chút hơi ấm. Đêm trôi qua chậm chạp. Thiếu nữ có lẽ vừa sợ, vừa kiệt sức, đã dần thiếp đi. Tôi cũng chợp mắt được một lát.

Khi chúng tôi choàng tỉnh thì mặt đất đã mờ mờ, và không lâu, trời dần sáng. Tiếng chim bốn bề ríu rít. Nắng xuyên qua kẽ lá, roi lốm đốm trên lớp bùn đen mun. Tôi nhìn chung quanh, màu trầm xanh thâm trùng điệp. Tôi hoảng. Thế này thì làm thế nào tìm ra đường về? Ngay cả hướng ra bờ sông tôi cũng không định được, những dấu vết để lại dọc lối đi tối hôm qua đã bị nước dâng xóa sạch.

Bỗng từ góc rừng có tiếng bước chân bì bõm. Tôi giật mình kéo thiếu nữ lẫn vào một bụi tràm. Tiếng bước chân đến gần. Chúng tôi nhận ra một toán năm người, ba đàn ông và một thiếu phụ cùng với đứa con gái độ ba bốn tuổi đang được bà ta “đai” sau lưng. Đầu đứa bé áp trên vai mẹ, lắc lư.

Thiếu nữ vọt miệng,

“Ô, người đàn bà kia tôi biết, cùng chuyến với mình đây.

Té ta họ cũng thoát.”

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Chúng tôi đã có đồng hành. Hy vọng những người kia biết hướng ra bờ sông. Phải ra đến bờ sông mới mong tìm thấy sinh lộ. Tôi nghĩ đến mấy chiếc khâu vàng mang theo. Gặp được dân chài, thuê họ chở về thị trấn là cách an toàn nhất.

Đám người đã đến cạnh. Chúng tôi nhận diện nhau.

Qua tin tức trao đổi cùng họ, tôi dần hiểu ra: Hành động liều lĩnh của gã sĩ quan lại là dịp may giúp cho nhiều người có cơ hội trốn thoát. Khi thấy hai chiếc “ca nô” đuổi theo chúng tôi, số nạn nhân còn lại lập tức tìm đường chuồn. Chính đó là lý do họ bỗng bỏ chúng tôi quay trở lại, có lẽ quả lựu đạn ném bừa đã khiến họ nghĩ rằng chúng tôi có vũ khí, đuổi theo sẽ nguy hiểm hơn những chiếc xuồng khác.

Người đàn ông nhỏ choắt, có vẻ nhanh nhẹn nhất trong đám người mới đến, nói,

“Tôi nghĩ, ngoài bọn này, ít ra cũng còn ba chiếc “taxi” nữa thoát được.”

Gã bỗng văng tục,

“Đụ mẹ thằng “tài xế”! Mới nghe súng nổ đã bỏ xuồng nhảy lên bờ trốn biệt.”

Tôi hỏi,

“Bây giờ mình tính thế nào? Các anh nắm được hướng ra bờ sông chứ?”

“Ra bờ sông? Bộ muốn chết à? Giờ này ở ngoài bọn nó rải người dày đặc, một con muỗi cũng không thoát. Tui kinh nghiệm quá mà.”

Để chứng minh kinh nghiệm của ông ta là có thật. Người

đàn ông kể tiếp, ông ta đã hai lần vượt biên, hai lần thất bại. Lần này chọn bãi đổ quân chỗ rừng sâu hẻo lánh, tưởng an toàn, nào ngờ cũng bể. Ông ta lại chửi thề,

“Đụ mẹ, tui nghi bọn tổ chức ăn chia với tụi công an. Nếu không, làm thế nào chúng phát hiện được.”

Nghi vấn người đàn ông vừa nêu ra nghe cũng hữu lý lắm. Nhưng vấn đề bây giờ không phải lúc truy tìm nguyên nhân thất bại. Tôi lặp lại câu hỏi,

“Vậy theo anh, mình tính sao đây?”

“Chỗ này chưa xa bờ sông lắm, có thể bọn chúng sẽ lùng sục. Tốt nhất, cứ vào sâu bên trong. Đợi vài ba ngày, êm, mình trở ra, tính tiếp.”

Người đàn bà kêu lên,

“Trời ở trong này vài ba ngày! Rồi lấy cái gì ăn? Tôi... Tôi có con nhỏ...”

Người đàn ông nhún vai,

“Tùy chị. Muốn bị bắt cứ việc ra ngoài gặp họ. Dễ mà!”

Người đàn bà có vẻ hốt hoảng. Đứa bé cựa mình, cần nhả. Tôi nhìn thấy mắt bà ta rom róm.

“Hơn lúc nào hết”. Tôi nói, “Mọi người phải bình tĩnh và sáng suốt. Chỉ còn hai con đường để chọn. Nếu chấp nhận tù tội thì ra ngoài kia. Ngược lại, phải nghe theo lời anh đây.”

Cuối cùng, mọi người đều đồng lòng chọn giải pháp thứ hai.

Chúng tôi phó mặc sinh mạng cho người đàn ông. Hắn dẫn cả bọn đi sâu vào bên trong. Sự thật, cũng không thể biết chúng tôi đang đi về hướng nào. Từ lúc gặp nhau đến xế chiều, người đàn ông có vẻ như rất rành rẽ khu rừng này,

nhưng dần dần tôi có cảm tưởng hắt cũng mù mờ không kém chúng tôi. Mặt trời sắp lặn. Hai người đàn bà và đứa bé đã kiệt quệ. Nước trong rừng là thứ nước lợ, khá mặn, càng uống càng khát, càng uống ruột gan càng còn cào. Đói. Đứa bé ban đầu khóc ngằn ngặt, luôn miệng kêu mẹ ơi mẹ ơi, nhưng dần dần cũng không còn đủ sức cất tiếng, nó lả đi trên lưng người đàn bà.

Hai gã đàn ông còn lại, một người khoảng hai mươi bảy, một người đã trung niên. Trông dáng dấp bên ngoài, tôi đoán có lẽ cũng dân buôn bán mảnh mung. Tuy ăn nói không giang hồ như hai anh em gã “chợ trời” nhưng mặt mày chắc chắn phải lương thiện. Gã trẻ tuổi nói với người đàn ông,

“Này anh, mình tìm chỗ nghỉ cho rồi. Đi thêm lạc mẹ nó đường ra, chết đói cả lũ.”

Trung niên phụ họa,

“Phải đó.”

Và hát hàm hỏi người đàn ông,

“Anh rành đường thật chứ? Đụ mẹ, đừng dẫn bọn này vào cửa tử nghe cha.”

Người đàn ông không trả lời, hắt ngời tựa một gốc tràm, nhìn dáo dác chung quanh. Tôi đoán chắc không sai, trông mặt mày ngơ ngác thế kia, hắt ta mù mịt đường đi nước bước là cái chắc. Bỗng nhiên tôi cảm thấy hơi hận. Thà ban sáng liều trở ra, dẫu bị bắt còn có ngày về, chứ cứ bị bõm trong này, không khéo lại trở thành ma đói. Thiếu nữ vẫn bám theo tôi. Nàng xanh tái, bèo nhèo như một tàu chuối rách ướt mưa, không còn đủ sức để cất tiếng hỏi. Tôi dìu thiếu nữ ngồi xuống, choàng tay qua vai nàng, như muốn

chuyền thêm cho nàng chút nghị lực. Dù thật sự, ngay chính bản thân, tôi cũng đã rã rời quá lắm.

Bóng tối bắt đầu chiếm ngự. Mỗi người một góc, không ai nói với ai lời nào. Nỗi sợ hãi như chiếc bánh phồng tôm trong chảo mỡ, cứ trương lớn, trương lớn... Đến độ tôi có cảm tưởng không khí quánh đặc, hô hấp thật khó khăn. Thiếu nữ rên nho nhỏ bên tai tôi,

“Anh ơi, làm sao đây anh...?”

Làm sao? Câu hỏi tôi đang tự hỏi, không phải mới bây giờ, mà đã bao nhiêu lần suốt từ tối hôm qua. Làm sao? Tôi nghĩ đến gã sĩ quan. Hắn ta đã sống nhiều năm trong quân đội, tù tội cũng đã trải, hẳn quá quen với những tình huống ngặt nghèo. Nếu có hắn trong nhóm, nhiều phần chúng tôi có hy vọng thoát. Tôi thở dài,

“Tôi cũng không biết phải làm sao...”

Bình minh lại đến. Đói, lạnh, muỗi rừng đã quàn cả bọn suốt đêm, không ai chợp mắt nổi, nên sáng ra tất cả đều như những xác chõng chết trôi. Sự tuyệt vọng càng lớn hơn khi chúng tôi thực sự biết được là gã đàn ông đã lạc mất phương hướng. Chúng tôi không dám cất bước. Đi đâu? Bên trái, bên phải, sau lưng, trước mắt? Sẽ đưa chúng tôi đến nơi nào? Ngoài tôi, thiếu nữ và mẹ con thiếu phụ, cả ba người đàn ông còn lại đều tỏ ra dày dạn. Tuy nhiên tôi đủ thông minh để hiểu, đó là sự dày dạn của bọn con buôn thành phố, do thời cuộc, do va chạm sinh kế, cộng với bản chất bất hảo bẩm sinh, đã biến họ thành những kẻ giảo hoạt, khôn lanh, quen mảnh mung chụp giựt. Họ có sự xảo quyệt và tàn nhẫn của những con cáo già, nhưng lại thiếu cái dũng mãnh và

kinh nghiệm mưu sinh thoát hiểm của hạng người từng vào sinh ra tử. Cho nên trong hoàn cảnh này, tất cả đều hoàn toàn không biết phải hành động thế nào. Thay vì đồng tâm hiệp lực để cùng tìm sinh lộ, họ quay ra gấu ó nhau, đổ lỗi lên đầu nhau. Hai gã “mánh mung” cho rằng tại người đàn ông “làm tài khôn” nên mới ra nông nổi. Người đàn ông thì bảo quyết định là quyết định chung, tất cả mọi người đều phải nhận một phần trách nhiệm. Họ cãi nhau, ban đầu còn chừng mực, đến một lúc suýt trở thành ẩu đả. Nhiều năm sau, nghĩ lại, tôi thấy rằng lúc bấy giờ chỉ cần một người trong chúng tôi, có được chút hiểu biết tối thiểu của bất cứ người dân miền sông lạch nào, thì có lẽ đã không xảy ra thảm kịch. Trong khu rừng mênh mông kia, thiếu gì sinh vật, thực vật ăn được. Nhất là cá tôm, ếch nhái, lươn trạch, chim chóc... Có thực phẩm để sống, thế nào rồi cũng sẽ tìm được hướng ra sông. Vậy mà chúng tôi, chẳng một kẻ nào biết cách đánh bắt.

Dở sống dở chết như thế thêm mười ngày nữa...

Chúng tôi quay quắt một cách tuyệt vọng vẫn không tìm thấy lối ra, càng đi rừng càng ảm thấp, kín dày. Thiếu nữ kéo lê tấm thân trên từng bước hụt hẫng như trong cõi mộng du. Người đàn bà chẳng khá gì hơn, nhất là đứa bé, như một xác chết, hơi thở đã thoi thóp. Tôi nghĩ chỉ gượng lồm đến sáng ngày hôm sau, thế nào đứa bé cũng chết.

Xế trưa ngày thứ mười một kể từ lúc bị “bể kế hoạch”, gã trung niên bỗng kéo chúng tôi, bọn đàn ông, ra góc rừng. Sau một lúc ngập ngừng, hần nói,

“Đứa bé đang nào cũng chết. Chúng ta thì cần phải sống để tìm đường về. Tôi đề nghị dùng đứa bé làm... lương

thực!”

Tất cả đều kinh ngạc, bàng hoàng trước gợi ý của trung niên. Tôi chưa dám tin ở tai mình. Ăn thịt người! Tôi từng đọc thấy chuyện này trong sách vở. Bên Trung hoa những năm đói kém, người ta đã phải đổi con cho nhau để... xẻ thịt! Việt nam tháng ba Ất Dậu cũng không thiếu người sống sót nhờ... xác chết đồng loại, và trong truyện Tàu, nhan nhản những tử điểm treo đầu dê bán... thịt con nít. Nhưng sách vở mà. Hơi đầu tin! Bọn viết văn bao giờ lại chẳng đẩy trí tưởng tượng đi quá xa với sự thật. Nhưng bây giờ, cái điều chỉ đọc thấy trên sách vở đó đang được nêu ra trắng trợn. Và chúng tôi, bốn gã đàn ông, sẽ là những thành viên quyết định nên hay không thực hiện đề nghị kia. Tôi im thin thít, chẳng dám hé răng nói nửa lời. Ba người còn lại sau một hồi bàn bạc, cuối cùng đồng ý “ngả thịt” đứa bé. Trung niên quay tôi,

“Anh thì sao?”

“Tôi... Tôi... Tùy các anh...”

Có nghĩa là tôi hèn. Đúng vậy. Sự thật, cũng như tất cả mọi người, tôi đói, kiệt sức. Nhưng chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện ăn thịt đồng loại. Hành động kia kinh khiếp quá, nó vượt ra ngoài khả năng tưởng tượng. Thâm tâm tôi không đồng ý với quyết định của ba gã đàn ông, tuy nhiên tôi sợ. Cả ba bây giờ đã là một khối hợp nhất, nếu tôi phản đối, có nghĩa tôi tự cô lập, không chừng sau đứa bé, sẽ đến phiên tôi cũng nên!

Ba gã đàn ông tiếp lục bàn bạc.

Ngoài con dao bấm và cái hộp quẹt ga của gã trẻ tuổi,

chẳng có nồi niêu soong chảo để đun nấu. Trung niên đề nghị,

“Nướng, chỉ nướng là giải pháp tốt nhất!”

Tôi rùng mình lạnh gáy khi thấy cả ba đều tỏ ra hoan hỉ sau đề nghị của trung niên. Sau đó họ phân công mỗi người một việc. Trung niên có lẽ thấy thái độ bạc nhược của tôi, nhấm chùng không giúp được gì cho họ. Gã cười,

“Riêng chú được miễn công tác, nhưng phải kín miệng đấy nhé. Hai người kia biết được thì không ổn đâu!”

Tôi hiểu, trong câu dặn dò đã ngầm ý đe dọa.

Chúng tôi trở lại chỗ tập trung.

Người đàn ông đến bên thiếu phụ. Hắn ngồi xuống đưa bàn tay áp lên ngực đứa bé, tỏ vẻ săn sóc,

“Chị phải cho cháu uống nước thường xuyên. Tôi coi, cháu yếu lắm rồi.”

Thiếu phụ cố ngóc đầu dậy nhưng lại ngã vật ra, bà ta thều thào,

“Anh... Giúp... giùm...”

“Vâng, chị giao cháu cho tôi, cứ yên tâm nằm nghỉ. Hai người kia đang làm bẫy bắt con chồn. Tối qua chúng tôi thấy nó thấp thoáng chỗ góc rừng kia. Hy vọng có được chút thịt tươi, khỏe ra, mình đi tiếp được.”

Gã cúi bồng đứa bé lên, bình thần bước về phía con lạch nhỏ khuất phía sau một bụi tràm.

Tôi ngồi bên cạnh thiếu nữ. Niềm kinh khiếp khiến máu trong người đông cứng thành đá. Tôi run run cầm bàn tay thiếu nữ. Bàn tay lạnh giá như của một xác chết. Tôi rùng mình hình dung cảnh tượng đang diễn ra chỗ con lạch nhỏ.

Đứa bé bị trần nước cho đến chết, quần áo được cởi ra, rồi kỳ cọ rửa ráy, rồi gác ngang trên hai thanh cây, bên dưới, lửa đỏ ngọn phùng phùng... Và mùi thịt cháy, mỡ nhỏ giọt trên những hòn than, lèo xèo... Bỗng nhiên đầu óc tôi quay cuồng. Con đói trộn lẫn với hình ảnh vừa tưởng tượng khiến tôi như sắp rơi vào cơn mê. Tôi sợ. Chưa bao giờ cảm giác khiếp sợ lên cao đến như thế, trong tôi.

Tôi thiếp đi, không biết bao lâu, cho đến khi mùi thịt nướng thơm lừng lan tỏa khắp một góc rừng mới giật mình choàng tỉnh. Tôi hiểu, bọn người kia đã thực hiện xong ý định. Thiếu nữ bỗng tựa mình, hai cánh mũi như nở rộng ra, nàng thì thào,

“Mùi thịt nướng phải không anh?”

Tôi nói không biết. Thiếu nữ quả quyết,

“Tôi không lầm đâu... Thịt nướng... Thịt nướng...”

Nàng ngóc dậy, tựa lưng vào một gốc trầm đôi mắt đảo dác nhìn quanh. Trái khế chỗ yết hầu chạy lên chạy xuống liên tục. Nước bọt đang trào ra và thiếu nữ nuốt lấy nuốt để. Tôi ứa nước mắt. Tôi cũng không hơn gì. Dù biết mùi thơm kia là mùi thịt của đứa bé, dù sự việc tôi hình dung ra đã khiến sống lưng lạnh toát, nhưng bản năng sinh tồn, sự đòi hỏi điên rồ của nhu cầu thân xác đã kích thích tuyến nước bọt của tôi hoạt động dữ dội. Lần đầu tiên trong đời tôi trực diện với cái đói, cũng lần đầu tiên trong đời tôi hiểu được sức chịu đựng giới hạn của con người trước quyền rũ ma quỷ của miếng ăn! Cách đây không lâu một người bạn đi tù về có kể cho tôi nghe về những hành vi tồi tệ của bạn tù đối với bạn tù. Chỉ vì một thỏi đường, một lát thịt mỡ, thậm chí một hạt

muối... Người ta có thể tha nhiên vu oan giá họa cho nhau, điềm chỉ, tố cáo nhau, hoặc tàn bạo hơn, đẩy nhau đến chỗ chết. Tôi đã nghe, đã tỏ ra kinh tởm những nhân cách vô loài đó. Nhưng bây giờ, tôi, chính tôi đã trở thành như thế. Chẳng phải như thế, còn súc vật hơn gấp nhiều lần!

Một lúc khá lâu, từ phía sau bụi tràm, ba gã đàn ông xuất hiện. Trung niên nói lớn,

“Lại đây quý vị. Chúng ta cùng mở tiệc. Thịt chồn, hết sảy.”

Như được thúc đẩy bởi một động lực vô hình, người đàn bà và thiếu nữ bật nhanh dậy, họ nhào tới gần ba gã đàn ông. Và không cần hỏi han lời thôi, họ vồ lấy hai tảng thịt vàng au, thơm mỡ, xé, gặm, nhai, nuốt... ngấu nghiến. Người đàn ông nhìn tôi, nháy mắt,

“Ăn đi chứ!”

Tôi run run gật đầu,

“Còn các anh?”

“A, bọn này ăn trước rồi, ăn đi, tự nhiên.”

Tôi lại rùng mình. Nhưng cái đói đã làm đầu óc tôi mù lòa. Tôi cũng chồm tới, vớ một tảng thịt, đưa lên miệng.

Tôi cố không suy nghĩ gì hết. Tôi cố tìm lý do bào chữa cho hành động của mình: Phải, đứa bé đang nào cũng chết, và xét cho cùng, thịt gì cũng là thịt... Không ăn, làm sao sống? Nếu tôi kiệt lực, họ có thể hành xử tôi như đã hành xử đứa bé. Chỉ một ý nghĩ đó cũng đủ khiến tôi run lên, cũng đủ biến thành động lực mạnh mẽ giúp tôi vượt qua sự nhòm tòm.

Khi những tảng thịt đã được thanh toán, trung niên nói,

“Còn kia, nhưng để dành, vả, đang đói, ăn nhiều nguy hiểm. Phải để cho bao tử quen làm việc trở lại.”

Người đàn bà đưa ống tay áo chùi miệng. Bây giờ bà ta mới nhớ ra đứa nhỏ. Người đàn bà quay về phía gã đàn ông,

“Cháu đâu rồi, các anh cho cháu ăn...”

“À... à... Cháu đang ngủ chỗ kia...” Gã đàn ông lăm lét chỉ tay về phía bụi tràm.

“Anh giao cháu lại cho tôi.” Người đàn bà nói.

“Cháu ngủ. Chị để cháu ngủ...”

“Cảm ơn anh, tôi khoe khỏe rồi, để tôi lo cho cháu.”

Người đàn bà đứng dậy bước về phía bụi tràm. Gã đàn ông chạy theo,

“Cháu ngủ mà...”

Chợt có tiếng hét thất thanh của người đàn bà,

“Con tôi... Con tôi đâu rồi... Ai cởi hết quần áo của nó vắt đây? Con tôi...”

“Bình tĩnh, chị bình tĩnh... Đàng nào cháu cũng chết... Thú thật với chị...”

Gã đàn ông lấp bấp giải thích... Nhưng người đàn bà như một người điên, bà ta hét chói lói,

“Con tôi đâu... Con tôi đâu?...”

Và cuống cuống chạy hết chỗ này qua chỗ kia. Bà ta lắc mạnh vai gã đàn ông, đứng sững trước trung niên, trợn trừng nhìn tôi, đấm thùm thụp lên ngực tên trẻ tuổi...

Cuối cùng thì bà ta hiểu!

Người đàn bà đưa hai tay lên trời, há miệng hóp hóp không khí, rồi ngã vật ra, bất tỉnh.

Thiếu nữ cũng hiểu. Nàng gập người nôn thốc tháo.

Bụng tôi chột cồn cào, tảng thịt vừa tống vào vôi vàng giờ muốn trào trở ra.

Ba gã đàn ông chụm lại một góc, tôi nghe họ bàn bạc sẽ bỏ chúng tôi lại, tách riêng. Tôi hoảng hốt lao tới bên họ. Tôi năn nỉ,

“Các anh cho tôi theo...”

Trung niên nhìn tôi, hỏi,

“Còn cô kia?”

“Mặc cô ấy. Ai có thân người đó lo. Cô ấy đâu có họ hàng thân thích gì với tôi...”

Dứt câu tôi liếc nhìn thiếu nữ. Nàng là người nằm sóng soài trên nền đất ẩm, mặt hướng về phía chúng tôi. Trong hai hố mắt thâm quầng, tôi như thấy rõ sự tuyệt vọng lẫn kinh khiếp. Tôi xoay đi, tránh tia nhìn của thiếu nữ. Trong tôi, cảm giác buồn nôn lại chực trào. Tôi còn đủ sáng suốt để nhận ra sự đốn hèn của mình. Tuy không trực tiếp tham dự vào việc hành hình đứa bé, nhưng tôi đã ngậm cầm đồng lõa. Tệ hại hơn, tôi sợ chết đến độ, nếu bây giờ cả ba người kia lại quyết định hành xử thiếu nữ hoặc người đàn bà đang bất tỉnh kia, tôi, tôi cũng sẽ không phản đối. Hiện tại, chỉ có một điều duy nhất tôi quan tâm: Đó là sự sống còn của bản thân. Tất cả đều là vô nghĩa, tất cả đều cỏ rác.

Chúng tôi thu xếp vội số “lương thực” còn lại rồi lội qua con lạch, lên đường. Từ phía sau, tiếng kêu yếu ớt đuổi theo tôi,

“Anh... anh...”

Bỗng một tiếng hét kinh hoàng làm tôi giật nảy mình

quay ngoắt lại, vừa kịp thấy thiếu nữ lão đảo bên cạnh đồng lửa. Nàng lùi dần lùi dần rồi quỵ sụp xuống, hai mắt trợn trừng nhìn vào đồng than cháy rực, như bị thôi miên. Tôi biết thiếu nữ đã thấy gì, vì lúc này, ngang qua, tôi cũng đã phát giác: Giữa đồng than là chiếc đầu của đứa bé đang tươm mỡ lèo xèo. Tôi vội vã bước nhanh, đồng thời hình dung phía sau, bên cạnh ngọn lửa oan nghiệt, là đôi mắt của thiếu nữ, đôi mắt như hai ngọn đèn pha, chiếu rọi chói chang vào lương tri tối ám nhầy nhụa của tôi. Đôi mắt chắc chắn sẽ ám ảnh tôi suốt đời.

Nhờ số “lương thực” dự trữ, chúng tôi đủ sức đi tiếp, cuối cùng cũng tìm ra được bờ sông sau bốn ngày mò mẫm hú họa.

Như dự tính, chúng tôi đón được ghe chài, thuê bao với một giá cắt cổ - ba chỉ vàng - để nhờ họ đưa về thị trấn.

Một năm sau tôi lại ra đi. Lần này thành công.

* * *

Tôi đến cạnh Huân, nói với hắn,

“Anh đừng lo cho cô ta. Tôi biết lý do tại sao cô ấy lại thế.”

Và cúi xuống, nhìn xoáy vào mắt thiếu phụ, nhỏ nhẹ,

“Thu... Bình tĩnh lại. Thu... Còn nhớ tôi không?”

Thiếu phụ ngược lên. Khuôn mặt cô ta vẫn đang phủ đầy nét kinh hoàng. Tôi tiếp tục dỗ,

“Thu... Bình tĩnh... Bình tĩnh. Đây là đất Mỹ... Không phải rừng tràm...”

Thiếu phụ chột trợn mắt nhìn tôi. Một giây... hai giây... mười giây... Chột cô ta úp mặt vào hai bàn tay gục đầu khóc nức nở. Một lúc, nàng ngẩng lên, tia mắt vừa căm hờn, vừa khinh bỉ,

“Xê ra, cút đi, tôi không muốn nhìn thấy anh... Đồ súc vật...”

Tôi đứng dậy. Không cảm thấy xấu hổ vì lời nguyên rủa của thiếu phụ, mà trong tôi, một nỗi chán chường buồn bã tràn ứ. Mười năm trời đã trôi qua. Thiên đường ước mơ tôi đã đạt chân đến. Cái thiên đường hàng triệu người, cũng như tôi, đã tới, đã sống. Cái thiên đường còn bao nhiêu triệu người nữa đang thiết tha muốn đến. Họ cũng sẽ sẵn sàng hy sinh tất cả, chà đạp lên tất cả. Họ cũng sẽ sẵn sàng biến thành những kẻ lừa đảo, gian trá, tàn bạo, thậm chí giết nhau, ghê khiếp hơn, ăn thịt nhau, để thực hiện bằng được ước mơ. Cái giá phải trả cho khát vọng đó đắt hay rẻ? Xứng đáng hay phí phạm? Tôi không biết. Nhìn bề ngoài, điển hình như thiếu phụ, từ một cô gái quê mùa, nhan sắc khiêm nhường, giờ đây đã biến thành một mệnh phụ đẹp sắc sang cả! Và như tôi, từ một anh học trò vừa qua khỏi trung học, ngày nay đã là một kỹ sư nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con khôn, thì cái giá đã trả xem ra xứng đáng đấy chứ! Nhưng phía sau bề mặt có vẻ bình thường hợp lẽ đó, tôi vẫn thấy có một điều gì không được trôi chảy, thuận dòng. Một điều gì... đêm đêm vẫn khiến tôi giật mình hoảng hốt. Một điều gì... hình như tất cả chúng ta đều cảm thấy mà không thể lý giải cụ thể.

Thiếu phụ đứng lên, nàng nhìn khắp lượt thực khách, giọng nhỏ,

“Xin lỗi quý anh chị... Mong quý anh chị tha thứ. Tôi... Tôi... thật không phải...”

Quay qua Huân, nàng hơi nghiêng đầu,

“Nhất là xin lỗi gia chủ. Tôi làm cho buổi tiệc mất vui... Giờ cũng đã khuya, tôi xin phép...”

Huân đưa thiếu phụ ra cửa. Khi hắn trở vào, tôi cũng vội vã cáo từ rồi đuổi theo cô ta. Tôi bắt kịp nàng chỗ rẽ đường. Tôi gọi,

“Thu...”

Thiếu phụ quay lại nhìn tôi. Tia nhìn không còn kinh hoàng, không còn khinh bỉ. Tia nhìn, như hai đốm lửa leo lét sau màn sương mỏng. Nàng mệt mỏi thở dài,

“Xin lỗi đã nặng lời với anh...”

Tôi lắc đầu,

“Nặng thế chứ hơn nữa cũng chưa xứng. Tôi hèn, mười năm nay, mặc cảm về sự hèn đốn của mình vẫn thường xuyên hành hạ tôi ngày đêm.”

“Xét cho cùng tôi cũng chẳng hơn gì anh đâu. Ai lại không ham sống sợ chết. Mười năm rồi... Tôi đã có nhiều dịp chiêm nghiệm bản thân, đã thấy rõ căn cốt mọi điều. Cách tốt nhất, quên đi. Chính bởi lý do đó, ngay đầu bữa tiệc tôi đã tặng lời dù nhận ra anh. Tôi sợ. Anh biết, cho đến bây giờ, bất cứ cái gì gọi lại biến cố xưa, đều khiến tôi hoảng loạn. Thêm vào đó, ngọn lửa... Khi các anh đi rồi, tôi vẫn còn chết trân trước cái đầu cháy lèo xèo của đứa bé. Ấn tượng khủng khiếp kia theo tôi suốt mười năm nay, đến nỗi tôi không dám cả nẫu ăn.”

Thiếu phụ đưa tay cho tôi bắt. Trước khi mở cửa bước

vào xe, nàng buồn bã,

“Chúng ta đã phải trả cho cuộc sống yên ổn của ngày hôm nay một cái giá quá đắt...”

Nàng ngừng lại một chút, tiếp,

“Nhưng thật sự có yên ổn không? Hình như tất cả chúng ta đều thả mồi để bắt bóng... Rốt cuộc nào có ra chi...”

Một điều gì... Chẳng được trôi chảy, thuận dòng... Chiếc xe đã rẽ khuất ở cuối đường, nhưng cảm tưởng đó, do Thu để lại thì vẫn còn đọng mãi trong lòng, nhiều ngày sau. Tôi quyết định phải gặp lại nàng. Huân đưa tôi số điện thoại của Thu. Một buổi tối tôi gọi cho nàng. Tôi nghĩ mình đã khá may mắn, nếu gọi trễ chỉ vài ngày tôi sẽ không bao giờ gặp lại Thu, nàng đang thu xếp hành trang để theo chồng đến tiểu bang khác.

Qua trao đổi với nàng và qua những tin tức nhật nhạch mỗi nơi một ít, tôi đã biết thêm nhiều chi tiết. Những chi tiết một phần nào giúp tôi thấy được cái dòng chảy bất an của đời sống nàng, sau biến cố trong rừng tràm.

Khi bọn chúng tôi bỏ đi, Thu và người đàn bà đã được một nhóm săn chim phát hiện. Họ đưa hai người về thị trấn. Ba năm sau Thu theo gia đình ra nước ngoài theo diện đoàn tụ. Kể từ biến cố, Thu sống nửa tỉnh nửa mê, nàng sợ tất cả mọi người, nhất là đàn ông. Nhờ hai năm điều trị trong một bệnh viện tâm thần, Thu dần dà tìm lại được quân bình tâm hồn. Để đoạn tuyệt hẳn với quá khứ, Thu nhận lời lấy một người chồng bản xứ. Cuộc hôn nhân dị chủng không kéo dài được lâu. Họ ly dị sau một năm sống chung. Lại lấy chồng. Lại ly dị. Rồi lại lấy chồng. Tôi ngạc nhiên, một người đàn

bà như Thu, chắc chắn không phải là người lẳng mạn, thích thay đổi. Vậy nguyên nhân nào đã khiến cho phần số nàng lao đao đến thế? Phải một thời gian sau tôi mới hiểu được căn nguyên nhờ quen với vị bác sĩ đã từng điều trị cho Thu. Thì ra biến cố trong rừng tràm đã biến Thu thành một người lãnh cảm. Thu sợ đàn ông, sợ chăn gối. Nỗi sợ ám ảnh nàng không rời, ngay cả khi nằm trong tay chồng. Nỗi sợ đôi khi biến thành phản ứng điên cuồng như hôm ở nhà Huân. Đàn ông, dù yêu nàng đến bao nhiêu chăng nữa, cũng không làm thế nào chịu đựng nổi một người vợ như thế! Lẽ ra nàng nên sống một mình. Khổ thay, song song với niềm hãi sợ gối chăn, nàng còn sợ không kém sự cô đơn. Nàng là một con bệnh, bao giờ cũng cần có người bên cạnh. Tôi băn khoăn tự hỏi, Thu sẽ sống được với người chồng mới bao nhiêu năm?

Hình như tất cả mọi điều không trôi chảy, thuận dòng đó đã biến Thu thành một người đàn bà tiêu cực nhưng chín chắn. Có lần, qua điện thoại, Thu nói với tôi, với cái cơ may đã đưa nàng thoát khỏi tử địa,

“Mười năm nay, tôi cứ suy nghĩ mãi về cái lẽ hổ tương mâu thuẫn giữa thiện và ác, giữa khổ đau và sung sướng. Anh biết không, nếu các anh không... làm thịt đứa bé, nếu không nhờ đám khói và mùi thơm... thì đám sắn chim đâu có phát hiện ra chúng tôi? Có lúc tôi căm thù, ghê tởm các anh, nhưng cũng có lúc tôi thầm cảm ơn các anh. Vậy đó, đời sống như một cối sương mù mịt mà chúng ta thì cứ mãi quờ quạng bước đi, chẳng thể hiểu nổi đường nào sai, lối nào đúng...”

Tôi cười,

“Thu bây giờ... triết lý hơi nhiều đấy nhé, chẳng bù với lúc xưa...”

Một quãng im lặng bên kia đầu dây, cuối cùng giọng Thu nhỏ nhẹ,

“Mười năm rồi mà anh... Vả lại, sau biển cỏ ghê gớm kia, không ai trong chúng ta còn đủ ung dung để nhìn cuộc đời một cách ngây thơ nữa, phải không?”

Tôi hỏi Thu về số phận của người đàn bà, nàng cho biết bà ta bị đưa vào dưỡng trí viện vì đã mất trí. Ngày cuối cùng trước khi theo gia đình ra đi, Thu có vào thăm bà ta, nhưng người đàn bà đã không nhận ra nàng. Thu thở dài, kết luận,

“Mười năm... Tôi nghĩ bà ta đã chết!”

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG

Tôi thường ngồi sau khung cửa sổ nhìn ra khu công viên mênh mông xanh mướt màu cỏ vào những buổi sáng, từ lúc trời còn nhá nhem đậm đặc sương mù đến khi nắng bắt đầu thấp sáng những đỉnh cây trông dọc theo các lối đi trắng xi măng chạy quanh co ngang dọc. Nắng mai như lụa, êm và sạch. Rất xa, in mờ trên nền trời xám nhạt, chập chùng những khối chữ nhật thẳng đứng, cái thấp cái cao, nối thành vòng cung rộng.

Căn nhà ở ngoại vi thành phố, tiếp giáp với khu công viên nên rất yên tĩnh. Ngày mới dọn đến đây hai đứa em trai tôi cực lực phản đối, chúng than buồn, mỗi lần muốn xuống phố phải đi bus, còn phải đổi tuyến đường đến những ba lần. *Boring*, Huân, thằng em kể than phiền, và *No good*, cậu Út cần năn. Mẹ tôi cũng đồng quan điểm cùng hai quý tử. Bà hợp với không khí xô bồ, suốt ngày đêm ở những chung cư.

Ngược lại ba tôi và tôi rất bằng lòng chỗ ở mới. Về mặt kinh tế, nhà ngoại ô nên giá thuê rẻ, tiết kiệm được cho ngân quỹ gia đình một món tiền đáng kể. Về mặt tinh thần, không khí chung quanh trong lành, yên tĩnh, tâm hồn không thường trực căng thẳng như ở dưới phố. Từ ngày dọn về đây tôi ngủ ngon hơn, ăn nhiều hơn, sức khỏe khả quan hơn, và thích nhất là phục hồi được tập quán dậy sớm tôi đã đánh mất từ bao năm. Sau một giấc ngủ dài, thức dậy, ngồi trước khung cửa sổ nhìn ra, tầm mắt được giải phóng, không gian bát ngát đã giúp cho đầu óc tôi trở nên sáng suốt, nhiều vấn đề tưởng chừng bế tắc của bản thân, của gia đình không còn khiến tôi khổ sở bức xúc thái quá. Tôi nghiệm ra một điều, thiên nhiên quả đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người.

Để được ở trong căn nhà này, chúng tôi - hai bố con - phải tranh đấu khá gay go với mẹ cùng hai cậu em. Đó là điều hi hữu. Bao nhiêu năm hai bố con đã quen với tính khí của bà, chủ quan, cực đoan và cứng như thép nguội! Tôi chưa từng thấy bất cứ kẻ nào lay chuyển được ý muốn mẹ, một khi bà đã xác quyết điều nào đó là đúng.

Nếu sức khỏe tôi không suy sụp đến mức báo động, có lẽ ước muốn của hai bố con đã chẳng thể thành tựu.

Cho đến hôm nay, sau ba tháng, tôi vẫn còn ngạc nhiên về sự nhượng bộ của mẹ. Điều này làm tôi hoang mang. Tình cảm bà dành cho tôi ra sao? Đây là vị trí thực sự của tôi trong trái tim mẹ? Tôi không biết. Thực sự không biết. Đôi lúc bà tỏ ra quan tâm,

“Ngày, mẹ nghĩ con nên để ý đến nhân diện một chút, con

gái lớn không thể cầu thả được, chiều nay đi làm tóc với mẹ, sẵn ghé qua shopping sắm ít quần áo mới.”

“Thôi mẹ ạ, có bao giờ con ra phố đâu, sửa soạn làm gì, vừa tốn tiền lại thêm rắc rối, quần áo như thế này con nghĩ đã tươm tất chán, ở Việt nam chỉ hai bộ thay ra thay vào đâu đã sao?”

“Việt nam khác, đây khác, mày không làm đẹp cho mày thì cũng đừng để tao phải mất mặt chứ.”

Mẹ tôi đột ngột thay đổi thái độ. Dù cố gắng để đừng nghĩ xấu về bà tôi vẫn không thể không kết luận việc bà muốn tôi “tươm tất” hơn chỉ nhằm mục đích *để tao khỏi phải mất mặt vì mày*. Ý nghĩ khiến tôi đau quặn ruột gan. Tôi, một nhân vật thừa trong gia đình? Một món đồ hư hỏng chiếm quá nhiều diện tích làm vướng chân vướng cẳng mọi người? Nhưng lỗi nào phải tại tôi? Ai lại không muốn sinh ra với một nhân dạng toàn vẹn? Đáng lẽ mẹ phải hiểu điều đó chứ. Luôn luôn, dù cố dấu, bà vẫn không che giấu được thái độ khó chịu về sự hiện diện “ngoài ý muốn” của đứa con gái mà thượng đế, vì lơ đễnh hay muốn trừng phạt một tội lỗi nào đó trong tiền kiếp, đã ném đại nó vào cuộc đời khi phần ngoại hình Ngài chưa kịp hoàn tất. Tôi như một cái giằm ghim sâu vào da thịt, nhô ra chằng đặng, để đó thì nhức nhối triền miên.

Nhức nhối, với mẹ và với tôi, đã đành. Nó còn lây lan cho mọi người trong gia đình. Hai đứa em trai tuy có thương tôi đấy, tôi biết, nhưng tôi còn biết hơn nữa, trong thâm sâu của tâm hồn, chúng nó không thể không nghĩ giá như tôi đừng có mặt trên cuộc đời này có lẽ mọi chuyện sẽ dễ chịu

hơn. Tình thương của chúng dành cho tôi không phải thứ tình thương của những đứa em dành cho người chị có một nửa phần ruột thịt, mà đó là thứ tình thương của bậc vua chúa cúi xuống ban phát hồng ân cho bọn dân đen khốn khổ, tệ hại hơn nữa, của con người đối với lũ gia cầm!

Tôi bi thảm hóa vấn đề quá chẳng? Có thể tôi nghĩ sai về chúng. Có thể mặc cảm tật nguyên khiến tôi nhìn mọi việc, mọi hành vi của người chung quanh qua lăng kính tối ám của lòng nghi ngờ chật hẹp. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Ý nghĩ, những ý nghĩ, luôn luôn như con dao hai lưỡi, nó cứa vào thịt da kẻ khác và cứa ngay trên trái tim mình, buốt nhức!

Chỉ có một người thực sự thương yêu tôi, đó là bố, đúng hơn, người đàn ông tôi đang gọi bằng *bố*.

Ông đến với gia đình vào năm tôi tám tuổi, về người cha ruột, gần như tôi không biết gì ngoài những lời hằn học mẹ thường ném vào mặt đứa con gái tật nguyên của bà,

“Nếu thằng khốn nạn không ăn chơi hư hỏng thì mày đâu có đỡ người đỡ ngòm như bây giờ. *Cha ăn mặn con khát nước*. Nào có sai...”

Cha tôi ăn chơi hư hỏng như thế nào? Và tại sao điều đó lại liên hệ đến sự bất hạnh của tôi? Có lẽ suốt đời sẽ không bao giờ tôi tìm ra câu trả lời. Mọi cánh cửa hướng về dĩ vãng, ở đó có người đàn ông đã sinh thành ra tôi, đều bị mẹ đóng kín, khóa chặt.

Mỗi khi mẹ lồng lộn giận dữ, nhìn về mặt bố, tôi có cảm tưởng ông đau khổ gấp nhiều lần hơn tôi. Một đôi khi ông có nhỏ nhẹ can ngăn mẹ,

“Theo anh thấy nó đâu làm gì nên tội. Lẽ ra em nên công bình một chút, nó đáng thương hơn đáng ghét.”

Mẹ quắc mắt,

“Không dính dáng đến anh, đối xử thế nào với nó là quyền của tôi, việc gì anh xía vô, hả?”

“Anh không có quyền, được đi, nhưng nó là con em, đâu sao em cũng rút ruột sinh ra, nó càng bất hạnh thì em càng phải lưu tâm hơn mới phải chứ. Em không nghĩ như thế là tàn nhẫn, vô nhân đạo ư?”

Mẹ vói tay chụp chiếc ly trên mặt bàn ném mạnh vào khung kiếng cửa sổ. Mặt kiếng vỡ nát, mảnh thủy tinh rơi loảng xoảng xuống thảm. Đôi mắt bà trợn ngược, quai hàm bạnh ra, tiếng rít lọt qua kẽ hai hàm răng nghiến chặt,

“Anh bảo tôi tàn nhẫn, vô nhân tính, đã biết vậy sao còn lấy tôi? Tôi vô nhân tính, không phải người, anh lấy tôi, vậy anh cũng là súc vật à?”

Đồ đạc tiếp tục đổ vỡ. Mẹ lông lộn như con thú điên. Tôi chết khiếp trong sợ hãi. Úp mặt vào hai bàn tay, tôi nức nở,

“Con lạy mẹ, lạy bố...”

Tôi không biết phải nói gì với hai người. Nỗi đau dâng lên chận nghẹn cổ họng, ngực tôi tức nhói, mạch máu căng dưới da, trong đầu có hàng trăm nhát búa gõ dồn dập. Mẹ đập phá một lát, chừng như cơn giận đã nguôi phần nào, bà ngồi xuống sofa thở dốc rồi sầm sập đứng dậy xách ví ra khỏi nhà.

Tôi thu nhỏ người trên chiếc xe lăn, tiếp tục khóc nức.

Bố lặng lẽ đến gần, đặt hai bàn tay lên đôi vai xương xẩu của tôi bóp nắn nhẹ nhàng.

Cả hai đều im lặng, sự im lặng có khi kéo dài năm mươi phút. Qua sự im lặng đó, tôi với ông đều như đã tỏ bày với nhau rất nhiều.

Thường, cuối cùng tôi ghen ngào,

“Bố ơi, con khổ quá.”

Ông ôm đầu tôi vào ngực, vuốt nhẹ bàn tay trên mái tóc còi cọc của tôi, thở dài, nhưng vẫn không nói lời nào. Tôi khóc, rất lâu, nước mắt thấm ướt khuôn ngực bố. Bao nhiêu năm tháng đã qua, từ lúc bập bẹ tập nói cho đến ngày hôm nay, đã là thiếu nữ, tôi chưa một lần thực sự hạnh phúc. Hạnh phúc, hiểu theo cái nghĩa khiêm tốn giản dị nhất: yên thân với phần số hẩm hiu định mệnh đã an bài. Trong gia đình, luôn luôn tôi cố gắng thu nhỏ mình lại, để đừng ai nhìn thấy, đừng trở thành một cái gai, một chướng ngại, thậm chí một duyên cớ khiến mọi người động tâm hoặc khó chịu. Nhưng nào có được, tôi càng ép người, càng muốn tan biến thì sự hiện diện của tôi trong mắt mẹ càng nổi cộm, bà cho rằng thái độ cam nín của tôi là một thách thức, “*Trông kìa, mặt nó cứ trơ trơ như gỗ đá.*” Trời ơi, tôi phải làm thế nào? Nếu tôi vùng lên chống đối, được không? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến điều đó. Mẹ, trong tuổi thơ tôi đồng nghĩa với một hung thần, một phù thủy đầy bùa phép quyền năng. Mẹ, trong tuổi lớn tôi là một người đàn bà bản chất đầy ác tính. Làm sao tôi chống đối nổi với bà? Mà chống đối để làm gì? Tôi không thể rời xa căn nhà của mẹ, tôi không thể đứng vững một mình trong cuộc đời. Tôi vô dụng. Tôi như dây chùm gởi. Mặc cảm này có lẽ là một trong nhiều duyên cớ khác làm cho niềm sợ hãi của tôi đối với mẹ càng trở nên nặng nề

không cách chi tháo gỡ.

Tôi khóc, khóc mãi. Bố tiếp tục im lặng. Bàn tay vẫn vuốt nhẹ trên mái tóc tôi. Cho đến khi cơn đau dịu đi, tôi dần dần bình tĩnh trở lại.

Tôi bình tĩnh trở lại và chợt nghe, rất nhẹ, trong lồng ngực bố nhịp đập đều đều của trái tim.

Bỗng nhiên tôi rùng mình.

Mùi mồ hôi đàn ông toát ra đầy ngạt khứu giác khiến tôi ngây ngất như say.

Tôi lơ mơ hiểu sự xúc động không hẳn bắt nguồn từ tình cảm của một đứa con đối với bố, hình như bên cạnh nỗi đau còn có một ước muốn tối tăm nào đó đang dấy lên. Một ước muốn tôi không dám triển khai. Nó cũng què quặt và bất toàn như chính con người tôi.

Điều lạ lùng, mỗi lần như thế tôi luôn luôn nhớ lại hình ảnh đã nhìn thấy vào năm lên tám, cái hình ảnh như vết sẹo lớn, bám trong óc tôi cho mãi đến bây giờ, còn rõ mòm mọt và có lẽ sẽ chẳng thể tẩy xóa...

Căn nhà nằm khuất phía sau lũy tre dày, chỗ tiếp giáp với cánh đồng. Bên trái cánh đồng, nổi rõ trên nền trời là vĩ tường cao của khu vực nhà máy chế biến bột ngọt. Phía sau vĩ tường, cột ống khói đồ sộ vươn lên, nhả vào không trung đám khói đen cuộn cuộn, suốt năm này qua tháng khác, không một phút ngơi nghỉ.

Tôi thường ngồi trước chái hiên nhìn ra cánh đồng. Vào những tháng trồng cấy, màu xanh trũng điệp của lúa trải dài ngút tầm nhìn, sóng lúa nhấp nhô trong gió. Thỉnh thoảng, vài cánh cò chao nghiêng, vẽ thành đường vòng cung rộng

rồi nhẹ nhàng đáp xuống, khuất biến vào ruộng lúa.

Thuở đó tuổi tôi còn quá nhỏ để có thể cảm nhận được vẻ đẹp rất bình yên êm ả của thôn làng hồn hậu, mà trong tôi lúc nào cũng sục sôi một nỗi buồn tủi trộn lẫn cảm hờn.

Bởi vì phía bên phải cách chỗ tôi ngồi khoảng ba trăm thước là khuôn viên một trường tiểu học. Nơi đó mỗi ngày hai buổi vang vang tiếng cười đùa nô giỡn của đám trai gái cùng trang lứa. Nhìn chúng phơi phới hồn nhiên mà lòng tôi quặn thắt. Tôi thèm được đến đó, thèm chạy nhảy nói cười, thèm hòa nhập vào không khí tươi khỏe hân hoan kia. Nỗi thèm khát mãnh liệt đến độ có lúc tôi quên băng đôi chân tật nguyên, chồm người đứng dậy, đến khi mất thăng bằng ngã nhào mới bàng hoàng nhận ra tôi không giống chúng nó, chẳng thể là chúng nó. Và rồi tôi bật khóc, đau đớn, tủi nhục, tức tưởi. Đôi chân khốn nạn. Đôi chân như hai nhánh tre gãy cong vòng với hai bàn chân thiếu ngón. Đôi chân... Trời ơi, đôi chân... Tôi nguyên rủa số phận, tôi nguyên rủa những người đã sinh thành ra tôi, tôi nguyên rủa cả những đứa trẻ may mắn kia.

Suốt buổi, tôi bò nhòai trên nền đất ẩm, như một con chó bị trọng thương lê lét vật vã từ góc này qua góc kia của chái hiên với một cái đầu đã điên loạn vì khổ đau. Khấp người tôi đất cát nhem nhuốc và nước mắt vẽ trên khuôn mặt gầy xanh những đường vân vện bản thiu.

Chiều xuống, bọn trẻ tan học ra về, khuôn viên ngôi trường trở nên yên tĩnh, rộng mênh mông. Một con sáo đáp đậu trên đỉnh chiếc cọc gỗ hàng rào cất tiếng hót lạnh lốt. Mây màu xám đục dâng lên phía sau rừng tre. Phút chốc bầu

trời chùng thấp u ám. Sắp mưa. Tôi muốn bò vào nhà nhưng rồi mệt quá đành ngả người xuống chân vách, thiếp đi. Văng vẳng từ cỗi mịt mù, tiếng mưa rơi rào rào rất nhẹ trên mái tôn. Tiếng mưa như một điệp khúc lê thê không thay đổi âm độ ru tôi chìm hẳn vào giấc ngủ, dù ở chỗ tối tăm nào đó trong khối óc mù lòa, tôi vẫn cảm nhận được cái lạnh đang thấm dần vào da thịt, có lẽ do nước mưa từ mái hiên nhỏ xuống, mang theo bùn đất văng tung tóe khắp thân thể.

Trong giấc ngủ nhọc nhằn, tôi mơ thấy mình đứng bật dậy, chạy nhanh qua miếng sân nhão sinh. Bầu trời ửng sáng, mây đen phút chốc tan nhanh và nắng bỗng vàng óng miếng sân chơi. Bọn học sinh từ các lớp học túa ra, chúng vây thành vòng tròn chung quanh tôi. Một đứa nói,

“Đến phiên con Thục. Nhắm mắt lại. Tao đếm đến mười mới được mở nghe không?”

Tôi đưa hai bàn tay bịt kín đôi mắt.

“Một... Hai... Ba...”

Tiếng “mười” vừa dứt, tôi mở bừng mắt. Tất cả đều biến mất. Trước mặt tôi chiếc lon sữa bò móp méo đứng trơ vơ trên nền đất nện. Tôi quay đầu chung quanh kiếm tìm. Có thể một hai đứa đang núp phía sau cánh cửa kia. Tôi ước tính khoảng cách từ chiếc lon sữa bò đến chỗ khả nghi và khoảng cách đến những nơi khác. Nếu chạy thật nhanh từ đây tới đó và quay về, hy vọng vẫn còn đủ thì giờ bảo vệ chiếc lon. Tôi thực hiện ngay ý định. Vượt nhanh qua miếng sân chơi, tôi bước lên bậc thềm. Bỗng cánh cửa bật tung đập mạnh vào mặt...

Tôi ngã chúi nhủi trên nền đất. Tiếp theo, tiếng hét chói

lời của mẹ,

“Con khốn nạn kia, trông người ngợm kia...”

Lại thêm một cái tát trời giáng nữa. Đầu tôi như muốn rời khỏi cổ. Con đau lắm tôi ra khỏi giấc mơ, choàng tỉnh hẳn. Trước mặt tôi không có lũ trẻ, không có miếng sân chơi, không có ống lon sữa bò... Chỉ có hình ảnh sừng sững mẹ với hai mắt trợn ngược, đôi môi mím chặt.

Mẹ đã về.

Mưa rì rào đều hạt. Chái hiên ướt nhẹp. Bùn nước văng tung tóe từ đầu đến chân. Tôi co người lại nhưng vẫn run bần bật, không hiểu vì lạnh hay vì sợ. Mẹ cúi xuống túm tóc tôi lôi xềnh xệch vào nhà, bà với nhanh cây chổi lông gà treo trên vách, quét túi bụi lên tấm thân tôi tả của tôi, miệng không ngớt nguyên rửa hò hét. Những ngọn roi đầu tiên có làm tôi điếng người vì đau thật, song đến một lúc da thịt bỗng tê dại, không đủ sức chuyển cái đau lên óc, tôi trở nên một cây thịt vô cảm giác, chỉ là người đi, mê tỉnh chập chờn. Cảnh đó tái diễn không biết bao nhiêu lần trong suốt những năm ấu thơ.

Trước khi mẹ tôi sửa soạn ra chợ - bà có một sạp bán chap phô ngoài chợ - không bao giờ bà quên hăm he,

“Liệu hồn đấy, chỉ chơi trong nhà thôi, mày mà bò ra ngoài nghịch bẩn thì chết đòn nghe chưa?”

Dĩ nhiên tôi vâng dạ. Tôi nhớ đến những lần roi chưa tan trên thân thể, tôi nhớ đến khuôn mặt hung dữ và những lời nguyên rửa độc địa. Tôi nhớ hết, tự hứa sẽ không bao giờ ngu dại tái phạm.

Nhưng chẳng được bao lâu, lưng bữa nửa tháng, ấn tượng

của những trận đòn bắt đầu nhạt thì tiếng cười đùa nô giỡn của đám trẻ từ ngôi trường vọng lại, như một thôi thúc mê muội không ngớt xoáy vào tai. Đến nỗi cuối cùng chẳng thể cưỡng chống được sức quyến rũ mãnh liệt kia, tôi lại bò ra khỏi cửa. Để được nhìn ngó bọn chúng, được ước mơ chạy nhảy hân hoan như bọn chúng, và dĩ nhiên cũng để “được” tui hổ phẫn hận vì cái hồn nhiên phơi phới của bọn chúng. Tôi lại điên cuồng vật vã trên nền đất ẩm, lại nhếch nhác mũi dãi và lại đưa thân hứng chịu những ngọn roi tươm máu...

Một lần, sau trận đòn, mẹ lôi tôi về phía rặng tre, vắt vào lùm tre gai,

“Rắn độc cắn chết mày đi, đồ oan gia nghiệt súc.”

Nhìn vào mắt mẹ, tôi hiểu bà đang muốn như thế thật. Cùng nỗi đau đớn và sợ hãi, trong lòng tôi dấy lên một niềm căm thù dữ dội. Chính niềm căm thù này đã biến tôi trở thành lì lợm. Tôi chiếu tia mắt bốc lửa về phía mẹ, miệng ngậm chặt, cố nén cơn khóc sắp trào ra. Nếu Trời Phật chí công, kẻ bị rắn độc cắn chết là bà chứ chẳng phải đứa con gái tật nguyền khốn khổ này đâu. Tôi tự nhủ và cầu mong điều đó trở thành hiện thực. Tôi vẽ ra trong đầu hình ảnh mẹ sóng soài trên mặt đất, co giật liên hồi, da tím bầm, mắt trợn trắng đứng trông, bọt mép sủi tằm hai bên khóe miệng... Hình ảnh tôi từng nhìn thấy chỗ bờ ruộng hai năm trước, đã xảy đến cho người đàn ông ở cùng xóm. Một cảm giác hã hê chạy rần rật trong mạch máu khiến tôi muốn cười lớn. Không để ý đến thái độ của tôi, mẹ quay lưng quày quả bước vào nhà. Tôi ngồi dậy, những vết roi tươm máu cùng lũ gai nhọn đâm vào da thịt tứ phía, tôi lịm người trong đau đớn. Tôi muốn bò

ra khỏi bụi tre gai nhưng đôi chân khốn nạn cứ mềm èo như hai cọng bún, nhất định không tuân theo ý chí. Quay cuồng một lúc lâu, tôi vẫn chẳng thể thoát được ra ngoài. “*Mặc, cứ nằm đây, thử xem có chết không, cũng mong chết được càng đỡ khổ.*” Tôi nhủ thầm.

Một đứa bé tám tuổi, một con vật bất toàn đang phải chống chọi với người mẹ ác độc. Có ở trong hoàn cảnh tôi lúc bấy giờ mới hiểu nỗi sự tuyệt vọng cũng như thái độ liều lĩnh của tôi.

Chiều xuống nhanh, bóng tối bắt đầu nhá nhem. Gió luôn trong rừng tre u u như tiếng ma gào.

Bỗng có tiếng gầm gừ phía sau lưng. Tôi giật mình quay ngoắt lại.

Trên đường mòn, một con chó lông đen tuyền đang đuổi theo một con chó khác, nhỏ chỉ bằng nửa, lông rụng gần hết và ghẻ lở nham nhở, lại què mất một chân, chân trái, phía sau. Con chó đen tuy đuổi theo song có vẻ không mấy nhiệt tình, luôn luôn giữ khoảng cách khá xa. Con chó ghẻ thỉnh thoảng dừng lại, quay đầu nhìn như khuyến khích rồi lại lững thững chạy. Đến gần chỗ tôi ngồi, nó dừng hẳn, lần này nó ngoắc đuôi há miệng sủa ừng ực. Con chó đen thận trọng tiến lên. Con chó ghẻ tiếp tục ngoắc đuôi và sủa ừng ực. Con chó đen tiến thêm vài bước, ngần ngừ đưa mõm vào háng con chó ghẻ khịt khịt. Bất ngờ nó nhảy chồm lên lưng con chó ghẻ. Tôi giật nảy mình kinh ngạc khi nhìn thấy “cái đó” đỏ au, dài ngoằng đang thúc liên hồi vào háng con chó ghẻ. Con vật ốm yếu ghẻ lở kia cố gắng giữ cho thân thể đừng quy xuống dưới sức nặng của một trọng lượng nặng

gấp đôi đang phủ trên lưng. Chiếc chân sau còn lại không ngớt run rẩy chực sụm xuống. Một lúc, con chó đen nhấc chân lên, xoay người lại, và cứ thế, chúng dính vào nhau, cả hai chiếc mõm đều há rộng, lưỡi thè dài ngoằng, phì phò thở...

Cảnh tượng diễn ra trước mắt khiến tôi bàng hoàng quên cả đau nhức, sợ hãi. Thuở đó, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu “hành động” kia nhằm mục đích gì. Nhưng rất rõ ràng, nó là một ấn tượng mãnh liệt khắc đậm trong cân não.

Bây giờ, mỗi lần bố ôm tôi trong lòng, mỗi lần tôi được hít thở cái mùi đàn ông toát ra từ thân thể bố, lắng nghe nhịp đập nhẹ nhàng của trái tim phía sau lồng ngực vạm vỡ, cùng lúc với nỗi đau đớn và sự thèm khát tôi tắm mơ hồ, trong trí tôi luôn luôn bật lên hình ảnh kia, hình ảnh con chó què ghè lở cổ nâng thân hình còm cõi của mình, cộng thêm trọng lượng của con chó đen trên một chân sau run rẩy. Nó khổ sở hay sung sướng? Tại sao? Bởi động lực nào nó ung thuận một cách quá nhọc nhằn “công việc” đó? Và tôi nữa, tại sao hình ảnh kia lại hiện về với tôi mỗi lần nằm trong vòng tay bố?

Tôi không đủ khả năng để phân tích sự liên hệ kỳ lạ giữa hai sự cố.

Nắng bắt đầu thấp sáng những đỉnh cây trong công viên.

Một chiếc xe từ đường lớn rẽ vào lối đi tráng xi măng.

Đậu lại. Từ trên xe cặp trai gái bước ra, họ diu nhau ngồi xuống một gốc cây. Người đàn ông quàng tay qua vai cô gái, vít đầu cô ta xuống. Hai người hôn nhau. Chiếc hôn kéo dài

rất lâu. Bàn tay người đàn ông luồn trong áo đưa con gái. Tôi nhìn không chớp mắt hoạt cảnh đang diễn ra trước mặt. Tôi nhìn, và khắp người nổi gai ròn rợn. Bỗng nhiên tôi nghĩ đến bố. Tại sao bố mà không một người nào khác? Tôi chẳng dám triển khai câu hỏi. Tôi sợ. Có điều gì trong ý nghĩ tôi về bố. Một điều gì... Bắt đầu từ bao giờ?

Kể từ buổi chiều mẹ vất tôi ngoài bờ tre, tám tháng sau bố đến với mẹ. Số phận tôi, nhờ bố, khá hơn trước rất nhiều. Tôi được bố mua cho một chiếc xe lăn và được cấp sách đến trường. Tôi học giỏi. Điều đó cũng dễ hiểu. Tám tuổi, tính ra tôi học chậm hơn các trẻ con cùng lứa những hai năm, một phần khác, nếu không vin vào chuyện học hành tôi còn biết sử dụng thì giờ vào việc gì? Mẹ không còn đánh đập và ít nguyên rủa tôi như trước. Sự thù hận mẹ trút lên đầu tôi bắt nguồn từ người cha ruột mơ hồ nào đó của tôi, như một cách trả thù, đã dịu xuống nhờ sự hiện diện của bố. Ông mang đến cho mẹ nguồn nhiên liệu là tình yêu để bà thấp sáng lại ngọn lửa thanh xuân tưởng chừng đã tắt ngấm bao năm. Bà trẻ ra. Nhan sắc của một người đàn bà một con được phục hồi. Kinh tế gia đình cũng khá quan hơn nhiều. Chúng tôi dời nhà xuống phố. Mẹ sang lại sạp chạp phô cho người khác, phụ với bố trông coi một cửa hàng mua bán máy móc điện tử.

Cuối năm tôi mười tuổi, bố mang gia đình vượt biển.

Huân và đưa em kế liên tiếp ra đời trên xứ sở này.

Bất hạnh cho tôi! Chút tình thương nhỏ nhoi mẹ ban phát trong gần hai năm ngắn ngủi lại dần dần triệt tiêu khi hai đứa em có mặt. Tôi bị ném trả về vị trí khốn nạn của mình. Vị trí của một đứa con gái tật nguyền xấu xí và vô dụng!

Nhưng đầu sao tôi cũng đã quen chịu đựng điều bất công. Chỉ có bố. Tôi nghiệp bố. Quan hệ giữa mẹ và bố bỗng đổi khác từ ngày sống trên xứ người. Là đàn bà, lại có nhan sắc, mẹ dễ dàng và nhanh chóng hội nhập vào đời sống mới, bà bước qua một giai cấp khác lúc nào không hay. Trong khi mẹ mỗi ngày mỗi tiến nhanh về phía trước thì bố - ngược lại - cứ đứng mãi một vị trí, trở nên lạc hậu và có cơ nguy bị đào thải. Mẹ đi từ chỗ khó chịu về bố đến xem thường, cuối cùng là ngang ngược, hỗn hào. Ban đầu bố có phản ứng, nhưng dần dà có lẽ ông nhận thấy quyền hạn làm chồng đã mất, sự nể trọng không còn, phản ứng càng dữ dội bao nhiêu khoảng cách giữa ông với mẹ càng xa rời bấy nhiêu. Ông đành cắn răng đầu hàng. Cứ thế, ông trở nên một người đàn ông nhu nhược, sợ vợ và dĩ nhiên vô cùng cô đơn.

Hai đứa em mỗi ngày mỗi lớn, chúng có đời sống riêng của chúng. Vả, hình ảnh người cha có vẻ “vô tích sự” như mẹ vẫn thường chì chiết và “hèn” như chúng vẫn nhìn thấy chẳng nhiều thì ít khiến chúng không mấy hãnh diện về ông. Chúng trở nên xa cách với ông.

Chỉ còn tôi. Tôi hiểu được nỗi khổ, những dày vò đau đớn trong tâm hồn bố. Người đàn ông năng nổ tháo vát thuở xưa đâu rồi? Đời sống mới, môi trường mới, những giới hạn không thể vượt qua, đã hủy diệt “cái tôi” thật của ông, biến ông thành một hình nhân dẹt dờ phi cá tính. Ông không hèn. Bố không hèn, không bao giờ hèn. Tôi hiểu chứ, hiểu hơn ai hết điều đó. Nhưng bây giờ, cũng như tôi, ông là một người cô đơn và “vô dụng”. Đồng bệnh tương lân. Chúng tôi nhìn thấy nhau và cảm thông nhau. Tôi thương ông. Ngoài tình

thương của một đứa con dành cho bố, tôi còn thấy ở ông hình ảnh của một người đàn ông lý tưởng. Ông rộng lượng, vị tha, có tâm hồn. Ông xứng đáng để đón nhận cách cư xử khác hơn cái cách mẹ đang làm.

Năm nay tôi hai mươi tuổi. Một đứa con gái hai mươi tuổi dù tật nguyên xấu xí vẫn là người bình thường về mặt tâm trí. Tôi có những ước muốn của tôi, tôi có một mẫu đàn ông để nghĩ về. Mẫu đàn ông đó, có thể do sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài quá giới hạn, tôi đã không thể tìm thấy ở đâu khác ngoài căn nhà này, mà bố, là đại biểu.

Cặp tình nhân bây giờ đã ngã xuống cỏ. Người đàn ông gần như nằm hẳn trên đứa con gái. Họ tiếp tục hôn hít sờ soạng khắp thân thể nhau. Chiếc áo đứa con gái tóc lên, phơi hằn khoảng da sườn trắng muốt. Từ chỗ ngồi của tôi sau cửa sổ đến cặp tình nhân là một khoảng cách khá xa, vậy mà tôi có cảm tưởng như nghe rõ tiếng môi lưỡi quăn quít, tiếng thở gấp hỏn hển, và da thịt đứa con gái - không, da thịt tôi - dưới bàn tay của gã đàn ông, đang sần sượng tê dại.

Tôi rướn người lên, nhắm mắt lại. Bàn tay của bố tiếp tục vuốt đều trên mái tóc tôi, bàn tay di chuyển dần xuống, bóp nắn nhẹ nhẹ phần sau ót. Tôi rùng mình. Mặt vui sâu trong ngực bố, tôi thì trào,

“Bố ơi, con muốn chết.”

“Không được nghĩ vậy. Con nên tha thứ cho mẹ. Bà ấy có những khổ tâm riêng. Con hãy cố gắng đặt mình vào vị trí của mẹ. Bố rất tiếc đã không giúp gì được cho con, bố cũng rất tiếc đã không làm mẹ vừa lòng. Chúng ta hình như đều bị đặt sai chỗ.”

“Nhưng mẹ phải hiểu đâu phải lỗi tại con. Bố, cha ruột của con là ai? Ông ấy còn sống hay chết rồi? Tại sao ông ấy với mẹ xa nhau? Tại sao không bao giờ con nghe mẹ nói gì về ông ấy ngoài những lời nguyên rửa cay độc?”

“Bố nghĩ đó là một kỷ niệm đau đớn, một vết thương luôn mưng mủ mẹ muốn quên nhưng chẳng thể quên được, bởi vì, bất hạnh cho con, con là duyên cớ nhắc nhở, khơi động vết thương kia thường trực mỗi ngày.”

“Vì vậy, con muốn chết.”

“Vấn đề không phải ở đó, nguyên nhân không đến từ con. Chỉ là cái cớ, con hiểu không? Con chỉ là một cái cớ. Mẹ không thấu suốt điều này, vì thế mẹ làm khổ con, đã đành, mẹ còn làm khổ chính mẹ. Nếu con thấy được điều bố vừa nói, lòng con sẽ nhẹ nhàng hơn, và do đó con sẽ có đủ lý do để tha thứ cho mẹ.”

“Không, con không hiểu, không thấy gì hết. Con căm thù mẹ. Bố ơi, con muốn chết, hoặc mẹ, mẹ phải chết. Bố ơi, như thế là bất hiếu, là súc sinh, nhưng... nhưng... ý nghĩ này cứ bám mãi trong đầu con, không thể tẩy xóa. Trời ơi, con khổ quá, con khổ lắm...”

Bố siết chặt tôi vào ngực, vòng tay bố rắn chắc, tôi có cảm tưởng từng lóng xương, từng sợi gân trong thân thể nhào ra, mềm nhũn. Tôi run lên. Miệng mở ra, tôi áp môi lên khoảng ngực bố, khoảng ngực với lớp vải áo đã ướt sũng nước mắt.

Và tôi lại rùng mình.

Mùi mồ hôi đàn ông đầy ngập khứu giác...

Con chó ghè bỗng sủa lên vài tiếng ngắn, chiếc chân sau

duy nhất chột khuyu xuống, một con run rẩy, tôi nhìn thấy rõ, rất rõ, con run rẩy chạy khắp tám thân gầy trơ xương, đồng thời nó rướn người về phía trước, chiếc mồm nhê nhếch nước dãi đang trào ra hai bên khóe, đôi mắt đục nhờ vô hồn. Một lúc, chúng rời nhau. Con chó đen bước chậm một vòng quanh con chó ghẻ rồi lững thững lùi vào đám lau cao. Con chó ghẻ nằm xuống, dặng chân quay đầu liếm quanh háng. Lại sủa ăng ăng vài tiếng ngắn, gác mồm lên chân trước, đôi mắt khép hờ, lim dim như ngủ. Đám ruồi xanh bay loạn, bu đen trên những mảng ghẻ tươm mỡ. Con chó ghẻ thỉnh thoảng lắc mình, đuôi và hai tai ve vẩy... Tôi ngậm lớp vải ướt sũng nước mắt giữa hai hàm răng. Tôi thêm ngậm sâu hơn, xuyên qua lớp vải, khoảng da thịt căng mềm ngực bố. Từ bao giờ, hai cánh tay tôi đã quàng quanh người ông, ngực tôi ép sát, khuôn ngực trinh nữ nhọn cứng, hai đầu vú cạ trên lớp vải, nhột điếng.

Đứa con gái bỗng xoay người lật gã đàn ông xuống. Cô ta nằm hằn trên thân thể gã. Hai mông nhô cao, nhấp nhòe như trong tư thế ái ân. Lần này cô ta cười lớn, tiếng cười vọng đến tận chỗ tôi ngồi.

Lác đác khắp khu vực công viên có thêm vài cặp nữa. Ngồi, nằm đủ kiểu. Nắng đã lên cao, bóng mát của những tàng cây ngả dài trên cỏ. Hôm nay cuối tuần, công viên hứa hẹn sẽ đông như mọi cuối tuần khác.

Ba tháng, kể từ ngày dọn về chỗ ở mới, tôi gần như không bước ra khỏi nhà. Thú vui duy nhất của tôi hiện giờ là ngồi đây, có khi từ sáng tinh mơ đến chiều, nhìn ra khu công viên, theo dõi từng cặp tình nhân, thả hồn theo mọi hành động

của họ và mơ mộng. Tôi đang dùng chữ “mơ mộng”. Đúng không? Nếu gọi những điều này ra trong đầu tôi suốt nhiều tháng nay là “mơ mộng” thì kẻ cũng tội nghiệp cho ngôn ngữ loài người. Mơ mộng, một đứa con gái đang trong tuổi dậy thì, đã phát triển đầy đủ, có những đòi hỏi mãnh liệt của xác thịt, từ đó vẽ ra trong đầu bao nhiêu ảnh tượng tình ái đắm say, những ảnh tượng rất gần với cuộc đời thường nhưng cũng vô vàn lãng mạn, những ảnh tượng gắn liền cùng tiếng cười trong vắt thủy tinh, với cỏ, với hoa, với khoảng trời xanh lồng lộng, với suối nguồn vi diệu róc rách, với tóc thơm môi ngọt gọi mời... Còn tôi, tôi vẽ ra cái gì trong đầu? Sự đòi hỏi cuồng nộ của thân xác trộn lẫn với niềm căm thù sâu sắc? Như thế có thể nào gọi được là mơ mộng? Tôi tịt nguyền ở nhân dáng, đã đành, hình như tôi còn tịt nguyền cả trong tâm hồn, óc não. Tôi, có lẽ đúng như lời mẹ thường nguyên rửa, một con thú, một kẻ “nửa người nửa ngợm”. Lời nguyên rửa đó mẹ lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần từ lúc tôi mới có trí khôn đến bây giờ, đã như một vết ố trong tâm hồn, đã như một sự kiện tất nhiên, riết rồi chính tôi cũng không dám tin mình đang là một con người. A, nếu quả thật tôi không là một con người như lời mẹ thì có chi tôi cứ băn khoăn mãi, khôn khổ mãi, tự dằn vặt mãi? Tôi không cùng “giai cấp” với con người, có chi tôi không sống theo cách của tôi, sống theo điều tôi muốn? Nhưng tôi muốn gì? Có thật tôi đang yêu bố? Có thật tôi đang nhìn thấy ở người đàn ông này cái nhu cầu cần thiết khả dĩ lấp đầy được ước vọng của tôi? Và bố, bố nghĩ về tôi thế nào? Một đứa con gái bất hạnh đáng thương xót? Một kẻ đồng điệu có khả năng chia sẻ tâm sự thâm kín?

Một thân xác đàn bà - ngoại trừ đôi chân tật nguyên - cũng tròn vẹn đầy đủ như bất cứ người đàn bà nào khác? Tôi xấu, phải. Tôi bất toàn, phải. Nhưng tôi cũng là đàn bà. Đàn bà, đàn bà... Chứ sao? Tôi có cái quyền rũ của một con cái, một con cái trong mùa động cõn, người ngợm tôi chắc phải tiết ra mùi vị nào đó, mà bọn đàn ông, kể cả bố, cũng phải ngửi thấy chứ?

Bóng mát tàng cây chỗ cặp tình nhân thâu ngắn lại. Cỏ, trong nắng, xanh mượt một màu xanh lấp lánh. Gã đàn ông lần tay xuống phía dưới, lớp vải váy được vén lên, hai bắp chân to khỏe của đứa con gái nổi rõ trên nền cỏ mượt. Bàn tay gã đàn ông luồn sâu, đứa con gái oằn mình, cô ta rướn người bấu chặt hai cánh tay trên tấm lưng rộng. Tôi như nghe rõ tiếng thở của đứa con gái. Tiếng thở dồn dập, gấp rút...

Tôi siết mạnh vòng tay quanh lưng bố, thì thào,

“Bố ơi...”

“Gì con?”

“Tuổi tác có phải là một trở ngại giữa trai gái không bố?”

“Con hỏi, để làm gì?”

“Trả lời con đi bố.”

“Có thể có ... Mà cũng có thể không. Bố, bố chẳng hiểu, bố không rành lắm đâu.”

“Bố ơi...”

...

“Con... Con... Con... yêu bố...”

“Ừ, bố biết. Bố cũng thương con lắm, thương hơn cả hai anh em Huân nữa.”

“Không phải... Con yêu bố. Một người đàn bà yêu một người đàn ông. Bố hiểu chứ? Đàn bà... Đàn ông...”

“Ồ, Ồ... Con đang nói gì?”

“Con yêu bố... Yêu bố... Yêu bố.... Yêu con đi, bố, yêu con đi...”

Tôi nói, vấp vấp. Tôi nói, mê loạn. Tôi nói, điên dại. Bố đẩy tôi ra, nhìn xoáy vào mắt tôi, tia nhìn vừa kinh ngạc, vừa xót thương. Tia nhìn khiến cơn điên trong tôi trào vỡ. Tôi chồm tới, ôm siết bố. Hai cánh tay tôi như được tăng cường thêm sức mạnh, tôi cuống quýt ghi chặt mặt bố vào ngực, khuôn ngực con gái, khuôn ngực dậy thì, khuôn ngực căng nhúc những đêm thao thức. Tôi nghe rõ hơi thở bố dồn dập rối loạn, phà nóng sau lớp vải mỏng.

“Đừng con, không được. Bình tĩnh lại con, bình tĩnh...”

Nhưng giọng nói bố đã bất bình thường, đã vấp vấp. Mùi vị đàn bà, mùi vị của một con cái, chứ sao, tôi biết, không thể cưỡng chống được đâu. Trong tôi, một niềm hoan lạc dâng lên. Bố phải thua, bố phải đầu hàng, bố phải ngã vào ước muốn của tôi. Ý nghĩ khiến tôi sung sướng đại người. Đôi chân tật nguyên, đôi chân như hai nhánh tre gãy chẳng nghĩa lý gì hết, và khuôn mặt tôi, khuôn mặt xấu xí, có vẻ man rợ đàn độn cũng chẳng nghĩa lý gì hết. Tôi đang là một con cái, tôi đang toát ra cái mùi vị đàn bà. A, bây giờ thì tôi hiểu, mùi vị đàn bà, mùi vị của một con cái! Con vật gầy nhom ghẻ lở, què một chân, miệng há hốc, nước dãi nhè nhếch hai bên khóe, chiếc chân sau độc nhất run lẩy bẩy cố chống đỡ để đừng quy ngã dưới sức nặng của một trọng lượng gấp đôi đang phủ trên lưng. Con vật thờ phì phò, hai

mắt đục nhờ, đôi tai cụp xuống. “Cái đó” thúc liên hồi. Con rùng mình chạy khắp châu thân con vật khốn nạn. Tiếng sữa ủng ăng tắc nghẹn trở thành tiếng gầm gừ. Tôi hiểu. Tôi hiểu. Tôi hiểu rồi. Mùi vị của con cái! Bỗng nhiên tôi muốn bật cười lớn. Tôi hình dung khuôn mặt mẹ, khuôn mặt trắng hồng, hai gò má ửng đỏ, đôi mắt đen nhánh ướt tình, đôi môi bóng nhẫy, nụ cười nở bung những chiếc răng trắng lấp lánh. Mẹ nhìn tôi, nhìn chúng tôi, nhìn người đàn ông đang nằm trong vòng tay tôi, đang vùi mặt giữa hai trái vú tôi, hai trái vú căng cứng, nhô lên hai đầu nhọn, mọng đỏ. Chiếc áo đã tuột ra quá nửa, hàng nút áo mở bung, da thịt mịn mượt chỗ khoang bụng... Đôi mắt đen nhánh không còn ướt tình mà trợn ngược chỉ còn tròng trắng, khuôn mặt hồng hào trở nên tái xám, quai hàm bạnh ra, tiếng nói rít qua hai hàm răng nghiến chặt,

“A, chúng mày, chúng mày...”

Tiếng rít tắc nghẽn, chìm ngập trong cơn giận đang dâng lên phía sau lồng ngực phơi căng sinh lực kia,

“A... A... Chúng mày...”

Rồi sao nữa? Tôi thế đấy. Có sao không? Tôi thế đấy. Bộ tôi không có quyền sung sướng, bộ đặc quyền sung sướng chỉ dành riêng cho bà, cho những người toàn vẹn như bà hay sao? Bao nhiêu năm bà hành hạ tôi, bà nguyên rửa tôi, bà xem tôi không hơn một con vật. Một con vật ghẻ lở, què quặt, hôi thối. Tôi ngược nhìn bà, thách thức. Tia nhìn tóe ra hàng nghìn tia lửa thù hận. Tôi thấy mẹ rùng mình, bà úp mặt vào hai bàn tay, bật khóc. Lần đầu tiên mẹ khóc. A, mỗi hận lòng của tôi, như thế, đã được trả. Bà phải trả chứ, mẹ đã

vay của tôi quá nhiều. Hai mươi năm, từ sơ sinh đến trưởng thành, bao nhiêu đắng cay, tủi cực, bao nhiêu đau đớn khôn cùng. Mẹ phải trả. Phải trả... Tôi kéo đầu bố lên, hôn đầm say trên đôi môi đang run rẩy... Mẹ ngã vật ra trên mặt thảm, thân thể co giật liên hồi, *Rắn độc cắn chết mày đi... Đồ oan gia nghiệt súc...* Rắn độc, rắn độc, rắn độc... Con rắn màu xanh, dài ngoằng, cái đầu dẹp hình tam giác, miệng há rộng, lưỡi như một cây kim nhọn... Con rắn phóng tới... Mẹ đẩy dựa tuyệt vọng...

Cặp tình nhân đứng dậy. Hai người trở ra xe. Chiếc xe bò chậm khỏi lối đi tráng xi măng, khuất bóng chỗ khúc quanh.

Tôi bàng hoàng đưa tay sờ má, vuốt dọc bàn tay xuống khuôn ngực lép. Chung quanh tôi không một tiếng động ngoài tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Mẹ có lẽ đã đi làm, bố có lẽ còn đang ngủ, hai đứa em có lẽ đã đến trường. Chỉ còn một mình tôi và một cái đầu đậm đặc những ảnh tượng tật nguyên.

Nắng đã thu gọn bóng mát của tàng lá chung quanh gốc cây. Hai đứa trẻ đuổi nhau, chúng chạy về phía tôi. Đến chỗ hàng rào sắt ngăn chia phần đất của công viên với khu vực căn nhà, thằng bé trai đã bắt kịp đứa con gái. Chúng ngã nhào trên thảm cỏ mượt, cả hai cùng cười lớn. Tiếng cười dội vang trong bầu khí yên tĩnh.

Buổi trưa bên ngoài khung cửa sổ rực rỡ trong nắng.

DƯỚI SÂU, BIỂN

A.

Người đàn bà hỏi,

“Qua khỏi ngọn núi kia, chúng ta sẽ đến đâu?”

“Biển.”

“Biển thật à?”

“Phải.”

“Ông đã từng đến đó?”

“Đã, cách đây tám năm. Bây giờ gần như không còn ai sử dụng con đường này. Từ ngã rẽ phía trước vòng qua hướng Bắc, gặp freeway X, chạy khoảng nửa giờ, lấy exit Y, thêm mười lăm phút nữa sẽ thấy biển.”

“Tại sao không sử dụng con đường này? Tôi nghĩ sẽ gần hơn nhiều.”

“Nó chỉ dẫn đến đỉnh núi. Sau đó là đường mòn.”

“Ra thế. Ông bảo mới đến ngụ cư tại S., sao rành quá vậy?”

“Đúng hơn, tôi mới trở lại S.”

Người đàn bà quay kiếng xe xuống thấp. Gió thổi tung mái tóc của bà ta về phía sau. Không khí phảng phất vị mặn. Cũng có thể chẳng có mùi vị gì hết, nhưng ấn tượng một mặt biển mênh mông do người đàn ông gọi ra đã khiến người đàn bà có cảm tưởng như thế. Biển, người bạn thân thiết thuở thiếu thời. Biển, ngôi nhà trên ngọn đồi thấp rợp bóng thông, có khuôn cửa sổ mở ra mỗi buổi sáng, trải rộng trước tầm nhìn một mặt trời rực lửa tung tóe màu đỏ trên nhấp nhô sóng nước. Biển, lối đi quanh co trong rừng thông dẫn xuống chân đồi, nơi nép mình cạnh một phiến đá lớn là cái quán nhỏ bán linh tinh vặt vãnh đủ loại thức uống (trà đá, cà phê, nước ngọt, bia, rượu đế...), cùng những thổi kẹo ú vàng ngậy màu đường trắng già, những phong bánh đậu xanh ngọt bùi, những con mực khô... Và kem đánh răng *Chà và cười*, xà bông *Cô Ba*, bột ngọt *Vị Hương Tố*, sữa hộp *Con chim*, đường bát, tiêu hột, hương nến, vàng mã... Biển, tuổi thơ. Tuổi lớn. Tình yêu đầu làm nên chồng vợ. Đứa con gái duy nhất. Người đàn ông thân yêu bị nghiền nát trong chiến tranh. Tháng tư. Đứt lìa. Trôi dạt... Vậy mà đã mười lăm năm! Mười lăm năm như dòng nước siết, cuốn người đàn bà trôi mãi, trôi mãi, chẳng thể quay ngược bước chân trở lại, dù chỉ một lần. Bố mẹ đã ra người thiên cổ, anh em thất tán bốn phương, ngôi nhà và cái quán nhỏ vẫn còn đó, trong trái tim người đàn bà, nhưng đã rất lằng đằng khói sương, chập chờn giữa nghìn vạn ảnh tượng quá khứ.

“Bà muốn lên đỉnh núi không?” Người đàn ông hỏi.

“Vâng. Tôi hy vọng từ đó sẽ nhìn thấy biển.”

“Thấy chứ, dĩ nhiên.”

Chiếc xe chuyển bánh, giữ đều tốc độ, tuy tiếng động cơ hơi lớn vì phải leo dốc. Con đường không rộng, chỉ vừa đủ an toàn cho hai dòng lưu thông ngược chiều, khá tốt, và vắng. Người đàn ông gác hồ một tay trên bánh lái, một tay tựa vào vai tựa chỗ cửa xe. Cả hai đều im lặng. Người đàn bà chưa ra khỏi nơi chốn chôn nhau, đôi mắt bà ta nhìn về phía trước như nhìn vào cõi mịt mù quá khứ, quên bẵng chỉ mới mười phút trước, đã không ngớt miệng ca tụng phong cảnh hùng vĩ chung quanh. Trong đầu người đàn bà, rất mơ hồ là tiếng sóng đập vào bờ rào rào bất tận. Tiếng sóng sắp nhìn thấy hay tiếng sóng mười lăm năm xưa? Người đàn bà hoang mang, không thể nào xác định một cách rõ ràng giữa tiếng sóng và thời gian, cái nào thực sự hiện hữu. Người đàn ông vói tay lấy bao thuốc đưa lên miệng rút một điếu, ông ta ấn cái mồi thuốc, đợi bật ra, châm lửa. Ngọn khói mỏng vừa thoát khỏi miệng đã bị gió cuốn, tan nhanh. Khuôn mặt người đàn ông, nhìn nghiêng, đẹp một vẻ đẹp cương nghị đầy nam tính. Mái tóc phủ lò xo xòa nửa vàng trán cao, sóng mũi thẳng, râu mép dày, đen nhánh, hai khóm môi hơi nhếch, chiếc cổ to khỏe đồ xuống đôi vai ngang.

Chiều đang phai. Nắng dịu.

Chiếc xe lên đến đỉnh, vòng một vòng rộng, đậu lại. Hai người ra khỏi xe, đến cạnh khung rào kiên cố bằng gỗ tẩm dầu sát bờ đá dốc nghiêng. Từ chỗ đứng nhìn xuống, mặt biển mù sương, hư ảo như trong tranh thủy mặc. Người đàn bà reo nhỏ,

“Đẹp quá.”

Người đàn ông đưa tay chỉ về phía tay trái,
“Bà thấy lối mòn kia chứ? Nó sẽ dẫn đến bãi.”

“Có nguy hiểm không? Tôi trông dốc đứng quá.”

“Không, đường mòn chạy quanh co ven sườn núi, cho nên tuy đứng đây chúng ta thấy biển rất gần, vậy mà phải mất gần hai tiếng đồng hồ mới đến nơi đây.”

“Trời đã chiều, nếu không tôi sẽ rủ ông xuống dưới đó.”

“Hy vọng bà còn ở S. dài ngày, thế nào cũng có dịp.”

Người đàn bà không rời mắt khỏi mặt biển đậm sương, bà ta đáp, âm thanh bị gió cuốn nhanh, tan loãng,

“Vâng, nhất định sẽ nhờ ông làm hướng đạo một chuyến.”

B.

Thiếu nữ hỏi,

“Mẹ thấy vùng này thế nào?”

“Cảnh đẹp, không khí êm ả trong lành.”

“Nếu vậy con nghĩ mình nên lưu lại một thời gian.”

“Liệu có thích hợp với con không? Mẹ sợ con chán.”

“Bao giờ chán con sẽ nói.”

“Ừ nhé, chán, mẹ con mình lại đi.”

Thiếu nữ trạc hai mươi bốn. Đẹp, không giống người đàn bà lắm, tuy nhiên nhìn chung cũng dễ dàng nhận ra đó là hai mẹ con. Người đàn bà có lẽ lấy chồng sớm, bà ta khoảng trên bốn mươi, cũng đẹp, một vẻ đẹp rục rịch, no căng sinh lực, ngược hẳn với nét đẹp hồn hậu và mảnh mai của thiếu nữ. Người đàn bà vói tay kéo khung cửa kính, gió từ khu rừng phía trước lùa vào mát lạnh. Phảng phất trong không khí mùi

thơm của đất và cỏ. Tiếng chim ríu rít trên cành cao. Vệt mây duy nhất, trắng nõn và mạnh như một nhát cọ, vắt ngang bầu trời xám nhạt. Người đàn bà quay lại nhìn thiếu nữ, âu yếm,

“Ồ đây yên tĩnh, con tha hồ viết.”

Thiếu nữ lắc đầu,

“Ngoại cảnh chẳng quan trọng lắm đâu. Vấn đề là có viết được hay không. Mẹ à, nghĩ thì dễ, viết những điều mình nghĩ lên mặt giấy, khó quá.”

“Sao con không thể chọn một lối giải trí khác. Hội họa, âm nhạc chẳng hạn?”

“Con không nghĩ mình đang giải trí.”

“Nghĩa là con muốn trở thành nhà văn?”

“Con có muốn như thế thật, nhưng động cơ chính yếu thúc đẩy con viết chẳng phải bắt nguồn từ đó. Chữ nghĩa, cái ma lực của nó, sự quyến rũ của nó. Điều này khó giải thích cụ thể được.”

“Mẹ hiểu. Ba con đã từng nói về sự huyền nhiệm của chữ nghĩa. Ngày xưa mẹ ghen với nó. Cho đến bây giờ, mẹ vẫn lẩn thẩn tự hỏi, giữa văn chương và mẹ, không hiểu ba con đã yêu cái nào hơn.”

“Con nghĩ, với tư cách một độc giả, đó là sự hỗ tương tuyệt vời nhất mà con đã bắt gặp trong văn chương. Nếu không có mẹ, nếu không vin vào tình yêu ba có với mẹ, ba chẳng thể viết được những điều như thế. Mỗi lần đọc lại tác phẩm của ba, con đều có cảm tưởng mỗi dòng mỗi chữ đã tuôn ra đầu ngọn bút bởi một lực đẩy mãnh liệt. Lực đẩy đó nhất định không thể là cái gì khác ngoài tình yêu. Niềm tin, sự nhân hậu, điều tốt lành... Con chưa thấy ai viết văn bằng

tắm lòng lạc quan như ba.”

“Thời đó nhiều người từng phê phán ba con rất khắt khe, họ cho rằng ông đã xa rời những thảm kịch nhân tiền, đã góp phần tạo ra một dòng văn chương viển vông, quay lưng lại với thực tại.”

“Con không sống trong thời điểm đó nên chẳng dám kết luận đúng sai, nhưng con có cảm tưởng người ta không mấy công bình đối với ba. Một người đã trực tiếp tham dự và đã bỏ mình vì cuộc chiến, làm sao gọi ông ta là kẻ quay lưng với thực tại?”

“Đó là sự bạc bẽo khôn nạn nhất mà bất cứ thời đại nào người cầm bút cũng phải nhận chịu, như một tai ách, một hình phạt. Ngay bây giờ, trên phần đất chúng ta đang sống, nào thiếu gì những người, những suy nghĩ đại loại như thế. Luôn luôn chúng ta buộc nhà văn phải vác trên vai hàng trăm sứ mạng! Họ nào có nợ nần gì chúng ta đâu? Sao cứ bắt họ phải trả khi chẳng vay?”

“Không trách được, mẹ ạ. Cái gì cũng tàn lụn nhanh chóng, nhưng chữ nghĩa thì tồn tại dài lâu. Chính vì vậy người ta đã phải khắt khe với chữ nghĩa. Một vài thế hệ sau sẽ nhìn và đánh giá chúng ta qua cái gì, nếu không phải qua những trang sách xem chừng nhẹ tênh kia?”

Thiếu nữ dừng lại, bỗng bật cười,

“Nhưng sao hôm nay mẹ con mình lại nói điều trầm trọng thế nhỉ?”

Người đàn bà cũng cười,

“Ngày xưa ba con thường nói, đàn bà con gái dính vào văn chương thì phú đều hồng. Chúc năng cao quý nhất của

đàn bà là làm mẹ, làm vợ. Xem thường chức năng lớn đó để nhẩy vào văn chương, vô hình chung họ đã đánh mất cái nữ tính trong họ, trở nên... khó chịu. Cao ngạo, trịch thượng, xem mọi người không ngang tầm với mình. Đó là cái bệnh chung của những người làm văn chương nghệ thuật phái nữ. Và đó cũng là điều bất hạnh cho họ.”

Thiếu nữ rùn vai:

“Ba... phong kiến ghê vậy đó. Bộ sáng tạo là độc quyền của đàn ông sao? Ngày nay thiếu gì các vị nữ lưu viết hay bằng năm bằng mười các đấng mày râu, mà vẫn vợ hiền mẹ đảm như ai.”

“Ừ thì... Đàn ông mà, họ chỉ hạnh phúc khi cảm thấy mình là một loại cây cao bóng cả chở che cho chúng ta, những loại chùm gởi, những cỏ lau yếu đuối... Riêng mẹ, với tư cách một người vợ, mẹ chẳng cần biết điều ba nói đúng hay sai, nhưng mẹ thích như thế, có được một cổ thụ để bám vào, nở hoa vẫn thoải mái hơn làm một thứ lim, gụ vùi vùi ngất trời nhưng già khụ cô đơn...”

“Con có cảm tưởng mẹ đang thay đổi, hình như mẹ thăm mệt rồi phải không?”

“Tại sao con nghĩ thế?”

“Con linh cảm... Đây mẹ, người đàn ông chở mẹ về chiều hôm qua là ai vậy?”

“A... Mẹ vừa quen. Ông ta đã từng ở đây, lang bạt một thời gian, mới trở lại và không biết sẽ ra đi lúc nào. Tuy chỉ gặp ông ta lần đầu nhưng mẹ cũng đoán được, đó là một cánh chim.”

Người đàn bà lắc đầu, cười,

“Nếu không có ông ta, mẹ thật chẳng biết phải làm sao...”

C.

Người đàn bà xuống xe, đưa tay vuốt mồ hôi trán. Một nỗi lo sợ bắt đầu dấy lên. Khúc đường này vắng quá, lưu lượng xe cộ rất thưa thớt, lâu lắm mới có một chiếc chạy ngang. Người đàn bà mấy lần đưa tay cầu cứu nhưng chẳng ai chịu dừng lại. Chiếc xe nằm bên vệ đường, ù lì một cách đáng ghét. Cho đến khi đã hoàn toàn không còn trông mong vào lòng tốt của kẻ khác, người đàn bà định quay lui, đi bộ về phía hộp điện thoại cấp cứu bà ta nhớ đã nhìn thấy khoảng năm phút trước khi xe hỏng, thì người đàn ông xuất hiện. Ông ta tấp vào lề dù người đàn bà đã chẳng còn buồn đưa tay xin giúp đỡ.

“Xe của bà hỏng?”

Một thoáng mừng rỡ hiển hiện trên nét mặt, người đàn bà vội vã đáp,

“Vâng.”

Người đàn ông nhanh nhẹn mở “cốp” xe kiểm soát máy móc. Ông ta có vẻ rất rành rẽ. Nhưng loay hoay hơn nửa tiếng động cơ vẫn không khởi động. Người đàn ông lắc đầu nói với người đàn bà,

“Ngoài khả năng của tôi. Bây giờ bà về đâu tôi sẽ đưa về.”

Rồi vỗ vỗ bàn tay lên “cốp” xe, người đàn ông cười,

“Con vật lì lợm muốn đòi tiền hộ bọn chủ garage.”

Người đàn bà cũng cười,

“Vâng, đành vậy. Tôi vừa đến vùng này, đang ở khách sạn H., chiếc xe trở chứng kể cũng phải. Nó đã đưa mẹ con tôi vượt gần hai ngàn miles từ miền nam lên đến đây.”

“Thảo nào. Khách sạn H., tôi biết, để tôi đưa bà về đó, nhưng trước tiên phải giải quyết cái xe.”

“Cảm ơn ông rất nhiều. Không có ông tôi thật chẳng biết phải làm sao.”

Hai người lên xe. Người đàn ông đưa người đàn bà trở ngược lại chỗ hộp điện thoại. Ông ta gọi cho một hãng *towing*, chỉ chỗ xe hỏng đồng thời bảo họ mang về một garage quen. Xong ông ta trở lại,

“Bà yên tâm, sáng mai sẽ có xe cho bà di chuyển. Bây giờ chúng ta về thị trấn.”

Người đàn bà lại nói cảm ơn nhưng hình như không chú tâm vào lời nói của mình, cảnh vật chung quanh khiến bà ta say đắm. Những đỉnh núi mù trong sương, những tảng đá lớn chập chùng, giải rừng vàng ổi lá thu, thảm hoa đủ màu phủ kín một triền đồi rực rỡ nắng chiều, Người đàn bà nói,

“Đẹp quá, thiên nhiên ở đây thật hùng vĩ. Tôi đã định vào sâu trong vùng núi kia nếu chiếc xe không hỏng.”

“Té ra bà đang đi ngoạn cảnh?”

“Tình cờ thôi, thưa ông. Chiều nay tôi định xuống phố mua ít thức ăn khô. Con đường từ khách sạn dẫn vào thị trấn thơ mộng quá, tôi mê mãi ngắm, lạc ra ngoài ô lúc nào chẳng hay. Cứ thế, cảnh vật quyến rũ tôi đi mãi, đi mãi... Cho đến khi chiếc xe ăn vạ như ông đã thấy.”

Người đàn ông nói ông ta cũng chưa biết sẽ sử dụng buổi chiều vào việc gì, nếu bà ta muốn ông ta sẽ rất hân hạnh

được làm tài xế.

D.

Ngày... Tháng... Năm 199...

Khung cảnh ở đây tuy đẹp nhưng buồn đến nỗi lòng. Mấy lần tôi định nói mẹ move đi nơi khác, nhưng nhìn thái độ của mẹ khi có mặt người đàn ông, tôi chẳng nỡ. Có thể mẹ đã để ý đến ông ta. Điều này khá ngạc nhiên đối với tôi. Mấy mươi năm từ ngày ba qua đời, mẹ vẫn cam đảm sống một mình, bao nhiêu tình thương bà dồn hết cho tôi. Thuở nhỏ, điều đó khiến tôi rất thích, nhưng lớn lên, bắt đầu biết suy nghĩ, tôi nhận thấy mẹ hy sinh như thế là quá bất công với chính bản thân bà. Đã bao nhiêu lần tôi năn nỉ mẹ hãy sống cho mình một chút. Tôi nói tôi đã lớn, tự lo lấy thân được rồi, mẹ nên nghĩ đến mẹ. Bà chỉ lắc đầu cười, con đã trưởng thành, đã nên người, ước vọng lớn nhất của đời mẹ đã thành tựu, mẹ chẳng trông mong gì hơn. Tôi nói nhưng con sẽ có chồng, mẹ hiểu chứ, con có chồng rồi mẹ sẽ thế nào? Mẹ nói mẹ mong con có chồng, mẹ mong con hạnh phúc. Phần mẹ, con hạnh phúc là mẹ hạnh phúc, giản dị vậy thôi, con chẳng nên băn khoăn?

Mẹ bảo tôi đừng băn khoăn.

Ừ, thì con sẽ không băn khoăn nữa. Nhưng (bỗng nhiên tôi cảm thấy yêu mẹ nỗi lòng), còn mẹ, mẹ đã bắt đầu băn khoăn chưa? Nhịp đập của trái tim mẹ có còn bình thường kể từ lúc bà gặp người đàn ông kia? Hôm qua, khi nhắc đến ba, nhắc đến quan niệm của ông về đàn bà, nhắc đến cái chức năng làm vợ, làm mẹ... Tôi đã nhìn thấy, rất rõ, trong mắt mẹ một ánh lửa. Mẹ đang nghĩ gì, chờ mong điều gì?

Nếu thật sự mẹ yêu ông ta, tôi hoàn toàn đồng ý. Tuy trẻ hơn mẹ vài tuổi - tôi đoán thế - nhưng ông ta có cái vẻ tự chủ của một người đã từng trải, điều đó tôi nghĩ rất cần thiết đối với mẹ. Một người đàn bà mất chồng vào lúc tuổi xuân còn phơi phới, nổi trôi qua bao nhiêu biến cố tai ương, vẫn ngẩng cao đầu bước tới, trên một hành trình dằng dặc hai mươi mấy năm. Một người đàn bà như thế tất nhiên không thể dễ dàng chấp vá với những người đàn ông nhàn nhàn thường giăng lưới chung quanh bà như tôi vẫn thấy, ở bất cứ nơi nào, bao năm nay. Bề ngoài, mẹ dịu dàng, thâm trầm, nhưng hơn ai hết, tôi hiểu, cá tính mẹ rất mạnh. Thuở mới đặt chân lên vùng đất mới, không bà con họ hàng thân thích, không nghề nghiệp tiền bạc, không cả thứ ngôn ngữ xa lạ chưa một lần sử dụng. Vậy mà, ngày tiếp ngày, tháng tiếp tháng, mẹ vẫn kiên trì sống, kiên trì đập lên nghìn trở lực, để vươn về phía trước, cho mình, cho đứa con chưa qua khỏi tuổi trưởng thành, có được một đời sống khác, vững chãi, yên ổn, không vượt trên người, nhưng chẳng bao giờ chịu thua kém người. Mẹ đã làm nổi điều đó, bằng cái vỏ ngoài dịu dàng chịu đựng bọc chứa bên trong một sức mạnh cứng hơn đá.

Cho nên một khi mẹ đã chọn lựa, đã quyết định bước đi bước nữa, ở cái tuổi sắp bóng xế, sau mấy mươi năm thử thách, tôi tin, mẹ đã tỉnh táo để không nhầm lẫn. Tôi cũng linh cảm mẹ không nhầm lẫn. Có thể điều linh cảm của tôi ít nhiều bị chi phối bởi lòng thương tôi dành cho mẹ, bởi ước mong cái vực sâu thăm thẳm trong đời sống mẹ sẽ được lấp đầy, bằng một tình yêu, dù muộn màng, mà từ lúc biết suy

nghĩ, tôi đã ước mong như thế.

Ước mong của tôi một phần nữa bắt nguồn từ cuốn truyện đang viết dở dang. Những nhân vật ít nhiều đều liên hệ với tôi. Tôi không phải là một người viết cổ điển, thích chọn những kết cấu “có hậu”, nhưng sẽ hết sức bất nhẫn nếu để những nhân vật đó rơi vào tai ương. Có lẽ do ảnh hưởng ba, tôi yêu mọi điều tốt đẹp, trong sáng. Con người sẽ không thể tồn tại trên mặt đất cho đến ngày hôm nay, nếu con người trầm luân triền miên trong thảm kịch. Mẹ phải tìm thấy hạnh phúc, để tôi yên tâm đặt bút viết những trang cuối cùng kết thúc cuốn truyện. Tôi hình dung các con chữ sẽ như vô số hạt mầm ủ lâu trong đất, vươn lên những chồi xanh khi mưa thuận gió hòa.

E.

Người đàn ông hỏi,

“Cháu viết văn?”

“Vâng, thưa chú.”

“Để giải trí?”

“Mẹ cháu cũng đã hỏi một câu tương tự, và cháu trả lời rằng không xem văn chương như một trò giải trí. Tuy nhiên nó cũng chẳng phải điều gì ghê gớm. Có thì giờ và viết được, thì viết, vậy thôi.”

“Nghĩa là nếu cần cháu sẽ từ giả nó một cách dễ dàng?”

“Khác với đàn ông, dù say đắm với chữ nghĩa bao nhiêu chăng nữa, một người đàn bà không thể không có những trách nhiệm đối với bản thân và hệ lụy gia đình. Hiện tại, hệ lụy quan trọng nhất mà cháu mong thực hiện được trọn

ven là làm thế nào để mẹ cháu có một cuộc sống thoải mái, không lo toan trong suốt quãng đời còn lại của bà. Bởi vì từ mấy mươi năm nay mẹ đã hy sinh cho cháu quá nhiều, đời sống cháu sẽ trở nên vô nghĩa nếu vì một lý do nào đó mẹ cháu rơi vào khổ não,”

Người đàn ông cười,

“Cháu yêu mẹ có lẽ còn hơn người ta yêu tình nhân.”

Thiếu nữ cũng cười,

“Cháu chưa yêu ai nên chẳng thể so sánh.”

“Ở tuổi cháu, nhất là trong môi trường sống này mà vẫn chưa có một người tình thì kể cũng đặc biệt đấy.”

“Không phải tuổi tác, cũng không phải môi trường, vấn đề là đối tượng để chọn lựa, và hình như định mệnh nữa. Sống bên mẹ hai mươi mấy năm, chứng kiến tấm lòng của mẹ đối với ba, cháu đâm ra... khó tính. Đồng thời hàng ngày nhìn thấy bao nhiêu thảm kịch gia đình, cháu đâm sợ. Có lẽ do huyết thống, cháu giống mẹ, khi đã yêu ai, cháu mong yêu trọn đời. Thử tưởng tượng nếu chẳng may chọn nhầm đối tượng, sẽ khổ sở biết chừng nào?”

“Chú đã gặp không ít những thiếu nữ ở vào tuổi cháu - những người đã có trên dưới hai phần ba cuộc đời sống tại xứ sở này - hầu hết họ đều giản dị, nghĩa là quan niệm yêu đương của họ phóng khoáng lắm, thậm chí có nhiều cô còn chấp nhận hình thức chung sống “tiền kết hôn” vài ba tháng, vài ba năm, trước khi có quyết định thực sự. Theo cháu, điều đó tốt hay xấu, quan niệm đạo đức đó đúng hay sai?”

“Tốt xấu đúng sai còn tùy thuộc ở mỗi người, mỗi cách nhìn, mỗi cá tính, và mỗi nền giáo dục được hấp thụ. Báo

chí, sách vở và rất nhiều bậc cha mẹ vẫn than rằng, con cái, do tiếp xúc với học đường và bè bạn nhiều hơn với gia đình, vì vậy càng lớn chúng càng xa lìa những người thân yêu, và nhất là quan niệm của chúng về tất cả mọi vấn đề đều hoàn toàn khác biệt với đạo đức cổ truyền của dân tộc. Theo cháu, đa số thì đúng, nhưng tất cả thì không. Mà cho dù tất cả đều như thế, đã sao? Đạo đức cổ truyền của dân tộc và đạo đức thực dụng kiểu phương Tây, ai dám chắc cái nào đúng cái nào sai? Mục đích tối cao và đích thực của mỗi cá nhân là đạt được hạnh phúc như mơ ước. Nếu đem cái nền đạo đức cổ truyền của dân tộc trồng vào cổ một đứa trẻ sinh ra và lớn lên tại đây, là một cách đầy ải cưỡng chế đứa bé chứ chẳng phải mơ ước hạnh phúc cho nó.”

Thiếu nữ dừng lại, cười,

“Tuy nhiên, cũng còn có những trường hợp ngoại lệ. Như cháu, chẳng hiểu tại sao cháu không thích lối sống kiểu thực dụng kia. Cháu xin nhấn mạnh, không thích chứ chẳng phê phán đúng sai tốt xấu nhé.”

“Chú hiểu, chú rất yêu cái không thích của cháu.”

Thiếu nữ nhìn người đàn ông và bắt gặp trên khuôn mặt khắc khổ kia một tia mắt là lạ.

K.

Hai người bắt đầu đi xuống con đường mòn. Người đàn bà thỉnh thoảng phải níu tay vào vai người đàn ông, vì nhiều đoạn dốc thẳng đứng, cheo leo bên cạnh vực sâu hun hút. Biển vẫn mù trong sương nhưng người đàn bà đã nghe, rất rõ, tiếng sóng đập vào bờ cát rào rào từng nhịp đều. Người

đàn ông hỏi,

“Bà không đau chân chứ?”

“Không, nhưng lâu ngày chẳng đi bộ xa, hơi mệt.”

“Mình nghỉ một chút nhé?”

“Vâng, cảm ơn ông.”

Người đàn ông chỉ phiến đá lớn bên vệ đường,

“Chúng ta ngồi đây.”

Hai người ngồi xuống. Người đàn ông nhìn những giọt mồ hôi rịn trên trán người đàn bà, cười,

“Lát nữa trở lên, mệt gấp đôi.” .

“Tôi đã nghĩ đến điều đó... Chắc không sao, mình đi chậm, mệt thì nghỉ, trước sau cũng phải tới chứ.”

Người đàn ông vói tay ngắt một đóa hoa màu đỏ sẫm trời ra từ khe đá, đưa cho người đàn bà:

“Tôi có một kiến thức tồi tệ về hoa. Chẳng hạn đóa hoa này, không hiểu thuộc loại nào, tên gì.”

Người đàn bà cầm đóa hoa, mỉm cười:

“Tôi nào hơn gì ông đâu. Mùi tịt.”

Bà ta trả lời nhưng trong lòng đang băng khuâng tự hỏi, ông ta định tặng mình hay chỉ vô tình? Người đàn bà cũng cảm thấy hơi xấu hổ. Mình đã trên bốn mươi, sao lại có thể mơ mộng lãng mạn theo kiểu mười lăm mười bảy thế nhỉ?

Nếu muốn tặng ông ta sẽ nói ngay. Với tuổi tác và lịch lãm, ông ta chẳng việc gì phải quanh co cả. Người đàn bà hơi thất vọng. Dù sao, bà vẫn thầm mong người đàn ông quan tâm đến bà hơn, bằng một quan tâm khác...

Nhưng khác là thế nào? Người đàn bà lại tự hỏi. Có thật mình đã yêu ông ta. Có thật sau mấy mươi năm làm một cái

bóng bên cạnh con gái, tình yêu tưởng lịm tắt lại bùng ngọn? Người đàn bà không thể loanh quanh chạy trốn chính mình mãi. Người đàn ông đã như một cơn gió lớn bất ngờ, làm bật tung cánh cửa ký ức, mở phơi bao nhiêu kỷ niệm đã bụi phủ nhện giăng... Có quá nhiều điểm tương đồng ở người đàn ông và hình ảnh xưa kia của người chồng đã khuất. Hơn nửa tháng nay người đàn bà mất ngủ. Một điều gì tựa tựa sự chờ đợi...

Mình chờ đợi điều gì?

Người đàn bà không dám trực diện với câu trả lời. Ở vào tuổi bốn mươi, hình như người ta đã đánh mất sự hăng say và niềm đam mê của tuổi trẻ. Hình như người ta lười biếng dần thân vào những cuộc phiêu lưu mới.

Trạng thái dửng dưng co giũa thói quen muốn duy trì nếp sống cô đơn độc lập Và ước vọng mơ hồ đang thành hình trong tâm khiến người đàn bà cảm thấy vừa hưng phấn vừa mệt.

Hai người đặt chân xuống bãi cát khi nắng đã đứng trên đỉnh đầu. Buổi trưa trong veo màu nắng dịu. Sương mù loãng tan. Biển thăm xanh. Rất xa, chỗ nối với đường chân trời, như một vòng cung rộng, người đàn bà nhìn thấy lò mờ ngọn khói trắng được thả lên không trung từ một chiếc tàu. Tiếng sóng dội đập mạnh mẽ bên tai. Người đàn ông hỏi, giọng bông đùa:

“Chắc chẳng giống với *biển xưa* của bà, nhỉ?”

“Vâng, cát ở đây vàng quá, và bản nữa. Cát của tôi trắng phau, sạch như đường. Nước biển cũng trong hơn...”

“Người ta thường thiếu khách quan khi so sánh dĩ vãng

với thực tại. Cái gì thuộc về dĩ vãng cũng đẹp hơn, tốt hơn, hay hơn...”

“Kể cả tình yêu?”

“Kể cả. Chúng ta thường nghe người ta nhắc đến *mối tình đầu*, cái của dĩ vãng, ít ai trầm trở về những mối tình tiếp theo hoặc hiện có. Đó là một hình thức đánh lừa của ký ức, hay cũng có thể do thiếu can đảm với thực tại.”

“Ông nói những điều rắc rối. Đàn bà sợ rắc rối.”

“Đúng hơn, đàn bà sợ đối diện với chính mình.”

“Tôi không hiểu.”

Người đàn ông nhìn xoáy vào mắt người đàn bà:

“Bà hiểu chứ. Bà hiểu hơn ai hết điều đó.”

Rồi ông ta chợt quay nhìn ra biển, giọng trở nên buồn buồn:

“Nhưng... Tôi xin lỗi bà. Chúng ta lầm lẫn cả. Cái đang có trong đầu bà, lầm lẫn. Cái đang có trong đầu tôi, cũng vậy,”

“Tôi nói thật, không hiểu thật. Ông đang nói đến điều gì?”

“Tình yêu. Ở vào tuổi của chúng ta, tình yêu đã chết. Mọi nỗ lực tìm đến nó chỉ là một cách để lấp đầy những vực tối trong mỗi chúng ta. Rồi bà sẽ hiểu, nếu quả thật bà không hiểu.”

G.

Giọng người đàn bà như muốn khóc:

“Mẹ đã bảo với con, ông ấy như một cánh chim...”

“Chú ấy có nói gì với mẹ không?”

“Không... Mà có, hình như có... Nhưng mẹ không hiểu.”

Người đàn bà kể lại những điều người đàn ông đã nói với bà hôm hai người ngoài bãi biển, rồi lắc đầu:

“Cái đang có trong mẹ là cái gì? Và cái đang có trong ông ấy... Mẹ mù mịt.”

“Mẹ ơi, con tin mẹ hiểu nửa đầu của câu nói, còn nửa sau... Con, con cũng chẳng hiểu.”

H.

Ngày... Tháng... 199...

Người, đàn ông bắt ngờ ra đi. Tôi thật tình ngạc nhiên. Tôi đã hy vọng giữa mẹ và ông ta rồi sẽ có một chung cuộc tốt đẹp. Thế mà ông ấy lại ra đi.

Mẹ càng cố nén, nỗi buồn càng hiển hiện. Nhìn mẹ, lòng tôi tựa dao cắt. Như vậy, kể từ nay chắc chắn sẽ chẳng bao giờ nữa bà tìm ra một đồng hành khác, và cũng từ nay, bên cạnh hình ảnh ba, còn có thêm hình ảnh của người đàn ông, một cái bóng bà chưa kịp cảm giữ, đã vụt hư không!

Tôi có nên trách ông ta?

Chẳng thể nào trách được ông ấy. Giữa ông và mẹ chưa có một hệ lụy nào. Đúng như mẹ nhận xét, ông ta như cánh chim. Làm sao giữ nổi một cánh chim?

Bỗng nhiên tôi nhớ đến ánh mắt rất lạ của người đàn ông khi nhìn tôi hôm đầu nói chuyện với ông.

Tôi có nên suy diễn tiếp?

Ba nói đàn bà viết văn thường thông minh và rắc rối. Có phải tôi đang lạm dụng thái quá trí thông minh của mình?

Dẫu sao vẫn không thể phủ nhận nếu điều tôi nghĩ là đúng, thì hành động ra đi của người đàn ông thật vô cùng hợp lý.

Sự hợp lý làm đau lòng mẹ.

Sự hợp lý làm tôi mất ngủ và nhận ra những ngõ ngách quanh co vô chừng trong trái tim của mỗi con người.

NHỮNG BÀN TAY ĐẸP

Tôi thù những bàn tay đẹp. Suốt đời, tôi thù những bàn tay đẹp. Mẹ tôi cũng có hai bàn tay đẹp, đẹp lắm. Bà biết điều đó và hãnh diện về điều đó. Riêng tôi, mỗi lần nhớ đến hai bàn tay của mẹ, trong lòng lại dâng lên một cảm giác đắng cay, lờ lợm. Cảm giác này không phải chỉ có với bà, mà hầu như cho tất cả mọi người khác, những người có hai bàn tay đẹp.

Năm tôi mười hai tuổi, một hôm ở trường về, vừa bước chân qua ngưỡng cửa tôi nhìn thấy cha đang ôm đầu ngồi lặng trên salon, hai vai nhô cao, chiếc lưng còng xuống, tôi để ý thấy cả người ông đang run bần. Nghe tiếng chân, cha ngẩng lên, đôi mắt ngầu đỏ, sưng nước. Cha đang khóc. Ông nhìn tôi lạc giọng,

“Con sang chú Tư chơi với Huân. Chiều hãy về.”

Tôi dạ nhỏ, xuống nhà sau rửa mặt. Khi trở lên, qua cửa

buồng mở hé, tôi thấy chiếc áo ngủ của mẹ vắt cầu thả, nửa trên giương, nửa dưới đất, mền gối chần mùng dòn thành một đồng bừa bộn. Tôi đoán mẹ vừa thức dậy và đã ra đi. Từ bao năm nay tôi đã quá quen với cách sống cũng như giờ giấc của mẹ nên không lấy đó làm ngạc nhiên. Duy có điều, qua hình ảnh cha ngồi ủ rũ ngoài phòng khách, tôi biết, hai người lại vừa “cơm không lành, canh không ngọt”!

Nhà chú Tư cách nhà tôi một quãng đường ngắn. Tôi vẫn thích sang chơi bên chú, vì một lẽ giản dị, bữa ăn của gia đình chú bao giờ cũng thơm tất thịnh soạn hơn (chẳng bù với mâm cơm nguội lạnh tẻ nhạt của hai cha con tôi!). Ngoài ra, Huân, con trai thứ ba của chú tuy lớn hơn tôi hai tuổi nhưng vẫn bị tôi coi như... em. Một phần, do liên hệ gia tộc, phần nữa, tuổi và thân xác có lớn thật, hấn vẫn chỉ là một đứa trẻ ngây khờ, nếu không muốn nói đàn độn. Trong số tám anh em con chú Tư, Huân bất hạnh hơn cả, hấn bị bệnh chậm phát triển. Mặt bẹt, hai má phực phịch, đôi mắt ti hí, tay chân ngắn cùn cốn, đi đứng lạch bạch như vịt, Huân có cái nhân dáng của hầu hết mọi đứa trẻ cùng số phận. Huân học hành rất khó khăn, mười bốn tuổi vẫn chưa qua khỏi tiểu học. Chú Tư, trong những lúc rượu ngà ngà, vẫn thường tức giận chửi trời than đất. Tuy vậy, chú lại rất thương Huân, và tôi, cũng thế, dù phải thú thật, thường thương tôi tỏ ra... ăn hiếp quá đáng cậu em bất toàn.

Ba tôi có bốn anh em. Ba tôi thứ nhì. Bác Hai ở Huế. Tôi nghe cha nói bác có chức vị khá cao trong quân đội. Mỗi năm một lần tôi theo cha ra Huế tham dự ngày giỗ chạp của gia tộc, nhân dịp này tôi được gặp bác. Dù chỉ gặp lưng bữa

nửa tiếng nhưng ấn tượng bác để lại bao giờ cũng đậm nét. Bác thường vuốt đầu tôi, cười nghiêm nghị, hỏi han chuyện học hành. Nghe giọng nói của bác, vừa to vừa lạnh, tôi đâm sợ, và phục. Suốt một thời tuổi nhỏ, hình ảnh bác trong đầu tôi, vẫn luôn luôn là hình ảnh của một võ tướng oai phong lẫm lẫm. Tôi đã đồng hóa ông với những nhân vật đọc thấy trong truyện Tàu, mình mặc giáp sắt, tay cầm trường thương, ngạo nghễ trên mình ngựa, tả xung hữu đột giữa mù mịt máu lửa sa trường. Ấn tượng đó vẫn còn đọng mãi trong tôi cho đến ngày khôn lớn, đúng hơn, cho đến hai năm sau biên cố ba mươi tháng tư. Tôi gặp lại bác, còm cõi ngồi bên vệ đường, sau chiếc quầy bán thuốc lá lẻ của bác gái. Mái tóc bác bạc trắng, những nếp nhăn chằng chịt trên trán, cuối đuôi mắt. Bác ngồi, nhìn mà như không thấy gì cảnh phố xá nhộn nhịp kẻ qua người lại; bác ngồi, một chân xỏ trong đôi dép mủ mòn vẹt, chân còn lại, đã cụt, phát phơ ống quần kaki mền nhão. Tôi vẫn phân vân không hiểu có phải cái chân cụt - kết quả công tác gỡ mìn lúc bác còn trong trại cải tạo - là một may mắn hay chẳng? Bởi theo lời cha và chú Tư, thì với chức vị của bác trong quân đội cũ, thời gian học tập ba năm là điều khó có thể xảy ra. Tôi đứng cách bác không xa, cố liên hệ hình ảnh còn rất rõ nét trong đầu về bác với hình ảnh trước mắt nhưng quả tình không thể nào tìm thấy một điểm nhỏ tương đồng. Sự đổi thay quyết liệt quá, tàn nhẫn quá. Sự đổi thay làm cho lòng dạ tôi quặn thắt. Chú Năm thì tôi vẫn thường nhìn thấy, nhưng chỉ nhìn thấy trên... hình. Niềm hãnh diện tôi dành cho chú Năm có lẽ còn lớn hơn so với bác Hai. Bởi lẽ, chú là một nghệ sĩ. Tên tuổi nhân diện chú hầu

như cả nước đều biết. Cầm bất cứ một tạp chí lá cải nào trên tay, cũng dễ dàng tìm ra chú, hoặc ở ngay trang bìa, hoặc đầu đó trang trong. Và qua đài phát thanh, qua truyền hình buổi tối, giọng hát chú đã từng làm rung động bao nhiêu trái tim thiếu nữ. Chú Năm trẻ, rất trẻ, lại đẹp trai và tài hoa, vì vậy cuộc sống chú có buông tuồng quá đáng. Nghe nói chú thay tình nhân như thay áo, thêm hút sách bài bạc đủ món ăn chơi. Từ lúc sinh ra cho đến bây giờ, tôi chưa từng thấy chú về thăm nhà. Cha tôi thường than thở với chú Tư, *Cái thằng thiệt đoản hậu, vinh quang làm hấn hư hồng, giỗ cha giỗ mẹ hấn cũng chỉ qua quít vài lời bằng đường bưu điện, chớ có thấy mặt ngang mũi dọc đầu cả*. Riêng tôi, chú “đoản hậu” thế nào không biết, chỉ biết bao giờ chú cũng là niềm kiêu hãnh tôi thường đem ra để “đánh bóng” cho thân thể mình với bè bạn, *Chú tao đấy... Em ruột cha tao đấy...* Khi nói những lời đó, mặt tôi vác lên, ngực ưỡn ra, vẻ nghiêm trang như một người... lớn.

Chỉ có cha tôi và chú Tư, từ thuở nhỏ cho đến khi có vợ có con, luôn ở cạnh nhau như bóng với hình, cả hai tính tình đều mềm mỏng, thích cuộc sống yên ổn bên vợ bên con. Chỉ buồn một nỗi cha tôi quá nghèo, ngược lại chú Tư thì nhà cao cửa rộng, phú quý mọi bề. Hăng nước đá của chú, từ lúc quân đội Mỹ đổ vào Việt nam, mỗi ngày mỗi trương nở thêm mãi, tiền của cứ tuôn vào, như suối. Tuy không nói ra, nhưng tôi biết thâm tâm cha tôi rất khổ sở khi phải nhờ vả mãi chú Tư. Anh em ruột thịt không nói làm gì, chú Tư còn vợ, còn con, cha không muốn “thiểm ấy và các cháu” khinh nhờn. Và lại, chú là em, chẳng lẽ làm anh lại cứ bắt em gánh vác mãi sự

khốn khó của mình?

Cha tôi càng khổ tâm hơn khi tự biết mình chẳng phải là một người lười nhác, bất tài. Ông có ăn có học, lại cần cù chăm chỉ. Nhưng bao nhiêu năm đầu tắt mặt tối, vẫn không nuôi nổi gia đình.

Nguyên nhân chỉ tại mẹ tôi.

Mẹ tôi, người đàn bà có đôi bàn tay đẹp, rất đẹp. Đôi bàn tay với những ngón thon nhỏ, trắng muốt, đầu ngón vươn dài mười chiếc móng màu hồng nhạt óng ánh kim nhũ. Đôi bàn tay tôi vẫn thường thấy mẹ tía gọt mài dưa hàng giờ và ngâm trong chiếc ca nhựa đựng sữa tươi. Dĩ nhiên với đôi bàn tay như thế, thật hết sức bất công nếu bắt mẹ phải chu toàn những công việc chẳng mấy nhẹ nhàng như giặt giũ, nấu nướng, thu vén dọn dẹp nhà cửa... Trước kia, khi vật chất chưa đến nỗi nào, chúng tôi đã có người “chị Hai” lo toan tất cả. Đến lúc gia cảnh suy sụp, cha tôi vui vẻ kiêm nhiệm luôn trách vụ đó, bên cạnh cái trách vụ đương nhiên từ bao nhiêu năm nay, là làm việc quần quật để kiếm tiền.

Một lần tôi nghe bác Hai mắng cha,

“Người ta đồn chú sợ vợ lắm phải không? Tại sao lại như thế? Tôi không khuyên chú nặng tay nặng chân với thiếu ấy, nhưng mà phải dạy chứ, phải tỏ ra cương cường một chút chứ. Rồi chú xem, sẽ có ngày chú ân hận cho mà coi.”

“Anh hơi đầu tin lời thiên hạ. Cái bọn lắm mồm... Vợ chồng em vẫn hạnh phúc...”

“Không có lửa sao có khói? Chú đừng chối. Là anh em, tôi còn lạ gì tính tình chú.”

“Sự thật em cũng có chiều cô ấy... Nghĩ cho cùng cô ấy

đáng thương hơn đáng trách.”

“Nghĩa là thế nào?”

“Thì anh cũng biết, vợ em từ nhỏ đã bọc điều. Anh thay một đôi giày mới đã thấy đau chân, hưởng hồ buộc người ta thay cả một nếp nghĩ, những thói quen... Chuyện đâu có dễ dàng, tức khắc được...”

Cha dừng lại, cúi xuống một lúc rồi ngẩng lên, vẻ mặt ông tỏ ra quyết liệt,

“Anh Hai, em có đời sống riêng của em. Vấn đề là tự em, cảm thấy bằng lòng hay không cái đời sống em đang sống đó. Chúng ta ai cũng có một gia đình, và em đã trên nửa đời người... Chuyện riêng của vợ chồng em, để em lo...”

“À... À... Nếu chú đã nói thế thì tôi... không ý kiến nữa. Tùy chú...”

Chỉ vì cái cha tôi gọi là “đời sống riêng” đó mà hai anh em giận nhau đến gần ba năm.

Mẹ tôi, ngoài hai bàn tay đẹp, nhan sắc bà còn thuộc hàng giai nhân. Công bình mà nói, cha lấy được mẹ một phần lớn cũng nhờ vào vị thế của bác Hai, sự giàu có của chú Tư và tiếng tăm của chú Năm. Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, mẹ là con gái duy nhất, vì vậy được cưng chiều rất mực. Từ nhỏ đến lúc theo chồng, chưa bao giờ mẹ động tay đến bếp núc, giặt giũ, cái ăn, cái mặc... Nhất nhất mọi chuyện đều có người lo. Cha nói đúng, khó mà trách mẹ được. Mẹ sinh ra đã bọc điều, lớn lên trong nhung lụa, cá tính bà được hun đúc uốn nắn để trở thành như thế, và bà như thế. Một con búp bê bày trong tủ kính để xem chơi! Đâu phải lỗi ở bà? Cha đã yêu mẹ, đã nỗ lực tranh đấu để lấy mẹ.

Cha chấp nhận cái hình ảnh “để xem chơi” đó một cách hân hoan.

Nhưng nếu mẹ chỉ dừng lại ở vị thế “đồ vật” này thì mọi chuyện chắc không đến nỗi nào. Buồn thay bà đã đi quá cái giới hạn có thể chấp nhận, trở thành một tác hại đến mọi người liên hệ. Thảm kịch từ đó mà ra... Mối bất hòa giữa cha mẹ ban đầu chỉ thỉnh thoảng, nhưng dần dần trở nên thường xuyên, đến một lúc gần như không ngày nào không xảy ra. Nhất là từ khi cha làm ăn yếu đi, không đủ tiền để rót vào cái túi thùng đáy của mẹ. Khổ một nỗi, càng thấy cha nhịn, mẹ càng lộng hành. Được đằng chân lân đằng đầu. Nhiều lúc nhìn cha khổ sở luống cuống trước những lời chì chiết cay đắng, có khi rất hỗn hào, tôi không thể không giận mẹ. Thường, để tránh tình trạng bê bàng dờ khóc dờ cười đó, cha bảo tôi sang chơi nhà chú, hoặc tự tôi tìm sang.

Vừa thấy tôi bước lên mấy bậc cấp đầu thêm, chú Tư đã vui vẻ,

“Trung đấy à? Ăn cơm chưa?”

“Dạ chưa, con mới học về.”

“Cha làm gì bên?”

“Dạ... dạ...”

Thấy tôi ngập ngừng, vẻ mặt ỉu xiu, lúng túng, chú Tư thở dài,

“Lại có chuyện rồi phải không?”

Tôi cúi đầu không trả lời. Chú rời chiếc ghế mây bước đến gần tôi, vỗ vỗ bàn tay lên vai tôi, nhỏ nhẹ,

“Vào nhà trong ăn cơm với mấy em. Cứ ở đây chơi, tôi hăng về. Để chú qua bên xem sao.”

Chú Tư bước ra cổng. Tôi nhìn theo, bỗng nhiên tôi ứa nước mắt. Tình trạng giữa cha mẹ tôi thật không biết phải giải quyết cách nào. Cha quần quật suốt ngày, mẹ cũng... quần quật suốt ngày, thường khi sáng đêm, nhưng lại quần quật trên chiếu... bạc! Tôi chưa đủ lớn để dám thù ghét mẹ, nhưng thương bà thì chắc không. Chẳng phải vì bà là nguyên nhân làm cho gia cảnh nghèo túng (tôi đâu đã hiểu nỗi điều đó!), mà vì bà quá ít gần gũi tôi. Ngay từ lúc còn nằm ngửa, tôi đã được giao cho người làm chăm sóc. Mẹ luôn vắng nhà, thỉnh thoảng ghé về vài tiếng đồng hồ, liếc mắt nhìn sơ đứa con ruột thịt, rồi lại vội vã ra đi sau khi đã moi được ít tiền. Tôi lớn lên trong vòng tay bảo bọc của cha và người “chị Hai”, làm sao tôi có được niềm thương yêu với mẹ? Tôi cũng chưa đủ lớn để dám xem thường cha, người đàn ông đã mê vợ đến độ mù quáng, nhu nhược. *Trời ơi, chị đẹp quá, nhất là hai bàn tay, coi kìa, tôi chưa thấy ai có hai bàn tay đẹp như chị.* Hoặc, *Nghe nói ở ngoại quốc, mấy cô người mẫu quảng cáo nữ trang bảo hiểm hai bàn tay có khi đến bạc triệu. Với hai bàn tay của chị, nếu được, ra nước ngoài thì phải biết, tha hồ lượm tiền!* Mỗi khi có người trầm trồ như thế, mẹ cười khanh khách thích thú đã đành, cha cũng rạng rỡ không kém. Tôi thấy ông nhìn bà với một tia nhìn, tôi nghĩ, chỉ có ở những tin đồn khi ngược mặt chiêm ngưỡng dung nhan Chúa, Phật!

Chú Tư trở về khi chiều đã sâm sẫm. Tôi và Huân đang đánh cờ ca rô ngoài phòng khách thì chú Tư lặng lẽ bước vào. Qua nét mặt chú, tôi biết tình trạng giữa cha mẹ lần này rất căng thẳng. Ông ngồi xuống salon, đôi chân mày nhíu lại,

chậm chạp ngược mặt nhìn lên bàn thờ, nơi có bài vị chân dung của ông bà nội tôi lồng trong chiếc khung có giá đỡ phủ nhiều điều. Chú Tư không nói một lời nào, rất lâu. Tôi hồi hộp chờ đợi. Linh tính báo cho tôi biết sắp có điều chẳng lành xảy đến cho cuộc đời tôi. Quả thế. Sau một tiếng thờ dài, chú Tư cất tiếng,

“Trung à. Bắt đầu từ ngày mai con qua đây ở với Huân và các em, bằng lòng không?”

Tôi ngạc nhiên,

“Sao vậy chú?”

“Lẽ ra chú không nên nói với con chuyện này, nhưng trước sau gì rồi con cũng biết, thôi thì biết sớm vẫn hơn...”

Chú Tư dừng lại một lúc, nhìn tôi ngập ngừng,

“Cha mẹ con không... ở với nhau nữa.”

Và như sợ không còn đủ can đảm để nói tiếp, chú vội vàng,

“Mẹ con đã bỏ đi...”

Tôi đứng phắt dậy, cầm đầu chạy ra cửa. Sau lưng tiếng chú Tư gọi theo hốt hoảng,

“Trung... Trung...”

Nhưng tôi không dừng lại. Tôi chạy một mạch về đến nhà.

Dưới ánh sáng vàng cạch của ngọn đèn tròn treo lơ lửng trên trần, tôi thấy cha vẫn còn ngồi trên chiếc ghế cũ, bất động như một pho tượng, hai mắt ông mở trừng nhìn trần trời vào bóng đêm bên ngoài. Ông không nghe không thấy gì hết, kể cả đứa con duy nhất của ông đang đứng trước mặt. Tôi hỏi cha,

“Mẹ đâu... Mẹ đâu cha...”

Cha tôi lập lại, như trong cơn đồng nhập,

“Mẹ đâu... Mẹ đâu...”

Bỗng ông vùng đứng lên, hai nắm tay nắm chặt, quai hàm bạnh ra. Ông nghiêng răng,

“Tao sẽ giết... Giết hết...”

Tôi hoảng sợ lùi lại, bật khóc. Tiếng khóc của tôi giúp cha hồi tỉnh. Nét mặt cha dịu lại, ông từ từ bước đến ôm tôi vào lòng. Và ông cũng khóc. Nước mắt nhỏ xuống tóc tôi mái tóc còn xanh mượt nhưng đã bắt đầu nhuốm màu bất hạnh...

Cha không giết ai cả!

Dù ông biết mẹ đã bỏ hai cha con tôi đi theo một tên cờ gian bạc lận. Tên này nổi tiếng khắp tỉnh nhờ cái dáng vẻ bề ngoài bảnh bao và hai bàn tay - cũng hai bàn tay - biển ảo khôn lường khi đụng đến những con bài.

Hắn sinh ra ở đây, nhưng “làm ăn” mãi tận trong Nam. Hắn nói,

“Đất này nghèo xác xơ, làm gì có tay chơi xứng đáng!”

Rồi nhún vai khinh mạn, tiếp,

“Trong Nam đất rộng người đông, tiền rừng bạc bể... Cá lớn phải vẫy vùng ở biển Đông, mới xứng.”

Hắn chấm dứt câu nói bằng cách cung hai tay, mở một vòng rộng trước mặt, ý hắn muốn mô tả cái “biển Đông” đang hiển hiện trong đầu, rồi nâng ly bia đầy vụn uống một hơi cạn sạch.

Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy hắn, tại quán nhậu Huynh Độ. Cái quán nằm ngay trên trục lộ giao thông chính của

tĩnh, cách trường tôi không đầy năm trăm thước. Hôm ấy tôi gặp cả mẹ. Bà ngồi bên cạnh gã cò gian bạc lận, đăm đăm nhìn hẩn ba hoa, tia nhìn không khác bao nhiêu với đôi mắt cha khi nghe người ta tán tụng hai bàn tay mẹ, tia nhìn chỉ có ở những tín đồ ngược lên chiêm ngưỡng dung nhan Chúa, Phật!

Với trí óc non nớt của một đứa nhỏ mười hai tuổi, làm sao tôi có thể hiểu được chỉ vì những tia nhìn như thế, mà bao nhiêu thảm kịch đã xảy ra trên trần gian này. Lớn lên, đọc sách, tôi tìm thấy hàng triệu người bị giết chóc, hàng nghìn thành phố bị san bằng, hàng tỉ kiếp đời bị làm than, cũng chỉ vì những tia nhìn, hoặc nhân danh tín ngưỡng, hoặc, nhân danh tự do, no ấm, công bằng... Những tia nhìn, như cha, cho mẹ. Như mẹ, cho tên cò gian bạc lận. Những tia nhìn cuồng tín!

Người ta không chết vì điều bình thường, người ta chết vì sự cuồng tín, dù sự cuồng tín khởi nguồn từ yêu thương.

Cha không giết ai cả! Bản chất ông yếu mềm, làm sao dám giết ai? Tuy nhiên cũng làm sao ông chịu đựng được mất mát quá đồi to lớn kia? Cha giao tôi lại cho chú Tư nhờ nuôi nấng giùm. Ông nói muốn vào Nam làm ăn, bao giờ yên ổn sẽ về đón tôi. Chú Tư đã quyết liệt can ngăn nhưng cha không nghe. Ông phân trần,

“Anh muốn quên, mà ở đây thì có bao nhiêu điều gợi nhớ... Chú phải để anh đi. Chú yên trí, anh đủ nghị lực vượt qua mà.”

“Anh không vào Nam tìm chị chứ, anh Ba?”

“Không, anh đi làm ăn.”

Chú Tư nhìn thẳng vào mắt cha, lắc đầu,

“Đàn bà, khi đã thay lòng thì không có gì lay chuyển được họ đâu. Anh Ba, nghe em đi. Ở đây anh em có nhau. Anh gắng tỉnh dưỡng một thời gian sẽ nguôi ngoai. Đời còn dài, thiếu gì cơ hội để làm lại.”

“Anh đi làm ăn, thật mà... Anh hiểu chứ, tìm bà ấy làm gì nữa! Ly nước đã đổ, hốt lại được đâu.”

Chú Tư biết có nói thêm cũng vô ích, đành để mặc cha tự quyết định.

Ngay khi đặt chân đến miền Nam, cha lập tức truy tầm tung tích mẹ và gãi cờ gian bạc lận. Nhờ chú Năm nhắm mắt những chồn ăn chơi, cha dễ dàng tìm ra chỗ họ cư ngụ. Ông van lạy mẹ trở về, bao nhiêu lỗi lầm của mẹ ông hứa sẽ xóa sạch hết. Nhưng mẹ, như con thiêu thân say đắm ánh đèn, nào sá gì lời kêu gào của người chồng khốn khổ. Bà tàn nhẫn đuổi ông ra khỏi nhà. Cha năm lần mười lượt tới lui, mẹ chẳng mảy may động tâm. Tuyệt vọng, cha điên cuồng tìm đến bọn đâm thuê chém mướn nhờ chúng loại giùm tình địch, số tiền tương đối khá lớn chú Tư đưa cho cha để làm lộ phí và vốn làm ăn, cha đã vét hết giao cho chúng. Nhưng thay vì tìm giết tên bất lương, chúng quay ra giết cha để diệt khẩu, cướp số tiền oan nghiệt!

Đó là nội dung lá thư chú Năm gửi về gia đình sau một tháng cha bỏ quê vào Nam.

Cha không giết ai cả!

Ngược lại, cha chết vì tia nhìn sùng bái của ông dành cho mẹ.

Cha chết tôi không nhìn thấy mặt.

Tôi theo chú Tư vào Nam để cùng phụ với chú Năm lo việc tang ma. Đường xá xa xôi, chú Tư lại quá bẽ bộn công việc làm ăn, nên khi hai chú cháu vào đến nơi thì xác cha đã thối rữa, người ta vừa mang chôn trước đó một ngày. Chú Tư an ủi tôi,

“Tạm thời thôi. Vài năm nữa chú sẽ đưa hài cốt cha cháu về quê.”

Tôi nhớ đến lời bác Hai: “Rồi sẽ có ngày chú ân hận...” Không, cha tôi chẳng còn có mặt trên cõi đời này để mà ân hận. Đối với mọi người còn sống thì cha đã trả một giá quá đắt cho mỗi đam mê mù quáng của mình, nhưng với ông, trước khi nhắm mắt vĩnh viễn, biết đâu đã rất vừa lòng? Lưỡi thép bén xuyên ngọt qua trái tim, chấm dứt những nhịp đập quằn quại, sẽ tốt hơn hay kéo dài mãi những nhịp đập đó suốt đời? Chỉ có cha tôi mới trả lời được câu hỏi này. Còn tôi, tôi sẽ thế nào đây sao thảm kịch? Ngồi trên máy bay trong chuyến trở về, nhìn ra lớp lớp mây trắng chập chùng bên ngoài khung kính, lần đầu tiên tôi cảm nhận một cách thật rõ cái lẽ vô thường của số phận con người!

Nỗi đau tuy lớn nhưng rồi cũng nhạt dần. Tôi trưởng thành trong sự đùm bọc của chú Tư. Mẹ, thỉnh thoảng lắm mới gọi cho tôi ít chữ, kèm theo vài nghìn đồng “để con tiêu vặt”. Tình nghĩa mẹ con cũng mong manh như những đồng bạc mẹ được trong chiếu bài. Tôi không biết mẹ còn giữ được bao lâu, và bao lâu nó sẽ qua tay người khác!

Biến cố tháng tư bảy lăm trả lời giùm tôi câu hỏi đó. Mẹ, có lẽ đã theo gã bắt lương đào thoát ra khỏi nước. Tôi không nhận được chút tin tức nào của bà kể từ ngày ấy. Trong nhiều

lá thư chú Năm gửi về cũng nói chẳng còn gặp mẹ tại các nơi ăn chơi quen thuộc. Như vậy, tôi lại thực sự mất thêm một người thân. Thôi thế cũng đành. Tình cảm tôi dành cho mẹ vốn quá nhẹ nên cũng không thấy buồn bã bao nhiêu.

Bốn năm sau tôi theo gia đình chú Tư xuống tàu vượt biển.

Tài sản của chú bị thất tán chẳng còn bao nhiêu nên không thể bảo bọc cho cả dòng họ, vì vậy trong chuyến đi này chỉ có thêm một mình bác Hai. Khi chia tay bác đã hứa với gia đình - một cách rất lạc quan - rằng bác sẽ trở về trong một tương lai không xa, mọi người hãy cố gắng đùm bọc nâng đỡ nhau vượt qua nghịch cảnh, và chờ đợi.

Thuở đó bác nghe người ta đồn nước Mỹ sẽ dành cho bác, những người như bác, nhiều đặc quyền từ vật chất lẫn tinh thần. Đồng thời những chiến hữu xưa kia của bác, ở hải ngoại, đang hăng say hoạt động để chuẩn bị cho một ngày về... Bác nghe và tin điều đó, bác không muốn mình trở thành một kẻ đứng bên lề, bác mong được tham dự, tiếp tay. Dù tật nguyên, nhưng với kinh nghiệm và khả năng chỉ huy, bác nghĩ mình sẽ giúp ích rất nhiều cho đại cuộc. Niềm tin của bác, về nước Mỹ, về quân đội, về lý tưởng... buồn thay, cũng không khác gì hơn những sợi tóc trên đầu bác, mỗi ngày mỗi bạc trắng để rồi rụng dần, rụng dần. Và chắc hẳn ở quê nhà, vợ con bác chẳng thể nuôi mãi một niềm hy vọng càng lúc càng trở nên mơ hồ, khác chi tấm bạt nhà binh bác gái căng chỗ sàn nước để che mưa che nắng ngày nào, đã theo tháng năm dần dần rệu rã. Bây giờ, mỗi lần nhìn bác ngồi co ro trong góc nhà, chiếc áo lạnh to sụ phủ kín từ cổ đến gót chân,

tôi tự hỏi, phía sau vàng trán chẳng chịt nếp nhăn kia, điều gì đang lênh bênh trong đó? Tuổi già, bóng xế, vợ con nghìn trùng chia biệt, liệu bác sẽ còn chịu đựng thêm được bao năm nổi cô đơn mỗi ngày mỗi đùn cao như mối. Tôi lại thấy ruột gan mình quặn thắt. Hình ảnh người đàn ông cụt chân ngồi lặng sau tủ thuốc lá bên vệ đường với hình ảnh ông già co ro giữa căn phòng vắng lạnh, trên một xứ sở xa lạ chẳng phải quê hương. Hình ảnh nào đáng thương hơn?

Chỉ trong vòng mười mấy năm, tôi đã chứng kiến bao nhiêu đổi thay. Những người đại biểu cho một thế hệ dần dần tàn lụi, tan rã. Cha chết, bác Hai như một phế tích buồn thảm. Chú Năm sau biến cố tháng tư trở thành kẻ bỏ đi. Chú tướng với tài năng của mình, chắc chắn chú sẽ được trọng dụng. Chú lắm. Mỗi chế độ, mỗi khuynh hướng chính trị, mỗi thời điểm đã có sẵn cho nó những đường hướng văn nghệ riêng, những nghệ sĩ riêng. Tài năng! Ở đâu, lúc nào mà chả có. Loại nghệ sĩ thường thường như chú thực sự chẳng hữu dụng gì hết, nếu không muốn nói nó sẽ làm tắt nghẽn dòng chảy của lịch sử. Chú Năm không chịu hiểu điều đó, hay hiểu, nhưng cố bám lấy cái ảo tưởng về tài ba của mình, về một thời vang bóng. Vì vậy chú bị đẩy sang bên lề, trở thành kẻ bất mãn, căm thù. Với tâm trạng đó, chỉ còn hai con đường cho chú chọn: Hoặc phản kháng để bị nghiền nát, hoặc trầm luân trong truy lạc để trở thành một cọng rác nhỏ nhoi trong đống rác lớn lịch sử. Do bản chất yếu mềm, chú Năm chọn con đường thứ hai. Bây giờ, nghe đâu chú đã trở thành một tay nghiện nặng. Bao nhiêu tiền chú Tư gửi về đều bị cậu em mang đốt sạch vào ngọn lửa phù dung. Chú tìm thấy dư ảnh

nào trong lớp khói đục của ma túy? Chú đang đẩy định mệnh mình đến cỏi bờ nào giữa một bối cảnh quá đỗi lầm than? Tôi nghĩ, một cách nào đó, chú Năm đang chết. Buồn thay, cái chết của chú làm ô nhiễm môi trường sống, làm phương hại dài lâu cho nhiều người khác.

Hình như trong bốn anh em của cha, chỉ có chú Tư là người may mắn nhất. Xét cho cùng, chú may mắn cũng không phải điều vô lý. Đời sống chú phẳng lặng, chừng mực, vừa phải. Chú không có cái đam mê lớn của cha. Chú không thích cái buông tuồng phóng đảng của chú Năm, chú cũng không hợp với cái cực đoan quyết liệt của bác Hai. Nói chung, chú Tư là một đại biểu rõ nét nhất cho đám đông được gọi là quần chúng. Cái đám đông làm nên xã hội, cái đám đông trầm lặng nhưng có khả năng chi phối hướng đi của lịch sử. Cái đám đông đó, như lưu đạo của một dòng sông, chảy bình thản ra biển, cuốn phăng theo trên bề mặt những rác rến cặn bã. Có thể nhiều người đang lên án, nguyên rủa thái độ thỏa hiệp của chú Tư đối với đời sống. Nhưng cái đích cuối cùng của chú Tư, cũng như cái đích cuối cùng của một dân tộc, là sự tồn tại, sống còn để vươn tới thì hầu như những người đó đã quên mất. Rồi cuộc họ sẽ thế nào? Như cha? Như chú Năm? Như bác Hai? Hay thâm thương hơn, như mẹ?

Như mẹ?

Tôi sẽ không sòng phẳng với lòng mình nếu chưa đi đến tận cùng tấm thảm kịch của gia đình. Dù tôi biết, như thế, người đàn bà có đôi bàn tay đẹp là mẹ tôi, bây giờ đang ở một nơi nào đó bên ngoài thế gian này, sẽ rất buồn khi thấy tôi đem thân thể bà rêu rao cho mọi người cùng biết.

Cách đây không lâu, tình cờ tôi đọc thấy mẫu tin ngắn ở trang trong một tờ nhật báo. Bản tin viết,

Chúng tôi có lần đưa tin một người đàn bà Á châu bị bắt tại tiệm kim hoàn H... Vì bà ta đã dùng hột xoàn giả đánh tráo hột xoàn thật. Qua điều tra của cảnh sát, được biết người đàn bà này không phải lần đầu phạm tội. Nhiều tiệm kim hoàn khắp tiểu bang từng “được” bà ta “thăm viếng”. Các chủ tiệm họp nhau theo dõi và báo cảnh sát gài bắt quả tang.

Tối hôm qua (Ngày... Tháng... Năm...), tại khám đường... Người đàn bà đã cắt gân máu tự tử. Khi giám thị phát hiện thì bà ta đã chết.

Cảnh sát đã tiết lộ danh tính cùng nhiều chi tiết liên quan đến lý lịch khá mờ mờ của người đàn bà. Họ tên: Trần thị Bạch Vân. Tuổi: 52. Không thân nhân và nghề nghiệp nhất định. Thường xuất hiện trong các sòng bạc ở Las Vegas. Đến Mỹ sau tháng tư năm 1975...

Trong giấy khai sinh của tôi, chỗ tên mẹ, cũng ghi: Trần thị Bạch Vân. 52 tuổi.

Tôi nhờ luật sư đến khám đường làm thủ tục nhận xác mẹ về chôn.

Gần hai mươi năm kể từ ngày mẹ bỏ đi, không ngờ tôi lại gặp bà trong hoàn cảnh như thế. Tôi không buồn lắm. Tình cảm tôi dành cho bà, như đã nói, quá đổi mờ nhạt. Nhưng ấn tượng về hai bàn tay của bà, hai bàn tay cho đến khi chết, dù tuổi tác đã trên năm mươi, còn đẹp một cách nào lòng, vẫn khiến tôi lờm lợm mỗi lần hồi tưởng!

Phần tôi... Chín năm trên đất Mỹ đã biến đứa bé mười

hai tuổi ngày nào trở thành một kỹ sư. Trong vị thế của một thanh niên trẻ tuổi, độc thân, có học, có đời sống vật chất tương đối ổn cố, dĩ nhiên không khó khăn lắm nếu tôi muốn tìm cho mình một người vợ. Nhưng thảm kịch gia đình, ấn tượng mẹ gieo trong đầu tôi về lòng dạ của đàn bà, đã khiến tôi trở nên một người khó tính, có khuynh hướng thích cô đơn. Ngoài thời giờ ở sở, thú vui duy nhất của tôi là đọc sách. Rất ít khi tôi bước ra khỏi nhà. Tôi sống xa lạ với mọi người, và ngay cả với chính bản thân.

Nhưng tôi biết, cuối cùng rồi mọi chuyện sẽ dần lắng xuống. Tôi cũng sẽ thích nghi với cuộc đời, sẽ lấy vợ sinh con, sẽ là một người cha người chồng gương mẫu (hay hư hỏng! Làm sao biết được). Và vài mươi năm nữa, các con tôi lớn lên, có lẽ chúng sẽ nói với nhau, về tôi, về chúng ta, như tôi đã nói về thế hệ cha chú của mình: Thêm một trang sách cũ đã lật qua. Tôi mong rằng chúng sẽ nói lời ấy với một thái độ坦然 nhiên, thân ái. Chứ đừng như tôi, cũng vừa nói xong lời ấy, nhưng trong lòng không thể không cảm thấy dâng lên một cảm giác đắng cay, lờm lợm.

CŨNG CHẲNG CÓ GÌ QUAN TRỌNG

Nàng dậy vào lúc mười giờ. Đêm qua nàng thức khuya, sáng nay ngủ bù nhưng vẫn cảm thấy chưa đầy giấc. Dù biết không ngủ lại được nàng vẫn lười rời khỏi giường. Nàng chòi người qua chiếc bàn ngủ cầm cái remote control, bật TV. Hình ảnh xanh xanh đỏ đỏ nhảy liên tiếp trên màn ảnh. Tất cả các đài hình như có hợp đồng ngầm, khi quảng cáo, quảng cáo đồng loạt. Nàng shit nhỏ tắt máy, vùng dậy đi vào phòng tắm. Nàng mở nước, điều chỉnh độ ấm thích hợp. Trong khi chờ đợi nước đầy bồn, nàng đánh răng cào lưỡi chậm rãi, không quên súc miệng lại bằng Listermint, “Hơi thở em thơm cay nồng nàn.” Chàng thường nói mỗi lần hôn nàng. Chàng có lối hôn tuyệt diệu, đánh thức mọi sợi thần kinh cảm giác, lối hôn khiến dựng đứng hết chân tóc, và khiến tứ chi rũ liệt. Đối với nàng, làm vừa lòng xác thịt cũng

quan trọng không kém những nhu cầu khác. Nghĩa là kinh nghiệm của nàng trong lãnh vực này rõ ràng hết sức phong phú, thường xuyên. Chàng đã đáp ứng được cái tiêu chuẩn cao của nàng, hẳn nhiên võ công chàng đã đến mức thượng thừa.

Nàng khóa vòi khi nước sắp đầy bồn, và bước vào, ngả người nằm dài thoải mái. Nước ấm phủ ngập, nước mơn man trên lớp da thịt trắng muốt, nước, vòn quanh đôi gò vú cứng, nước len lỏi trong từng ngõ ngách, nước thấm vào mạch máu khiến nàng dần dần tỉnh táo. Nàng có thói quen tắm hơi lâu, có khi còn mang theo tiểu thuyết hay sách báo để đọc, có khi lơ mơ ngủ quên cho đến lúc nước bắt đầu nguội, thấm lạnh. Thường thường, nàng nằm duỗi dài thoải mái và suy nghĩ đủ mọi chuyện, chuyện nọ xọ chuyện kia, chuyện nắng mưa lâm cẩm; chuyện áo quần son phấn; chuyện chủ nhật vừa qua đi với chàng đến những đâu, làm những gì, chuyện con B. không chịu “kế hoạch” cứ phá thai mãi đến xanh xao vàng vọt, con D. mười mấy năm gặp lại trông vẫn trẻ như ngày nào; con H. có thằng chồng không xứng đôi, lụ khụ như ông cụ sáu mươi; chuyện cô ca sĩ kiêm tài tử Cher vừa xuất hiện trên muvi với bộ quần áo ít vải nhiều thịt làm nhức nhối con mắt các đấng mày râu; chuyện chàng sinh viên nghênh ngang chặn đầu xe tăng trên quảng trường Thiên An Môn; chuyện du lịch Hồng Kông tốn kém gấp nhiều lần ở Thái lan; chuyện du đảng vừa bắn chết một người đàn ông ở nhà hàng Phú Khánh... Cái thú nằm trong bồn suy nghĩ lan man nàng chỉ có được mỗi tuần hai lần, những ngày khác trong tuần nàng phải dậy sớm đến sở. Công việc nàng đang làm tương

đổi nhẹ nhàng. Nghe và trả lời điện thoại, sắp xếp hồ sơ, tiếp khách. Nàng làm *phụ tá pháp lý* cho một văn phòng luật sư. Ngoài tiền lương, hàng tháng còn được chia huê hồng. Thành phố đang phát triển, lưu lượng xe cộ mỗi ngày mỗi đông tai nạn dĩ nhiên cũng tăng theo tỉ lệ thuận. Nói một cách khác, cái job của nàng khá vững chắc, thu nhập khả quan.

Nàng trở lại phòng ngủ, vừa ngồi xuống bàn phấn thì điện thoại reo. Chàng hỏi nàng đã dậy chưa? Hỏi lảng xẹt, không dậy làm sao nghe điện thoại? Nàng nói với chàng ý nghĩ đó, chàng cười hẹn sẽ đến đón nàng trong vòng nửa giờ nữa cùng đi ăn sáng, nàng nói nửa giờ hơi lâu,

“Em đang đói run người, làm ơn tới sớm sớm một chút có được không?”

Chàng trả lời sẽ cố gắng, freeway giờ này chắc kẹt xe, chủ nhật thiên hạ kéo nhau ra biển, mùa hè mà, có thể chàng sẽ đi đường trong nếu không lên xa lộ được. Nàng nói cách nào kệ anh, chỉ cần càng sớm càng tốt. Chàng hôn nàng trên ống nói rồi nhanh nhẹn cúp máy. Nàng trang điểm vội vàng, thay quần áo, bật TV ngồi chờ.

Chàng đến, sớm hơn chừng mười phút,

“May quá, không đến nỗi kẹt xe như anh tưởng.”

Chàng vừa nói vừa ôm nàng hôn. Nàng thích lắm. Vừa tắm xong, thân thể sạch sẽ, tâm hồn phơi phới. Bây giờ mà làm tình với chàng thì tuyệt! Nhưng, “Thôi anh, chúng ta đi ăn cái gì đã, em đói quá.”

Chàng OK, đưa nàng ra xe, xuống phố.

Nàng đòi ăn mì La Kay. Chàng nói sao không ăn bún bò Huế. Nàng lắc đầu,

“Bún bò cay thấy mờ, em chịu thôi.”

“Ừ, không bún bò thì mì, tùy em. Golden West hay Westminster?” Chàng hỏi.

“Chỗ nào cũng được. Westminster đi, cho tiện đường.”

Chàng đưa nàng đến tiệm mì. Chàng không thấy đói, ngồi uống cà phê nhìn nàng ăn. Khi chàng hút hết điều thuốc thứ ba thì nàng ăn xong.

“Bây giờ mình đi đâu?” Chàng hỏi.

“Ra biển không?” Nàng đề nghị.

“Đi tắm phải chuẩn bị khăn tắm chứ, để anh đưa em về nhà lấy đồ tắm.”

“Thôi thôi, đi lòng vòng thôi mà, đi lòng vòng nhìn thiên hạ.”

Thuở nhỏ, cũng chẳng nhỏ gì lắm, Th. thường rủ nàng ra biển, Th. đưa nàng vào sâu trong rừng dương, cái rừng dương ngút ngàn chạy dọc ven bờ. Cũng như nàng, Th. rất vụng về, dù cả hai đều muốn biết, đều thèm khát cảm giác nồng cháy của một cái hôn, nhưng đã bao nhiêu lần, cứ loay hoay mãi chuyện trời trăng chẳng ra đâu vào đâu, “Thầy dạy Việt văn của em trông kỳ kỳ.” “Kỳ là thế nào?” “Mặt ông ấy đầy mụn, lởm chồm như com cháy.” “Ông có xúc kem Thorakao cẩn thận đó.” “Sao em biết?” “Mấy lần em với tụi bạn đến chơi thấy có hũ kem trên bàn.” “Sao không hết mụn?” “Em đâu biết.” “Nói ông thoa lòng trắng trứng gà đi, lòng trắng trứng gà mịn da trắng thịt.” “Anh con trai sao rành dữ vậy?” “Chị Hai anh đêm nào cũng thoa.”... Hết chuyện thầy với trò, chuyển sang mục chữ nghĩa, “Em thích thơ Hàn Mặc Tử không?” “Không, em chẳng thích thơ văn đâu, đông

dài chán lắm.” “VẬY em thích cái gì?” Ciné, em thích coi ciné, em thích đào B.B., em thích Alain Delon.” Em phải tập làm quen với văn chương, đọc sách nhiều tâm hồn sẽ phong phú.” “Phong phú để làm gì? Con gái lãng mạn sẽ khổ suốt đời. Mẹ em nói thế.” *Mẹ em nói thế* thì cũng đành chào thua. Bèn nhảy sang màn ẩm thực, “Đối diện trường anh vừa mới mở một quán thịt chó, tấm bảng bên ngoài có vẽ một con cây cầm cò trông tếu lắm, buổi trưa học về, đói bụng ngửi mùi thơm, bọn anh đưa nào nước bọt cũng ứa đầy mồm.” “Thịt chó! Á à, ghê thấy mồ, em chẳng thích đâu.” “Chó nấu nhừ mặn, tuyệt!” “Chó là con vật có nghĩa, ăn thịt chó tội chết.” “Chả chìa chó số một.” “Bà Thanh Đề cho thầy chùa ăn thịt chó chết xuống âm phủ bị bỏ vạc dầu, bị ngồi bàn chông.” “Thịt chó cũng như thịt bò thịt heo thịt trâu thịt ngựa, có khác gì đâu?” Chó bó giò thủ, thêm tí lá mơ, thêm lát riềng, ăn xong thịt mắc chân răng ba ngày xỉa ra còm thơm.” “Mất vệ sinh, tàn nhẫn vô nhân đạo. Thôi đừng nói nữa, em không thích đâu.” *Em không thích đâu.* Anh cũng đâu có thích! Nhưng chẳng lẽ ngồi dựa mặt nhìn nhau coi sao đặng? Cái cả hai cùng thích, cùng thèm quắt quay là một nụ hôn thì Th. chả dám làm. Và buổi chiều, những buổi chiều, qua đi một cách oan uổng. Cam đảm lắm, cũng chỉ tiến đến chỗ cầm khế bàn tay nhau. *Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay. Tóc em, anh sẽ gọi là mây...* Chán chưa? Lắm cảm tuổi ngọc tuổi vàng ô mai xí muội! Cuộc đời đâu có thơ mộng thần tiên dữ vậy cà? Kịp cho đến khi cả hai bắt đầu trưởng thành thì bố nàng đổi vào Nam. Mỗi tình đầu chết tức tưởi. Vài ba lá thư trao đổi than mây khóc gió. Rồi thưa dần, rồi nhạt hẳn. Nghe đâu Th. đi

lính, nghe đâu chàng tuổi trẻ đèn nợ núi sông... Người ta nói những mối tình đầu thường để lại dấu ấn sâu đậm, nhưng qua kinh nghiệm bản thân, nàng chẳng thấy có sẹo ngang sẹo dọc nào hằn trong tim! Có phải vì nàng chưa thực sự yêu, hay tại tâm tính nàng vốn thế, chẳng bao giờ yêu ai nồng nàn?

Quả vậy, chưa bao giờ nàng sống chết vì ai. Chàng là mối tình thứ bao nhiêu của nàng? Kể cũng khó nhớ đủ. Nàng yêu chàng chứ (Có yêu không nhỉ?), lưng bừa nửa tháng không gặp nhau, nàng nhớ chàng cũng thấm thiết lắm, gặp nhau sau đó nàng vồ chàng như hổ đói vồ mồi, bắt chàng đưa đi đây đưa đi đó, bắt chàng làm cái nọ làm cái kia... Nhưng nàng lại mau chán, chỉ vài giờ, nhiều lắm một ngày, khi thể xác và tâm hồn đã no đủ, nàng lại đuổi chàng về, nàng lại muốn sống một mình.

“Không nên ở cạnh nhau lâu, nhàm đi. Em sợ nhất khi người ta chán nhau mà vẫn phải nhìn thấy nhau, vẫn cứ phải sống với nhau. Tốt nhất chúng ta nên in ít gặp nhau, anh thấy đúng không?”

Đúng không? Chàng chẳng biết, nàng đã muốn thế càng tốt, chàng khỏi rơi vào tình trạng khó xử. Chàng thích nàng ở chỗ độc lập trong cách sống. Chưa bao giờ chàng nghe nàng hỏi chàng làm gì, vợ con, gia đình, nhà cửa, quan hệ với người này người nọ ra sao? Nàng hoàn toàn tôn trọng đời tư của chàng.

“Sao em không hỏi anh đã có vợ chưa nhỉ?”

“Hỏi làm gì? Ngộ nhờ anh đã có vợ rồi thì sao?”

Đúng, ngộ nhờ chàng đã có vợ rồi thì sao? Vợ chàng tuy hiền đây, nhưng biết đâu bụng dạ đàn bà! “*Mày cướp chồng*

bà, mày cho chồng bà uống máu què nên nó mới u mê chạy theo mày, bỏ vợ bỏ con... Tao thuê du đấng nó rạch nát cái bản mặt mày ra cho đáng đời quân trốn chúa lộn chồng." Nếu lâm vào cảnh đó nàng sẽ xử trí thế nào? Chẳng chẳng biết. Tốt nhất không nên biết.

Riêng nàng, nàng có biết không? Nàng biết chứ. Bolsa nhỏ như miệng chén, có chuyện gì mà không biết. Nhưng đã sao. Chẳng sao cả. Nàng không đòi hỏi chàng bỏ vợ cưới nàng. Nàng không đòi hỏi chàng hàng tháng cắt xén lương tiền chu cấp thuê bao. Nàng có công ăn việc làm hẳn hoi. Nàng thừa sức nuôi thân. Chàng đề nghị lấy nàng? Chưa chắc nàng đã bằng lòng. Yêu nhau, được. Nhưng lấy nhau, còn xét lại. Không có gì chán bằng phải làm chủ nhau, nàng làm chủ nàng còn chưa được, có chi đi làm chủ thêm một người đàn ông? Chàng đã ngoại tình với nàng, ai cấm chàng ngoại tình với một người đàn bà nào đó, khi đã là chồng?

Biển xám đục, nước biển không trong xanh như nàng thường thấy ở quê nhà, thuở còn nhỏ (Cũng chẳng nhỏ gì lắm). Nàng mười lăm, Th. mười bảy. Mười bảy bẻ gãy sừng trâu. Nhưng Th. yếu xiu như bún. Thân thể còm nhom, mặt mày ngờ nghệch, một cái hôn dù thềm dờ dẫm vẫn không dám. Con gái khôn hơn con trai, con gái trưởng thành sớm hơn con trai. Chẳng lẽ nàng chủ động, *Hôn em đi*. Hôn em đi, nàng muốn nói với Th. như thế lắm, nhưng dù sao nàng vẫn là con gái, nàng không thể nói như thế. Nhìn cái vẽ bút rút của Th., nàng vừa thương hại vừa bực mình. Hôn em đi, nàng muốn nói hết sức. Hôn em đi, nàng thềm được hôn. Hôn nhau nó ra làm sao nhỉ? Như trong ciné, môi đề lên

môi, mắt nhắm rịt, mặt đờ đẫn. Hôn nhau nó ra làm sao...? Rốt cuộc, chẳng có sự cố gì ghê gớm xảy ra! Lại thơ thần trong rừng dương, lại hết ông thầy Việt văn qua ông thầy Sử Địa, lại hết thơ Hàn Mặc Tử đến thơ Xuân Diệu, lại hết thịt chó chả chìa nhựa mận giò thủ mỡ chài xáo măng qua thịt bò bầy món cá lóc nướng trui... Lại những buổi chiều qua đi lãng xẹt, lại run run cầm tay, “Thôi, em về nhà.” “Dạ, em về.” “Ngày mai, chỗ này, ba giờ nhà.” “Dạ ba giờ.” Ngày mai. Phải tìm cách nào mở đường cho Th. tiến tới. Phải nói *Hôn em đi*. Nói không? Nên nói không? Có đời nào con gái dám nói với con trai như thế.... Ngày mai, ngày mai... Đã bao nhiêu cái ngày mai? Vẫn nguyên trạng! Nàng hơi chán. Nàng đã có ý định tìm một đối tượng mới. Ý định chưa kịp thực hiện thì nàng phải theo bố vào Nam. Có lẽ vì vậy mỗi tình đầu chẳng để lại một dấu ấn nào như người ta thường nói chăng? Nhưng mỗi tình thứ hai, mê toi cụp lác lắm, sao vẫn chẳng làm nàng bồi hồi mỗi khi nhớ lại. L. lớn hơn nàng tám tuổi. Nàng mười bảy, chàng đã hai mươi lăm. Chàng nổi tiếng ăn chơi. Chàng tán nàng vũ bão đúng như bọn bạn bè thường đồn đãi. *Gặp thằng này nên tránh xa, yếu bóng vía là đi đứt!* Đi đứt, đã sao, nàng nghĩ thầm. Chàng đẹp trai như Alain Delon, chàng có lối kẹp điều thuốc, quẹt điều thuốc ngang mũi trước khi đốt y chang Alain Delon. Đáng đi chàng oai phong lẫm liệt, hai tay khuỳnh khuỳnh, chân hơi chữ bát, chỉ thiếu đôi súng bá vàng, chàng nào kém Gary Cooper. Đi đứt, đã sao? Đi đứt với một người như chàng, xứng đáng lắm chứ. Ở bên Tây bên Mỹ đàn bà con gái mỗi khi thấy thần tượng là *alát-xô* nhảy vào xé tí quần, xé tí áo, vật tí râu,

bút tí tóc về làm kỷ niệm, được thần tượng cho ngủ với một đêm, ngày mai đăng báo khoe vung tán tàn cho cả nhân loại cùng biết. Đã sao? Chỉ hai tiếng đồng hồ sau khi từ party ra, nàng đã theo chàng về căn phòng độc thân trong cái building ở đường Tự Do. Và chỉ vài giờ sau nàng đã nghiễm nhiên biến thành đàn bà. Lần đầu mắt trinh người ta khổ sở lắm, lo sợ nữa. Nhưng nàng chẳng thấy gì cả. Hơi đau, rát, cảm giác hoàn toàn có tính cách vật lý, thế thôi. Chẳng có điều gì vương trong lòng. Lần đầu, rồi lần sau, lần sau nữa... Căn phòng độc thân trên lầu bốn, thang lầu ngập rác, tối tăm, khai nồng mùi nước tiểu. Chàng nói bọn đàn ông nhậu khuya về thường bạ đâu đái đó, ở bất cứ ngõ ngách nào có thể được. Chiếc giường thước tư phủ ra trắng, không trắng lắm, đã ngả sang màu cháo lòng, thỉnh thoảng nàng nhìn thấy vài vết ố, có thể do bia rượu (chàng vừa nằm vừa uống sau khi xong chuyện), cũng có thể do tinh khí nhiều ra. Trên chiếc giường này đâu phải chỉ một mình nàng nằm. Chàng như con dê đực đang thời sung sức, đã bao nhiêu người nằm ở đây? Đã bao nhiêu người làm với chàng cái công việc nàng đã làm? Làm sao biết được, cũng chẳng nên biết.

Lần đầu, hơi đau, rát. Lần sau. Lần sau nữa... Khoảng cách thời gian nàng đến căn phòng chàng mỗi ngày mỗi rút ngắn, tỉ lệ thuận với cái đau, rát dần dần giảm bớt. Cho đến lúc nàng khám phá ra khoái lạc thực sự của xác thịt, nàng trở nên quen, ghiền.

Với L. một thời gian, chả còn nhớ ai bỏ ai, rồi K., rồi H., rồi F., rồi E... Tất cả bọn đàn ông đi qua đời nàng, nhiều người đáng nhớ, nhiều điều khó quên, nhưng nhất định chẳng

phải là dấu ấn ghê gớm gì cả. Lâu lâu nhắm lại, tính sổ, cũng có một đôi người khi xa họ nàng có buồn chút chút vài ngày, vài tuần, neho neho trong tim, rồi nhạt nhòa chẳng để lại vết tích đáng kể. Số còn lại nàng chủ động, “*Mình không hợp nhau, thôi chia tay nhé*”, không trả lời điện thoại, đổi số điện thoại, gặp nhau ngoài đường ngó qua chỗ khác, chơi cái tình lờ... Cũng xong.

Chàng đưa nàng đến một mỏm đá nhô ra từ eo biển. Đứng trên cao nhìn xuống, bãi biển rộng, chói nắng. Những đợt sóng nhỏ cuốn vào bờ lăn tăn. Trên bãi đông nghịt người. Những thân thể đàn ông lực lưỡng thon đẹp, mập ú ị ạch, gầy nhom như tre miếu. Những thân thể đàn bà đồ au hà tiện vải. Hai người ở quá xa chân sóng nên không nghe được tiếng sóng, chỉ thoang thoảng giọng cười của hai đứa bé đang đuổi nhau trên bãi. Nắng lớn và gió phàn phật đưa hơi mặn phủ ngập không khí. Chàng quàng tay qua vai nàng, tóc nàng quăn quanh cổ chàng,

“Tóc em thơm.” Chàng nói.

“Em mới gội đầu.” Nàng nói.

“Tóc em mềm.” Chàng nói.

“Đàn bà tóc thường mềm.” Nàng nói.

Chàng kéo đầu nàng vào sát ngực,

“Đàn bà tóc mềm lãng mạn.”

“Sai rồi, em không lãng mạn, em thực tế.”

“Thực tế sao yêu anh?” Chàng hỏi.

“Chẳng trăng sao gì hết. Có người thích bún ốc, có người thích bánh tôm Cổ Ngư. Em thích anh. Hôn em đi.”

Nàng nói.

Chàng hôn nàng, lưỡi chàng ngo ngoáy. Nàng rướn người lên ôm cứng chàng. Nàng thấy rạo rực quá. Nàng thêm ngủ với chàng, ngay tức khắc. Nàng cười nhỏ,

“Anh làm em khó chịu quá.”

“Mình về nhé?”

“Vâng, mình về đi.”

Chàng dìu nàng trở lại chỗ đậu xe. Mở cửa cho nàng. De lui quay đầu xe. Chiếc xe rời parking nhập xuống lòng đường. Dễ chừng đến mười lăm phút cả hai không nói với nhau lời nào. Chẳng có gì để nói. Chàng nghĩ đến thằng con trai lẽ ra phải đưa đi bác sĩ. Thằng nhỏ đau răng, suốt đêm không ngủ ôm má rên hừ hự. Sáng nay chàng dối vợ có công chuyện làm ăn gấp cần phải đi, *Em chịu khó đưa con đi bác sĩ hộ anh*. Chẳng biết vợ chàng đã đưa đi chưa? Nàng thì mãi nghĩ đến căn phòng của mình và cuộc làm tình lạt lẽo với chàng. Chàng dạn dày kinh nghiệm, chàng no căng sinh lực, chàng hội đủ mọi điều kiện tốt của một mẫu đàn ông lý tưởng về mặt sinh lý. Đôi lúc nàng có nghĩ hay là nên đề nghị chàng bỏ vợ lấy nàng. Kể ra cũng tốt thôi. Nhưng liệu sẽ sống với nhau được bao lâu? Nàng đâu phải típ đàn bà chân chỉ chính chuyên? Hầu hạ cơm bưng nước rót, xin lỗi, không có em! Rồi con cái nữa chứ. Nàng không thích trẻ con, cũng thích đấy, kiêu thích của nàng giống như bọn con gái thích búp bê, thấy dễ thương trắng trẻo mũm mĩm ôm hôn vài cái, nựng nịu chút đỉnh. Chút đỉnh thôi, đừng có ỉa đái bày hây, đừng có ọ ẹ khóc lóc, đừng có lời sách vở giằng nót xé ném vung vãi, đừng có tô xanh tô đỏ lên tường, đừng có rạch ngang rạch dọc nệm giường sofa bàn ghế, đừng có

nước mắt nước mũi tèm lem, “Mẹ, chị Ly đòi đục con phù mủ. Mẹ, thằng Tú lấy tập của con kê đít ngồi. Mẹ, chị Ly nói tục phát du con. Mẹ, nó nói lái, nó chửi con tú bịt...” “Xin lỗi, chịu sao thấu. Xin lỗi, không có em.

Không có em làm sao có chồng có con? Thôi thà ở giá cho nó khỏe tâm thân. Mình đâu có già, còn lâu lắm mới già, chờ đại đợt chui đầu vào tròng. Đành rằng sống với nhau không hợp thì chia tay, dễ thôi. “Tôi với anh chẳng còn tình mà cũng không có nghĩa, sống với nhau ngày nào làm khổ thêm nhau ngày đó. Giấy đây, anh ký đi. Chúng ta chia tay. Anh đường anh tôi đường tôi...” “Nhưng chi cho rắc rối vậy? Cũng mang tiếng một chồng hai chồng ba chồng... Ở vậy, tự do muốn làm gì thì làm, muốn đi với ai, muốn ngủ với ai, muốn thơ mộng tiểu thuyết trữ tình hay phàm phu xác thịt, được tất. Rồi sẽ có ngày mình lấy chồng. Lấy chứ, không thì già cả lụ khụ ai nuôi? Ai an ủi hủ hỉ? Ai đẩy xe lăn? Ai thay giùm cái quần cái áo? Nhưng mà, nhưng mà... Hãy cứ từ từ, mười năm nữa có thể, có thể năm bảy năm nữa chưa biết chừng,

“Năm năm nữa em sẽ lấy chồng.” Nàng nói.

“Năm năm nữa em già, ai chịu?” Chàng hỏi.

“Đừng lo, em không già đâu. Cũng đừng lo, em không lấy anh đâu.”

Chàng cười ha hả,

“Năm năm nữa anh mỗi gối chồn chân, có muốn lấy em e kham khó nổi, thôi lấy ngay bây giờ đi.”

“Dám không?”

“Tại sao không?”

Nói xong chàng biết mình vừa đại mồm. Nhỡ nàng OK, đòi lấy thật thì sao? Đôi lúc chàng có ý nghĩ hay là ly dị vợ để lấy nàng, nhưng ý nghĩ chỉ thoáng qua, chẳng đại đột gì phiêu lưu vào trò chơi may ít rủi nhiều này. Nàng lạnh tanh như nước đá, nàng chỉ nồng nhiệt khi ở trên giường- Nàng có vẻ quá thờ ơ với bốn phận làm vợ. Nàng là một người tình lý tưởng. Một người tình lý tưởng thì làm sao trở thành vợ? Vợ với tình nhân cũng giống như hai đường tàu, chẳng bao giờ đồng qui, cũng giống như mưa với nắng, như ngày với đêm, như mặt trăng với mặt trời. Chớ đại. Không nên đại đột thả mồi bắt bóng.

Tại sao không? Chàng vừa nói xong bỗng cảm như thóc. Nàng mỉm cười, ề đừng có tháu cáy, tôi biết anh đôi già mặt, dưới đèn con cầu. Tôi cũng hai đôi, đôi cầu - con cầu của anh - và đôi xì kít. Đừng nồ nhau chứ. Vàng đâu có sợ lửa? Xin lỗi anh. Nàng đẩy hết lảng ra chiếu,

“Lấy em đi, ngày mai đưa nhau ra nhà thờ, chẳng cần tiệc tùng mời mọc tốn kém. Đưa nhau ra nhà thờ, đủ rồi. Lấy em đi.”

Chàng tiếp tục ngậm miệng, chàng giả vờ chú tâm vào tay lái, làm như đường phố xe cộ dập diu. Anh dám mua thêm con già nữa không? Sức mấy. Anh một con tôi cũng một con. Anh xám chi tôi cù lủ. Con cầu của anh vất đi, ba già đã nổi trên mặt, mò thêm một con khó hơn mò kim đáy bể. Con xì của tôi còn sáng như đèn pha. Anh dám mua chứ? Tôi xả lảng. Anh dám mua không?

“Lấy em đi.” Nàng năn nỉ, nàng vói tay níu cánh tay chàng, mắt lim dim tha thiết,

“Lấy em đi, lấy em đi mà...”

“Hừm... Cũng phải từ từ mới tính được chứ.” Giọng chàng iu xiu.

Ô hô, chàng chạy làng rồi. Đành ăn non vậy. Nàng ngả người ra nệm xe, bật cười khanh khách,

“Thôi đi, em đùa đấy, chẳng lấy anh đâu. Năm năm nữa em mới lấy chồng. Giá chót, năm năm nữa.”

Chàng thở phào nhẹ nhõm, liếc nhanh về phía nàng. Ánh mắt chàng gặp ánh mắt nàng, chàng thấy trong mắt nàng một tia ranh mãnh. Chàng hơi nhột nhạt, chàng vót vát,

“Có lẽ mình nên lấy nhau.”

“Thôi bỏ qua chuyện lấy hay không lấy. Anh ghé chợ em mua ít nước uống, nhà hết thức uống.” Giọng nàng trở nên nghiêm trang.

Chàng rẽ vào khu parking của chợ Alpha Beta.

“Anh ngồi ngoài máy chờ, em ra ngay.”

Nàng xuống xe, bước nhanh vào chợ. Chàng tắt máy rút thuốc châm hút. Nắng xé, parking đầy xe. Một thiếu nữ quần sọt áo *mayô* hở nách đẩy xe thực phẩm ngang qua, hai trái vú lớn lắc lư bên trong lớp vải mềm. Đàn bà bây giờ có khuynh hướng không mặc xù chiêng, đa số không mặc xù chiêng, sự kiện chứng tỏ đàn bà đang muốn thể hiện quyền bình đẳng với đàn ông. Hai cặp vú được giải phóng tha hồ nhún nhảy, lắc lư, tha hồ chọc vào mắt bọn đàn ông. Từ cặp vú, dấu hiệu tự do độc lập lây lan qua nhiều phần khác của cơ thể, đàn bà bây giờ đa số không mặc xì líp, về mặt thẩm mỹ, đàn ông không mặc xì líp coi kỳ của nợ lòng thông nằm lệch qua một bên, bắt chợt gặp phải điều chi hấp dẫn mê toi, của nợ trương

nở bẻ ngang lẫn bẻ dài vô tội vạ, càng kỳ hơn (Chẳng lẽ thọc hai tay vào túi quần đi lom khom? Trông chả tượng phu Từ Hải tí nào! Đàn bà không mặc xì líp tiện lợi nhiều bề. Về mặt kinh tế, xóa bỏ được trong cột chi của cuốn sổ tay một mục. Về mặt thẩm mỹ, *díp* ngắn *díp* dài bao phủ bên ngoài chẳng ai thấy, chẳng ai thắc mắc có mặc hay không mặc xì líp ngoại trừ mấy em bán bia ôm ở Thiên Thai club...

(Thiên Thai Club. Cái tên nghe có vẻ thần tiên thơ mộng. Chẳng thơ mộng lắm đâu!

“Vú em bự ghê, vú bự dễ nuôi con phải không?”

“Em đâu biết.”

“Vú em bự nhưng mềm, có mấy con rồi?”

“Hai.”

“Có chồng sao dám đi bán bia ôm?”

“Chồng em...”

Chồng chết, chồng bỏ theo vợ bé, chồng còn học tập cải tạo, chồng bệnh nan y liệt chiểu liệt giường, chồng xì ke ma túy bán vợ đợ con, chồng say mê ông Tây bà Đàm ở Las Vegas, chồng vượt biên hải tặc đập đầu ném xuống biển... Em thân gái dấm trường, cực lòng lắm mới phải dấn bước vào chốn bùn nhơ... Con Gái Chị Hằng, cải lương Thanh Minh Thanh Nga, đoàn kịch nói Kim Cương, Lá Sầu Riêng... Sáu câu mùi mẫn điệu xàng xê. Bài bốn y chang chỉ thay đổi chút đỉnh, cũng may trên đất Mỹ tự do bình đẳng được chia đều rất dễ huê, nếu không sẽ có thêm chuyện mẹ chồng cay nghiệt, chuyện ép duyên gá ngãi, chuyện bán mình chuộc cha... Chẳng thơ mộng lắm đâu,

“Anh ơi!”

“Ơi!”

“Anh chẳng galăng tí nào, không mời em ly nước. “

Mời em ly nước. 7-Up hai lít một đồng mười chín cent, sale hàng tuần ở chợ chín chín, em rót được trên dưới chục ly, mỗi ly cộng thêm tiền nút lưỡi, bóp vú, sờ mông, mò hang cua... thành hai mươi tiền! Đau hơn thiền! Chẳng lẽ dở trò cả quĩnh chơi lường: Cho anh sờ tí nhưng tha anh đi, đừng bắt anh mời nước, anh nhà văn nhà báo nghèo hèn, thức trắng con mắt mới són ra nổi một bài, chỉ được trả có hai mươi nhăm tí, ruột em thẳng băng dài ngoằng như ống nước, đổ bao nhiêu cho đầy? Chẳng thơ mộng thần tiên, gì: Ngồi với em hai giờ, đổ đồng hai mươi phút em xin một ly, một trăm hai chục phút sáu ly, vị chi ngót nghét trăm tiền, chưa kể bia rượu anh nốc tí tí, cuối cùng lại chẳng xơ múi được gì ngoài chuyện xào khô chay tịnh)

Ngoại trừ mấy em trong Thiên Thai club, đàn bà mấy ai vén váy ngồi dạng chân vắt giò lên thành ghế cho đàn ông sẫm soi tò mò cái xilíp có hay không có, để kết luận mu này lớn mu kia nhỏ, con này lông mày rậm sao ít lông, chắc cạo hàng ngày, chắc hay tắm biển nên cạo lông để mặc bikini cho sạch sẽ mát mẻ, không chĩa ngang đâm dọc làm mất vẻ mỹ quan, công xúc tu sĩ?

Về mặt tiết kiệm thì giờ, cái sự trần truồng bên trong cũng hết sức đặc dụng. Vào restroom chẳng hạn, vén lên ngồi xuống xong ngay, chẳng cần tuột ra trông vào phung phí bao nhiêu động tác cơ bản thao diễn! Đứng đón khứa dưới gốc cây dọc đường Nguyễn Tiểu La, bên hông nhà máy bia BGI, em lấp ló trong bóng tối, dạng chân tuột xuống

chào hàng. Anh vô sản chuyên chính? Tốt thôi, hãy dùng tạm món chay, chỉ mất ba tỉ. Món chay cũng không đến nỗi nhạt nhẽo lắm đâu. Anh tay trên hái dứa, tay dưới mân mò bắt cá lia thia, em một tay giữ quần cho khỏi tuột, một tay biểu diễn thụt dầu... Anh tư bản bóc lột? Xin mời món mặn, hai mươi tỉ. Kỷ cương đạo đức xã hội ta lành mạnh, vào khách sạn hotel phải hôn thơ hôn thú đăng hoàng, thôi không nệm ấm chăn êm được đành mời anh phiên phiên cho xong. Em khuỳnh chân đứng tấn, mông tựa vào gốc cây. Anh thước tắc khiêm nhường? Tuyệt! Khởi cần nhón gót. Anh thân mười thước cao? Làm ơn cảm phiền co co đầu gối, cũng vừa vắn khít khao đấy chứ. Công an hai đầu đường đột kích tới, bèn kéo lên, ra điều ngậy thơ ngược mắt nhìn trời hiu quạnh! Nhanh chóng nhậm lệ như điện sức mấy bắt quả tang? Thời buổi thái bình Nghiêu Thuấn, đêm lại gió mát trăng thanh, pháp chế Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam đâu cấm cản em ngoạn cảnh thưởng trăng? Có cái xì líp, động tác chậm đi ba mươi giây. Chỉ ba mươi giây phù du, đủ *tàn đời trong ngõ hẹp* (Vật đổi sao dời, mấy năm *xa quê hương nhớ mẹ hiền*, chả biết thời giá bây giờ một quả xà khô thụt dầu bao nhiêu tờ nhìn nghiêng, một phũa món mặn tốn mấy tờ nhìn thẳng? Quý vị mới đến đất tự do làm ơn liên lạc với tác giả để tiện bề cập nhật hóa.)

Nói chung, đàn bà đã dành quyền tự chủ độc lập ngay từ cái chuyện nhỏ nhít như chuyện đồ lót phủ ngoài da thịt. Ngày nay chẳng mấy ai ngạc nhiên khi thấy hoặc nghe hoặc biết đàn bà lái xe truck chạy xuyên bang, đàn bà điều khiển hủ lô cán đường, đàn bà làm tài xế phi cơ lướt mây đuổi gió,

đàn bà đồ vật, đàn bà cử tạ, đàn bà biểu diễn bắp thịt, đàn bà thám hiểm cung trăng, bay lòng vòng quanh quả đất, đàn bà làm dân biểu, làm nghị sĩ, làm thống đốc tiểu bang, làm thủ tướng, làm tổng thống và làm đại tướng áo mao cân đai súng ngắn súng dài điều binh bố trận... Cái thời đại đàn bà *tứ đức tam tông*, đàn bà loanh quanh xó bếp góc nhà, đàn bà thay tã đổ bô, giặt giũ quần áo đã xếp xó vào viện bảo tàng từ lâu. Sự bình đẳng phải được thực thi đề huề ngay dưới một mái nhà. Anh rửa chén em nấu cơm, anh thay tã em chùi cầu, anh lợp nhà em sửa ống nước, chẳng ai ức hiếp ai. Ngay chuyện gói chần trong buồng kín cũng không còn cảnh vợ dưới chồng trên xúc phạm trầm trọng đến nhân phẩm của con người ta. Đàn bà chẳng những có quyền nằm trên, ngồi trên, nháp nhòm phía trên mà còn, nếu thích, thoải mái đề nghị đàn ông mần cái nọ mần cái kia cho đầy đủ lệ bộ trước khi thực sự du dương cụp lạt.

Ở Việt nam sau tháng tư một chín bảy lăm cái quyền hạn và khả năng ăn trộm của đàn bà nở rộ như hoa mùa xuân. Đàn bà kín cổng cao tường yếu điệu thực nữ một sớm một chiều bỗng biến mất. Đàn bà nhảy ra đường chạy áp phe, đứng chợ trời, gài mánh bộ đội, qua mặt công an, nhảy tàu buôn hàng quốc cấm, cơm nắm cơm gói tiếp tế cho chồng, nuôi con dạy con, đào nương đập đập dẫn thủy nhập điền, đặt nền móng cơ bản để tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa... Đàn ông xếp kèn dẫu trống hạ cờ chào thua. Quan năm quan sáu biến thành phu xe ba gác, giáo sư đại học ngồi chồm hồm lê đường phổ biến *văn hóa đồi trụy*, bán dâm bán dúm Tỉnh Dục Nhập Môn, Bảy Đêm Khoái Lạc

viết tay, in ronéo mua một quyển tặng thêm hình băm sáu kiểu... Số đông còn lại rút về tử thủ xó bếp, hai lon gạo đổ một ca nước, lấy ngón tay thọc vào đụng mặt gạo thấy nước ngang bằng đốt ngón tay nhất định không nhão không khô. Đợi nước sôi lớn bỏ tí muối rồi mới cho rau vào, nước vừa sủi tăm lại nhắc xuống ngay, rau vừa xanh vừa không nhũn. Cá Hột tác xã thường ươn, để bớt tanh, khi kho phải chiên sơ và thêm ít xác trà. Xà bông nước hại đồ mau rách lại mắc mớ, để tiết kiệm ngân quỹ gia đình, tốt nhất nên ngâm quần áo trước một đêm cho chất dơ bỏ ra, sáng dậy giặt vừa dễ vừa ít hao xà bông... Vị trí xã hội thay đổi thì dĩ nhiên quyền hạn tinh thần cũng đổi thay, đàn ông trở nên những cọng bún mềm èo, đàn ông bỗng giỏi nghề nội trợ thổi cơm thay tã đồ bỏ, và nghe lời vợ như nghe lời mẹ! Chẳng cần đấu tranh bình đẳng bình quyền, chẳng cần vác biểu ngữ điều qua điều lại trước điện Capitol, trước Tòa Bạch ốc. Đàn bà Việt nam sau bảy năm ngang nhiên vùng lên dẫn ngọn cờ đầu. Bất chiến tự nhiên thành.

Mãi suy nghĩ lông bông, chàng không thấy nàng từ chợ đi ra, kịp đến khi nàng nói *mở cửa cho em* chàng mới giật mình quay qua, vói tay mở cửa. Nàng bước vào xe, đặt chiếc bao giấy xuống chân, vén cao tóc sau gáy giữ giữ,

“Nóng quá, chạy đi anh. Trong chợ mát lạnh thích thật.”

Chàng đề máy xe, ra khỏi parking. Nàng quay cửa kiếng xuống. Chàng nói,

“Đừng em, đang mở máy lạnh mà.”

Nàng lại quay kiếng lên. Chiếc xe vọt ra đường, nhập vào dòng xe nườm nượp. Nàng hỏi,

“Anh đói không? Đói chưa? Mình đi quán hay về nhà em nấu cái gì ăn?”

Chuyện xú chiêng xi líp vẫn chưa ra khỏi đầu, chàng có vẻ không nghe câu hỏi của nàng. Chàng quay nghiêng nhìn ngực nàng. Chùi, vú nàng nhỏ, săn chắc, lại mặc áo dày kín bưng, chàng chẳng biết nàng có mặc xú chiêng không. Chàng hỏi,

“Em có mặc xú chiêng chứ?”

“Hả?”

“Em có mặc xú chiêng không?” Chàng nhắc lại.

Nàng ngược nhìn chàng, hai mắt mở lớn ngạc nhiên,

“Tự dung anh hỏi gì kỳ vậy?”

“Đâu có gì kỳ. Anh đang nghĩ đến quyền bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà.”

“Thì liên quan gì đến cái xú chiêng?”

“Liên quan chứ.”

Chàng nói với nàng về những suy nghĩ của mình. Nàng bật cười khà khà,

“Anh rảnh quá nên cứ hay nghĩ nhảm.”

“Chẳng có gì nhảm hết. Máy ông triết gia nói quá trình trưởng thành của tư duy nhân loại là một tiến trình biện chứng bắt nguồn từ những suy nghĩ em vừa cho là nhảm đó.”

“Thôi bỏ qua chuyện triết học nhức đầu. Em ghét lý luận, bọn thích lý luận thường chả làm nên trò trống gì ra hồn. Bây giờ cơm tiệm hay cơm nhà, làm ơn cho em biết gấp.”

“Em thích cơm nhà hay cơm tiệm?”

“Ăn tiệm mãi cũng ngán. Nhưng mà...”

Nàng nhún vai cười, tiếp,

“Về nhà sức mấy anh để yên em nấu nướng, làm gì anh cũng nâng nấc đòi em cho coi có mặc xú chiêng xì líp hay không ngay đây thôi.”

Đàn bà bây giờ quả tiến bộ dữ, tiến bộ quá. Đàn bà nói đến chuyện làm tình cứ tự nhiên như nói chuyện trời mưa trời nắng. Chỉ mới mười năm...

Vợ chàng ngày xưa đâu có thế. Đã cưới hỏi đàn ông, đã si sụp trước bàn thờ ông bà giữa quan viên hai họ, vậy mà đêm động phòng chàng phải vừa đấu tranh chính trị vừa bạo lực cách cách mạng mới cởi được cái quần. Từ việc cởi được quần cho đến việc mở rộng được háng cũng đòi hỏi thêm một giai đoạn cam go, lại còn phải hành động trong bóng tối cứ như kháng chiến quân Palestin đột nhập lãnh thổ Do thái, không làm sao thấy mặt ngang mũi dọc của nhau nó méo mó lệch lạc thế nào.

Chỉ mới mười năm...

Nàng bây giờ an nhiên tự tại giữa ban ngày ban mặt. Nếu là đêm nàng còn đòi bật hết đèn trên đèn dưới cho nó tỏ tường minh bạch, cho nó đã hai con mắt. *Trạng thái kích ngất của con người ta vốn liên quan rất mật thiết, rất nhân quả với thị giác thính giác xúc giác vị giác...* Chẳng biết nàng nghiên cứu bài bản ở đâu?

Chỉ mới mười năm...

So với vợ chàng, nàng giống như chiếc sport đời tám chín lướt nhẹ re trên freeway 405, vận tốc 80 miles/giờ bên cạnh cái xe bò cộc cạch miệt Giồng Ông Tố.

Hay là mình bỏ vợ lấy nàng nhỉ?

Bỏ vợ, được. Nhưng con cái thì sao? Thằng nhỏ đã đi

bác sĩ chưa? Không có cái đau nào kinh khủng bằng đau răng. Đau dai dẳng, đau lì lợm, đau bụng bụng đầu óc. Tôi nghiệp thằng nhỏ, lẽ ra sáng nay chàng nên đưa nó đi bác sĩ. Mọi chuyện cũng tại vợ chàng mà ra, cung chiều cho lắm vào, bánh kẹo liên tu vào. Chàng có bao nhiêu việc phải làm ngoài xã hội, chỉ độc nhất chuyện dạy con mà cũng không xong!

Hay mình bỏ vợ lấy nàng?

Sao tuổi tác, hai người xấp xỉ ngang nhau. Nhưng nàng bao giờ cũng phơi phới tươi rói, vú vể mông đùi chắc nịch, da dẻ trắng trẻo mươn mướt, nước nôi lênh láng nhễ nhại. Còn vợ chàng, sao cơ thể bèo nhèo tang thương đến thế? Hai vú chảy xệ, đầu vú thâm đen, da bụng mền nhão, xếp li, bắp đùi nứt nẻ nẻo ngang hẻm dọc, gân xanh nổi chằng chịt như đường mòn Hồ Chí Minh! “*Em sinh động lên một chút được không?*” - “*Sinh động là thế nào?*” - “*Là là... Chán chết, cứ trơ như gỗ, chẳng hứng thú gì ráo...*” - “*Anh bày em đi, em phải làm sao?*” - “*Em phải biết chứ. Phim X đó.*” - “*Thôi thôi em chịu thôi, người ta đóng phim mà, em làm thế đâu được, em đâu phải tài tử mu vi?*”... Giữa lúc chàng đang hì hục, bỗng, “*Anh à, lát nữa ký cho em cái check trả tiền điện nghe, bill nhận cả tuần rồi đó, nhắc anh hoài mà cứ quên mãi.*” Hay “*Thằng P. đòi mua đôi giày mới, chiều anh chở nó đi mua nhé?*” Trời đất! Chàng chột khựng ngang, chàng bỗng ỉu xiu, chàng nằm vật ra, chàng thở dài ngao ngán, bill điện với lại giày mũ nhảy xỏ ngang xương vào chiến trường chẳng chịu phát cò báo trước! “*Ừa, sao vậy?*” - “*Anh hết hứng.*” - “*Độ này sức khỏe anh có vẻ kém, một năm trước*

đâu có vậy. Già rồi đó nghe, phải giữ gìn nếu không chắc chẳng thọ đâu.” Nàng vừa nói vừa dùng hai ngón chân khều chiếc xì líp - chiếc xì líp bèo nhèo xơ xác đường ren viền quanh, đũng vàng ố. Nàng co hai chân, ưỡn người tròng vào, bật bật sợi dây thun cho đáy đũng lệch rồi quay nghiêng kéo chần phủ tận mang tai, không quên nhắc lại,

“Lát nữa ký cho em...”

Hay mình bỏ vợ lấy nàng?

Nàng lấp bắp rên rỉ anh vào sâu nữa đi anh, nữa, nữa... Mạnh nữa anh ơi... Hai tay nàng bấu trên lưng chàng, ngực nàng ép sát ngực chàng, nửa thân dưới nàng chuyển động, mồ hôi rịn nhót toàn thân. Chàng thở gấp hỏn hển. Nàng vội vã để em lên trên. Nàng vật chàng nằm ngửa, nàng ngồi dậy...

Chàng nhán chân thẳng dừng lại chỗ ngã tư đèn đỏ, buông tay khỏi vòng lái, chàng rút thuốc hút. Hay mình bỏ vợ lấy nàng?

Chàng quay qua nhìn nàng,

“Em à, lấy anh đi, lấy anh nhé?”

“Anh đang nghĩ gì trong đầu thế?”

“Anh đang nghĩ anh muốn lấy em.”

Giọng nàng chột trầm trọng,

“Anh dám bỏ vợ?”

Té ra nàng biết. Nàng biết hết. Chàng vẫn tưởng nàng không biết. Bỗng nhiên chàng sợ. Nàng tinh như chồn.

“Thôi đi ông, đừng bốc đồng ầu tả, chẳng ai buộc anh lấy em đâu. Cái đầu anh lộn xộn quá lắm, đừng có đứng núi này trông núi nọ. Gắng mà thủy chung với vợ cho được việc.”

Thôi đi cha. Tôi đánh bạc bao nhiêu năm, kinh nghiệm chiến trường có thừa. Láng của anh còn được mấy xín? Tôi tầy xạc một cây anh đi đứt không có tiền về xích lô. Thôi cứ từ từ gầy vốn, đừng có hăng tiết vịt. Đánh bạc phải nguội, phải biết người biết ta, phải biết nhần nhục quay, không tiếc tiền đường. Đánh bạc như đánh giặc, nghiên cứu địa hình, tình báo chính xác, nắm vững quân số địch... Thôi đi cha, hung hăng quá không khéo mất cả chì lẫn chài.

Té ra nàng biết hết, nàng như con cáo già! Đàn bà quả đang chiếm vị trí thượng phong, đàn bà không mặc xú chiêng xì líp, đàn bà làm thủ tướng làm tổng thống, đàn bà lái hủ lô, xe truck... Chàng ngậm câm như thóc.

Chiếc xe vòng qua ngã tư, lướt nhanh trên đường. Nắng xé, mặt lộ bốc hơi. Chàng rẽ vào con đường nhỏ, nhà nàng ở cuối đường. Thôi cũng được, ta chẳng nên bỏ vợ, nàng đã biết hết, nàng không đòi hỏi gì hết, có chi ta bày đặt rắc rối? Bỗng chàng chợt nhớ ra, đáng lẽ phải đi ăn cái gì đã chứ. Chàng bật cười,

“Mình quên không đi ăn.”

Nàng cũng cười,

“Ừ nhỉ, có đi ăn không?”

TRÁI BÓNG

Nàng ném trái bóng về phía tôi. Trái bóng màu xanh, bóng lưỡng, quay tít trên không trung, di chuyển với một tốc độ chậm. Tôi giang hai tay chờ bắt. Bỗng một sức đẩy cực mạnh từ sau dội vào lưng. Tôi cúi nhủi. Trái bóng vượt qua đầu, lặn nhanh xuống triền dốc. Khi tôi đứng dậy được thì trái bóng đã mất tăm dưới lũng sâu.

Nàng hét,

“Cung...”

Tôi quay nhìn người thanh niên tên Cung. Hắn trẻ, rất trẻ, có lẽ còn trẻ hơn cả nàng, khoảng trên dưới hai mươi. Thân thể cao to vạm vỡ, đôi mắt xếch, môi mỏng, lưỡng quyền cao. Hắn đưa nắm đấm lên ngang mặt, dứ dứ, vừa trả lời nàng, vừa đe dọa tôi,

“Cung đập vỡ mặt thằng này.”

Nàng bước nhanh về phía chúng tôi, môi cong còn vẻ

giận dữ,

“Cung dám...”

Nàng dừng lại trước mặt hắn, bất ngờ vung tay. Một tiếng chát sắc gọn. Hắn hứng trọn cái tát những vẫn không nhúc nhích. Nàng rít lên,

“Đi ngay, rời khỏi chỗ này ngay.”

Hắn nhìn nàng một giây rồi hướng tia mắt tóe lửa về phía tôi, gằn giọng,

“Thằng khốn. Tao sẽ tính đủ với mày.”

Dứt câu, hắn bước từng sải dài xuống đồi.

Sự việc diễn tiến quá nhanh. Nhanh đến độ tôi chưa kịp hiểu việc gì vừa xảy ra. Cho đến khi hắn khuất bóng sau hàng khuynh diệp chỗ dẫn xuống đường lớn tôi mới hoàn hồn. Nàng đến gần tôi, nói, như xin lỗi,

“Em không ngờ thằng ranh liều đến thế, anh đừng để tâm.”

Và vít đầu tôi xuống, hôn.

Tôi đẩy nàng ra. Không trả lời.

“Đừng để tâm, anh, bọn con nít ấy mà.”

Tôi tiếp tục im lặng.

“Thằng ranh con theo em hơn năm nay. Đã mấy lần bị em cho ăn tát vẫn không chừa.”

Tôi định trách nàng giao du quá bừa bãi. Một tháng quen nhau, đây là lần thứ ba tôi gặp rắc rối. Tôi không thuộc loại người thích sôi nổi, rất ngại khi phải đối diện với những tình huống gay go. Nhưng có lẽ thái độ tốt nhất tôi nên có bây giờ là im lặng. Dù sao chúng tôi cũng chỉ mới biết nhau trên dưới một tháng, thời gian chưa đủ để tôi có thể xác quyết bất

cứ vấn đề gì liên quan đến nàng.

“Chúng ta xuống dưới kia tìm trái bóng.” Nàng nói.

“Sâu lắm, đường dốc nguy hiểm.”

“Anh sợ à?”

“Không, nhưng anh cảm thấy mất vui, chúng ta về.”

“Đã bảo anh đừng để tâm, chuyện chẳng đáng gì mà.”

Nàng có vẻ bức mình. Tôi cũng bức mình không kém.
Tôi cương quyết,

“Mình về.”

Chúng tôi xuống đồi, đến chỗ để xe. Cả hai không nói với nhau lời nào suốt quãng đường dài trên mười bốn dặm, cho đến lúc chiếc xe dừng lại trước cổng nhà nàng. Không nhìn tôi, nàng mở vội cửa, cộc lốc,

“Bye.”

Và quày quả quay lưng đi vào.

Tôi ngẫm hiểu, như thế, mỗi tình “ba mươi ngày” đã đến giai đoạn tàn. Tôi không cảm thấy tiếc. Thâm tâm, cũng mong chấm dứt cho xong.

Nhưng vẫn không xong như tôi mong muốn.

Tối thứ bảy, gã thanh niên tên Cung đứng chờ tôi ngoài bãi đậu xe. Khi tôi từ một quán cà phê bước ra, hần phóng tới, thanh gổ ba phân vuông trên tay. Chỉ chưa đầy một phút hần cho tôi đo ván.

Tôi nằm nhà thương được hai ngày thì nàng đến thăm. Nhìn thấy mặt mày tôi sưng tấy, cánh tay bó bột treo trước ngực, nàng rơm rớm nước mắt,

“Em không ngờ hần dám đánh anh thật... Anh... Anh... Không nặng lắm chứ?

Tôi cười khẩy,

“Chỉ gãy tay đại khái, chưa chết!

“Em xin lỗi.”

“Em không có lỗi. Lẽ ra...”

Tôi định nói tiếp lẽ ra tốt nhất anh đừng quen em. Nhưng kịp dừng lại. Dầu sao chuyện cũng đã rồi. Tôi bị thằng khốn nạn tẩm quất tã tôi chẳng gỡ gạc nổi một chiêu, bây giờ bày đặt giận cá chém thớt, còn gì sĩ khí nam nhi? Nhưng thật tình lòng tôi vô cùng bức bối. Con bé này là một tai họa đáng sợ, không cú sớm có ngày ăn đạn như chơi.

Nàng đặt túi trái cây lên mặt bàn, ân cần hỏi tôi,

“Bạn bè anh biết chưa? Anh cần nhắn ai không?”

“Không. Mà này, làm sao em biết anh bị hấn hành hung?..”

“Thằng chó hôm qua lại bị em tát tai, hấn khoe đã *cho anh một bài học*”.

“Hấn là ai vậy?”

“Cùng trường với em.”

“Bạn bè em ghê quá.”

“Hấn đâu phải bạn em.”

Tôi nhìn xuống cánh tay, những ngón tay thâm tím thò ra ngoài ống bột cứng đờ. Thật chán! Cũng phải ít nhất ba bốn tháng may ra mới trở lại tình trạng bình thường. Tôi nghĩ đến những viên thuốc, những mũi kim phải đều đặn uống và chích mỗi ngày. Con bực trong lòng tiếp tục tăng trưởng. Nửa năm nay tôi liên tiếp xui xẻo, chiếc xe bị thằng Mễ say rượu “hít” móm sọm một bên hông, chẳng xơ múi được nửa xu bồi thường vì thằng cao bồi không có bảo hiểm. Chân gác

gian ban đêm ở một công trường xây cất cũng vừa mãn hợp đồng. Với vài trăm trợ cấp dành cho sinh viên nghèo không đủ ăn sáng ăn trưa và xăng nhớt, bảo trì chiếc xe thô tả, lấy gì tiêu xài linh tinh vặt vãnh? Nhất là lấy gì trả tiền phòng? Tình hình xem ra hết sức bi quan. Tay chân lạnh lặn đã chưa chắc tìm ra việc, hưởng hồ thế này!

Suốt thời gian ngồi với tôi, nàng nói luôn miệng, chưa dứt chuyện này đã bắt sang chuyện khác. Có lúc nàng nói về tên Cung và những thanh niên như hắn. Nàng bảo bọn con nít bây giờ thích chơi trò, khoái tán tỉnh những người lớn tuổi hơn, lại liều lĩnh như “người hùng Rem-bô”. Có lúc nàng kể lan man chuyện học hành thi cử, chuyện phim ảnh, âm nhạc... Tôi nghe, lơ đãng, đôi lúc chẳng hiểu nàng nói gì nhưng vẫn gục gặc ư hử cho xong. Cuối cùng, có lẽ khám phá ra mình đang “độc diễn” trước một thánh giả có hai lỗ tai cây, nàng cụt hứng dừng lại, nén bực bội đứng dậy chào từ giả.

“Em sẽ trở lại thăm anh.”

Tôi cảm thấy áy náy, vội vàng lên tiếng,

“Còn sớm, ngồi chơi chút nữa.”

Nàng lẩy,

“Anh mệt mà, để anh nghỉ.”

“Không mệt lắm đâu...”

Nàng ngần ngừ một chút rồi dứt khoát,

“Thôi, em về.”

Và cúi xuống hôn tôi. Chiếc hôn nhẹ. Khi nàng ngẩng lên, tôi nhìn thấy đôi mắt nàng long lanh, sâu, đen nhánh dưới hai hàng chân mày rậm cong vút. Nhìn kỹ hơn, sáng

mũi thẳng, chiếc miệng vừa phải hai gò má đầy đặn, ngấn cổ cao, bộ ngực nở nang, cánh tay tròn lẳn phơn phớt lông tơ... Tôi chợt nhận ra nàng đẹp, rất đẹp. Điều này có vẻ phi lý, quen nhau một tháng bây giờ mới để ý đến nhan sắc của nàng. Thật ra từ hai năm nay tôi gần như không quan tâm tới bất cứ vấn đề gì. Tôi sống vật vờ, lènh bènh như đám lục bình. Nỗi đau tuy đã nhạt nhưng dấu sao ẩn tượng vẫn còn quá sâu đậm. Tôi chưa hoàn hồn bởi biến cố tưởng chừng không thể xảy ra kia.

Nàng đẹp. Nếu đừng bị thằng chó đẻ gây rắc rối, có thể tôi sẽ yêu nàng.

Yêu nàng, được chứ. Tại sao không?

Phương đã bước hẳn ra khỏi cuộc đời tôi. Có nên tiếp tục nuôi dưỡng hy vọng một ngày nào nàng sẽ hồi tâm? Và nếu điều đó xảy ra thật, liệu tôi có đủ rộng lượng để quên hết mọi chuyện?

Phương cùng học với tôi ở đại học Tổng Hợp, dưới tôi hai năm. Quen nhau trong buổi cùng đi nghe một nhà văn lão thành nói chuyện về “Nguyễn Trãi và thơ chữ Nôm.” do Thành đoàn Thanh Niên tổ chức. Diễn giả đã nổi tiếng từ bốn thập niên qua, những tác phẩm của ông chúng tôi từng đọc, những giai thoại về ông chúng tôi từng nghe, đã gây cho hầu hết bọn thanh niên chúng tôi một sự tò mò háo hức. Thuở đó, những tên tuổi lớn trong văn học là một cái gì vĩ đại lắm. Được nghe họ nói, được nhìn thấy tận mắt nhân dạng cao thấp, mặt mày tròn méo của họ là một vinh dự tất cả chúng tôi đều mơ ước. Vì vậy, tuy chương trình khai mạc

ghi bảy giờ song chỉ chưa đầy sáu giờ khoảng sân ciment mênh mông trong khuôn viên thành đoàn đã đông kín thính giả. Tôi tìm được một vị trí khá tốt dưới tàn cây vú sữa, từ chỗ này nhìn lên khán đài không xa mấy và nhất là không bị vướng bất cứ chương ngại nào.

Nhưng sắp đến giờ khai mạc, cô gái đứng bên cạnh tôi bỗng thốt,

“Tám thẻ giữ xe đâu mất rồi?”

Cô vội vàng lục tung chiếc xác tay nhỏ, tìm kiếm chung quanh chỗ đứng, soát cẩn thận bốn túi chiếc quần “dìn”. Hoài công. Tám thẻ đã biệt tích. Cô có vẻ hốt hoảng. Tôi mách nước,

“Phải báo ngay với chủ thầu. Kẻ gian lượm được ra lãnh xe thì nguy.”

Cô gái càng hốt hoảng,

“Ồ... ồ... Phải rồi.”

“Để tôi đưa cô đến gặp chủ thầu, ông này tôi có quen.”

“Vâng, may quá, cảm ơn anh.”

Khi mọi chuyện được giải quyết ổn thỏa, chúng tôi định trở vào thì bảy giờ khoảng sân ciment đã đông nghẹt, chắc chắn không thể tìm ra một chỗ đứng trong rừng người lố nhố kia. Tôi đề nghị với nàng đến góc đường uống cà phê, chờ tan buổi diễn thuyết trở lại lấy xe. Vả lại quán cà phê cũng gần, tuy không nhìn thấy mặt diễn giả nhưng qua hai chiếc loa phóng thanh mắc trên chạng cây cao ngoài cổng, chúng tôi vẫn có thể nghe diễn giả nói.

Như thế, chúng tôi quen nhau, yêu nhau,

Chín tháng sau nàng trở thành vợ tôi.

Sáu năm, tuy tình yêu thơ mộng và sôi nổi buổi ban đầu rồi cũng nguội dần theo thời gian, nhưng chúng tôi hạnh phúc. Đời sống có vẻ phẳng lặng. Cái phẳng lặng có vẻ không bình thường giữa tình trạng giao động cùng cực của đất nước. Áo cơm, âu lo cho một tương lai mù mịt, gia đình ly tán, đạo đức suy đồi... Tất cả như mớ bong bóng. Ít nhiều chúng tôi có bị chi phối bởi bối cảnh chung đó, dù vậy vẫn giữ được mức sống êm ả, vì cả hai gia đình - Phương cũng như tôi - đều thuộc thành phần khá giả từ trước. Nhìn bề mặt, chúng tôi là cặp uyên ương tâm đầu ý hợp. Sáu năm, chưa một lần xô xát nặng, thỉnh thoảng cũng giận hờn - Làm sao tránh khỏi trong chừng ấy tháng ngày kề cận? Tuy nhiên, bên dưới bề mặt bình yên đó, tôi lờ mờ nhận thấy dấu hiệu của sự bất toàn, bởi tôi và Phương đều có chung một ước mơ bóng cháy: sự hiện diện của một đứa con. Buồn thay, sáu năm chờ đợi, niềm hy vọng mỗi ngày mỗi mòn mỏi, trong lúc bạn bè đã tay bế tay mang, đứa “lười” nhất cũng vài ba. Mỗi lần nhìn thấy vợ chồng chúng nó than vắn thở dài vì đám “nghịch tử” lười thôi, thậm chí có đứa còn hùng hồn quả quyết: “con là nợ vợ là oan gia”, tôi chỉ còn biết rửa thầm số mệnh trở trêu. Nếu chúng tôi có được một “cục nợ” thì cuộc sống vợ chồng sẽ đậm đà biết bao nhiêu!

Nhưng nguyên nhân hiếm muộn khởi từ ai?

Có lần tôi nói với Phương,

“Em thử đi khám xem.”

Nàng giận,

“Sao anh không đi lại bảo em?”

Cả hai chúng tôi đều sợ. Nguyên nhân bởi ai cũng đáng

buồn như nhau. Nếu do nàng, liệu tôi có dám lập thêm một “phòng” nữa để có kẻ nối dõi tông đường? Nếu ngược lại, Phương sẽ tính thế nào? Cho nên dù không nói ra, chúng tôi vẫn thầm mong tình trạng trắng đen mập mờ này đừng ngã ngũ. Đến với nhau vì tình, sống bên nhau vì tình, tuy sự sôi nổi buổi ban đầu đã lắng xuống, nhưng chúng tôi vẫn chưa bao giờ có ý nghĩ sẽ phụ nhau.

Ngày nhận được giấy xuất cảnh lên đường đi định cư theo diện đoàn tụ - bố mẹ Phương đã ở ngoại quốc từ năm bảy lăm - chúng tôi thật vui. Tôi nghĩ, sống trong một đất nước giàu có như xứ sở chúng tôi sắp đặt chân đến, những ước mơ của tôi rất nhiều cơ may thành tựu. Tôi muốn tiếp tục việc học để trở thành một khoa học gia. Tuổi tôi còn trẻ, nhiệt huyết còn tràn đầy. Với sự thành đạt trong tương lai, chắc chắn một ngày nào đất nước sẽ cần đến, tôi sẽ trở về. Từ thiếu niên đến trưởng thành, chứng kiến không biết bao nhiêu những bất công, lạc hậu, tha hóa, chậm tiến, cộng thêm những điều đã đọc được trong sách vở, tôi nhận thấy quê hương thật quá đổi lầm than, nếu lớp người trẻ như chúng tôi không ghé vai gánh vác để đưa đất nước thoát khỏi vòng đào thải oan nghiệt của bánh xe tiến hóa nhân loại thì quả là một cái tội. Đừng nghĩ tôi đã đao to búa lớn, cũng đừng nghĩ tôi muốn đóng trò yêu nước để yên tâm sống trọn cuộc đời giá áo túi cơm. Ngày nay ước mơ, hoài bão đẹp đẽ kia đã hoàn toàn rời bỏ tôi, nhưng thuở đó quả tôi có ước mơ như thế thật, có hoài bão như thế thật. Trong trái tim của mỗi người trẻ tuổi, lý tưởng làm đẹp xã hội bao giờ cũng là ngọn lửa cháy rực ngày đêm, buồn thay, chẳng còn bao nhiêu người

nuôi dưỡng được ngọn lửa đó suốt một đời. Tôi, tôi dập nó tắt ngấm đã hai năm nay, khởi từ đó vỡ với Phương.

Qua Mỹ, tôi ghi danh vào đại học ngay. Phương cũng thể nài theo ngành thẩm mỹ. Tôi, dĩ nhiên ngành khoa học như mơ ước.

Đời sống mới quả có gây cho chúng tôi nhiều cú “sốc”, nhưng dù sao chúng tôi vẫn còn trẻ, lại có chút vốn liếng văn hóa nghĩ chắc cũng chẳng khó khăn lắm trong chuyện hội nhập. Vấn đề chỉ là thời gian. Tôi tạm bằng lòng với cuộc sống hiện tại.

Nhưng chỉ sáu tháng sau, Thảm kịch đến,

Nó đến quá bất ngờ, không kèn không trống, không một dấu hiệu báo trước.

Một hôm đi học về, vừa mở cửa bước vào phòng riêng tôi nhìn thấy ngay xấp giấy tờ đặt trên bàn, kèm theo cái “nốt” ngắn của Phương: *“Em đi shopping với Mẹ. Anh đọc tập hồ sơ này và ký tên hộ em.”* Tôi cầm tập giấy lên. Hàng chữ lớn trên đầu xấp giấy khiến tôi kinh ngạc, “Đơn xin ly dị”. Cái gì thế này? Tôi vội vàng đọc kỹ. Tim tôi bỗng đập loạn rồi đau nhói từng cơn. Tôi không thể tin ở mắt mình, nhưng rõ ràng, những chỗ chừa trống Phương đã cẩn thận ghi rành rẽ tên tôi, tên nàng, ngày cưới, ngày xin ly dị và lý do ly dị. Lý do ly dị: Không hợp nhau. Ngắn, gọn, mù mờ và tàn nhẫn chẳng khác gì một viên đạn xoáy vào đầu. Tôi ngồi xuống ghế, choáng váng như vừa ra khỏi một trận đau thập tử nhất sinh.

Tôi rời nhà bố mẹ Phương chỉ với vồn vẹn một cái xách tay, có cảm tưởng mọi việc xảy đến trong giấc mơ. Tôi không

ngờ sự việc diễn biến nhanh chóng, phủ phàng và quyết liệt đến thế. Sau này tôi được biết, lý do ly dị Phương đưa ra không chỉ giản dị có vậy, chẳng những giản dị mà còn phi lý nữa. Sáu năm chung sống, chúng tôi hiểu nhau đến từng chân tơ kẽ tóc, tuy chưa xứng là một cặp vợ chồng lý tưởng, nhưng để hòa hợp như chúng tôi, cũng không phải trường hợp dễ tìm thấy. Thì ra, bố mẹ Phương đã nhỏ to thế nào khiến nàng bằng lòng đi khám. Kết quả: Phương hoàn toàn có đủ khả năng sinh đẻ. Như thế cũng có nghĩa nguyên nhân hiếm muộn thuộc về tôi. Vợ chồng ăn ở bấy nhiêu năm không một mụn con, đối với bố mẹ Phương đó là một điều bất bình thường không thể chấp nhận, và - như hầu hết những người già cả trên xứ sở này - họ rất cô đơn. Tuy không đến nỗi bất hạnh nếu so với lớp người cùng tuổi tác bản xứ, vò võ kéo lê cuộc đời còn lại trong các viện dưỡng lão, nhưng mà buồn, quá buồn. Họ muốn có một hai đứa cháu để có lý do bận rộn, tiêu phí bớt khoảng thời gian dằng dặc tẻ lạnh. Thêm nữa, với phong hóa tập tục Á Đông, “tội tuyệt tự” là một trong những “tội” nặng, nó ngang hàng với tội bất hiếu. Vốn được giáo dục trong truyền thống gia đình phong kiến, quyền hạn của cha mẹ đối với con cái được xem như tuyệt đối, Phương đi từ hoang mang chao đảo đến bội phản cũng là chuyện dễ hiểu! Tôi không trách Phương. Có điều sự việc xảy ra nhanh quá, dấu ấn nàng khắc đậm trên trái tim tôi, trong tâm hồn tôi khó lòng một sớm một chiều có thể tẩy xóa.

Tôi khăn gói ra đi. Lạ nước lạ cái, vô nghề vô nghiệp, nhiều đêm ngủ trong xe, nhiều ngày bánh mì thay cơm. Lây lắt, thảm hại. Tôi như một kẻ từ hành tinh khác rơi xuống

trái đất, hồn xác dật dờ ngơ ngẩn. Cũng may, một người bạn quen từ thuở ấu thời vực tôi dậy. Hắn đưa tôi về nhà, giúp đỡ tận tình suốt một năm dài trong lúc tôi như con vật khốn nạn nửa sống nửa chết.

Nỗi đau nào rồi cũng qua. Tôi dần dần hồi tỉnh. Tôi nhớ câu văn của một nhà văn lão thành: *“Nếu ta quỳ xuống, cuộc đời là trái núi. Hãy đứng dậy mà xem, cuộc đời sẽ nằm dưới, chân ta.”* Câu văn đánh thức trong tôi mầm sống tưởng đã ung thối. Tôi đứng dậy, tôi ngẩng mặt và tôi bước tới. Hai năm qua đi, tôi lấy lại được phong độ của một người đàn ông, duy có điều tôi cũng trở nên trơ lì trước mọi biến cố, trong tôi đã chết hẳn những lý tưởng, những hoài bão, kể cả những rung động thuần khiết của trái tim. Chỉ còn một ý niệm duy nhất tôi cố gắng bám lấy: sống, sống, và thản nhiên trước tất cả mọi chuyện.

* * *

Tôi bước xuống mấy bậc cấp đầu thềm. Chiều đang dâng. Bóng mát của khu nhà thương ngả dài, chiếm cứ hơn một nửa diện tích parking. Tôi vòng xe theo lối đi tráng ciment, lái ra đường lớn. Giờ tan sở phố xá nhộn nhịp, từng dòng xe dài ngoằn ngoèo nối đuôi nhau bò chậm dưới lòng đường.

Tôi không thể nào hiểu nổi cái gì đang lỏng lẻo trong đầu chàng. Như một người máy, chàng đứng đưng, lơ là với tất cả mọi chuyện. Tôi yêu chàng, điều đó đã quá rõ. Tôi yêu chàng, kể cũng khá ngạc nhiên. Tôi đẹp, không phải từ những lời tán tụng mỗi ngày tôi vẫn nghe, không phải từ lũ

đàn ông si đại sắp hàng phía sau. Tôi đẹp. Hơn ai hết, một cách khách quan, tôi biết rõ điều đó. Chàng, so với lũ đàn ông vây quanh, quả chẳng phải là một đơn vị so sánh. Nhưng ở chàng, có một hấp lực lạ lùng không thể cưỡng chống, đã cuốn hút tôi, đã khiến tôi không ngừng băn khoăn, dằn vặt. Thời gian một tháng quen nhau, quá ngắn, song đã để lại trong tôi bao nhiêu ấn tượng mãnh liệt. Phải chăng chính sự dửng dưng lơ là của chàng đã tác động đến lòng tự ái của tôi? Phải chăng tình yêu như một canh bạc, càng thua đậm càng cay cú? Nhưng việc gì phải truy tìm căn nguyên của vấn đề. Tôi yêu chàng, như thế đã quá đủ. Từ hôm chàng tỏ vẻ không bằng lòng trước thái độ của Cung, tôi đã rắp tâm sẽ xa chàng. Lẽ ra chàng phải thông cảm rằng ngoài chàng còn có hàng chục kẻ si tình bám theo tôi. Dĩ nhiên trong số này có kẻ đã từng là tình nhân, cũng có kẻ đeo đuổi đơn phương. Tôi đẹp, đàn bà đẹp cũng tựa thời nam châm. Lỗi đâu phải tại tôi? Chàng không chịu hiểu, đúng hơn, chàng có vẻ đã đánh mất sự đam mê của một người đàn ông còn hơn một phần hai đoạn đường nữa mới bước đến tuổi già, nếu lấy con số khiêm nhường sáu mươi năm làm đơn vị chung quyết cho một đời người. Tôi rắp tâm xa chàng, nhưng, như một vết chàm đã hằn trong da thịt, tôi biết không dễ dàng gì có thể xóa quên được hình ảnh chàng. Cho đến khi chàng bị thằng khốn nạn hành hung, tôi bỗng thấy rõ một điều, định mệnh đã trói buộc tôi vào số phận chàng. Mãi mãi hay chỉ giai đoạn chưa biết. Chỉ biết từ nay, tôi khó lòng giữ cho tâm hồn đừng xao động.

Điều chắc chắn chàng không thể ngờ, tôi là bạn của

Phương. Chúng tôi cùng học chung lớp. Chính Phương đã nhờ tôi tìm cách làm quen với chàng, “Mày giúp tao. Anh ấy rất buồn. Tao thương anh ấy nhưng sống chung thì chẳng thể được nữa. Đừng hỏi lý do. Mày giúp tao. Nếu yêu được anh ấy càng tốt, bằng không, hãy xem như một “nghĩa cử”. Tao biết mày đủ khả năng làm được việc đó. OK đi.”

“Mày với ông ấy đã dứt khoát hẳn?”

“Hẳn.”

“Mày còn thương ông ấy?”

“Còn.”

“Và ngược lại?”

“Ừ.”

“Lạ nhỉ.”

“Chẳng lạ gì cả. Cũng đừng hỏi gì cả. Trả lời tao đi.”

“Nhưng ngộ nhờ tao đâm ra yêu ông ấy thật, phiền toái chứ? Thường, *vợ chồng cũ không rủ cũng về*. Lúc đó cả ba đều ngất ngư. Chơi như thế là chơi đại, mày hiểu không?”

“Chẳng về được nữa. Tao đang mang bầu với một người khác, tháng sau đám cưới.”

Như vậy, lý do tôi vừa đưa ra không còn đứng vững. Tôi có nên chiều theo ý muốn của Phương? Kể ra trò chơi này cũng thú vị đây. Đã có nhiều đàn ông đi qua đời tôi nhưng tựu trung tôi chưa thực sự yêu ai. Đến với nhau, ngắn, vài ba tuần, dài, năm bảy tháng. Đến, đi, chẳng thể non hẹn biển cũng chẳng suốt mướt ốm đau. Tình yêu đối với tôi chỉ là một nhu cầu bình thường như tất cả mọi nhu cầu khác. Tôi chưa đau khổ vì tình bao giờ, cũng chưa yêu ai chết mê chết mệt bao giờ. Bản chất tôi trời sinh đã thế. Khía cạnh lãng

mạn của tình yêu hình như chỉ là sản phẩm của tưởng tượng. Tôi tự nhủ, thử xem, thử đến với anh ta xem. Biết đâu tôi sẽ tìm thấy nhiều cảm giác lạ.

“Được, tao chẳng giúp gì mày hết. Tao muốn thử nghiệm một ca mới, thể thôi. Nhưng mày không sợ ông ấy yêu tao thật, rồi lại khổ thêm một lần nữa à? Mày biết, tao chẳng thủy chung với ai bao giờ.”

“Thà vậy. Tao không muốn đi lấy chồng với một tâm trạng “có lỗi”, một gánh nặng trĩu ản trên vai.”

“Mày ích kỷ vừa vừa chứ. Không nên yêu mình thái quá như thế.”

“Như mày, tao là đàn bà. Đàn bà thì chẳng ai khác hơn đâu. Đừng có đạo đức giả.”

Thế là tôi đã tạo cơ hội để chàng làm quen, ngỏ tình. Trò chơi tưởng cũng giản dị như tôi nghĩ. Nào ngờ chính tôi lại vướng vào cái bẫy mình tự giăng ra. Bây giờ thì mọi chuyện đã khác. Vị trí của tôi và chàng đã hoán đổi. Không phải chàng mà chính tôi là người đang vùng vẫy giữa bốn vách lưới. Chàng, chàng đứng ngoài, thông dong.

Tôi tâm sự với Phương. Nó nói,

“Tao mừng vì mày đã yêu anh ấy. Đó là một người đàn ông tốt, tao cam đoan với mày điều đó. Anh ấy chưa hề tỉnh sau cú ly dị với tao. Nhưng trước sau rồi cũng tỉnh. Mày giúp anh ấy trở lại tình trạng bình thường, tao vui...”

“Và trút được gánh nặng trĩu ản trên vai?”

“Sự thật không đến nỗi tàn nhẫn như thế đâu. Tao thương anh ấy, tao nói thật, rất thương. Sáu năm chung sống chưa bao giờ tao thất vọng vì anh ấy. Nhưng tao có vấn đề của tao.

Không còn cách giải quyết nào khác.”

“Vấn đề gì mà ghê gớm đến thế?”

“Đừng hỏi.”

Vấn đề gì? Phương nhất định không nói. Đã vậy tôi cũng chẳng cần tìm hiểu. Với tôi bây giờ chỉ có một vấn đề duy nhất là chàng, tình yêu tôi dành cho chàng. Ngày mai tôi lại sẽ đến thăm chàng. Tôi hy vọng sự tận tụy của tôi sẽ giúp trái tim chàng đập lại nhịp đập bình thường. Nhịp đập của một người đàn ông trước một tấm lòng rộng mở.

* * *

Con mưa chợt đến, chợt đi. Bất ngờ và có vẻ vô duyên. Tôi nhớ đến những trận mưa lướt thướt ở quê nhà. Mưa dai dẳng, mưa lầy lội, mưa thối đất ủng trời, mưa triền miên từ ngày này qua ngày khác. Mưa rào rào trên mái tôn, mưa vật vã tàng cây ngô đồng trước ngõ. Mưa gợi nhớ những câu thơ suối mướt của H.C.,

Đêm mưa nằm nhớ không gian

Lòng run thêm, lạnh nổi hàn bao la

Những đêm mưa quê nhà... Phương gói đầu trên cánh tôi, hơi thở nhẹ, mái tóc thơm mùi bồ kết, đôi mắt khép, nụ cười phảng phất trên môi,

“Anh còn nhớ cái đêm chúng mình đứng trú mưa dưới chái hiên ở chợ Ô.T.?”

“Nhớ.”

“Đó là lần đầu tiên anh hôn em phải không?”

“Sai rồi.”

“Vậy lúc nào?”

“Trên sông T.Đ. buổi tối chúng mình cùng đi thuyền với gia đình anh T., anh Q.”

“Anh cũng sai rồi. Tối đó anh hôn em chứ chúng mình không hôn nhau. Anh hôn em, khác, chúng mình hôn nhau, khác, đừng có nhập nhằng.”

Tôi nhớ lại buổi tối trên sông. Mặt nước loang loáng ánh bạc, trăng mười sáu như một cái mâm lớn nhô lên phía sau hàng dừa nước phía chân trời. Gió gầy lạnh. Chiếc thuyền nhấp nhô. Gã trai trẻ đứng trước mũi thuyền, ngửa ra, chồm tới chậm và đều theo nhịp chèo. Tiếng hát của anh T. cất lên lồng lộng, lan tỏa trên mặt sóng. Những mái tóc dài phất bay trong gió, những đóm lửa đỏ rực đầu môi. Chúng tôi ngồi cuối khoang thuyền. Đầu Phương dựa trên vai tôi, mắt khép, ánh trăng xối trên khuôn mặt nàng một màu sữa mịn. Tôi đưa tay nâng cằm Phương lên ngang tầm và cúi xuống... Phương đẩy tôi ra, *Đừng anh, họ thấy, kỳ lắm*. “Mình yêu nhau ai cũng biết, hôn nhau có gì mà kỳ?” Tôi lại cúi xuống... Nàng đẩy nẩy, quả quyết, *Em bảo đừng mà*. Nhưng cuối cùng tôi vẫn đặt được môi mình lên môi nàng. Chẳng thể nhớ tôi đã hôn nàng hay chúng tôi hôn nhau.

Kỷ niệm khiến tôi bật cười. Tôi trêu,

“Em phân tích như một chị đàn bà bần tiện.”

“Chẳng bần tiện. Đề con người ta ra mà hôn, như thế là cưỡng bức. Hôn nhau là cả hai cùng tự nguyện. *Bị* hôn khác với *được* hôn chứ. Khác xa.”

“Kể như anh thua em. Bây giờ cả hai cùng được hôn nhé?”

Không đợi nàng trả lời, tôi xoay qua kéo đầu nàng lên. Chúng tôi hôn nhau. Tôi siết Phương trong vòng tay, da thịt nàng ấm nóng dưới lớp chăn dày. Chúng tôi hôn nhau. Yêu nhau. Mưa của đất trời tầm tã bên ngoài. Mưa của thân xác ướt sũng bên trong...

Vậy mà chúng tôi đã xa nhau. Vậy mà bây giờ nàng đang nằm trong lòng kẻ khác. Trái tim tôi lại đau nhói.

Tôi bước xuống đường, băng ngang giữa hai làn vạch trắng. Nước mưa trắng trên mặt lộ một lớp kính trong, lấp lánh dưới ánh sáng của những ngọn đèn đường. Thọc sâu bàn tay còn lại trong túi áo lạnh, tôi đi không chủ đích.

Buổi chiều từ nhà thương ra tôi đã định gọi nàng đến đón, nhưng nghĩ như thế mỗi ràng buộc giữa tôi với nàng sẽ thêm sâu đậm. Tôi không muốn. Đã nói, tôi đang tìm cách “cút xéo” ra khỏi những phiền toái vướng víu quanh cuộc đời nàng. Không còn sự ham hố của tuổi đôi mươi. Trận đòn hết sức vô duyên vừa qua đã khiến tôi khá mệt. Sợ, chắc là không, nhưng ngao ngán thì chẳng thể phủ nhận.

Ngày mai phải đi xin việc. Cánh tay bó bột chắc chắn sẽ là một trở ngại đáng kể, nhưng không đi không được. Tình hình tài chánh của tôi đang ở mức báo động. Chưa chắc bây giờ về đến nhà chủ đã bằng lòng cho tôi tiếp tục ở. Tôi mò mẫm một lần nữa túi áo, túi quần, hy vọng sẽ tìm thấy một tờ giấy xanh với bốn con số lớn lớn quanh bốn góc. Trống rỗng. Máy đồng các chạm nhau lách cách. Cũng buồn cười thật, đã biết tổng chẳng có gì trong những chiếc túi lép, vậy mà vẫn cứ tìm, cứ kiếm, cứ mong phép lạ sẽ đến. Cũng như biết tổng Phương đã bước hẳn ra khỏi cuộc đời tôi, vậy mà

vẫn mang mãi hy vọng mong manh nàng sẽ trở lại! Đầu óc con người đôi khi thật chẳng ra làm sao.

Tôi đi mãi, lang thang trên hè phố, vượt qua hàng chục “lốc” đường, rẽ vào một shopping, ngắm nghía từng núi hàng hóa đủ loại thượng vàng hạ cám. Chán, trở ra, tiếp tục bước đi. Khi đứng chờ đèn xanh chỗ một ngã tư tôi bỗng nhìn thấy hai cây kim lớn của chiếc đồng hồ trên mặt tiền một rạp chiếu bóng chỉ đúng con số mười một. Đêm nay sẽ ngủ đâu? Về nhà trọ ư? Lại mất công kẻ lẻ dài dòng, năn nỉ ỉ ôi tiền nhà tiền cửa. Nhưng dù sao cũng phải tìm một chỗ ngủ chứ. Xét cho cùng chẳng ai có thể giúp tôi ngoài thằng bạn nói khổ - thằng bạn đã cứu mang tôi một năm trước. Tôi ghé vào trạm điện thoại công cộng gọi cho hắc bảo đến đón. Thằng bạn có vẻ ngạc nhiên,

“Xe đâu? Làm gì lang thang ở đó giờ này?”

“Tao kể sau. Bây giờ đừng có cật vấn lồi thôi nữa. Đón ngay, ông đói và lạnh lắm rồi.”

Và cúp máy bước ra lề đường, ngồi xuống băng ghế dài của trạm xe bus, chờ.

Tôi từng ngồi như thế này, rất lâu, hôm rời khỏi nhà bố mẹ Phương, số tiền hai nghìn nàng đưa cho tôi “*để anh thuê nhà, tiêu pha trong bước đầu*” vì tự ái tôi đã không lấy, trong túi tôi chỉ còn đúng ba mươi đồng. Ba mươi đồng giữa một thành phố xa lạ, không họ hàng thân thích, không nghề nghiệp *dóp diếc*! Nhưng nỗi âu lo cho một tương lai đầy bất trắc không khiến tôi khổ sở bằng niềm đau cứ ngùn ngụt dâng mãi trong lòng. Thảm kịch ly dị chẳng phải chuyện ghê gớm trong thời đại này, theo thống kê cứ một trăm cặp vợ

chồng đã có đến gần ba mươi cặp lời nhau ra tòa ly dị, nhưng đối với tôi, quả là một cú “sốc” quá nặng nề. Tôi hoàn toàn bất ngờ, chẳng chuẩn bị mảy may để đón nhận nó. Đau hơn nữa, tôi không thể trách Phương, bổn phận của hoa là phải kết trái. Tôi như con ong đực đã bị Thượng đế ngắt vôi, chẳng thể mang phấn đực cây trái cho hoa. Nàng bỏ tôi là điều hữu lý. Nhưng tôi phải sống thế nào đây trong thời gian tới? Có thể một người đàn bà khác sẽ đến với tôi, có thể tôi sẽ quên Phương và vui với tình yêu mới. Song tôi có giữ nổi tình yêu đó suốt đời được không? Hay rồi cũng như Phương, họ cũng sẽ bỏ tôi khi khám phá ra điều bất toàn? Chẳng lẽ tôi chấp vạ với một người đã có con? Giải pháp này có vẻ tốt nhất, nhưng mà, nhưng mà... Thảm đến như thế sao? Năm nay tôi chưa quá ba mươi, tôi có học, có thêm triển vọng trở thành một khoa học gia, có thêm nữa hoài bão lớn ngày nào trở lại quê hương mang sở học phục vụ đất nước. A, tôi là một con người vĩ đại, thảm thay, một con người vĩ đại không có khả năng truyền giống.

Bỗng nhiên tôi bật cười. Nụ cười ràn rụa nước mắt. Thằng bạn không để tôi chờ lâu. Hắn dừng xe thò đầu ra ngoài hét tướng,

“Lên, về tao ăn cơm hay đi tiệm?”

Tôi không trả lời, bước đến mở cửa. Bây giờ thì hắn đã nhìn thấy cánh tay bỏ bột. Bèn trợn mắt,

“Trời đất, tai nạn à? Sao không báo tao biết?”

Tôi kể sơ chuyện xui xẻo cho hắn nghe. Thằng bạn đập tay lên *vô-lăng*, chiếc xe lạng qua lằn vạch trắng bên cạnh. Hắn chửi thề,

“Đụ mẹ, vậy mà ngậm tằm. Mà nhớ mặt thằng khốn chứ? Để đó tao tính.”

“Thôi bỏ đi. Cũng tại tao lạng quạng. Chuyện quan trọng bây giờ là làm ơn cho tao báo cô mày một thời gian. Tao thất nghiệp rồi, tay chân lại thế này chắc khó tìm ra việc mới, phiền không?”

“Phiền mẹ gì. *Cơ ngơi* của mày còn nguyên xi. Cứ về mà ở.”

Tôi nhớ đến cái garage bỏ trống đã sửa lại thành phòng với đầy đủ chỗ nấu nướng ăn ngủ. Lẽ ra tôi còn tiếp tục ở đó nếu không quá xa trường học. Vả, vợ chồng chúng nó quá tốt, nhất định không chịu lấy tiền khiến tôi dâm ngại. Tính tôi vẫn thường “*sĩ diện*” vật. Trừ phi bí quá như bây giờ. Tôi hỏi thẳng bạn,

“Vợ con không lằng nhằng chứ?”

“Không, lằng nhằng chẳng là mày đây. Cứ lêu bêu mãi trông chẳng giống ai. Lấy vợ đi. Thua keo này bày keo khác. Việc chó gì khổ sở dai dẳng thế.”

“Khổ mẹ gì. Nhưng con nào chịu lấy? Mày giới thiệu đi.”

“Chắc nhé? Để tao lo.”

Tôi bật cười lớn. Thằng này quả lạnh hơn bụt. Tâm hồn nó giản dị và ngây thơ như một đứa trẻ. Thảo nào suốt đời chẳng bao giờ nghe nó than khổ. Qua Mỹ năm bảy lần, không thông minh tài cán xuất chúng nhưng chăm chỉ trì chí. Bảy năm dài vừa làm cu li vừa học. Trầy trật mãi cũng xong được cái kỹ sư, có job, lấy vợ, sinh con đẻ cái, mua nhà, đầu tư đất đai... Đời sống bình yên và ổn cố. Cũng bày đặt tham

gia sinh hoạt chính trị, vào hội vào nhóm, thỉnh thoảng ký tên dưới vài cái kháng thư, vài tờ tuyên cáo. Có lần tôi trêu,

“Định chuẩn bị mai một về Việt nam mà lớn phải không?”

Nó thật thà,

“Lớn mẹ gì ngữ tao, nhưng chúng nó rủ thì vào chơi, cho vui ấy mà.”

“Ê, chuyện lớn không *cho vui* được nghe mày.”

“Này nhé, so với mấy cha nội tôi tôi đàn đúm ở mấy vũ trường, chiều chiều chén thù chén tạc ở các quán nhậu, tháng tháng mang tiền xuống Las Vegas đốt thành tro thì ba cái chuyện *cho vui* của tao xét ra có vẻ vô hại nhất, đúng không?”

Lập luận như hấn kẻ cũng có lý. Ít nhất có lý hơn tôi. Tôi chợt nhận thấy mình thua hấn quá xa. Tôi đang đứng ở vị trí nào trong cuộc đời này? Đây là lý tưởng của tôi? Dù chỉ thứ lý tưởng “cho vui”.

Chiếc xe rẽ vào sân. Thằng bạn tắt máy, quay qua ân cần,

“Tắm một cái cho khỏe rồi ra ăn cơm. Nếu muốn, tao với mày làm vài lon. OK?”

* * *

Chàng đi đâu? Gọi điện thoại hỏi chủ nhà, không biết. Gọi Phương, con bé có vẻ hốt hoảng,

“Anh ấy bị thương? Tại sao?”

Tôi không thể cho con nhỏ biết cái lý do lằng xẹt đã đưa

anh ấy vào bệnh viện. Tôi phía,

“Tai nạn.”

“Nặng không?”

“Đại khái, đã xuất viện nhưng tao không biết anh ấy đi đâu.”

“Anh ấy đi đâu?”

“Nhảm chưa, tao đang hỏi mày đấy thôi.”

“Bọn tao không còn liên lạc với nhau kể từ bữa anh ấy rời khỏi nhà.”

“Bạn bè của anh có những ai, mày biết?”

“Biết, cũng ít thôi. Mày thử tìm ở những số này...”

Cuối cùng, tôi đã tìm ra chàng.

Người đàn ông bên kia đầu dây xác nhận chàng đang ở đó. Tôi dặn ông ta đừng cho chàng biết có tôi tìm. *“Tôi muốn dành cho anh ấy một ngạc nhiên.”* Tôi nói với người đàn ông. Nhưng thâm tâm lại nghĩ khác, anh ấy không liên lạc với tôi, có thể anh ấy còn giận tôi về chuyện tên Cung. Tôi nhất tôi cứ tiếp tục chứng tỏ sự nhẫn nại của mình. Loại người như anh ấy không thể chơi trò “cương cường” được. Tôi thừa kinh nghiệm để đánh giá đối tượng. Dù rằng trong chỗ kín khuất nhất của tâm hồn, tôi cảm thấy lòng tự trọng bị xúc phạm nặng nề. Tôi xuống giá đến thế này ư? Không, chẳng bao giờ. Nhưng đây là tình yêu thực sự của tôi. Bao nhiêu năm nay tôi “yếu” một cách khác. Đi nhảy, đi ăn, cắm trại, leo núi, trượt tuyết, bơi lội... Thích, trao đổi ân ái. Hết thích, chia tay, Buồn không? Có chứ, nhưng chỉ chút chút, vài ngày, vài tuần, rồi quên, rồi lại một “tình yêu” mới, lâu lâu tình cờ chạm mặt cố nhân, đưa cao tay vẫy chào vui vẻ,

lòng không xao động mấy may. Tình yêu thực sự! Quả là một cái gì hết sức kỳ lạ. Tôi như người bị bóng đè, càng vùng vẫy càng nghẹt thở.

Tôi xin địa chỉ của người đàn ông rồi vội vã lên xe đến chỗ chàng.

Gặp chàng, tôi trách,

“Sao anh không báo cho em khi xuất viện?”

Chàng cười,

“Đã định nhưng thằng bạn đến đón trước nên thôi.”

“Vậy cũng phải gọi em một tiếng chứ.”

“Anh đâu có số điện thoại của em?”

Tôi chợt nhớ ra hơn một tháng quen nhau chẳng bao giờ chàng hỏi số điện thoại của tôi, và tôi, cũng quên bẵng không cho chàng biết. Lạ quá, quan hệ giữa tôi với chàng có vẻ nhàn nhạt thế nào, vậy mà tôi yêu chàng, vẫn cứ phải vất vả vì chàng.

Tôi ở với chàng suốt ngày. Rủ chàng đi chợ, tập đóng vai một “hiền phụ” đảm đang. Chàng khen những món ăn tôi nấu ngon. Tôi sung sướng. A, làm một người vợ đảm kẻ cũng thích chứ. Ăn xong chúng tôi nằm ôm nhau xem TV và ân ái với nhau nhiều lần trên chiếc giường nhỏ của chàng. Có lúc chàng rất hào hứng, có lúc tâm trí như đề đầu đầu. Dù sao, tôi nghĩ quan hệ giữa chúng tôi cũng đã tiến thêm một bước dài. Tôi hy vọng rồi chàng sẽ yêu tôi, như tôi đã yêu chàng.

Trước khi ra về, tôi hôn chàng, hẹn,

“Em bận học, sáng thứ bảy sẽ đến, bọn mình rủ gia đình bạn anh đi biển, nhé?”

Nhưng sáng thứ bảy vừa thấy xe tôi bò vào cổng, người đàn ông bạn chàng đã vội vã chạy ra,

“Hắn đi rồi, hôm qua.”

Tôi hốt hoảng,

“Đi đâu?”

“Không biết.”

Người đàn ông chỉ tay về phía chiếc xe của chàng đậu chỗ góc nhà, tiếp,

“Hắn nhờ bán giúp chiếc xe, trừ vào số tiền nhỏ hắn mượn làm lộ phí.”

Và lắc đầu thở dài,

“Cái thằng, tôi không hiểu nổi...”

Chợt ông ta vừa quay lưng đi vào vừa nói,

“Cô chờ tôi một tí, có thư của hắn gửi cô.”

Tôi ngồi bất động trước tay lái. Đầu óc choáng váng. Khi người đàn ông trở lại, tôi giật vội mảnh giấy trong tay ông ta.

Mảnh giấy trắng, gấp tư. Tôi mở ra, chỉ vón vện mấy chữ,

“Cảm ơn em. Vĩnh biệt.”

* * *

“Cảm ơn em. Vĩnh biệt.”

Tôi nói thầm khi chiếc xe đồ rời bến.

Trời lát phát mưa. Những hạt mưa nhẹ, thưa, rơi nghiêng trên mặt nhựa đường. Chiếc xe hướng về ngã xa lộ. Ba mươi sáu tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ có mặt ở một thành phố khác, thành phố lạ hoắc chưa lần nào tôi đặt chân đến. Có hề gì. Không ai chết đói trên xứ sở giàu có này bao giờ. Tôi quay

mặt nhìn nghiêng qua khung kính khép, mưa vẫn nhẹ hạt nhưng sương mù bắt đầu dâng lên xóa mờ khối kiến trúc cao tầng của khách sạn H. cách đó không xa. Cậu bé ngồi bên cạnh tôi nhai kẹo cao su nhóp nhép, thỉnh thoảng cậu chu miệng thổi ra một chiếc bong bóng. Chiếc bong bóng lớn dần, nổ bụp. Tôi nhớ đến quả bóng xanh của nàng, quả bóng vượt qua đầu tôi rơi xuống vực tối, còn nằm đâu đó giữa bụi bờ lau cỏ. Tôi lẩn thẩn tự hỏi: Nếu không ai nhìn thấy và nhặt, liệu bao nhiêu lâu nữa quả bóng sẽ xì hơi, xẹp lép?

ĐÊM NGÀY MỘT CỐI

Hoan đặt chiếc ly không xuống mặt bàn ngổn ngang vỏ chai.

“Mình về.”

“Dạ, anh về.”

“Không, chúng ta cùng về.”

Cô gái nhìn Hoan vẻ hơi ngạc nhiên.

“Em với anh?”

“Ừ, chúng ta. Đêm nay em thuộc về anh.”

“Đâu có ngang xương vậy được. Phải xin phép chị Tư.”

“Thì xin phép...”

Cô gái đứng dậy, lách mình giữa hai dãy bàn đầy khách, hướng về phía người đàn bà có vẻ mặt lúc nào cũng như đang ngái ngủ ngồi trên chiếc ghế cao chỗ quầy rượu. Hoan theo sau, cố thu gọn người, nhưng đến giữa phòng chàng vẫn sơ ý vung tay làm rơi chiếc bóp đặt chênh vênh trên góc một

mặt bàn. Hoan cúi lượm, khi ngẩng lên chợt bắt gặp ánh mắt lạnh lùng của chủ nhân món đồ. Hoan nhẹ nhàng để chiếc bóp đúng vị trí cũ.

“Xin lỗi...”

Cô gái không trả lời, mặt khó đăm đăm. Hoan hơi ngượng. Máu giang hồ chợt trở dậy. Chàng khom người ngang tầm cô gái.

“Em đẹp, đừng nhìn nhỏ thỏ, xấu đi.”

Và quay về phía người khách ngồi chung bàn với cô ta, cà khịa.

“Phải không ông bạn?”

“Ông bạn” tuổi tác đã cao, muốn yên thân nên vội nhoẻn miệng cười. Hoan chẳng còn lý do gây hấn, xoay người bước đi.

“Bộ anh khoái sinh sự lăm hả?” Cô gái hỏi.

Hoan nhún vai.

“Bây đặt đây mà, cho đỡ buồn.”

“Nhờ gặp thứ thiệt, đánh nhau thì sao?”

“Càng vui. Con bé nào thế?”

“Đồng nghiệp của em.”

“Sao lồi vậy? Có ngày ăn đòn.”

“Thôi đi ông, hung hăng vừa vừa chứ.”

Hoan leo ngồi trên chiếc ghế cao rút thuốc châm hút.

Cô gái đứng cạnh, quàng tay ôm ngang lưng chàng, chồm người về phía người đàn bà.

“Chị Tư, hôm nay em về sớm...”

“Mới mười hai giờ mà.”

Cô gái chưa kịp trả lời Hoan đã nhanh nhẹn vát lên mặt

quầy tờ giấy trăm.

“Bồi thường thiệt hại.”

Người đàn bà nhìn Hoan vui vẻ.

“Nói thế chứ cũng sắp đến giờ đóng cửa. Hai người cứ tự nhiên.”

Bà ta vợ vội tờ bạc thả vào hộc, quay qua cô gái.

“Mai đến không?”

“Chưa biết, chị Hai. Mai, ba mươi rồi.”

Hoan khoác tay cô gái bước ra. Đèn tối mờ, chỉ vừa đủ nhìn thấy lối đi. Gã đàn ông ngồi ủ rũ trên chiếc ghế đầu ngảng đầu nhìn hai người, hần chậm chạp đứng dậy, đưa tay đẩy nhẹ cánh cửa gỗ. Hoan cảm thấy hơi nóng bên ngoài phả vào mặt, dù đã khuya. Cuối năm nhưng khí hậu vẫn oi bức như giữa mùa hè, cái nóng thường kéo dài dai dẳng đến gần sáng. Cái nóng khiến những đêm cúp điện, Hoan phải mang chiếc giường xếp ra đặt ngoài hành lang để tránh cảm giác ngột ngạt trong căn phòng nhỏ. Hơi nóng đặc quánh trong không khí, bám trên da thịt, mồ hôi tươm nhớp nháp khắp thân thể. Hoan nằm vật vã xoay trở đủ mọi tư thế, hai mắt nhắm mà thần trí dật dờ nửa tỉnh nửa mê. Nhiều đêm trằn trọc đến hai ba giờ sáng vẫn chưa yên giấc. Không ngủ được, đầu óc dễ suy nghĩ bậy bạ, đòi hỏi xác thịt có cơ hội bộc phát. Rút kinh nghiệm, bữa nào cúp điện Hoan thường la cà ở các quán rượu tới tận khuya, khi trở về không bao giờ chàng quên mang theo một “cái gối ôm”.

Chiếc taxi trở tới khi hai người vừa ra đến lề đường. Hoan đưa cô gái lên xe. Đêm sâu. Phố xá vắng người, mặt lộ trở nên rộng thênh thang. Rác, giấy vụn bị gió cuốn giạt vào

lề trắng xóa. Chiếc taxi chạy chậm giữa hai hàng kiềng kiềng giao lá trên cao như trôi giữa dòng kinh. Thỉnh thoảng sau những gốc cây, bọn gái ăn sương váy ngắn đến bẹn đứng lấp ló đón khách. Trước kia Hoan vẫn thường bắt mấy em thợ chọi này về giải quyết qua đêm, nhưng từ bữa được một em cấp giấy giới thiệu cho vào Trung tâm Bài Trừ Hoa Liễu nghỉ phép, Hoan cách, xoay qua các nàng chiêu đãi. Dĩ nhiên có tăng thêm phần tốn kém, nhưng tiền nào của đó, mức độ an toàn tốt hơn nhiều.

Cô gái ngồi bên ngáp ngắn ngáp dài. Hoan choàng tay qua vai cô ta,

“Em buồn ngủ?”

“Dạ, em không quen uống rượu.”

“Bia mà, giả ngay thôi.”

Hoan lòn tay vào áo cô gái, vầy vò trái vú mềm. Cô ta thun người.

“Nhột em... Bác tài chiếu tướng kia.”

“Bác ấy chẳng thèm nhìn đâu...”

Hoan vừa nói vừa tiếp tục thả lỏng bàn tay. Cô gái không còn phản đối, rúc rích cười. Chiếc xe vòng qua bùng binh C.R., chạy ngang công viên, trục chi hướng bờ sông rồi dừng lại trước một cao ốc.

“Đến rồi cô cậu.” Bác tài cất tiếng.

Hoan trả tiền, dìu cô gái lên thang lầu.

“Anh ở một mình?” Cô gái hỏi lúc vừa bước chân vào phòng.

“Không một mình thì với ai?”

“Ừ nhỉ.”

Chợt thấy sự ngớ ngẩn trong câu hỏi của mình, cô gái vót vát.

“Các ông độc thân vẫn thường chung phòng cho có bạn, đỡ buồn.”

“Anh ghét chung đụng... Em tắm đi.”

Trong lúc đợi cô gái tắm, Hoan ngồi đọc vắn vợ những mục linh kinh ở trang trong một tờ báo cũ, cách giải đáp huê vốn của mục gỡ rối tơ lòng khiến chàng bật cười. Sống nhiều năm trong nghề viết lách, Hoan chẳng lạ gì trò nhảm nhí này. Nào mấy ai vô công rồi nghề ngồi còng lưng viết ra giấy những tâm sự lòng thông cảm thiết thế kia? Chín mươi chín phẩy chín phần trăm các lời vắn đáp đều là sáng tác của bọn đực rựa (nhưng bao giờ cũng giả dạng nữ lưu bằng những bút hiệu nghe rất thơ mộng trữ tình). Điều khá mai mĩa, mấy anh nhà báo hạng bét này thường đa số người không được, nhân dáng cũng như cuộc sống tình cảm hoàn toàn dưới trung bình, thậm chí có anh chưa từng một lần trong đời được cái hân hạnh nắm tay vuốt tóc đàn bà con gái! Nắm tay vuốt tóc thôi, chứ đừng nói chi đến chuyện yêu đương thắm thiết, chuyện nửa đường đứt gánh, chuyện trái ngang phụ rẫy... hầu có được chút kinh nghiệm bản thân để khuyên răn dạy dỗ người! Vậy mà ba chuyện tào lao đó lại rất đắt khách, nhất là bên cạnh trò gỡ rối còn có thêm mục tử vi Đông Tây nữa thì ăn trum. Tử vi Đông Tây! Lại cũng chẳng có chiêm tinh gia, tướng số gia nào phụ trách cả, lại cũng chỉ một anh ký giả hạng cá kèo nào đó giả dạng. Mỗi tuần, anh ta tương đại mười hai lời đoán... mò. Tinh ý chút xiu, sẽ thấy tất cả đều rập theo một công thức bất di: Vô đề, *có kẻ tiểu nhân ám*

hại, công việc làm ăn gặp đôi điều trở ngại, người yêu giận dỗi, đi đứng cẩn thận coi chừng tai nạn... Kết luận, nhờ quờn nhơn phù trợ, nhờ phúc đức ông bà, mọi chuyện rồi cũng xuôi chèo mát mái, hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai... Đọc xong mấy lời tiền hung hậu kiết này, bảo đảm anh (hay chị) nhất định thơ thới hân hoan, về sau, bọn phụ trách mục Tử Vi thấy viết nhăng viết cuội mãi vẫn chỉ chừng đó chuyện, thêm tốn công mệt óc, bèn nghĩ ra cách tiết kiệm sức lao động rất hiệu quả: Chịu khó bỏ chút ít thời giờ, thu nhặt tất cả mọi lời giải đoán trên mọi tờ báo, rồi cứ thế mà “xào”.

Cô gái từ buồng tắm bước ra, cô quần quanh người chiếc khăn lông ngắn, chỉ đủ che phân giữa của thân thể. Vừa giữ giữ mái tóc, cô ta vừa chặc lưỡi.

“Mới tắm xong mà vẫn nóng chịu không thấu.”

“Nóng thật.”

Hoan đứng dậy đến mở rộng thêm hai cánh cửa sổ. Động cơ xích lô máy gầm rú dưới lòng đường, Hoan nhìn xuống, trong lòng xe một cặp trai gái quần siết lấy nhau, anh đàn ông gần như leo hẳn lên người chị đàn bà, bất kể bác tài xế ngồi lênh khênh trên cao có nhìn thấy cảnh mê toi hấp dẫn bên dưới hay không, cặp tình nhân thả cửa hôn hít sò soạng, thực thi đúng đắn câu “mục hạ vô nhân”. Chiếc xe vụt qua, nhanh chóng mất hút vào bóng đêm.

Khi Hoan trở lại giường thì cô gái đã vắt chiếc khăn lông xuống sàn nhà từ bao giờ. Cô ta nằm ngửa tênh hênh trong tư thế chờ đợi. Ánh sáng đèn đường hắt qua khung cửa sổ, tráng trên thân thể cô gái một lớp kem mịn, màu da như trắng hơn, những đường nét cũng trở nên thanh tú, gợi tình. Hoan

cúi xuống hôn môi cô gái. Cô ta vòng hai cánh tay trên lưng Hoan, ưỡn người hôn trả. Hai người rời nhau, cô gái nói.

“Anh tắm đi.”

Hoan gật đầu đi vào buồng tắm. Nước mát lạnh giúp cơn váng vất trong đầu chàng tan nhanh. Nửa năm trở lại đây tửu lượng Hoan xem ra có chiều hướng đi xuống. Tuổi tác chẳng? Ba mươi tuổi, cái tuổi vẫn được xem như “chín tới” nhất ở một người đàn ông, vậy mà Hoan lại trở nên dễ nóng giận, mau chán, thường xuyên bất mãn trước mọi vấn đề. Chắc chắn nguyên nhân không đến từ tuổi tác. Phải có một điều gì không ổn đang ngự trị trong nội tâm chàng. Điều gì? Hoan suy nghĩ mãi vẫn chưa tìm ra căn nguyên. Phải chăng cuộc sống bấp bênh chẳng có ngày mai? Phải chăng cái vực tối cô đơn mãi tăng trưởng không ngừng? Phải chăng niềm tự tin ở tài năng mỗi ngày mỗi mòn mỗi trước thực tế chẳng thể phủ nhận? Phải chăng những thú vui phóng đãng, buông thả từ bao năm nay, như một chất cường toan, hủy hoại dần thể lực? Hoan đứng yên dưới vòi sen, nhắm mắt đón nhận từng sợi nước mát lạnh rưới đều trên hai vai, chảy phủ khắp thân thể. Chàng tỉnh hẳn. Khi Hoan định tắt nước, thôi tắm, thì cô gái cũng vừa lên tiếng gọi. Hoan với tay lấy chiếc khăn lông, lau khô người, bước ra.

“Xong rồi, cô bé.”

Chàng chậm chạp đến cạnh giường. Cô gái xoay người lăn một vòng vào sát tường, chừa một khoảng nệm rộng. Hoan nằm xuống. Cô gái với tay qua vuốt ve khuôn ngực trần của Hoan, bàn tay táy máy bò chậm từ ngực đến phần hạ thể. Da thịt cô gái hâm hấp nóng. Bàn tay cô ta mềm mại

uyển chuyển. Hoan xoay nghiêng. Mùi thuốc gội đầu từ mái tóc rậm tỏa ra đầy ngập khứu giác. Hoan kéo khuôn mặt cô gái lại gần, nhìn thấy hai đốm sáng lấp lánh trong đôi mắt ngược lên tình tứ.

“Yêu em đi.” Cô gái thì thầm.

“Yêu anh đi.” Hoan trả lời.

Cô gái cười khúc khích.

“Lười đến thế cơ à?”

Nhưng cũng tròn người lên, mái tóc thơm phủ kín trên mặt Hoan, mái tóc di chuyển xuống ngực, xuống sâu hơn...

Hoan vừa ân ái với cô gái vừa nghĩ đến những việc phải làm, ngày mai. Bỗng nhiên chàng nhớ đến hình ảnh đứa con hoang của Gide. Đứa con sau thời gian dài lang bạt, một ngày cảm thấy mỏi mệt, hần trở về. Những tưởng sẽ bắt gặp đôi mắt xót xa của mẹ, bao lời chì chiết của cha... Nhưng không, “Bay đâu, hãy lấy rượu ngon, hãy mổ dê béo, hãy bày tiệc linh đình chào đón con ta, đứa con tưởng đã mất nay vừa tìm lại được.” Hoan cũng nhớ đến đoạn cuối câu chuyện. Trong đêm tối, hai anh em - đứa con hoang và thằng em trai - nằm bên nhau. Đứa con hoang kể cho em nghe về những dặm trường hần đã đi qua, những cảnh thổ hần đã đặt chân đến, những lạ lùng, bất ngờ, tủ nhục, vui sướng hần đã nếm trải... Lời kể của thằng anh kích động giấc mộng phiêu lưu của đứa em. Để rồi, đêm sắp tàn, tiếng gà eo óc xóm xa... Đứa con hoang trở dậy, đốt đèn soi đường cho thằng em thực hiện cái công việc hần từng làm, và thất bại. “Thôi em đi nhé, và chớ trở về.” Lời nhắn nhủ đứa em ruột thịt hay cái khát vọng vẫn còn cháy bỏng trong lòng, chưa chịu ngủ yên?

Câu chuyện Hoan đã đọc thuở còn trung học vẫn hiện về hầu như không sót lần nào, vào những lúc năm cùng tháng tận. Như đứa con hoang của Gide, ngày mai Hoan cũng sẽ trở về, cũng sẽ gặp anh gặp em, gặp cha gặp mẹ, khác chăng sẽ chẳng có rượu ngon, dê béo, mà chắc chắn chỉ là đôi mắt dò hỏi kín đáo của mẹ, lời chất vấn nghiêm khắc của cha, *Anh làm gì một năm nay?* Rồi lại cái lắc đầu ngao ngán. *Lông bông mãi, thật chẳng ra làm sao...*

Sau cơn hoan lạc, Hoan nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Cô gái nằm một lúc, ngồi dậy đi vào phòng tắm. Khi cô ta trở ra, tiếng ngáy của Hoan đã đều đều một nhịp say. Cô gái vẫn nghĩ, đối với bọn đàn ông, không có thứ thuốc ngủ nào hiệu nghiệm cho bằng một quả làm tình. Sau trận mây mưa, chân khí hao tổn, thân xác anh nào cũng đòi hỏi bù đắp. Một giấc ngủ say, đó là nhu cầu tất yếu nhất. Cô gái định nằm xuống, chợt nhìn thấy cái ví da rơi trên nền gạch, bên dưới chiếc quần Tây vắt cầu thả chỗ cái ghế mây kê sát vách tường. Cô gái bước đến, cầm lên. Không dùng được tò mò, cô ta vừa liếc mắt về phía Hoan vừa vội vàng mở bung chiếc ví. Một xấp tiền dày cộm xổ tung, rơi vung vãi trên sàn nhà. Cô gái luống cuống cúi xuống nhặt nhanh những tờ bạc. Không kịp sắp xếp lại cho ngay ngắn, cô ta vội xấp bạc nhét vội vào xách tay của mình rồi hấp tấp mặc quần áo, mở nhẹ cửa lĩnh ra ngoài, xuống đường. Trong ngực cô ta, nhịp tim đập thành thịch. Cô gái đi như chạy ra khỏi khu *building*. Một chiếc xích lô máy giảm tốc độ tấp vào lề. Cô gái nhanh nhẹn bước lên, ngắn gọn ra lệnh.

“Xa cẳng.”

“Ba mươi đồng.”

“Nhiều cũng được, chạy gấp giùm.”

“Giờ này chưa có hãng nào bán vé đâu, cô chẳng cần gì phải gấp.”

Cô gái không trả lời. Chiếc xe chuyển bánh vút nhanh về hướng xa vắng. Cảm giác sợ hãi dần tan, cô gái thấy lòng mừng khắp khởi. Ba mươi Tết, những tưởng năm nay sẽ không thể về quê thăm gia đình được. Ai ngờ. Phải, ai ngờ. Mình gấp hên. Cô gái tuy có hơi áy náy cho gã đàn ông, nhưng cô tự vỗ về, trông cách tiêu pha hào phóng, chần chẫn anh ta chẳng phải dân khó rách áo ôm. Cô gái nghĩ đến xấp tiền, dễ chùng cũng trên dưới hai mươi nghìn. Lớn thật. Nhưng - cô gái tự trấn an - chỉ lớn với mình thôi, với anh ta, chắc chẳng quan trọng. Cô gái hình dung cảnh người đàn ông sáng mai thức dậy, phát hiện ra sự vắng mặt của cô, phát hiện thêm xấp tiền không cánh mà bay, có lẽ anh ta sẽ vung chân đá chiếc ghế mây, hoặc sẽ ném mạnh cái ví vào góc tường, hoặc sẽ dang tay đâm vào cánh cửa phòng, và nhất định sẽ văng tục một thôi một hồi... Rồi thôi, rồi lại mặc quần áo xuống phố, vào ngân hàng, rút mớ tiền mới, lững thững thả đến Bona, ngồi xuống chiếc bàn quen thuộc, gọi xong ly cà phê, hát hăm hời thằng bạn vừa mới đến.

“Ê, mày biết con Tuyết?”

“Tuyết nào?”

“Con nhỏ mắt lá răm làm ở bar Y.”

Thằng bạn có thể sẽ trả lời biết, có thể sẽ lắc đầu.

“Không. Nay, sao mặt mũi táo bón thế? Chuyện gì?”

“Khốn nạn, tối hôm qua con nhỏ nâng nhẹ của tao mất

hai mươi mấy thiên.”

“Trong trường hợp nào? Kể nghe.”

Anh ta kể. Thằng bạn nghe xong cười rống.

“Sướng con cu mù con mắt. Đáng đời.”

Cô gái cũng bật cười, cái cảnh dở khóc dở cười cô vừa tưởng tượng khiến lương tâm cô tạm yên ổn. Cô gái hình dung tiếp khuôn mặt rạng rỡ của mẹ khi cô đưa cho bà xấp tiền.

“Ồ đâu nhiều vậy?”

“Dạ, con để dành...”

“Nếu con không về, mẹ chẳng mua sắm nổi cái gì. Nhưng sao con không về sớm sớm vài ngày? Ba mươi rồi.”

“Dạ, công việc bề bộn quá mẹ ơi.”

“Có cực lắm không con?”

“Dạ... Ông chủ cũng dễ dãi, chẳng đến nỗi nào.”

“Ừ, mẹ mừng.”

Và thở dài, tiếp.

“Cả nhà chỉ trông mong vào con. Ba mầy thế kia, mầy đưa em thì nhỏ dại...”

Mẹ mừng! Cô gái thở dài. Trong đầu mẹ, nàng vẫn là cô thư ký rất được việc của một hãng xưởng bề thế tại Sài Gòn. Mẹ mừng! Cô gái tự hỏi mẹ sẽ còn mừng đến bao giờ? Mỗi ngày cô mỗi thấy mình chìm sâu hơn vào bệ rạc. Rồi sẽ đến một lúc nào đó chút lòng thương nhỏ nhoi của cô dành cho gia đình cũng sẽ rệu rã. Thực tế cay nghiệt đã bào mòn dần chút lương năng còn sót lại, rất mong manh, trong tâm hồn cô. Trách nhiệm với chính bản thân, cô còn chưa giữ được, làm sao giữ tròn trách nhiệm với gia đình? Cô gái nghĩ đến

người cha bê tha, đắm chìm triền miên trong men rượu. Ông không làm được bất cứ chuyện gì ngoài chuyện khảo tiền người vợ khốn khổ để đổi lấy chất nước đục nhờ cay xé độc hại, triền miên từ ngày này qua ngày khác. Cô mong cho cha chết. Cha chết, may ra mẹ đỡ khổ hơn, may ra cô thoát được cảnh sống hiện tại. Cô gái nhớ đến thằng con trai của “người bà con xa”. Nhớ cái đêm hấn mò vào buồng dụ hoặc cô. Nhớ cái đau cắt ruột của lần thất tiết. Nhớ những lời đường mật hấn rót vào tai cô. Nhớ sự cả tin của mình trước bùa phép của một thằng con trai thành thị khôn lỏi. Nhớ “người bà con xa” đã khám phá ra chuyện gian díu vụng trộm. Để rồi cô đã phải dứt áo ra đi, đau đớn, túi nhục, trước đôi mắt dừng dung của thằng con trai. Lần đầu tiên trong đời, cô gái hiểu được lòng dạ bọn đàn ông. Rồi cuộc sống, như cuồng lưu, cuốn cô trôi băng không thể cưỡng chống vào vũng lầy đọa lạc.

Chiếc xích lô bỏ cô gái xuống sân xa vắng đang còn thiêm thiếp. Trước các quầy bán vé, lổn nhổn những thùng mùng hàng hóa và trên những chiếc chiếu nhỏ, hành khách đang yên giấc. Cô gái ngồi xuống băng ghế trống. Dưới chân cô, một thằng bé lặn ra khỏi vòng tay mẹ, nằm dạn chân ngủ mê mết. Cái áo thằng bé đang mặc tóc lên, để lộ khoảng bụng no căng với chiếc rốn lồi dị hợm. Cô gái không cảm thấy buồn ngủ, dù gần như trọn đêm chưa chợp mắt được một phút.

Đêm đã chuyển sang ngày mới từ lâu. Những ngọn đèn vàng cạch chung quanh khu xa vắng hắt xuống mặt nhựa một thứ ánh sáng tù mù hiu hắt. Cô gái ôm chiếc xách tay trong lòng, kiên nhẫn ngồi chờ sinh hoạt thức giấc. Trong đầu cô,

hình ảnh của mẹ, của cha, của những đứa em và hình ảnh người đàn ông say ngủ sau cuộc làm tình trộn lẫn vào nhau, rời rạc, chấp vá.

* * *

Hoan giật mình thức giấc. Tiếng xe chạy dưới đường lồi chàng ra khỏi giấc ngủ.

Cô gái bỏ đi từ bao giờ. Nhanh chóng, Hoan phát hiện xấp tiền đã biến mất. Đúng như cô gái mộng tượng, Hoan tức giận đá chiếc ghế mây lăn long lóc. Chàng vừa văng tục luôn miệng vừa chạy bỏ xuống cầu thang, phóng ra hè đường. Phố xá vẫn chưa thực sự vào nhịp, các cửa tiệm vẫn còn đóng im ỉm. Mặt lộ vắng trở nên rộng thênh thang. Hoan hết nhìn ngược lại nhìn xuôi. Bóng chim tắm cá mịt mù! Em chơi trội thế này, ác quá! Hoan tiếp lục lỏi tam tứ đại cô gái ra chà xát kỹ lưỡng mà lòng chẳng nhẹ đi một ly. Chợt nhìn xuống, Hoan nhận ra không có tí quần áo nào dính trên thân thể ngoài cái xì-líp nhỏ xíu nổi cộm phần hạ bộ thô tục. Chàng vội vàng quay lưng trở về phòng, nằm vật ra giường thở hắt từng cơn. Ba mươi tết! Dự tính sáng nay sẽ về thăm gia đình đành gác lại, chẳng biết đến bao giờ. Lời hứa với đứa em gái cũng coi như... theo gió bay đi! *Anh về ăn tết kỳ này nhớ cho em ít tiền mua cái xe đạp. Từ nhà đến trường những ba cây số, mỗi ngày hai bận đi bộ muốn lả đôi chân. Anh nhớ nhé, bớt tiêu pha giúp em. Anh hứa đi....* Hoan hứa, rất thành thật, Hoan hứa, và chạy đôn chạy đáo từ tòa soạn này qua tòa soạn khác, gặp hết ông chủ bút này đến ông chủ

bút khác, uốn ba tấc lưỡi, “Sang năm, tôi sẽ viết cho ông cái phoi-dơ-tông, bảo đảm hết xẩy”. “Thôi đi, lúc nào cũng lằng nhằng tư duy với khắc khoải. Chuyện cậu viết nhưế đầu bỏ xừ.” “Không, lần này nhất định mê ly rừng rợn từng trang.” “Viết nổi không? Các cậu ư có cái tật làm cho chữ nghĩa câu kéo tối mù. Độc giả chẳng nhá nổi đâu. Muốn *chở* gì thì *chở*, phải trong sáng rành mạch mới ăn tiền.” “Ông khinh tôi vừa vừa chứ, ba cái chuyện lảm nhảm máu đổ đầu rơi, lâm ly bi đát đó ngoáy một cái có ngay vài mươi trang.” “Chắc chứ?” “Chắc.” “Thôi được, tôi sẽ dành cho cậu mỗi tuần ba chục nghìn chữ.” “Tốt lắm. Đây... a-văng chút đỉnh tiêu tết...” Hoan đi rã giò, ghé trên hai chục tờ báo, chỗ nào cũng bỏn củ soạn lại: Mê ly, rừng rợn, hết sẩy... Có anh vừa thấy Hoan mở miệng đã lắc đầu quây quây, tìm lời từ chối khéo léo. Có thằng nghe xong màn quảng cáo, gật đầu bằng lòng, nhưng đến mục a-văng, lại lắc đầu cật lực. Có đứa đốp chát thẳng thừng: Tin mấy cha cũng chẳng khác bao nhiêu tin mấy mợ đồng cô, mấy thằng cốt cậu, chắc nhất, tiền trao cháo múc cho nó an tâm. Hoan cảm thấy tủi nhục, nghề buôn văn bán chữ thời nào cũng vậy, chẳng thể nuôi ấm bản thân. Nhưng đã lỡ hứa với cô em, không làm tròn lời hứa còn ra thể thống gì? Đành ngậm bồ hòn làm ngọt, tiếp tục du thuyết. Cuối cùng rồi Hoan cũng xoay được ngót hai mươi lăm thiên. Cầm mớ tiền trong tay, Hoan vừa mừng vừa lo. Mừng, năm nay Hoan sẽ áo gấm về làng, mẹ chàng hẳn cười rất tươi, cha chàng hẳn hết lắc đầu ngao ngán, và nhất là cô em gái, hẳn sượng lịm người. Lo, hai mươi lăm thiên, tính cho sâu sát cũng trên dưới sáu cái phoi-dơ-tông! Chữ nghĩa

của chàng có đâu lắm thế? Và dầu có cũng chưa chắc đã viết nổi! Nhưng mà... Mặc mẹ mấy anh chủ bút, mặc mẹ mê ly với rừng rợn... Từ từ rồi giải quyết cũng xong. Không xong, ì ra, làm gì được nhau? Hoan đồ liều, cố quên cái viễn tượng chẳng mấy tươi đẹp của tương lai. Chuyện quan trọng hiện tại là sử dụng thể nào cho hợp lý món tiền vừa xoáy được. Chàng tính toán cẩn thận: Bỏ ra năm thiên chi tiêu lật vật, kể cả mục xả xui cuối năm. Số còn lại ngày mai mua cho cô em gái chiếc xe đạp, mua cho mẹ xấp vải the, mua cho cha bộ cờ tướng quân ngà... Vậy mà, bây giờ... Hoan thờ dài ngửa mặt nhìn trần phòng. Mẹ, khôn nạn thật. Con điểm chết toi chơi ác không thể tưởng. Hoan nghĩ đến những ngày sắp tới, mừng năm ngày tết, chẳng lẽ vác mặt đi ăn bóng ăn gió bè bạn? Chẳng lẽ nằm dài người trong phòng, ép bụng xuống chiếu nhịn đói?

Dưới đường, xe cộ đã tấp nập. Ngày cuối năm, thiên hạ hối hả đi mua sắm lần chót. Hoan ngóc dậy, mặc quần áo thất thểu rời căn phòng độc thân chó chết. Đi đâu bây giờ? Nhưng chẳng lẽ nằm mãi trong bốn vách tường ám bụi để nhân nha gặm nhấm nổi sầu đời?

Thang lầu ngập ngựa rác, khoảng trống lưng chừng thang chỗ góc tường, mùi nước tiểu lưu cữu bốc mùi khai nồng nặc. Một vũng trơn nhót dưới chân làm Hoan lão đảo suýt trượt ngã nếu không níu kịp lan can. Chàng định chửi thề nhưng dừng lại kịp. Chính mình, những đêm về khuya, lúc hồn xác chìm đắm trong cơn say bí tỉ, cũng vẫn thường dừng lại chỗ này, gác tay lên mặt tường ngổn ngang những bộ phận sinh dục đàn ông, đàn bà được biểu thị bằng các hình

vẽ vụng về hoặc bằng chữ viết, cúi đầu nhìn vòi nước tưới vào vách, chạy ngoằn ngoèo trên nền xi-măng, bò xuống từng bậc cấp ra đến tận hè đường... Nhiều lần như vậy, chàng nghiệm thấy, chưa có một khoái lạc nào ngang bằng với cái giây phút thần tiên đó. Đời sống, ước mơ, tham vọng, bon chen, tị hiềm... Tất cả theo dòng nước khai nồng bốc men tuôn ra, khiến thể xác, tâm hồn chột nhẹ tênh bay bổng, kể cả đoạn đời tám năm khó nhọc mãi mê tìm kiếm chút hư danh cũng trở nên vô nghĩa đến tội nghiệp.

Tám năm! Kể từ lúc bước chân ra khỏi nhà, Hoan đã mang theo trong lòng một núi hoài bão. Những cuốn sách đã đọc; những tinh hoa của tư tưởng, của văn chương; những giai thoại về nếp sống khoáng đạt, bất cần, ngông nghênh của các tiền bối, đã như chất ma túy ăn sâu trong tủy máu. Hoan hăng say sáng tác, Hoan tự tin ở khả năng thiên phú của mình... Rồi sẽ có lúc mình nổi tiếng, tên tuổi sẽ được nhắc đến, tác phẩm sẽ lưu danh kim cổ... Ngày tháng qua đi, Hoan cố phấn đấu để bò dần từ một anh thầy cò lên ký giả hạng B, rồi C, rồi tác phẩm đầu tay... Hoan nghĩ, nó sẽ như một trái “bom”, nổ tung tóe trên chiến trường chữ nghĩa. Nhưng chờ mãi, trái “bom” tịt ngòi, rơi hẫng vào lãng quên. Như thế, đã tám năm! Chẳng có gì hết, chẳng là cái gì hết. Cuộc đời vẫn chảy xuôi lạnh lùng, Hoan đang bước vào tuổi trung niên. Có lẽ quá chững khi cho đến lúc này Hoan mới vỡ ra cái sự thật buồn bã này: Văn chương, thi ca, nghệ thuật sẽ chỉ là những thứ áo giấy trang sức rẻ tiền, nếu kẻ tạo ra nó chưa thể hủy diệt được cái tội kịch cớm của chính mình.

Xuống đến đường, mũi Hoan tràn ngập mùi thơm của

nước lèo tủa ra từ chiếc xe phở chỗ góc tường ngân hàng Việt-nam Thương tín, cạnh tòa cao ốc. Lão chủ vừa nhìn thấy Hoan đã vội cười rất tươi.

“Thầy nhà văn làm tô phở cho ấm bụng.”

Không nữa xu dính túi. Hoan định lắc đầu. Nhưng bụng chàng bỗng sôi ùng ục. Một đêm thức khuya, thêm trận làm tình chí chát. Hoan đói cồn cào. Chàng đánh liều ngồi xuống chiếc ghế đầu.

“Năm nay thầy nhà văn không về thăm nhà?”

“À... À... Chưa biết.”

“Con gái tui đọc truyện của thầy, mê lắm. Nó bảo hôm nào thầy ra sách mới cho nó một quyển có chữ ký mãn kỷ niệm.”

“Có phải cái cô để tóc thề, người thâm thắp, vẫn thường giúp ông bung phở?”

“Dạ, con gái đầu của tôi đấy.”

Hoan ngao ngán. Thói thường, mấy cô mê văn chương chữ nghĩa đều... chán mớ đời. Diễn hình như cô con gái ông hàng phở. Người ngòm như chị nạ dòng, thấp lùn đùn, mặt đầy mụn, chân tay u nần cục mịch, mắt liếc ngang liếc dọc trông vừa dâm vừa gian chịu không thấu. Tuy nhiên, để lấy lòng khổ chủ, Hoan cố vén môi cười thật tươi.

“Nhất định có sách mới tôi sẽ tặng cô ấy một bản quý. À, sao hôm nay không thấy cô ấy?”

“Dạ, ba mươi tết rồi, con nhỏ ở nhà phụ mẹ thu vén nhà cửa.”

Ông hàng phở đẩy đến trước mặt Hoan tô phở bốc khói nghi ngút. Chàng cúi xuống, vừa ăn vừa lo. Ăn xong, phải

nói với lão chủ thể nào đây? Dù gì, mình cũng là “thầy nhà văn”, chẳng lẽ năm cùng tháng tận lại đi ký sổ? Nhưng liệu còn cách nào khác nữa không?

Hoan vót hết những sợi phở cuối cùng, húp thêm lưng tô nước lèo, rồi đẩy cái bát ra xa. Chàng đứng lên, cố bình thần đưa tay rút cây tăm ngậm miệng, vòng tay ra sau móc bóp. Dù những ngón tay đã chạm vào lớp da mềm của chiếc bóp nhưng Hoan vẫn bật kêu.

“Ồ, cái bóp. Đâu rồi nhỉ?”

“Thầy có bỏ quên trên phòng không?”

“Chẳng biết, tôi qua đi nhảy về tôi hơi say. Để tôi lên xem lại. Lát nữa xuống thanh toán nhé?”

“Dạ, không sao thầy nhà văn.”

“Nhờ mất thật, năm hết tết đến, thiếu nợ coi soi đặng. Ngân hàng cũng đã đóng cửa phải chờ qua mừng ba mới rút tiền được. Thế này thì phiền quá.”

“Có là bao, thầy nhà văn. Tui cũng chẳng kiêng cử đâu, bao giờ thầy cho cũng được.”

“Để tôi lên tìm cái bóp.”

“Dạ, thầy lên. Mong thầy đừng gặp xui. Tiền bạc chẳng kể, mất hết giấy tờ phiền phức mất công lắm.”

Hoan thở phào nhẹ nhõm. Chàng trở về phòng, để nguyên quần áo nằm dài ra giường. Buổi sáng coi như tạm ổn. Còn trưa nay, chiều nay, và những ngày kế tiếp? Quả là xui tận mạng. Tiên sư cha con đười. khốn kiếp. Hoan lại văng tục, giận dữ.

NHỮNG TỜ BẠC

Chung quanh chiếu bạc, ngoài năm người đang thực sự sát phạt còn có thêm ba người nữa, hai vợ chồng chủ nhà và tôi.

Căn phòng chật mù mịt khói thuốc, có lúc khá ồn, có lúc yên lặng đến nghe rõ hơi thở của nhau.

Canh bạc kéo dài từ một giờ chiều đến bây giờ.

Bây giờ, đồng hồ trên tường chỉ bảy giờ tối.

Bình thường, tôi cũng giữ một chân, nhưng hôm nay tôi đến trễ. Từ ngày công ty mở thêm nhiều chi nhánh, tôi rất bận rộn, vẫn phải làm thêm ngoài giờ, kể cả ngày thứ bảy như hôm nay. Tuy không giàu có như những nhân vật đang ngồi đây, nhưng với chỉ số lương sáu mươi bốn ngàn một năm, chưa kể tiền lời được chia căn cứ theo số cổ phần đầu tư, tôi đương nhiên đứng vào hàng trung lưu có khả năng hội nhập bất cứ cuộc chơi tồn kém nào.

Sáng nay gia chủ gọi cho tôi, giới thiệu sơ qua thành phần tham dự.

Ông Thành, giám đốc hệ thống cung ứng thực phẩm Á châu. Huy, luật sư, du học và tốt nghiệp tại Mỹ vào những năm đầu của thập niên bảy mươi. Hà, vua không ngai trong ngành địa ốc. Phan, chủ chợ. Hồ, cựu chính trị gia, nghề nghiệp không rõ nhưng tiền của thuộc hàng triệu phú.

Dù rất nôn nóng muốn được họp mặt với những nhân vật nổi tiếng này, tôi vẫn không thể không giải quyết một số những công việc cần kíp. Mãi hơn sáu giờ mới tạm xong, tôi gọi phone về nhà dặn cậu em có thể tôi sẽ ngủ lại sở, đừng chờ cửa, rồi vội vã ra xe đến đây, sau khi ghé quán ăn vội bữa cơm tối.

Tôi bước vào phòng khách giữa lúc một ván bài đang ở giai đoạn gay cấn.

Mọi người có vẻ say máu, chẳng ai thèm để ý đến tôi ngoài chủ nhà. Ông ta mang cho tôi một chai bia, hỏi có cần gì thêm nữa không? Tôi lắc đầu nói cảm ơn và ngồi xuống sau lưng Hà, vừa theo dõi cuộc sát phạt vừa nghĩ, với khả năng tài chánh của những con bạc đang hiện diện, không hy vọng sẽ có người cạn lảng bỏ cuộc. Đành chầu rìa ăn có đỡ ghiền vậy. Tôi chơi phé không hay, không chuyên nghiệp, nhưng lại rất mê. Có lẽ một phần do số tôi bao giờ cũng đỏ, trong mười lần, ít nhất cũng bảy tám lần được hoặc thủ huê, họa hoàn lăm mới thua.

Tôi đưa mắt nhìn quanh một vòng thử lượng đoán tình hình sắp đến, nhưng chưa kịp có kết luận thì ông Thành đã đẩy ra chiếu một xấp bạc.

Huy và Phan xoay bài, bỏ.

Hà hất hàm hỏi ông Thành,

“Bao nhiêu?”

“Năm tờ.” Ông Thành trả lời.

Hồ nhìn Hà,

“Theo không?”

“Còn ông?”

“Theo chứ. Đã biết mèo nào cắn mỉu nào!”

Hồ vừa trả lời vừa đặt tiền vào tụ.

Hà một tay chống cằm, một tay xóc xóc cọc tiền của mình, suy nghĩ. Mỗi người đã có bốn con bài. Ông Thanh đôi cầu, một già. Hồ đôi xì, một bạc. Hà đưa tôi xem con bài tẩy của hắn, đôi đầm kít, đôi mười, cả ba tụ bài đều ngang ngựa. Ông Thành có lẽ ba cầu, nếu ông ta bắt được cây già sẽ thành cù lũ cầu, nhưng cây già đã nổi trên chiếu, mò thêm một con khó hơn mò kim đáy bể, tứ quý càng vô phương vì cây cầu cũng đã nổi. Như vậy nếu Hồ bắt được cây xì thì khả năng cù lũ xì sẽ rất có thể, con bạc chưa thấy xuất hiện, nhiều phần nó đang là con bài tẩy của Hồ. Hà liếc mắt kiểm soát hai tụ bài bỏ. Chưa có cây đầm nào lộ mặt. Cây đầm rất sáng. Nhìn mặt bài, tụ của Hồ và ông Thành chiếm ưu thế hơn. Nhưng bài bạc mà, biết đâu chừng. Có điều bỏ ra gần năm trăm để mua một con bài kẻ có nặng. Hà suy nghĩ khá lâu. Tôi ngồi phía sau hắn hỏi hộp theo dõi, rất muốn thúc hắn tham dự ván bài.

Ông Thành châm một điếu thuốc, rung đùi,

“Theo chứ?”

“Từ từ.” Hà trầm giọng.

Ba phút trôi qua, cuối cùng hắn quyết định theo. Ông Thành cười lớn,

“Chà, gay cần đây.”

Và đưa tay rút một con, dấu kín dưới lá đót chưa coi vội. Hồ rút con kế liếp, hắn nặn rất chậm. Bỗng chửi thề vát con bài ra chiếu.

Cây bồi. Hà thở phào nhẹ nhõm. Như vậy bài của Hồ đã bể. Thêm một địch thủ bị loại khỏi vòng chiến. Chỉ còn hai người. Hà rút. Tôi ghé mắt coi ké. Tôi cũng thở phào. Hà chậm rãi đặt con bài lên tụ của mình. Con mười, cả làng xôn xao. Hà hát hàm về đắc thắng về phía ông Thành,

“Ba xập đủ ăn ba cầu rồi chứ?”

Ông Thành không trả lời, bình tĩnh kéo một hơi thuốc, từ tốn nặn và đặt con già xuống chiếu, sắc mặt không thay đổi.

Hà ngồi im cố dấu sự khoái trá. Ván này nhất định ông Thành sẽ cạn lảng, tôi nghĩ. Không ai có thể ngờ Hà đang có đôi đầm kít. Bài kín như bưng. Ông Thành mua được con bài mình muốn. Thế mới chết! Làm sao ông ta hiểu được đã vừa mua thêm tai họa. Hà làm ra vẻ bất an,

“Cù lũ bạt thật sao cha?”

Ông Thành nhìn vào mắt Hà, từ tốn,

“Đánh đi.”

Hà cầm cọc tiền lên định ném hết vào lảng. Nghĩ sao bỏ xuống, chỉ tổ thêm hai nghìn,

“Thật thì nhào vô.”

Tôi biết Hà muốn tẩy xạc nhưng sợ lộ liễu quá ông Thành đoán ra sẽ bỏ nên cố tình nương nhẹ để câu địch thủ. Hắn tính hợp ý tôi, tổ vừa phải ông Thành tiếc ván bài, cay cú thế

nào cũng theo, nếu mạnh tay hơn gặp người đánh cao hoặc nhất đòn có khi lại hỏng ăn.

“Thật hay không chưa biết, nhưng ba xập đánh thế thì *văn nghệ* quá. Mà đây lại đếch thích *văn nghệ*, mới phiền!” Ông Thành vừa cười vừa đẩy hết đồng tiền còn lại của mình ra chiếu, tiếp,

“Láng tẩy.”

Hà ngược mắt nhìn địch thủ. Vẻ rạng rỡ trên khuôn mặt hắn bây giờ không thể che dấu. Tôi thấy hai bàn tay đặt trên đùi Hà run run. Thần kinh tôi cũng căng thẳng không kém. Ông Thành thua ván này đậm quá. Đánh phé như thế, yếu xiu, yếu hơn cả tôi là cái chắc. Từ lúc ông ta khởi tố năm trăm đồng, ai cũng nghĩ bài của ông ta đã lộ, nếu không có ba bạt, chẳng ai ngu dại bỏ ra những năm tờ để mua một con bài hú họa, con bài duy nhất còn lại trong tụ. Hà lại chống cảm động kịch suy nghĩ. Tôi nói nhỏ vào tai hắn,

“Cho tôi theo năm bóp.”

Hà không nhìn tôi,

“Bỏ năm tờ vào đi.”

Tôi móc ví. Hà vớ cọc tiền mới ông Thành vừa vắt ra, đếm. Tất cả năm nghìn tư ba chục. Trừ hai nghìn đánh trước, cộng năm trăm của tôi, Hà phải thêm vào hai nghìn chín trăm ba chục nữa. Hắn gầy gọn,

“Bắt.”

Chủ nhà ngồi sau lưng Huy vói tay tới trước gom đồng tiền sắp lại vuông vức, đồng thời lấy hai tờ trăm bỏ vào cái giỏ mây đặt bên cạnh. Chẳng hiểu điều gì vừa nảy ra bên trong chiếc trán hói kia, khiến ông ta chặc lưỡi,

“Chùng này gọi về Việt nam dám xây được một cái bệnh xá chứ chẳng chơi.”

Câu nói đùa không được hưởng ứng, nó chìm lìm vào không khí căng thẳng đang vây bọc quanh những con bạc. Hà ngồi thẳng lưng,

“Xong chưa?”

“Xong.” Chủ nhà trả lời.

Hà chồm người qua đồng tiền, dùng lá đốt kéo con bài tẩy của ông Thành về phía mình, đưa lên cao, nặn.

Cả làng nín thở theo dõi từng động tác của Hà. Sắc mặt hần chột đổi, hai bàn tay run nhiều hơn, hần vọt miệng chửi tục,

“Đụ mẹ, bài phản!”

Và vạt con bài ra chiếu. Con bài nằm ngửa bụng tênh hênh như chọc vào mắt mọi người. Con già. Cù lũ già!

Tôi nhủ thầm, đi đứt năm bò!

Không, ông Thành không yếu như tôi tưởng. Nhìn nét mặt lạnh tanh của ông ta, tôi tiếp tục tự cảnh giác, lần sau, gặp tay này liệu mà giữ thân, chết như chơi!

Hà đứng dậy,

“Hôm nay xui quá.”

Và quay qua tôi,

“Ông thế tôi một lát, phải nghỉ xả xui mới được, liên tiếp bốn ván bị phản phé, đánh đấm quái gì được nữa.”

Hà đến sofa ngả người nằm đốt thuốc hút. Tôi ngồi vào chỗ của hần, lấy tiền ra đập lảng.

Cuộc chơi tiếp tục.

Tôi thua dài dài cả chục ván, hai lần phải ký check đổi

tiền mặt của chủ nhà, nhưng tới nửa đêm thì vận đỏ xoay về phía tôi. Đến sáng, tan cuộc chẳng những tôi gỡ được vốn, còn lời thêm nghìn tư. Ông Thành thắng lớn. Hồ thua đậm nhất, đi đứt hơn chục nghìn, Phan thủ huê, Huy có lẽ kiếm được chút đỉnh. Hà từ khi nhường chỗ cho tôi nằm lâu bầu văng tục một lúc rồi ngủ thẳng cẳng đến sáng, hấn cũng thua gần sáu thiên. Dĩ nhiên không thể quên hai người chẳng bao giờ thua: vợ chồng gia chủ, khiêm nhường lắm cũng vò được hai nghìn tiền xâu.

Ông Thành rủ cả bọn đi ăn sáng. Tôi cảm thấy buồn ngủ muốn về ngay. Đi với đám này lại đông dài không chừng mất cả buổi sáng. Trên đường về tôi ghé một quán phở ăn qua quýt dần bụng. Con buồn ngủ làm hai mí mắt nặng trĩu. Tôi tự nhủ lát nữa sẽ ngủ thẳng một giấc đến chiều. Hôm nay chủ nhật, tối nay có cái hẹn với Hạnh. Phải dưỡng sức để còn rong chơi nhảy nhót và quần nhau suốt đêm chứ.

Tôi sống khá bừa bãi. Gần bốn mươi tuổi, độc thân, bố mẹ đã qua đời, chỉ phải lo cho một đứa em trai duy nhất, tiền bạc dư giả, tiêu pha hào phóng, vì vậy tôi có khá đông bạn bè và tình nhân. Trong rất nhiều những tình nhân này từng có đôi người tôi yêu thực sự, vài lần định tiến xa, nhưng hình như tôi cao số, rốt cuộc chẳng đi đến đâu, vả, có lẽ tiền bạc đã làm tôi hư hỏng. Tôi, dưới mắt của một số đàn bà con gái, là con mồi béo bở, họ đến với tôi do mãnh lực của đồng tiền nhiều hơn sự rung động chân thật của trái tim. Trong tình yêu, nếu trái tim không chịu tham dự, sẽ chỉ là đổi chác thuần tính vật dục, lâu dần trở thành một thói quen, nó giết chết sự thơ mộng vốn là nhân tố cần thiết giữa tương quan

nam nữ. Tôi, trong tôi, sự thơ mộng kia đã bị khai tử từ lâu!

Tôi quen Hạnh đã ba tháng nay. Hạnh lẳng lơ và táo bạo. Một mẫu đàn bà có ít chất xám trong đầu nhưng lại rất thừa chất nhờn ở phần hạ thể. Yêu Hạnh, dĩ nhiên không, càng không thể nghĩ chuyện ăn đời ở kiếp. Hạnh cũng chẳng quan tâm đến điều đó, đối với nàng, sống là phóng về phía trước, băng băng như một mũi tên, vượt qua những ràng buộc đạo đức, những tai tiếng hệ lụy. Hạnh lý luận rẻ tiền,

“Một người đàn bà qua năm bảy mối tình sẽ đương nhiên bị xếp vào loại lẳng lơ mất nét, trong khi đàn ông càng từng trải trong tình trường bao nhiêu càng được xem như những người lịch duyệt! Điều đó bất công chứ? Em không có ý nổi loạn để phá vỡ cái trật tự kỳ cục kia, nhưng cũng bực mình. Cuối cùng em nhận thấy cách tốt nhất cứ sống như mình thích, mặc kệ thiên hạ muốn nghĩ gì thì nghĩ.”

Tôi lên mặt triết lý ba xu,

“Cái gì cũng có giá của nó. Em sẽ phải trả một giá đắt cho quan niệm *cứ sống như mình thích* của em.”

“Em đang trả đây thôi. Anh hẳn đã nghe những tai tiếng về em rồi mà. Ngay cả anh nữa, sức mấy anh dám lấy em làm vợ, phải không.”

Phải, sức mấy tôi dám lấy nàng làm vợ. Hạnh biết vậy nên chẳng bao giờ du tôi vào thể kẹt. Tôi nghĩ - với một chút trác ản - đó là sự khôn ngoan duy nhất của nàng.

Tôi lái xe vào lối đi tráng xi măng. Đứa em trai đang đứng trên bậc thềm cùng cô bạn gái. Thiếu nữ khề nghiêng đầu chào, tôi mỉm cười đáp lễ rồi quay qua cậu em,

“Có ai gọi anh không?”

“Có, chị Hạnh.”

“Bao giờ?”

“Tối qua.”

“Em trả lời thế nào?”

“Như anh dặn.”

“Tốt. Hình như các em sắp đi đâu?”

“Dạ, đến thư viện.”

“Anh cần ngủ, sẽ tắt phone trong phòng. Nếu em về sớm, có ai gọi nói anh đi vắng, nhé.”

Đưa em trai gật đầu. Tôi vào bathroom rửa mặt, trở ra cởi quần áo leo lên giường. Căn phòng mát lạnh. Tôi kéo tấm chăn mỏng đắp kín ngang ngực, nhắm mắt. Tôi biết giấc ngủ sẽ đến ngay, vì hai mí mắt đã mọng cứng, cay xè.

Tôi thức dậy vào lúc bảy giờ chiều, cũng vừa lúc Hạnh gọi nhắc tôi về buổi du hí tối nay. Tôi nói sẽ đến đón nàng trong vòng một tiếng đồng hồ nữa.

Tôi trầm mình trong bồn tắm. Một giấc ngủ dài không mọng mị, hơi ẩm của nhiệt độ nước được pha vừa phải, mùi xà phòng quện trong không khí khiến đầu óc tôi tỉnh táo hơn. Nghĩ đến cuộc hẹn với Hạnh, tôi cảm thấy vui vui.

Tắm xong tôi trở lại phòng ngủ bật TV xem một lát rồi thay quần áo đến đón nàng.

Chiếc xe chưa vào đến parking Hạnh đã từ nhà đi ra. Tôi mở cửa. Hạnh nhanh nhẹn bước lên. Trong bóng tối chớp choạng, tôi nhìn thấy đôi môi Hạnh bóng nhẫy và mùi nước hoa từ thân thể nàng toát ra thoang thoảng quện rũ. Tôi nói,

“Cho anh hôn.”

Nàng nghiêng người ngược mặt về phía tôi. Chúng tôi hôn nhau. Khi rời ra Hạnh nhìn tôi cười,

“Son dính tùm lum kia.”

Và vói tay rút tờ “nápkin” lau cho tôi.

“Đi ăn chứ?” Tôi hỏi Hạnh.

Nàng gật đầu,

“Anh đói lắm phải không? Mình xuống đường Beach ăn cơm Thái lan. Cay lừng bùng hai lỗ tai nhưng ngon tuyệt.”

Tôi đưa Hạnh đến nơi nàng chỉ. Đó là một restaurant thuộc loại nhỏ, bên trong bày biện có vẻ xập xệ. Một tấm hình chụp được phóng lớn treo trên bức tường ngang, hai ba cô gái Thái với quốc phục màu sắc lòe loẹt, đầu đội những chiếc mũ nhọn, đang uốn éo tay chân trong một vũ điệu dân tộc đặc thù của xứ chùa tháp. Tấm hình này tôi vẫn thường thấy ở phòng bán vé các công ty du lịch, quen mắt đến chẳng gây nổi ấn tượng. Quán đông, đa số là người Thái, họ nói chuyện với nhau bằng một thứ ngôn ngữ lú lo tôi hoàn toàn không hiểu. Thâm tâm tôi có hơi thất vọng nghĩ cứ “về tắm ao ta” coi bộ thoải mái hơn. Mãi đến lúc dùng xong bữa tôi mới công nhận Hạnh nói đúng, thức ăn Thái lan quả có cay và ngon thật.

Từ quán ăn ra đã mười giờ, tôi chạy luôn đến vũ trường. Ở đó tôi gặp một số bạn bè quen, chúng tôi uống rượu và nhảy. Nửa đêm vẫn cuộc, tôi ngà ngà say. Sau khi chia tay với đám bạn, Hạnh nói,

“Đưa chìa khóa đây em lái.”

Đã một lần bị rắc rối về việc say rượu lái xe, nên khi nghe Hạnh đề nghị tôi bằng lòng ngay. Tôi đưa chìa khóa

cho nàng. Chiếc xe bò ra khỏi parking. Hai chiếc quạt nước xua tan lớp sương đọng mù khung kính. Dù cửa đã đóng kín nhưng tôi vẫn rung mình ớn lạnh. Tôi nói Hạnh mở máy sưởi và lục túi tìm thuốc hút. Chiếc bao giấy xẹp lép không còn điều nào.

“Ghé đâu đó anh mua bao thuốc.”

Hạnh cho xe rẽ vào cây xăng chỗ ngã tư. Tôi vỗ vỗ bàn tay lên đùi nàng,

“Đừng tắt máy anh ra ngay.”

Chờ người đàn ông đứng phía trước trả tiền xong rời chỗ, tôi bước tới với tay lấy hai gói Marlboro Light thả lên mặt quầy, kèm theo tờ dollar năm đồng. Gã thu ngân người da đen nhanh nhẹn đưa cho tôi hai tờ giấy xanh. Gã cười lịch sự,

“Thank you sir.”

Tôi cầm hai tờ bạc, nhận ra ngay gã thu ngân đã thôi lộn. Gã tưởng tôi vừa đưa mười đồng nên thôi lại những sáu đồng. Tôi nghĩ thầm, được hai bao thuốc không mất tiền lại lời thêm một dollar. Cảm giác thích thú trộn lẫn lo sợ dấy lên trong lòng, tôi vội vã bước nhanh ra cửa, hối hả bảo Hạnh rời chỗ đậu ngay. Thâm tâm, tôi ngại gã thu ngân phát hiện ra sự lầm lẫn sẽ chạy theo đòi lại. Thấy tôi có vẻ nôn nóng, Hạnh hỏi,

“Bộ anh say lắm à?”

“Ừ, có lẽ anh sắp ói. Nhanh lên em.”

Hạnh tưởng thật, nhấn chân ga, chiếc xe chồm tới, phóng ra đường chạy băng băng trên mặt nhựa rộng. Đêm đã ngả về sáng, đường phố trở nên rộng thênh thang. Tôi ngả người

vào chỗ tựa, nhắm mắt. Cảm giác lo sợ không còn, sự thích thú cũng rút đi. Tôi giật mình bàng hoàng. Vừa rồi, tôi đã hành xử như một tên ăn cắp hèn hạ! Ô, có thể như vậy được chăng? Tại sao tôi lại làm thế? Vì say? Không. Tôi mở mắt quay qua nhìn Hạnh, định nói nằng nằng vòng xe lui. Nhưng tôi thờ dài chán nản. Chẳng giải quyết được, gì hết. Cho dù tôi có trả lại cho gã thâu ngân số tiền thối dư thì câu chuyện vẫn nguyên trạng. Vấn đề không phải ở đó. Vấn đề là bởi động cơ tối tăm nào tôi cảm thấy khoái lạc một cách mọi rợ khi ăn gian được của gã sáu dollars? Hôm qua tôi đánh bạc, thắng, thua chỉ một ván bài đã có khi lên đến vài nghìn. Tối nay tôi cũng vừa rong chơi với Hạnh, riêng tiền “típ” tôi cho cô tiếp viên đã ngót ngét năm chục, kể gì đến bia rượu đổ như suối. Trên năm trăm đồng bay vèo qua cửa sổ không làm tôi động tâm mây may. Với khả năng làm tiền của tôi, với cung cách tiêu pha hào phóng nổi tiếng từ trước đến nay, mấy đồng bạc nào có nghĩa gì đâu? Vậy mà tôi lại sung sướng vì nó, vậy mà tôi lấm la lấm lét, vội vội vàng vàng rút nhanh ra khỏi cây xăng với một cảm giác ngáy ngất đầy thú tính cùng nỗi hãi sợ đốn mạt!

Tôi hình dung khuôn mặt của gã bán hàng có nụ cười trắng bóng hai hàm răng. Thank you sir. Cảm ơn ngài. Ngài! Khuôn mặt gã da đen lớn dần, nụ cười biến thành tiếng cười vang động. Hắn nhìn tôi, neho neho đôi mắt như mĩa mai giễu cợt. Ngài! Cảm ơn ngài! Cảm giác tủi hổ trào lên, tiếp tục tăng trưởng khiến ngực tôi tức nghẹn.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến một kỷ niệm xảy ra trên hai mươi năm trước.

Năm đó tôi mười một tuổi, đứa em trai hiện đang sống với tôi chưa ra đời. Gia đình tôi thuộc thành phần giàu có nhất nhì trong tỉnh, tôi lại là con một nên được cưng chiều rất mực. Có thể nói ấu thơ tôi được bọc kín bằng nhung lụa. Lên tám, tôi đã biết tiêu tiền và tiêu rất bạo. Khi thích một đồ vật gì tôi mua ngay, không đủ tiền cũng cố vò vĩnh cho bằng được mới thôi. Mỗi sáng trước khi đến trường, dù đã ăn uống đầy đủ, trong túi tôi vẫn luôn luôn có thêm năm mươi đồng tiêu vặt. Nên nhớ vào những năm đầu của thập niên sáu mươi, với năm mươi đồng, một gia đình nghèo có thể sống no đủ vài ba ngày. Nói rõ như thế để thấy rằng thuở đó tôi “phong lưu” biết bao nhiêu, và lơ mơ về giá trị của đồng tiền cũng biết bao nhiêu.

Nhà tôi tọa lạc ngay phố chính của tỉnh lỵ. Đó là một khối building bốn tầng. Ba tầng trên để ở, tầng trệt là *Trung Tâm Nhập Cảng Dụng Cụ Nông Cơ* do bố tôi làm chủ. Bên cạnh nhà có một khoảng đất trống, hai năm trước chị người làm của gia đình tôi đi lấy chồng, sau ngày cưới chị trở lại xin bố mẹ tôi cho mượn miếng đất để chồng chị che một mái *tôn* làm chỗ sửa xe gắn máy kiếm sống. Anh ta chỉ làm việc ban ngày, chiều về với gia đình. Bố mẹ tôi thấy miếng đất bỏ không chỉ tổ mất công làm cỏ nên vui vẻ bằng lòng. Dần dà, từ một chái *tôn* ọp ẹp, nhờ cần mẫn chăm chỉ, hai vợ chồng chị người làm mỗi ngày mỗi tu chỉnh và nói rộng thêm ra. Trong vòng hai năm, đã nghiễm nhiên biến thành cửa tiệm khang trang bề thế.

Một buổi sáng chủ nhật tôi lân la qua tiệm sửa xe xem ông chủ làm việc, đồng thời cũng có ý chờ gã bán kẹo kéo

sắp đi ngang. Tôi đứng chỗ hai trụ cổngximăng bên ngoài chứ không vào sâu phía trong, tôi sợ gã bán kẹo sẽ đi hút không nhìn kịp. Tôi đứng khoảng năm phút thì một thanh niên dẫn chiếc Honda vào tiệm.

“Nhờ chú coi dùm cái xe, đạp mãi không nổ.” Thanh niên nói.

Sau một hồi kiểm tra máy móc, ông chủ kết luận,

“Vít lửa mòn hết rồi, phải thay cái mới.”

“Bao nhiêu chú?”

“Hai chục.”

“Chú thay giùm đi.”

Xong việc, chàng thanh niên móc ví đưa cho ông chủ hai tờ mười đồng. Đang bận tay với một chiếc xe khác vừa mới mang vào, ông chủ nói,

“Anh để trên bàn hộ tôi.”

Chàng thanh niên làm theo, nói cảm ơn rồi lên xe phóng đi.

Ngay lúc đó một đứa bé, khoảng chín mười tuổi, dẫn người đàn bà mù bước vào tiệm. Đứa bé da xanh mướt lốm đốm vô số những mụn ghẻ nước, hai trũng mắt thâm quầng, mái tóc rối vàng hoe, chiếc quần đùi đang mặc rách tả tơi, lộ hẳn hai mông đen mốc ra ngoài. Người đàn bà cầm một đầu cây gậy tre, đầu kia trong tay thằng bé, bà ta bước chập choạng theo sau nó, đôi chân khẳng khiu không ngừng run lẩy bẩy bên trong hai ống quần đen vá chằng vá đụp, gấu đã rách te tua. Đứa bé cầm chiếc bát sành sứt mẻ chìa về phía ông chủ,

“Chú làm ơn làm phúc...”

Ông chủ quay ngang, nhẵn mặt,

“Không có, đi đi.”

Đưa trẻ lùi lại chỗ chiếc bàn, tiếp tục nài nỉ.

Một cơn gió lớn bỗng cuốn ngang, hai tờ bạc rơi xuống đất một tờ bay đến tận chỗ tôi đứng. Nhanh như điện, tôi dẫm bàn chân lên tờ giấy bạc. Tôi đứng yên ra vẻ bình thản. Một lúc, biết chắc không ai để ý, tôi ngồi xuống lượm vội nhét vào túi.

Thằng bé ăn xin vẫn tiếp tục lải nhải. Ông chủ nổi nóng đứng dậy, định tỏ thái độ với thằng bé, chợt ông ta phát hiện hai tờ bạc không còn nằm trên bàn. Ông tìm quanh, cúi lượm một tờ, tờ còn lại chẳng thấy đâu. Lập tức ông xoáy tia nhìn vào thằng bé,

“Mày mới lấy mười đồng phải không?”

Thằng bé dương mắt vẻ ngạc nhiên. Hắn chưa kịp hiểu, vì dù đứng chỗ góc bàn nhưng mặt quay về phía ông chủ, hắn chưa thấy hai tờ bạc. Ông chủ lặp lại, giọng gay gắt,

“Phải không?”

“Con... Con...”

“Khôn hồn trả đây ngay, tao gọi cảnh sát còng cổ bây giờ.”

“Con... Con... đâu có lấy...”

“Đồ lưu manh. Không mày thì còn ai vào đây, hả?”

“Con không lấy thật mà...”

Ông chủ nổi nóng chồm tới, vươn tay tóm cổ áo thằng bé nhấc lên. Nó co rúm người lại, khuôn mặt tái xanh càng thêm tái. Ông ta gằn giọng,

“Có trả không, nói?”

“Con không lấy mà... Chú ơi, oan con...”

Nó bật khóc, nước mắt ràn rụa. Người đàn bà mù cất giọng hốt hoảng,

“Chuyện chi rứa...?”

“Mẹ ơi, ông này nói con ăn cắp tiền của ông. Đâu có mẹ ơi...”

Ông chủ vẫn túm chặt cổ áo thằng bé, hai mắt ông trợn ngược, tay còn lại đưa lên trong tư thế sắp bạt tai. Nó vùng vẫy thoát ra được, lùi dài về phía sau. Ông chủ hét lớn,

“Mày chạy hả... Chạy hả...”

Và nhảy tới. Thằng bé sợ quá luôn nhanh qua gầm bàn, vọt ra cổng. Ông chủ vừa la bai bãi tao đập bỏ mẹ mày... đồ lưu manh... Tao đập bỏ mẹ mày... Vừa đuổi theo.

Một chiếc xe nhà binh từ hướng ngã tư kênh càng lao xuống. Chẳng hiểu thằng bé có nhìn thấy hay không, nó vẫn cuống cuống phóng ngang lộ. Chiếc xe đảo qua đảo lại, kéo dài tiếng rít trên mặt nhựa buốt óc. Tôi hét lớn xe... Xe... Nhưng đã muộn! Cái đầu máy màu cứt ngựa móc thếch chồm lên, thằng bé ngã bật ra, mất biến dưới gầm xe...

Gần ba mươi năm kể từ biến cố thảm khốc kia, tôi tự hứa sẽ không bao giờ nữa trong suốt cuộc đời còn lại, tái phạm hành vi ăn cắp, dù dưới bất cứ hình thức nào. Lời hứa đó tôi đã giữ được, cho đến hôm nay.

Hôm nay, động cơ và nguyên nhân tối tăm nào đã thúc đẩy tôi, thêm một lần, trở thành kẻ cắp đốn mạt? Tôi nhớ đến cảm giác vừa ngất ngây khoái lạc vừa lo sợ luống cuống lúc vội vàng rời trạm xăng. Bỗng nhiên tôi lợm giọng, muốn ới.

Chiếc xe đã vào đến lối đi trắng ximăng, Hạnh tắt máy

mở cửa bước ra, vòng qua phía tôi,

“Xuống anh.”

Nàng đưa tay ra cho tôi nắm. Tôi cảm bàn tay của nàng, bàn tay nóng ấm mềm mại. Tôi nói,

“Cảm ơn em, anh đi được.”

Tôi bước lên mấy bậc cấp đầu thềm, Hạnh theo sau. Cảm giác lợm giọng tiếp tục gia tăng, bụng cồn cào quặn thắt, và không cách chi kèm hãm kịp, tôi nôn thốc tháo ngay dưới chân cánh cửa gỗ dẫn vào phòng khách. Thức ăn chưa tiêu hóa trộn lẫn với men rượu bốc lên oi nồng. Hạnh hốt hoảng,

“Ồ...Ồ... Anh say quá rồi...”

Tôi chống hai tay lên mặt cửa, thở dốc. Một lát, tôi nói với Hạnh,

“Yên trí, anh đâu có say.”

Quả vậy, tôi không say, tôi hoàn toàn tỉnh táo. Cơ thể tôi thừa khả năng để dung chứa một lượng rượu nhiều gấp bốn lần tối nay kia mà.

Nhìn bãi nôn lây nhầy dưới chân, bãi nôn đang bốc lên cái mùi vị khăm khẳm chua lè, tim tôi nhói buốt. Tôi gục đầu vào tấm cửa gỗ. Hạnh nói,

“Khỏe chưa anh? Vào nhà em pha nước chanh anh uống đã rượu.”

Tôi không trả lời.

Trong đầu tôi bỗng vang dội liếng thẳng rít dài trên mặt nhựa và hình ảnh thẳng bé ngã vật ra, mất biến dưới gầm xe, cùng với nụ cười sáng bóng đôi hàm răng của gã da đen. Thank you sir.

Thank you sir.

Tôi bật cười, nụ cười khiến nước mắt tôi trào ra ràn rụa.

THẨM CỎ NÁT TRONG KHU VƯỜN HOANG

Khu vườn rộng, những tàng cây rợp bóng mát, lối đi quanh co giữa hai bờ cỏ cao. Chỗ tiếp giáp với vòng rào kẽm gai chia ranh giới khu vườn với bãi lau dẫn xuống mé sông, là căn lều bát giác bằng tre, lợp tranh, nơi mỗi chiều cha tôi cùng những bạn nhậu của ông thường chè chén. Cha tôi, một tửu đồ nổi tiếng trong vùng. Ông uống, sáng trưa chiều tối, rượu thay nước, đôi khi thay cả cơm. Điều đặc biệt, cha tôi uống rượu không say. Tôi chưa bao giờ thấy ông say. Càng uống, ông càng trầm tĩnh ít nói.

Khi nói, lại trở nên lưu loát hơn hẳn lúc bình thường. Ngày nay, tuy thừa hưởng ở ông cái “đức” uống rượu, song tệ hại thay, tửu lượng tôi rất tồi, khi nốc vào vài ba ly, tôi trở nên một con người khác, thô tục, lảm nhảm, ba hoa, có khi còn gậy gố ầu đả như quân đầu đường xó chợ! Đó là nguyên

nhân đưa đến bao nhiêu điều đáng tiếc trong quan hệ giữa tôi với bè bạn, với mọi người thân sơ.

Trong số bạn nhậu của cha tôi, chú Giản là anh em kết nghĩa đồng thời cũng là hảo tửu tương đắc nhất. Riêng tôi, từ ấu thơ đến trưởng thành, vẫn xem chú như hiện thân của một mẫu người giang hồ rất mực tài hoa. Về ngoại hình, tuy chỉ kém cha tôi khoảng một hai tuổi nhưng trông chú trẻ trung hơn nhiều. Thân thể cao to vạm vỡ, da trắng, miệng rộng và lúc nào cũng như sắp mỉm cười. Đặc biệt nhất là đôi mắt. Tôi chưa từng thấy đôi mắt nào đẹp đến thế ở một người đàn ông. Với hai đồng tử đen nhánh long lanh dưới hàng mi dài, khi nhìn, tia nhìn chiếu thẳng vào người đối diện, vừa mãnh liệt, vừa dịu dàng, vừa phủ dụ vuốt ve mà cũng vừa áp đảo chế ngự. Thật khó có một người nữ nào không rung động trước đôi mắt và tia nhìn của chú. Về thân thế, qua những mẩu chuyện rời giữa chú Giản với cha tôi, với nhiều người khác, ráp nối lại, tôi đã hình dung được một cách khá cụ thể quãng đời đầy nổi trôi nhưng cũng vô cùng lãng mạn của con người tài hoa này. Chú Giản sinh trưởng ở miền Bắc, già từ gia đình năm mười lăm tuổi, lưu lạc qua mọi miền đất nước, một thời gian ở Lào, rồi Miên, một thời gian khác ở các tỉnh miền Nam. Tuy chỉ cấp sách đến trường vài ba năm thuở còn thiếu niên, nhưng chú Giản có một kiến thức khá rộng trong nhiều lĩnh vực. Chú có thể cư xử như một tay giang hồ lão luyện, đồng thời cũng có thể nói năng từ tốn, bất thiệp, sâu sắc mọi vấn đề liên quan đến cuộc đời, con người, văn thơ, nghệ thuật... Điểm nổi bật nhất: Ở đâu, lúc nào định mệnh chú cũng gắn liền với tình ái, với nhan sắc. Không thể nhớ

hết có bao nhiêu người đàn bà đã đi qua đời chú, cũng không thể biết hết đã có bao nhiêu đứa bé sinh ra mà người cha lang bạt mãi mãi không nhìn thấy mặt.

Trước khi tôi chào đời ba năm, trên bước đường lưu lạc, gã giang hồ bỗng quyết định dừng chân, chọn quê tôi làm sinh quán thứ hai. Theo lời chú, cái làng quê này dầu cần cỗi nhưng lòng người lại mộc mạc chơn chất, chú đã ngăn ngấm cảnh bon chen tráo trở của chốn phồn hoa. Sau này, khi đã có trí khôn, tôi nghĩ, chỉ một yếu tố đó, chắc chắn không đủ để trói buộc một cánh chim mãi mãi khao khát những đường bay vạn dặm. Có lẽ phải có một nguyên nhân nào khác, mãnh liệt hơn, quyến rũ hơn. Nhưng thuở đó tôi còn quá nhỏ để có thể thắc mắc về sự cố không mấy bình thường này. Trái lại, tôi xem chuyện chú Giản đã đến, đã dừng chân, đã chọn mảnh đất nghèo khó này làm chốn dung thân, và đã có những hệ lụy gần như cật ruột với gia đình, cha mẹ, anh em tôi là lẽ đương nhiên. Một người từng trải như chú Giản, tất phải thấm thía hơn ai hết câu ngạn ngữ “*Đất lành chim đậu*”. Quê tôi, biết đâu trong mắt nhìn của chú, đã là một mảnh “*đất lành*”.

Ngoài ưu thế về ngoại hình, chú Giản còn là một nghệ sĩ đa năng. Chú đàn hay, hát ngọt, có văn thơ đăng báo, lại biết vẽ và vẽ rất... đẹp. Nhờ khả năng vẽ đẹp này, chú Giản đã sống khá sung túc ung dung. Bà con trong vùng vẫn thường nhờ chú họa chân dung, loại chân dung vẽ bằng khói đèn, dựa theo một tấm hình căn cước. Người trong hình đa số đã quá vãng, con cháu muốn ghi lại nhân diện để tưởng nhớ hoặc thờ phụng. Tôi thường say mê theo dõi nét vẽ “rồng

bay phượng múa” của chú Giản, phục sát đất khi thấy chú biến tấu hình bán thân chỉ to bằng ba đốt ngón tay thành một *tác phẩm* bề thế với cũng khuôn mặt đó, giống tựa khuôn đúc, và thay vì chỉ bán thân, chú *sáng tác* thêm phần dưới, cho thân chủ ngồi bệ vệ trên chiếc ghế trường kỷ, một bàn tay xòe đủ năm ngón đặt trên đùi, bàn tay còn lại cầm chiếc quạt lông chim. Bên cạnh, một cái bàn với bốn chân chạm đầu sư tử lên nước bóng lường, mặt bàn phủ khăn trắng viền ren bay bướm. Trên bàn, ngoài khay trà đầy đủ chén tách, bình hoa hồng nở rộ, còn có thêm ống thuốc lảo với cần hút bằng tre cong vòng, hoặc hiện đại hơn, một cái đồng hồreo mặt vuông hay chiếc radio có ăngten thẳng vút lóe sao do chất kim loại phản chiếu ánh sáng từ cửa sổ tạt vào. Xa hơn, bên ngoài khuôn cửa sổ là cánh đồng, những thửa ruộng cắt ô hình bàn cờ. Cuối cánh đồng, thấp thoáng sau rặng cây, vài mái tranh yên bình thả khói ảo ảo lên bầu trời cuộn cuộn mây trắng... Ngoài ra còn nhiều thứ phụ tùng rắc rối nữa được bàn tay tài hoa của chú Giản đưa hết vào bức chân dung, tùy theo yêu cầu của khách hàng, tùy theo sự cao hứng của chú, hay rất có thể cũng tùy theo “thế giá” của thân chủ. Chẳng hạn, nếu người trong hình là đàn bà, thay vì bàn tay với đầy đủ năm ngón đặt trên đùi, chú cho cầm hờ một chiếc khăn “mùi xoa” hoặc áp nhẹ trên lưng chú mèo tam thể đang cuộn mình nằm gọn trong lòng chủ lim dim ngủ. Dĩ nhiên bàn tay vẫn thấy đủ năm ngón, và chắc chắn không thể thiếu chiếc nhẫn hột xoàn to cộm ở ngón đeo nhẫn lóe sáng...

Tôi thường ngồi xem chú vẽ, say mê đến quên hết thời gian. Chú Giản vừa vờn một cách khéo léo ngọn bút lông

trên mặt giấy, vừa cao hứng rung đùi bắt nhịp cho giọng hát trầm trầm giọng thổ một bài tình ca nổi tiếng:

Chiều chưa đi màn đêm rơi xuống; Đâu đấy buông lững lờ tiếng... chuông

Trời! Chữ *tiếng* chú láy mới thần sầu làm sao, đang lên cao vun vút bỗng nhẹ nhàng hạ xuống, trôi nổi nhấp nhô một đoạn dài trước khi bắt vào chữ chuông. Lớn lên, tôi mới khám phá ra chú Giản đã “chôm” lỏi láy chữ tiếng này của một ca sĩ nổi danh đương thời, chứ thuở đó, tôi nào biết gì! Vì vậy, đã phục chú, tôi càng phục hơn. Và có thể nói một cách rất thật thà rằng, không phải những ông thầy Việt văn, cũng không phải hàng trăm hàng nghìn những tác phẩm văn chương thi phú tôi đọc sau này, mà chính qua chú Giản, từ chú Giản, chỉ bằng lỏi láy chữ “tiếng” thần sầu, tôi đã hình dung một cách rất cụ thể khả năng tượng thanh, tượng hình tuyệt vời của ngôn ngữ Việt. “*Đâu đấy buông lững lờ tiếng... chuông.*” Tôi từng nhắm mắt để hết tâm hồn nương theo giọng hát, và *thấy* rõ mồn một tiếng chuông, như hàng nghìn giải lụa vàng óng, phát khởi từ một tâm điểm, tỏa ra, bay ảo lả nhấp nhô trên cây cỏ, ruộng nương, làng mạc, đồi núi chập chùng. Đợt sóng lụa này vừa sắp tan nhòa vào nhá nhem của chiều tà, đã tiếp theo đợt sóng khác, và cứ thế, cứ thế.... không gian đầy ắp lụa mềm. Trời, cái hình ảnh mới thơ mộng và đẹp để biết bao! Sau này, khi chọn hội họa như một nghiệp dĩ, hình ảnh những giải lụa âm thanh kia là một trong những hình ảnh tôi thường tìm cách thể hiện lên mặt bố. Tiếc thay, có lẽ do tài năng hữu hạn, tôi vẫn chưa bao giờ diễn tả nổi hình ảnh đó một cách tới nơi tới chốn như đã từng

tưởng tượng.

Những năm đầu tiên, chú Giản ở chung với cha mẹ tôi. Thuở đó cha tôi và chú Giản còn khá trẻ. Hai gã thanh niên đều tương đối có tí chữ nghĩa, có cùng những sở thích, nên mới gặp nhau đã nhanh chóng trở thành anh em tương đắc, căn nhà của gia đình tôi lại khá rộng, vì thế, cha tôi đã cố mời bằng được chú Giản về ở chung, để có dịp gần gũi nhau, cùng nhau đối ẩm, cùng nhau hát xướng, ngâm thơ vịnh nguyệt. Cho đến ngày tôi chào đời, chú Giản tách ra ở riêng, chú viện có nhà có thêm cháu nhỏ, không muốn để mẹ tôi phải bận bịu. Vả, chú cũng muốn có nhiều thời giờ yên tĩnh hơn để sáng tác. Chú vẫn nuôi tham vọng sẽ trở thành một nhà văn, một họa sĩ.

Với sự tiếp tay của cha tôi, chú Giản dựng được một căn nhà lá cạnh bờ sông. Căn nhà nằm ở một vị trí rất thơ mộng, dưới hàng dừa cao vút sáng chiều rì rào gió động, cách ly với chòm xóm bởi một khu vườn hoang khá rộng và một bãi tranh vàng óng mênh mông.

Từ khi ra ở riêng, chú Giản có sinh đẻ được tác phẩm nào không, tôi không biết, nhưng cái tiếng đào hoa của chú thì rõ ràng đã nổi như cồn. Mẹ tôi vẫn thường phần nộ trách cứ, tỏ ra rất không thích chuyện tham vớ bỏ nơm, bướm ong nhăng nhít của chú Giản. Nhưng ngôi sao đào hoa đã chiếu ngay bản mệnh chú, làm sao dờn dỗi? Cuối cùng mẹ tôi cũng đành thở dài quy hết trách nhiệm cho “ông trời”:

Đa tài đa năng ắt đa tình. Âu cũng nghiệp dĩ.

Quả vậy. Các cô gái quanh vùng có chút nhan sắc hầu hết đều đã từng được chú ban phát tí tình yêu. Ngôi nhà lá

của chú là nơi phát khởi, và có lẽ, chôn vùi ước mơ lãng mạn của bao nhiêu trái tim trinh nữ. Chú Giản vẫn thường nói với cha tôi, *“Đàn bà nó kỳ lạ lắm anh ơi, khi họ đã yêu thì... hết biết, nhiều khi họ làm tôi muốn điên lên được”*. Cha tôi cười khà, *“Quanh vùng nì có khối bọn đàn ông con trai mơ ước có được cái địa vị của chú đó nghe. Nhưng mà cũng vừa vừa thôi, gieo nhân nào ắt gặt quả nớ, chú rồi cũng đến khổ với bọn họ cho coi”*. Khổ hay không chưa biết, điều chắc chắn, chú Giản lúc nào cũng phơi phới hân hoan. Từ tinh thần đến vật chất, chú hoàn toàn đầy đủ. Cái ăn, cái mặc, rượu ngon, trà hảo, thuốc thơm... đã có khối người tranh nhau cung phụng, dù lợi tức do nghề vẽ chân dung mang lại cũng dư thừa để chú tự nuôi thân. Tôi không hiểu vua chúa ngày xưa sung sướng cỡ nào, chứ theo tôi, sống như chú Giản, vua chúa chắc hẳn cũng... đến thế là cùng!

Trong số những người tình của chú Giản, hình như cô Tâm là người được chú ưu ái hơn hết, có lẽ bởi cô có một nhan sắc vượt trội hơn hẳn, đồng thời tương đối có ăn có học.

Cô Tâm, cháu nội của Quản Nghi, một cự phú nổi tiếng không những quanh vùng này, mà suốt một giải đất chạy dài qua ba bốn tỉnh miền Trung hoặc có thể xa hơn nữa, không ai không biết. Tài sản và quyền lực của Quản Nghi lớn đến độ có thể chi phối cả những hoạt động của nhà nước bảo hộ. Tôi nghe kể lại thuở người Pháp sắp khai thông quốc lộ một, theo bản vẽ của sở lục lộ, con đường sẽ băng ngang qua phần đất hương hỏa của dòng họ này. Hay tin, Quản Nghi tức tốc lên tỉnh gặp giới chức thăm

quyền và không hiểu bằng cách nào, sau đó khi thực hiện công trình, đoạn quốc lộ này đã phải chạy một vòng rộng, tránh xa phần đất “cấm”. Khi đề cập đến một nhân vật giàu có nào đó, chỉ cần đem Quản Nghi ra làm đơn vị so sánh, người nghe sẽ hình dung được ngay tài sản của đương sự nhiều ít thế nào: “Giàu như Quản Nghi” “Giàu bằng Quản Nghi chứ?” “Thấm gì so với Quản Nghi, giỏi lắm cũng chỉ mới với tới cái ống quyển của ông ta...” Dòng họ này chia làm nhiều chi, nhiều nhánh, phân tán rải rác khắp các tỉnh miền Trung, vào đến Sài Gòn, và nghe đâu vươn dài qua Tây nữa cơ! Cho đến thuở đó, con cháu Quản Nghi nhiều người vẫn còn chiếm những vị thế cao trong mọi lãnh vực. Có người là bác sĩ nổi tiếng khắp nước; có người là chính trị gia từng gây sóng gió trên chính trường; có người đi vào văn học sử bằng sự nghiệp thi ca đồ sộ; có người được xem như những doanh gia đầy quyền lực, có khả năng khuynh đảo nền kinh tế quốc gia... Riêng gia đình cô Tâm, tuy là cháu nội dòng chính, thì lại sa sút quá đáng. Hậu quả do người cha hư hỏng của cô. Người đàn ông này mê cờ bạc hơn bất cứ thứ gì trên đời. Nơi nào có bài bạc lớn, nơi đó có mặt ông. Những Kim Chung, Đại Thế Giới trước kia, những Quận Năm, Chợ Lớn sau này... đều nhả mặt ông. Tự cổ chí kim, có ai khâm khá nhờ bài bạc bao giờ? Cho nên ruộng nương vườn tược, ngay cả cái dinh cơ đồ sộ gồm mấy dãy nhà ngói ngang dọc mênh mông chiếm ngự cả một khoảng đồi thấp đặc địa nhất vùng cũng lần hồi rơi vào tay chủ khác. Đến lúc cô Tâm bước vào tuổi trưởng thành thì gia sản khánh kiệt đến độ cô phải bỏ dở việc học để phụ

với mẹ buồn tảo bán tằm hầu chống đỡ sự suy sụp quá đáng của gia đình. Người cha hư hỏng kia bấy giờ đã trở thành một gã đàn ông vất vả, từ sáng tinh mơ đến tối mịt, ông ta đắm chìm trong men rượu, lấy những cơn say mịt mù làm lẽ sống còn.

Bề ngoài có vẻ hiền thực nhu mì nhưng cô Tâm lại là người khôn ngoan và bản lĩnh. Chỉ một thời gian ngắn sau khi đã là người yêu của chú Giản, bằng cách này hay cách khác, những tình địch của cô dần dần bị hạ đo ván không chừa một ai. Tôi vì khâm phục chú Giản nên cũng rất mến cô. Không biết từ lúc nào, tôi trở nên một thuộc hạ thân tín của hai người. Cha cô Tâm, tuy nát rượu nhưng đối với gia đình vẫn còn là một quyền uy đáng sợ. Ông biết đứa con gái quan hệ... bất chính với “thằng giang hồ” có xuất xứ mập mờ nên rất không bằng lòng, thường theo dõi ngăn trở. Vì vậy, mỗi lần hai người muốn gặp nhau, muốn có những giờ phút riêng tư với nhau, tôi luôn luôn được giao phó nhiệm vụ làm một tên lính gác, và tôi đã chu toàn “trọng trách” một cách rất đáng khen. Bù lại, tôi được chú Giản truyền cho ít tài hoa của chú. Chú dạy tôi vẽ, chú dạy tôi làm thế nào để phóng một khuôn mặt chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay lên mặt giấy lớn, làm thế nào để vờn ngọn bút lông từ sắc độ đậm chuyển dần qua nhạt, tạo chiều sâu “y như chụp”... Nửa năm theo thầy, tôi đã chap chững vẽ được chút đỉnh. Chút đỉnh thôi, nhưng cũng đủ để tôi... “hù dọa” bọn bạn bè cùng trang lứa. Tôi vô cùng hả hê sung sướng. Nghĩ, một ngày nào, không xa, sự hào hoa phong nhã của chú Giản cũng sẽ là của tôi, của riêng tôi.

* * *

Nhưng niềm hả hê sung sướng đó không tồn tại được lâu. Một biến cố không ngờ nhất đã đảo lộn tất cả mọi chuyện, biến lòng kính trọng tôi dành cho chú Giản thành nỗi đau đớn khôn nguôi. Cho đến ngày nay, đã mấy mươi năm trôi qua, hầu hết những người từng tham dự vào thảm kịch kia đã ra người thiên cổ, hoặc đã xiêu dạt phương nào, vậy mà mỗi lần nhớ lại, sống lưng tôi vẫn lạnh toát, trái tim tôi vẫn như có một mũi nhọn bén ngót xuyên qua, đau buốt.

Biến cố khởi đi từ một buổi chiều.

Như mọi buổi chiều khác, sau khi từ trường về, tôi cắt nhanh cặp sách rồi ba chân bốn cẳng chạy ra bờ sông, nơi có căn nhà của chú Giản. Khi đi ngang qua khu vườn hoang, bụng tôi bỗng quặn đau. Có lẽ mấy trái quýt chua cùng ăn với thằng bạn trong giờ ra chơi là nguyên nhân? Tôi vội vã rời lối mòn, vạch cỏ lủi sâu vào bên trong. Tôi biết cuối đáy khu vườn hoang, phía tay trái, có một con lạch nhỏ chảy ra sông, nơi đó khuất kín và có nhiều nhánh cây oằn ngang qua con lạch, sà mấp mé mặt nước. Ngồi trên những nhánh cây này, dưới bóng râm của các tàng lá rậm để làm cái công việc thứ tư trong tứ khoái, dĩ nhiên sẽ thần tiên nhất trần đời. Lúc sắp đến con lạch, tai tôi bỗng nghe từ phía sau một bụi rậm tiếng cười nghèn nghẹt, khúc khích của một giọng nữ và tiếng thì thào của chú Giản. Vâng, cái giọng Bắc khàn khàn rất âm này nhất định không thể của ai khác ngoài chú Giản. Làng tôi, làm gì có người thứ hai nói giọng Bắc? - Cả tuần nay không gặp em, nhớ em quá...

Tôi ngồi thụp nhanh xuống cỏ, định thối lui. Nhưng tính tò mò của một cậu trai mới lớn đã giữ chân tôi lại. Tôi muốn biết rõ sự cố gì đang xảy ra phía sau bụi rậm kia. Phân vân vài giây, tôi thận trọng vạch nhẹ cỏ lau bò tới... Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là hai bắp đùi trắng nhẽ nhại của một người con gái đang quần quai dưới thân thể vạm vỡ của chú Giản, cỏ quá rậm, và đang ở trong vị thế núp lén nên tôi không thể nhìn thấy phần trên của hai người. Cô gái bây giờ không còn cười nữa, chỉ nghe tiếng thở hỏn hển gần như tắt nghẹn trong cổ họng. Chiếc quần Mỹ A đen lảng còn vương lũng nhùng dưới hai đầu gối cô ta. Chú Giản cong người vói tay tuột ra. Chú tiếp tục thì thào:

“Bao năm rồi em vẫn tuyệt vời như xưa. Anh yêu em, anh yêu em nhất...”

Tôi rướn người lên, cố gắng nhìn rõ mặt cô gái. Cô Tâm, chắc chắn là cô Tâm. Tôi nghĩ, dù có hơi nghi hoặc. *Bao năm rồi...*, Tại sao lại bao năm rồi? Cô Tâm chỉ mới là người yêu của chú trong vòng sáu bảy tháng nay thôi mà! Và mới ngày hôm qua cô Tâm vừa đem thuốc lá cà phê đến cho chú đẩy thôi! Làm gì có chuyện *cả tuần nay không gặp em*. Tôi mím môi cố nhịn cười. Cái ông chú này thật... mê tôi quá đậm lú lẫn! Cô gái vòng tay ôm ghì tấm lưng bóng lờng của chú Giản, hơi nhòm người xoay nghiêng để chú vén chiếc áo cánh lên cao. Khi chú Giản quỳ dạng chân hai bên hông cô gái ngồi dậy, nguyên phần thân trên và khuôn mặt cô ta lộ hẳn trên thảm cỏ xanh. Trời ơi. Sóng lưng tôi chột lạnh toát!

Mẹ tôi...

Mẹ tôi...

Mẹ tôi...

Mẹ tôi đấy ư?

Nhưng làm sao làm được! Có thể nào làm được dưới ánh sáng tuy đã nhá nhem nhưng vẫn còn trông rõ mòm một của buổi chiều tà!

Suýt tí nữa mòm tôi bật ra tiếng kêu thẳng thốt. Tôi nằm sụp xuống. Cố sụp xuống, cho thật sát mặt đất. Tôi sợ hai người nhìn thấy tôi hay tôi sợ chính tôi sẽ nhìn thấy rõ hơn hoạt cảnh trước mắt? Sống lưng tôi vẫn lạnh loát, và trái tim tôi vừa đập nhón nháo, vừa đau nhói từng cơn.

Phía sau bụi rậm, diễn biến có lẽ đang đi đến giai đoạn cao điểm. Trong tai tôi lòng bùng tiếng rên rỉ, tiếng thở hổn hển, tiếng nấc nghẹn từng cơn... Nước mắt trào ra hai bên khóe, tôi run rẩy bò ngược lại lối cũ. Con đau bụng đã rút mất từ bao giờ... Ra đến lối mòn, tôi dừng lại một vài giây rồi vùng chạy như một thằng điên. Tôi chạy, bán sống bán chết. Tôi chạy, như bị ma đuổi. Tôi chạy, không định được hướng, chỉ một cảm giác duy nhất tôi còn nhận ra là phía trong lồng ngực, chỗ tay trái, cơn đau mỗi lúc một lớn hơn, dữ dội hơn. Miệng tôi nóng bừng, cổ họng bỏng cháy. Tôi có cảm tưởng thiếu hẳn dưỡng khí để thở. Trên mặt, nước mắt vẫn tiếp tục tuôn trào nhem nhuốc. Tôi chạy, chạy mãi... Hai chân dường như đang bị một ma lực vô hình nào đó đẩy về phía trước, không thể cưỡng chống, dù mệt đứt hơi.

Và tôi chỉ dừng lại khi nhận ra mình đang đứng trước nhà cô Tâm.

Cô Tâm.

Tại sao?

Sự thôi thúc tối tăm nào của tiềm thức đã đưa tôi tới đó?

Cho đến ngày hôm nay tôi vẫn chưa tìm ra lý do. Cái lý do kỳ bí đã là nguyên nhân của một loạt những thảm kịch xảy đến cho những người thân của tôi. Cha tôi, mẹ tôi, và ngay cả chính bản thân tôi.

Từ sau chái bếp cô Tâm tắt tả chạy ra khi nghe tiếng tôi gọi thất thanh. Nhìn khuôn mặt đầm đìa nước mắt của tôi, cô vội ôm tôi vào lòng:

“Nín, nín. Việc chi rứa...”

Tôi ngước mặt nhìn cô. Mười hai tuổi, lẽ ra tôi phải khôn hơn. Mười hai tuổi, lẽ ra tôi phải biết cân nhắc điều lợi lẽ hại. Nhưng lòng tôi, tim tôi, óc tôi, toàn thân tôi đã ứ đọng nỗi bi thương cùng cực. Trong cơn hoảng loạn đó, làm sao tôi có đủ sáng suốt để tự chủ, để tính toán thiệt hơn? Tôi ngước nhìn cô. Tôi ngước nhìn cô... và cơn khóc âm ỉ trong ngực bỗng trào ra, nức nở. Cô Tâm vừa cuống quýt vỗ về vừa gắng hỏi nguyên do.

Cuối cùng, cũng như tôi, khuôn mặt cô dần dần trắng bệch ra, dù những lời kể của tôi không mấy mạch lạc, luôn tắc nghẽn trong tiếng nấc nghẹn ngào.

Cô Tâm chợt buông tôi ra, nhìn xoáy vào mắt tôi. Giọng cô trở nên khô khốc, lạnh lẽo. Âm thanh thoát ra từ môi cô, xuyên qua hai hàm răng nghiến chặt, như tiếng cọ xát của hai mảnh thủy tinh, khiến tôi rùng mình, toàn thân run bắn:

“Thiệt chứ. Em thấy thiệt chứ?”

Tôi gật đầu.

Cô Tâm vùng chạy. Tôi nức nở nhìn theo. Cho đến khi bóng cô khuất hẳn trong rừng cây phía khu vườn hoang từ lâu, tôi vẫn còn đứng ngẩn ngơ rũ liệt dưới chái hiên, lòng rối bời ngổn ngang hàng trăm nỗi niềm tủi cực, đau đớn không cùng.

Sau này, qua bàn tán của bà con lối xóm, tôi được biết cô Tâm đã lục sạo khu vườn hoang và bắt tại trận đôi “gian phu dân phụ”. Cô “cướp” được một “chiến lợi phẩm” là chiếc quần mỹ-a của mẹ tôi, tức tốc mang đến nhà tôi, gọi cha tôi ra giao cho ông kèm theo hàng loạt những lời rửa sả mắng nhiếc tàn tệ nhất mà ngôn ngữ của loài người có thể diễn đạt được.

Tôi không có mặt lúc đó nên không thể hình dung thái độ của cha tôi ra sao. Chỉ biết, sau đó, không bao giờ tôi gặp lại chú Giản, cũng không bao giờ tôi gặp lại cô Tâm. Gã giang hồ tài hoa lãng tử đã cao chạy xa bay đến một phương trời khác, có lẽ cùng với người đàn bà chanh chua bản lĩnh, để lại hậu quả là cái “địa ngục có thật” mà tôi, một đứa trẻ mười hai tuổi, phải chứng kiến, tham dự hàng ngày.

Cha mẹ tôi không bỏ nhau. Luân lý, phong tục, con cái... không cho phép họ làm điều đó. Nhưng cũng bởi những hệ lụy ràng buộc kia, họ đã biến thành những con thú khốn khổ nhất, tồi tệ nhất. Mẹ tôi hốc hác rạc rai hẳn ra, chẳng hiểu vì hối hận, vì nhớ thương người tình giang hồ tài hoa hay vì những đòn thù của cha tôi. Cha tôi, người đàn ông trầm tĩnh, chừng mực, nghiêm khắc, đã không quên được mối nhục. Ông dai dẳng trả thù người vợ tội lỗi bằng cái cách bề ngoài xem ra rất... nhẹ nhàng nhưng lại hết sức tàn độc. Tôi từng

nhìn thấy, nhiều lần, rất nhiều lần cách trả thù vô cùng hiệu quả của ông.

Thỉnh thoảng, vào buổi sáng, khi mẹ tôi dọn lên bàn phần ăn sáng của cha tôi, ông giữ bà lại:

“Đứng đó, tui biểu.”

Đã đoán trước việc gì sắp xảy ra, mặt mẹ tôi trở nên nhăn nhúm thất đảm. Cha tôi chậm rãi móc túi vớt lên bàn tờ giấy bạc 10 đồng, hát hàm:

“Đó, trả công tối qua.”

Mẹ tôi đứng chết lặng như một tượng gỗ. Cha tôi vừa kéo phần ăn sáng về phía mình, vừa thản nhiên nhắc: “Cầm đi, còn chờ gì nữa? Tui trả đúng giá đó, loại đi nhớ thì như cô, giá rứa phải chẳng lắm rồi. Tui đi chơi bờ bên ngoài có khi còn rẻ hơn.”

Thường, mẹ tôi cúi gầm mặt cắn răng chịu đựng. Nhưng cũng có một đôi lần, bà vùng lên phản kháng, dù là cách phản kháng rất yếu ớt của một con chó bị đánh đau trước mặt chủ:

“Ông muốn làm gì tui thì làm, giết tui tui cũng cam chịu, chỉ xin ông đừng hành hạ tui nữa.”

Cha tôi ngả người ra thành ghế, ông ngược nhìn bà. Trong đôi mắt ông một tia lửa rừng rực căm thù trộn lẫn tủi nhục tóe ra:

“Tui hành hạ chi cô? Nghề của cô mà! Ăn bánh trả tiền... Chuyện tất nhiên phải rứa. Tui đâu phải thánh thần gì, thỉnh thoảng cũng có lúc con heo lòng khốn nạn trong người tui nó đòi hỏi, đi ra ngoài giải quyết thì rắc rối mắc công, thôi thì đi nào cũng là đi...”

Mẹ tôi bật khóc:

“Xin ông tha cho tui, xin ông để tui yên...”

Cha tôi cười khẩy, xô ghế đứng dậy. Ông bước ra ngoài lấy xe đạp đi biệt. Thường những lần như thế hoặc ông mất tăm vài ba ngày, có khi cả tuần, hoặc nếu trở về ngay trong ngày thì cũng đến giữa khuya, nghiêng ngả xiêu vẹo trong cơn say mù mịt.

Cho đến một đêm, đang ngon giấc tôi bỗng giật mình choàng tỉnh. Tiếng hét nức nở của mẹ xoáy vào tai:

“Tui là vợ ông, không phải dĩ, ông không có quyền đối xử với tui như rứa.”

“Mi không phải dĩ thì là thứ chi? Là trâu, là chó à?”

“Ông tàn nhẫn cũng vừa vừa thôi...”

“Tàn nhẫn? Tao sòng phẳng, tiền trao cháo múc. Tao ngủ với mi, tao trả tiền hăn hoi, tao không ăn lương chơi chạy, mi phải chiều theo ý tao, nghe rõ chưa... rõ chưa... hờ?”

“Trời ơi! Sao tui khốn khổ như ri hả trời! Nếu không vì hai đứa nhỏ, tui chẳng còn thiết sống làm chi...”

“Mi đã làm dĩ bao nhiêu năm ni, đã rạc rài cả xác lẫn hồn, còn bày đặt trí trá... Hừ, vì hai đứa nhỏ! Loại người như mi mà còn nghĩ đến con cái à?”

“Tui không nghĩ đến tui nó, không lo cho tui nó thì là ai? Ông ích kỷ cũng một vừa hai phải thôi chứ! Bao nhiêu năm ni ông chỉ biết có rượu chè thơ phú, vợ con chẳng thiết đoái hoài. Bộ tui là cái máy đẻ, là con sen cái ở, là đất đá vô tri chắc? Nói thiệt với ông, nếu ông cư xử có tình có nghĩa với tui một chút, chắc chắn tui đã không sa ngã hư hỏng như rứa mô...”

Cha tôi hét lên:

“Đồ khốn nạn... Đồ đĩ rạc... Mi còn dám đổ lỗi cho tao à?”

Tiếp theo, tiếng bàn ghế ngã đổ. Tiếng mẹ tôi khóc rống...

Tôi bịt chặt hai tai, úp mặt xuống gối. Những giọt nước mắt tủi cực trào ra ràn rụa nhóp nháp. Bên cạnh tôi, thằng em trai lên tám cũng đã lồm cồm bò dậy, nó dương mắt nhìn tôi, dò hỏi. Tôi đẩy thằng em nằm xuống, thì thào:

“Ngủ đi... ngủ đi...”

Bỗng cánh cửa phòng cha mẹ tôi bật tung, bung đánh sầm vào vách. Trong ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu trên trang thờ tỏa ra yếu ớt, tôi nhìn thấy mẹ tôi nửa thân trên để trần, đầu tóc rối bù rũ rượi, phóng chạy lao đảo ra ngõ. Phía sau, tiếng hò hét thô tục lồng lộn ném theo.

Một lúc lâu, tiếng chửi rủa của cha tôi thưa dần rồi dứt. Thằng em trai có lẽ đã ngủ trở lại. Tôi nằm, mặt vẫn vùi vào gối. Tôi hoang mang lo sợ không hiểu mẹ chạy đi đâu giữa đêm hôm khuya khoắt? Tôi muốn trở dậy ra ngoài tìm mẹ nhưng cứ mừng tượng đến khuôn mặt đằng đẵng sát khí của cha, tôi sợ.

Tôi trần trọc mãi đến gà gáy sáng rồi mệt quá thiếp đi.

Trong giấc ngủ chập chờn, tôi nhìn thấy mẹ tôi quần áo tả toí, gầy như trần truồng, khắp người máu me đầm đìa, đang cố gắng chạy về phía trước trên hai chân nghiêng ngả loạng choạng. Sau lưng mẹ, một cái bóng khổng lồ, đen ngòm, gấp rút đuổi theo. Cái bóng, với hai cánh tay dài vươn tới, vươn tới. Hai cánh tay càng lúc càng dài thêm ra và bỗng chốc

biến thành hai chiếc vôi bạch tuộc lờm chờm gai nhọn. Khi hai chiếc vôi sắp bắt kịp để quấn quanh thân thể mẹ thì chú Giản bỗng hiện ra. Chú ôm lấy mẹ, hai cánh tay mẹ choàng qua lưng chú. Chiếc quần Mỹ-a lủng nhùng dưới hai đầu gối mẹ, chú Giản khom người tuột ra, tiếng chú thì thào *Cho anh đi... cho anh đi...* Cô Tâm xoáy tia nhìn bén ngót như dao vào mắt tôi, *Thiệt chứ, mi thấy thiệt chứ?*. Cô chạy như biến vào rừng cây phía khu vườn hoang, tiếng cô chói lói vang dậy giữa không gian lỏng lẻo của buổi chiều tà *Đồ trốn chúa lộn chồng...* *Đồ trốn chúa lộn chồng...* *Đồ đĩ rạc thúi tha...*

Tiếng hét của cô Tâm lôi tôi ra khỏi giấc mơ.

Bên ngoài, trời đã sáng từ lâu. Nắng mai trải trên miếng sân đất một màu rực rỡ, cùng lúc tôi nghe thấy chung quanh xôn xao tiếng người. Tôi dụi mắt ngồi dậy bước ra sân.

Chỗ góc sân, dưới chái hiên, xác mẹ tôi tái ngắt, mái tóc búi xỏ tung bê bết đất cát rong rêu. Hai mắt trắng dã trợn trừng, từ chiếc miệng há hốc với hai vành môi thâm tím, nước đang rỉ rỉ trào ra. Nửa thân trên không mặc áo, chiếc quần đen còn sưng nước dán sát vào da, đã đứt bung chiếc khuy cài bên hông vì chiếc bụng trương phình như bụng của một sản phụ sắp đến ngày sanh. Cha tôi đứng bên cạnh, đầu ông gục sâu xuống ngực, hai vai nhô cao, bất động như một tượng đá.

Tôi bật khóc nức nở.

Tôi bật khóc nhưng không dám bước đến gần xác mẹ. Một phần, tôi sợ cha, một phần khác, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một xác chết trôi, trông dị dạng và khủng khiếp quá. Chung quanh, bà con chòm xóm tụ lại mỗi lúc một đông.

Tôi nghe người ta rì rào bàn tán. Tôi nghe, tiếng được tiếng mất bằng hai lỗ tai đã lũng bùng, nhưng cũng đủ để hiểu sự cố xảy ra: Bác Tư Nhân, người đàn ông làm nghề chài lưới, sáng nay vừa xuống đến bến sông đã nhìn thấy xác mẹ tôi đập dềnh chỗ chân cầu. Mẹ tôi, trong cơn hoảng loạn sơ sẩy chết đuối hay có tình duyên sinh? Tôi không biết, mãi mãi không biết!

Cái chết của mẹ đã đẩy cha tôi xuống tận đáy cùng của kiếp người khốn khổ. Lốp vỏ cương cứng đến tàn nhẫn bấy lâu nay cha mặc trên người bỗng chốc rệu rã rơi rụng, cha ngập dần trong sự suy kiệt từ thể xác đến tinh thần. Với ông lúc bấy giờ, ngày và đêm chỉ được phân biệt bằng những cơn say đảo điên thần trí và những giấc ngủ nhọc nhằn ác mộng. Một thời gian ngắn sau cái chết của mẹ, cha tôi hoàn toàn biến hình thành một con người khác, mái tóc ông bạc trắng, rồi bù dính bết vào nhau, khuôn mặt sạm đen, lưỡng quyền nhô cao, đôi môi thâm sì nứt nẻ, hai mắt lúc nào cũng ngầu đục, lèm nhèm những ghen. Tiền bạc còn lại không được bao nhiêu kể từ ngày mẹ tôi qua đời đã bị ông đem đốt sạch vào men rượu. Tình cảnh gia đình sắp rơi vào chỗ vô phương cứu vãn.

Nghĩa là cả ba cha con có nguy cơ chết đói.

Tôi bỏ học lao vào đời. Bằng đôi tay non yếu của tuổi mười ba, tôi không từ nan bất cứ công việc gì, miễn có tiền. Trước, nuôi thân, sau, nuôi em và đáp ứng phần nào nhu cầu gần như vô giới hạn của cha tôi: men rượu. Tôi chưa đủ lớn để can ngăn cha, vả lại, dù biện minh cách nào tôi vẫn không thể xóa được mặc cảm rằng mọi sự cố tan nát đã xảy ra một

phần lớn khởi nguồn từ tôi. Nếu tôi đủ thông minh và tự chủ để dừng “khai” ra hành động tội lỗi của mẹ với cô Tâm thì có thể mọi chuyện đã không xảy đến, mẹ tôi đã không chết, cha tôi đã không như bây giờ. Tôi cần rằng nhận gánh mọi cơ cực cùng những cơn say điên cuồng của cha với một niềm an ủi què quặt: Chỉ có sự hy sinh may ra mới cứu rồi được phần nào tội lỗi tôi đã gieo.

Phần số của gia đình tôi những tưởng như thế đã yên, dù là sự yên ổn của một ngôi nhà mờ hoang phé lạnh lẽo. Nhưng thảm kịch lại đến một lần nữa vào năm tôi mười lăm tuổi. Cha tôi, trong trận rượu từ một đám giỗ làng bên trở về, đã lại ngã xuống sông và chết đuối. Ông say quá ngã sông hay cố tình quyên sinh? Lại một câu hỏi nữa mãi mãi tôi sẽ không bao giờ giải đáp được. Như mãi mãi không tìm thấy câu trả lời, về cái chết của mẹ, hai năm trước.

Chúng tôi trở thành những đứa trẻ mồ côi thực sự. Một người bà con xa nhận em tôi về nuôi. Riêng tôi, cảm thấy khó lòng sống yên trong ngôi làng này, ngôi làng đã lưu giữ quá nhiều kỷ niệm đau thương, và lại, ở đây chẳng còn một hệ lụy nào khả dĩ khiến tôi lưu luyến. Cuối năm mười lăm tuổi, tôi rời khỏi làng, bắt đầu cuộc sống giang hồ thực sự. Cuộc sống của chú Giản, trước kia. Lạ lùng chưa? Ngày xưa chú Giản rời gia đình năm mười lăm tuổi, bây giờ cũng với số tuổi mười lăm, tôi thực sự làm chủ đời mình!

Những khổ đau, những tang thương, những bất hạnh, những nổi trôi thành bại... Con đường chông gai tôi đã đi qua gần trọn một kiếp người, có lẽ cũng không cần thiết để kể lại. Bao nhiêu năm sống trong cuộc đời, tôi đã chứng

kiến không ít những thảm kịch to lớn, sá gì cái thảm kịch nhỏ nhoi của đời tôi? Chỉ có một điều tôi vẫn chưa thể hiểu là cho đến ngày hôm nay, mỗi lần nhớ lại chuỗi biến cố kia, cảm giác nhói đau chỗ trái tim vẫn còn nguyên vẹn, vậy mà, lạ quá, lòng tôi vẫn không gợn lên một chút căm thù nào khi nghĩ về chú Giản. Trái lại, trong những lúc cùng cực nhất bởi khốn khó, tôi vẫn cố gắng bằng mọi cách vượt qua, vươn lên để tiếp tục đi tiếp con đường ngày xưa chú Giản đã chọn, con đường của một nghệ sĩ. Phải chăng trong tiềm thức tôi, hình ảnh tài hoa của chú Giản đã quá sâu đậm, nó trở thành một ước mơ có khả năng bôi xóa tất cả mọi tình cảm yêu thương ghét giận? Hay phải chăng, cũng từ tiềm thức, ý hướng trả thù đã được thăng hoa để trở thành một nỗ lực vượt qua, vượt trên kẻ thù? Ngày xưa chú Giản chỉ là một anh thợ vẽ chân dung tầm thường, làm sao so sánh với tôi bây giờ, đã là một họa sĩ? Ngày xưa chú Giản chỉ có một vài bài thơ đăng báo, làm sao so sánh với tôi bây giờ, đã là một nhà văn?

Tôi không biết.

Lại nữa, năntháng qua đi, tuổi đời chồng chất, tôi càng thấy rõ hơn điều này: Ngoại trừ những thánh nhân - nếu quả thật có thánh nhân - tất cả chúng ta, những con người bình thường, đều mãi mịt mù trầm luân trong điều phải lẽ trái. Quả thật rất khó khăn khi muốn phân định rạch ròi đâu là biên giới giữa thiện và ác. Ngày xưa tiền nhân đem quân tiến về phương Nam, san bằng Chiêm thành, làm cỏ Chân Lạp, bây giờ chúng ta nức lòng ca ngợi tiền nhân đã có công mở mang bờ cõi. Nhưng người Tàu cũng mang quân vượt ải Nam quan, mưu đồ thống trị đất Việt, chúng ta vùng lên

chống cự và gọi họ là quân xâm lược. Đúng sai chỗ nào? Thiện ác ở đâu? Phải chăng đúng sai, thiện ác chỉ là những kết luận có tích cách chủ quan, phiến diện? Nếu cha tôi lo ra chăm sóc mẹ tôi hơn, nếu bà thực sự tìm thấy hạnh phúc bên cạnh một người chồng có trách nhiệm, biết lo toan, thì chuyện ngoại tình có xảy ra không? Nếu những người đàn bà - trong đó có cả mẹ tôi - không yêu thương chú Giản, không nhìn thấy chú như một niềm ước mơ họ thiết tha tìm kiếm thì làm thế nào chú có cơ hội rong chơi trong tình ái? Và cái ma lực quyến rũ của chú, cái tài hoa của chú, bản chất đa tình của chú nào phải tự chú tạo nên? Không thể quy trách tội lỗi cho ngọn đèn nếu vì ánh sáng của nó mà những con thiêu thân đã tự nguyện lao vào, rụng chết là toi.

Xét cho cùng, mỗi người sinh ra đều gắn liền với một định mệnh. Chú Giản, mẹ tôi, cha tôi, và cả tôi nữa đều là những quân cờ nhỏ nhoi trên một bàn cờ nghiệt ngã mang tên định mệnh.

Nhưng tại sao tôi cứ mãi tìm cách biện minh, bênh vực chú Giản?

Phải chăng trong huyết quản tôi, dòng máu của chú Giản đang cuộn cuộn chảy? Phải chăng sợi dây vô hình nhưng thiêng liêng của huyết thống đã trói buộc hai chúng tôi lại với nhau, đã khiến tôi không thể nào nghĩ về chú Giản như nghĩ về một kẻ thù đã từng gây ra bao nhiêu biến cố tai ương?

Tôi không biết.

Chỉ có một người duy nhất có đủ thẩm quyền để trả lời nghi vấn kia: Mẹ tôi.

Buồn thay, bà đã ra người thiên cổ!

VẾT ROİ ĐẦU TIÊN

Tôi nói,

“Chia tay nhé?”

Nàng nghiêng đầu. Tôi cố tìm trong mắt nàng một chút gì giống như nỗi buồn, nhưng tuyệt nhiên chẳng có. Nàng bình thản đến độ khiến tôi phát ngượng.

“Chia tay nhé?”

Tôi lặp lại, không còn tin tưởng lắm ở chức năng của ngôn ngữ. Nàng nhìn tôi, hai mép môi hơi nhích lên, sắp vẽ thành một nụ cười,

“Thật không?” Nàng hỏi.

“Thật.” Tôi quả quyết.

“Cũng được.”

Nàng nhún vai rất Mỹ, vói tay cầm ống hút khuấy nhẹ trong lòng ly nước cam còn đầy nguyên. Tôi ngả người ra lưng tựa rút thuốc châm hút. Đám khói đục chòn vòn trước mặt, quần động trong căn phòng dất kính kín bưng.

“Anh hút thuốc nhiều quá.” Nàng nói. “Ngồi không, tay chân thừa thãi biết để vào đâu?” Tôi nói.

“Dụi thuốc đi và đưa hai bàn tay đây cho em.” Nàng nói.

Tôi dụi mẩu thuốc, đặt hai tay lên mặt bàn. Nàng cầm lấy kéo về phía mình rồi chồm người qua mặt bàn, áp đôi môi đỏ son xuống môi tôi. Nàng hôn sâu. Tôi ngậm chiếc lưỡi mềm thơm mùi kẹo cao su, định cắn. Chẳng phải dễ, chiếc lưỡi luôn lách uyển chuyển không tài nào giữ được. Chúng tôi mãi mê với trò rượt bắt rất lâu. Nàng gần như nằm dài trên miếng kính dày, cái váy ngắn tụt cao, phơi lộ hai bắp đùi trắng, phớt mịn lớp lông vàng óng. Phản chiếu qua lớp kính là chỗ tối nhờ của chiếc xilíp thấp thoáng màu hồng nhạt. Tôi đẩy nàng ngã xuống thảm. Chúng tôi tiếp tục quần lấy nhau, chân tay cuống quít trông tếu.

“Chia tay rồi không?” Nàng hỏi, dứt môi ra khỏi môi tôi.

“Nhất định phải vậy.”

Vừa nói tôi vừa cởi nhanh quần áo cho mình, cho nàng. Mặt thảm dày mát lạnh. Mặt trời buổi trưa lọc qua tầng cây rậm lá bên ngoài cửa sổ, xuyên thấu lớp kính trong, dội trên thân thể nàng những vòng sáng nhảy nhót. Tôi choáng váng. Chẳng phải lần đầu được ngắm công trình tuyệt mỹ này của tạo hóa, nhưng tôi vẫn có cảm tưởng vừa uống một cốc rượu đầy.

“Em hỏi, rồi không?” Nàng vươn lưỡi liếm quanh vành tai tôi. Đầu lưỡi mềm nhuyễn ướt nước bọt.

* * *

Gã thanh niên ngẩng mặt. Mái tóc đen mượt, rậm, dài phủ mang tai. Vầng trán bóng chưa gọn một nếp nhăn, đôi mắt sáng tinh anh. Tôi kết luận,

“Những điều muốn nói tôi đã nói hết. Bây giờ thì tùy anh quyết định.”

Tôi nhìn thấy anh ta lúng túng. Chuyện xảy ra bất ngờ, hẳn anh ta chưa kịp chuẩn bị để đối phó với tình huống trái ngang này,

“Tôi... Tôi... xin lỗi ông...”

“Anh chẳng có lỗi gì. Ở vào địa vị anh, tôi cũng thế thôi. Vấn đề bây giờ là ta nên cư xử với nhau trên tinh thần hiểu biết. Anh còn trẻ...”

Tuy bỏ lửng không nói hết ý nhưng tôi hiểu anh ta thừa thông minh để biết tôi muốn gì. Anh ta đốt một điếu thuốc, cúi nhìn mặt bàn. Những ngón tay trắng hồng như tay con gái xoay xoay phần đầu lọc. Sợi khói mỏng từ đóm lửa đầu điếu thuốc vươn lên, vật vờ ảo lả rồi tan loãng qua khe hở khung kính khép hờ. Buổi chiều bên ngoài đồ dài bóng mát của ngôi quán nằm biệt lập ngoài rìa khu parking hẹp ngay góc ngã tư, nơi chúng tôi đang ngồi. *Xử với nhau trên tinh thần hiểu biết.* Nghĩa là anh ta phải trả nàng lại cho tôi, nghĩa là chuyện tình giữa anh ta với nàng phải chấm dứt. Tôi thật tình không muốn làm lớn chuyện. Nếu về mặt pháp lý tôi thắng thì mặt tình cảm sẽ bại. Thắng trong chiều hướng đó còn thảm hại nhiều lần hơn bại. Tôi hiểu điều này và muốn dàn xếp với anh ta. Đúng hơn, kêu gọi anh ta hãy xử sự dựa

trên tinh thần đạo lý Á đông.

“Vâng, thưa ông, tôi sẽ...” Anh ta ấp úng.

“Cảm ơn anh, tôi tin anh, cũng chúc anh sớm tìm thấy niềm vui mới.” Tôi cướp lời, nhanh chóng đẩy anh ta vào thế đã rồi.

Và để không khí bớt nặng nề, tôi cười thành tiếng, tiếp,

“Trông anh còn phơi phới, tôi thèm. Thời gian... Không ai đủ quyền năng kéo ngược thời gian. Này người bạn trẻ, hai mươi năm trước, tôi không thua anh đâu.”

Anh ta cũng cười, ngược lên nhìn tôi. Trong đôi mắt sáng tinh anh, tôi nhận thấy thấp thoáng một chút u ám. Buồn, anh ta buồn. Điều đó hẳn nhiên rồi. Nhưng chẳng còn cách nào hơn. Anh ta phải trả nàng lại cho tôi. Anh ta còn trẻ, đời còn dài, mối tình khập khiễng giữa anh ta và nàng chắc chắn không thể kéo dài lâu. Với nàng, không có tình yêu. Với nàng, đàn ông chỉ là phương tiện. Hoặc để giúp nàng lấp đầy đời hỏi xác thịt, hoặc cái cớ cho một mưu đồ nào đó. Sống với nàng bao nhiêu năm kể từ lúc nàng chỉ mới là cô bé mười sáu, cho đến bây giờ tóc tôi đã chớm bạc, tôi hiểu nàng rõ hơn ai hết!

Tôi nâng ly bia uống cạn rồi đứng dậy chìa tay ra,

“Hy vọng quan hệ của chúng ta sẽ mãi tốt đẹp.”

Tôi cảm bàn tay trắng hồng mềm mại. Bàn tay hâm hấp rít ráp mồ hôi. Hình như theo y khoa, đổ mồ hôi tay là triệu chứng yếu tim. Liệu anh ta có đủ nghị lực vượt thắng? Có lẽ tôi phải đưa nàng rời xa thành phố này. Tôi không tin anh ta sẽ thoát khỏi hấp lực của nàng, nếu họ còn cơ hội gặp nhau.

“Vâng, mọi chuyện sẽ tốt đẹp...” Anh ta nói, giọng thiếu

tự chủ thấy rõ.

“Một lần nữa cảm ơn anh.” Tôi nói.

Nội trong tháng này tôi sẽ đưa nàng đi du lịch một thời gian. Tôi quyết định khi bước chân ra khỏi ngưỡng cửa ngôi quán. Tôi cũng dễ dàng hình dung, phía sau, trên khuôn mặt bối rối của anh ta, là đôi mắt mở to nhìn theo không chớp, đôi mắt biểu hiện cho một cái đầu ngổn ngang những nỗi niềm hoang mang bất định.

* * *

Nàng lặp lại lần thứ ba,

“Chia tay rồi không?”

Hai trái vú lớn no tròn đề trên ngực mát lạnh. Tôi cong người ngậm một đầu vú để tránh trả lời.

“Sao không nói?” Giọng nàng âu yếm pha chút giễu cợt.

Tôi tiếp tục đóng vai đứa bé khát sữa. Chỗ nhạy cảm cương cứng trong bàn tay nàng. Miệng tôi đầy ngập phần thịt mềm. Đầu vú bị kẹp nghiền giữa hai hàm răng. Nàng vuốt soa:

“Nhẹ nhẹ, đau em... Đây, thôi nhé, không nói đến chuyện đó nữa nhé. Anh lặp lại hoài hết linh rồi...”

Tôi cảm thấy xấu hổ. Nàng nói phải, hai tháng nay tôi cứ nhai tới nhai lui hoài chuyện chia tay. Rốt cuộc, đâu hoàn đó. Ngày mai, anh sẽ không đến đây nữa. Ngày mai, chúng ta chấm dứt tình trạng mập mờ ám muội này.

Nhưng ngày mai, gặp nhau, nàng giương mắt ra chiều

ngây thơ: Ủa, chưa chia tay à? Chưa chia tay sao? Và như để khiêu khích, nàng co chân lên, cái váy ngắn - bao giờ cũng ngắn - bày biện toàn bộ đôi chân dài. Dĩ nhiên tôi lại u mê mù mẫm. Tôi nhìn chăm phần tối giữa háng; Tôi nhìn cao hai trái vú ngồn ngộn chực bung những chiếc cúc gài hờ; Tôi nhìn cao hơn nữa khuôn mặt nàng, đôi mắt long lanh, chiếc mũi thanh tú, môi ướt nhẫy, rộng, vành môi trên dày, khi cười, đầu lưỡi đỏ nhú ra gọi dục. Tôi nhìn toàn bộ thân xác nàng, càng nhìn lâu càng thấy ý định chia tay sẽ là điều khó lòng thực hiện. Thường, đôi tôi đã hoàn toàn tê liệt - như chú chuột nhắt trước đôi mắt thôi miên của lão mèo già - nàng mới lên tiếng: Lại đây, em bảo. Và dang rộng tay chuẩn bị một vòng ôm. Tôi ngả người úp mặt vào lòng nàng, hít sâu mùi da thịt dầy hương. Ngày mai chia tay. Chẳng có ngày mai nào hết... Tôi là một thằng đàn ông vừa hèn vừa dâm. Nàng khôn ngoan lịch duyệt có thừa. Nàng trói tôi bằng sợi lòi tói của kinh nghiệm dục lạc. Khi ở xa nàng tôi cân nhắc rành mạch điều hơn lẽ thiệt, nghĩ đến hậu quả và ý thức rất rõ trò chơi này đã đến lúc phải chấm dứt. Nhưng gần nàng, ý chí tôi triệt tiêu, xác thân tôi đòi quyền tự trị. Cứ thế, tôi loay hoay mãi trong cái truông hẹp và sâu thăm thẳm ngăn chia giữa tỉnh, mê mù tối.

“Không chia tay, rồi sẽ thế nào?”. Tôi hỏi.

“Thế nào là thế nào?”

Nàng vừa hỏi lại vừa leo lên ngực tôi. Chiếc rốn sâu lõm xuống trên khoang bụng phẳng lì, đầu vú vểnh cao. Nàng bắt đầu nhún nhảy như đứa bé chơi ngựa gỗ. Mọi bắp thịt trên người nàng rung động, sự rung động chuyển qua tôi làm hàng triệu mạch máu trương nở, rần rật. Mỗi lỗ chân lông

quanh lớp biểu bì bao phủ thân thể tôi là một trạm thu điện, nàng đứng đến đâu tôi giật bắn đến đó.

“Anh thấy bất nhẫn.” Tôi nói.

“Cho ai?” Nàng hỏi.

“Ông ấy.” Tôi nói.

“Người bất nhẫn phải là em, không phải anh.” Nàng gần giọng, khuôn mặt đành lại.

“Ông ấy... Tình trạng thế nào?” Tôi hỏi.

Nàng đưa tay vuốt má tôi,

“Không phải chuyện của anh. Đừng hỏi.”

* * *

“Anh gặp cậu ấy hôm qua.” Tôi nói và nhìn thẳng vào mắt nàng để đo lường phản ứng.

“Em không ngạc nhiên đâu. Trước sau gì anh cũng biết. Biết sớm như vậy càng dễ nói chuyện.” Giọng nàng bình thản.

“Em tính thế nào?”

“Chẳng tính gì hết. Nếu tính được, em đã tính từ mười hai năm trước.”

“Em không yêu anh sao?”

“Anh không nhận ra ư? Cho đến bây giờ, chúng ta vẫn chưa có con?”

“Có lẽ do anh...”

“Sai rồi, em muốn thế đấy.”

“Vậy động cơ nào khiến em bằng lòng sống với anh mười hai năm nay?”

“Đó là điều em vẫn thường tự hỏi. Phải, động cơ nào?... Em thù anh.”

“ Em... Anh yêu em. Chuyện xưa, em đừng nhắc lại nữa.”

“Có những vết thương không bao giờ lành.”

“Nhưng em tự nguyện kia mà.”

“Chính vì vậy em thù anh. Càng tỉnh táo nhận ra điều mê muội em càng thù anh.”

“Anh không hiểu.”

“Anh giả vờ đấy thôi. Thông minh như anh, cái gì mà không hiểu. Anh thừa biết những giới hạn không thể vượt qua của mỗi con người, và anh dùng nó để trói buộc em vào số phận anh.”

“Em rắc rối quá. Thôi... Chúng ta nên trở lại với thực tế. Em suy nghĩ cho kỹ đi, em có yêu cậu ta không? Chuyện giữa em và cậu ta rồi sẽ đến đâu? Em nên hiểu, anh không phải là người chịu thua dễ dàng.”

Nàng ngả người vào sofa, bật cười lớn,

“Anh làm gì?”

“Bằng này tuổi, anh chẳng còn gì để giữ...”

Mất nàng long lên,

“A... A... Anh dọa tôi đấy phải không? Được, tôi chờ. Có lẽ vở kịch sắp đến hồi hạ màn. Mười hai năm, như thế cũng đã quá dài.”

* * *

“Chú nhắm làm nổi không?”

Thằng thanh niên cười rộ,

“Bà chị khinh đàn em quá xá, nhằm nhò gì chuyện lẻ tẻ này, bà chị.”

“Tốt lắm, ngoài số tiền tôi sắp đưa chú, xong việc, tôi sẽ thưởng thêm.”

“Bà chị muốn nặng nhẹ thế nào? Đi tàu suốt? Nằm chơi xơi nước suốt đời? Hay chỉ cảnh cáo?”

“Đi tàu suốt, nặng quá, cảnh cáo, không ổn...”

“Nghĩa là bà chị chọn giải pháp thứ hai?”

“Được chứ?”

Thằng thanh niên nhìn tôi, ánh mắt nó có một vẻ gì rất man rợ,

“Cái này đây đưa lấy đây. Bà chị cũng biết bọn này thường không muốn dây dưa, hậu quả khó lường.”

“Nhưng ông ta chưa đáng tội chết, chú gắng giúp chị...”

“Thôi được, bà chị chi thêm chút đỉnh...”

“Một nghìn nữa nhé?”

“Tuyệt, bà chị chi đẹp lắm. Bảo đảm không xứng đáng không ăn tiền.”

Tôi móc bóp đưa cho thằng thanh niên xấp tiền đã thương lượng. Hắn cầm, đếm lại cẩn thận rồi nói với tôi sẽ thực hiện ngay công tác trong vòng ba ngày trở lại. Tôi từ già thằng thanh niên, rời quán, nghĩ đến biến cố sắp xảy ra trong vài ngày nữa. Một chút trắc ẩn dấy lên trong lòng nhưng tôi vội xua đi. Cái giá ông ta phải trả, xét cho cùng cũng ngang bằng với hạnh phúc tôi đã mang lại cho ông ta bao nhiêu năm nay. Tôi muốn dứt khoát một lần, cho xong.

* * *

“Em không sợ sao?” Tôi hỏi, hồn hên. Hai dịch hoàn căng nhúc.

“Chuyện đến, sẽ đến. Phải làm chủ mình... Anh, hâm nóng em đi.”

Tôi chưa kịp trả lời nàng đã quay ngược lại. Phần hạ thể nung núc rậm rạp phủ kín khiến tôi phải ngược đầu ra sau để thờ.

“Hâm nóng em đi anh.” Nàng lặp lại, toàn thân chuyển động.

Tôi làm theo yêu cầu của nàng, ngoan ngoãn như một tên nô lệ. Bao giờ nàng cũng đóng vai chủ động. Tôi tuân thủ nàng tuyệt đối. Chấp hành mọi mệnh lệnh nàng ban ra với sự thích thú có phần quá nhiệt tình. Tôi nhận thấy, cùng nàng, không có cuộc ân ái nào nhàm chán. Nàng làm tôi kinh ngạc về khả năng bền bỉ và cuồng nhiệt bất tận. Hình ảnh người đàn ông nhòe đi.

Vòng tay qua hai gò mông tròn vun, tôi ghì mạnh xuống. Trong miệng nàng, của tôi nằm sâu, nhột điếng.

“Anh... Anh... Anh...”

Nàng ngóc đầu, kêu rồi.

“Anh... Anh... Anh...”

Nàng vật người ngửa ra, kéo tôi ngã sấp,

“Anh... Yêu em đi.”

Tôi chồm dậy, quỳ gối. Nàng ưỡn người đón nhận nhiệt tình. Mất nàng mở trừng, hai hàm răng nghiến chặt, như muốn cảm giữ tiếng rên hoảng loạn rít qua kẽ răng.

* * *

Tiếng rít vẫn bật ra giữa hai hàm răng nghiến chặt. Tôi đau. Phần hạ thể bị xé làm hai.

Tôi đau.

Năm lên tám trong trận cãi vã với con bạn cùng lớp, tôi đã điên tiết đâm nó một vết đâm sâu bằng cây bút có ngòi viết rộng nhọn lều. Vết đâm để lại trên ngực con bạn vết sẹo, và hằn trên da thịt tôi trận đòn thừa chết thiếu sống. Không chịu nổi hai roi đầu đau đến buốt óc, tôi vùng dậy, chạy bỏ ra đường. Ba hét,

“A, gớm nhỉ, dám chạy phải không.”

Tiếng hét rên rỉ, cùng lúc với những bước chân thành thịch phía sau. Tôi nhanh chóng bị tóm cổ, bị lôi vào nhà. bằng sợi dây dù cột vòng, ba trói căng chân tay tôi vào bốn góc giường.

“Thử xem mày còn chạy được không.” Ba gằn từng tiếng chậm.

Mẹ từ dưới bếp đi lên,

“Mình, em lạy mình, nó trót dại, tha cho con...”

Ba quay lui trừng mắt hét,

“Đi xuống, cô bắc thang cho nó leo phải không?”

Mặt mẹ tái xanh, nước mắt trào ra hai bên khóe,

“Mình...”

“Tôi bảo đi xuống, có nghe không?”

Mẹ lùi lại, thập thò sau cánh cửa dẫn xuống nhà bếp. Tôi nghe mẹ khóc nức nện ngào.

Trong tư thế của một tội nhân thời trung cổ, tôi quần quai

hứng chịu những ngọn roi điên cuồng ba trút xuống tám lưng trần, cho đến khi lịm đi trong cơn đau xé thịt. Trận đòn mãi mãi hằn trong cân não tôi nỗi kinh sợ đến tê điếng thần hồn mỗi lần hồi tưởng. Trận đòn đẩy hình ảnh ba ra khỏi trái tim tôi, để sau này, khi được tin ba tử trận ở một chiến trường nào đó ngoài miền Trung, cùng với nỗi buồn mất cha, trong chỗ sâu kín nhất của tâm hồn tôi, hình như đã bật lên tiếng kêu hài lòng. Nhiều năm sau, cho đến ngày hôm nay, giữa tình thương và lòng thù hận, tôi không hiểu điều nào đã ngự trị trong tôi mạnh mẽ hơn, đã chi phối cuộc sống tôi, nghĩ suy tôi, phản ứng tôi đối với cuộc đời quyết liệt hơn? Duy có điều tôi biết rõ: Mỗi lần buông thả để mặc bản năng dẫn dắt, mỗi lần làm cho một người đàn ông nào đó khốn đốn khổ sở, bên cạnh nỗi ân hận, tôi luôn luôn cảm thấy một niềm khoái lạc chiếm ngự trọn vẹn tâm hồn. Trong những lúc như thế hình ảnh đứa bé gái trần truồng bị trói căng giữa bốn góc giường, không cách chi đỡ gạt những ngọn roi tàn nhẫn tưới chẳng nương tay trên khắp thịt da, cùng với đôi mắt đầm ướt nỗi bi thương của mẹ lại hiện về.

* * *

Lẽ nào tôi sắp mất nàng? Mất nàng. Đó là ám ảnh lớn nhất đeo đuổi tôi suốt mười hai năm nay, nhưng cho đến bây giờ, nó đã trở nên một thực tế khó lòng phủ nhận. Điều lạ lùng, tôi cũng như nàng đều biết tình trạng giữa chúng tôi có vẻ rất tạm bợ, theo kiểu ăn xổi ở thì, vậy mà đã kéo dài đến những mười hai năm. Điều gì đã gắn bó ràng buộc chúng

tôi dài lâu như thế? Phải chăng qua tôi nàng nhìn thấy nàng, ngược lại qua nàng, tôi nhìn thấy tôi? Kẻ này càng khinh bỉ căm thù kẻ kia bao nhiêu càng nhận ra sự giống nhau đến lạ lùng giữa hai bản chất. Chúng tôi hút chặt lấy nhau nhưng đồng thời đều nỗ lực muốn chối bỏ nhau. Chối bỏ nhau cũng là một cách chối bỏ chính mình. Lương năng và bản năng. Đó là sự mâu thuẫn, dị biệt, tương xung làm nên cá tính của chúng tôi.

Mất nàng. Liệu tôi có đủ cam đảm để chấp nhận điều đó không? Người ta không thể để mất chính mình. Không, sẽ chẳng bao giờ. Bằng mọi giá tôi phải giữ nàng, cho dù cái giá đó có thể rất đắt.

Tôi cho xe vào parking, tắt máy. Có nên không? Tôi ngồi thừ trên xe rít dài mấy hơi thuốc trước khi mở cửa bước ra. Qua lớp kính dày, tôi nhìn thấy những cây súng với nước thép bóng loáng nằm dài trên những dãy kệ. Có nên không? Tôi lại tự hỏi, dù đã bước hẳn vào bên trong cửa tiệm.

* * *

Như vậy, những điều nàng nói với tôi là sự thật. Người đàn ông có vẻ già nua chậm chạp đang là chồng nàng quả chẳng phải tay vừa. Nếu không làm gì có chuyện thanh toán khủng khiếp thế kia? Buổi tối, trên đường về nhà, qua một khúc đường vắng, người đàn ông bị hai chiếc xe kè sát, trên xe một bọn thanh niên chĩa súng uy hiếp bắt dạt vào lề. Theo lời khai của người đàn ông được báo chí tường thuật thì bọn thanh niên lôi ông ta vào xe chúng, bịt mắt đưa về một nơi

nào đó, rồi không một lý do, chúng đề ông ra cắt đứt hai nhượng chân. Thi hành xong thủ đoạn, chúng lại lôi ông lên xe, mang vắt trong parking một khu chợ. Cảnh sát tìm thấy ông ta, nhờ một khách hàng đi chợ tối phát hiện. Người đàn ông không chết, nhưng chắc chắn suốt đời biến thành kẻ tật nguyền.

Người ta vẫn chưa biết nguyên nhân nào đã khiến bọn thanh niên hành động như thế. Nhiều giả thuyết được đưa ra. Trong đó có một giả thuyết được mọi người xem như gần với thực tế nhất (qua lời khai bóng gió của nàng): Người đàn ông có thể đang là lãnh tụ của một tổ chức nào đó và hậu quả ông ta vừa nhận có thể do thanh toán nội bộ hoặc do tổ chức đối nghịch muốn tranh dành ảnh hưởng.

Chuyện chia tay với nàng sẽ không quá cấp bách nữa. Tôi vẫn có thể gần nàng ít nhất cho đến ngày người đàn ông xuất viện trở về. Nhưng sợ, bởi vì nếu nàng nói đúng thì thế lực của ông ta, những thế lực ẩn nấp đâu đó trong bóng tối, sẽ là mối đe dọa chưa biết sẽ chụp xuống đầu tôi bất cứ lúc nào. Tôi tưởng tượng nếu mình rơi vào hoàn cảnh của người đàn ông, tưởng tượng lưỡi dao bén cửa ngọt trên nhượng chân. Trời, sẽ đau đớn biết chừng nào!

* * *

Tôi đau.

Nhưng cái đau của trận đòn thừa chết thiếu sống không giống với cái đau tôi từng tự nguyện, cái đau xé thịt của lần đầu tiên thất tiết, cái đau làm bật ra tiếng kêu rít qua kẽ răng

nghiến chặt. Đó cũng là tiếng chào vĩnh biệt thời con gái để bước vào thế giới đàn bà.

Người đàn ông hơn tôi gần hai mươi tuổi, người đàn ông có đôi mắt ướt, mái tóc dài phủ bồng bềnh vàng trán rộng. Một hôm từ trường về, vừa bước qua ngưỡng cửa, tôi thấy người đàn ông ngồi bắt chéo trong lòng chiếc salon kê sát tường. Mẹ ngồi đối diện với ông ta, lưng quay về phía tôi. Người đàn ông ngược lên, môi mở rộng một nụ cười vui,

“Cháu đây à?”

Mẹ quay lại, ngoắc tôi đến gần,

“Vâng, cháu lớn đấy. Mai, chào chú đi con.” Mẹ nói.

Tôi vòng tay cúi đầu thấp,

“Thưa chú.”

“Giỏi. mấy tuổi rồi?” Người đàn ông hỏi.

“Thưa chú, mười ba ạ.”

“Học lớp mấy?”

“Thưa chú, lớp tám ạ.”

Người đàn ông vươn tay nắm cánh tay tôi kéo lại gần. Bàn tay to và cứng vuốt nhẹ trên mái tóc tôi, “Kháu quá, chỉ có cô con gái kháu quá.”

“Bướng lắm chú... Này con, xuống nhà rửa mặt rồi lên ăn cơm với mẹ, với chú.”

Người đàn ông kém mẹ bốn tuổi, thuở xưa, từng là thuộc cấp của ba.

Sau lần đó thỉnh thoảng đôi ngày ông ta đến chơi, dần dà trở thành người thân của gia đình tôi. Cũng dần dà tôi khám phá ra giữa mẹ và ông có mối quan hệ đặc biệt.

Năm mười lăm tuổi, lần đầu tôi có kinh, vết máu thâm

trên đũng quần lót là dấu mốc cuối cùng phân định tuổi thơ và tuổi dậy thì. Đầu óc tôi bỗng hay suy nghĩ vẩn vơ, trái tim tôi thường vui buồn bất chợt, và nhất là da thịt tôi chợt xôn xao. Hai núm vú bắt đầu sưng mọng, nhú cao giữa khuôn ngực căng nhức, trên lớp da trắng mềm của phần hạ thổ cũng phủ mượt một lớp lông mềm. Đêm, chợt giật mình thức giấc, nghe tận cùng mọi ngõ ngách của thân xác một đòi hỏi mơ hồ chưa thể định tên. Ngày, dưới mắt nhìn soi mói của bọn con trai, tai tôi bỗng nóng ran, ngực tôi bỗng đập dồn, chân tôi bỗng bước lú quíu. Những lúc theo mẹ đi ciné, tôi ngây ngất nhìn “người ta” yêu nhau trên màn ảnh bằng cái nhìn của một tín đồ hướng về đất thánh. Tay ôm ghì, ngực áp sát, môi đè lên môi... Tôi thu nhận những hình ảnh đó với tất cả sự rung động cuồng nhiệt nhất của trái tim. Tôi hiểu mình đã thực sự bước vào tuổi thiếu nữ.

Một đêm tiếng nước từ vòi sen rưới xuống sàn gạch hoa lôi tôi ra khỏi giấc ngủ. Tôi ngược nhìn đồng hồ tường. Một giờ sáng. Giờ này hai đứa em tôi đã ngủ, chỉ còn mẹ. Nhưng mẹ có bao giờ tắm khuya vậy kìa? Tôi ngạc nhiên ngồi dậy, đẩy cửa bước ra. Phòng mẹ đối diện phòng tôi, cách nhau một hành lang. Buồng tắm chung của gia đình nằm giữa, phía tay trái. Cánh cửa buồng tắm mở hé, ánh sáng từ trong lọt qua khe, cắt thành một vệt dài vắt ngang lối đi. Tôi bước tới, nghiêng đầu nhìn vào... cảnh tượng bên trong khiến tôi giật thót. Trên mặt bàn gạch men, mẹ ngồi tựa ngửa, chân gác lên vai chú Luận. Phía dưới, chú khom lưng. Hai người không ngớt uốn éo, xoay trở. Tiếng thở hỏn hển, tiếng rên có nén... Mẹ vùi hai bàn tay vào tóc chú, giật, xoắn hối hả.

Nước từ vòi sen vẫn tỏa đều điệp khúc rào rào như tiếng mưa. Có lẽ hai người cố tình mở nước để át bớt tiếng rên rỉ hỗn hển. Tôi đứng sượng ngắc, da thịt đầu óc mê muội. Lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh làm tình; lần đầu tiên tôi hiểu thế nào là ân ái. Tất cả đã khắc đậm trong đầu tôi một ấn tượng mãnh liệt. Tôi đứng như thế, nhìn sững quên cả thời gian, cho đến khi hai người rời ra, tôi mới trở về phòng. Từ lúc đó đến sáng, tôi gần như không ngủ được. Giữa chập chờn mê tỉnh, hình ảnh mẹ và chú Luận quay đi quay lại trong đầu, tôi trần trổ sắp ngửa liên hồi.

Những ngày sau tôi rập tâm theo dõi và biết chú Luận thường đến với mẹ vào những đêm khuya, ra về khi trời chưa sáng tỏ. Tôi cũng còn biết thêm hai người không phải chỉ mới quan hệ xác thịt gần đây, mà đã rất lâu, có lẽ bắt đầu từ lúc tôi nhìn thấy chú lần đầu tiên.

Tôi vẫn mong bắt gặp lần thứ hai cảnh ân ái giữa hai người, nhưng chẳng bao giờ còn có cơ hội. Phía sau cánh cửa phòng ngủ của mẹ họ đang làm gì? Nằm thao thức trên giường, giữa đêm khuya, tôi tha hồ để trí tưởng tượng phiêu lưu dông dài. Trí tưởng tượng càng mạnh bao nhiêu thêm khát càng mãnh liệt bấy nhiêu.

Cho đến một buổi sáng chủ nhật chú Luận đến chơi trong lúc mẹ vắng nhà.

Có lẽ sự thèm khát của tôi biểu hiện quá lộ liễu qua ánh mắt, cử chỉ lảng lơ đã khiến chú Luận chú ý. Chú nhìn tôi, tia nhìn quét nhanh từ đầu đến chân, rồi bất ngờ chú ngoắc tôi lại gần,

“Lại đây, chú bảo.”

Tôi bước đến cạnh chú.

“Ngồi xuống đây.”

Chú Luận ra lệnh, bàn tay đập trên salon. Tôi ngồi xuống.

“Năm nay cháu nhiều rồi nhỉ?” Chú hỏi.

“Dạ... Sắp mười sáu.” Tôi đáp ứng.

“Thảo nào, trông như thiếu nữ đôi mươi.”

Chú vuốt má tôi,

“Cháu đẹp lắm.”

Tôi cúi đầu, má nóng bừng, máu chảy rần rạt trong cơ thể.

“Cháu đẹp lắm...”

Chú Luận vừa lặp lại vừa kéo mặt tôi lại gần. Bất ngờ, chú cúi hôn. Tôi nhắm nghiền hai mắt, để yên không biểu tỏ một cử chỉ nào. Đôi môi chú Luận di chuyển từ má ra sau vành tai, rồi bò trở lại vị trí cũ, cuối cùng áp chặt lên chiếc miệng đang run rẩy của tôi. Vòng tay chú cũng từ bao giờ quấn siết quanh lưng. Tê đięng trong trạng thái ngất ngậy, tôi để mặc chú bế lên, đi nhanh vào phòng, đặt xuống giường...

Với hai bàn tay thô nhám nhưng uyển chuyển khôn ngoan, chú Luận đã dần dần bóc hết lớp quần áo bao phủ ngoài thân thể tôi, bình tĩnh đẩy tôi vào cơn đồng thiếp của khoái cảm. Tôi buông trôi để mặc chú hành động. Thèm muốn nung nấu bao lâu nay kể từ lúc nhìn thấy cảnh ái ân giữa mẹ và chú đã khiến lý trí tê liệt hoàn toàn. Tôi trần truồng oằn gịạt dưới trận mưa dục lạc. Trong đầu lờ lờ, lúc mờ, lúc tỏ, lúc ẩn lúc hiện hình ảnh đứa bé gái hét đięng từng cơn, và những ngọn roi, những ngọn roi... xé banh từng mảng thịt... Cho đến khi

cơn đau xuyên qua óc...

Tôi biết, như thế, mình đã trở thành đàn bà.

Chúng tôi thay đổi đủ mọi tư thế. Cho đến khi nàng la hoảng,

“Anh... Anh...”

Tôi gia tăng động tác. Nàng uốn cao hai hông. Một cơn rùng mình chạy khắp châu thân. Sinh lực tôi thoát ra, cùng lúc với tiếng hét loạn của nàng,

“Trời ơi... Anh... Anh...”

Đồng hồ tường chỉ hai giờ kém hai mươi. Nàng vật người sang bên, thở dồn.

“Mệt”. Nàng vừa cười vừa nói.

“Em hùng hục không nghỉ một giây, mệt là cái chắc.”

“Anh không thích vậy sao?”

“Thích chứ.”

Nàng nằm thêm độ mười phút rồi chống tay ngồi dậy,

“Thôi, anh về đi. Em tắm.”

“Em... Ngày mai...”

Nàng nhìn tôi, nhìn vẻ mặt bối rối của tôi, bật cười, “Lại... *Chia tay nhé!* Đây, lắm lắm vừa vừa chứ. Đã bảo không nhắc đến chuyện đó kia mà. Bao giờ anh muốn, cứ việc. Có gì quan trọng đâu?”

Tôi thấy lòng nhói đau,

“Em thấy chẳng có gì quan trọng à?”

Nàng không trả lời, đưa tay vợ mớ quần áo, nhắc,

“Anh về đi..,”

Tôi đứng dậy mặc quần áo, .

“Anh về.”

“Vâng, anh về. Bao giờ gặp lại?”

“Anh không biết.”

“Phải biết chứ. Phải làm chủ mình chứ.”

Nàng cười lớn, khuất sau cánh cửa ngăn chia phòng khách và nhà bếp. Tôi bước xuống mấy bậc cấp, tiến đến chỗ chiếc xe, mở cửa bước lên, khởi động máy. Chiếc xe vòng một vòng rộng, quay đầu. Tôi hơi nghiêng mặt nhìn vào nhà. Cánh cửa đã đóng lại. Nàng có lẽ đang nằm dài trong bồn, có lẽ đang cất tiếng hát nho nhỏ. Nàng như một loại yêu tinh. Tôi thật khó thoát khỏi tay nàng. Đáng sợ quá. Đáng sợ thật. Nàng nói, Anh đừng thắc mắc gì về em. Ngược lại, anh có toàn quyền tự do trong mọi chọn lựa. Đến, đi, làm bất cứ điều gì anh muốn. Không ai cấm được ai, phải không? Này, chẳng dễ gì tìm ra một người tình dễ tính như em đâu, anh ngó.

Nàng dễ tính thật, càng dễ tính càng đáng yêu. Thế mới chết. Tôi yêu nàng. Điều chính tôi cũng không thể ngờ. Yêu nàng là cùng lúc tôi phải đối đầu với bao nhiêu bất trắc. Yêu nàng, là đương đầu với những thế lực đen đang nằm trong bóng tối. Chồng nàng tuy không một chút hy vọng sẽ trở lại tình trạng bình thường, nhưng quyền lực của ông ta chắc chắn sẽ chẳng vì thế mà suy sụp.

Tôi sợ. Càng sợ càng thấy cái hấp lực kỳ quặc của nàng trên số phận tôi.

* * *

Tôi biết anh ta sợ. Tôi biết anh ta không muốn mất tôi.

Anh ta càng sợ hơn khi nghe tôi nói đến cái thể lực của chồng tôi, cái thể lực vẫn ẩn nấp đâu đó trong bóng tối, sẵn sàng phủ chụp trên số phận anh ta một hậu quả bi đát nhất.

Nỗi sợ của anh ta khiến tôi vừa yêu vừa bức. Thật sự, chẳng có thể lực đen nào hết. Sự thực, người chồng đang nằm trong nhà thương của tôi đã và chẳng bao giờ là một nhân vật ghê gớm. Sau vụ “thanh toán quyền lực” kia, ông đã trở nên một người tàn phế, vĩnh viễn không bao giờ còn bước đi trên đôi chân, càng vĩnh viễn không bao giờ đóng được cái vai trò bình thường của một người chồng. Cái giá ông ta vừa trả như vậy coi như tạm đủ. Ông ta đã bỏ mẹ tôi, đã cướp giết tôi trong tay mẹ. Tôi không hiểu tại sao ngày đó tôi lại toa rập với ông ta, nghe theo lời dụ dỗ của ông ta, bỏ mẹ ở lại để theo ông ta xuống tàu vượt biên, và rồi sống với ông ta cho đến ngày hôm nay? Mười hai năm, từ quê nhà đến quê người, tôi thường trực hoang mang giữa khổ đau và hài mãn, trong tôi vẫn nung nấu có một điều gì tựa như niềm căm thù. Phải, niềm căm thù. Tôi thù ông ta đã cưỡng bức tôi, đã đẩy mẹ ra khỏi đời sống tôi, đã biến tôi thành một đứa con bất hiếu. Tôi vẫn nghĩ rồi sẽ có một ngày nào trả được mối hận xưa. Nhưng nếu tôi không gặp anh ta, liệu sự việc kia có xảy ra không? Anh ta, như một con nai khờ, chẳng biết gì ngoài đồng sách vở kiến thức. Chính vì vậy anh ta có cái hấp lực riêng. Tôi thích thú được làm kẻ hướng dẫn giúp anh ta khám phá phần bản năng trong con người trí thức của anh ta. Chỉ có điều anh ta yếu đuối quá, thiếu thôn nhiều kinh nghiệm sống quá. Anh ta hay lo sợ không đâu. Ban đầu, tôi thấy thương hại, nhưng dần dần đâm bức mình, vì vậy tôi đã

cổ tình đắp thêm vào mối lo của anh ta cái hình ảnh người chồng xấu số của tôi đã và đang là lãnh tụ của một thế lực đen nào đó, cũng như bóng gió để anh ta cảm thấy lúc nào cũng đang chơi dao hai lưỡi, sự thật sẽ bị đổ bể bất cứ lúc nào. Nhìn thấy anh ta quay quắt khổ sở, chẳng thể quyết định nổi giữa ở và đi, tôi thích thú, một thích thú có vẻ bệnh hoạn. Bệnh hoạn chăng? Chưa chắc. Mọi tội lỗi nhất định phải có cái giá để trả. Đó là luật chơi công bằng. Anh ta không có lý do nào để hưởng trường hợp ngoại lệ. Anh ta cũng phải trả cho ham muốn của mình một giá nào đó. Điều tất nhiên phải thế. Ngày xưa, khi thèm khát nhục dục lên đến cái mức không thể kềm giữ, tôi đã trao thân cho người đàn ông, đổi lại, tiết trinh của một đứa con gái cũng mất đi từ đó, tôi chấp nhận đổi chác như chấp nhận một sự kiện không thể khác. Và người đàn ông tôi gọi bằng chú, rồi chồng sau này cũng phải trả cái giá phải trả khi muốn chiếm hữu tôi và đẩy mẹ vào bóng tối lãng quên.

Điều buồn cười, tôi càng tỏ ra bất cần, bung phá bao nhiêu thì anh ta càng sa lầy bấy nhiêu. Tưởng tượng một hôm nào, giữa cơn hoan lạc, tôi rớt vào tai anh ta. Anh ơi, em có thai. Sẽ thế nào nhỉ? Anh ta dừng hẳn mọi động tác? Vật người sang bên dương mắt nhìn tôi? Thật không? Thật chứ, em vừa đi khám hôm qua. Trời, rồi làm sao? Làm sao gì nữa, lấy nhau chứ làm sao. Không được. Sao lại không được, ân ái thì phải có con, chuyện thường, bộ muốn chạy làng hả? Không được mà. Được. Không được, nhất định không được. Được, nhất định được. Mặt anh ta sẽ chảy dài dau khổ, miệng anh ta sẽ há hốc. Liệu tôi có nín cười nổi không?

Tôi tung tấm chăn đang đắp trên người, nhìn xuống thân thể mình. Tuy có hơi đầy đà nhưng trông tôi vẫn còn hấp dẫn lắm. Cứ nhớ lại ánh mắt của anh ta khắc biết, si dại như một tín đồ. Tôi đưa tay nâng hai trái vú, hai tảng thịt nặng mềm mát. Tôi vuốt tay trên phần hạ thể... Một cảm giác khó tả chạy khắp châu thân. Phải chi bây giờ có anh ta nhỉ. Tôi xoay nghiêng nhìn đồng hồ tường. Đã hơn mười hai giờ. Anh ta còn thức? Tôi nhấc điện thoại,

Chuông reo lần thứ hai. Tiếng hê-lô đầu dây bên kia.

“Anh chưa ngủ?”

“Em đấy à?”

“Em đây. Qua với em. Nhớ anh em ngủ không được.”

“Khuya quá...”

“Qua không thì bảo?”

“À... À... Để anh qua.”

“Em đợi, nhanh nhé. Hôn cung.”

Tôi gác máy, chùi người trở lại vào chăn nằm chờ.

* * *

Hắn hay nàng chủ động việc này?

Tôi không tin hắn làm điều đó. Với bản chất của một tên thư sinh trời gà không chặt, làm sao hắn dám nghĩ, nghĩ thôi chứ đừng nói gì nâng ý nghĩ thành hành động. Chỉ có nàng. Bao năm sống với nàng, tôi còn lạ gì. Trong nàng, có hai mặt trái ngược nhưng lại bổ sung cho nhau. Đó là lòng thù hận đàn ông (bắt nguồn từ trận đòn của cha; mặc cảm phạm tội với mẹ, mà tôi, là động lực) và sự mê đắm nhục dục. Nếu tôi

vẫn như xưa, nghĩa là vẫn còn trẻ trung ắp đầy sinh lực, thì chắc chắn sẽ không xảy ra hậu quả này. Nàng không hiểu tại sao nàng sống được cạnh tôi mười hai năm, nhưng tôi, tôi hiểu. Sức mạnh của xác thịt, đó là lý do duy nhất khiến nàng không thể dứt lìa khỏi tôi. Càng căm thù tôi bao nhiêu nàng càng dễ dàng đạt đến cực cùng khoái lạc bấy nhiêu. Một hình thức khổ tâm. Nàng từng kể tôi nghe về nỗi khổ đau trộn lẫn với niềm vui khi nghe tin ba nàng tử trận. Nàng từng kể tôi nghe về cảm giác thỏa thuê khi nhìn thấy tôi làm tình với mẹ nàng sau khe cửa khép hờ, qua tôi, nàng đã trả được mỗi hạn với cha, bởi sự phản bội của mẹ là một hình thức chứng tỏ quyền hạn gần như tuyệt đối của ba đối với mẹ đã không còn hiệu lực. Tôi ghê sợ nàng, kính tởm nàng, nhưng tôi cũng yêu nàng quá sức. Chính vì yêu nàng, tôi đã chần chừ bao lâu, chùn tay không nỡ hành động. Chính vì yêu nàng, tôi đã chậm một bước. Nhưng chậm không có nghĩa không thể tiếp tục. Loại bỏ nàng (như nàng vừa loại bỏ tôi) thật chẳng khó khăn gì. Trên xứ sở này, cái gì lại không làm được nếu có tiền.

Cô y tá vừa bước vào phòng cắt đứt ý nghĩ của tôi. Cô ta cười thật tươi,

“Chào ông, khỏe chứ?”

“Cảm ơn, tôi khỏe.”

“Ông cần gì không?”

“Cảm ơn, tôi thấy thoải mái lắm. Đây, bao giờ tôi xuất viện được?”

“Tôi không biết, ông nên hỏi bác sĩ.”

“Cảm ơn cô.”

Cô ta đắp lại tấm chăn cho tôi, thu dọn những vật dụng linh tinh trên bàn rồi chào tôi trở ra. Tôi nhìn cánh cửa khép lại sau lưng cô ta, tôi nhìn căn phòng trắng nhờ màu sơn lạnh lẽo. Có nên không? Tôi biết câu hỏi sẽ vẫn mãi còn đó, trong đầu tôi, cho đến bao giờ tôi dứt khoát loại bỏ được nó, bằng một hành động cụ thể.

Một hành động cụ thể? Tôi nhớ đến lũ thanh niên, nhớ đến cái đau buốt óc khi lưỡi dao cứa ngọt trên nhượng chân. Khắp người tôi bỗng nổi gai. Một niềm hoan lạc ngây ngất chạy luồn trong mạch máu khiến nhịp tim đập dồn, đầu óc choáng váng. Cũng như tôi, nàng sẽ quần quai kiệt lực trong vũng máu, cũng như tôi, nàng sẽ vĩnh viễn làm một thứ đồ vật thừa, cho đến hết đời. Cũng như tôi, cũng như tôi... Một hành động cụ thể... Cũng như tôi...

PHỤ LỤC

Các cuộc triển lãm tranh của Khánh Trường

Nhận định và phỏng vấn của:

Đỗ Lê Anh Đào - Phùng Nguyễn

Lê Quỳnh Mai - Đặng Phú Phong - Phan Tấn Hải

Hồ Huấn Cao - Đinh Cường - Nguyên Giác

ĐỖ LÊ ANH ĐÀO

Nói chuyện với nhà văn / họa sĩ Khánh Trường

I - Văn chương và Hội họa

- Họa sĩ, nhà văn Khánh Trường đã viết và vẽ không ít từ nhiều thập niên. Qua quá trình đó, ông hãnh diện và hài lòng nhất những tác phẩm văn chương và hội họa nào? Hay là giai đoạn sáng tác nào đáng nhớ nhất của ông?

- Như tôi đã có lần trả lời Y Sa trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật của Radio VNCR cách đây không lâu, rằng tác phẩm ưng ý nhất của bất cứ nghệ sĩ nào, mãi mãi sẽ là bức tranh (hay bản văn, ca khúc...) sẽ ra đời trong tương lai. Bởi chúng tôi nghĩ, nghệ sĩ là kẻ luôn phủ nhận chính mình, để dần thân vào những thử thách mới. Hẳn không bao giờ bằng lòng với thành quả vừa đạt được. Nói cách khác, bằng lòng là dừng lại, là chết, là cạn kiệt nguồn sáng tạo. Có thể ví von:

nghệ thuật là loại đường đi không đến, và người nghệ sĩ là kẻ luôn luôn trên đường, hần đi mãi, đi hoài, cho đến ngày xuôi tay, trong khi đích đến vẫn mịt mù, thăm thẳm. Tuy nhiên, nếu buộc phải trả lời cụ thể câu hỏi của cô, tôi sẽ không ngập ngừng: bức tranh gây xúc động lớn trong đời là bức tranh tôi bán được lần đầu tiên. Nhờ (hay bị) sự cố này, tôi quyết định chọn hội họa, như một nghiệp dĩ, đến hôm nay.

Và giai đoạn sáng tác đáng nhớ nhất là ngày tôi đã tập cầm cọ lại được sau bạo bệnh. Đáng nhớ, vì chưa bao giờ trong đời tôi cực nhọc như thế nhưng vui như thế khi vẽ hoặc viết. Cô cũng biết tôi bị stroke 3 lần, đưa đến hậu quả tay chân chỉ sử dụng được khoảng 20%. Chân đi đứng nghiêng ngã, phải ngồi xe lăn; tay vụng về, cầm nắm vật dụng nếu thiếu chú tâm, sẽ rơi, đổ; tệ hơn, không viết được, chỉ có thể gõ chữ trên phím computer bằng một ngón duy nhất của bàn tay phải, chữ được chữ mất vì không làm chủ được tứ chi. Giọng nói ngọng nghịu, phát âm khó khăn. Mất lưỡng thị, chỉ nhìn và nhận biết mọi sự vật qua một... màn sương, và chỉ đọc được chữ trên màn hình computer với điều kiện phải phóng lớn chữ thành tối thiểu size 14. Chưa hết, hơn một năm trước tôi lại bị thêm bệnh ung thư thanh quản và loét bao tử. Sức khỏe đã sa sút càng tệ hại trầm trọng, có thể “lên tàu” bất cứ lúc nào. Hầu hết mọi người đều cho rằng tôi có một nghị lực phi thường, mới có thể khắc phục được nghịch cảnh để cầm cọ, cầm viết lại. Riêng tôi, thật thà bộc bạch với cô, tôi hiểu mình hơn ai hết, tôi chỉ là một người bình thường như tất cả những người bình thường khác. Không chừng còn tệ hơn nữa kia. Cô hẳn biết, bọn nghệ sĩ vốn nhạy cảm, yếu

đuối, dễ đầu hàng, buông xuôi. Nhưng hoàn cảnh đã du tôi vào thế không còn chọn lựa nào khác, nếu muốn thoát khỏi tâm trạng trầm uất có nguy cơ chìm chết tôi trong tuyệt vọng. Nói cách khác, tôi chưa thể chết ngay được (ở xứ sở y khoa tân tiến vào bậc nhất này, chết, không dễ), làm sao chết được khi mỗi ngày tôi phải tuân thủ một mệnh lệnh bất khả chối từ: nuốt đủ 16 viên thuốc (no, khỏi cần ăn) mỗi ngày, và hàng tháng ít nhất hai lần thăm viếng nhà thương, bác sĩ. Cũng có nghĩa là tôi vẫn phải tiếp tục sống, mà đã sống thì dù muốn dù không phải bằng mọi giá thích nghi với đời sống. Đối với một nhà văn, một họa sĩ, còn con đường nào khác hơn vẽ và viết? Người xưa nói: thế cùng tất biến. Tôi nghĩ, bất cứ ai bị du vào hoàn cảnh tương tự cũng sẽ phải làm như tôi mà thôi. Vì thế, chả có gì đáng hãnh diện cả!

- *Triển lãm Phục Sinh xong rồi, ông sẽ tiếp tục vẽ và viết chứ? Hay ông nghỉ một thời gian?*

- Tiếp tục chứ. Dù, như mọi lần, khi đẩy chiếc xe lăn đến trước màn hình computer hay giá vẽ là tôi hiểu mình lại sắp vật lộn với vô vàng khó khăn, cực nhọc. Nhưng nếu không vẽ và viết, tôi biết dùng thời gian để làm gì? Nhất là chứng trầm uất chắc chắn sẽ tái phát nếu tôi không hướng suy nghĩ của mình đến những mục đích tích cực. Hiện tôi đang vẽ một loạt tranh mới, có lẽ sẽ triển lãm cuối năm nay. Riêng viết, tôi đã hoàn tất phần đầu của cuốn hồi ký. Nhưng tôi đang phân vân tự hỏi có nên tiếp tục hay không? Khi mới khởi sự, tôi rất hăm hở, song càng viết tôi càng bị cuốn vào dòng sự kiện, những sự kiện liên quan đến văn học nghệ thuật thì ít

mà dây mơ rễ má đến bản chất, cá tính, những mặt tiêu cực của giới văn nghệ sĩ thì lại quá nhiều. Có nên chăng? Ích lợi gì cho văn học sử? Có lẽ tôi sẽ viết lại, khởi đi từ một hướng khác.

- Nhìn vào phong trào hội họa và văn chương VN bây giờ ở hải ngoại nói chung, Hoa Kỳ nói riêng, ông có cảm nghĩ gì? Ông thấy những nhà văn, thơ và họa sĩ trẻ ở đây đang thành công và thất bại thế nào?

- Về văn chương, không có những thành tựu và những bút phá ngoạn mục như những thập niên 80s, 90s của thế kỷ trước, với những Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Thế Giang, Đỗ Kh., Ngô Nguyên Dũng, Ngọc Khôi, Trần Vũ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Ý Thuần, Cao Xuân Huy, Nguyễn Thị Thanh Bình... và rồi Lê Minh Hà, Lê Thị Thắm Vân, Mai Ninh, Miêng, Phạm Hải Anh... 30 năm sau 1975, thế hệ thứ nhất đã và đang theo nhau đi vào tịch lặng. Thế hệ một rưỡi, vì nhiều lý do, khách lẫn chủ quan, cũng lần lượt buông viết, hay chỉ sáng tác cầm chừng, thiếu hào hứng. Thế hệ tiếp theo chỉ là những cố gắng đơn lẻ, không tạo thành phong trào, mất hẳn không khí sôi nổi, từ người viết lẫn người đọc, vốn là những yếu tố tối cần thiết cho sinh hoạt văn học. Hơn 10 năm trước, trong một trả lời phỏng vấn, tôi tiên đoán đến một ngày nào đó văn học VN hải ngoại sẽ nhập vào dòng chính tại quê nhà, nếu có nhà văn VN hải ngoại còn muốn sử dụng ngôn ngữ Việt như một phương tiện để chuyên chở tư duy. Lúc đó cụm từ “nhà văn hải ngoại” hay “văn chương hải

ngoại” sẽ không còn nữa, thay vào đó, duy nhất, một cụm từ, “nhà văn VN”, khác chẳng, chỉ địa chỉ cư trú. Và do địa chỉ cư trú, những nhà văn VN sống ngoài quê hương, chịu tác động bởi giáo dục và môi trường văn hoá bản địa, sẽ mang vào văn chương Việt những sắc thái đặc biệt, làm phong phú, đa dạng thêm cho văn học VN. Hình như Đỗ Lê Anh Đào và các bạn cùng thế hệ đang làm công việc này. Với tư cách là người của những thế hệ trước, tôi vui và mong các bạn tiếp tục “chân cứng đá mềm”.

Riêng lĩnh vực hội họa, hiện có khá đông họa sĩ trẻ VN ở khắp nơi trên thế giới. Họ có những thành tựu. Tuy nhiên, đó chỉ là những thành tựu nhỏ, cục bộ, chưa đạt tầm vóc toàn cầu. Ngôn ngữ hội họa vốn vô biên giới. Nó biểu trưng cho cái đẹp. Đúng trước cái đẹp, ai cũng có thể cảm được, dù là người Âu, Á, hay Phi châu. Đó là ưu thế của hội họa. Đó cũng là khó khăn của hội họa. Vì là ngôn ngữ vô biên giới nên thành tựu của hội họa phải là thành tựu của nhân loại, không riêng cho chủng tộc nào. Chức năng này xem ra quá lớn, một họa sĩ nếu tài năng không xuất chúng, sẽ mãi mãi không vượt thoát được vòng đai cộng đồng của mình, hay lớn hơn, biên giới quốc gia đã khai sinh ra mình.

- Ông có lời khuyên gì với những họa sĩ trẻ đang còn miệt mài trên con đường sáng tác?

- Tôi không dám “khuyên”, chỉ góp ý thôi. Thứ nhất, phải sáng suốt để nhận biết mình thực sự có tài hay không. Có tài, hãy kiên trì theo đuổi, bất chấp khó khăn. Ngược lại, hãy chọn hướng đi khác để khỏi lãng phí thời gian. Thứ hai,

khi đã quyết định chọn hội họa như một nghiệp dĩ thì phải vẽ, vẽ, và vẽ. Không có tài, dù vẽ suốt đời cũng chỉ để... vất đi. Có tài mà không rèn luyện, cũng vất đi.

- Ông có cảm nghĩ gì về triển lãm Phục Sinh vào ngày 4/2 vừa qua? Ông có bằng lòng với kết quả không? Điều gì làm ông hứng thú nhất về cuộc triển lãm?

- Về mặt nghệ thuật, như đã nhiều lần nói, tôi không bao giờ hài lòng với những gì đã làm xong. Luôn luôn tôi vẫn hy vọng mình có thể làm tốt hơn. Gần 40 năm nay tôi vẫn nghĩ vậy mỗi lần đứng trước khung bố. Thế mà, cũng gần 40 năm nay, khi vừa buông cọ, tôi lại thất vọng! Tôi cho rằng kinh nghiệm này không chỉ đến với cá nhân tôi, mà có lẽ với tất cả những nghệ sĩ khác, mọi nơi, mọi thời đại.

Điều làm tôi hứng thú và cảm động nhất là tấm lòng của mọi người đối với cá nhân tôi, từ đồng nghiệp, các họa sĩ, nhà văn, nhà báo, đến các cơ sở truyền thông. Đặc biệt là các họa sĩ Nguyên Khai, Nguyễn Đình Thuần, Nguyễn Việt Hùng, Ann Phong, Dương Ngọc Sum, điêu khắc gia Dương Đình Hùng. Và những anh chị em trẻ thuộc hội Văn học nghệ thuật Việt Mỹ VAALA, nhất là Đỗ Lê Anh Đào, tạm gác lại công việc riêng, để từ Las Vegas về quận Cam, cùng với Y Sa thường trực trông coi phòng triển lãm suốt 2 ngày mở cửa. Những tấm lòng này mãi mãi tôi khó quên.

- Khách thưởng ngoạn có chia sẻ những suy nghĩ gì về gì về cuộc triển lãm của ông? Chắc là có rất nhiều bạn bè văn hữu và nghệ sĩ đến thăm? Họ nói cảm tưởng của họ về cuộc

triển lãm ra sao?

- Tôi may mắn được nhiều anh em trong giới văn nghệ thương mến, không phải vì tài năng, mà có lẽ vì, nói theo ngôn ngữ giang hồ, tôi... chịu chơi, sống và đối đãi hết mình với bằng hữu. Nhờ vậy, như nhiều lần triển lãm khác, anh em tham dự, hưởng ứng khá đông, họ rộng lượng bỏ qua nhiều nhược điểm, ắt hẳn không ít, trong giao tế cũng như trong nghệ thuật. Cho nên qua dư luận, từ gặp gỡ trực tiếp đến báo chí, truyền thông, đều tốt đẹp, khích lệ. Đối với một nghệ sĩ, đó là phần thưởng quý giá nhất, tạo hưng phấn giúp tôi tiếp tục làm việc, dù bây giờ, sau bạo bệnh, nhiều lần chết đi sống lại, và ngày chạm mặt với hư vô hẳn không còn xa, tôi thấy rất rõ sự phù du, giả ảo của mọi thứ, mọi điều.

- Hơn 12 năm trước ông đã thành lập Hợp Lưu, sau đó HL trở thành một trong vài diễn đàn văn học uy tín và giá trị nhất ở hải ngoại. Làm HL trong một thời gian thật lâu như vậy, ông có thể chia sẻ những trở ngại lớn nhất, những bài học quý giá nhất, và những niềm vui đáng nhớ nhất trong quá trình Hợp Lưu?

- Nhiều lần, đó đây, suốt 12 năm qua, tôi đã nói đến lý do, động lực thúc đẩy tôi khai sinh Tập san Văn học nghệ thuật biên khảo *Hợp Lưu*. Tuy vậy tôi nghĩ cũng nên nhắc lại, vì có hiểu lý do, động lực ra đời của *Hợp Lưu* mới thấy được vô vàng trở ngại, khó khăn HL đã gánh vác suốt quá trình tồn tại.

12 năm trước, quan hệ giữa trong và ngoài không như bây giờ. Ngày ấy, thái độ của người Việt chống cộng ở hải ngoại

rất cực đoan. Các văn phòng bán vé máy bay về VN, các chợ bày hàng lương thực có xuất xứ từ VN bị biểu tình, tẩy chay. Nhất là báo chí, sách vở, nếu “của Việt Cộng” tất nhiên không thể lưu hành đã đành, ngay cả sách báo của “người Việt Quốc gia” khi nhắc đến các nhân vật trong nước, không loại trừ giới văn nghệ sĩ, mà không kèm theo thái độ bỉ thử là lập tức bị chụp lên đầu một cái nón cối! Trong môi trường ấy bỗng nhiên xuất hiện một tờ báo, chỉ cái tên thôi, đã “không thể dung thứ”, nói chi đến nội dung “cực kỳ phản động” Tôi xuất thân là một người lính của miền Nam, trong một binh chủng “nhiều nợ máu với nhân dân”, binh chủng Nhảy Dù. Với “sơ yếu lý lịch” này, lẽ ra tôi phải “căm thù sâu sắc” chế độ hiện tại ở VN. Khổ nỗi, sau tháng Tư 1975, tôi sống 10 năm dưới chế độ Cộng sản, đã trải qua nhiều tình huống, đã thấy trong chế độ ấy rất nhiều tiêu cực về mặt xã hội, kinh tế, nhân quyền, song trên lĩnh vực văn học nghệ thuật, nếu bình tâm đãi lọc, thì giữa đồng đá sỏi lớn nhỏ thượng vàng hạ cám, vẫn có thể tìm thấy những hạt kim cương. Các thể chế chính trị rồi sẽ qua đi, nhưng văn học nghệ thuật sẽ còn tồn tại dài lâu, nhiệm vụ của chúng ta hôm nay là phải tìm cách bảo tồn, xiển dương những giá trị kia, không phân biệt phe phái, chính kiến. Một tác phẩm có giá trị thực sự sẽ nằm ngoài, nằm trên mọi chế độ. Nó không còn là của Quốc gia hay Cộng sản. Nó là gia tài văn hóa chung của dân tộc. Quan niệm như thế, vào thời điểm ấy, là không thể chấp nhận. Vì thế, suốt 3 năm đầu, HLT trở thành vùng “oanh kích tự do” không chỉ của nhiều tờ báo, cơ sở truyền thông ở hải ngoại, mà cả ở VN. Còn nhớ hơn 10 năm trước, lần đầu về nước, tôi

đã bị công an văn hóa gọi lên “làm việc” tổng cộng 14 ngày, từ Nam ra Bắc. Nhưng có lẽ nhờ đi đúng hướng và nhất là tôi đã theo đuổi mục đích bằng tất cả thiện tâm, nên dần dần HL trở thành điểm hội tụ của mọi nhà văn sáng giá nhất trong lần ngoài. Ngày nay tình huống đã khác xưa, trong giới hạn nào đó, nhiều người cầm bút, ở mọi nơi trên khắp thế giới, bao gồm cả VN nội địa, đã có thể đứng chung trên một diễn đàn văn học, không chỉ ở HL, mà còn ở rất nhiều tờ báo khác, từ báo giấy đến báo “trên trời”, chuyện cách đây 12 năm, tưởng như không thể nào xảy ra. Thành quả đó - nếu có thể xem đó là thành quả - ít nhiều gì HL cũng đã tiên phong góp phần. Sau này, những nhà soạn văn học sử có lẽ sẽ không thể không nhắc đến HL. Trong vô số những việc làm bầy bọ của tôi trong cuộc đời này, chỉ ít cũng có được một đôi điều không tệ. Đó là niềm vui lớn nhất của tôi.

Riêng những bài học quý giá - tiêu cực lẫn tích cực - thì rất nhiều, và “bài” nào cũng “nhất” cả.

Do giới hạn của số trang dành cho cuộc chuyện trò giữa chúng ta, tôi không thể dông dài, nhưng hứa sẽ “khai” đầy đủ trong hồi ký.

II. Những tình cờ định mệnh

- Ở đâu đó, ông từng nói có “những tình cờ định mệnh” đã đưa ông vào Văn chương, Nghệ thuật, ông có thể nói rõ hơn?

- Tôi yêu hội họa. Từ ấu thơ, tôi đã mơ sẽ có ngày nào đó, trong đời, tên tuổi tôi trở nên quen thuộc, được nhiều người hâm mộ, như một họa sĩ.

Lớn hơn tí nữa, định mệnh đẩy tôi vào một ngã rẽ khốc liệt, chính cây bút chì than và tập giấy croquis giúp tôi đứng thẳng được trên đôi chân yếu, để tiếp tục bước về phía trước, làm người.

Bản vẽ đầu tiên của tôi năm 13 tuổi được trả bằng tiền. Từ đó đến bây giờ, tôi đã sống, đã nuôi vợ nuôi con và nuôi chính bản thân mình chỉ bằng một nghề duy nhất: hội họa (tôi dùng chữ hội họa trong nghĩa phổ thông, gồm tất cả mọi công việc ít nhiều liên quan đến cọ sơn, màu sắc): tôi từng là thợ kẻ bảng hiệu; vẽ chân dung truyền thần; vẽ quảng cáo báo chí; vẽ dương bản trên phim để giới thiệu các sản phẩm thương mại (dầu cù là, thuốc nhuộm tóc, bột ngọt Vị Hương Tố, xà phòng Cô Ba, sữa hộp Con Chim...) chiếu chào hàng trong các rạp chiếu bóng; vẽ pano cổ động gắn hai bên hông xe buýt, trên các lầu cao, và ngoài xa lộ. Tôi cũng đã từng trình bày bìa sách, bìa băng nhạc, logo, nhãn bao bì cho các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng. Cuối cùng, “có trình độ” hơn, tôi sáng tác tranh bằng sơn dầu, màu nước, bột màu... và triển lãm vung vít. May mắn, những sản phẩm thượng vàng hạ cám ấy thường được đánh giá “có chất lượng”. Nhờ thế, tôi sống. Ngay cả chuyện vượt biển “tìm tự do”, định mệnh cũng sắp xếp cho tôi bằng con đường hội họa: một cậu học trò (học vẽ) đã cho tôi một chỗ ngồi trên chiếc tàu đánh cá nhỏ bé với sức chứa tối đa 22 nhân mạng do cậu làm chủ.

Xuyên qua quá trình đầy thử thách đó, tôi nghĩ, và yên trí, suốt đời, sẽ chẳng còn con đường nào để chọn lựa cho hướng đi (đến nghĩa trang) của mình, ngoài con đường duy nhất, và cũng là con đường tôi hằng mơ ước thuở thiếu thời:

hội họa.

Nhưng, như tất cả mọi chúng sinh khác trong “cõi nhân gian bé tí” này, có nhiều tình cờ không định trước đã đẩy số phận mỗi chúng ta vào những khúc quanh... tiền định.

Từ hội họa, bất ngờ, tôi rơi vào lĩnh vực văn chương, báo chí.

Đó là thời gian đầu vừa đặt chân đến Mỹ. Đang loay hoay chưa biết phải làm gì, tôi được một người bạn giới thiệu với Du Tử Lê. Lúc ấy anh đang làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo Tay Phải. Anh hỏi tôi “Đã định làm gì chưa”, tôi bảo chưa, anh liền đề nghị: “Thế thì về làm báo với mình, cho vui.” “Tôi biết gì mà làm?” “Lay-out, tay ngang còn làm được, hướng gì anh là họa sĩ.”

Đúng như Du Tử Lê nói, chỉ cần một tí khéo tay, thêm một tí kiến thức tối thiểu về mỹ thuật, ai cũng có thể trở thành chuyên viên lay-out. Tôi lại có thêm lợi điểm: dư khả năng lấp đầy những khoảng trống còn thừa trong các cột báo bằng những minh họa. Thi sĩ họ Lê có vẻ hài lòng vì đã nhận được một gã phụ tá... sáng trí, đa năng (!!!) Anh bèn đẩy sự hài lòng cao hơn tí nữa: một hôm, báo thiếu bài, anh nói với tôi: “KT viết hộ cái gì nhé.”

Viết? Đề nghị thật bất ngờ. Tôi vốn mê đọc, là độc giả trung thành của tất cả nhà văn nhà thơ lớn bé thuộc mọi thành phần, giai cấp, trình độ, trường phái, khuynh hướng, phe nhóm, chủ trương, quốc tịch... Từ Bên dòng sông Trẹm đến Bàn tay máu, từ “một đèo một đèo lại một đèo” đến “ô hay con gái bay nhiều quá / đôi cánh tay mềm như cánh chim”, từ “em là gái trời bắt xấu” đến “tôi gọi tên tôi cho

đờ nhớ”, từ Thung lũng tình yêu đến Hồ thăm tư tưởng, từ Lũ người quỷ ám đến Chiến tranh và hòa bình, từ Chuông gọi hồn ai đến Âm thanh và cuồng nộ, từ Buồn nôn đến Dịch hạch... Tôi đọc tuốt tuột bất cứ cái gì vớ được. Nhưng viết thì chưa bao giờ. Tôi không mặn với chuyện viết lách. Bạn tôi, ở Sài Gòn trước và sau 1975, nhiều tên cầm bút, và tên nào trông cũng... không giống ai, khiến tôi... nhợn (và nhòe!) Tuy nhiên chưa bao giờ không có nghĩa chẳng bao giờ. Ủ, thì viết. Thử xem. Thế là vài ba bút hiệu lảng nhảng nhảm nhí lần lượt xuất hiện. Lâu dần, trở thành quen. Và cũng lâu dần, nghề dạy nghề, tôi lên... lão làng, trong lĩnh vực “bán chữ” (đủ loại) cho các tờ báo tuần, báo tháng.

Vào khoảng năm 1989 (nếu tôi nhớ không lầm) chị Diệu Chi, vợ nhà văn Nguyễn Mộng Giác cùng các cháu từ Việt Nam sang. Để có đủ thì giờ lo cho gia đình, anh Giác giao lại tờ Văn Học do anh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho ba anh Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong. Ba ông chủ mới của tờ Văn Học có tài viết lách song lại thiếu... tài làm đẹp những trang chữ. Nghĩa là phải cần thêm một anh “chuyên trị” phần hình thức cho tờ báo. Trong đám “sinh hoạt chữ nghĩa” ở quận Cam, hình như tôi có tí khả năng, lại không ngại chuyện cơm nhà ngà voi, do đó, được ba ông vờ về, gán lon “giám đốc mỹ thuật” (nghe lẩm liệt như vừa được phong hàm... đại tướng!) Lâu nay chỉ loay hoay giữa rừng lá cải lá đa, tôi đã bị mang tiếng là phùng... buôn lá (chính xác hơn: phùng lái chữ). Nay, được thăng cấp, nên dù hiểu nếu làm công cho các tờ báo biếu thì tuy không thừa ăn thừa mặc, nhưng cơ bản vẫn lương tiền đâu ra đó, còn

làm cái chức lớn “giám đốc mỹ thuật” cho tạp chí Văn Học, chắc chắn chỉ được quyền uống... nước lã. Ai có tí liên hệ với ngành báo hải ngoại đều biết báo biểu kinh doanh bằng quảng cáo (nhiều tờ sống hùng sống mạnh, có khả năng tạo được xe đẹp nhà sang cho các ông bà chủ nhiệm.) Ngược lại, báo Văn Học (và những “con” tương cận) không có quảng cáo, sống hay chết hoàn toàn nhờ vào độc giả. Mà độc giả ở hải ngoại vốn đã ít, lại càng ít thêm theo thời gian. Tờ nào trụ được không phải bù lỗ đã là may mắn, nói gì đến chuyện thù lao cho những người thực hiện!

Cũng như Tay Phải của Du Tử Lê, thỉnh thoảng Văn Học đòi bài. Đệ nhất, đệ nhị chủ bút Trịnh Y Thư, Hoàng Khởi Phong lười viết, tổng thư ký Cao Xuân Huy lo đánh máy bài vờ, không có thì giờ. Nhìn quanh, chẳng còn ai, thế là nhị vị chủ bút bèn đồng dục ra lệnh: “Số này còn thừa 10, 15 trang, KT viết cái gì đi!” Từ việc viết lách lãng nhãng tán tụng ca sĩ, bốc thơm đào kép mu vi... sang lĩnh vực văn chương chữ nghĩa nghiêm túc, hẳn nhiên khác nhau như trăng với đèn. Nhưng mà, (lại) thử xem. Thế là, ngoài những “bút hiệu” tôi từng ký dưới các bài báo lá đa lá mít (ngày nay, thực tình, tôi không nhớ nổi một tên, để sau này dặn dò con cháu đưa vào gia phả!), lần đầu tiên, tôi hiên ngang ký tên thật dưới các sáng tác.

Trước đó, và trong thời gian cùng anh em coi sóc tạp chí Văn Học, tôi đã quan niệm văn chương là cái của muôn đời. Chế độ nào, chủ nghĩa nào rồi cũng sẽ tàn lụn với thời gian, duy văn học nghệ thuật sẽ còn đó, mãi mãi, nếu thực sự đó là những sáng tạo giá trị. Vì vậy, tôi chủ trương nên

mở rộng cửa tiếp nhận tất cả mọi thành tựu, của thế giới, nói chung, Việt Nam, nói riêng, không phân biệt trong nước hay hải ngoại, càng không băn khoăn tìm hiểu vị trí xuất thân của người đã khai sinh ra tác phẩm. Mặc kệ ông ta (bà ta) là nhà văn, nhà thơ của Việt Nam Cộng Hòa xưa kia, hay của “thế giới lưu vong” hôm nay, hay của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bây giờ. Một hai trăm năm nữa, người đọc sẽ chẳng bao giờ thắc mắc như chúng ta đang thắc mắc. Vậy, vấn đề chỉ giản dị: tác phẩm ấy hay hoặc dở. Xứng đáng nằm trang trọng trên các trang báo Văn Học, hay chỉ nên ném vào sọt rác. Thế thôi. Và chỉ thế thôi.

Tôi đưa ý kiến này ra bàn với anh em, và đề nghị nên tìm đọc, mời, chọn đăng những sáng tác hay của các nhà văn nhà thơ trong nước. Trịnh Y Thư bản chất hiền lành, không muốn mất lòng anh em, xin theo quyết định của đa số. Hoàng Khởi Phong chín chắn, bảo “Chưa đúng thời điểm”. Riêng Cao Xuân Huy cực lực phản đối, tuyên bố rất “quân phiệt”: “Cái gì dính líu đến Việt Cộng là tao không ưa, dứt khoát”. Như thế, đương nhiên tôi đứng về phe thiểu số (chỉ có một phiếu ủng hộ duy nhất của... chính tôi!)

Thưa, nhưng trong lòng vẫn âm ức. Ý định xuất bản một tờ báo có chủ trương hợp lưu mọi dòng văn học về một mối manh nha trong đầu. Tôi tìm gặp vài anh chị em khác: Nhật Tiến, Đỗ Khiêm, Vũ Huy Quang, Lê Bi, Nguyễn Hương, Thân Trọng Mẫn, Phạm Việt Cường, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Mạnh Trinh... và liên lạc bằng điện thoại, thư từ với nhiều anh chị em khác nữa, cư ngụ ngoài Cali và nước Mỹ. Điều tôi không ngờ: hầu hết các văn nghệ sĩ tôi tiếp xúc đều

tán đồng chủ trương của tôi. Chẳng những thế, ngoài bài vở, sáng tác, họ còn sẵn sàng đóng góp tiền bạc để tôi có thể xuất bản tờ báo như ý muốn.

Như thế, với nhiều công sức tài lực của nhiều anh chị em, Hợp Lưu ra mắt số đầu tiên đầu tháng 10 năm 1990.

Tám năm trôi qua. Bao nhiêu sóng gió. Nhất là giai đoạn đầu, gần như tuần nào, tháng nào, trên hầu hết các tờ báo, Hợp Lưu và nhóm chủ trương, nhất là tôi... cũng bị đem ra làm bia tập bắn. Nhẹ, lời lẽ ôn hoà xây dựng; nặng, bĩ thử thô lỗ, có khi mang cả đời tư của chúng tôi và những hệ lụy cắt ruột ra bêu rếu, ném bùn. Nhiều tháng liền, cách vài ba đêm, giữa khuya, một cú điện thoại từ đâu đó gọi tới, đòi “đốt nhà, ném lựu đạn, bắn bỏ” cái kẻ “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản”, cái bọn “nằm vùng, đâm sau lưng chiến sĩ”. Ban đầu, thấy mọi người thân trong gia đình lo sợ, khủng hoảng, tôi định đổi số phone. Nhưng nghĩ lại, vô ích, một tờ báo tất phải có địa chỉ và số phone tòa soạn. Làm sao giấu được. Vả, nghĩ xa hơn, tôi thấy hành động như thế nào khác gì trốn lánh, đào thoát. Hèn quá. Vì thế, tôi quyết định... chịu trận. Có khi cao hứng, tôi chọc lại bằng cái phong cách rất... nhảy dù: hẹn các đảng hùng anh kia đến một công viên nào đó chọi tay đôi, hoặc đấu súng đấu dao tùy chọn lựa, bảo đảm không báo trước với cảnh sát. Tất nhiên tôi biết thừa: phạm những anh đấu võ mồm hung hăng nhất đều có những lá gan bé nhất, nên chẳng bao giờ tôi được hân hạnh “biểu diễn võ công”. Và món võ lì này có hiệu quả. Gọi mãi, chửi mãi, hăm dọa mãi, vẫn thấy Hợp Lưu xuất hiện đều đặn, đúng kỳ trên các sạp báo ở các nhà sách. Những cú điện thoại thừa

đần, rồi dứt hẳn.

Nhiều năm trôi qua, Hợp Lưu không chết, trái lại, mỗi ngày thêm vững vàng, nhờ lực lượng sáng tác được bổ sung đều, và nhờ độc giả tìm đọc ngày thêm đông. Con hấp hối (nhiều anh chị em đồng nghiệp ở xa vẫn nghĩ thế, vào những năm đầu) của Hợp Lưu thực sự đã bị đẩy lùi. Tờ báo đang sống, tờ báo sẽ sống, bình thường, như rất nhiều anh em đồng nghiệp khác.

Viết về những tình cờ định mệnh đẩy đưa một người cầm cọ đến cầm bút, và viết về kinh nghiệm đã trải qua trên mười năm “tắm gội” trong nghiệp báo, tôi nghĩ, cũng là một cách nào đó, tự trả lời cho chính bản thân một câu hỏi, rằng từ lúc chọn chữ nghĩa như nghiệp dĩ thứ hai, liệu tôi có lỗi lầm nào đáng chê trách? Tôi nghĩ, hình như có. Đó là, nhiều lúc tôi cảm thấy nản lòng, muốn buông trôi, bỏ cuộc. Nhiều lúc khác, không dẫn được bức xúc do mọi sức ép tăm tối bên ngoài, tôi đã thả lỏng ngòi bút của mình, mặc cho những cơn giận dữ cuốn đi. Thuở còn sinh tiền, nhà văn Mai Thảo thỉnh thoảng vẫn bảo: “Chữ nghĩa đẹp dễ lắm cơ. Còn sống với chữ nghĩa thì phải cố mà nuôi dưỡng nó cho đàng hoàng.”

Sống đàng hoàng với chữ nghĩa, tôi cho là điều khó khăn nhất, và cũng là điều cần nhiều nỗ lực nhất, đối với một người cầm bút.

Đỗ Lê Anh Đào

PHÙNG NGUYỄN

Một chặng đường Hợp Lưu

Phùng Nguyễn (PN): *Có người bảo tôi tạp chí Hợp Lưu, trong khi thực hiện được vai trò của mình trong một thời kỳ văn học [Việt Nam] đặc biệt, đã không có những đóng góp nổi bật trong việc tạo ra một hay nhiều trào lưu văn học đáng kể trong cùng giai đoạn đó. Dựa trên những nhận định của Trần Vũ trong “Hợp Lưu 12 năm - trang tôn kinh huyền hoặc” mà tôi có phần đồng ý, Hợp Lưu ít nhất đã có những hoạt động đáng kể trong việc bảo trợ và khuyến khích những táo bạo trong thơ, đặc biệt là những bài thơ diễn đạt/chuyên chở “dâm tính” trong những năm tháng điều này còn bị xem là cấm kỵ trên các tạp chí văn học trong và ngoài nước. Theo anh thì Hợp Lưu đã có những tác động nào trong sự xuất hiện của một hay nhiều trào lưu văn học trong thời gian qua?*

Khánh Trường (KT): Theo tôi nghĩ, có lẽ chúng ta - những người cầm bút ở hải ngoại cần nhìn lại chính mình, để thấy rõ hơn vị trí và vai trò của chúng ta đối với văn học Việt Nam, bao gồm cả trong lẫn ngoài nước.

Sau biến cố 1975, suốt thời gian dài gần ba thập niên, đã có trên hai triệu người bỏ nước ra đi, qua nhiều hình thức. Hai triệu người ấy sinh sống rải rác khắp mọi lục địa trên hành tinh này. Ở nhiều nơi, nhờ điều kiện địa dư, khí hậu, kinh tế... họ quần tụ thành cộng đồng lớn. Điển hình như tại hai miền Nam Bắc California, Mỹ quốc. Đã có cộng đồng lớn, tất nhiên không thể không có những sinh hoạt mang tính văn hóa sắc tộc. Một trong các sinh hoạt mạnh mẽ và đa dạng, đa hiệu nhất là báo chí, sách vở, âm nhạc... Nhờ báo chí, sách vở, âm nhạc..., qua báo chí sách vở, âm nhạc... chúng ta có phương tiện để giải bày nỗi niềm nhớ tưởng quê xưa, để người ngoại mỗi sâu xa xứ, để thét gào cơn đau “mất nước”, để vạch trần tội ác của “kẻ thù không đội trời chung”, để nuôi dưỡng hồn căm hờn mong một ngày trở về.... giải phóng quê hương!!!

Văn học Việt Nam Hải Ngoại hình thành và phát triển trong chiều hướng đó. Nếu có thì giờ nhẩn nha soát lại những tác phẩm tiêu biểu của hai thập niên đầu tính từ 1975, chúng ta sẽ thấy hầu hết đều xoay quanh các tiền đề vừa nêu trên. Những “*Cùm Đỏ*”, những “*Đại Học Máu*”, những “*Thép Đen*”, những “*Cuộc Chiến Chưa Tàn*”..., cùng vô số tác phẩm đại loại như thế đã ra đời, tràn ngập các hiệu sách, bão hòa trên báo chí. Tôi tự hỏi, liệu chúng ta có nên đặt tên và gọi là trào lưu này khuynh hướng nọ cho một dòng văn học

ngập ngựa máu me căm thù và đặc sệt tính thời sự như thế chẳng?

Tất nhiên tôi không phủ nhận vào những năm cuối của thập niên thứ hai và đầu thập niên thứ ba, đã xuất hiện một số người viết mới. Lớp người này không liên hệ nhiều với quá khứ, nhờ thế, tầm nhìn của họ rộng hơn, bao dung hơn, công bình hơn, khai phóng hơn, nhân bản hơn, và đáng mừng vô cùng là họ đã thoát được ra khỏi vòng vây trùng điệp mìn chông ý thức hệ của lớp đàn anh. Trong giới hạn nào đó, họ đã có những đóng góp đáng kể cho dòng văn học lưu vong. Nhưng theo tôi, những đóng góp ấy chỉ nên xem là những thành tựu có tính cách cá nhân. Họ không đủ sức và cũng không thể làm thành trào lưu hay khuynh hướng văn học. *Ngô đồng nhất điệp lạc/ thiên hạ cộng tri thu*. Chỉ một chiếc lá ngô đồng rơi cũng đủ để báo cho thiên hạ biết mùa thu đã đến. Nhưng anh A vừa có được một truyện ngắn khai mở lạ lùng, chị B vừa xuất bản một tuyển tập âm áp chất liệu hiện đại, không có nghĩa anh A chị B này đã dự báo hay đã tạo nên trào lưu, đã gây thành khuynh hướng.

Công việc ấy, phải do những tờ báo, những diễn đàn văn học uy tín chủ trương, khơi động. Hợp Lưu đã hơn một lần thử nỗ lực làm công việc ấy. Nhưng cũng đã hơn một lần Hợp Lưu thất bại!

Với lớp già, viết, là phương cách để giải tỏa một nỗi niềm, biện minh một quá khứ, hoài vọng một tương lai, u hoài một thân phận (lưu vong). Với lớp trẻ, viết, để tiêu khiển, để giết bớt thì giờ của một cuối tuần “em (anh) có hẹn nhưng em (anh)... cóc đến,” để thư giãn giữa hai múi thời gian ngồi

dán mắt vào màn hình *computer*, trong văn phòng, nơi làm việc. Viết, với họ, không bao giờ và chưa bao giờ trở thành nhu cầu thiết thân, như hơi thở, như khí trời, như “tôi cần viết như tôi cần sống!” Chưa kể, lực lượng cầm bút cả già lẫn trẻ ấy mỗi ngày mỗi rơi rụng dần theo năm tháng lưu vong. Lốp già, tay run, mắt mờ, nối đuôi nhau vào viện dưỡng lão hay ra nghĩa trang. Lốp trẻ, xa dần tiếng Việt. Trong giao tiếp, trong công việc, họ đối thoại với nhau bằng ngôn ngữ bản địa, suy nghĩ cùng nhau qua ngôn ngữ bản địa, đến một lúc họ mặc nhiên trở thành người bản địa. Tiếng Việt, văn chương Việt, nghệ thuật Việt chỉ còn là một hoài niệm, lâu lâu, nghĩ về với một tâm thức dừng dừng, hay khá hơn, nhói nhói một tí bùi ngùi. Dù dừng dừng hay nhói nhói bùi ngùi, cuối cùng, cũng chỉ để... quên! Chưa kể sự cũ mòn, cliché, đồng dạng và nghèo (tác giả). Hãy thử lật vài ba tạp chí văn học tiêu biểu của hải ngoại mà xem! Quanh đi quẩn lại cũng chừng ấy tên tuổi, với chừng ấy cách viết, bằng chừng ấy văn phong, lặp lại chừng ấy cấu trúc... Hôm nay, xuất hiện trên báo này, tháng sau, có mặt ở báo khác..., cứ vậy, luân chuyển mãi miết trong vòng quay luân hồi nghiệt ngã. Tài năng cỡ Tolstoi mà bị xoay hay tình nguyện xoay kiêu ấy, cũng phải đến lúc chỉ sản sinh ra... rác!!!

Thế còn các hiện tượng mới?

Xin thưa, họa hoằn lắm mới thấy xuất hiện một, hai. Điều cười ra nước mắt là bên cạnh vài tài năng thực sự, đa phần, nếu công bình nhận xét với ít nhiều hào phóng, thì cũng chỉ “thường thường bậc trung” Vậy mà, rất nhanh, họ trở thành đối tượng tuyên dương, ca tụng, đánh bóng, săn lùng, mời

mọc của các chủ bút. Tại sao? Giản dị: Người viết hiếm hoi quá, lại cứ hao hụt dần. Thôi thì, có còn hơn không, nỗi lo “chạy bài” như nhà nghèo chạy gạo của các chủ bút dầu thế nào cũng nhẹ đi đôi phần. Cứ nhắm mắt tán hươu tán vượn vung vít vào, cho “nhà văn” sướng. “Nhà văn” sướng, ắt sẽ cộng tác dài dài với mình. Lấp đầy được năm mười trang báo trong thời buổi kiếm ước văn khôn bài khó này kể cũng đáng bỏ công.

Tôi không cường điệu. Thực trạng tôi vừa trình bày là có thực, sự khảnh kiệt trầm trọng các tác giả là điều không thể chối cãi. Từ đó suy ra, Phùng nghi xem, với số ngòi bút có thể đếm được trên mười đầu ngón tay, lại chỉ xem công việc viết lách như một trò tiêu khiển, thì việc tạo ra trào lưu, dựng nên khuynh hướng, coi bộ cũng chả khác chi chuyện mấy chàng thi sĩ tiền chiến nằm dài cạnh bàn đèn thuốc phiện, rít khói, ngửa mặt, nhắm mắt “mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây!” Nói cách ví von kiểu Mai Thảo, thì “Có chứ, thỉnh thoảng ta cũng có làm ra gió, có tạo ra bão đấy chứ. Nhưng mà, bố khí, chỉ là gió và bão trong... tách trà!”

Để kết luận, tôi có thể khẳng định không chút đắn đo: Trong môi trường văn học hải ngoại, chuyện tạo nên một trào lưu, một khuynh hướng là chuyện viển mơ, không tưởng. Hợp Lưu không làm được. Các tờ báo khác cũng thế, không làm được.

Tuy nhiên, trong giới hạn khiêm tốn hơn, tôi tạm bằng lòng với thành quả này: Suốt 12 năm qua, trên diễn đàn Hợp Lưu, không ít những tài năng mới đã xuất hiện, đã trưởng thành, đã dành được cho mình một chỗ đứng vững vàng

trong dòng văn học lưu vong. Họ là ai? Nếu độc giả theo dõi kỹ tạp chí Hợp Lưu từ số đầu tiên đến hôm nay, hẳn biết. Tôi nghĩ không cần phải kê khai tên tuổi họ ở đây.

PN: Nhà văn/chủ bút Nguyễn Mộng Giác bảo tôi “Làm biên tập một tờ báo văn chương cũng giống như làm bức vách cho người treo tranh. Tranh có đẹp thì người ta mới kéo đến xem. Gỡ tranh đi thì chỉ còn trơ lại... bức tường xám xịt!” Nhà văn/chủ bút Nguyễn Xuân Hoàng thì khẳng định “Không có nhà văn viết bài làm sao ra báo!” Còn chính anh, họa sĩ/nhà văn/chủ bút Khánh Trường, thì so sánh công việc biên tập với công việc của người dọn bàn trong tiệm ăn. Món ngon do đầu bếp nấu nướng, anh chỉ lo dọn ra cho gọn gàng đẹp mắt, không có nhiều... lỗi “chín tã” quá là được! Đây là những lời vàng ngọc cho tên lính mới tò te là tôi. Tuy nhiên, thí dụ như tôi có tham vọng dọn một bữa tiệc thực ngon, thực độc đáo, thực... Hợp Lưu, trong bảng thực đơn gồm có món gan kangaroo bên Úc, món cầy tơ ở quê nhà yêu dấu, cặp nhung hươu sao Gia Nã Đại, mấy cái hamburger khổng lồ của Mỹ, kèm theo thùng bia đen và mấy chai rượu vang đỏ ở tận trời Tây mà quý ông/bà đầu bếp mãi hục hặc nhau vì một hay nhiều lý do nào đó cho nên cứ em chả với thềm vào thì tôi phải làm sao?

KT: Câu hỏi “tôi phải làm sao?” để có được “một bữa tiệc thật ngon, thật độc đáo” không phải chỉ là “tham vọng” của riêng Phùng, mà chắc chắn đã là “tham vọng” của bất cứ ông/bà chủ bút nào, từ Đông sang Tây, từ xưa đến nay.

Cá nhân tôi, rất nhiều lần tự hỏi thế. Có lúc trả lời được,

thành công. Nhiều khi bí, thất bại. Qua những thành công và thất bại ấy, tôi rút được kinh nghiệm: làm chủ bút một tờ báo, nghĩa nào đó, là làm dâu trăm họ. Ý này thực ra chả mới mẻ gì. Cũ xì. Nhưng khổ thay, lại đúng vô cùng. *Văn mình, vợ người*. Nói cách khác, mỗi ông/bà nhà văn là một ông/bà trời con. Cho nên, khi tiếp xúc với họ, cách tốt nhất là tìm cách quên mình đi, triệt tiêu mình đi. Nếu quên không được, triệt tiêu chả xong, thì gắng thu nhỏ mình lại, dấu kỹ mình vào một xó góc nào đó, và nhớ sắm cho mình một bộ mặt thực dễ thương, thực hiền lành, thực “nai”.

Trong nhân giới của các thiên tài văn học nghệ thuật đã, đang, hoặc sẽ cộng tác với các tạp chí, thì chỉ có hai loại chủ bút. Một: tài năng phải siêu quần bạt chúng, có thể xếp ngang hàng với họ, hoặc nếu thua, cũng chỉ chút đỉnh không đáng kể. Loại chủ bút ấy xứng đáng cho họ cộng tác. Loại thứ hai, tuy tài năng chả có gì, nhàn nhàn thôi, nhưng “vô hại,” “chơi được.” Trường hợp thứ nhất, nếu tôi đoán không lầm, hình như rất hiếm, hiếm đến độ gần như... tuyệt chủng! (Cũng hợp lẽ thôi, mỗi nhà văn/nhà thơ là một ông/bà trời con. Vậy thì, ngoài trời ra, thử hỏi, còn gì nữa????!!!). Trường hợp thứ hai chiếm đa số. 12 năm đảm nhiệm chức vụ chủ bút Hợp Lưu, tôi may mắn được xếp vào loại thứ hai. “Vô hại,” “Chơi được!” Chỉ cần được phê chuẩn như thế, là xem như ta đã thành công đến 60%. Tôi từng nhận không ít những cú điện thoại: “Bài này tôi viết theo yêu cầu của báo A, nhưng thằng ấy (chủ bút báo A) nói năng, cư xử khó ưa quá, thành ra tôi đổi ý, gửi cho KT.”

Đã có được 60%, vậy, 40% còn lại nằm ở đâu? Vẫn theo

kinh nghiệm bản thân, đó là sự tinh nhạy trong nhận xét, có một khả năng cảm ứng văn học ở tầng cao. Nói theo ngôn ngữ bình dân tôi vẫn thường sử dụng với bạn bè: có “khứu giác” của loài... cầu, đánh hơi được ngay mùi vị thơm tho của tác phẩm. Điều này tương đối dễ dàng với một bản văn xuôi, một bài tiểu luận, một đoạn tùy bút... Nhưng sẽ vô cùng khó khăn với một tác phẩm thơ ca. Ai cũng biết, nhiều vị viết văn xuôi tuyệt vời, thế mà khi đụng đến thơ thì... - xin lỗi - không ngửi được! Ngược lại, nhiều nhà thơ viết mãi không xong một đoạn văn xuôi cho ra hồn, nhưng nếu cho sử dụng đến món tử, thơ, thì lắm khi ta thất kinh hồn vía, tự hỏi làm cách nào tên ấy có thể nghĩ và sản sinh ra được những dòng chữ diệu kỳ đến thế?

Đã nói đến cách ứng xử của chủ bút với tác giả. Cũng như đã đòi hỏi ở chủ bút một trực giác bén nhạy, một cảm thụ văn học ở tầng cao, cùng một vốn liếng văn học cần thiết. Như thế, đủ chưa?

Tôi nghĩ, hình như còn thiếu.

Thử duyệt qua nội dung của bất cứ tờ báo nào đang hiện diện trên thị trường chữ nghĩa, trong lẫn ngoài nước, xưa và nay, ta sẽ thấy dấu ấn rất đậm của người chủ bút. Dấu ấn này làm nên vóc dáng và hấp lực của tờ báo. Nó phản ánh trung thực cá tính, thói quen, trình độ, tài hoa và khả năng quyền biến của người chủ bút. Nó bàng bạc khắp nơi, trên từng trang báo, qua khuynh hướng chọn bài, qua cách duy trì và triển khai các mục thường xuyên theo một mục tiêu định trước; rồi thư tòa soạn, trả lời thư tín,... Kể cả những yếu tố có vẻ không dính dáng gì đến nội dung, như cách sắp xếp mục

lục, bài nào đi trước, bài nào đi sau, làm cách nào tạo được ở độc giả cảm giác xuyên suốt, nhất quán, khi theo dõi trọn vẹn một số báo, dù đôi khi, từng bài, cả số báo chỉ là tổng hợp một số bài vỡ hủ lớn, đầu cua tai nheo... Đó là chưa kể cách trình bày quảng cáo, quyết định dùng *font* chữ gì, kích thước bao nhiêu cho những nhan đề... Tất thảy, bằng bạc khắp nơi, mỗi nơi một tí, sẽ làm thành một tổng thể. Tổng thể này là dấu ấn của người chủ bút. Dấu ấn có nhiều hấp lực quyến rũ, tờ báo đông độc giả. Dấu ấn nhợt nhạt, lũng củng, độc giả ra đi, tờ báo tiêu tùng.

Tóm lại, vẫn theo ngôn ngữ Mai Thảo, một chủ bút giỏi chẻ khác gì một con dao pha. Dùng chặt xương cũng được, dùng thái thịt cũng xong, dùng tách mỡ cũng đặn... Hấn, chủ bút, phải trang bị cho mình thực nhiều khả năng, càng nhiều càng tốt. Từ chuyện gần gũi thiết thân như văn học, nghệ thuật, thơ ca, âm nhạc... đến chuyện “ngoại khoa” lĩnh kinh lũng củng như biết... nốc *cognac* hai chữ, bốn chữ tựa rỗng cuốn nước khi gặp Kiệt Tấn, Lâm Chương, Nguyễn Trọng Khôi, Trần Vũ, Phan Huy Đường... Biết chửi thề như máy khi cụng ly cùng Cao Đồng Khánh, Tưởng Năng Tiến, Bùi Chí Vinh, Lưu Hy Lạc. Biết...phạng vỏ chai lên đầu đối phương khi đối ẩm cùng Nguyễn Tiến, và... tôi... Biết “thót” giọng Quảng Nôm tron tru ngon lành khi đấu khẩu với Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Hoàng Lộc, Thành Tôn, Nguyễn Hoàng Văn, Nguyễn Hưng Quốc, Phạm Phú Minh...Biết chuyển giọng vệt đực du côn du kê đá cá lẩn đưa thành nỉ non nhỏ nhẹ du dương trầm buồn theo đúng thể điệu trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh làm câu trau mình khi hầu

chuyện Mai Ninh, Trần Mộng Tú, Lê Quỳnh Mai, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Miêng, Nguyễn Thị Thanh Bình,... Biết sắm cho mình một bộ mặt luôn ở tư thế sắp cãi nhau khi đàm đạo cùng Lê Thị Thắm Vân, Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc... Biết hò “Huệ” với các mợ và rành sáu câu cầu Trảng Tiền sáu vài mười hai “dịp” khi tranh luận với Đức Phổ, Hoàng Xuân Sơn, Trịnh Công Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Sâm Thương, Đinh Cường, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyên Khai... Biết dẫn thơ Lý Bạch, ngâm thi Đỗ Phủ, tán chuyện “Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng” lúc diện kiến Nguyễn Tôn Nhan, Đào Mộng Nam, Trần Văn Giáp, Phạm Hải Anh, Trương Huyền Khanh... Biết cả những danh thủ phá lưới, làm bàn khi ngồi trước màn hình ti vi coi thiên hạ giành nhau một quả bóng với Hoàng Ngọc Tuấn (trong nước), Huy Tường, Nguyễn Chí Kham, Cung Tích Biền, Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Quỳnh... Biết chuyện Đinh Bộ Lĩnh, chuyện thái hậu Dương Vân Nga, chuyện đô thành Cổ Loa, chuyện đền chùa miếu mạo ông tiên này bà thánh nọ khi tham quan danh lam thắng cảnh với Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Đắc Xuân... Biết vào bia ôm, ghé xóm chị em ta và tán chuyện màn tình đêm bảy ngày ba vô ra không kể với Bảo Ninh, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Quang Lập, Dương Thụy, Nguyễn Trọng Tạo... Biết cả đi coi vũ cởi trường có nhét tiền “típ” vào háng các em hăn hoai với... (thời, tên tuổi các vị này sống để dạ, chết mang theo, khai ra, e tan nát gia cang các điển hình đạo đức tiên tiến!) Và, dĩ nhiên, biết tán dương mùi vị thơm tho béo bở ích thiện lợi tiểu của trà đá chanh

đường khi bàn luận văn học với Nguyễn Mộng Giác, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết... Biết vuốt tóc làm duyên (nhưng không vâng vâng tà áo) hay nhấp nháy mắt sau cặp kính cận dày như hai đít chai khi có ý đồ... “em ơi hãy ngủ, anh hầu quạt đây” với các chị xuân xanh e đã đến hồi... mãn... (chữ này, xin hiểu ngầm) cùng... (lại xin tự kiểm duyệt, kéo không, có thể bị lôi ra tòa vì tội bôi nhọ đời tư cá nhân!). Sau rốt, biết ngu khi diện kiến các nhà viết biên khảo, tiểu luận chữ nghĩa kinh điển đầy mình nhưng chuyện giảng gió cuộc đời thì vẫn cứ “con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô”...

PN: *Tại sao Phùng Nguyễn? Hượm đã! Chọn Đặng Hiền để giao trách nhiệm trị sự của tờ báo là một điều không khó. Đặng Hiền tháo vát, vắn khéo, cẩn trọng, và năng nổ. Cũng như anh, tôi hy vọng rất nhiều vào Đặng Hiền trong việc quản lý cái hâu bao lép kẹp của Hợp Lưu. Còn tôi? Xem ra công lực của tôi còn mỏng hơn giấy lụa. Tôi mới tập tành viết lách cách đây mấy năm, đóng góp cho Hợp Lưu thì cũng gần với “không có gì,” vài ba truyện ngắn, một cái truyện dịch. Mỗi giao tình của anh và tôi, tuy thân thiết, nhưng không hẳn là vì chuyện văn chương chữ nghĩa! Chúng ta hiếm khi thảo luận về Hợp Lưu, mà nếu có, cũng chỉ để ... cãi nhau! Dù sao thì chúng ta đã có ít nhất một lần đồng ý với nhau về một điều rất quan trọng: Ở một nơi nào đó trong Tình Yêu (viết hoa đầy nhé), có chỗ cho một ... chiếc giường. Nhưng sự nhất trí của chúng ta chấm dứt ngay tại đây bởi vì anh cứ khẳng khẳng bê chiếc giường kê ngay ở cổng vào*

thiên đường tình ái! Người đi qua giường tôi, không nhớ gì sao người... Ngay cả những điều anh đề cập trong thư chủ nhiệm số trước, tài năng, kiến thức, giao thiệp rộng, những điều mà tôi sẽ vô cùng ngại ngùng chỉ để nghĩ đến, nói chi đến chuyện vợ vào mình, chưa hẳn là đủ cho công việc khó khăn này. Vậy thì, tại sao Phùng Nguyễn?

KT: Đúng, chọn Đặng Hiền để giao trách vụ trị sự tòa soạn, quả, không khó. Tháo vát, vén khéo, cẩn trọng, và biết tổ chức mọi việc một cách khoa học, hợp lý. Tất cả các đức tính trên Đặng Hiền có đủ. Cũng có nghĩa, khi giao Đặng Hiền nắm hầu bao tờ báo, chúng ta vững bụng. Riêng Phùng Nguyễn có thể yên tâm sử dụng hết khả năng của mình vào việc kiểm toàn nội dung Hợp Lưu. Kinh nghiệm 12 năm cho tôi biết, công việc Đặng Hiền đang phụ trách có khi còn khó khăn và quan trọng nhiều lần hơn chuyện bài vở nội dung Hợp Lưu. Và tại sao Phùng Nguyễn? A, xem chừng cũng không khó trả lời lắm đâu. Không khó, như đã không khó, khi chọn Đặng Hiền làm trị sự.

Thứ nhất, lời Phùng, vì “*công lực của tôi còn mỏng hơn giấy lụa. Tôi mới tập tành viết lách cách đây mấy năm...*” Với những ai khác, có thể đây là một nhược điểm, nhưng với tôi, lại là ưu điểm. Tôi ăn nằm trong thế giới chữ nghĩa kể cũng nhiều năm, nhờ vậy, tôi đủ kinh nghiệm để hiểu, đối với những vị “dày công lực” (hay tưởng rằng rằng mình “dày công lực”), thường, có tiếng mà chẳng có miếng. Nói, vung vít ba hoa chích chòe không ai theo kịp (tôi thường gọi những vị này là chuyên viên thuốc nổ), nhưng làm, thì ôi thôi, lam nham lở nhỏ, trây trét bầy hầy như gà bới rác.

Tệ hại hơn nữa, vì luôn mang ảo tưởng “công lực” của mình “dày,” nên, khi nắm được một diễn đàn văn học, quý vị ấy nhanh chóng hóa thân thành những người khổng lồ, đề rồi lên giọng phê người này, phán kẻ kia, nay ra tuyên ngôn, một thảo cương lĩnh, vung vít linh tinh chuyện lấp biển vá trời. Làm được hay không chưa biết, nhưng rõ ràng là độc giả và văn hữu cộng tác sẽ rất mệt.

Do kinh nghiệm nhãn tiền ấy, dựa vào cái vốn văn học *mỏng hơn giấy lụa* của Phùng, tôi lạc quan tin rằng Phùng chẳng đại gì bày vẽ những trò vừa nêu. Nghĩa nào đó, Hợp Lưu, trong tay Phùng, sẽ tiếp tục đóng vai trò tuy khiêm nhường, nhưng vững vàng, bên cạnh những tạp chí bạn, như đã 12 năm qua.

Lý do thứ hai giúp tôi có quyết định chọn Phùng làm chủ bút Hợp Lưu, là qua các tác phẩm của Phùng, tôi rất vui khi nhận thấy tuy tuổi tác Phùng không kém tôi bao nhiêu (anh thuộc thế hệ tôi, thế hệ của chiến tranh, của hần thù Bắc Nam cốt nhục), vậy mà trên những trang chữ anh viết, gánh nặng quá khứ hầu như không có, hoặc nếu có, cũng chỉ thấp thoáng, như cơn mộng dữ cần được xóa quên. Nghĩa nào đó, qua những trang chữ này, vô hình chung anh đã bày tỏ cùng độc giả quan niệm của mình, về văn học, về thái độ chính trị. Quan niệm ấy, có thể khác tôi trong tiểu tiết, nhưng chắc chắn phù hợp với đường hướng của Hợp Lưu.

Lý do thứ ba, quan trọng không kém hai lý do đầu.

Từ lúc Hợp Lưu ra đời đến nay, một mình tôi quán xuyến mọi công việc, từ nội dung, hình thức, đến kỹ thuật. Nội dung, đã có các văn hữu trong, ngoài nước đóng góp. Tôi -

như đã từng nói nhiều lần - chỉ là anh dọn bàn. Các món cao lương mỹ vị đã được chế biến sẵn, tôi chỉ việc cân nhắc, tính toán sao cho vén khéo, hợp lý. Món nào ăn trước, món nào dùng sau, món nào tráng miệng, món nào dặm thêm... Hình thức, tôi khá an tâm, để làm đẹp tờ báo, đối với một họa sĩ, không khó. Riêng phần thứ ba, kỹ thuật, là phần tôi sợ nhất. 12 năm, 65 số báo, ngày nào tôi cũng ngồi trước màn hình *computer* ít nhất đôi ba giờ đồng hồ. Thế mà kiến thức của tôi về “nó” vẫn không khá hơn ngày đầu bao nhiêu. Nghĩa là cũng chỉ quần quanh năm bảy phím chữ trên bàn chữ đã được Phan Tấn Hải và Đặng Hiền dạy “thuộc lòng” theo kiểu nhồi sọ: “*Đừng hỏi tại sao, cứ bấm phím này ra cái này, bấm phím kia, ra cái nọ...*” Hôm nào chẳng may gặp phải sự cố nằm ngoài bài bản, là lập tức, tôi... “ngọng.” Lại hốt hoảng nhắc phone kêu cứu *Hiền ơi, Phùng hơi, Hải hơi* nhặng xì!

Bây giờ, hai nhân vật trực tiếp trông coi Hợp Lưu lại là Phùng Nguyễn, Đặng Hiền. Cả hai, ngoài nghiệp văn chương thi phú, còn là hai chuyên gia *computer* thuộc hàng cự phách. Đặng Hiền, xếp xòong đại công ty ACS, chuyên trị các bệnh ung thư, ho lao, thương hàn, cảm mạo... “còm bu tò” mắc phải. Và Phùng Nguyễn... (vì đức khiêm cung, đã gọi phone *warning* tôi, ngoài chuyện văn chương thi phú, cảm tuyệt không được đụng đến nghề nghiệp, chức vụ “đời thường” của đương sự - Ấm ức lắm, song tôi đành thủ khẩu như bình!). Thời điểm bây giờ, như chúng ta đều biết, khi đã sử dụng và khai thác được hiệu năng của *computer*, là xem như đã điều hành và quản lý hiệu quả công việc hành chánh

cùng kỹ thuật của một báo quán và một phân xưởng in ấn hiện đại.

Chùng ấy yếu tố liệu đã đủ chưa, để trả lời câu hỏi: “Tại sao, Phùng Nguyễn?”

PN: Cũng trong thư chủ nhiệm kỳ trước, anh có đề cập đến dấu hiệu “lão hóa” của Hợp Lưu trong vài năm trở lại đây. Tôi không biết chắc sự lão hóa, nếu có, là do điều kiện khách quan (người viết, người đọc, những biến động/thay đổi chính trị, văn hóa) hay chủ quan (tôn chỉ, mục tiêu của Hợp Lưu), hay cả hai. Cái tên Hợp Lưu trong 12 năm qua đã được gắn liền với nỗ lực giao lưu văn học giữa những người viết (và trong một chừng mực hạn hẹp hơn, người đọc) trong và ngoài nước. Có thể những điều Hợp Lưu đã hướng đến để “dấn thân, khai phá” nay đã trở thành lối mòn và “người khinh binh số một” không còn cần thiết ở tuyến đầu nữa. Có thể người chủ trương Hợp Lưu và bạn bè của ông đang lúng túng trong việc tìm kiếm những vùng đất mới để khai phá trong giai đoạn “hậu-Hợp Lưu.” Thay vì lão hóa, có thể gọi là “bế tắc” hay không? Nếu có, đâu là những lời khuyên của anh cho tên lính mới này trong việc định hướng cho Hợp Lưu?

KT: Ở đây, tôi xin phép được “khoanh vùng” hai chữ “lão hóa” trong giới hạn nhỏ, là cá nhân tôi, vì cá nhân tôi, từ cá nhân tôi.

12 năm dài, nhìn lại, tôi thấy đoạn đường mình đã đi qua sao mà thăm thẳm. Ngày bắt tay làm số Hợp Lưu ra mắt, tôi chỉ trên bốn mươi. Vậy mà giờ đây, chỉ vài năm nữa tôi

sẽ bước vào tuổi lục thập. Thực thà thú nhận: Tôi mệt mỏi rồi. Thời gian và tuổi tác đã bào mòn trong tôi ý hướng dẫn thân, khai phá mạnh mẽ một thời. Những năm gần đây, rõ ràng tôi đã “lười nhác” thái quá. Có những chuyện tôi muốn làm, có những dự tính tôi muốn thực hiện, nhưng, tôi hư đốn tự khát lần hẹn lửa, để cuối cùng, buông trôi. Ví dụ rõ ràng nhất có lẽ các văn hữu khắp nơi đều nhận thấy: Vào những năm đầu, liên hệ giữa tôi và quý vị trong, ngoài nước rất mật thiết. Hàng ngày, qua thư từ, email, điện thoại, chúng ta đã say sưa trò chuyện, bàn bạc với nhau về nhiều vấn đề liên quan đến chữ nghĩa, về nội dung của Hợp Lưu, về những số chủ đề sắp thực hiện... Nhờ đó, mỗi số báo ra đời, có mặt trên kệ sách các nhà sách, là một hiện hữu sinh động, chất chứa một dung lượng xúc tác đầy hiệu năng, giúp chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng, vun bồi cho diễn đàn ấy mỗi ngày mỗi thêm phong phú, đa dạng.

Thế nhưng, vài năm trở lại đây sự mật thiết kia gần như bị khai tử. Tự tôi đã cắt dần mọi mối quan hệ. Cho đến hai năm sau cùng này, ngoại trừ phải trả lời khi cần trả lời, tôi không còn liên lạc với bất cứ ai. Tôi tự hỏi tôi, do đâu có tình trạng đổi thay ấy? Chả khó khăn gì, tôi nhanh chóng tìm ra lời giải: Ngoài lý do sâu kín xảy ra trong tâm thức tôi, sẽ nói sau, lý do còn lại, đúng như Phùng vừa nhận xét: *“Những điều Hợp Lưu hướng đến để dẫn thân, khai phá, nay đã trở thành lối mòn, và ‘người khinh binh số một’ không còn cần thiết ở tuyến đầu nữa.”* Hơn ai hết, tôi hiểu rõ điều đó, cũng hơn ai hết, tôi phải tự đặt tôi vào chọn lựa dứt khoát: Hoặc khai tử Hợp Lưu, để “giữ tròn tiết tháo,” hoặc tiếp tục duy

trì, nhưng nhất định phải có một cuộc hóa thân. Xin độc giả và Phùng cảm thông cho tôi, như đã nói, tôi sắp bước vào tuổi sáu mươi, ý hướng dân thân đã tắt, chắc chắn tôi không làm nổi cuộc hóa thân ấy. Khai tử Hợp Lưu, nghĩa nào đó, là phụ lòng độc giả và văn hữu, những người đã thủy chung với tờ báo rông rã 12 năm. Lòng tự trọng không cho phép tôi chọn quyết định ấy.

Vậy, phải duy trì Hợp Lưu, và phải tìm cho ra người kế thừa tốt. May mắn cho tôi, và cho độc giả, Phùng đáp ứng được được yêu cầu đó. Vì thế, Hợp Lưu của giai đoạn mới đã chào đời.

Tôi tin nó sẽ định hình và tiếp tục lớn mạnh, trở thành một diễn đàn văn học mãi mãi ở tuổi thanh xuân, mãi mãi tự ném mình vào những khai phá. Đường đi của văn học không bao giờ là những lối mòn. Nhiều chân trời mới, các cảnh thổ lạ luôn luôn thôi thúc bước chân lên đường. Với tư cách người đã khai sinh và ăn nằm cùng Hợp Lưu rông rã 12 năm dài, tôi chúc Phùng chân cứng đá mềm.

PN: *Có vẻ như mọi người đều tin rằng anh nhất quyết rửa tay vào chậu vàng, treo ... guom báu, gởi mình vào chốn không môn. Liệu anh sẽ cạo đầu và khoác áo cà sa? Làm sao chúng tôi có thể hình dung ra Khánh Trường trong một phong vận bình hòa, từ ái như thế được? Điều này khiến chúng tôi, gồm có độc giả và bạn hữu xa gần vô cùng băn khoăn. Anh có lời gì để trấn an chúng tôi về điều này hay không?*

KT: Lẽ ra tôi không nên trả lời câu hỏi này. Nó thuộc

đời tư của cá nhân tôi. Cái đời tư chả khác chi “một tiếng thờ dài,” và nhất là chẳng dính dự gì đến Hợp Lưu. Nhưng vài tháng qua, rất nhiều tin đồn về tôi đã lan truyền trong giới văn nghệ. Những tin đồn lắm khi rất kỳ cục, kỳ quặc. Gần đây nhất, có người gọi điện thoại tìm tôi, hốt hoảng: “*Nghe nói anh lên con điên, cảnh sát phải còng tay ném lên xe cứu thương mang vào bệnh viện. Đúng không?*” Đúng thế... chớ nào được hờ trời! Nếu đúng, thì ai đang trả lời phone đây?

Vì những tin đồn càng lúc càng lệch lạc, tôi buộc phải lên tiếng một lần, cho xong.

Dự tính thôi không làm Hợp Lưu đã mạnh nha trong tôi dễ chừng đã hai năm. Hai năm trước, lúc còn ở một mình trong một nhà kho trên đường Bolsa, cạnh nghĩa trang đường Beach, nơi yên nghỉ của Mai Thảo, Lê Uyên Phương, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyên Sa, Phạm Đình Chương, và rất nhiều văn nghệ sĩ khác. Một buổi sáng tôi thức dậy, bước chân xuống đất, bỗng hụt hẫng, mất thăng bằng té ngã. Trưa hôm ấy vợ chồng một người bạn bác sĩ đến thăm, anh khám phá ra tôi bị tai biến mạch máu não (tôi cao máu, rất cao, có lúc cao đến 325/175). Vợ chồng người bạn gọi ngay xe cấp cứu đưa tôi vào bệnh viện (nếu tôi nhớ không lầm, hôm ấy có cả Phùng và Th., một cô bạn cũng đang hành nghề y sĩ cùng đi chung với PN, thì phải).

Mấy ngày nằm viện, trở về, vẫn một mình trong khu nhà kho mênh mông lạnh lẽo. Ban đêm, trời lạnh, lại là mùa mưa, nước từ *parking* tràn vào, lấp xấp chân giường. Mưa quật đập trên mái tôn, luồn vào lỗ thông gió, thấm ướt một góc nệm. Lạnh, rất lạnh. Buồn tiêu, nhưng bán thân bên trái

bất khiển dụng, và cột sống, vì một lần phải gánh chịu cả sức nặng toàn thân để giữ thăng bằng khi tôi cố thử đứng lên, đã trật khớp, đau buốt, chỉ có thể vào *restroom* bằng cách duy nhất: bò! Nhưng lênh láng thế kia, bò lỗi nào? Cuối cùng, tôi phải dùng chiếc bình chứa nước uống trên bàn ngủ, tiểu tiện vào đó! Ban ngày, không thể ra ngoài được, do bệnh, trời lại vẫn mưa, lạnh, nên bạn bè chẳng ai đến thăm. Tôi đói, thùng mì gói cũng hết. Đành uống nước mưa trừ cơn! Suốt nhiều ngày như thế, trần trọc, quần quanh một mình giữa đêm ngày lê thê dằng dặc. Chung quanh không một bóng người. Không cả tiếng động, ngoại trừ tiếng gió luôn qua lỗ thông gió u u, buồn nhão ruột. Một lần nhà văn Ngô Thế Vinh tình cờ ghé thăm, anh nói ở thế này thiếu tiện nghi và buồn quá, chịu nổi không? Tôi nói chẳng những buồn, mà có khi giữa khuya thức giấc, nhìn quanh, có cảm tưởng như mình là một thứ đồ vật phế thải, đã bị vất bỏ. Ngô Thế Vinh bảo tôi hãy viết lại cảm tưởng ấy. Cảm tưởng một hình nhân bằng xương bằng thịt, có đủ linh hồn, trí tuệ, nhưng mang tâm trạng một món đồ phế thải, giữa căn nhà kho mênh mông, lạnh lẽo, với những bức tranh câm nín vây bọc ngổn ngang. Tôi nói với Ngô Thế Vinh sẽ có lúc tôi viết. Nhưng cảm tưởng ấy, may thay rồi cũng qua đi. Tôi tiếp tục sống một mình trong khu nhà kho với nửa phần thân thể bất khiển dụng, những bức tranh và xấp bản thảo Hợp Lưu số sắp mang in. Ban ngày, công việc bận rộn, tôi không nghĩ ngợi nhiều, nhưng đêm xuống, nằm trần trọc cùng bóng tối vây quanh, đầu óc tôi ngập chìm trong hồi ức.

Ta đã làm chi đời ta? Hơn 50 năm sống và chạy đuổi mãi

mê theo những ảo ảnh phù du, những thúc gọi thấp hèn. Có lúc tôi quên mất mình đã từng là chồng, là cha, là rường cột chính của ít nhất một mái gia đình. Tuổi nhỏ, giận mẹ ghét bỏ nhà ra đi, sống bụi đời, làm du đãng. Lớn hơn, đi lính, lấy vợ, sinh con, rồi ngoại hôn, rồi tình nhón tình bé, tình chần tình lẻ, con rơi con rớt. Có đứa tôi biết mặt, có đứa chỉ nghe tên, có đứa... hình như là, thực hư không rõ... Người đàn bà đầu tiên ấy đã tiêu phí cả quãng đời thanh xuân vì tôi, đã nhẫn nhục vì con suốt 20 năm làm kiếp sương phụ. Giờ đây, cũng như tôi, tóc đã điểm bạc, mắt đã kính lão, vẫn chưa, và không bao giờ, tìm thấy một ngày hạnh phúc. Tôi nhớ, và thấm thía vô vàn một nỗi đau. Tôi muốn làm điều gì đó để chuộc lại tội lỗi đã gieo. Nhưng tôi biết sẽ chẳng khi nào có được cơ hội ấy.

Ta đã làm chi đời ta? Đồi ba cuốn sách, một tờ báo, vài trăm bức tranh, một chút tên tuổi... Còn gì nữa? Bao nhiêu năm loay hoay với những cái tưởng chừng không có không được. Không có, ta chẳng phải là ta. Không có, ta chẳng nên... người! Thực tế, có phải thế chẳng? Năm mươi mấy năm đã sống tận cùng cái sống. Đã thả mình nổi trôi theo bản năng. Đã thù hằn. Đã yêu thương. Đã chấp nê. Đã tha thứ. Đã buông trôi, đã vượt thắng... Năm mươi mấy năm, bây giờ nằm đây, giữa lạnh lẽo buốt xương mùa Đông quê người, ngoài trời gió mưa quật đập, bên trong bóng tối vây bủa, cùng cánh tay và cái chân bất khiển dụng, khoang bụng rỗng, và trong đầu, lòng bùng trăm vạn hồi ức đắng cay. Tôi chợt nhớ đến những người anh, người bạn đã chết. Mai Thảo, Nguyên Sa, Phạm Đình Chương, Lê Uyên Phương,

Nguyễn Tất Nhiên... Giờ này, ngoài kia, chỉ cách chỗ tôi nằm vài trăm mét, mộ bia của họ hẳn đã chìm ngập trong nước. Chẳng xa xôi gì. Có người, năm bảy năm, có người chỉ mới một hai năm, nhưng tất cả hầu như đã ra khỏi trí nhớ nhân gian. Tất cả đều đã mục rữa, tất cả đều đã tan hòa cùng đất! Hốt nhiên, tôi bừng tỉnh. Hốt nhiên, tôi cảm nhận sâu sắc lẽ vô thường, giả ảo của kiếp sống con người, Hốt nhiên, tôi hiểu ra, mấy chục năm qua tôi đã nỗ lực một cách vô vọng đuổi theo cái bóng của chính mình.

Những điều tôi vừa tỏ bày hẳn chả có chi mới lạ. Phùng từng đọc, từng biết. Tôi đã đọc, đã biết. Nhưng tôi tin rằng Phùng, bây giờ, và tôi, trước đây, chỉ *biết* trên chữ nghĩa, qua chữ nghĩa. Cái *biết* này chần chẫn cũng giả ảo, như cái bóng của chính mình.

Chỉ khi nào bị ngập chìm trong một trạng huống, hoặc trạng thái nào đó, ta mới có thể *chứng ngộ* được cái *biết* ấy thực sự. Khởi từ đó, quan niệm của ta, tương quan của ta với cuộc đời, dần dà thay đổi hẳn.

Ta đã làm chi đời ta? Tôi lại hỏi tôi. Tận đáy sâu tiềm thức, tôi lơ mờ hiểu “điều gì đó” tôi sẽ làm, phải làm, có lẽ chỉ thực hiện được khi nào tôi đủ can đảm dứt khoát từ bỏ mọi vọng động, mọi đam mê, mọi đuổi bắt mãi miết ảo ảnh phù du...

Việc làm cụ thể trước tiên: hãy dứt mình ra khỏi hệ lụy bao nhiêu năm. Hợp Lưu là một trong những hệ lụy cần tước bỏ.

Hợp Lưu hoặc sẽ đóng cửa, hoặc sẽ được giao cho người khác.

Nhưng từ ấy đến nhiều tháng sau, tôi vẫn còn tiếc nuối, vẫn thấy đứa con này tôi đã sinh ra trong vô vàn khốn khó, đã khổ nhọc nuôi dưỡng suốt 12 năm dài, đã gắn liền với đời sống tôi như một phần cơ thể. Tôi không đành lòng từ bỏ. Tôi vẫn chưa *biết* tận cùng cái *biết*. Cho đến ba tháng trước, một buổi sáng tôi đang ngồi trước giá vẽ, chuông điện thoại reo. Tôi nhắc ống nghe. Đầu dây bên kia, giọng nữ, trẻ: - *Cho con gặp bác KT. - Tôi đây.* Một vài giây ngập ngừng - *Có biết con là ai không? - Cô là ai?* Lại một vài giây ngập ngừng: - *Con.... Con.... là NTKL, con má Y.* Tôi sững người, sống lưng lạnh toát. *Con là NTKL, con má Y.* Dĩ vãng 20 năm ủa về. Một chuyện tình “bất chính.” Những khổ đau người thiếu nữ ngày ấy đã hứng chịu. Những khốn khó áo cơm đến triệt tiêu nhân cách. Một đứa con đói sữa, thiếu ăn... Và vượt biên, và hải tặc, và 10 ngày lênh đênh giữa đại dương đầy sóng gió trên một can dầu. Rồi trại tị nạn, rồi định cư, rồi chồng con... Thôi thế cũng đã êm thấm cho thân phận một con người. Tôi mừng. Nhưng còn đứa con rơi rớt oan khiên kia? Mẹ vượt biên một mình, bỏ lại cho ông bà ngoại. Tuổi thơ âm thầm cô đơn, thiếu cha, vắng mẹ, đã khắc sâu trong đôi mắt thiếu nữ bây giờ, sau hai mươi năm lần đầu tôi nhìn thấy, một màu xám sẫm buồn rã rượi. Cái màu làm tim tôi đau nhói.

Lần thứ hai trong đời, một tội lỗi cụ thể đang hiện diện trước mắt.

Tôi nhớ lại sự kiện tương tự xảy ra tám năm trước. Đó là lần đầu tiên tôi qui hồi cố hương sau 10 năm đào thoát. Suốt ba ngày - từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều - tôi bị cục AR25 “làm

việc” tận tình. Ngày cuối cùng, trung tá Thuận, một trong ba chức sắc trực tiếp “làm việc” với tôi mấy ngày qua, bỗng nói: - *Anh có muốn đi thăm con anh không? - Con tôi, chúng đã theo mẹ sang Tây sau ngày tôi vượt biên một tháng. Còn đứa nào ở đây nữa?* Tôi hỏi lại với sự ngạc nhiên. Thuận cười: *Con rơi của anh ấy mà.* Và anh ta tiếp: - *Anh bình tĩnh và yên trí, cháu hiện ở quận Tân Bình. Vợ anh Huỳnh Tấn Mẫm đang phụ trách ngành giáo dục ở đấy, chúng tôi đã chỉ thị cho chị ấy hãy quan tâm đến cháu....* Sau đó, Thuận chở tôi bằng xe hơi của sở xuống quận Tân Bình, chạy vòng vào trong xóm đạo Tân Việt, và, khi bước vào cửa một căn nhà, tôi cũng đã sững người, nước mắt bỗng trào ra không cầm giữ được. Trước mặt tôi, đứa con gái 13 tuổi, gầy, cao, da ngăm đen, khuôn mặt xương, miệng quai xách, mũi lớn... Đó là một bản sao không mấy trung thực lắm, nhưng làm sao nhầm lẫn được, cùng một khuôn với người cha hoang đàng, là tôi.

Chưa bao giờ một tội lỗi cụ thể như thế, hiện diện trước mắt tôi.

(Nhân đây, tôi nhận thấy cần phải mở một dấu ngoặc, để tỏ tấm lòng tri ân của tôi, với trung tá Thuận. Tôi không thích chủ nghĩa CS, trừ chủ nghĩa CS trên lý thuyết. Tôi càng không phục người CS, trong nhiều hành động. Tuy nhiên, cũng có một vài chuyện tôi thực tình xin ngả mũ chào. Cụ thể ở đây là tổ chức tình báo cực kỳ hiệu quả của họ. Chuyện tình ái nhăng nhít của tôi, chuyện con rơi con rớt rất đổi riêng tư, ngay cả vợ tôi, và chính tôi có khi còn không rõ, nhất là chuyện đã xảy ra mấy mươi năm, tí mù trong dĩ

vãng, thuở quý vị còn lặn lội trên rừng Trường Sơn âm u kì bí. Thế mà quý vị biết, lại biết tường tận, chi li, như một cộng một bằng hai! Tôi phục và trân trọng cảm ơn. Dù các vị biết, cố tìm biết, vì bất cứ động cơ nào, thiết nghĩ, tôi không cần phải quan tâm. Chỉ thấy, nhờ quý vị, tôi tìm được con tôi. Nhờ quý vị, tôi có cơ hội chuộc lại phần nào lỗi lầm đã gieo trong quá vãng).

Những đứa con roi! Tôi biết mình còn đâu đó trên mặt đất này một hai đứa con roi! Phải làm cách nào tìm ra chúng nó. Rất nhiều đêm tôi tự hỏi tôi.

Gần một năm nay tôi chuyển cư trú đến địa chỉ mới. Cũng lạnh lẽo, tịch mịch, nhưng không đến nỗi hoang vu như nhà kho cạnh nghĩa trang. Nơi này, khi dọn vào, tôi nhanh chóng “tái cấu trúc” lại tất cả. Mua ảnh, tượng và biển hai căn phòng rộng nhất trong số bốn căn thành hai phòng Thiền. Một, cho con chiên Công giáo. Một, cho tín đồ Phật giáo. Hàng đêm, không ngủ được, tôi lần vào một trong hai phòng Thiền, ngồi quán tưởng nhiều giờ giữa vũng sáng lung linh đèn nến. Trên cao, hình ảnh Chúa dang rộng đôi tay, đầu cúi xuống hiền từ. Hoặc trước mặt, Phật ngồi bình yên trong tư thế kiết già, với đôi mắt khép hờ, nụ cười mỉm bao dung. Dần dà, tâm tôi bình lặng, mọi vọng động cũng lắng xuống. Tôi thấy rõ hơn những tội lỗi mình đã phạm, những việc mình sẽ phải làm trong tương lai, và tôi có ngay cho mình một quyết định, trước tiên, về tờ Hợp Lưu.

Phùng Nguyễn và Đặng Hiền được mời đến.

Tôi có đi tu, cạo đầu, khoác áo cà sa hay không? Tên đồ tể một thời đã buông dao chưa?

Tôi không đến với Chúa, Phật như một con chiên, một Phật tử thuần thành. Tôi không đọc được kinh, không thích hương khói, không quen quì lạy, và sẽ ngủ gục ngay nếu buộc phải ngồi hàng giờ giống tai nghe một ông cha, một đại đức thuyết giảng giáo lý của Chúa, Phật... Tôi không cầu mong ở các ngài ấy bất cứ lợi lộc nào, tinh thần lẫn vật chất. Thiện, ác, đúng, sai, tốt, xấu, thiên đường, địa ngục không ở đâu xa, nó nằm ngay trong mỗi chúng ta. Khi ta sân hận, hằn thù, cuồng điên, nhỏ nhen, ti tiện, đó là lúc ta ngập chìm dưới đáy địa ngục. Khi ta yêu thương, bao dung, tha thứ, ta đang an lạc giữa cõi thiên đường. Chân lý vỡ lòng này, chả cần phải thông qua kinh kệ, chỉ cần lắng tâm *nhìn* vào bên trong, lập tức ta sẽ thấy ngay. Chỉ chừng ấy thôi, với tôi, đã đủ. Cần gì Tân Ước Cựu Ước, cần gì Trường Bộ, Trung Bộ, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Lương Hoàng Sám, Đại Bảo Tích...

Vậy, tại sao tôi thôi không làm Hợp Lưu nữa. Tôi muốn gì?

Tôi không muốn gì hết. Chỉ thấy, bây giờ, rất rõ, tôi không thích làm bất cứ chuyện gì liên hệ đến những tương quan cũ. Sách vở, hội họa, văn chương, nghệ thuật, báo chí, bạn bè, những quan hệ sắc dục, những “cuộc vui suốt sáng traten cười thâu đêm,” những sáng đông dài bù khú chuyện văn chương thi phú trước tách cà phê với các “thiên tài” quán cóc, những tối đàn ca hát xướng, tung hứng đầu mảy cuối mắt trong các club văn nghệ bỏ túi lớn nhỏ ca sĩ, nhạc sĩ thiệt, dỏm, nghiệp dư; những người đàn bà ít nhiều hệ lụy tình ái ... Tất cả bỗng trở nên phù phiếm, lạ lẫm.

Thú vui của tôi hiện tại, nếu có thể xem đó như một thú

vui, là ngồi lặng lẽ, một mình, nhắm mắt, *nhìn* vào chính mình, *nhìn* sâu vào mọi góc ngách bí ẩn trong bản thể mình. Tìm kiếm, tra vấn, khai giải...

Tôi đã tìm kiếm, khai giải được những gì?

Sẽ khó mà trả lời cụ thể câu hỏi này, nếu Phùng chưa từng ngập chìm trong tội lỗi, như tôi, mấy mươi năm qua. Chưa chạm mặt với cái chết rõ dần hình thù từng giây từng phút, như tôi, sáu năm trước (ngày ấy, gần 500 người, từ khắp nơi đổ về quận Cam để... tiễn đưa tôi, trong tương lai gần, và nơi... an nghỉ cuối cùng!). Chưa bò như một con chó trên nền xi măng sũng nước vào phòng vệ sinh giữa đêm hôm khuya khoắt, như tôi, hai năm gần đây. Chưa đối diện với sự cô đơn cùng cực trong dày vò tự hỏi, với cảm tưởng mình là một thứ đồ vật phế thải. Và nhất là chưa từng sống người, sống lưng lạnh toát trước những tội lỗi cụ thể, bằng xương thịt, có khả năng làm lương tâm ta chấn động tận cùng căn rễ.

Thôi thì, Phùng hãy lên đường, hãy đi tiếp quãng đường tôi đã đi. Mỗi người một định mệnh. Mỗi người, trên từng quãng ngắn của dặm trường dẫn về chung cuộc, có những việc phải làm, những chọn lựa phải quyết định, và những đổi thay tự nguyện. Tôi đã làm nhiều việc muốn làm, đã chọn lựa nhiều việc cần chọn lựa, và giờ đây, tôi tự nguyện ném mình vào thử thách mới. Tôi làm được gì cho chính bản thân? Và cho những hệ lụy? Tôi không rõ.

Chỉ cảm nhận, tâm tôi đang bình yên. Lòng tôi đang nhẹ.

Một lần nữa, tôi thành tâm chúc Phùng chân cứng, đá mềm.

Phùng Nguyễn

LÊ QUỲNH MAI *thực hiện*

Tác giả, với chúng ta

Họa sĩ/ nhà văn Khánh Trường

“Giá trị một con người không ở cái chân lý mà người ấy có hay tưởng có, mà ở cái công sức người ấy đã bỏ ra để tìm kiếm nó”¹

Trở về thành phố tuyệt sau chuyến đi xa. Tháng chín, trời sửa soạn vào thu. Được tin họa sĩ / nhà văn Khánh Trường ngã bệnh, rất muốn bỏ thành phố nơi mình ở để đến thăm ông dù chưa bao giờ biết mặt, nhưng công việc làm không cho phép tôi tiếp tục thêm cuộc hành trình nào nữa trong những ngày kế tiếp. Và tôi chỉ còn cách nhìn Khánh Trường qua Kim Thi, với hi vọng tìm được sự thật về một nhân vật khá đặc biệt trong lịch sử văn học Việt Nam như Trần Đạo đã viết: *“Tạo ra một diễn đàn trong đó mọi*

1. Theo Nguyễn Hữu Đang trong cuốn Trần Dân-ghi 1954-1960, xb Td mémoire, Paris 2001 trg 461.

nhà văn Giao Chỉ, bất kể hình hài ít nhiều dị hợm của nó trong thế kỷ 20, đều có tiếng nói, đều phải chuyện chơi. Ông là người làm được điều đó. Nội chuyện đó thôi, ông sẽ lưu danh trong lịch sử văn học Việt Nam trong thế kỷ 20”¹

Bạn có thể đồng ý, có thể không đồng ý, khi đọc những dòng chữ trên.

Không quan trọng. Với tôi, điều quan trọng là họa sĩ Khánh Trường có chấp nhận mở cánh cửa thêm một lần nữa - trong những ngày ông dưỡng bệnh - để chúng ta có thể hiểu thêm về nhân vật đặc biệt này hay không.

Nếu thành công, không phải do bản thân tôi làm được. Mà chính là họa sĩ nhà văn Khánh Trường và các bạn đã giúp tôi cố gắng hoàn thành công việc phỏng vấn bằng hình thức chấp nhận nó. Yêu thích nó. Như yêu thích một bài tình ca nào đó trong ngày Lễ Thánh Tình Yêu.

mười bốn tháng hai năm hai ngàn không trăm lẻ ba

- Có hai ý kiến đánh giá thành quả của Hợp Lưu qua mười hai năm hiện diện trên văn đàn:

a/ Thành công giao lưu và thất bại của sáng tác²

b/ Thất bại trong cả hai lãnh vực³

Với tư cách là chủ biên Hợp Lưu, xin ông cho biết quan điểm của mình?

- Tôi, trước tiên là một nghệ sĩ. Vẽ tranh, làm thơ, viết

1. Hợp Lưu 67, trg 70.

2. Hợp Lưu 67, trg 58.

3. Hợp Lưu 69, trg 6.

văn, làm báo... Mọi công việc tôi đã làm, đang làm, và sẽ còn làm, đều xuất phát từ một động cơ duy nhất: tôi thích. Hình như trong một bài phỏng vấn tôi có nói đại ý, còn thích, còn làm; hết thích, tôi sẽ rút đi chỗ khác chơi. *Hợp Lưu* được khai sinh trong tâm cảnh ấy. Ngày nay, sau hơn 13 năm, tôi vẫn nghĩ thế và chắc chắn sẽ còn nghĩ thế cho đến ngày tôi hoặc *Hợp Lưu* không còn tồn tại trên cõi nhân sinh này. Buổi ấy (chữ của thi sĩ Thường Quan), vừa đặt chân lên đất Mỹ sau 10 năm sống dưới chế độ mới và sau những ngày vượt biển gian nan, tôi rơi ngay vào một cộng đồng Việt Nam Hải Ngoại với tất cả những thái quá trong mọi sinh hoạt. Chống Cộng là một trong nhiều sinh hoạt thái quá ấy, thái quá đến độ - dưới mắt một tên cựu quân nhân nhảy dù - trở thành rẻ tiền, ngu xuẩn, phản tác dụng. Theo quan niệm chống Cộng của thành phần này thì bất cứ cái gì xuất phát từ Việt Nam nội địa, chúng ta đều phải “nhất trí” loại trừ. Chả hạn, làm gì có văn học nghệ thuật thực sự trong chế độ Cộng sản. Tất cả chỉ là pano, khẩu hiệu tuyên truyền, nhằm mị dân và tô hồng chế độ. Tôi sống 10 năm trong môi trường Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, tai đã nghe, mắt đã nhìn và đọc khá nhiều, quả thực, dưới chế độ ấy tự do ngôn luận, tự do sáng tạo bị giới hạn. Nhưng không phải vì thế không có những thành tựu đáng ca ngợi. Tôi đủ tỉnh táo nhận ra, giữa mênh mông cát sạn, vẫn lấp lánh những hạt vàng. Văn học nghệ thuật đích thực, bằng nhiều cách, vẫn có thể nảy lộc đâm chồi. Đất đai càng khắc nghiệt càng sản sinh những kỳ hoa dị thảo hiếm quý. Trường hợp này gần như qui luật ở mọi nơi, mọi thời. Chức năng lớn nhất của một nghệ sĩ đích thực là biết phân

biệt được chân giả. Biết, để loại trừ cái cần loại trừ, nuôi dưỡng cái cần nuôi dưỡng. Dù tài năng hữu hạn, nhưng, cả đời, tôi mong được làm một nghệ sĩ đích thực, sống, suy nghĩ và hành động như một nghệ sĩ đích thực. *Hợp Lưu* khai sinh nhằm mục đích tạo ra một diễn đàn hầu thực hiện ước mơ kia, ước mơ phát hiện, bảo tồn, triển khai cái đẹp, không riêng gì của Việt Nam chúng ta, mà rộng hơn, của cả nhân loại. Con đường này có thể xem như một thứ “đường đi không đến”, đã có đó, đang có đó và sẽ còn có đó ngày nào còn con người trên mặt đất này, cho nên dùng thước đo của giai đoạn để đánh giá “thành công” hay “thất bại” công việc *Hợp Lưu* đang theo đuổi, tôi e rằng có vẻ khiên cưỡng quá chăng? Từ lúc loài người thoát khỏi đời sống hang động, tiến hóa dần đến xã hội văn minh ngày nay, nỗ lực tuyên dương và triển khai cái đẹp vẫn luôn luôn là nỗ lực lớn nhất loài người muốn vươn đến. Chúng ta đã đến chưa? Đây là đích đến chung cuộc?

Tóm lại, tôi không quan tâm đến thành công hay thất bại của *Hợp Lưu* trong giao lưu cũng như trong sáng tác. Công việc này là nỗ lực tự thân của mỗi nghệ sĩ. Nghĩa nào đó, công việc này không bao giờ có điểm đến. Chính vì thế, nó luôn luôn là một quyền rũ, một thôi thúc lên đường. *Hợp Lưu* đã lên đường, đang trên đường. 13 năm của *Hợp Lưu* nếu so với dòng chảy bất tận của văn học Việt Nam nói riêng, thế giới nói chung, thật, chả khác gì một hạt cát nhỏ nhoi giữa mêng mông sa mạc.

- *Hợp Lưu* đồng nghĩa với Khánh Trường. Khi quyết định

giao lại cho người khác, ông có nghĩ rằng việc này sẽ ảnh hưởng đến một số độc giả và tác giả không? Vì như Philippe Moreau Defarges đã viết “Một cánh bướm vỗ lông kéo theo nhiều hiện tượng, hậu quả có thể gây nên một cơn bão cách đó hàng ngàn cây số”¹

- Xin lỗi, cái cánh bướm của nhà ông Philppe Moreau Defarges vỗ có thể tạo nên những cơn bão hay không là chuyện... biến hóa khôn lường của chữ nghĩa và triết lý, xét cho cùng, đem áp dụng vào sự hưng vong của một tạp chí, tôi có cảm tưởng nó khắp khễnh thế nào ấy. *Hợp Lưu* đã tồn tại 12 năm, hướng đi của *Hợp Lưu* đã rõ nét và định hình, dù có tôi hay không thì sinh mệnh của nó cũng không thay đổi bao nhiêu. Ngày nay, văn hữu cộng tác với *Hợp Lưu* là vì tờ báo, chả phải vì tôi. Tôi, hay ai khác, ảnh hưởng rất giới hạn đến *Hợp Lưu*. Giống như một người đã bước vào tuổi trưởng thành, hẳn tự lập thân, không còn bị chi phối nhiều bởi những người đã khai sinh ra hẳn.

- Nếu được yêu cầu, ông có bằng lòng ký vào “*Hiến Chương Nhân bản 2000 -Lời Kêu Gọi Một Chủ Nghĩa Nhân bản Toàn cầu Mới*” không?

- Như đã nói, tôi là một nghệ sĩ, kẻ luôn ước mơ được đứng về phía cái đẹp, cái thiện. Hiến chương nhân bản 2000 nhân danh điều thiện, tất nhiên sẽ là một vinh hạnh cho tôi nếu được yêu cầu tham gia.

1. Cao huy Thuần: Thượng Đế, Thiên Nhiên, Người, Tôi và Ta.
Triết Lý Luận Và Tư Tưởng Phật Giáo.
Trung Tâm Văn Hóa Khuông Việt xb trg 86.

- Là một nhà văn hóa, ông nghĩ gì về nhận định của Philippe Papin khi cho rằng cuộc cách mạng loại bỏ chữ Hán trong văn tự “đã gây tổn hại lớn cho di sản văn hóa Việt Nam và là một sự mất mát khó lường”¹

- Một nhà văn hóa! Cô dùng chữ nghe khiếp quá!

Tôi, xin được nhắc lại, trước sau chỉ là một nghệ sĩ, mọi việc tôi làm được dẫn dắt bởi cảm tính nhiều hơn bởi so đo hơn thiệt của lý trí. Câu hỏi của cô liên quan đến văn hóa, một phạm trù vượt ngoài khả năng hiểu biết của tôi. Để giải mã phạm trù này, tất yếu phải dùng đến lý trí và sự thấu đáo về nhân chủng học, một lĩnh vực tôi hoàn toàn mù tịt. Tại sao ngôn ngữ Việt có nhiều Hán tự? Đây là cội nguồn dân tộc? Phải chăng Việt Nam là một nhánh nhỏ bứt ra từ mẫu quốc Tàu trôi dạt xuống phương Nam? Tôi từng đọc luận cứ này, cũng như từng đọc nhiều luận cứ khác chứng minh một cách đầy tính thuyết phục về nguồn cội giống nòi. Nhưng xin thú thực với cô, càng đọc tôi càng rối mù, chả hiểu đâu là chân, giả. Thôi thì, để trả lời câu hỏi của cô, tôi lại đành vịn vào cảm tính vậy.

Chúng ta đều hiểu ngôn ngữ Việt, nhất là ngôn ngữ viết, hình thành phần lớn dựa trên chữ Hán. Nếu loại bỏ chữ Hán ra khỏi văn tự Việt, tất nhiên chúng ta thật khó - nếu không muôn nói vô phương - có được cái gọi là “di sản văn hóa”. Thứ chữ của ngày trước, sau chữ Hán, là chữ Nôm, loại chữ Nguyễn Du đã dùng để viết Truyện Kiều, được ông cha ta

1. Philippe Papin, Việt Nam, Hành trình một dân tộc, Nguyễn Khánh Long dịch, Thời Mới xb 2001, trg 62-63.

cho là của người Việt, thực chất, chỉ là một thứ văn tự lai tạp, dùng các bộ tự của chữ Hán xào nấu lại.

Nếu lật ngược dòng lịch sử, chúng ta không thể phủ nhận một sự thực đau lòng là trong quá trình hình thành dân tộc, ta đã chịu sự đô hộ của Tàu ngót 1000 năm. 1000 năm! Thời gian đủ dài để một nhúm dân, vốn chỉ nhỏ bằng một tỉnh của “đại quốc”, phối phai dần bản sắc thuần túy của mình, để tan nhòa vào bản sắc của kẻ thống trị. Ngôn ngữ, thứ ký hiệu dùng để giao tiếp, qua đối thoại hàng ngày với nhau, và qua văn tự, giấy tờ, thi phú, kinh điển kẻ bị trị là ta phải tiếp cận triền miên ngót 1000 năm, trải dài hàng mấy mươi thế hệ người, nếu không bị đồng hóa, mới là chuyện lạ. Hãy nhìn hai quốc gia Chân Lạp, Chiêm Thành, chỉ sau vài trăm năm, ngày nay chỉ còn lèo tèo vài chục nghìn người lai tạp, sống lẫn lộn với người Việt, sử dụng ngôn ngữ Việt ở các tỉnh miền Trung, miền Nam, kể từ cuộc Nam tiến của các vua chúa Việt dấy khởi, để thấy rõ sức đồng hóa khủng khiếp của kẻ xâm lăng. Vậy, điều Philippe Papin nhận định, theo tôi, không phải vô căn cứ.

Tuy nhiên, nếu hiểu văn tự là một loại ký hiệu dùng để ghi chép, lưu giữ phần hồn, phần tinh hoa của một giống nòi thì cái mà Philippe Papin gọi là “di sản văn hóa Việt” vẫn còn đó, không mấy may thương tổn. Chưa kể, chữ Hán sẽ không còn là chữ Hán nữa khi chúng đã được (hoặc bị) Việt hóa, nhất là từ lúc chữ quốc ngữ ra đời, ký âm bằng dạng tự La Tinh. Chối bỏ chữ Hán trong văn tự Việt, theo tôi, là một cách tự bản cùng hóa bản thân, bắt nguồn từ mặc cảm tự ti biến thành tự tôn vô lối. Lịch sử nhân loại từng chứng minh,

các nền văn minh vẫn hổ tương, ảnh hưởng lẫn nhau, có khi kẻ thống trị đồng hóa kẻ bị trị, có lúc chính kẻ bị trị làm phai bản sắc của kẻ thống trị.

Trở lại vấn đề, cái gọi là loại bỏ chữ Hán trong văn tự Việt, hẳn cô cũng đồng ý với tôi, là chuyện bất khả thi. Thời gian đầu khi miền Nam Việt Nam đổi chủ, người ta đã hô hào, phát động một chiến dịch qui mô, nhằm loại bỏ chữ Hán ra khỏi ngôn ngữ Việt. Kết quả, lắm chuyện cười ra nước mắt. Một lần đi ngang ngã tư Hai Bà Trưng, Hồng Thập Tự (tên đường của Sài Gòn trước và sau 75 một thời gian ngắn), tôi đã sững người trước tấm biển nhỏ, gắn ngoài cửa một phòng vệ sinh công cộng: *Phòng đại, ỉa*. Cũng vào thời kỳ đó, vô số những “Hán tự” được thuần Việt một cách ngây ngô, luộm thuộm: Nhà Phòng cháy chữa cháy thay vì sở cứu hỏa; Máy bay lên thẳng thay vì Trực thăng, Lính thủy đánh bộ thay vì Thủy quân lục chiến, Giặc lái thay vì phi công địch... Cũng may, cuộc cách mạng “thuần Việt” kiểu trên bộc phát một thời gian ngắn, để rồi tàn lụn và triệt tiêu hẳn. Bởi vì nó... chương quá, và... thiếu văn hóa quá!

- *Thụy Khuê viết “suy tưởng về nghệ thuật, về sự sáng tạo đề tài, về khái niệm thẩm mỹ học là những yếu tố cần thiết để đánh bại cái nghèo nàn trong văn học nghệ thuật của ta”¹. Là người chủ trương và theo dõi các hoạt động văn học nghệ thuật, ông thấy các đề nghị trên có thực hiện được hay không?*

- Có nghệ sĩ đích thực nào không suy tưởng về nghệ

1. *Thụy Khuê, Sóng Từ Trường II, Văn Nghệ xb 2002, trg 50.*

thuật, về sự sáng tạo đề tài, về khái niệm thẩm mỹ học khi ngồi trước màn hình computer, hay trang giấy trắng, mặt bố rỗng, với cây bút, cây cọ? Tôi đồ rằng Thụy Khuê muốn nhấn nhở những tay “thợ” trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của ta. Thợ viết, viết một cách lười nhác, để dãi theo kiểu kể lại một câu chuyện, có lớp lang, có mở, có kết, càng nhiều tình tiết éo le gay cấn càng ăn khách. Thợ vẽ, vẽ bằng cách dùng tay nghề của mình bôi xanh, tô đỏ, tạo ra “tranh” theo yêu cầu thẩm mỹ chung chung của quần chúng.

Những thứ mĩ ăn liền tôi vừa dẫn trên có thể gọi là văn học nghệ thuật được không?

Vậy thì bất cứ một nghệ sĩ đích thực nào, khi đã xem văn học nghệ thuật là một cái gì thiêng liêng cao quý, tôi tin họ đều ngày đêm trăn trở khôn nguôi những điều Thụy Khuê nói đến. Riêng chuyện có thực hiện được hay không những điều ấy thì vẫn lại là nỗ lực tự thân của từng cá nhân. Là người đã, đang và sẽ còn gắn bó với văn học nghệ thuật ngày nào còn hơi thở, tôi mong sẽ có lúc ước mơ trên thành hiện thực.

- Phạm Thị Hoài bảo “Làm sao một xã hội chậm tiến về mọi phương diện lại có nổi một nền văn học giàu có và tiến bộ được”¹

Hoàng Ngọc Tuấn bảo “Chúng ta vốn có truyền thống nhìn vào kính chiếu hậu để tìm những tầm cao thay vì nhìn

1. Hợp Lưu 46, trg 208.

vào phía trước.”¹

Theo ông, những nhận định trên về văn học Việt Nam có bị quan lẫm hay không?

- Tôi đồng ý hai đánh giá trên của Phạm Thị Hoài và Hoàng Ngọc Tuấn.

Hãy nhìn lại nền văn học của chúng ta, hẳn rõ. Việt Nam, từ buổi đầu lập quốc đến nay, không mấy khi được an lạc, thái bình, đất nước luôn đắm chìm trong chiến tranh, lạc hậu, nghèo đói. Với hoàn cảnh sống đó, lo chiến đấu để tồn tại đã ngất ngư, còn sức lực tâm ý đâu nghĩ đến văn chương, nghệ thuật.

Thế mà, khổ nổi, khi làm được một chút gì hay, đẹp, là chúng ta... lập tức hồ hởi phấn khởi ngủ quên trên chiến thắng, khur khur giữ rịt, tự hào mãn với thành quả ấy, xem như đó là chuẩn mực bất di cần bảo tồn, khai thác cho... muôn đời sau. Hãy lấy ví dụ điển hình: *Truyện Kiều*, một tuyệt tác thơ ca Việt, đồng ý, nhưng từ bao lâu nay, chúng ta cứ trầm trở mãi về cái đỉnh cao này, với xác quyết “*truyện Kiều còn, tiếng Việt còn, tiếng Việt còn, nước ta còn...*”, thì tôi e rằng chúng ta đang tự bịt mắt, ngồi yên một chỗ, bàn chuyện văn chương chữ nghĩa bằng cái kiến thức có được từ hơn... 300 năm trước! Người Nhật dạy con em của họ: Tổ quốc Phù Tang cỗi cằn, xơ xác, thiếu hụt mọi tài nguyên. Để làm cho dân giàu nước mạnh, chả còn con đường nào khác ngoài nỗ lực học hỏi, cần cù làm việc. Người Việt thổi vào tâm hồn trong trắng của cháu con mình: Quê hương ta rừng vàng biển

1. Hoàng Ngọc Tuấn- Văn Học Hiện Đại và Hậu Hiện Đại Qua Thực Tiễn Sáng Tác và Góc Nhìn Lý Thuyết. *Văn Nghệ xb 2002, trg 140.*

bạc, đất đai màu mỡ, trên rừng nhiều gỗ quý, dưới biển lắm cá tôm, dân tộc ta lại kiên cường dũng mạnh, 1000 năm đô hộ giặc Tàu, 100 năm nô lệ giặc Tây, 20 năm lệ thuộc đế quốc Mỹ, cuối cùng, nhờ ý chí quật cường, Tàu thua, Tây chạy, Mỹ rút. Ôi! Được làm người Việt Nam, đáng tự hào biết bao nhiêu! Rốt cục, ta ngây ngất ngủ quên trên niềm tự hào ấy, để rồi, bưng con mắt dậy, nhận ra, trên dưới 80 triệu con rồng cháu tiên ta đang ì ạch một cách vất vả, những mong theo kịp bước chân của các láng giềng gần. Đau thay, những láng giềng này, xét quá trình, chẳng tài cán gì giang gò hơn ta.

Đó là hậu quả tất yếu của tâm thức tự yêu mình thái quá, tự vỗ về mình bằng niềm tự hào đến vô lối và vô lý. Tâm thức này, trong văn học là “truyền thống nhìn vào kính chiếu hậu để tìm những tầm cao” như Hoàng Ngọc Tuấn ví von.

- Ông có tin lời phát biểu của Nguyễn Quý Đức “Sẽ có người Việt Nam cầm bút có được chỗ đứng trong văn học thế giới. Nhưng họ là những nhà văn gốc Việt viết tiếng Anh/ Pháp /Đức...vì họ là những cây bút hay, giỏi, đề tài và nguồn gốc sắc tộc của họ là điều phụ.”¹

- Tin, tất yếu phải vậy.

Do hoàn cảnh lịch sử, trên 2 triệu người Việt Nam đã được phân bố rải rác khắp nơi trên thế giới từ thời điểm 30 tháng 4/75. Sau đau thương, mất mát, chia lìa, may mắn đã đến với chúng ta (Tái ông mất mã?). Dần dà, theo ngày tháng, chúng ta có được một cộng đồng Việt Nam lớn mạnh

1. Hợp Lưu 38, trg 14.

về nhiều lĩnh vực bên ngoài quê hương. Văn học nghệ thuật là một trong những lĩnh vực này. Thế hệ thứ nhất, còn hệ lụy nhiều với quá khứ, tư duy đến ngôn ngữ, “lãng nhăng” mãi với những chuyện đậm đặc chất thời sự bạn thù ta địch, mảy sai tao đúng rồi sẽ qua đi. Thế hệ thứ hai, thứ ba, thứ tư sẽ không còn bị “ám” bởi những bóng ma ấy, và sẽ nhạt dần bản sắc dân tộc gốc, để trở thành người Mỹ, người Pháp, người Đức... Lúc bấy giờ, ngoài dòng máu chảy trong huyết quản họ (chưa chắc đã thuần chất), bắt nguồn từ những ông cố ông tổ nào đó, “nghe đồn rằng” là người Việt Nam, một dân tộc ở tíu mù đầu đó bên kia đại dương, cách xa nửa vòng trái đất. Thế hệ này chắc chắn sẽ không nhìn và đánh giá cuộc đời bằng lăng kính của ta. Vì vậy, nếu họ chọn văn chương nghệ thuật là cứu cánh cuộc đời, thì thành quả họ sản sinh ra làm sao có thể mang hơi hướm, phong vị của thế hệ Việt Nam thứ nhất được? Đến lúc ấy, nếu họ có một chỗ đứng nào đó trên văn đàn thế giới, thì “tiếng thơm” này chúng ta được hưởng rất ít. Nhiều phần hơn, nếu không muốn nói toàn phần, “tiếng thơm” ấy thuộc về nơi chốn họ đã sinh ra, đã lớn lên, đã thừa hưởng một nền văn hóa và giáo dục bản địa từ ấu thơ đến trưởng thành.

- Theo Nguyễn Sa “Với những thành tựu tác phẩm đã đạt được, văn học Việt Nam có thể ngừng đầu, chúng ta không có gì hổ thẹn cả”¹. Một ý kiến khác cho rằng “Một số truyện được tuyển trong tập những truyện ngắn Hoa Kỳ hay nhất năm 1997 không hay bằng nhiều truyện ngắn Việt Nam hải

1. Sóng Từ Trường II, Thủy Khuê, Văn Nghệ xb, trg 46.

ngoại hiện nay”¹. Vậy ông có quá khắt khe “... Cứ viết làng nhàng mãi”² khi nói về tình hình sáng tác ở nước ngoài hay không?

- Tôi xin được phép không đồng ý với cô thi sĩ Nguyên Sa cũng như nhiều người khác khi làm công việc so sánh văn học ta với văn học thế giới, để rồi lắc đầu ngao ngán, “viết lách thế này chả mong gì bằng được thiên hạ”, hay tâng tặc tự khen, “với thành tựu đó, ta có quyền ngán cao đầu hãnh diện”, hoặc nữa, “Nhất định sẽ có ngày thế giới biết đến ta”. Cả ba thái độ, tự ti, tự tôn và hoài vọng đều ít nhiều ẩn chứa mặc cảm thua kém. Mỗi dân tộc đều có cho riêng mình một tiêu chuẩn thưởng ngoạn, dựa trên vài yếu tố cơ bản như chủng tộc, văn hóa, nền nếp giáo dục... Tách những yếu tố này ra khỏi tiêu chuẩn thưởng ngoạn là điều bất khả. Tựa khẩu vị trong ẩm thực, món mắm nêm, đối với người Việt Nam, dậy mùi thơm “bát ngát”, nhưng đối với các dân tộc phương Tây, mùi vị ấy thôi không thể nào chịu nổi. Lấy một ví dụ đơn giản: Thử mời một người Việt Nam ăn những cao lương mỹ vị của Tây, Mỹ. Ông (bà) ta hẳn sẽ thích lắm, không ngót mồm suýt xoa. Nhưng hãy cho ông (bà) ta thưởng thức các món ăn ấy liên tiếp một tuần, chúng ta hẳn thừa luận cứ tiên đoán, sẽ có lúc ông (bà) ta nhỏ nhẹ yêu cầu xin một quả cà pháo, một con cá nục kho tiêu.

Văn học nghệ thuật có chiều kích rộng hơn, bao quát hơn, nhưng tình cảm của kẻ thưởng ngoạn vẫn không thể nào tuyệt đối khách quan. “*Trống trường thành lung lay*

1. Hợp Lưu 42, trg 211.

2. Hợp Lưu 67, trg 54.

bóng nguyệt” có thể dịch ra mọi ngôn ngữ, người đọc sẽ hiểu nghĩa câu thơ trên muốn nói điều gì, nhưng để thấm, để cảm, để rung động được cái hay của câu thơ, nếu không phải là người Việt Nam, không lớn lên trong cái nôi văn hóa Việt, chắc chắn sẽ không thể nào thấm thấu.

Trở lại vấn đề, khi đã đồng ý văn học nghệ thuật luôn song hành với những yếu tố cơ bản của mỗi dân tộc, thì mặc nhiên chúng ta buộc phải công nhận tiêu chuẩn cao, thấp, lớn bé chỉ còn là những giá trị tương đối.

Về vấn đề cô cho rằng tôi quá khắt khe khi nhận xét nhà văn ta cứ “viết lằng nhằng mãi”, khi mà thi sĩ Nguyên Sa và nhiều người khác nữa lạc quan nhận xét “văn học ta hay lắm, chúng ta có thể ngẩng đầu không hổ thẹn” thì thưa cô, từ tiền đề, điều tôi nói và điều thi sĩ Nguyên Sa cùng nhiều người khác nói đã không xuất phát từ một điểm, tất nhiên, kết luận cũng sẽ không giống nhau. Khi tôi nói, là tôi muốn so sánh văn học ta với chính ta. Theo tôi, hầu hết nhà văn Việt Nam đều mắc phải một chứng bệnh khó trị: sự dễ dãi và lười nhác trong tư duy sáng tạo. Điều này cũng dễ hiểu thôi, đa số nhà văn ta đều xem công việc viết lách là nghề tay trái. Viết, cho vui, viết, như một thú tiêu khiển. Ai hơi đâu đi đầu tư tâm huyết vào một công việc tay trái? Thịnh thoảng cũng có được vài ba người sống thuần túy bằng ngòi bút, nhưng, như chúng ta đều biết, đây là một nghề kiếm ra tiền ít nhất, chẳng thế, thời tiền chiến đã từng có một ông thi sĩ (Nguyễn Vỹ) gào lên, uất ức: “nhà văn An Nam khổ như chó”. Viết lách trong hoàn cảnh ấy thì đầu tư, học hỏi, tìm kiếm sáng tạo “làm cái đếch” gì? Rốt cục, để ý mà xem, 40 năm trước,

nhà văn A đã viết như thế, bây giờ vẫn viết như thế, có khi còn tệ hơn thế. Một nền văn chương mãi dậm chân tại chỗ, thừa cô, không lắng nghe thì là gì?

- Là một họa sĩ, ông nghĩ gì về lời phát biểu của họa sĩ Lê Phổ “Tài năng đôi khi không quan trọng bằng may mắn. Để thành một họa sĩ lớn như Picasso, phải có may mắn và có may mắn là có lửa thiêng để thành công”¹

- Tôi chỉ đồng ý với họa sĩ Lê Phổ một phần thôi. Đánh rằng sự may mắn đối với một nghệ sĩ là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên nếu không thực sự có tài thì sự may mắn sẽ không ở lâu với ta. Khi làm công việc sáng tạo sự may mắn giúp ta đến gần ngưỡng cửa thành công, nhưng thành công chỉ có thể xảy ra và tồn tại vẻ vang nếu sáng tạo ấy bắt nguồn từ những khai phá thiên tài. Giá trị nghệ thuật là cái muôn đời, bất diệt, năm năm, mười năm, thậm chí một thế hệ có thể làm, nhưng sớm muộn gì người ta cũng thấy được cái hay cái dở thực sự.

- Nữ điêu khắc gia Điềm Phùng Thị là một người đặc biệt. Bỏ nghề nha sĩ, bà theo đuổi nghệ thuật tạo hình và tên tuổi được ghi trong cuốn Tự Điển Larousse ; Nghệ thuật thế kỷ XX: Hội Họa Và Điêu Khắc 1992.² Ngoài bà, xin ông cho biết thêm về các nữ điêu khắc gia Việt Nam khác.

- Ngành điêu khắc của Việt Nam, theo tôi biết không nhiều lắm những nữ nghệ sĩ, lại càng hiếm những tài năng.

1. Hợp Lưu 10, trg 54.

2. Theo Đặng Tiến, Hợp Lưu 10, trg 56-57.

Có lẽ ngành này tương đối khá nặng nhọc so với sức vóc, thể lực của đàn bà Việt Nam. Tôi có quen biết vài nữ điều dưỡng gia Việt Nam nhưng theo nhận xét của tôi - với tư cách một người thường ngoạn - thì tác phẩm của họ không có gì đặc biệt.

- Họa sĩ Khánh Trường viết: “Hình như chỉ có thể đắm say và thủy chung được với một tình nhân duy nhất: mặt trời rộng và những mảng màu”.¹ Vậy sau những tác phẩm mang chủ đề Đồng Tính,² ông có những dự án nào?

- Dự án về chủ đề Đồng Tính chưa kịp thực hiện thì bạo bệnh đã bắt ngờ đến. Tôi bị tai biến mạch máu não, tay chân ảnh hưởng nặng. Hiện, tôi khá vất vả khi cần phải di chuyển cũng như cầm nắm vật dụng và phát âm khó khăn khi đối thoại. Đối với một họa sĩ, hai bàn tay là quan trọng nhất. Nói như thế để cô hiểu sự lao đao của tôi khi phải đối phó với nghịch cảnh. Tuy nhiên, tôi không tuyệt vọng. Còn nước còn tát, tôi tin một cách mãnh liệt, sẽ có ngày tứ chi tôi trở lại hoạt động bình thường. Bây giờ, chả hơn gì một đứa trẻ, hàng ngày tôi phải tập lại nhiều thứ, tập viết, tập đi, tập nói... Nhà văn Thế Uyên khi nghe tin tôi bị bệnh, đã thư cho tôi, lấy tư cách một bệnh nhân đồng cảnh ngộ: “Hãy xem việc tập luyện là mục đích duy nhất từ nay đến cuối đời, và hãy nghĩ đó là một niềm vui.” Nhà văn Thế Uyên, cô hẳn biết, cũng bị tai biến mạch máu não cách đây trên dưới 3 năm, bán thân bất toại, thư ông viết cho tôi bằng tay trái, cánh tay còn

1. Hợp Lưu 25, trg 228.

2. Hợp Lưu 63, trg 210.

sử dụng được một phần, và là kết quả của 3 năm tập luyện kiên trì. Noi gương ông, tôi cũng đang chuyên cần tập luyện, và cố xem công việc ấy như một môn giải trí. Bài phỏng vấn này tôi đã mò cò một cách cực kỳ khó nhọc, chữ được chữ mất, trong nhiều ngày. Nói thế, để gián tiếp nhờ cô sửa lỗi typo hộ, nếu cô muốn sử dụng. Nhà văn bác sĩ Ngô Thế Vinh thường ghé nhà thăm tôi, bảo, đánh máy cũng là một cách tập, để lấy lại sự chuẩn xác của các ngón tay.

Trở lại câu hỏi của cô, tôi đã thề hứa, chủ đề Đồng tính từng dự định sớm muộn tôi cũng sẽ phải thực hiện bằng được. Tôi rất ghét bỏ cuộc trong bất cứ vấn đề gì. Từ hôm rời bệnh viện về nhà cách đây non 4 tháng, tôi đã thử cảm cọ vẽ. Phẩm chất, không biết có chủ quan chăng, tôi thấy không có dấu hiệu sút giảm so với khả năng đã có của mình. Chỉ một trở ngại, tốc độ làm việc chậm hơn vì tôi không thể ngồi lâu và nhất là không thực hiện được tranh có kích thước lớn, một đam mê của tôi. Trên diện tích rộng của mặt bố, ta tha hồ dàn trải bố cục, tha hồ vùng cọ chụp bắt ý tưởng. Và cũng có thể xem là style riêng: tôi có thói quen tạo nhiều khoảng trống trong tranh. Có nhiều bức tranh của tôi, chi tiết chỉ đóng vai trò phụ, những khoảng trống mới là yếu tố tôi quan tâm, khai thác. Điều này, trong một bài trả lời phỏng vấn Huỳnh Hữu Ủy, tôi có giải thích, tôi chịu nhiều ảnh hưởng triết học Đông phương, nhất là Thiền học.

- *Derek Walcott (Nobel văn chương 1992) tuyên bố rằng*
“Tôi muốn thà chỉ có một người đọc và cảm nhận thơ tôi
thâm sâu còn hơn là hàng trăm ngàn người đọc mà chẳng để

tâm gì”.¹ Có phải vì cũng nghĩ như thế nên thơ ông ít xuất hiện trên *Hợp Lưu* ngoại trừ một bài thơ tựa đề HỮ² ký tên Khánh Trường?

- Thơ ca là món khó nhá nhát. Nhưng có một nghịch lý, dù khó nhá, thơ ca lại được nhiều người làm nhất.

Ở hải ngoại, từ lúc tạp chí *Thơ* của Khê Iêm cổ vũ một cuộc cách mạng trong thi ca, kêu gọi mọi người hãy đoạn tuyệt với loại thơ vần về trầm bổng du dương, làm một cuộc lên đường, mạnh dạn đi vào nền thơ ca mới như hậu hiện đại, tân hình thức, thơ phân mảnh... thì tôi có cảm tưởng ai cũng làm thơ được. Thơ không còn là độc quyền của các thi sĩ. Hay nói khác hơn, ai cũng có khả năng trở thành thi sĩ. Không tin, cô thử lật các tạp chí văn chương ở hải ngoại ra xem, gần như nhà văn nào cũng làm... “thơ”.

Điều này có nhiều mặt mạnh, song cũng lắm điểm yếu. Mạnh, chẳng hạn chúng ta dễ dàng bày tỏ cảm xúc của mình qua năm mươi câu “thơ”, không cần dàn lời trải ý nhiều khê như trong văn xuôi, hay vần về cực nhọc như thơ truyền thống.

Yếu, chẳng hạn đa số đều lẫn lộn giữa “thơ” và “cái gọi là thơ”. Vì vậy mới có hiện tượng bộc phát đến bão hòa trong môi trường thơ ca hải ngoại nói riêng, cả nước nói chung.

Tôi từng nhận vô số những đoạn văn xuôi lủng củng, được ngắt hàng, gọi là “thơ” gửi đến tòa soạn hàng ngày. Thú thực, nhiều lúc phát khùng.

Có lẽ chính vì vậy, những thi sĩ đích thực, như Derek

1. *Hợp Lưu* 30, trg 208.

2. *Hợp Lưu* 11, trg 42

Walcott, mới phải mong ước, thà ít người cảm nhận thơ ông, còn hơn nhiều người tưởng rằng mình hiểu thơ, yêu thơ nhưng thực chất, chỉ là cái sự “tưởng” rất xúc phạm đến người làm thơ.

Cá nhân tôi, thời còn trẻ có đan díu với thơ ca, như hầu hết những người yêu văn chương. Nhưng càng tiếp cận lâu với thơ, càng thấy nó không giản dị. Làm thơ theo kiểu làng nhàng để đăng báo, không khó. Nhưng để tạo ra một tác phẩm thực sự, chẳng phải chuyện đùa. Tôi đủ liêm sỉ và lương thiện nhận thấy mình không có khả năng “làm ra gió, tạo nên bão” trong thơ ca, vậy, tốt nhất tôi nên “cút đi chỗ khác” cho sạch sẽ mát mẻ môi trường. Trong văn xuôi cũng vậy, 8 năm nay tôi không sáng tác, bởi thấy cái viết của mình chả có chi xuất sắc, nếu có viết thêm thì cũng chỉ “nổi dài” những cái đã viết, không ích gì cho văn học Việt Nam đã đành, có khi lại toa rập làm cho nền văn học ấy thêm trì trệ, lằng nhằng.

- *Thi sĩ Hoa Kỳ Joseph Brodsky (Nobel văn chương 1987) xuất bản 500 cuốn thơ bán mãi không hết. Trong khi đó thi sĩ Việt Nam có người một năm xuất bản 4 tập thơ, có người tái bản thơ của mình. Theo ông đây có phải là dấu hiệu đáng khích lệ của nền thi ca có dấu ấn 4000 năm văn hiến hay không?*

- Quả thực, như cô nhận xét, có nhiều “thi sĩ” Việt Nam cho ra đời mỗi năm hàng nửa tá thi phẩm. Người ngoại quốc nếu nhìn thấy thành quả này, có lẽ sẽ bật ngửa chết giắc, họ không tài nào hiểu nổi tại sao cái giống dân chỉ cần 3 người thôi, hóp lại, là thành một góc chợ ngay (thử bước vào một

nhà hàng Tây phương, nếu nghe chỗ nào lao xao nhất, cảm chắc, không con dân đại quốc Trung Hoa thì cũng dòng dõi con rồng cháu tiên Giao Chỉ!) mà tâm hồn lại lênh láng chất thơ đến vậy?! Ôi, nếu họ biết được rằng người Giao Chỉ chúng ta rất mê danh phận, nhất là những danh phận này đây mơ rề má với văn chương nghệ thuật. Làm kỹ sư bác sĩ, Ph D này nọ, xoàng quá, ai học lại chẳng được. Nhưng làm thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ... cái này không đùa nhé, nếu chẳng phải “thiên tài”, học già đầu cốt khi vẫn hoàn cốt khi! Trong các món ăn chơi, xem ra “thơ” có vẻ dễ chơi nhất. Ngôn ngữ Việt Nam giàu âm điệu, chỉ cần sắp xếp câu chữ khéo tay một chút, là thành “thơ” ngay. Nay một bài, mai một bài, vài ba tháng nhin hủ tiếu, phở tái bún bò buổi sáng là thừa tiền để in ngay thôi. Trong chiều hướng ấy, những tập thơ, như bướm bướm, thi nhau ra đời. Làm chủ biên Hợp Lưu 12 năm, tổng kết, cái tôi nhận được nhiều nhất là “thơ”, nhiều đến... ớn lạnh, đến đêm ngủ nằm mơ thấy mình bị đè ngạt thở dưới núi “thơ” cao ngất!

- Đây là trường phái Bùi Giáng, khi nhận định về một nhà thơ: “Nguồn thơ ông rất đặc biệt. Đọc mấy thi phẩm ông, tôi còn giữ lại một cảm tưởng hui hắt. Rủi sao, tập thơ ông tôi bỏ lạc đâu mất, nên không thể dám mạo muội viết nhận định ra đây”¹. Trên Hợp Lưu: “Một tập thơ có lẽ khá tốn kém vì được in trên giấy tốt, với rất nhiều phụ bản màu, là những hình chụp phong cảnh của tác giả”². Thừa ông, có

1. Bùi Giáng-Thi Ca Tư Tưởng. An Tiêm tái bản 1998, trg 168

2. Hợp Lưu 49, trg 243

phải trên văn đàn đã xuất hiện thêm một trường phái nhận định mới có tên là trường phái Nguyễn Thị Giáng Châu?

- A, lỗi giới thiệu sách mới này xuất hiện trên các tạp chí văn chương với nhiều... sáng tạo, tưng chung, có tính cách “huê vốn”. Hồi anh Mai Thảo còn sống, tôi vẫn thường trêu lỗi giới thiệu vô thưởng vô phạt này. Nếu tác phẩm của nữ giới, anh vuốt: “lại thêm một lẵng hoa trong rừng hoa...”. Nếu của nam tử, anh tán: “giữ tất bật cơm áo quē người, vẫn sừng sững dựng lên một bàn viết lữ thứ...”. Chữ nghĩa lóng lánh thơ mộng thế, chả gây thương tổn gì đến ai, vui vẻ cả làng. Riêng tôi, lắm khi bực bỏ quá, cũng chỉ dám kín đáo xa gần, cố đừng xúc phạm đến tác giả. Bởi lẽ giản dị, mục giới thiệu sách mới nhằm giới thiệu đến độc giả những tác phẩm vừa phát hành, do tác giả gửi tặng. Nhận quà tặng mà đốp chát vào mặt người tặng thì vô giáo dục quá, nhưng muối mặt khen vung thiên địa thì lòng nhột nhột không yên, chứng tỏ sự thiếu ngay thẳng với chính mình và với độc giả. Vì lẽ đó, “trường phái huê vốn” ra đời. Bất mí nghề nghiệp với cô cho vui: mỗi lần nhận được một cuốn sách mới, tôi lật ngay các trang đầu hoặc cuối hoặc bìa sau, tìm lời “tạ” hay “bạt”. Nếu có, chỉ cần trích một đoạn ngắn những lời này, xong, khỏi mất lòng tác giả mà tôi cũng không có trách nhiệm nếu độc giả nghe theo lời “đường mật” của ai đó, ra tiệm thỉnh nhầm một xấp giấy lộn!

Nghiêm chỉnh mà nói, lỗi giới thiệu này rất tai hại. Đa số độc giả không có thì giờ lục tìm sách hay ở các hiệu sách, vì vậy các tạp chí văn chương, như gạch nối giữa độc giả và tác giả, đóng vai trò hướng dẫn, chỉ đạo, để người đọc khỏi mất

thì giờ và yên tâm hơn khi chọn mua một tác phẩm. Mất tiền, không quan trọng lắm, điều đáng nói là họ sẽ có cảm giác bị lừa khi mua phải một tác phẩm tệ, khiến lòng tin của họ với các nhà văn nói chung, các tạp chí văn chương nói riêng, suy giảm, đưa đến hệ quả thị trường chữ nghĩa Việt Nam hải ngoại vốn ềo uột càng ềo uột, do khách hàng ít dần đi. Họ tìm đến các thú vui khác, an toàn và đỡ bức mình hơn.

Cho nên tôi vẫn mong *Hợp Lưu* có đủ tiền để có thể hàng tháng đến các nhà sách, các cơ sở xuất bản chọn mua các tác phẩm, hay, khen hay, dở, chê dở, không việc gì phải cả nể, độc giả hoang mang đã đành, bản thân người giới thiệu cũng chẳng vui gì.

- *Những truyện ngắn của ông mang đầy dấu ấn bạo lực và dục tình. Như thế, ông có ý kiến gì khi Nguyễn Hưng Quốc cho rằng trong lịch sử văn học “tình yêu là đề tài nhất thời, không chừng tình dục mới là đề tài vĩnh cửu”*¹

- Trong lời thưa cuốn “*Có Yêu Em Không?*”, tái bản, tôi có viết, “... do xuất xứ, do thói quen, do nhiều yếu tố khác, mỗi nhà văn tự chọn cho mình một cách thể biểu hiện. Có người chỉ khai thác những phần tốt tươi của cuộc đời, có kẻ chỉ viết được, viết hay khi đề cập đến tình yêu, tình gia đình, tình bằng hữu... Kẻ khác, không sản sinh nổi một dòng nếu hẳn không ngập sâu xuống đáy cùng vũng lầy đọa lạc...”

Đúng, tôi có khuynh hướng viết về bạo lực và dục tình.

Tại sao?

1. Văn học Việt Nam Từ Điểm Nhìn Hậu Hiện Đại, *Văn Nghệ* xb 2000, trg 255.

Năm 13 tuổi tôi bỏ nhà đi hoang. Vì miếng ăn, tôi sa chân vào một xóm điểm ở Đà Lạt. Hàng ngày, cùng vài đứa trẻ trang lứa, tôi ra đứng đầu các con hẻm chào hàng, dắt mối. Khách hàng thời điểm ấy hầu hết là lính tráng, lúc nào cũng say sưa nghiêng ngả và dử dằn bạt mạng. Xóm gồm nhiều ổ điểm, mỗi ổ là một căn hộ có gác lửng. Phòng khách tầng dưới, cũng là nơi ăn ở của chủ, tức “Má hai, Má ba”, theo tên gọi của giới giang hồ. Trên gác chia làm nhiều “buồng”, mỗi “buồng” cách nhau bằng một tấm “ri-đô” vải nhựa. Tối, tôi ngủ ở một trong các “buồng” này, nếu vắng khách, còn trống, sau một ngày đứng mỏi rã hai chân ngoài đầu các con hẻm, miệng không ngớt léo nhéo những lời lẽ mời chào thô tục: “Anh ơi, đi không anh, có ghê ¹ mới cắt chỉ từ dưới tỉnh lên, hàng họ hết sảy... Anh ơi, chọi một phát lấy hên đi anh, có ghê tơ đông ngò ² lắm...”. Một tối, đang thiu thiu nửa tỉnh nửa mê, tôi nghe có tiếng đôi co bên kia “vách”, “Ra đi cha nội... Uống chi lắm rứa? dai như đĩa, bộ tui sức trâu à?”. Tiếng cười hèn hệt: “Càng lâu càng sướng em ơi... Lẽ ra em phải thối tiền lại cho anh... Không cảm ơn còn bày đặt than thở...”. “Tui chịu hết nổi rồi.” Tiếp theo, tiếng động mạnh, có lẽ một thân thể bị đẩy rơi xuống mặt sàn gác. Tôi giật mình tỉnh ngủ. “Tui không đi nữa, để tui xuống nói Má hai tìm cho anh con khác. Tiếng đàn ông lớn giọng: “Đụ mẹ mày ngon. Tao đập chết mẹ mày bây giờ.” “Thách đó, đập đi.” và tiếng xô xát. Tôi tốc tấm “vách” chạy sang. Tên lính đang nắm tóc chị T kéo rịt xuống. Chị T không vừa, một tay bóp chặt hạ bộ

1. Ghê: gái

2. Ghê tơ đông ngò: gái trẻ nhiều lông (tiếng lóng của giới giang hồ).

tên lính, một tay quơ cào rồi rít, cổ gờ nắm tóc dài đang bị tên lính làm chủ. Cả hai đều trần truồng. Chị T mới đến làm ở “động” non hai tháng, người nhỏ nhắn, không đẹp nhưng tính tình vui vẻ hào phóng. Chị rất thương tôi. Những hôm ế khách chị và đồng nghiệp đợi gánh hột vịt lộn ngang qua, gọi vào, chén. Tôi được hưởng ké, chị T luôn luôn bao giàn. Khi thấy chị T bị tên lính hành hung, tôi lập tức nhảy vào bên. Tôi phóng người bám trên lưng tên lính, hai tay đâm thùm thụp vào đầu hấn. “A, thằng oắt con, muốn chết hử?” Tên lính thả chị T ra, vòng tay thộp cổ tôi, đẩy mạnh vào vách ván. Tôi nhỏ con, ốm yếu, chả hơn gì con nhái bén trong bàn tay hộ pháp của tên lính. Chị T được tự do, vội nhào xuống sàn, lật gối lấy con dao dẩu bên dưới, chia về phía tên lính, hét: “Thả thằng nhỏ xuống.” Tên lính cười hăng hắc, không quay lui, thay vì buông tôi ra, hấn lại đẩy lên cao. Tôi nghệt thở, tay chân giãy giụa điên cuồng. Chị T nhào tới. Và thật bất ngờ, ngoài dự đoán của tôi, của cả tên lính, chị T vung tay, đâm ngọt lưỡi dao vào sườn tên lính. Hấn giật bắn người, buông tay, tôi rơi xuống sàn, hấn cũng loạng choạng quỵ ngã, hai tay ôm bụng. Khi Má hai hay tin, sai người gọi cảnh sát đến thì tên lính cũng vừa thở hắt, gĩa biệt trần gian. Chị T bị bắt, bị tù. Ngày tôi được vào thăm, chị vuốt tóc tôi, cười buồn: “Thế này biết đâu lại hay, ra tù, chị sẽ về quê...” Chị khuyên tôi, “Đời em còn dài, không nên chôn vùi ở đó...” và chị nhấn Má hai trao tôi một phần số tiền chị đã dành dụm được trước đây, hiện Má hai đang giữ hộ. Nhờ số tiền, tôi mua vé xe đò xuống Qui Nhơn, ở đó, tôi sống chung với một thằng bạn cùng tuổi trong một toa tàu bỏ hoang cuối sân

ga. Qui Nhơn thừa đó là một căn cứ quân sự của Mỹ, thành phố đầy lính tráng và gái điếm. Bar rượu mọc sần sát dọc bờ biển, đúng như thơ Nguyễn Bắc Sơn: *“Mai này đừng trận ta còn sống / về ghé sông Mao phá phách chơi / Chia bớt nổi sầu cùng gái điếm / Đốt tiền mua vội một ngày vui.”* Ban ngày, tôi cùng thằng bạn lê la hết quán này đến quán khác. Thằng bạn đánh giầy, tôi “danh giá” hơn, với cây chì than và tập croquis, tôi ga, ký họa nhăng cuội các khuôn mặt đồ gay men rượu của các chàng GI và phần son lòe loẹt của các chị đượi. Hẳn nhiên vào thuở đó những tấm ký họa của tôi chả đẹp để hay ho gì, nhưng trong cơn say, giữa tiếng nhạc bập bùng và da thịt đàn bà, một hai đô la đỏ (loại tiền dành riêng cho lính viễn chinh Mỹ) bỏ thí cho một thằng oắt con bản xứ, thật chẳng đáng chi. Trời vừa sụp tối, tôi cùng thằng bạn cắp sách vở đến các lớp học bổ túc. Trầy trật mấy năm, thằng bạn đỗ được cái tú tài bán. Hẳn đăng lính, lon chuẩn úy, đóng đồng trên Pleiku. Ở đơn vị mới chưa được bao lâu, một đêm đồn bị tấn công, hẳn chết. Tôi mất một thằng bạn quý. Người đã từng chia ngọt xẻ bùi với tôi suốt thời niên thiếu, người đã từng đưa lưng hứng chịu một con dao chặt nước đá lởm chồm răng cưa để cản đường cho tôi thoát thân, khi cả hai bị một băng nhóm khác thanh toán vì đã xâm phạm địa bàn hoạt động. Tình nghĩa giang hồ, như tôi thường nói nhiều lần, đẹp lắm, Lương Sơn Bạc lắm. Đó là loại tình cảm còn giữ nguyên dạng thô nhám, chưa bị so đo tính toán thiệt hơn bởi cái gọi là “trí thức” sau này tôi chung đụng. Mất mát lớn, và không còn ai thân thích ở thành phố đó, tôi vào Sài Gòn, rồi lính tráng, vợ con, trận mạc, thương tích, vượt biên, tình

lớn, tình bé... Bao nhiêu cảnh huống tôi đã trải hơn nửa thế kỷ làm người, đã cho tôi thấy rất rõ thương yêu và thù hận, bạo lực và nhân ái là những khối thể bất khả phân ly, như phải có âm để có dương, phải có tối để có sáng, phải có đen để có trắng. Tình dục, một mặt của quan hệ phái tính, giúp con người đến gần nhau nhưng cũng có thể đưa đến bạo lực giết chóc. Tuy thế, dưới đáy sâu hủy hoại, bạo tàn, vẫn nẩy mầm những hạt giống tốt, nhờ những hạt giống này, sự sống được duy trì và tiến hóa. Cứ thế, vòng tròn quay đều, bất tận, từ ngàn xưa đến ngàn sau, làm thành lịch sử loài người.

Dù yêu văn chương, mê sách vở, tôi không có ý định viết văn, càng không nghĩ sẽ có một ngày mình trở thành nhà văn. Nhưng nhiều sự việc xảy ra cho mỗi con người khiến hướng đời lệch hẳn về một phía không ngờ. Ngày mới đặt chân đến đất Mỹ, thời gian đầu, chưa tắt bật vì cơm áo, dư thời giờ, tôi tìm đọc sách vở báo chí hải ngoại. Càng đọc, cảm giác khó chịu càng tăng. Văn chương đích thực không có bao nhiêu, đa phần chỉ thoát thai từ thời sự, từ khuynh hướng chính trị, và tệ hại nhất là do não trạng căm thù, đã biến văn chương thành những thứ khẩu hiệu sát máu, hàm hồ, khoác lác, không khác bao nhiêu với loại văn chương dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa tôi đã sống 10 năm. Nếu thế này mãi còn mong gì một tương lai khởi sắc cho văn học Việt Nam! Từ suy nghĩ này, manh nha trong tôi khuynh hướng “hợp lưu”. Chỉ có hợp lưu, chỉ xóa bỏ hận thù, chỉ “bước qua lời nguyên”, chỉ đồng qui mọi nỗ lực của tập thể lớn cho một mục đích thì sự viên mãn mới có hy vọng thành tựu. Nghĩ vậy thôi, chứ với tư cách một thuyền nhân vừa rời

trại tị nạn, việc thực hiện ý nghĩ ấy còn quá xa vời. Cho đến ngày nhà văn Nguyễn Mộng Giác giao lại tạp chí *Văn Học* cho ba chúng tôi, Trịnh Y Thư (sau, được thay thế bởi Hoàng Khởi Phong), Cao Xuân Huy và tôi. Tôi phụ trách phần mỹ thuật của tờ báo, thỉnh thoảng thiếu bài, tôi kiêm luôn nhiệm vụ... “trám chỗ.” Những truyện ngắn đầu tiên của tôi khai sinh từ đó. Sau này, với chủ trương “hợp lưu” như đã suy nghĩ buổi mới đặt chân đến đất Mỹ không được hai vị kia, chủ bút và tổng thư ký, tán thành, tôi tách riêng làm tờ *Hợp Lưu*, những truyện ngắn tiếp theo cũng nhằm mục đích “trám chỗ”. Lại một điều, mỗi khi ngồi trước màn hình computer gõ những con chữ đầu tiên, rồi chữ gọi chữ, hết trang này sang trang khác, nhiều lúc truyện được dẫn đến những tình tiết, bến bờ ngoài dự định của tôi. Khi hoàn tất, đọc lại, tôi giật mình phát hiện ra dục tình và bạo lực đã biến thành trọng tâm của truyện, của mọi câu chuyện. Nhiều lần tôi cố viết khác, cố nghĩ đến những điều thanh cao, thơ mộng, nhưng chỉ được một hai trang đầu, đầu lại vào đó, dục tình và bạo lực lại chen vào! Dần dần tôi hiểu rằng dấu ấn những năm tháng ngập sâu trong bùn sinh vẫn còn hằn đậm trong tâm não. Tôi không thể trốn chạy chừng nào chưa nói hết, nói đủ. Nói, như nhìn lại chính mình, những hệ lụy quanh mình. Nói, một cách “on đền oán trả” theo đúng luật giang hồ.

Trong lời thưa của cuốn “*Có Yêu Em Không?*”, tái bản, tôi cũng có viết, dù thể hiện “*cách nào, tôi tin, mỗi nhà văn đều có chung một ước mơ. Bằng đóng góp nhỏ nhoi của mình, biết đâu cuộc đời nhờ đó sẽ đẹp hơn, thanh cao hơn, đáng sống hơn. Nhà văn, tuy không làm nổi công việc cải*

tạo xã hội. Nhưng sẽ mãi mãi là những sứ giả tận tụy, không ngừng sống chết với những ước mơ. Tôi là nhà văn, tôi cũng đang cống hiến cho đời những ước mơ.”

- Dương Thu Hương viết “ Nghề văn, nói chung là một nghề nguy hiểm. Nghề văn, đối với những người đàn bà một trăm lần nguy hiểm hơn”¹. Khánh Trường cũng nhận định rằng “văn chương hải ngoại sở dĩ có được thành tựu tốt đẹp hiện nay, phần lớn do công sức, tài năng của các cây viết nữ”². Vậy theo ông, những cây viết nữ có phải là những người rất can đảm không?

- Không dính dự gì đến “can đảm” hay “hèn nhát” cả!

Dương Thu Hương phát biểu lời trên trong hoàn cảnh viết của bà ta, hoàn cảnh của những nhà văn cầm bút dưới một chế độ chuyên chính, lạng quạng, sai đường lối là tàn đời! Cái gương nhãn tiền của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm là một ám ảnh có thực, đã biến cái viết của những ngòi bút trung thực “*yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét, dù ai ngon ngọt cho đường, cũng không nói yêu thành ghét, dù ai cầm dao đòi giết, cũng không nói ghét thành yêu*” (Phùng Quán) đồng nghĩa với lòng can đảm.

Ở hải ngoại, sự thành tựu của các nhà văn nữ, phần lớn nhờ họ được giải phóng khỏi vị trí “đồ vật” mà các nước phương Đông thường mặc nhiên áp đặt lên thân phận nữ giới. Với xã hội phương Tây, người đàn bà có điều kiện để bình quyền hơn với nam giới. Vị trí xã hội thay đổi, lại nhờ nhạy

1. Hợp Lưu 19, trg 218.

2. Hợp Lưu 33, trg 236.

cảm nữ tính, vốn rất gần gũi với văn chương nghệ thuật, họ viết hay là điều không có gì đáng ngạc nhiên. Mặt khác nữa, văn chương Việt Nam hải ngoại phần lớn được “sản xuất” bởi thế hệ thứ nhất, thế hệ còn hệ lụy nhiều với quá khứ. Đàn ông, những người trực tiếp cộ xát với thực tế trong thời chiến cũng như thời hậu chiến, vì thế cái viết của họ, dù nỗ lực bao nhiêu chăng nữa, cũng khó lòng thoát khỏi ám ảnh quá khứ. Văn chương thế giới ngày nay đã vượt xa nghìn dặm, trong lúc nhà văn Việt Nam còn mãi loay hoay với những chuyện thời sự của thập niên 70! Nhà văn nữ, may mắn hơn, họ hứng chịu gián tiếp thảm kịch, và bẩm sinh trời phú, phái nữ chóng quên thảm kịch, thích nghi nhanh với môi trường mới. Đó là những yếu tố khách quan vô cùng cần thiết để viết hay, viết cập nhật thời đại.

- Đa số các buổi ra mắt sách đều “nhục và thảm như mấy anh mãi võ bán thuốc dán ở các bến tàu, bến xe, phụ diễn bằng sự tiếp tay của vài con khi già bôi vôi vẽ mặt làm trò... khi”¹. Phải chăng đúng như lời ông nói “văn nghệ sĩ ngoài sự bất hạnh ra, còn là chủng loại mang bệnh tâm thần rất nặng”²

- Nhiều lúc nhìn quanh, thấy bạn bè, anh chị em bị con vi trùng văn chương nghệ thuật nó hành, tôi có phần chí thờ ra hơi hướm tiêu cực, chứ thực thà mà nói, chữ nghĩa tranh ảnh cũng chả khác gì ma túy, gây nghiện. Đã lỡ vướng vào rồi, là cuộc đời... từ bị thương tới chết! Nhiều bạn bè tôi hi hục

1. Hợp Lưu 25, trg 205.

2. Hợp Lưu 37, trg 232.

sớm khuya làm thơ viết văn. Viết xong, vay mượn xanh xít đít đuôi để in. In xong, gọi điện thoại xin bạn bè ở địa phương này, vùng cư ngụ kia góp tiền tậu một tấm vé máy bay, rồi vác năm bảy chục cuốn sách đến ra mắt bà con làng nước. Vài ba chục “người yêu sách”, năm bảy ca sĩ, ngâm sĩ, văn nghệ sĩ vườn lên bục gỗ hát hồng, ngâm ngợi, tán tụng... Màn cuối cùng, nhờ một vài em gái khệ nệ ôm từng chồng sách đến từng bàn, cười duyên, cười lẳng, cười cầu tài, “Ông bà cô chú anh chị mua hộ một cuốn...”

Hoạt cảnh ấy không khác bao nhiêu với hoạt cảnh bán thuốc sán lải của các “gánh” Sơn Đông mãi võ xưa kia. Vâng, thừa cô, nhục và thảm lắm!

- *Du Tử Lê gọi Khánh Trường là “một gã giang hồ, phiêu bạt thứ thiệt”¹. Trần Vũ nhìn Khánh Trường qua hình ảnh một “Django”². Trần Đạo nói Khánh Trường là “ba cà chớn, du côn hơn đời”³. Khánh Trường thú nhận hồi nhỏ rất mê đọc sách. Vậy có phải tác phẩm Thủy Hử (Thị Nại Am) trong Lục Tà tử Trung Quốc⁴ đã ảnh hưởng nhiều đến tánh tình của ông hay không?*

- Sách vở có ảnh hưởng chẳng đến cá tính một con người? Tôi không biết.

Hồi nhỏ, đọc truyện Tàu, trong đó có *Thủy Hử* có “108

1. Hợp Lưu 62, tr 284.

2. Hợp Lưu 67, tr 23.

3. Hợp Lưu 67, tr 70.

4. Ly Tao (*Khuất Nguyên*), Sử Ký Tư Mã Thiên, Tam Quốc Chí (*La Quán Trung*), Thủy Hử (*Thị Nại Am*), Hồng Lâu Mộng (*Tào Tuyết Cần*), Tây Sương Ký (*Dương Thừa Phủ*)

anh hùng Lương Sơn Bạc”, nào là tên du côn ngang tàng Lỗ Trí Thâm ăn thịt chó, nốc rượu như hũ chìm, nào là anh chàng hảo hớn (Tàu) Võ Tòng sát tầu. Nói thực với cô, đọc thì đọc vậy, vì nghe thiên hạ tán tụng thiên địa. Một thời, có lẽ đến bây giờ, các nhân vật ấy, những điển cố ấy là mẫu mực đạo lý và xuất xứ của đàn ông con trai Á châu, vốn chịu ảnh hưởng của nền văn hóa nằm trong quỹ đạo Trung Hoa. Riêng tôi không “mặn” chút nào. Ảnh hưởng duy nhất còn tồn tại được của nền văn hóa này đến ngày nay trong tôi là triết lý Nam Hoa Kinh của Trang Tử. *“Nhìn kìa, cá lội tung tăng vui nhí? - Anh không phải là cá, làm sao anh biết cá vui? Anh không phải là tôi, làm sao anh biết tôi biết cá vui hay buồn?”* Lối lý luận cù nhầy này, ngấm sâu, hay quá.

Cho nên bản chất tôi gồ ghề gai góc như cây san hô hay tròn ủng như hòn bi ve chắc chắn không do *Thủy Hử* hay cái gì sót.

Tôi như thế vì tôi như thế. Tôi vẫn cho rằng hoàn cảnh xã hội có thể ảnh hưởng đến hướng nhìn cuộc đời của một con người, riêng bản chất thì khó sửa đổi, nếu không muốn nói, vô phương. Tôi can đảm hay hèn nhát, rộng lượng hào sảng hay hẹp hòi ti tiện... thì tôi sẽ như thế đã như thế, mãi mãi như thế cho dù hoàn cảnh sống của tôi thế nào chẳng nữa. Có thể suy nghĩ của tôi sai, nhưng đó là suy nghĩ của tôi.

- Khánh Trường tuyên bố *“mê sách đâu phải là một cái tội một căn bệnh.”*¹ *Vài thập niên nữa, những kệ sách sẽ biến mất. Nếu chỉ được giữ lại 7 cuốn sách (một tuần chỉ có*

1. Hợp Lưu 27, trg 226.

bảy ngày!), thì ông sẽ giữ lại những cuốn nào?

- Vài tuần nay ban biên tập mới của *Hợp Lưu* tranh luận sôi nổi để có được quyết định chung cuộc: nên hay không đăng lại những tác phẩm đã lên website? Thời gian sau này, các tạp chí “dưới đất” đã vấp phải một trường hợp đầu đầu: Báo in xong tòa soạn mới phát hiện, hoặc độc giả than phiền truyện ngắn này, bài thơ nọ, tiểu luận kia đã lên website A, B, C.... (làm sao trách các tác giả được họ gửi “chùa” chứ có bán bản quyền cho mình đâu?) Thực trạng đó nói lên một điều: Báo “trên trời” càng ngày càng chiếm ưu thế, thay đổi dần cách thưởng ngoạn của độc giả, vì tiện lợi, nhanh chóng, ít tốn kém, lại có thể trao đổi trực tiếp với tác giả, nếu muốn. Cái thú cầm trên tay một cuốn sách còn thơm mùi giấy mực, nhìn cách trình bày bìa, những trang trong, kiểu chữ, size chữ.... đã bị thay thế bởi màn hình computer, với cái kính lúp, muôn chữ nghĩa hình ảnh to nhỏ thế nào tùy ý. Vì thế, đã có nhiều chuyên gia tiên đoán, có thể vài thập niên nữa thư viện sẽ biến thành nhà bảo tàng, nơi lưu giữ vốn văn hóa của nhân loại vào một thời điểm... xa xưa, để cháu con ta tham quan!

Nếu sự kiện trên thành hiện thực, thì việc giữ 7 hay 7 triệu cuốn sách cũng giống nhau, chả việc gì phải chọn lựa.

Nghĩa đen thì thế. Nghĩa bóng, tôi sẽ chỉ giữ sách... của tôi. Văn mình vợ người mà! :)

- Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã và đang bị đánh phá, nhất là từ khi kịch bản *Suối Nhỏ Êm Dịu* xuất hiện, mà nhà phê bình Thụy Khuê bảo là “dẫn đến sự tha hóa, tiêu hủy

con người tự bản thân”¹. Khi chủ trương tờ Hợp Lưu, họa sĩ Khánh Trường cũng bị đánh phá thê thảm như vậy. Bây giờ xin ông cho biết hậu quả của những hành động kém văn hóa ấy?

- Hậu quả là nhờ những đánh phá này, *Hợp Lưu* được tò mò tìm đọc, do đó, đã sống dai như giẻ rách đến ngày hôm nay. Lại tái ông mất mã! :)

- *Qua mục “ Kim Thi, Ngày... Tháng...” trên Hợp Lưu, độc giả rất thích thú khi nghe kể lại những sinh hoạt trong cộng đồng người Việt hải ngoại tại một vùng mà ông gọi là “nước Bolsa”. Sau gần 20 năm sống tại đó, xin ông cho biết tình trạng hiện nay ra sao?*

- Như bất cứ một cộng đồng nào, bên cạnh những mặt tích cực, cũng lắm cái tiêu cực.

Về mặt tiêu cực, tôi chưa thấy một dân tộc nào... trung thành với... vốn cũ như dân tộc ta. Chuyện chống Cộng chẳng hạn. 20 năm trước, lãnh tụ nhón bé của phong trào đã chống như thế, 20 năm sau, lớp cũ, và cả lớp kế thừa, vẫn bôn cũ soạn lại, bài bản y chang. Nói theo ngôn ngữ chúng tôi thường kháo với nhau: “Đó là thành phần bị đứt dây cót, đồng hồ cóc chạy nữa”. Lạ thực, và tài thực. Tôi, trí thông minh hình như không tệ lắm, vậy mà nghĩ mãi không ra!

- Ông có khá nhiều kỷ niệm về Mai Thảo. Sau mười ba năm lác với *Hợp Lưu* ông cảm nhận gì về câu thường nói

1. Nguyễn Huy Thiệp, kịch Suối Nhỏ Êm Dịu, Văn Nghệ xb 2002, trg 16.

của người đàn anh này: “Hừm ! Ra cái đêch gì!”¹

- Nó gói ghém cả một nhân sinh quan đầy cô ả. Tưởng chả có gì ghê gớm, nhưng nếu sống gần Mai Thảo, biết được hành trạng thời tuổi trẻ của người đàn ông này, mới hiểu, để thấy mọi thứ đều “ra cái đêch gì”. Mai Thảo đã phải kinh qua một quá trình dài làm người, với tất cả vinh quang và tủi nhục của kiếp người, từ lúc thanh xuân phơi phới (*“Nếu cuộc đời là trái núi, hãy đứng dậy mà xem, cuộc đời sẽ nằm dưới chân ta”* - Mai Thảo - *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời*) đến lúc tay run, mắt mờ, răng rụng (*“Thế giới có triệu điều không hiểu / càng hiểu không ra lúc cuối đời”* - Thơ Mai Thảo).

Thời vàng son của Mai Thảo, đầu tàu *Sáng Tạo*, chủ bút nguyệt san *Nghệ Thuật*, tạp chí *Văn*, tiểu thuyết gia hàng đầu của miền Nam, mỗi ngày không dưới 6 truyện dài viết từng kỳ cho các nhật báo, “mầm non văn nghệ” gặp Mai Thảo là *“run như run thần tử thấy long nhan”* (thơ Hàn Mặc Tử.) Mai Thảo hét ra lửa mưa ra khói, Mai Thảo kênh kiệu, trích thượng, Mai Thảo mặt lạnh như tiền ở các chiếu bạc, Mai Thảo vua sắn nhảy trong những vũ trường xập xình tiếng nhạc quá đêm... để rồi, cuối thập niên chín mươi, người đàn ông ấy, nhà văn hàng đầu ấy, đã trở thành một ông già hom hem nát rượu, đơn chiếc, suốt ngày nằm dài trên chiếc giường sắt cá nhân với chiếc ly thủy tinh cấu bẩn và chai cognac (loại 2 chữ, rẻ tiền) dưới chân giường, trong căn phòng nhỏ 9 thước vuông. Thịnh thoảng vài văn hữu, đàn em ghé thăm, mang đến cho ông một chai rượu, chiếc phong bì

1. Hợp Lưu 45, trg 242.

trong xếp thẳng thớm một hai trăm đô la. Cái “uy” của Mai Thảo không còn nữa, tất cả đều nhìn Mai Thảo bằng con mắt trắc ẩn của những con người còn khỏe mạnh nhìn một đồng loại sắp vĩnh biệt trần gian.

Thế đó, chỉ chưa đầy 5 năm ngày vĩnh biệt cõi đời, người đàn ông một thời “làm ra gió, tạo nên bão” đã gần như ra khỏi trí nhớ nhân gian. Tất cả đều là huyền mộng. Tất cả đều “ra cái đếch gì.”

Đây là bài học lớn nhất Mai Thảo để lại cho tôi. Tôi, một người em văn nghệ, một người bạn vong niên cuối đời của người đàn ông ấy. *Hợp Lưu* gắn bó với tôi 13 năm, khi từ giã cuộc chơi, triết lý “ra cái đếch gì” đã giúp tôi nhẹ nhàng thoải mái hơn trong quyết định.

- *Cuộc đời đầy đau khổ và gian truân của Khánh Trường đã được mô tả trong những trang viết chân thành và cảm động¹. Dù vậy, nếu có phương tiện, ông có muốn tạo ra một KHÁNH TRƯỜNG JUNIOR bằng phương pháp tạo-sinh-vô-tính -clone- hay không?*²

- Để làm gì, thưa cô?

Sống như thế, suốt bao nhiêu năm, chưa đủ sao?

Không kể, nếu đi sâu vào lĩnh vực này - clone - tôi nghĩ nhân loại sẽ phải đối diện với những câu hỏi, cho đến nay, vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng: Tên KT “phó bản” này được nuôi nấng, dạy dỗ, đào tạo trong hoàn cảnh sống khác

1. Hợp Lưu 9, trg 191-198.

2. *Tạp chí Discover*, vấn đề thời sự nhất năm 2002, số tháng giêng năm 2003.

với hoàn cảnh sống hắt đã kinh qua. Vậy, hắt có còn là KT nữa chẳng, hay nói theo khuynh hướng Phật giáo, thân xác vốn giả ảo, chỉ là cái vỏ linh hồn đã mượn, để đi qua cõi trần gian này trong một kiếp trên vòng quay vô thủy vô chung của luân hồi nghiệp báo. Nếu chấp nhận khuynh hướng này thì một thai nhi, được tạo ra từ một tế bào gốc, cũng chả khác bao nhiêu với một thai nhi kết tinh trong bụng người mẹ. Thai nhi ấy, con người sẽ trưởng thành ấy, thuần túy chỉ là một cái “vỏ”.

- Nếu đúng như nhà văn Trần Vũ dự đoán ¹, đi tu không thành chánh quả, ông có trở lại lều lá *Hợp Lưu* và vui với “nỗi buồn chín tã” không?!

- Tâm cảnh tôi đã khác, trở lại lều lá *Hợp Lưu* hay buông bỏ vĩnh viễn không còn là mối bận tâm của tôi. Vả, như đã nói từ đầu, *Hợp Lưu* đã định hình, đã có một sinh mệnh riêng. Văn hữu viết vì tờ báo, vì đường hướng *Hợp Lưu* đã vạch và theo đuổi 13 năm qua, chứ không phải vì tôi.

- Xin ông cho một lời khuyên với giới trẻ nào thích viết về đề tài tình dục mà chưa dám xuống đường “phát văng trình tiết” như nhà văn Trần Vũ nhận định.

- Chả riêng gì tình dục. Hãy xem công việc viết lách như một nhu cầu, chừng nào nhu cầu đòi hỏi, thỏa mãn nó. Nói cách khác, hãy viết cái gì muốn viết, và tuyệt đối trung thực với lòng mình. Văn chương giống tình yêu, chỉ tác động đối tượng khi xuất phát từ sự thành thực. Mang của giả cho đi,

1. *Hợp Lưu* 67, trg 60.

sẽ nhận trả những hồi đáp giả.

- *Cả đời, tôi chỉ sợ không đủ trung thực để nói thật, chứ “sợ ai, còn khuya!”¹. Đây là lời tuyên bố của họa sĩ Khánh Trường. Thế mà theo tiết lộ của ông về cách cư xử đối với các cây viết nữ thì độc giả có cảm tưởng ông hơi “nể” họ! Vậy... hơi khuya rồi, xin ông hãy nói thật: Django Khánh Trường nể vợ hay sợ vợ?*

- Tôi có tuyên bố như thế ư?

Nếu có thể thì âu lúc ấy tôi bị “điếc” nên “không sợ sủng” rồi. Thế mới biết, bút sa gà chết. Nguy hiểm thật! Xin cho tôi được nói lại: Thưa cô, tôi nể lắm, sợ lắm, không chỉ nể vợ, sợ vợ, mà còn nể, sợ tất cả mọi sinh vật có tên là đàn bà. Bằng chứng nhân tiên, tôi nể cô rất mực, nếu không, tôi đã chẳng cực nhọc ngồi gõ từng chữ trật trật thế này đâu.

- *Mark Twain nói “Không người đàn ông hay đàn bà nào thật sự biết được tình yêu hoàn hảo là gì cho đến khi họ đã kết hôn với nhau một phần tư thế kỷ”². (Ở tuổi ông) ông có tin là có tình yêu hoàn hảo hay không?*

- Ôi các ông bà nhà văn! Bao giờ các ông ấy cũng lấy mình làm mẫu số chung, rồi kết luận như đinh đóng cột xuyên qua kinh nghiệm của chính bản thân mình. Mark Twain hẳn nhiên khi phát biểu câu ấy, cũng không ra ngoài “truyền thống” trên. Riêng tôi, đã thấy nhiều cặp vợ chồng

1. Hợp Lưu 24, trg 240.

2. Nghệ Thuật Hạnh Phúc của Đạt Lai Lạt Ma & Hovvard c. Cutler M.D., Linh Thụy chuyển ngữ, Văn Mới xb 2002, trg 96.

rất tâm đầu ý hợp từ lúc yêu nhau, đến lúc lấy nhau, sống bên nhau gần trọn kiếp người. Dĩ nhiên trong khoảng thời gian dài dằng dặc ấy, thi thoảng cũng có lúc cơm không lành canh không ngọt, nhưng đó chỉ là những bóng mây xám, những cơn mưa rào, nó không làm hại đến hạnh phúc, ngược lại, nhờ đó, hạnh phúc trở nên ngọt ngào hơn. Nhìn những cặp vợ chồng này, tôi nghĩ, nếu có kiếp sau, chắc chắn họ sẽ gặp lại nhau, và sẽ tiếp tục yêu nhau, như đã.

Từ đó suy ra, có vẻ như cái mà cô gọi là “tình yêu hoàn hảo”, hay ít lắm cũng gần với hoàn hảo không phải không có. Rất tiếc, cái gì quý thường hiếm. Con người luôn luôn va chạm với những tình huống bất ưng, đến nỗi sự bất ưng trong tình yêu trở thành đương nhiên, trở thành định luật.

- Ông còn điều gì muốn nói nữa không?

- Xin tất cả mọi người, đã yêu tôi, đã ghét tôi: Hãy tha thứ cho tôi, nếu trong dĩ vãng tôi có những lầm lỗi.

- Xin cảm ơn nhà văn / họa sĩ Khánh Trường.

Lê Quỳnh Mai

KHÁNH TRƯỜNG

Triển lãm hội họa - Art exhibition

Tôi không ghi lại trong phần này nhiều cuộc triển lãm, rải rác suốt hơn 40 năm cầm cọ, ở nhiều nơi và nhiều thời điểm, trước ngày tôi bị tai biến mạch máu não cuối năm 2001.

Chỉ giới thiệu dưới đây 3 cuộc triển lãm sau năm 2001.

Tất nhiên phải có lý do?

Câu trả lời nằm trong nội dung 3 cuộc triển lãm này.

Khánh Trường

PHỤC SINH

Resurrection (1996)

Tại:

- Nhật báo Người Việt, Westminster, S. California. USA
- Paradise and Garden Gallery, San Jose. N. California. USA
- Palette Art Gallery, Houston, TX USA

Lần thứ ba tôi bị tai biến mạch máu não, đưa đến hậu quả: tay, chân gần như bất khiển dụng. Chân, đi đứng nghiêng ngã, phải ngồi xe lăn. Tay, vụng về, viết khó khăn, chữ được chữ mất, cua còng như trẻ con; cầm, nắm vật dụng nếu thiếu chú tâm, sẽ rơi, đổ. Giọng nói ngọng nghịu và không kiểm soát được âm độ. Mắt trở nên tệ hại, nhìn bất cứ vật gì cũng thành hai, phải luôn vận dụng đầu óc, kinh nghiệm để nhận định, phân biệt đâu là vật thực, đâu là ảnh ảo. Tệ hơn, không còn khả năng đọc sách, báo, thèm lấm, chỉ có thể đọc một cách vất vả trên màn hình computer với điều kiện phải phóng

lớn chữ, và không đọc được lâu, vì phải điều tiết nhãn giới tối đa, gây chóng mặt, chảy nước mắt. Là một họa sĩ, đồng thời cũng là nhà văn, nhà báo, cuộc đời gắn liền với chữ nghĩa, sách vở cùng cọ sơn, màu sắc, thì hậu quả trên còn bất hạnh hơn cái chết. Chết, là lìa bỏ thế giới này, là tan nhòa vào hư vô, là vĩnh viễn không còn nghe, nhìn, biết. Mặt nào đó, chết, là dứt nợ, là thôi ngụp lặn trong cõi nhân sinh. Thế mà tôi vẫn phải tiếp tục sống, với một trí tuệ còn nguyên vẹn trong một bình thối xương đã hư hại. Điều này quả thực kinh khủng.



Nhưng tai ách chưa dừng lại ở đó, tai ách còn đẩy tôi đến đáy cùng thống khổ. Hơn năm trước tôi lại bị thêm bệnh ung thư thanh quản, cùng lúc với chứng loét bao tử. Ung

thư, bản án tử hình đã tuyên đọc, chờ ngày thi hành. Một nghịch lý đến vô lý: khi biết mình bị ung thư, dù vẫn tuân thủ mọi phương pháp chữa trị, nhưng trong sâu thẳm lòng mình, tôi không mong cầu bệnh sẽ hết, trái lại, nếu phải ra đi, tôi mong được ra đi sớm, chấm dứt càng nhanh càng tốt cuộc sống vô bổ, vô vị và tràn ứ buồn đau này. Thế nhưng sau nhiều tháng chịu đựng những phản ứng cực cùng dữ dội qua phương pháp điều trị bằng phóng xạ và hóa chất (radiation & chemotherapy), cộng với phẫu thuật bộ phận tiêu hóa, ung thư cùng loét bao tử tạm thời chấm dứt, để lại thêm cho tôi vài di chứng nữa: tuyến nước bọt bị hỏng vĩnh viễn do phóng xạ, khiến vòm họng lúc nào cũng khô đắng, ăn không còn biết ngon, phải thường xuyên uống nước mỗi vài ba phút; giọng nói đã ngưng còn tệ hại hơn nữa do thanh quản, nơi mọc bứ ung thư, bị tổn thương. Về chứng loét bao tử, sau hai lần xuất huyết trầm trọng, dù đã được tiếp huyết, bây giờ vẫn rất chóng mặt do thiếu máu, cũng như không thể ăn no, khó tiêu, luôn ợ chua, đôi lúc trào ra miệng, làm sặc.

Tuyệt vọng và cô quạnh. Hầu như bất cứ lúc nào, trừ khi ngủ, tôi luôn nghĩ đến cái chết. Chỉ có chết mới thoát được khổ đau dai dẳng này. Làm sao chết? Bằng cách nào? Khi mà ngay cả đi đứng, cầm nắm, tôi còn không thể chủ động.

Ngày tháng trở nên lê thê. Mỗi sáng ra khỏi giường, ngồi trong chiếc xe lăn hướng mặt ra đường, hoặc dán mắt vào TV, nghe, nhìn, nhưng không hiểu gì hết, chỉ ngổn ngang trong đầu những suy nghĩ trầm uất, mỗi mòn chờ đợi ngày tắt, để may ra có thể chìm vào giấc ngủ, thậm chí mong sẽ không bao giờ thức dậy.

Gần 12 tháng trôi đi như thế, một hôm lang thang trên mạng, tôi tìm đọc lại tiểu sử và thành quả cống hiến cho khoa học của Stephen Hawking. Chúng ta đều biết ông bị bệnh, liệt toàn thân, tứ chi bất khiển dụng 100%, kể cả tiếng nói. Nếu không còn bộ não và đôi mắt hoạt động bình thường, thì ông chả khác gì loài thảo mộc. Thế mà với nghị lực phi thường, ông đã “viết” được vài cuốn khảo cứu về vật lý. Công ty IBM chế tạo riêng cho ông một computer. Qua tia nhìn, máy có thể nhận tín hiệu, nhảy ra mẫu tự, tạo thành chữ. Sự nỗ lực gần như phép lạ của nhà vật lý là tấm gương, là nguồn an ủi, khích lệ mạnh mẽ vực tôi dậy. So với nhà vật lý, tôi còn may mắn hơn nhiều. Dù khá vất vả, tôi vẫn có thể đọc báo trên các trang web, và vẫn có thể gõ chữ trên bàn phím bằng một ngón duy nhất của bàn tay phải, chữ được chữ mất. Định tâm gõ chữ A, ngón tay lại rơi vào chữ S bên cạnh, hoặc chỉ gõ vào... hư vô vì không ước lượng được khoảng cách từ ngón tay đến phím chữ. Về màu sắc, tuy không bén nhạy như xưa, nhưng dẫu sao tôi vẫn có thể phân biệt một cách tương đối sắc độ của từng màu, qua một... màn sương. Nghĩa là tôi vẫn còn có thể vẽ được, viết được nếu nỗ lực, kiên trì và nhất là tìm ra một cách thể hiện nào đó, phù hợp với những điều kiện giới hạn của thể xác.

Nhưng ý nghĩ vẽ lại, viết lại chỉ mới manh nha, chưa trở thành thúc hối mạnh mẽ. Bởi lẽ tôi đoán biết sẽ vô cùng khó khăn. Sự khó khăn làm tôi nhụt chí. Vả lại, vẽ thêm, viết thêm để làm gì? Tên tuổi, tiếng tăm, nếu có, đã có. Thêm hay bớt một cuốn sách, một cuộc triển lãm thì cũng không vì thế tôi sẽ lớn hơn hoặc nhỏ đi.



Vài tháng trước, nhà văn Ngô Tự Lập từ miền Đông, nơi anh sắp hoàn tất học vị Ph. D, cùng với nhà thơ Phan Nhiên Hạo đến thăm tôi, trước khi Lập trở về VN. Hai anh nhìn thấy tình cảnh tôi, khuyên tôi viết hồi ký, để giải trí và cũng để ghi lại một chứng từ văn học hữu ích. Trải qua bao nhiêu sóng gió, cùng vô số những “bí mật hậu trường” suốt 15 năm qua. Với văn hữu khắp nơi, từ thế hệ tiền chiến, đang chiến đến hậu chiến của cả trong và ngoài nước. Với cá tính, bản chất cũng như khuynh hướng văn học của từng người. Với nghi kỵ, qui chụp phe phái, chính kiến của chính phủ Việt

Nam, và của những tờ báo, người chống đối hải ngoại, chắc hẳn hồi ký sẽ được trong, ngoài nước chú ý. Dù bệnh vực hay phản bác, vẫn không thể phủ nhận 15 năm qua Hợp Lưu, tờ tạp chí văn học nghệ thuật biên khảo do tôi chủ trương, đã là một cột mốc quan trọng trong bối cảnh đầy biến cố của văn học Việt Nam hậu bán thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21.



Lời khuyên của hai người bạn trẻ, cùng nhà văn / bs Ngô Thế Vinh vẫn thường ghé thăm, như giọt nước cuối cùng làm tràn ly, tôi quyết định tập viết lại.

Tôi có thói quen đã trở thành quán tính suốt mấy mươi năm nay, chỉ vẽ được khi viết, và ngược lại. Đó là hai thành tố bổ sung cho nhau. Đó cũng là lý do tôi vẫn luôn đặt computer bên cạnh giá vẽ. Khi viết, nếu bế tắc, tôi vẽ. Mùi sơn, màu sắc giúp tôi phấn chấn, đầu óc, suy tư trở nên dễ dàng, thông thoáng. Vẽ chán, lại viết. Viết chán, lại vẽ. Với nhịp điệu ấy tôi thường hoàn tất cùng lúc một tác phẩm văn học và một loạt tranh đủ cho một lần triển lãm. Trong dĩ vãng, trước năm 2001, nhiều cuộc triển lãm triển lãm cũng đã được khai sinh như thế.

Từ lúc trưởng thành đến hôm nay, hội họa là nghiệp dĩ duy nhất giúp tôi tạo ra của cải, để nuôi thân và cưu mang gia đình. Vấn đề còn lại: nỗ lực và quyết tâm, nhất là, như đã nói, phải tìm ra một cách thể hiện mới, phù hợp với tình trạng thể chất hiện tại của tôi.

Tôi may mắn có thể vẽ được bất cứ loại tranh nào, chi li từng cọng tóc, hay vờn bay phóng khoáng vài nhát cọ... Đẹp, xấu chưa vội bàn đến, chỉ biết chắc tôi sẽ tạo ra tranh không mấy khó khăn. Tôi là một họa sĩ, vì thế, tôi vẽ. Bình thường thôi. Gần 40 năm trước, khi trả lời câu hỏi “Ông sáng tác như thế nào?” Nhạc sĩ Phạm Duy cười: “Như... đi đái ấy mà.” Phạm Duy muốn nói ông sáng tác dễ dàng, tự nhiên như qui trình vận hành sinh lý, có ăn có uống tất phải bài tiết. Một nghệ sĩ thực sự sống trong cuộc đời, tiếp cận từng phút từng giây với mọi tình huống của con người, hiểu theo nghĩa nào đó, những buồn vui ấy không khác gì lương thực giúp người nghệ sĩ nuôi dưỡng, vun bồi cây sáng tạo. Bài tiết, được hiểu như thành quả xuyên qua quá trình hấp thụ, dung nạp dưỡng

chất trần gian (mọi buồn vui sướng khổ.... của cuộc đời...)

Là một họa sĩ, theo cách ví von của nhạc sĩ Phạm Duy, tôi đang sống, đang hệ lụy với cuộc đời, đang, dù muốn dù không, nhận vào. Vậy, tôi phải bài tiết, phải vẽ. Giảm đi vậy thôi.



Nhưng ngày nay, với đôi bàn tay vụng về, tôi phải vẽ cách nào đây?

Tôi không ngừng tìm kiếm một phương pháp khả thi cho điều kiện giới hạn của thể xác. Dần dần tôi nhận ra, mọi vật thể trên trần gian đều được cấu tạo (do con người hay... thượng đế) bằng các khối hình học cơ bản: vuông, tròn, chữ nhật... Cũng chả mới mẻ gì phát kiến này. Điều quan trọng là tôi đã tìm ra cho cái vẽ của mình một hướng giải quyết: bằng những khối vuông, chữ nhật, tròn... cộng với cảm quan,

kinh nghiệm, kỹ thuật, màu sắc, bố cục, ánh sáng... tranh hình thành.

Nhưng khi bắt tay vào công việc, tôi mới thực sự đối diện với rất nhiều khó khăn. Khó khăn đầu tiên, không thể ngồi trên ghế, có thể té ngã nếu vì mãi mê với công việc, quên cảnh giác, xoay trở bất cẩn. Cho nên tôi buộc phải ngồi xe lăn, diện tích lòng xe hẹp, bị giới hạn bởi hai chỗ tựa tay, khá bất tiện khi vẽ. Khó khăn tiếp theo, những ngày đầu tôi chỉ có thể vẽ được tối đa chừng 20 phút, tay mỏi nhừ. Muốn tiếp tục, phải dưỡng sức bằng một thời lượng tương đương. Tệ hơn, cọ thường rơi, sơn bắn vung vãi, và những đường ngang nét dọc ngày xưa vẽ dễ dàng bao nhiêu bây giờ vất vả bấy nhiêu. Do không ước lượng được khoảng cách, tôi thường vẽ vào... khoảng không hoặc nhấn quá mạnh tay ở những nơi lẽ ra chỉ nên vờn cọ thật nhẹ. Chưa hết, vì mất lưỡng thị và không làm chủ được tay nên khó khăn lắm nếu muốn một mảng màu, một đường nét có được sự chính xác như ý. Còn bao nhiêu gian nan khác, chẳng hạn cần lấy tranh ra khỏi giá vẽ để thay một khung bố khác, hoặc mang thùng cọ bẩn đi đổ, rửa... Tôi đành chịu chết nếu vợ con vắng nhà, không thể nhờ cậy ai.

Thế nhưng, bằng cố gắng không ngưng nghỉ, từng phút, từng giờ, dần dà, song song với việc viết hồi ký, tôi đã thực hiện được hơn 40 bức tranh dự trù.

Loạt tranh lần này khác hẳn những lần trước, từ màu sắc đến phong cách. Về phong cách, tôi chọn lĩnh vực trừu tượng. Tranh trừu tượng không đòi hỏi chi tiết, sự chuẩn xác tuyệt đối, cho nên những vệt màu, đường cọ sai trật, có khi

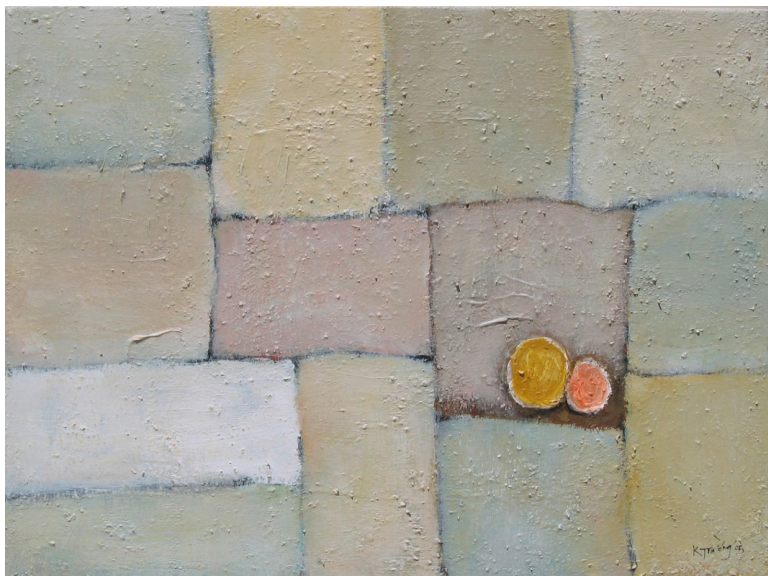
lại hay. Về tư tưởng, đây là lĩnh vực mệnh mông nhất, giúp tôi đi sâu được vào những vùng khuất chìm dưới bề mặt ý thức, đó là lãnh địa của tiềm thức, nơi ẩn tàng, cất dấu, nguy trang tâm trạng, bản chất, cá tính một con người. Về màu sắc, tôi sử dụng thực nhẹ các gam màu, cũng như cố tình để ngỏ nhiều khoảng trống nhằm tạo ra những không gian mở, giúp khách thưởng ngoạn có được cảm giác nhẹ nhàng, bình yên khi xem tranh. Ngót một năm đắm chìm trong trầm uất, cuối cùng tôi buộc phải đối diện với hiện thực, tôi chưa thể chết ngay được, dù muốn dù không cũng phải sống nốt khoảng thời gian định mệnh đã vạch. Nhưng nếu chấp nhận sống thì bằng cách này, cách khác, phải vượt thoát khỏi tâm trạng tiêu cực kia. Khổ thân đã đành, khổ cả những người hệ lụy.

Khi vẽ, tôi luôn tâm niệm thế, trong suy nghĩ, qua cách thể hiện. Nếu tôi tạo được cảm giác lạc quan cho tranh, cũng có nghĩa tôi trừ khử được sự tuyệt vọng từng chiếm ngự tâm hồn tôi nhiều năm tháng qua.

Do vậy, loạt tranh không có tên riêng cho mỗi bức, tất cả hướng đến một chủ đề: PHỤC SINH.

Phục Sinh, là sống lại, từ cõi chết, về thể chất. Quan trọng hơn, mặt nội tâm, nghề nghiệp. Như đã nói, dù định tâm sẽ vẽ lại, viết lại sau khi chiêm nghiệm gương phản đầu gần như phép lạ của nhà vật lý Stephen Hawking, nhưng tôi chưa làm, vì chưa có nhu cầu thúc bách, chưa hội đủ... cơ duyên. Chuyện hồi ký là giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Nếu không vì muốn viết hồi ký, có lẽ tôi đã buông trôi. Càng vẽ tôi càng nhận ra sự nhiệm màu của hội họa. Càng vẽ tôi càng xác quyết người ta có thể thù ghét, cay độc, thậm

chí truy hại, giết tróc nhau vì tham vọng, u tối. Hội họa thì không. Hội họa xiển dương cái đẹp. Đứng trước cái đẹp, mọi vọng động lắng xuống.



Nhưng như thế nào được xem là đẹp?

Họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi có lần nói: Màu vốn dĩ đẹp, chỉ cần bôi màu lên khung bố là đã thấy đẹp. Văn vẻ hơn, chúng ta có thể hiểu, tự thân của màu đã mang trong nó yếu tính của cái đẹp. Vấn đề là biết cách sử dụng cái đẹp ấy, của màu, bằng một qui luật nào đó có tính sáng tạo và đặc thù, làm nên phong cách của mỗi họa sĩ.

Trên dưới 30 năm sống với hội họa, tôi từng tìm đến nhiều phong cách vẽ, từ hiện thực đến siêu thực, từ biểu hiện đến trừu tượng; và nhiều chủ đề, đa phần rất... nặng ký,

những mong tiếp cận được với cái đẹp. Thời trai trẻ, cò xát trực diện với nhiều vấn đề lớn của xã hội vào giai đoạn ấy như chiến tranh, chủ nghĩa, cái chết, tương lai đầy bất trắc của mỗi cá nhân, và của quê hương, tôi đã mượn hội họa như một phương tiện để mang vác những trần trở. Chiến tranh chấm dứt, lại có những thảm kịch của thời hậu chiến như kẻ thắng, người bại, tù đầy, cải tạo, vượt biên, hải tặc, hãm hiếp, chết chóc, lưu vong... cũng là nguồn cảm hứng cho sáng tác. Năm tháng qua đi, hoàn cảnh sống của cá nhân tôi và của dân tộc, trong lẫn ngoài, không ngừng biến động, song song với tuổi tác mỗi ngày mỗi cao, những sôi nổi của thời tuổi trẻ nhạt đi, tôi dần hiểu ra giới hạn của hội họa, chính xác hơn, chức năng đích thực của hội họa. Đó không phải, không thể là vũ khí, công cụ đấu tranh, cải tạo xã hội, nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay. Điện ảnh và internet chẳng hạn, thừa khả năng thể hiện được tất cả mọi vấn nạn thuộc mọi lĩnh vực liên quan đến nhân loại một cách sống động, đầy tính thuyết phục. Người ta đã mặc cho hội họa những sứ mạng quá lớn. Một thời văn chương, triết học, đạo học, chiến tranh, hòa bình... đã khiến tôi, như hầu hết mọi người trẻ khác, vô hình chung, bị chìm ngập, bị điều kiện hóa bởi lối tư duy tiền chế, sản sinh từ sách vở, được dung nạp một cách vội vã, hăm hở, và dĩ nhiên, hời hợt! Chúng tôi, bọn trai trẻ vào giai đoạn ấy, đã bị những “vấn đề lớn” che chắn, bung bít tầm nhìn, khiến không còn nhận ra yếu tính cơ bản của hội họa trước hết và trên hết là biểu trưng cho cái đẹp. Mặt phong cách cũng thế, bao nhiêu năm mãi mê đuổi theo cái bóng của “những người khổng lồ”, vô tình biến mình

thành bản sao vụng về, nhếch nhác của “những người khổng lồ” ấy. Tôi không là tôi, chưa từng là tôi. Nói cách khác, tôi quên mất điều vô cùng giản dị này: cái đẹp sẽ trở nên vĩ đại và chỉ có thể vĩ đại nếu nó mang nhân tố khai phá, độc đáo. Bức Guernica bất hủ không phải vì Picasso mô tả cuộc nội



chiến Tây Ban Nha, dù nhiều nhà phê bình hội họa đã tụng ca bức tranh như một vũ khí chống chiến tranh mạnh mẽ, mà vì phong cách diễn tả đặc thù Picasso, một phong cách độc nhất vô nhị, trước đó chưa ai từng biết. Ở hầu hết các tuyệt

tác của “những người khổng lồ” khác trong lĩnh vực hội họa cũng thế, thường là những đề tài rất tầm thường, quen thuộc hiện diện khắp nơi quanh ta. Van Gogh với lọ hoa hướng dương, đôi giày rách, những cây bạch dương, những người đàn bà ăn khoai tây, cánh đồng lúa vàng, quán cà phê đêm lộ thiên... Những đề tài này có hàng nghìn họa sĩ trên khắp địa cầu, ở mọi thời điểm, đã vẽ, nhưng để trở thành kiệt tác như của Van Gogh, rất hiếm. Chúng ta có thể làm đóa hướng dương của họa sĩ này với họa sĩ kia, đẹp đấy, nhưng chung chung, bất cứ họa sĩ nào cũng có thể vẽ được, nếu có tí tài hoa. Ở Van Gogh thì không. Những đóa hướng dương quằn quại rất Van Gogh, một mình một cõi. Chính cái riêng này làm nên sự độc đáo. Chúng tồn tại vì thế chứ không phải vì những sứ mệnh chúng phải chuyên chở.

Gần chúng ta hơn, và biểu tỏ mạnh mẽ nhất cho cái nhìn thoải mái, nhẹ nhàng này của hội họa là Mark Rothko. Tranh Abstract Mark Rothko gần như không có gì cả. Chỉ quần quanh một mảng màu vàng, hoặc nâu, hoặc xanh... nhỏ, nằm trên một mảng khác chiếm toàn thể diện tích mặt tranh cùng màu, với sắc độ khác, đậm hay nhạt hơn. Vậy thôi, cực kỳ giản dị. Đừng mất công tìm kiếm trong tranh của Mark Rothko những trần trố, những “vấn đề lớn”. Bởi lẽ ngay cả một vấn đề nhỏ còn không tìm thấy, huống là! Nhưng cũng giống các danh họa khác, trước, chưa ai từng vẽ như thế, sau, nếu có người vẽ như thế, sẽ chỉ là bản sao Mark Rothko. Vì vậy, Mark Rothko tồn tại.

Từ suy niệm này, khi vẽ, tôi thoải mái thả mình trôi theo cảm xúc, thứ cảm xúc của chính tôi, phát sinh từ nội tâm,

cộng với màu sắc, bố cục, đường nét. Những yếu tính làm nên cái đẹp. Chủ đề không còn là yêu cầu trọng tâm.

Cảm hứng sáng tác cũng mở rộng biên cương, trở thành bao la. Tôi có thể vẽ bất cứ lúc nào. Nhiều khi chỉ một vệt màu lóe sáng trong đầu, tôi đưa ngay lên khung bố, thế là tranh thành hình. Có khi tư duy trắng xóa, tôi vu vơ bôi màu không chủ đích, và rồi. màu gọi màu, dần dà tranh xuất hiện

Thời gian không còn lê thê nữa, suốt ngày loay hoay trước giá vẽ, tôi quên hẳn bước đi của nó. Cũng có nghĩa chúng trầm cảm có cơ nguy chìm chết mòn sống hầu như đã ra khỏi tâm, thân tôi.

Khánh Trường

ĐẶNG PHÚ PHONG

Khánh Trường và.... Phục sinh

“Tôi thoải mái thả mình theo cảm xúc...thứ cảm xúc phát sinh từ nội tâm tôi, cộng với màu sắc , bố cục, đường nét ... và rồi màu gọi màu, dần dà tranh xuất hiện...” Sau ba lần tai biến mạch máu não, với đôi tay lỏng lẻo, vụng về và với đôi mắt nhìn không biết phân biệt đâu là ảnh ảo đâu là vật thực, họa sĩ Khánh Trường đã và đang vẽ như thế, như lời anh tự bạch. Nói một cách khác Khánh Trường đang làm thơ bằng những vệt màu biết nói, biết rung động. Không phải họa sĩ cũng chính là thi sĩ đấy sao.

Liệu có cường điệu lắm chăng khi trao gửi cho loạt tranh mới nhất của mình là PHỤC SINH, điều đó sẽ có vọng âm từ nhiều phía, nhưng chí ít nó đang đánh dấu một khúc quanh của đường đi tới hay một cột mốc trong sự nghiệp của Họa sĩ Khánh Trường. Tôi dùng chữ Họa sĩ Khánh Trường để

phân biệt với một Khánh Trường của văn, thơ, báo chí; với một Khánh Trường vẽ chân dung, trang trí bìa và một Khánh Trường ngang tàng, liều mạng trong đời thường. Nhưng hình như ở bất kỳ con người nào Khánh Trường cũng có vẻ thành công nhờ vào sự thông minh, kiên trì làm việc. Loạt tranh Phục Sinh là một thí dụ thật hùng hồn cho sự quyết chí vượt qua những khó khăn về thể lực, trầm uất trong bệnh hoạn. Khánh Trường đã giải quyết vấn đề như một thiền sư giải quyết một công án, anh đã “ngộ”, đã thoát ra khỏi những cái bóng Không Lồ, nhìn thấy cái đẹp của hội họa theo cách riêng của mình. Khánh Trường nói rằng “Tôi chọn lĩnh vực trừu tượng”, nhưng theo tôi lĩnh vực trừu tượng đã chọn anh. Bởi chính trong mớ tư duy bông bênh của một họa sĩ giữa lần ranh sinh tử, màu sắc đã như những mảng tơ trời, đường nét trở thành phiêu diêu thì điều kiện hóa vấn đề nghệ thuật chỉ là chuyện bất bóng, hư không.

Thời trẻ Khánh Trường rất thích sự thơ mộng, hồn nhiên như trẻ thơ trong tranh Chagall và cách xử lý ánh sáng trau chuốt, óng ả của Nguyễn Trung. Một số tranh của Khánh Trường giai đoạn ấy ít nhiều phảng phất không khí của Chagal và Nguyễn Trung, nhưng anh nhanh chóng nhận ra điều ấy và đã vội chia tay, anh cho biết như thế. Từ đó anh thênh thênh trong thế giới màu sắc và ánh sáng. Con trâu trong bức tranh thứ năm đã Thuần Phục, gãi chân trâu đã tháo gỡ sợi dây xoắn mũi, phần đen chỉ còn ở thân sau. Tranh Phục Sinh của Khánh Trường cũng đang ở tư thế nửa trắng nửa đen của bức tranh Thứ Năm trong mười bức tranh chăn trâu trong thiền học. Tôi hoàn toàn không gượng ép hay áp đặt

khi đưa ra những ấn dụ trên. Hãy nhìn. Màu sắc trong loạt tranh Phục Sinh như nhẹ ra, mặc dù màu vàng đất là màu Khánh Trường thủ đắc, bố cục tưởng như chênh mảng nhưng là một chênh mảng lọc lừa khiến người xem dễ dàng đồng ý với tác giả, phó mặc cho màu sắc dẫn dắt đi vào không gian



thật rộng của từng bức họa. Cảm giác của người xem sẽ là một cảm giác vui, lâng lâng, nhẹ nhàng, chừng như cái đẹp trong tranh của anh có đôi mắt thật trong thật sáng và nụ cười thật trẻ thơ luôn luôn mời gọi.

Sự tự tin đã giúp Khánh Trường vượt thoát. Sự đam mê đã giúp anh gặp gỡ được cái đẹp của hội họa. Đó là những điều nổi bật của Khánh Trường. Anh có nhiều cá tính rất

mãnh liệt và cũng rất đại khờ tình si nên cuộc đời anh phẳng phất đáng vẽ nhân vật Alexis Zorba của Nikos Kazantzaki, anh chàng chịu chơi với chất ngất đam mê, yêu đời, yêu cái đẹp, yêu phụ nữ cho đến lúc cận kề cái chết. Alexis Khánh Trường!

Đặng Phú Phong

ĐÁO BỈ NGẠN

Crossing to the other shore (2002)

Tại: SỪNG NGHIÊM Zen Center
Westminster, USA

Do di chứng của stroke và ung thư thanh quản, tôi không thể phát âm rõ ràng, nên xin nhờ MC chuyển đến quý vị vài lời ngắn gọn;

Thứ nhất, trân trọng cảm ơn các sư cô, đặc biệt là 2 sư cô Chân Thiện và Chân Diệu, cùng các anh chị em, các cháu trong Thiền viện SN đã tận tình hỗ trợ, giúp đỡ từ tinh thần đến vật chất để cuộc triển lãm này thành tựu tốt đẹp.

Thứ hai, cảm ơn quý thầy, quý ni sư cùng quý quan khách, và toàn thể anh chị em bằng hữu, khách thưởng ngoạn đã bỏ chút thì giờ quý báu hẳn rất bận rộn của ngày cuối năm để đến đây, tham dự buổi khai mạc triển lãm này.

Thứ ba, đặc biệt, cảm ơn vợ tôi. Có thể khẳng định, cuộc



Brochure
(Crossing to the other shore – Đáo bỉ ngạn)

triển lãm thành tựu được là do 60% công sức của vợ tôi. Vì bệnh tật, tôi không thể làm những công việc lẽ ra tôi phải làm, như đi mua sơn, mua canvas, mua gỗ, nẹp để đóng khung... Kể cả sơn lót mặt bố, nặn sơn lên bảng pha màu, tay tôi lóng cọng lại quá yếu, làm không xong công việc tưởng chừng quá dễ dàng này. Chưa hết, nhiều lúc vợ tôi phải đứng cạnh giá vẽ để lật ngược hoặc xoay ngang xoay dọc khung bố lớn vì tranh cao ngoài tầm với, tôi ngồi trên xe lăn, không

thể vẽ tới, đành vẽ ngược.

Tôi không tin có phép lạ, nhưng tin trong mỗi người chúng ta đều tiềm ẩn một sức mạnh diệu kỳ.

Vấn đề là làm thế nào đánh thức được sức mạnh diệu kỳ ấy, khi cần.

Hơn 6 tháng trước, trong một lần tái khám, BS bảo tôi hãy chuẩn bị để đi lọc máu, mỗi ngày, vì thận đã gần như bất khiển dụng. Lúc bấy giờ tôi kiệt sức, thậm chí trở mình không nổi khi nằm. Nghĩ, có lẽ giờ chung cuộc sắp điểm.

Trong một lần đến thăm tôi, 2 sư cô Chân Thiện và Chân Diệu khuyên tôi nên cố gắng vẽ lại. Vẽ, tập trung tư duy vào chủ đề, đừng cho tâm nhảy nhót, vọng động, cùng lúc điều tức hơi thở đúng phương pháp. Một hình thức Quán trong Thiền định. Tôi nghĩ 2 cô có lý. Ban đầu, ngồi hàng giờ trước khung bố, tôi không biết làm sao để vẽ được, hai tay lóng cọng, ăn cơm phải dùng muỗng vì cầm đũa không được, nói chi cầm đến cọ sơn. Lại thêm, mất mồi, nhìn một thành hai và đã mất đi khả năng nhận biết gần, xa theo luật viễn cận. Với tình trạng ấy, vẽ, gần như bất khả!

Nhưng tôi không ngừng tự nhủ, phải cố gắng, hết sức cố gắng. Và tôi đã đánh liều cầm cọ. Chỉ được 5 phút, cọ rơi khỏi tay, sơn vung vãi, những nét vẽ trên khung bố vung vè. Sau 15 phút tôi phải đi nằm vì quá mệt và máu tăng cao, chóng mặt. Sang đến ngày thứ 2, thứ 3... thời gian vẽ tăng dần, nét vẽ cũng khá hơn... Sau một tháng, tôi có thể ngồi trước giá vẽ 4 tiếng, Sau 3 tháng, thời gian vẽ tăng tới đa, có hôm tôi ngồi miệt mài trên 10 tiếng, và từ tranh nhỏ, tôi chuyển dần sang tranh lớn...

Thiền là phương pháp tối thượng có khả năng đánh thức sức mạnh tiềm ẩn trong mỗi chúng ta.

Nhưng như thế nào gọi là Thiền?

Theo tôi, qua kinh nghiệm bản thân, là cố hết sức mình, làm tốt công việc của chính mình bằng một cái tâm trong sáng, vô ngại, vô cầu.

Thế thôi. Chỉ giản dị thế thôi.

Một lần nữa, xin cảm ơn tất cả, và kính mời quý vị bước vào thế giới Thiền của tôi.

Khánh Trường

Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình. Với cá nhân tôi, Thiền chỉ giản dị thế thôi.

Nên khi vẽ những bức tranh liên quan đến chủ đề Thiền, tôi luôn tự nhủ sẽ tuyệt đối trung thành với ý niệm trên. Vì vậy 30 bức tranh trong lần triển lãm này đều được gạn lọc, hạn chế tối đa từ đường nét, màu sắc đến đề tài; cũng như không để mình bị cuốn vào những lãnh địa mới, lạ mà hầu hết họa sĩ đều mong thử nghiệm, khai phá.

Cũng có nghĩa tôi dùng một bút pháp rất chân phương, mộc mạc để chuyển tải những giáo lý cơ bản nhất của Phật giáo với mong ước ai cũng có thể tiếp cận và hiểu dễ dàng.

BÁT NHÃ TÂM KINH
Oil on canvas - 45” x 65”



Bằng khả năng khả hữu, người vẽ đã cố gắng hiển thị BNTK qua ngôn ngữ hội họa.

Ngoài cây Bồ đề, Vô ưu cũng là loại cây rất được tôn quý trong Phật giáo. Cây Vô ưu nở hoa quanh năm, đặc biệt từ tháng 2 đến tháng 5, cũng là mùa Phật đản, màu hoa rất rực rỡ. Hoa Vô ưu màu cam đỏ, hương thơm dịu, nở thành từng chùm. Theo kinh điển, hoàng hậu Mahamaya khi mang thai, năm 564 TCN, đã rời hoàng cung về quê sinh nở như tập tục của quê hương bà thời bấy giờ. Trong lúc ghé vườn Lâm Tỳ Ni bà chuyển bụng, đoàn tùy tùng vây lều dưới gốc cây vô ưu. Bà đã hạ sinh thái tử Tất Đạt Đa, tay vịn cành Vô ưu. Khi trưởng thành, nhìn thấy con người mãi trầm luân trong vòng sinh lão bệnh tử, ngài muốn tìm đường giải thoát cho tất cả, nên quyết định lìa xa vợ con, cung vàng điện ngọc, ra đi tầm chân lý. Trải qua bảy năm với nhiều biến cố, có khi rất nghiệt ngã, cuối cùng ngài chứng ngộ, dưới cội Bồ đề.

Bát nhã ba la mật đa tâm kinh, thường gọi tắt Bát Nhã tâm kinh là kinh ngắn nhất, gồm 260 chữ, của Phật giáo Đại thừa và Thiền tông được hầu hết Phật tử các quốc gia như Việt Nam, Trung Hoa, Triều Tiên, Tây Tạng, Nhật... đọc, tụng hàng ngày. Kinh này ra đời khoảng 100 năm TCN. Bản phổ biến nhất tại VN là của sư Trần Huyền Trang (Tam Tạng) dịch ra tiếng Trung Hoa từ Phạn ngữ sau khi đi thỉnh kinh về vào năm 649. Tuy ngắn nhưng Bát nhã tâm kinh lại rất thâm diệu, uyên áo, thấu tóm toàn bộ triết luận Phật giáo. Người ta thường ví bài kinh này như con thuyền - thuyền Bát nhã - đưa người vượt biển khổ đến bờ Giác ngộ.

Dưới đây là bản dịch sang Việt ngữ của bài kinh đề người

xem có thể hiểu khái quát nội dung:

Bát nhã ba la mật đa tâm kinh

Bồ tát Quán tự tại khi hành Bát nhã ba la mật đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Xá Lợi Tử! Tướng không các pháp đây, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt. Cho nên, trong không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới, cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không vô minh hết; cho đến không già chết cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc.

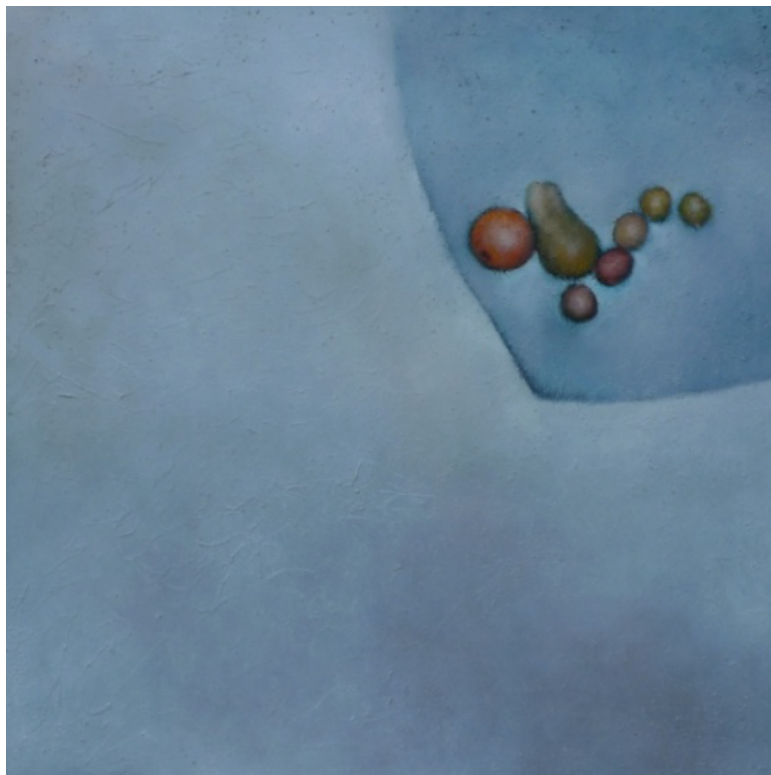
Bởi không sở đắc, Bồ tát nương Bát nhã ba la mật đa, nên tâm không mắc ngại; vì không mắc ngại nên không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rốt ráo niết bàn. Chư Phật ba đời nương Bát nhã ba la mật đa nên chứng a nậu đa tam miệu tam bồ đề.

Nên biết Bát nhã ba la mật đa là chủ thân lớn, là chủ minh lớn, là chủ vô thượng, là chủ không gì sánh bằng, trừ hết mọi khổ ách, chắc thật không dối.

Nên nói chủ Bát nhã ba la mật đa, nên nói chủ rằng: Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

(Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, hoàn toàn vượt qua, tuệ giác thành tựu)

TĨNH VẬT (7 trái)
Oil on canvas - 36" x 36"



Để vẽ, các họa sĩ thường chọn cho mình một phong cách. Khi máy chụp hình chưa ra đời, họa sĩ cố gắng “gò” làm sao những thứ muốn vẽ càng giống thật chừng nào tốt chừng ấy. Nhiều người đã có dịp ngắm những chùm nho mọng nước phủ bụi phấn “thật” đến độ...muốn “nhón” một quả bỏ vào mồm! Máy chụp hình xuất hiện, ghi lại mọi thứ muốn ghi, họa sĩ không cần làm công việc ấy nữa, những phong cách, trường phái hiện đại lần lượt khai sinh. Biểu hiện, dã thú, ấn

tượng, lập thể, trừu tượng...

Nhưng dù chọn phong cách nào, một bức tranh tĩnh vật chỉ thành công khi họa sĩ thổi được hồn vào những đồ vật, hoa trái vô tri.

Và tất nhiên phải đẹp.

Màu sắc, bố cục là hai trong nhiều yếu tố tạo nên linh hồn và vẻ đẹp cho một bức tranh tĩnh vật.

NHẤT CHI MAI
Oil on canvas - 36" x 60"



Thiền sư Mãn Giác (1052-1096), thời Lý, trước khi viên tịch đã để lại duy nhất một bài thơ Xuân, còn được xem như một bài kệ, bàn bạc triết luận Thiền. Bài thơ này từng được rất nhiều người dịch ra Việt ngữ, trong số đó bản dịch của cụ Ngô Tất Tố có thể xem là tiêu biểu nhất:

Cáo tật thị chúng

<i>Xuân khứ bách hoa lạc</i>	Xuân đi trăm hoa rụng
<i>Xuân đáo bách hoa khai</i>	Xuân đến trăm hoa cười
<i>Sự trục nhãn tiền quá</i>	Trước mắt việc đi mãi
<i>Lão tòng đầu thượng lai</i>	Trên đầu già đến rồi
<i>Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận</i>	Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
<i>Đình tiền tạc dạ nhất chi mai</i>	Đêm qua sân trước một cành mai

VÔ THƯỜNG
Oil on canvas - 30" x 40"



*Hoa nở để mà tàn
Trăng tròn để mà khuyết
(Xuân Diệu)*

Không có gì tồn tại vĩnh viễn. Vạn Lý Trường Thành, các Kim Tự Tháp...trải qua nhiều nghìn năm vẫn “trơ gan cùng tuế nguyệt”, nhưng ai dám quả quyết năm mươi nghìn năm nữa, tất cả sẽ vẫn còn đó?

Người ta từng tìm thấy những loài cá hóa thạch trên các rặng núi cao. Cũng có nghĩa vào thời kỳ nào đó địa hình này nằm sâu dưới đáy biển. Chỉ một cái cựa mình của trái đất, biển kia hóa thành núi non.

Nghìn năm, vạn năm nếu so với đời người, quả thực quá dài, song nếu so với 4.5 tỷ năm tuổi trái đất (theo phỏng định của các nhà nghiên cứu), có lẽ còn ngắn hơn chớp mắt. 4, 5 tỷ năm! Bao nhiêu nền văn minh đã hình thành, tồn tại và triệt tiêu?

Dùng thời gian làm thước đo, tất cả nào khác gì bong bóng xà phòng.

KHỔ HẢI

Oli on canvas - 36" X 36"

Khổ hải mang mang
(Biển khổ mệnh mông)



Con người có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Từ sáu căn này nảy sinh thất tình lục đại phiền não.

Thất tình: mừng (hỉ), giận (nộ), yêu (ái), ghét (ố), buồn (ai), thèm (dục), sợ (lạc).

Lục đại phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác, kiến.

Đó là khởi nguồn của mọi khổ đau con người phải gánh chịu suốt cuộc đời, từ lúc lọt lòng mẹ đến hơi thở cuối cùng, trước khi về với cát bụi.

Những khổ đau này hiển thị dưới mọi dạng thức, nhiều và mệnh mông như biển. Chồng chéo, đan xen rối rắm như cuồng chỉ rối, như mớ bòng bong, nhận chìm số phận mỗi con người trong biển trầm luân trùng trùng sóng dữ.

THỊ NGẠN
Oil on canvas - 36" X 36"
Hồi đầu thị ngạn
(Quay đầu thấy bờ)



Phật đưa tay hỏi ngài A-nan: “Ông thấy gì không?” Ngài A-nan thưa: “Dạ thấy.” Phật bỏ tay xuống, hỏi: “Thấy không?” Ngài A-nan thưa: “Dạ không thấy.” Ngay đó Phật liền quở: “Ông đã quên mình theo vật” (Kinh Lăng Nghiêm).

Phật tính ẩn tàng trong mỗi chủng tử, Phật tính là “mình”, tồn tại miên viễn, không bao giờ mất.

Thất tình lục dục nhận chìm con người trong biển khổ. Thất tình lục dục là “vật”, những thứ rồi sẽ bị thời gian và

cái chết hủy diệt. Nói cách khác, mọi vật đều vô thường, hư huyền, không thực.

Vì mê lầm con người đã bỏ cái thực bám theo cái giả. Chỉ một động thái “quay đầu” con người thấy ngay bờ giác. Nhưng động thái tưởng chừng quá đổi dễ dàng này đã bao nhiêu người làm được, từ ngàn xưa đến bây giờ, và ngàn sau?

TĨNH VẬT (8 trái)
Oil on canvas - 30" x 40"



Để vẽ tĩnh vật, họa sĩ thường chọn hướng nhìn thẳng góc với những vật mẫu, hoặc nghiêng qua trái, phải; và đường chân trời thường thấp hay cao hơn chút đỉnh. Với hướng nhìn ấy, cộng với nguồn sáng, họa sĩ dễ dàng tạo được chiều sâu cho những vật mẫu khi thể hiện chúng trên khung bố.

Chọn hướng nhìn từ trên xuống là một việc làm... kém thông minh. Nhưng sự nghịch lý không chừng sẽ đem đến cho người xem một vài phút hài lòng.

Một vài phút hài lòng của người xem sẽ có tác dụng khích lệ rất lớn đối với tác giả.

TUỆ MAI
Oil on canvas - 48" X 48"



Một cảnh mai trắng nở

Run bên bờ tử sinh

Một cảnh mai trắng nở

Khai mở nghìn tạng kinh

(Trong Đoàn Thị Khánh Trường, Sóng Mới, California. 1987)

42 năm trước, một lần hành quân vùng Khe Sanh.

Sáng tinh mơ, khi leo lên một ngọn đồi giữa trùng điệp

núi rừng phủ mờ sương đục, người lính nhảy dù trẻ chột sững người, trước mắt, vươn ra từ vách đá cheo leo, một cành mai - duy nhất một cành - với những chùm bông hoa nuốt nà, trắng muốt run trong gió.

Một cành mai giữa chôn này đã lạ. Lại là mai trắng, càng lạ hơn.

Trung bình trên dưới 60kg gồm 450 viên đạn M16 cùng súng, một ống phóng M72, 6 trái lựu đạn MK3, 2 trái súng, 2 trái lân tinh, 2 trái khói màu, một quả mìn claymore, tất cả được đeo dắt quanh người; và cái ba lô trên vai với quần áo, mùng mền, võng, xà phòng, kem đánh răng, nồi niêu, 3 ngày lương tươi, một suất lương khô cùng muối mắm hành tiêu ớt bột ngọt (đã được sấy khô)... linh kinh... Nói tóm, đó là hành trang một tên lính tác chiến buộc phải trang bị khi ra chiến trường đánh đấm... giết người (hoặc bị người giết) bồng hình như nhẹ hẫng, và mọi mệt nhọc cũng dần rút đi. Tên lính trẻ thấy tâm hồn lâng lâng. Cành mai trắng như thần được phục hồi sinh lực.

Ngót nửa thế kỷ trôi qua, người lính trẻ xưa kia đã già, tóc xanh giờ còi cọc. Một kiếp người sắp chung cuộc, nhưng lạ quá, ấn tượng cành mai trắng giữa núi rừng lạnh lẽo năm xưa vẫn hiện về mỗi lần bước vào một chánh điện ngan ngát khói hương hay giáo đường với hình tượng Chúa trên thập giá, hoặc vắng nghe đâu đó tiếng chuông mõ, tiếng tụng niệm, kinh cầu âm vang, khuất chìm.

TỊCH LẶNG
Oil on canvas - 36" x 60"



*Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi dò*
(“Sông lấp,” Tú Xương - 1870 - 1907)

Như hoa, sớm nở tối tàn. Lâu hơn: kiếp người, 70, 90 năm. Lâu hơn nữa: có thể hàng triệu, thậm chí hàng tỉ năm, như núi non, sông biển... Tất thảy không nằm ngoài quy luật vô thường, có sinh phải có hủy.

Bạc giác ngộ hẳn nhiên không lạ với điều đó, họ còn hiểu thêm, trong giới hạn khả hữu của lẽ vô thường, tịch lặng là cội nguồn an lạc. Giữ cho tâm đừng xao động. Không hướng ngoại, không bị thất tình mê hoặc, tất không bao giờ rơi vào

phiền não, sân hận.

Như núi non, sông hồ, triệu năm trước triệu năm sau vẫn thế, vẫn mãi đẹp một cách uy nghi, hùng vĩ, và an nhiên, tịch lặng.

Vẻ đẹp của bậc giác ngộ.

VÀNG TRẮNG TẬT NGUYỄN
Oil on canvas - 30" x 40"



Những cơn cát chập chùng tắm đắm sương đêm, ánh sáng lung linh của màu trắng huyền ảo. Đất trời lồng lộng, tiếng sóng vỗ bờ âm vang... Gần nửa thế kỷ trôi qua, ấn tượng những mùa trăng xưa vẫn thường xuyên hiện về.

Một điều lạ: lần nào cổ nguyệt trong trí nhớ cũng không tròn, chẳng khuyết, mà chùng như bị “vạt” đi một phần. Vàng trắng tật Nguyễn! Ấn tượng ấy trở thành ám ảnh khôn nguôi.

Mọi ước mơ đều như trăng 16, tròn đầy, sáng, đẹp, viên mãn.

Nhưng đạo Phật thường ví đời như bể khô, Sinh làm người, mấy ai vượt qua khổ hải này, dù vô số người đã đạt

đến đỉnh cao của danh vọng và quyền lực. Ước mơ vốn vô cùng, không bao giờ có điểm dừng. Khô!

Vàng trắng tật nguyên thường ám ảnh phải chăng là hình tượng cụ thể của những ước mơ không thành?

TUÔNG ẢO HÓA
Oil on canvas - 36" x 49"



Các tu sĩ Tây Tạng dùng phẩm (chế từ thảo mộc) nhuộm gạo thành nhiều màu, sau đó họ kỳ công trong nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng, sắp xếp những hạt gạo màu thành mọi đường nét, hình thể vô cùng phức tạp trong một vòng tròn to rộng trên sàn tu viện. Khi tác phẩm rất vĩ đại và rất đẹp như tranh trù tượng này hoàn tất, họ nghiêm trang hành lễ để... xóa đi!

Tác phẩm kỳ công ấy được gọi là Mạn đà la, biểu trưng cho mọi hình thái vật chất của thế gian. Việc xóa bỏ Mạn đà la biểu trưng cho định luật vô thường, tất cả đã hoặc sẽ bị con người, thiên tai, thời gian hủy hoại, tuyệt đối không có gì tồn tại vĩnh viễn.

Tùng sống ở một tỉnh duyên hải, mỗi sáng thức dậy nhìn qua cửa sổ, tác giả luôn kinh ngạc thấy đồi cát hôm qua khác hẳn sáng nay. Đêm, gió đã di dời hàng tỉ tỉ những hạt cát cũ, sắp xếp, tạo dựng lại một cảnh quang hoàn toàn mới. Hình ảnh hùng hồn, cụ thể nhất minh chứng cho định luật vô thường.

Nghi lễ xoá bỏ Mạn đà la rất ấn tượng của Phật giáo Tây Tạng trở nên dễ hiểu với những ai từng nhìn thấy sự đổi thay của đồi cát sau một đêm.

TĨNH VẬT (9 trái)
Oil on canvas - 30" x 30"



Tác giả thường chọn những vật mẫu tầm thường, dễ vẽ, đơn điệu cho đề tài tĩnh vật: Những trái cam, trái chanh, củ khoai tây...

Vì tầm thường, dễ vẽ nên cũng dễ làm người xem bức mình, nghĩ: có lẽ do kém tài và lười, tác giả đã chọn cho mình những vật mẫu “ai cũng có thể vẽ được”. Vẽ như thế khác gì xem thường khách thưởng ngoạn!

Và vì đơn điệu nên tất nhiên dễ gây nhàm chán, phản cảm.

Tại sao tác giả tự du mình vào thế bất lợi như vậy?

Hầu hết chúng ta đều có thể xóc và chơi được ít nhất một môn bài. Song với những ảo thuật gia, các lá bài tầm thường

bổng trở nên thiên biến vạn hóa. Đó là kết quả của một quá trình nghiên cứu và tập luyện. Giống các ảo thuật gia với những lá bài, mọi vật mẫu sẽ chỉ là “cái có” góp phần giúp cho một bức tranh tĩnh vật thành công, nếu tác giả thổi được hồn vào tác phẩm. Để làm được điều này tác giả phải không ngừng động não, hầu tìm ra những mới, lạ, từ phong cách, màu sắc đến đường nét, bố cục...

Thảo nguyên nghệ thuật rộng mênh mông, tự làm khó mình bằng cách chọn sự tầm thường, đơn điệu để tìm cách thổi hồn vào chúng cũng có nghĩa tác giả không ngừng thách đố với chính mình, những mong sẽ có cơ hội làm được một lá cỏ trong bao la thảo nguyên nghệ thuật.

TĨNH VẬT (2 trái)
Oil on canvas - 30" x 40"



Hầu hết họa sĩ mọi thời đại, mọi trường phái, mọi phong cách đều vẽ tĩnh vật, ít nhất vài lần trong đời.

Tranh tĩnh vật dễ vẽ, khó đẹp. Đẹp, hiểu theo nghĩa nghệ thuật.

Nổi tiếng, được khá nhiều người biết là bức “Đôi giày rách” của Van Gogh. Hẳn nhiên trước và sau Van Gogh không ít họa sĩ đã và sẽ vẽ về đề tài này, nhưng để đạt được đỉnh cao nghệ thuật như bức tranh kia có lẽ rất hiếm.

Cái “đẹp” của tranh tĩnh vật không đến từ các vật mẫu. Mọi họa sĩ có tay nghề đều biết sắp đặt và vẽ các vật mẫu theo đúng luật viễn cận, luật tương phản hay hòa hợp về màu sắc, hình thể... Hoặc hiện đại hơn, những qui luật trên sẽ bị phá vỡ, cách tân, vo

tròn, bóp méo. Nhưng dù vẽ thế nào thì bức tranh ấy khi hoàn tất nếu “đẹp” cũng chỉ được đánh giá theo tiêu chuẩn thuần túy kỹ thuật. Cái “đẹp” của nghệ thuật nằm ở điểm mốc cao hơn nhiều. Qua đôi giày rách, bằng những đường cọ quằn quại, người thưởng ngoạn cảm được những khổ đau Van Gogh đã trải. Đó là cái “đẹp” của nghệ thuật. Tiếng nói vô ngôn. Đó cũng là đích đến mọi họa sĩ đều mong với tới. Người vẽ dĩ nhiên không ngoại lệ.

Nhưng nếu không với tới được. Giản dị: “Lực bất tòng tâm”!!!

HUYỀN NHIỆM
Oil on canvas - 36" x 49"



Ánh trăng loáng bạc phủ trùm mặt sông. Gió đứng. Cảnh vật chìm trong một bầu khí nửa hư nửa thực. Không gian im vắng lạ thường.

Đó là ấn tượng thuở ấu thơ đã rơi vào tiềm thức, bất chợt, do tác động nào đó, bỗng trỗi lên trong những giấc mơ. Chắc hẳn ấn tượng ấy phải mạnh lắm, đã rất nhiều lần người vẽ cố truy tìm câu trả lời nhưng rốt cục vẫn mù mịt.

Duy sự choáng ngợp bởi cảm thấy mình thật vô nghĩa trước thiên nhiên lồng lộng vẫn mãi tồn tại suốt giấc mơ và ngay cả sau đó, khi giấc mơ đã qua đi.

Phải chăng sự huyền nhiệm của thiên nhiên tạo ra ấn tượng?

CHẬP TRƯỚC
Oil on canvas - 24" x 36"



Trên đường du hành hai thiền sư gặp một thiếu nữ đang lúng túng trước một vũng lầy chắn lối. ”Đi nào, cô bé.” Thiền sư A vừa nói vừa nhanh nhẹn bế thiếu nữ lội qua vũng lầy. Sau đó hai người tiếp tục cuộc du hành.

Đêm xuống, khi đã tìm được chỗ tạm trú qua đêm, thiền sư B không nhịn được: “Này huynh, chúng ta là người tu hành, phải giữ nghiêm giới luật, sao ban sáng huynh lại làm thế?”. “Làm gì?”. “Thì huynh đã bế thiếu nữ...”. Thiền sư A nhìn thiền sư B vẻ kinh ngạc: “Tôi đã bỏ cô bé xuống khi vừa lội qua vũng lầy, huynh vẫn còn cồng đến đây sao?”

(Trong Góp Nhặt Cát Đá, tập truyện do

Thiền sư Muju (Vô Trú) kể, người vẽ ghi lại theo trí nhớ.)

Tế Công Hòa thượng, một Bồ tát cứu nhân độ thế trong truyền thuyết Trung Hoa được tiêu biểu hóa qua hình hài một ông sư hành khất, quần áo vá chùng vá đụp...

Hình tượng ấy cốt nhắc nhở chúng ta rằng Phật tại tâm, đừng đánh giá phẩm cách một con người qua hành vi, cử chỉ, nhân dạng bên ngoài.

Chấp trước như đám mây đen che kín vàng trắng sáng tuệ tâm. Qui y tam bảo, tụng kinh niệm Phật, ăn chay, nhưng tâm u tối, vọng động, đầy sân hận, tham dục... hẩn cảnh giới giải thoát sẽ chỉ là đích đến ngoài tầm với.

SỨC MẠNH CỦA IM LẶNG

Oil on canvas - 24” x 36”



Một hôm có người đàn bà đến chùa trao cho sư trụ trì một đứa bé mới sinh: “Con của thầy đây, trả cho thầy.”. Người đàn bà nói. “Thế à.” Vị sư vừa nhỏ nhẹ trả lời vừa đưa 2 tay nhận đứa bé. Thời gian sau, người đàn bà lại xuất hiện, lúc này đứa bé đã chập chững biết đi. “Xin thầy tha thứ, trước kia con mang bầu với một tên sở Khanh. Khi biết con có thai, nó trốn biệt. Vì sợ làng nước hạch tội, con đã đổ vấy cho thầy. Nay hối hận, đến xin lại đứa con.” “Thế à.” Vị sư lại bình thản đáp, rồi trao trả đứa bé cho người đàn bà.

(Trong Góp nhặt cát đá, Tuyển tập chuyện Thiền, một số của Thiền sư Maju (Vô Trú), Thế kỷ 13 sưu tập và một số khác rải rác khắp nơi, thế kỷ 20. Người vẽ ghi lại theo trí nhớ.)

Ở VN cũng có chuyện Quan âm Thị Kính, gần giống.

Im lặng ẩn chứa sự nhẫn nhục, chịu đựng, vị tha, độ

lượng. Phải can trường và từ tâm lắm mới đủ sức im lặng trước mọi hàm oan.

Im lặng để huân tập, triệt tiêu ngã chấp, dẫn đến giác ngộ.

Im lặng uy nghi, vững chãi, vô nhiễm như đá.

HÀNH TRÌNH GIÁC NGỘ

Oil on canvas - 40" x 60"



Thập Mục Nguư Đồ, mười bức tranh Chăn Trâu rất phổ biến trong Thiền Tông, được xem là của Thiền sư Khuếch Am Sư Viễn (? - 1150), và được lưu lại qua bản sao của họa sĩ Châu Văn (? - 1460), người Nhật.

Mười bức tranh này tương ứng với quá trình hành đạo của một người phát nguyện đạt Giác Ngộ, và có thể xem là biểu hiện cô đọng nhất, trình bày tinh hoa của Phật Giáo Đại thừa.

Bằng ngôn ngữ hội họa hiện đại, khởi từ Thập mục Nguư Đồ, Hành trình giác ngộ được khai sinh.



1 - Tìm trâu
In Search of the Bull



2 - Theo dấu
Following of the Footprint



3 - Thấy trâu
Perceiving the Bull



4 - Bắt trâu
Catching the Bull



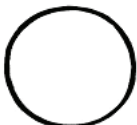
5 - Chăn trâu
Taming the Bull



6 - Cưỡi trâu về nhà
Riding the Bull Home



7 - Quên trâu chỉ người
The Bull Forgotten,
Person Remains



8 - Người trâu đều quên
Person
and Bull Both Forgotten



9 - Trễ quên quên
Refusing
to be Forgotten



10 - Trễ quên quên
Refusing the Memory
With Arms Hanging Loose

TÌNH VẬT 2 MẢNH
Oil on canvas - 20" x 32"



Họa sĩ thường vẽ tranh ghép bằng cách dùng những khung bố nhỏ ghép thành diện tích lớn, rồi vẽ lên diện tích ấy một chủ đề nào đó. Nhược điểm của những bức tranh này là họa sĩ thường chỉ chú tâm đến tổng thể, mà quên đi bố cục, màu sắc...của từng mảnh ghép.

Nếu đã vậy, sao không chọn một khung bố lớn, phù hợp với yêu cầu.

Cho nên theo tác giả, bằng tư duy, tài năng, họa sĩ phải động não để mỗi mảnh ghép sẽ mang đủ tổ chất một bức tranh. Chúng có thể đứng độc lập một mình với sự hoàn chỉnh từ màu sắc, bố cục, đường nét, phong cách, thậm chí cả đề tài. Người ta có thể treo riêng từng bức tranh nhỏ ấy, nếu muốn. Nhưng khi ghép lại thì mỗi mảnh lại là một phần quan trọng không thể thiếu của bức tranh lớn, góp phần làm nên sự hài hòa, chặt chẽ về mọi mặt cho tổng thể.

Vẫn theo tác giả, vẽ được một bức tranh ghép đạt tiêu chuẩn, không dễ.

TRĂNG RẼM
Oil on canvas - 24" x 36"



*Em mười sáu tuổi trăng mười sáu
Mười sáu trăng tròn em biết không?*

Trần Dạ Từ

Với phái nữ, tuổi mười sáu là tuổi đẹp nhất, ấm áp sinh lực, phơi phới thanh xuân.

Rất hữu lý khi thi sĩ ví tuổi mười sáu là tuổi tròn trăng.

Cũng rất hữu lý khi người ta xem mặt trời như biểu tượng của chân lý. Tuy nhiên biểu tượng này thường mạnh mẽ, quyết liệt. Rất đời.

Trong đạo học, sự mềm mại, trong sáng, tĩnh lặng của mặt trăng sẽ gần gũi hơn với tinh thần của đức lý. Nhất là Thiền học.

LỆ TRĂNG
Oil on canvas - 24" x 36"

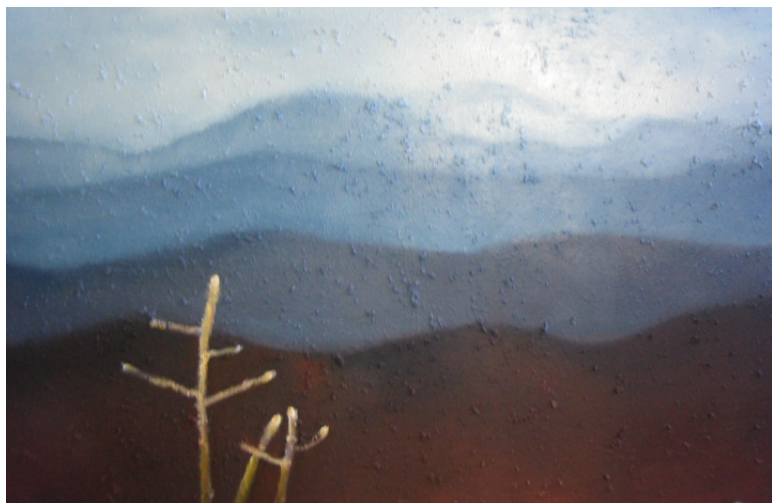


Trăng, biểu thị cho chân lý vẹn toàn, sáng, trong, vô nhiễm, an nhiên, tự tại.

Nhưng cuộc đời vốn đa đoan với những tham, sân, si, hi nộ, ái, ó. Đó là nguyên nhân dẫn đến khổ đau. Những cuộc chiến tranh tàn khốc, nhân danh mọi lý tưởng cao đẹp, thực chất chỉ nhằm mục đích chiếm hữu tài nguyên, bành trướng đất đai, toàn trị chủ nghĩa và áp đặt tôn giáo. Những tham vọng được nguy trang bằng vỏ bọc của mỹ từ ấy đã từng đẩy loài người đến thảm cảnh núi xương sông máu, hàng triệu sinh linh rơi vào đọa đày, chết tróc.

Hãy hình dung mặt trăng như một vật thể có linh hồn, thì biểu thị của chân lý này tất phải không ít lần nhỏ lệ vì tội lỗi con người đã gây ra.

CHẠP CHÙNG BÓNG NÚI
Oil on canvas - 24" x 36"



Thời thanh xuân người vẽ thường giang hồ khắp nơi, từ miền Trung nắng cháy mưa dầm, miền Bắc và cao nguyên ẩm ướt giá lạnh tiết đông đến miền Nam chằng chịt sông rạch. Ra khỏi nước, máu giang hồ chưa cạn. Lại lên đường. Những địa hình mới, những cảnh thổ lạ, những nơi chốn trước đó chỉ biết lờ mờ qua sách vở. Cảnh đẹp, người hay. Mỗi nơi một trải nghiệm mới mẻ và cuốn hút.

Một lần, không còn nhớ chính xác địa danh và thời điểm, người vẽ thức giấc khi bình minh vừa lên. Ra khỏi giường, vén màn cửa sổ. Ánh sáng nhá nhem cùng hơi lạnh ulla vào. Người vẽ chột sùng sốt. Ngoài kia, phía dưới (khách sạn tọa lạc trên đỉnh đồi cao), những dãy núi chập chùng trải dài ngút mắt. Sương mù chưa tan hẳn, cảnh vật lung linh như trong mơ.

Thiên nhiên thế đấy, mãi mãi bao la, hùng vĩ và huyền nhiệm.

SẮC, KHÔNG
Oil on canvas - 30" x 44"



Đúng chu kỳ, trăng sẽ tròn, sẽ già, sẽ non và cuối cùng sẽ chìm vào đêm tối. Nhưng trăng sẽ lại tái hiện, trở về quy trình cũ, non, già, viên mãn... Vòng quay bất biến, từ vô thủy đến vô chung. Ngày nay, bất cứ người nào có kiến thức tối thiểu, cũng đều hiểu nhãn giới của chúng ta bị trái đất che khuất một phần, một nửa, già nửa... tạo ra hiện tượng trăng già, trăng non khi mắt chúng ta nhìn trăng vào những giai đoạn khác nhau... Tối như đêm 30, hàm ý thời điểm này không có trăng. Thực sự, trăng vẫn có đó, bất biến, luôn tròn đầy, viên mãn. Hiểu cách khác, trong cái “không” (tối, không trăng) đã hàm chứa cái “có” (sáng, trăng rằm). Và ngược lại.

Cái biết, bằng mắt, thường đánh lừa chúng ta, do bị che chắn, do khúc xạ, nhiễu xạ bởi nhiều nguyên nhân.

Nói cách khác, giữa cái biết bằng nhãn quan và thực tướng thường khi là một đại dương mênh mông dị biệt.

Hiếu được điều này là phần nào hiểu được 2 chữ sắc, không trong kinh Bát Nhã.

TRĂNG NGOÀI KHE NÚI
Oil on canvas - 24" x 30"



Trên những chiếc xe đạp, bọn chúng tôi gồm 8 thiếu niên cùng trang lứa khởi hành đến một địa danh chỉ cách thị xã 15 km, được xem là vùng bán sơn địa, với những ngọn đồi cây xanh rợp bóng, những hẻm núi vách đá dựng cao vút, con sông uốn lượn ven theo những địa hình nhấp nhô cỏ lau hoang dại. Tuy đang trong giai đoạn quyết liệt của cuộc chiến Bắc Nam song vùng này vẫn là một trong vài nơi “thanh bình” của miền Nam. Vì vậy những buổi dã ngoại thường được bọn thiếu niên chúng tôi tổ chức.

Đêm, sau một ngày vượt suối băng rừng, cả nhóm quyết định dựng trại trong một hẻm núi, khuất gió. Gã thiếu niên là tôi của góc nửa thế kỷ trước vừa ngã lưng xuống tấm bạt, đã

ngủ ngay, như chết. Nửa khuya thức giấc nhìn ra ngoài. Qua khe núi, tôi bàng hoàng nhìn thấy mặt trăng tròn sáng rực treo lơ lửng giữa một bầu trời trong vắt không gợn mây.

Từ ngày ấy đến nay, gần 50 năm, rất nhiều lần tôi tái ngộ với trăng, nhưng không bao giờ nữa tôi có được cảm giác choáng ngợp, như đã.

DEEPA BHARATH

(For THE REGISTER Jan 26, 2-12)

His need to paint is stronger than any stroke

Only his hands move.

As Khanh Truong Nguyen sits in his garage, his wheelchair parked in front of a square piece of canvas, the artist paints in brisk, bold strokes. But as Nguyen paints his body remains utterly still except for his hands; first his right then, as he tires, his left.

His concentration is absolute. He stares at his work, not glancing away even as he dips the brush into his palette.

After about 10 minutes he is done. What was once only a hint of a grin blossoms into a radiant smile, which remains for several minutes.

“Nothing makes me happier than to finish a painting,”

Nguyen says. “It’s the feeling I most cherish in this world.”

Nguyen knows what it’s like to be deprived of that feeling. Five years ago he could not hold a paint brush in his hand. Between 2001 and 2005, he suffered three strokes, limiting his mobility. He also has suffered kidney failure and was diagnosed with cancer of the vocal cords.

For Nguyen, living - let alone painting - seemed like a distant dream.

Nguyen was born in 1948 in Quang Nam, Vietnam. As a boy, he drew caricatures and sketches, and at 16 he started painting.

“I (am) completely self-taught,” he says. “Never took one art class in my life.”

Despite his strong anti-war sentiments he was, at 18, forced to join the South Vietnamese army. He was a paratrooper, and he stayed in the army for seven years.

Nguyen doesn’t like to talk about his time in the war, except to describe what he describes as a spiritual experience he had 40 years ago during a military operation in Khe Sanh.

Nguyen, then in his early 20s, was hiking at dawn in Vietnam’s foggy, rugged mountains. He was lugging more than 100 pounds of equipment - an M16 rifle, 450 bullets, an M72 grenade launcher, a Claymore mine, six grenades, food, water, blankets and clothes - and he was tired.

Then he saw a branch of “mai” flowers creeping out of a crack in a mountain wall. The flowers dangled before his

weary eyes in a milky white cluster.

“The white ‘mai’ flower had a supernatural power,” he says.

The sight of those flowers gave Nguyen strength, he says. His gear felt light and the hardships faded from his mind.

It was, he says now, a miracle.

Forty years later the “mai” flowers still appear in his mind’s eye - when he goes into a Buddhist temple, a Christian church; or when he hears a gong, a bell or soothing chants.

In times of chaos and turbulence, the “mai” flowers were Nguyen’s solace - his happy place.

After leaving the army, Nguyen continued to paint. He worked for advertising agencies and magazines. In Saigon, in 1976 - a year after the communist government took over South Vietnam - he started his own art school.

But during the decade that followed, Nguyen felt his creativity being stifled by an oppressive regime. His work increasingly was perceived as anti-communist, and his security was threatened. In 1987 he faced a decision - flee by boat, as millions of other Vietnamese refugees had done, or get thrown in jail.

He paid for a spot in a little riverboat that was headed for Malaysia. Despite being robbed by pirates twice, Nguyen and 20 others made it to Malaysia. After spending about nine months in refugee camps in Malaysia and the Philippines, Nguyen came to California as a refugee.

Here, Nguyen says, his creativity soared. He married

Josephine Oanh Thach whom he had met and fallen in love with at a refugee camp in the Philippines and, in 1989, they had a baby girl.



The first stroke came in 2001, and it paralyzed the left side of Nguyen's body. The second stroke left him paralyzed from the neck down. The third put him in a coma for two months.

He was then diagnosed with cancer. His kidneys failed. Then radiation and chemotherapy left him with stomach ulcers. He was unable to eat or maintain his strength.

For five years, Nguyen fought to stay alive. He was unable to paint.

"But all I thought about was how much I wanted to paint,"

he says. “Even when I slept, I dreamed about painting.”

His vision was blurred. Nguyen, who was used to painting with his left hand, could not even hold a brush as it slipped through his trembling fingers.

Nguyen was in a nursing home when the Venerable Chan Dieu, a Buddhist nun from the Sung Nghiem Zen Center in Garden Grove came to see him. Recognizing Nguyen’s talent, she asked if he could design a brochure and CD for the temple when his health improved.

And that, Chan Dieu says, was the beginning of Nguyen’s relationship with the Zen temple.

Nguyen believes that the practice of Zen meditation, and finding what he terms his “Buddha nature”, or his true nature, has helped him regain some of his previous.

Nguyen first returned to painting by tying a brush to his fingers. His vision was blurry, and he couldn’t recognize the colors on the palette, but he could work from memory.

“That was when I realized that I could transcend my physical limitations and paint,” he says.

“I stopped thinking about it. I just did it.”

His wife, Thach, says Nguyen’s progress over the last three years has been “miraculous.”

She’s had a key role in his recovery. Thach helps Nguyen bathe, eat and dress. And she serves as an artistic assistant, prepping his canvases and mixing paints.

They even work as a team as he paints. When Nguyen’s art requires a large canvas, he paints the bottom first and, because he can’t stand up to reach the top of the painting, he

asks Thath to flip the canvas. Then he completes his work by painting upside down.

Nguyen also has become ambidextrous. He learned to paint with both hands so he doesn't get tired just using one.

In three years, he's gone from being unable to hold a brush steadily to being able to paint all day. He credits his connection with Zen meditation, and his work now has a Zen theme.

As if to make up for lost time Nguyen produced more than 30 paintings in the last six months. Most are on display at the Sung Nghiem Zen Center. The exhibit is titled "Crossing to the Other Shore."

Nguyen says he now paints with a "Zen mind."

"Everything, from the lines to colors, were so simple," he says. "I did not experiment or explore. I did what came naturally. It was uncomplicated."

Prominently displayed among those paintings is one striking piece. It is the image of a dark, rugged mountain with a single, delicate branch of dazzling white "mai" flowers dangling from its side.

Deepa Bharath

DEEPA BHARATH

(Nhật báo Register)

Kim Thi *chuyển ngữ*

Khát vọng sáng tạo mạnh hơn tai biến đột quỵ

Chỉ duy nhất bàn tay của anh ta chuyển động.

Khánh Trường Nguyễn ngồi trong garage, trên chiếc xe lăn, trước khung bố, Nguyễn vẽ nhanh, bằng những nét đậm. Chỉ bàn tay linh hoạt, riêng cơ thể vẫn hoàn toàn bất động.

Nguyễn tập trung tuyệt đối vào công việc, luôn hướng tia nhìn vào khung bố, không đảo mắt qua nơi khác, ngay cả lúc Nguyễn nhúng cọ sơn vào bảng màu của mình.

Sau khoảng 10 phút, bức tranh hoàn tất. Nguyễn cười rạng rỡ.

“Không có gì làm cho tôi hạnh phúc hơn khi hoàn thành một bức tranh”, Nguyễn nói. ”Đó cũng là cách biểu tỏ sự

yêu mến của tôi với thế giới này.”

Năm năm trước đây Nguyễn luôn có cảm giác tuyệt vọng vì không thể tiếp tục công việc của mình. Từ năm 2001 đến 2005 Nguyễn bị đột quỵ 3 lần, khiến tứ chi ảnh hưởng trầm trọng. Sau đó không lâu Nguyễn còn bị suy thận và ung thư thanh quản.

Một thời gian dài, đối với Nguyễn, sống cho đam mê của mình, hội họa, đã trở thành một giấc mơ .

Nguyễn sinh năm 1948 tại Quảng Nam, Việt Nam. Thời niên thiếu đã tập tành vẽ qua những phát thảo, năm 16 tuổi Nguyễn thực sự đi sâu vào hội họa. “Tôi tự học”, “không qua bất kỳ một lớp nghệ thuật nào trong suốt cuộc đời.”

Mặc dù là người có quan điểm chống chiến tranh mạnh mẽ, Nguyễn buộc phải tham gia quân đội miền Nam Việt Nam, trong binh chủng nhảy dù, vào năm 18 tuổi, và Nguyễn đã ở trong quân ngũ bảy năm. Năm 1973 Nguyễn giải ngũ vì bị thương ở mặt trận Hạ Lào.

Nguyễn không muốn nói về thời gian của mình trong chiến tranh. Tuy nhiên, qua lời giải thích một bức tranh trong loạt sáng tác này, Nguyễn có nhắc đến một kinh nghiệm tâm linh trong cuộc hành quân tại Khe Sanh 40 năm trước.

Lúc bảy giờ Nguyễn còn rất trẻ, chỉ khoảng 20 tuổi. Nguyễn nhớ lại, một buổi sáng, khi leo lên đỉnh một ngọn đồi cao, giữa trùng điệp núi non đậm đặc sương mù. Nguyễn rất mệt vì sức nặng của gần 60kg thiết bị quân sự linh kinh đeo dắt quanh người: một khẩu súng M16, 450 viên đạn, một ống phóng M72, một trái mìn Claymore, sáu lựu đạn...

Cùng vật dụng vệ sinh cá nhân, quần áo, mùng mền và lương thực, nước uống... Bất chợt Nguyễn nhìn thấy một nhánh mai trắng vươn ra từ vết nứt của vách đá.

Những bông hoa màu trắng sữa run run trước mắt như “có một sức mạnh siêu nhiên”, Nguyễn nói, khiến mọi mệt nhọc nhẹ dần đi. “Như phép lạ”.

Bốn mươi năm sau, cảnh mai trắng xưa kia vẫn luôn xuất hiện trong tâm hồn mỗi khi ông bước vào một ngôi đền Phật giáo, một nhà thờ Thiên chúa giáo, hoặc vắng nghe đâu đó tiếng tụng niệm hay tiếng chuông âm vang nhẹ nhàng.

Cảnh mai trắng mang đến cho Nguyễn niềm hạnh phúc, sự an ủi mỗi khi Nguyễn rơi vào bất ổn.

Sau khi rời quân ngũ, Nguyễn vẫn tiếp tục vẽ. Nguyễn làm việc cho các cơ sở quảng cáo và tạp chí. Tại Sài Gòn, vào năm 1976 - một năm sau khi chính phủ Cộng Sản làm chủ miền Nam Việt Nam - ông bắt đầu đi sâu vào hội họa. Nhưng trong suốt thập kỷ sau đó, Nguyễn cảm thấy sự sáng tạo của mình bị giới hạn. Công việc của Nguyễn ngày càng bị nhìn bằng thái độ thiếu thiện cảm của nhà cầm quyền, và an ninh bản thân cũng bị đe dọa. Năm 1987, Nguyễn quyết định vượt biên, như hàng triệu người Việt Nam khác đã làm.

Trên một con thuyền nhỏ mỏng manh vốn chỉ sử dụng trong các sông rạch, Nguyễn ném đời mình cho số phận. May mắn thay, dù bị cướp biển hai lần, Nguyễn và 20 người khác cuối cùng cũng đến được Malaysia. Sau chín tháng trong các trại tị nạn ở Malaysia và Philippine Nguyễn đến California với tư cách là người tị nạn.

Ở đây, Nguyễn nói, sáng tạo của ông thăng hoa. Cũng

thời gian này ông kết hôn với Josephine Oanh Thạch mà ông đã gặp và đem lòng yêu tại một trại tị nạn ở Philippines. Năm 1989, họ có với nhau một bé gái.



Con đột quỵ đầu tiên đến với Nguyễn vào năm 2001, khiến nửa phần bên trái của cơ thể tê liệt. Một năm sau cơn đột quỵ thứ hai ảnh hưởng toàn thân, từ cổ trở xuống. Hai năm sau nữa, cơn đột quỵ lần thứ 3 đưa Nguyễn vào tình trạng hôn mê suốt hai tháng.

Sức đề kháng của cơ thể suy yếu sau những cơn đột quỵ, do vậy, mầm ung thư (thanh quản) có lẽ đã tiềm ẩn trong người bột phát. Thận cũng suy trầm trọng. Nguyễn được chữa bằng xạ và hóa trị. Bệnh ung thư bị khống chế, nhưng tác dụng phụ của phương pháp xạ trị khiến dạ dày Nguyễn

viêm loét và xuất huyết. Nguyễn kiệt sức vì không thể ăn bằng miệng suốt nhiều tháng do ung thư làm cho thanh quản tổn thương. Người ta phải khoét một lỗ nhỏ ở bụng thông với bao tử để chuyển sữa dinh dưỡng vào qua một ống nhựa.

Năm năm qua, Nguyễn đã chiến đấu để sống còn. Nguyễn không thể vẽ. “Nhưng mọi suy nghĩ của tôi đều hướng về hội họa”, ông nói. “Ngay cả trong giấc ngủ, tôi cũng mơ về bức tranh.”

Hậu quả của đột quỵ làm mất Nguyễn mờ; chân yếu đi đứng không vững phải ngồi xe lăn; tay lóng cọng, vụng về, cọ sơn trượt qua những ngón tay run run khi Nguyễn cố cầm nắm.

Tình cờ ni sư Chân Diệu, một nữ tu sĩ Phật giáo từ Thiền viện Sùng Nghiêm, thuộc thành phố Garden Grove, đến thăm Nguyễn ở một nhà dưỡng bệnh. Nhận biết tài năng của Nguyễn qua báo chí và dư luận trước kia, sư cô đã nhờ Nguyễn trình bày một một tờ rơi và đĩa CD cho chùa khi sức khỏe của Nguyễn phần nào cải thiện.

Chân Diệu nói, “Đó là sự khởi đầu của mối quan hệ giữa Nguyễn với Thiền viện.”

Nguyễn khởi sự thực tập Thiền. Dần dần nhận ra thực tướng của mình, nói riêng, của tất cả mọi người, nói chung. Đó là “Phật tánh” luôn tiềm ẩn trong mỗi chúng sinh. Khám phá này giúp Nguyễn lấy lại niềm tin và nghị lực.

Nguyễn bắt đầu vẽ lại bằng cách buộc cọ sơn vào bàn tay. Thị lực quá kém, Nguyễn không thể nhận ra một cách chuẩn xác các màu sắc trên bảng màu, và nét vẽ vụng về, không còn linh hoạt như trước. Nhưng nhờ kinh nghiệm,

kiên nhẫn Nguyễn cũng vẽ được. “Tôi nhận ra rằng tôi có thể vượt qua giới hạn vật lý”, Nguyễn nói, bằng cách “không ngừng suy nghĩ về công việc của mình, và nỗ lực tối đa để biến nó thành hiện thực.”

Vợ ông, Oanh Thạch cho rằng, sự tiến bộ của Nguyễn trong ba năm qua được xem là “kỳ diệu”. Cô ấy giữ một vai trò quan trọng giúp Nguyễn phục hồi. Giúp Nguyễn tắm, ăn, mặc quần áo, lấy hẹn và đưa Nguyễn đến bệnh viện, gặp bác sĩ nhiều lần mỗi tháng. Cô còn phục vụ như là một trợ lý nghệ thuật, sơn lót mặt bố, mua sơn cọ, đóng khung khi tranh hoàn tất...

Họ thậm chí còn làm việc như một đội bóng khi Nguyễn vẽ. Lúc nhu cầu của bức tranh đòi hỏi một tấm bố lớn, Nguyễn bắt đầu vẽ phần dưới vì anh ta không thể đứng lên vẽ phần cao quá tầm với, Oanh Thạch giúp Nguyễn lật ngược tấm bố, để anh ta có thể vẽ ngược hầu hoàn tất bức tranh.

Nguyễn thuận cả tay trái. Anh ta đã học vẽ bằng cả hai tay, nhờ vậy Nguyễn vẽ bằng tay này khi tay kia mỏi.

Trong ba năm, Nguyễn không thể cầm cọ sơn đều đặn, vì chưa tìm ra phương hướng.

Nhưng từ lúc chứng ngộ sự màu nhiệm của Thiền, hoạt động nghệ thuật của Nguyễn hướng tất cả vào chủ đề Thiền.

Như để bù cho thời gian đã mất, Nguyễn sáng tác hơn 30 bức tranh trong sáu tháng qua. Những bức tranh này sẽ được trưng bày tại Thiền viện Sùng Nghiêm. Cuộc triển lãm mang tên Đáo Bĩ Ngạn. (Crossing to the other shore).

Nguyễn tâm sự, anh ta vẽ với một “tâm Thiền”.

“Tất cả mọi thứ, từ đường nét, màu sắc, chủ đề... đều đơn giản”, Nguyễn nói. “Tôi đã không để mình bị rơi vào những thử nghiệm hoặc khám phá mới mà hầu hết các họa sĩ đều muốn. Ngược lại, tôi cố tình sử dụng một bút pháp rất chân phương, mộc mạc, với hy vọng mọi người có thể tiếp cận một cách dễ dàng giáo lý cơ bản của Phật giáo.”

Hiện thị nổi bật trong số những bức tranh là hình ảnh của một ngọn núi gồ ghề tối, với một cảnh hoa mai duy nhất màu trắng vươn ra từ vách đá.

Deepa Bharath
(Kim Thi chuyển ngữ)

PHAN TẤN HẢI

Tranh Khánh Trường:

Nét Vẽ Chân Phương thiên ý

Sau nhiều năm lui về một nơi lặng lẽ, họa sĩ Khánh Trường đã xuất hiện trở lại. Lần này, anh triển lãm loạt tranh chủ đề Thiên - để nói chính xác, anh giải thích rằng loạt tranh này có chủ đề Qua Bờ Bên Kia (Đảo Bì Ngạn) - Crossing to the other shore.

Khánh Trường không phải là một cái tên xa lạ với giới văn nghệ. Anh là họa sĩ, là nhà văn, nhà thơ, người viết tùy bút, người chủ biên tạp chí Hợp Lưu... Khánh Trường không chỉ đa tài, nhưng cũng xuất hiện một cách đa dạng và phức tạp dưới mắt nhìn của giới văn nghệ, nơi anh đã từng vẽ nhiều bìa sách cho các nhà văn, nhà thơ.

Trong tận cùng, Khánh Trường là một nỗi đam mê sáng

tạo, một sức sống năng động đang hiển lộ ra với nhiều hóa thân trong hội họa, trong thi ca, trong truyện, trong nghề báo, và cả trong những đam mê ngoài đời. Như thế đó, Khánh Trường đã một thời hiện thân khắp mọi lĩnh vực văn nghệ, và rồi một thời lui về sống lặng lẽ từ nhiều năm nay vừa để dưỡng bệnh, vừa để chiêm nghiệm những nỗi đau sinh tử.

Để rồi vào ngày 30 Tết Nhâm Thìn 2012, Khánh Trường xuất hiện với loạt tranh Thiên, vừa thơ mộng, vừa kỳ bí.

Dưới mắt nhà thơ Du Tử Lê, qua bài “Khánh Trường, ám ảnh bất toàn trong văn chương và đời sống,” đã gọi anh là “hiện tượng phức tạp, mâu thuẫn, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt hải ngoại hơn một phần tư thế kỷ qua.”

Nơi đây, Khánh Trường đã rơi vào một định mệnh của sắc màu và chữ, theo Du Tử Lê, “Với tôi, sự rầy rụa của Khánh Trường từ hình tượng, màu sắc, tới chữ, nghĩa là hệ quả đương nhiên của chủ tâm đánh tháo khỏi vòng tay định mệnh. Đơn giản, ta có thể coi đó như nỗ lực tuyệt vọng trong kiếm tìm hoàn hảo họ Nguyễn.”

Tranh của Khánh Trường thời chưa quan tâm về Thiên là, theo phân tích của nhà thơ Du Tử Lê, “Những người theo dõi khít khao bước đường tạo hình của Nguyễn, sẽ không khỏi ngạc nhiên, khi thấy những tương phản, đối chọi gay gắt. Từ những bức sơn dầu khỏa thân mà hai màu chính được dùng ở thể gần như nguyên trạng là đỏ và xanh, Khánh Trường bước qua màu tối là sự trộn lẫn giữa hai màu nguyên thủy đen và trắng thể hiện hình ảnh những người đàn ông lẻ loi, cuối đường. Những thiếu nữ và trắng xám. Những mẹ, con

và biển tối...

Lại có thời gian người xem chỉ thấy trên canvas của Khánh Trường những hình khối, chơ vơ, lạc lõng. Như sự vỡ bùng của tâm thức bị quá tải số lượng thuốc nổ hư vô...”



Đó là thời của những thập niên trước. Bây giờ Khánh Trường đang xuất hiện với những tác phẩm hội họa về Thiên, về những đau khổ bên bờ này và về những phương trời giải thoát bên bờ bên kia. Đáo Bỉ Ngạn. Đúng vậy. Đó là chữ Khánh Trường đặt tên cho cuộc triển lãm sắp tổ chức ở Thiên Viện Sùng Nghiêm.

Với hơn 30 tấm tranh sơn dầu mang chủ đề Đáo Bỉ Ngạn (Crossing to the other shore), họa sĩ Khánh Trường đã bước vào một cõi tịch lặng của tâm thức, một hiện tượng

gây bất ngờ cho những người đã quen với cá tính rất nghệ sĩ và đời sống rất sôi nổi của Khánh Trường. Nhìn những nét sơn dầu trên vải bố, những bờ trắng, ngọn núi, lòng người xem hốt nhiên dịu lại... như dường Khánh Trường đã trở thành một người quen thuộc với nếp nhà Thiền. Nguyên ủy, theo lời Khánh Trường, người bị đột quỵ tới lần thứ ba trong mấy năm qua, và bác sĩ đã nói rằng thận đã hư rồi, chuẩn bị tháng sau là phải mỗi ngày mỗi lọc thận.

May mắn, cơ duyên là hai sư cô Thiền Viện Sùng Nghiêm - Ni Sư Chân Thiền và Ni Sư Chân Diệu - đã ghé nhà Khánh Trường thăm bệnh, và khuyên rằng ráng cầm cọ vẽ tiếp đi, vì vẽ cũng là Thiền, nếu mình chú tâm vào nét vẽ, đừng phân tâm.

Chị Oanh, vợ Khánh Trường, khi trả lời riêng cho phóng viên Việt Báo đã nói rằng, ngày đầu Khánh Trường vẽ lại, tay lóng cọng, chỉ cầm cọ được vài phút là rơi cọ.

Nhưng Khánh Trường vẫn kiên nhẫn, tuy ngày đầu chỉ vẽ 5 phút là bỏ cuộc. Sang hôm sau kéo dài thêm, và rồi tới vài tuần sau là ngồi vẽ suốt ngày không mệt. Tất cả tranh đợt này là tập trung vào chủ đề Thiền.

Chị Oanh kể, khi Khánh Trường không cầm cọ được, chị lấy băng keo dán cọ vào tay Khánh Trường để vẽ tiếp. Vẽ cũng là Thiền, và tập trung vẽ đợt này đã chữa bệnh phần nào, đã hồi sức cho người họa sĩ chỉ ngồi được xe lăn này.

Khánh Trường, vì không có thể phát âm rõ do ảnh hưởng stroke đã qua lá thư nhờ MC Bích Ty đọc, trình bày rằng anh cảm ơn quý ni Thiền Viện Sùng Nghiêm, quý thầy và quý quan khách tham dự, và nói tới 60% thành quả triển lãm là

nhờ vợ của anh, vì anh không đứng dậy nổi, không với cao được, và phải nhờ vợ mua sơn, mua vải, đóng khung, xoay, lật ngược các tấm tranh để vẽ ở những góc xa, hoặc cao quá tầm với, và vân vân...

Khánh Trường nói rằng anh không ngờ anh đã vẽ được như thế, vì lúc khởi sự vẽ thì mắt anh đã mờ, không nhìn rõ màu, không phân biệt được độ xa gần, nhưng, anh nói, “Thiền là một đánh thức tối thượng của bản thân, anh đã làm tận lực với tâm vô cầu, và đó là Thiền...”

Hòa thượng Thích Chơn Thành trong lời phát biểu đã gọi những quan khách xem tranh là Bồ Tát, và gọi họa sĩ Khánh Trường là Thiền Sư, người đã hoàn tất những tấm tranh đơn giản nhưng mang đầy thiền vị.

HT Chơn Thành tán thán công đức Thiền Viện Sùng Nghiêm đã giúp triển lãm, và Thầy đọc một đoạn cuối trong Bát Nhã Tâm Kinh, rằng hãy vượt qua đi, hãy vượt qua đi... những khổ nạn bờ này, hãy qua bờ bên kia như chủ đề tranh của Khánh Trường. Trả lời riêng Việt Báo, họa sĩ Ann Phong nói rằng chị khâm phục sức sáng tác của Khánh Trường, đặt biệt là những nét diễn tả được Thiền Ý trong tranh.

Nhà văn Trịnh Gia Mỹ nói rằng Khánh Trường qua tranh đã làm thành công những gì Khánh Trường đã viết về đợt tranh này, như lời Khánh Trường là “bút pháp rất chân phương, mộc mạc để chuyển tải những giáo lý cơ bản nhất của Phật giáo với mong ước ai cũng có thể tiếp cận và hiểu dễ dàng.”

MC ngoài chị Bích Ty còn có Nguyễn Phú Hùng. Hiện diện ngoài HT Thích Chơn Thành còn có quý HT Thích

Nguyễn Trí, Thích Minh Tuyên, Thích Minh Thành... quý họa sĩ Hồ Anh, Nguyễn Khai, Nguyễn Đình Thuần, Mạc Chánh Hòa, nhà thơ Hoài Mỹ, LS Nguyễn Hồng Nhuận, các nhà báo Lý kiến Trúc và Lê Diễm Đức, Giám Đốc Đài RFA Nguyễn Văn Khanh, Thị Trưởng Westminster Tạ Đức Trí... và những người yêu tranh.

Họa sĩ Đinh Cường trong một bài viết nhan đề “Khánh Trường, Sức Mạnh Của Im Lặng” đã ghi nhận:

“...Xem qua 30 bức tranh trên internet không bằng đứng trước những tấm toile nhưng sự xúc động đã đến với tôi, tôi bắt gặp ở đó sự chân thật của xúc cảm và sáng tạo, vẫn Khánh Trường với màu xanh trong menh mông, vẫn vàng trắng, núi đồi, vẫn tĩnh vật mấy quả táo, vẫn chiếc khăn phơi, vẫn những kỷ niệm từ một thời niên thiếu bên triền cát trắng, đến thời thanh niên với những lần hành quân qua Khe Sanh miền địa đầu giới tuyến trùng điệp núi rừng, bom đạn... để bây giờ là Bầu Rượu Bể, là Tịch Lặng, là Khổ Hải, là Vô Thường ... để đi đến Hành Trình Giác Ngộ như trong Thập Mục Ngưu Đồ... Khánh Trường đã thông tay vào chợ, chỉ còn một vòng trống không... người trâu đều quên. Và thật sự Khánh Trường, người họa sĩ tài hoa, nhiều nghị lực ấy đã quên chưa Nghiệp Chương.

Mười năm trước người vẽ bị tai biến mạch máu não. Chân bất khiển dụng 90%, phải ngồi xe lăn, hai tay lọng cọng, cầm đũa, viết, vẽ không được. Mắt mờ, nhìn một thành hai. Nói năng ngọng nghịu khó khăn. Một năm sau bị thêm 2 bạo bệnh, ung thư thanh quản và loét bao tử...

Thế mà người vẽ vẫn tiếp tục sáng tác được, dù vô cùng

khó khăn . Song khó khăn này đến từ thể chất, thuần vật lý, hoàn toàn không liên quan đến cảm hứng sáng tạo. Gần 100 tác phẩm đã được khai sinh . Đây là lần triển lãm thứ 3 sau bạo bệnh.

Khánh Trường cũng tự bộc bạch, để thấy rõ hơn sức mạnh của nguồn cảm hứng sáng tạo nơi anh . Tôi thật sự cảm phục bạn ở Sức Mạnh Của Im Lặng và tìm chốn nương tựa cho tâm hồn mình: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát....”(hết trích)

Nhưng, họa sĩ Khánh Trường đã giải thích thế nào về tranh của anh trong đợt này. Anh viết:

Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình. Với cá nhân tôi, Thiền chỉ giản dị thế thôi.

Nên khi vẽ những bức tranh liên quan đến chủ đề Thiền, tôi luôn tự nhủ sẽ tuyệt đối trung thành với ý niệm trên. Vì vậy 30 bức tranh trong lần triển lãm này đều được gọn lọc, hạn chế tối đa từ đường nét, màu sắc đến đề tài; cũng như không để mình bị cuốn vào những lãnh địa mới, lạ mà hầu hết họa sĩ đều mong thử nghiệm, khai phá.

Cũng có nghĩa tôi dùng một bút pháp rất chân phương, mộc mạc để chuyển tải những giáo lý cơ bản nhất của Phật giáo với mong ước ai cũng có thể tiếp cận và hiểu dễ dàng.

Chắc chắn, đợt tranh Thiền này của Khánh Trường sẽ thu hút nhiều quan tâm. Và đặc biệt, với nhiều tấm tranh, bên cạnh sẽ có lời giải thích viết bằng song ngữ Anh-Việt để mời gọi người xem cùng chiêm ngắm thế giới tranh Thiền độc đáo này.

Phan Tấn Hải

HỒ HUẤN CAO

Khánh Trường, “đáo bỉ ngạn” hay,
một trường hợp rũ sạch,
thăng hoa kỳ diệu qua màu sắc?

Giới yêu chuộng hội họa nói riêng, văn học, nghệ thuật nói chung, mấy ngày vừa qua, đã nhận được một tin vui. Tin họa sĩ Khánh Trường sẽ có một cuộc triển lãm cá nhân, theo lời mời của các Ni sư ở Thiền viện Sùng Nghiêm.

Đây là cuộc triển lãm cá nhân thứ hai của Khánh Trường, sau nhiều năm (và nhiều lần,) những tưởng ông không thể thoát khỏi tay thần chết vì, những trận biến mạch máu não, liên tiếp.

Với chủ đề “Đáo Bỉ Ngạn,” tự thân thuật ngữ này, đã hiển lộ một xác định lớn, rất lớn về sự chuyển hóa thân / tâm của họa sĩ. Đó là:

- Sự vượt qua, đến được bờ kia của trí tuệ. Thăng hoa.

Trong một phát biểu ngắn về 30 tác phẩm làm thành cuộc



triển lãm “Đảo Bì Ngạn” tại Thiền viện Sùng Nghiêm tác giả của những bức tranh chan chứa thiền vị này, tiết lộ:

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình. Với cá nhân tôi, Thiền chỉ giản dị thế thôi.

“Nên khi vẽ những bức tranh liên quan đến chủ đề Thiền, tôi luôn tự nhủ sẽ tuyệt đối trung thành với ý niệm trên. Vì vậy 30 bức tranh trong lần triển lãm này đều được gạn lọc, hạn chế tối đa từ đường nét, màu sắc đến đề tài; cũng như không để mình bị cuốn vào những lãnh địa mới, lạ mà hầu hết họa sĩ đều mong thử nghiệm, khai phá.

“Cũng có nghĩa tôi dùng một bút pháp rất chân phương, mộc mạc để chuyển tải những giáo lý cơ bản nhất của Phật giáo với mong ước ai cũng có thể tiếp cận và hiểu dễ dàng.” (Khánh Trường).

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an

bình...” cụm từ phản ảnh tính an nhiên, tự tại, hay sự đã tới được bờ bên kia của Khánh Trường, chúng ta đọc / nghe chỉ trong một chớp mắt...

Nhưng để sống / vẽ / viết được “chỉ trong một chớp mắt” ấy, thực tế, người họa sĩ tài hoa này, đã trải qua nhiều lần lột da. Nhiều lần tưa máu. Nhiều chết đi sống lại.

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình...” là cách nói của họa sĩ - Một con người theo tôi, đặc biệt, hiem hoi, đã đạt tới một định lực tương hòa giữa thân và tâm, trong thực giới bất toàn của thân thể. Tôi muốn nói tới sự giới hạn mọi hoạt động của Khánh Trường trong chiếc xe lăn.

Tôi muốn nhấn mạnh tới cái tâm thái, cái tuệ-lực trong thân tứ đại của Khánh Trường xương thịt, khi ông không thể đứng lên, vẽ những bức tranh lớn.

Hơn một bằng hữu từng kể với tôi rằng, ngồi trong xe lăn, tác giả của 30 bức tranh, làm thành phòng tranh “Đảo Bì Ngạn” đã vẽ bằng cách nhìn phóng chiếu sự vật theo chiều nghịch đảo.

Nói cách khác, dễ hiểu hơn thì, chúng ta sẽ không thể có phòng tranh “Đảo Bì Ngạn” sẽ được khai mạc vào Chủ Nhật, 22 tháng 1 tới đây, nếu Khánh Trường không thể vượt, thoát khỏi giới hạn ba chiều không gian: Trên / dưới, trái / phải, xa / gần.

Mặt khác, vẫn trong cảm nhận của riêng tôi, từ sự vượt, thoát kể trên, Khánh Trường cũng đã xóa bỏ được cái nhìn của những cặp đối đãi nhị nguyên, như: Đúng / sai, được / mất, hợp / tan, thành / bại...Vốn là thuộc tính căn đề của

mỗi chúng ta, giữa thế gian này. Trong đó, hệ trọng nhất là cái tâm phân biệt hình / tướng. Ông trở về nhất nguyên. Trở về cái Một.

Khi đem được tâm trở về nhất nguyên, trở về cái Một, cũng đồng nghĩa với sự kiện Hiền giả / Saga, kẻ thức ngộ đã vượt qua biển đối đãi, để tới được bờ kia.

Với tôi, Khánh Trường, qua hội họa của mình, chính là kẻ thức ngộ ấy.

Bởi thế, qua một phát biểu khác, khi phải giới thiệu bức tranh “Bát Nhã Tâm Kinh (Oil on canvas 45”x 65”) của mình, Khánh Trường viết:

“Ngoài cây Bồ đề, Vô ưu cũng là loại cây rất được tôn quý trong Phật giáo. Cây Vô ưu nở hoa quanh năm, đặc biệt từ tháng 2 đến tháng 5, cũng là mùa Phật đản, màu hoa rất rực rỡ. Hoa Vô ưu màu cam đỏ, hương thơm dịu, nở thành từng chùm. Theo kinh điển, hoàng hậu Mahamaya khi mang thai, năm 564 TCN, đã rời hoàng cung về quê sinh nở như tập tục của quê hương bà thời bấy giờ. Trong lúc ghé vườn Lâm Tỳ Ni bà đã hạ sinh thái tử Tất Đạt Đa, tay vịn cành Vô ưu. Khi trưởng thành, nhìn thấy con người mãi trầm luân trong vòng sinh lão bệnh tử, ngài muốn tìm đường giải thoát cho tất cả, nên quyết định lìa xa vợ con, cung vàng điện ngọc, ra đi tầm chân lý. Trải qua bảy năm với nhiều biến cố, có khi rất nghiệt ngã, cuối cùng ngài chứng ngộ, dưới cội Bồ đề.

Bát nhã ba la mật đa tâm kinh, thường gọi tắt Bát Nhã tâm kinh là kinh ngắn nhất, gồm 260 chữ, của Phật giáo Đại thừa và Thiền tông được hầu hết Phật tử các quốc gia như Việt Nam, Trung Hoa, Triều Tiên, Tây Tạng, Nhật ... đọc,

tụng hàng ngày. Kinh này ra đời khoảng 100 năm TCN. Bản phổ biến nhất tại VN là của sư Trần Huyền Trang (Tam Tạng) dịch ra tiếng Trung Hoa từ Phạn ngữ sau khi đi thỉnh kinh về vào năm 649. Tuy ngắn nhưng Bát nhã tâm kinh lại rất thâm diệu, uyên áo, thấu tóm toàn bộ triết luận Phật giáo. Người ta thường ví bài kinh này như con thuyền - thuyền Bát nhã - đưa người vượt biển khổ đến bờ Giác ngộ.

“Bát nhã tâm kinh hiển thị qua ngôn ngữ màu sắc bằng tư duy hội họa.

Dưới đây là bản dịch sang Việt ngữ của bài kinh để người xem có thể hiểu khái quát nội dung:

“Bát nhã ba la mật đa tâm kinh

“Bồ tát Quán tự tại khi hành Bát nhã ba la mật đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ ách.

“Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Xá Lợi Tử! Tướng không các pháp đây, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt. Cho nên, trong không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới, cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không vô minh hết; cho đến không già chết cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc.

Bởi không sở đắc, Bồ tát nương Bát nhã ba la mật đa, nên tâm không mắc ngại; vì không mắc ngại nên không sợ

hải, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rớt ráo niết bàn. Chư Phật ba đời nương Bát nhã ba la mật đa nên chứng a nậu đa tam miệu tam bồ đề.

“Nên biết Bát nhã ba la mật đa là chú thần lớn, là chú minh lớn, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng, trừ hết mọi khổ ách, chắc thật không dối.

“Nên nói chú Bát nhã ba la mật đa, nên nói chú rằng: Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

“(Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, hoàn toàn vượt qua, tuệ giác thành tựu).”).

“...Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia...”

Hay “rũ sạch, rũ sạch, rũ sạch (đề) thăng hoa...” như KhánhTrưởng - Một trường hợp cực kỳ hãn hữu trong thời loạn kiếp, mặt tâm này!?!

Hồ Huân Cao

ĐÌNH CƯỜNG

Khánh Trường, Sức Mạnh Của Im Lặng

Những ngày giáp Tết, nhận được e-mail Khánh Trường gửi cho biết sẽ bày tranh Thiền, gồm 30 bức, thật không còn gì vui hơn. Đời sống tâm linh đã cứu rồi con người, một con người tưởng như đã chết đi và sống lại, sống lại lẫm liệt để



Qua Bờ . Bờ của an trú tịch nhiên . Khánh Trường lấy tên chung cho lần bày tranh hiếm có này là Đáo Bĩ Ngạn (Crossing to the other shore). Như lời chú trong Bát nhã ba la mật đa tâm kinh:

Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha (Vượt qua, vượt qua, vượt qua bờ bên kia, hoàn toàn vượt qua, tuệ giác thành tựu)



Khánh Trường đã vượt qua như thế nào:

“Nhẹ nhàng, thoải mái, giữ cho tâm thân lúc nào cũng an bình. Với cá nhân tôi, Thiền chỉ giản dị thế thôi .

Nên khi vẽ những bức tranh liên quan đến chủ đề Thiền, tôi luôn tự nhủ sẽ tuyệt đối trung thành với ý niệm trên. Vì vậy 30 bức tranh trong lần triển lãm này đều được gạn lọc,

hạn chế tới đa từ đường nét, màu sắc đến đề tài, cũng như không để mình bị cuốn vào những lãnh địa mới, lạ mà hầu hết họa sĩ đều mong thử nghiệm, khai phá.

Cũng có nghĩa tôi dùng một bút pháp rất chân phương, mộc mạc để chuyển tải những giáo lý cơ bản của Phật Giáo với mong ước ai cũng có thể tiếp cận và hiểu dễ dàng.”

Lời bộc bạch trên của tác giả như dẫn chúng ta đi vào tranh anh, một thế giới khác so với những thập niên trước, một con người năng động, đầy sắc màu trong văn chương nghệ thuật, cũng phải kể đến thời sung mãn khi anh đứng mũi chịu sào làm tờ Hợp Lưu, một tờ nguyệt san đẹp về hình thức lẫn nội dung, cho đến nay Đặng Hiền vẫn tiếp tục, trong tình hình kinh tế khó khăn, hai ba tháng ra một số...

Xem qua 30 bức tranh trên internet không bằng đứng trước những tấm toile nhưng sự xúc động đã đến với tôi, tôi bắt gặp ở đó sự chân thật của xúc cảm và sáng tạo, vẫn Khánh Trường với màu xanh trong menh mông, vẫn vàng trắng, núi đồi, vẫn tĩnh vật mấy quả táo, vẫn chiếc khăn phơi, vẫn những kỷ niệm từ một thời niên thiếu bên triền cát trắng, đến thời thanh niên với những lần hành quân qua Khe Sanh miền địa đầu giới tuyến trùng điệp núi rừng, bom đạn... để bây giờ là Bầu Rượu Bể, là Tịch Lặng, là Khổ Hải, là Vô Thường... để đi đến Hành Trình Giác Ngộ như trong Thập Mục Ngư Đồ... Khánh Trường đã thông tay vào chợ, chỉ còn một vòng trống không... người trâu đều quên. Và thật sự Khánh Trường, người họa sĩ tài hoa, nhiều nghị lực ấy đã quên chưa Nghiệp Chương.

Mười năm trước người vẽ bị tai biến mạch máu não.



Hòa thượng Chơn Thành, MC Bích Ty, KT (ngồi xe lăn), nhạc sĩ Nguyễn Phú Phát

Chân bắt khiển dụng 90%, phải ngồi xe lăn, hai tay lỏng lẻo, cầm đũa, viết, vẽ không được .Mất mờ, nhìn một thành hai. Nói năng ngọng nghịu khó khăn. Một năm sau bị thêm 2 bạo bệnh, ung thư thanh quản và loét bao tử...

Thế mà người vẽ vẫn tiếp tục sáng tác được, dù vô cùng khó khăn. Song khó khăn này đến từ thể chất, thuần vật lý, hoàn toàn không liên quan đến cảm hứng sáng tạo. Gần 100 Tác phẩm đã được khai sinh. Đây là lần triển lãm thứ 3 sau bạo bệnh.

Khánh Trường cũng tự bộc bạch, để thấy rõ hơn sức mạnh của nguồn cảm hứng sáng tạo nơi anh. Tôi thật sự cảm phục bạn ở Sức Mạnh Của Im Lặng và tìm chốn nương tựa cho tâm hồn mình: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Như Nietz-

sche với hình ảnh Zarathustra đã gọi lên lộ trình sâu rộng của một bậc Đại Bồ Tát giữa lòng đen tối của thế gian. Khánh Trường là hình ảnh của Zarathustra “Trong tất cả những tác phẩm, ta chỉ yêu những tác phẩm nào được tác giả viết bằng máu của chính mình. Người hãy viết bằng máu rồi người sẽ biết được rằng máu chính là tinh thần.” Zarathustra đã nói như thế, Khánh Trường đã vẽ như thế.

Đinh Cường

Virginia, 8 Jan, 2012

CÔI TỊNH (Pureland) 2015

Tại: Trung tâm Văn hoá chùa BẢO QUANG
Santa Ana, California USA

Trong tiếng Anh có từ PURELAND, tạm hiểu qua ngôn ngữ Việt: đất tinh khiết. Đó là chốn tinh sạch, bình yên, không đua chen, không tranh dành, không thù hận, không tội lỗi... Có thể ví nơi này gần giống THIÊN ĐƯỜNG (Paradise), hiểu theo nghĩa Thiên Chúa giáo... Chữ này Phật giáo dịch là CÔI TỊNH ĐỘ. Phật tử Đại Thừa tin rằng nếu hàng ngày tụng lay danh hiệu Phật A Di Đà, đồng thời nghiêm cẩn thực thi những giáo điều của Phật giáo (và cũng của mọi tôn giáo khác - không trộm cắp, không tham lam, không sát sinh, không tà dâm, không rượu chè, không bài bạc...) thì khi lìa trần sẽ được vãng sanh vào CÔI TỊNH ĐỘ.



khánh
trường
art exhibit

CỖI TỊNH (PURE LAND)

TRUNG TÂM VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO
chùa BẢO QUANG
713N New Hop. St.
Santa Ana, CA 92703. USA

Đại lễ Phật Đản
Phật lịch 2559
(31 tháng 5/2015)

Tôi không phải tín đồ Thiên Chúa giáo hay Phật tử, nhưng thấy chữ PURELAND thật hay, nhất là hơn ba lần chân trong chân ngoài trước cửa tử trong suốt 13 năm bệnh tật, ngồi xe lăn. CÔI TỊNH! Đó là vùng ước mơ, là nơi chốn của những cá thể muốn hướng thiện, muốn xa lìa, buông bỏ mọi triền phược, như bản đời thường. Chữ PURELAND ám ảnh tôi nhiều tháng, nhiều năm. Cho đến một hôm tôi chợt tự hỏi:

- Vẽ được chăng ý niệm này?

Vẽ được, cũng có nghĩa nhích lại gần hơn, dù chỉ một vài thước, trên con đường thăm thẳm vạn dặm dẫn về CÔI TỊNH. Một vài thước, tất nhiên sẽ chẳng là gì cả. Nhưng đó là ý hướng tốt lành. Với tuổi đời hiện tại, và bệnh tật mỗi ngày thêm trầm trọng, tôi hiểu rất rõ, sẽ không còn xa nữa điểm đến chung cuộc, cho nên tôi luôn nhủ lòng, nếu nuôi trồng được những ý hướng tốt lành ngày nào còn thở, thì một cách nào đó, đã tìm được cho bản thân một nơi cư trú an bình, một CÔI TỊNH ĐỘ, ngay trong hiện kiếp.

Tôi bắt đầu thực hiện loạt tranh mang chủ đề CÔI TỊNH. Đồng thời tôi cũng chợt nhận ra, vẽ về chủ đề này không khó như tôi tưởng. Bởi chung, mọi sự vật, mọi ý tưởng trong cuộc đời này, trong tâm hồn ta, đều do chính ta phóng chiếu, soi rọi, tạo tác. Đục, trong, sạch, bản đều do chính ta chọn lựa cách nhìn ngắm, tư duy, hành động. Mọi chuyện trên thế gian luôn có hai mặt. Phải và trái, đen và trắng, tốt và xấu, tích cực và tiêu cực. Hãy vẽ bất cứ cái gì, điều gì, ý tưởng nào, cho dù dung tục, tầm thường đến đâu, vẫn sẽ dẫn về CÔI TỊNH, nếu ta tuân thủ một điều kiện, và chỉ một điều

kiện duy nhất, đó là hãy nhìn và vẽ những mặt tích cực, sáng trong, tinh khiết. Hãy xa lìa mọi hôn ám trong đề tài, trong cách xử lý màu sắc, đường nét.

Chỉ giản dị thế thôi.

Cách nào đó, tôi đã tạo được thuận duyên, để dễ dàng hơn cho những bước chân đầu tiên trên con đường dẫn về CỘI TÌNH.

Khánh Trường

NGUYỄN GIÁC

Họa Sĩ Khánh Trường 2015:

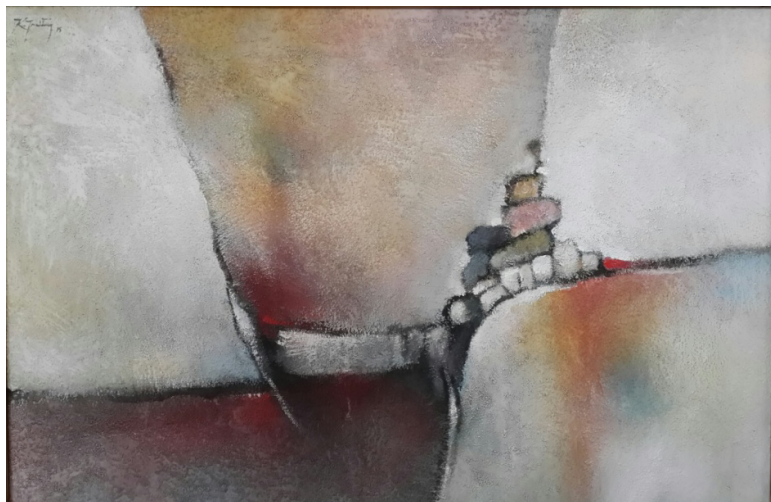
Nét Vẽ Đất Tinh Khiết

Họa sĩ Khánh Trường vẫn ngồi xe lăn hàng ngày, nhưng đam mê của anh vượt trên tất cả những hạn chế của sức khỏe: anh đang ra sức để vẽ trung bình mỗi ngày một tấm tranh để sẽ triển lãm vào dịp Tết nguyên đán.

Họa sĩ Khánh Trường hôm cuối tuần nói rằng anh đã vẽ xong 20 tấm tranh sơn dầu trên bố, chủ đề đợt tranh này là “Đất Tinh Khiết.”

Họa sĩ Khánh Trường nói rằng anh sẽ vẽ cho đủ 40 tấm tranh, dự kiến sẽ triển lãm chung với hai họa sĩ Hồ Anh và Đông Duy.

Sức khỏe Khánh Trường hiện nay mỗi ngày đều phải lọc máu, mỗi tháng ra bác sĩ tái khám, và một góc nhà đã biến



thành một y viện nhỏ.

Họa sĩ Khánh Trường nói, mọi sự rồi cũng là do tâm mình, tinh khiết cõi này cũng là do tâm, chớ còn thân thể tất nhiên ai cũng bệnh, không bệnh nặng thì cũng bệnh nhẹ.

Họa sĩ nói, chủ đề “Đất Tịnh Khiết” có nghĩa là đất tâm tinh khiết.

Đợt tranh mới của Khánh Trường hầu hết là trừu tượng, một số tranh là hoa và quả táo, nghĩa là hình ảnh đời sống cụ thể - những gì nuôi lớn con người.

Các tranh trừu tượng có thể chia thành hai khuynh hướng theo hai gam màu: một lô gam sáng, chủ yếu là các màu xanh, và một lô màu vàng vàng nâu.

Nhưng tất cả đều là những ước mơ cho cõi “đất tinh khiết,” hay là cõi tịnh, hay là tịnh độ... tùy cách gọi.

Các tranh khuynh hướng màu xanh cho cảm giác về khoảng chân trời, nơi mây xanh và trời trong. Các tranh

ngiên về màu nâu và vàng của Khánh Trường cho cảm giác về những hình khối của cội người, nơi lúa và cây trái nuôi dưỡng loài người.

Nét vẽ của Khánh Trường vẫn đầy lôi cuốn, mang nét quyến rũ riêng biệt, độc đáo - như một dấu ấn riêng, một bút pháp dễ nhận ra.

Nhà thơ Du Tử Lê năm 2012 đã từng nhận định về tranh Khánh Trường trong đợt tranh Thiền lúc đó, qua bài “Khánh Trường, Những Hò Hẹn Bất Ngờ Với Định Mệnh” - trích:



“...Khánh Trường cũng đã xóa bỏ được cái nhìn của những cặp đôi đãi nhì nguyên, như: Đúng/sai; còn/mất; đi/về; hợp/tan; thành/bại...Vốn là thuộc tính căn để của mỗi chúng ta, giữa thế gian này. Trong đó, hệ trọng nhất là cái

tâm phân biệt hình/tướng. Khánh Trường cho thấy nỗ lực trở về nhất nguyên. Trở về cái Một.

Khi đem được tâm trở về nhất nguyên, trở về cái Một, cũng đồng nghĩa với sự kiện Hiền giả/Saga, kẻ thức ngộ đã vượt qua biển đối đãi, để tới được bờ kia.

Với tôi, Khánh Trường, qua hội họa của mình. Bạn tôi là kẻ thức ngộ ấy.”

Nhà phê bình nghệ thuật Đặng Phú Phong qua bài viết “Họa Sĩ Và Tác Phẩm: Khánh Trường Và Phục Sinh...” đã ghi nhận về cuộc triển lãm năm 2006:

“... Sau ba lần tai biến mạch máu não, với đôi tay lỏng công, vụng về và với đôi mắt nhìn không biết phân biệt đâu là ảnh ảo đâu là vật thực, họa sĩ Khánh Trường đã và đang vẽ như thế, như lời anh tự bạch. Nói một cách khác Khánh Trường đang làm thơ bằng những vệt màu biết nói, biết rung động. Không phải họa sĩ cũng chính là thi sĩ đấy sao.

...Loạt tranh Phục Sinh là một thí dụ thật hùng hồn cho sự quyết chí vượt qua những khó khăn về thể lực, trầm uất trong bệnh hoạn. Khánh Trường đã giải quyết vấn đề như một thiền sư giải quyết một công án, anh đã “ngộ”, đã thoát ra khỏi những cái bóng Không Lỗi, nhìn thấy cái đẹp của hội họa theo cách riêng của mình. Khánh Trường nói rằng “Tôi chọn lĩnh vực trừu tượng”, nhưng theo tôi lĩnh vực trừu tượng đã chọn anh. Bởi chính trong mớ tư duy bồng bềnh của một họa sĩ giữa lằn ranh sinh tử, màu sắc đã như những mảng tơ trời, đường nét trở thành phiêu diêu thì điều kiện hóa vấn đề nghệ thuật chỉ là chuyện bất bóng, hư không...”

Trong khi đó, nhạc sĩ Trần Cung Sơn kể về cuộc triển



lăm “Phục Sinh” của Khánh Trường ở San Jose năm 2006, lúc đó một họa sĩ khác nhận định về nét vẽ Khánh Trường:

“Họa sĩ Đào Hải Triều, chủ nhân của Paradise Art & Garden trong phần khai mạc đã phát biểu rằng những bức tranh của Khánh Trường ngoài nét mới nghệ thuật còn mang một ý nghĩa của một sự phấn đấu vươn lên, vượt qua những đau khổ. Những khoảng không gian mê mông trong các bức họa cho cảm giác nhẹ nhàng.”

Cũng nên nhắc về cuộc triển lãm của Khánh Trường ở Thiền Viện Sùng Nghiêm cuối tháng 1-2012, chủ đề đợt tranh này là Đáo Bĩ Ngạn (Crossing to the other shore), trong buổi khai mạc, Hòa Thượng Thích Chơn Thành trong lời phát biểu đã gọi những quan khách xem tranh là Bồ Tát, và gọi họa sĩ Khánh Trường là Thiền Sư, người đã hoàn tất những tám tranh đơn giản nhưng mang đầy thiền vị.

Thời gian này, họa sĩ Đinh Cường trong bài viết nhan đề “Khánh Trường, Sức Mạnh Của Im Lặng” đã ghi nhận:

“...Xem qua 30 bức tranh trên internet không bằng đứng trước những tấmtoile nhưng sự xúc động đã đến với tôi, tôi bắt gặp ở đó sự chân thật của xúc cảm và sáng tạo, vẫn Khánh Trường với màu xanh trong menh mông, vẫn vàng trắng, núi đồi, vẫn tĩnh vật mấy quả táo, vẫn chiếc khăn phơi, vẫn những kỷ niệm từ một thời niên thiếu bên triền cát trắng, đến thời thanh niên với những lần hành quân qua Khe Sanh miền địa đầu giới tuyến trùng điệp núi rừng, bom đạn... để bây giờ là Bầu Rượu Bể, là Tịch Lặng, là Khổ Hải, là Vô Thường... để đi đến Hành Trình Giác Ngộ như trong Thập Mục Ngưu Đồ... Khánh Trường đã thông tay vào chợ, chỉ còn một vòng trống không... người trâu đều quên. Và thật sự Khánh Trường, người họa sĩ tài hoa, nhiều nghị lực ấy đã quên chưa Nghiệp Chương.

Mười năm trước người vẽ bị tai biến mạch máu não. Chân bắt khiển dụng 90%, phải ngồi xe lăn, hai tay lóng cọng, cầm đũa, viết, vẽ không được. Mắt mờ, nhìn một thành hai. Nói năng ngọng nghịu khó khăn. Một năm sau bị thêm 2 bạo bệnh, ung thư thanh quản và loét bao tử...

Thế mà người vẽ vẫn tiếp tục sáng tác được, dù vô cùng khó khăn. Song khó khăn này đến từ thể chất, thuần vật lý, hoàn toàn không liên quan đến cảm hứng sáng tạo. Gần 100 tác phẩm đã được khai sinh. Đây là lần triển lãm thứ 3 sau bạo bệnh.

Khánh Trường cũng tự bộc bạch, để thấy rõ hơn sức mạnh của nguồn cảm hứng sáng tạo nơi anh. Tôi thật sự cảm

phục bạn ở Sức Mạnh Của Im Lặng và tìm chốn nương tựa cho tâm hồn mình: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát....”(hết trích)

Và năm nay, năm 2015, vào những ngày cận Tết Nguyên Đán, họa sĩ Khánh Trường lại ra sức lần nữa, ngồi trên xe lăn miệt mài với từng ống màu, từng nét cọ... Anh đang thiền định theo kiểu rất riêng, với chủ đề tranh 2015 là “Đất Tinh Khiết” - một cõi tâm rất trong lành.

Hiện thời họa sĩ Khánh Trường đang chuẩn bị triển lãm đợt tranh này. Nhưng đó là chuyện trần gian. Chuyện của anh là khác, rất khác: khi anh nhìn vào tấm vải bố và bắt đầu vẽ, một thế giới tâm thức trong lành hiện ra, nơi đó đã hoàn toàn xa lìa tất cả mọi đau khổ của trần gian

Nguyễn Giác